

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập: Thích Nhật Từ

Phó chủ nhiệm: Thích Quảng Tâm

*Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay* do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng đọc giả.

*Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay* đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể loại này. Tủ Sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

*Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:*

### NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: 0958-430-222; (08) 3839-4121; (08) 3833-5914

[www.daophatngaynay.com](http://www.daophatngaynay.com)

[www.tusachphathoc.com](http://www.tusachphathoc.com)

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Tạo luận: **BỒ TÁT LONG THỌ**

Hán dịch: **TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP**

Việt dịch: **THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG**

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

*Hiệu đính:*

**Hòa thượng Pháp sư Thích Thiện Trí  
Cư sĩ Tâm Viên Lê Văn Lâm**

**(Tập 5)**

*(Từ quyển 81 đến quyển 100)*

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI



# MỤC LỤC

Lời tựa .....	ix
Lời nói đầu .....	xiii
<b>Quyển 81</b> .....	1
Phẩm Thứ Sáu Mười Tám (tiếp theo) .....	3
<i>Lục Độ Tương Nhiếp</i> (tiếp theo) .....	3
<b>Quyển 82</b> .....	33
Phẩm Thứ Sáu Mười Chín .....	35
<i>Đại phương tiện</i> .....	35
<b>Quyển 83</b> .....	67
Phẩm Thứ Sáu Mười Chín (tiếp theo) .....	69
<i>Đại Phương Tiện</i> (tiếp theo) .....	69
Phẩm Thứ Bảy Mười .....	79
<i>Tam Huệ</i> .....	79
<b>Quyển 84</b> .....	99
Phẩm Thứ Bảy Mười .....	101
<i>Tam Huệ</i> (tiếp theo) .....	101
<b>Quyển 85</b> .....	137
Phẩm Thứ Bảy Mười Một .....	139
<i>Đạo Thọ</i> .....	139
Phẩm Thứ Bảy Mười Hai .....	154
<i>Bồ Tát Hạnh</i> .....	154
Phẩm Thứ Bảy Mười Ba .....	167
<i>Chủng Thiện Căn</i> .....	167

<b>Quyển 86</b> .....	173
Phẩm Thứ Bảy Mươi Bốn .....	175
<i>Biến Học</i> .....	175
Phẩm Thứ Bảy Mươi Lăm .....	195
<i>Tam Thứ Đệ Học</i> .....	195
<b>Quyển 87</b> .....	201
Phẩm Thứ Bảy Mươi Lăm (tiếp theo).....	203
<i>Tam Thứ Đệ Học</i> (tiếp theo).....	203
Phẩm Thứ Bảy Mươi Sáu .....	220
<i>Nhất Tâm Cụ Vạn Hạnh</i> .....	220
<b>Quyển 88</b> .....	241
Phẩm Thứ Bảy Mươi Bảy .....	243
<i>Lục Dự</i> .....	243
Phẩm Thứ Bảy Mươi Tám .....	255
<i>Tứ Nhiếp Pháp</i> .....	255
<b>Quyển 89</b> .....	287
Phẩm Thứ Bảy Mươi Tám (tiếp theo).....	289
<i>Tứ Nhiếp Pháp</i> (tiếp theo).....	289
Phẩm Thứ Bảy Mươi Chín.....	306
<i>Thiền Đạt</i> .....	306
<b>Quyển 90</b> .....	327
Phẩm Thứ Tám Mươi.....	329
<i>Thật Tế</i> .....	329
<b>Quyển 91</b> .....	359
Phẩm Thứ Tám Mươi Một.....	361
<i>Cụ Túc</i> .....	361
<b>Quyển 92</b> .....	385
Phẩm Thứ Tám Mươi Hai .....	387
<i>Tịnh Phật Quốc Độ</i> .....	387

<b>Quyển 93</b> .....	407
Phẩm Thứ Tám Mười Hai (tiếp theo) .....	409
<i>Tịnh Phật Quốc Độ</i> (tiếp theo).....	409
Phẩm Thứ Tám Mười Ba .....	425
<i>Tất Định</i> .....	425
<b>Quyển 94</b> .....	437
Phẩm Thứ Tám Mười Ba (tiếp theo).....	439
<i>Tất Định</i> (tiếp theo).....	439
Phẩm Thứ Tám Mười Bốn .....	455
<i>Tứ Đế</i> .....	455
<b>Quyển 95</b> .....	473
Phẩm Thứ Tám Mười Lăm .....	475
<i>Thất Dụ</i> .....	475
Phẩm Thứ Tám Mười Sáu.....	488
<i>Bình Đăng</i> .....	488
<b>Quyển 96</b> .....	513
Phẩm Thứ Tám Mười Bảy .....	515
<i>Như Hóa</i> .....	515
Phẩm Thứ Tám Mười Tám .....	530
<i>Tát Đà Ba Luân</i> .....	530
<b>Quyển 97</b> .....	545
Phẩm Thứ Tám Mười Tám (tiếp theo).....	547
<i>Tát Đà Ba Luân</i> (tiếp theo).....	547
<b>Quyển 98</b> .....	567
Phẩm Thứ Tám Mười Tám (tiếp theo).....	569
<i>Tát Đà Ba Luân</i> (tiếp theo).....	569
<b>Quyển 99</b> .....	601
Phẩm Thứ Tám Mười Chín.....	603
<i>Đàm Vô Kiệt</i> .....	603

<b>Quyển 100</b> .....	633
<b>Phẩm Thứ Tám Mười Chín (tiếp theo)</b> .....	635
<i>Đàm Vô Kiệt</i> (tiếp theo) .....	635
<b>Phẩm Thứ Chín Mười</b> .....	654
<i>Chúc Luy</i> .....	654





## LỜI TỰA

---

**M**uôn sự muôn vật đều do sanh sanh mà được hình thành. Thế nhưng cội gốc của sanh sanh lại là vô sanh. Từ vô thi đến nay và mãi mãi về sau, tánh vô sanh ấy vẫn thường bất động. Do duyên khởi biến hóa mà giả danh có các sự các vật. Thật ra, tất cả các sự các vật đều là hư vọng, là không thật có, là vô tự tánh. Phàm phu do chìm đắm trong mê muội, mà khởi vọng chấp cho rằng các sự vật là thật có.

Trong kinh *A Hàm*, Phật dạy rằng: “Các sự thấy nghe hay biết của chúng sanh đều do nhiễm trước nơi cảnh sở duyên mà có”. Chúng sanh do bị Vô minh ngăn che tâm trí, nên khởi sanh các tà kiến chấp, vì vậy mà bị các pháp sai sử.

Chỉ có trí huệ Bát Nhã mới làm tan biến được màn vô minh u ám, mới hiển bày được Thật Tướng của các pháp. Dùng trí huệ Bát Nhã soi chiếu đến tận gốc sẽ liễu ngộ được lý siêu việt chân thường, dẫn đến chỗ tuyệt tư cảnh giới. Trái lại, nếu dùng danh tự ngôn ngữ mà diễn đạt thì sẽ trái với chỗ thâm thâm vi diệu; còn nếu dùng lý trí mà tư duy thì sẽ mất đi chỗ y chỉ.

Ở nơi tam tạng Pháp bảo, hàng Thanh Văn cũng không liễu tri đến chỗ thâm diệu; còn người tạp học thì phải chịu

## X • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

thức thủ chẳng sao bước vào được cửa Không, chỉ ví như cá muốn hóa rồng, phí công mà chẳng sao được như nguyện, đành phơi mang trước cửa Long cung.

Thật may mắn thay! Vào cuối đời chánh pháp có ngài Mã Minh, và vào đời tượng pháp có ngài Long Thọ ra đời hoàng dương chánh pháp, chấn chỉnh di phong của Phật, làm sáng tỏ nghĩa kinh, quét sạch đám mây mù đen tối.

Ngài Long Thọ thương xót chúng sanh ở thời tượng pháp và mạt pháp, chẳng có thiện duyên thấu rõ đạo mầu, nên đã thị hiện thân phàm phu, nhằm khai ngộ và dẫn dắt chúng sanh dần dần vào Chánh đạo. Ngài không ngại khó khăn tìm đến tận chốn Long cung suu tầm huyền chi thậm thâm của đức Thế Tôn. Do có trí huệ thuần thực, nên ngài thấu suốt cùng tột đến chỗ bí ẩn u huyền của những lời thâm diệu. Ngài làm ra bộ Thích luận này để khai ngộ vào Đại thừa Phật pháp, làm quy củ dẫn thẳng vào Thật Tướng các pháp. Nhờ vậy mà các tà hoặc, các vọng kiến đều bị quét sạch.

Ở đầu bộ luận, ngài thành lập các câu hỏi khác nhau, rồi dùng lời lẽ mỹ diệu giải thích rõ ràng. Sau cùng dẫn đến chỗ vô chấp, là chỗ thâm diệu, tận thiện, tận mỹ.

Nếu lời kinh quá súc tích, khó giải, khó hiểu, thì phân luận giải của ngài với lời lẽ khúc chiết, với lối trình bày rõ ràng cặn kẽ, khiến cho người tu học thấu triệt được lý nghĩa thâm sâu vi diệu chứa đựng trong lời dạy của đức Bổn sư, chẳng ai có thể vắn nạn được nữa.

Những câu hỏi nêu lên, những thí dụ đa dạng và phong phú đã khiến người tu học, muôn đời về sau ngộ được ý chỉ của ngài.

Bộ Thích luận này được ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch ra Hán văn.

Ngài La Thập thông minh xuất chúng, trí huệ tuyệt vời. Ngay từ nhỏ, ngài đã thông suốt kinh điển, thuyết pháp vô ngại. Ngài đọc trường tập này xong, hết lòng tán thán rằng: “Nếu sau này có được những tài năng lỗi lạc, có những luận biện ngôn từ mỹ diệu thì đó chính là nhờ nơi bộ luận này cả. Phải lấy bộ luận này làm gương mẫu, phải bằng vào những lý luận cao siêu ở nơi bộ luận này, mới mong thấy rõ được tâm tôn của đức Thế Tôn.”

Đến đời nhà Tần, niên hiệu Hoảng Thi thứ ba, tháng 12 ngày 20, bộ luận này mới được đem đến đất Trường An.

Mặc dù vua nhà Tần đã hu cấm từ lâu, nhưng ngài La Thập nhờ ngày trước đã được xem tâm tôn của Phật, nên trọn ngày nghiên cứu, không hề mệt mỏi, các lời đối đáp trong toàn bộ luận này. Ngài tự nghĩ rằng: “Lời lẽ trong bộ luận quá thậm thâm, quá vi diệu. Hận mình tâm chẳng thấy rõ được ý chỉ của đấng Luận chủ. Lại tiếc cho Pháp mẫu mệnh mỏng chưa được trải khắp nơi, ta nguyện quên đi ngu huệ của mình để mạnh dạn làm nghĩa hiệp của Sa môn”. Nghĩ như vậy rồi, ngài mời các bậc công khanh, sĩ khí, khoảng 500 người, nhóm họp ở Vị Tân, cấm túc tại Tiêu Diêu Viên đường ở đất Lâm Giang, cùng xem huyền chương, khảo chính, xét trong bộ luận gốc chữ Phạn có 10 vạn bài kệ, mỗi bài có 32 chữ, cộng thành 320 vạn lời. Nhờ vậy mà Ngài rõ được ý chỉ của bộ luận, thấy chỗ quy về đường thẳng, chẳng còn chướng ngại, vướng mắc gì nữa cả.

Bên Thiên Trúc có chép rằng: “Rất sau thời Chánh pháp có ngài Mã Minh, đầu thời Tượng Pháp có ngài Long Thọ, là những vị luận chủ tuyệt luân trong môn Đạo học. Hai ngài phá sạch hết các tà kiến, hu ngôn, thẳng đường vào thật giáo, chẳng còn bị các tà luận làm trở ngại nữa. Bởi vậy nên ở bên

## xii • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Thiên Trúc cũng như ở nhiều nước khác, đã lập miếu tôn thờ hai ngài, lại cho rằng: “Mặt trời trí huệ của Phật đã được hai ngài làm thêm rực rỡ, phá tan hết màn tối tăm u ám, khiến người tu học ngộ được chân thật lý.

Sự đóng góp vào Pháp bảo tạng của hai ngài là công quả của hàng Thập Địa Bồ tát. Hai ngài thật xứng đáng là những vị Bồ tát Bồ xứ vậy.

Bộ luận này được truyền tụng đến Trung Quốc thật quá là điều may mắn. Ngài Pháp sư Cưu Ma La Thập thấy rõ lời văn chữ Phạn quá uẩn khúc, mà người Tần lại thích lối văn giản dị, nếu dịch cho đầy đủ thì phải đến cả 1.000 quyển, nên ngài chỉ lược dịch cô đọng vào 100 quyển mà thôi. Tuy chỉ lược dịch có phần ít, mà đã hiện bày được chỗ thâm thâm vi diệu cao siêu của diệu lý chân thừa.

Nếu dùng bút mà tranh luận, thì trọn đời chẳng sao hết được. Ước mong các bậc cao minh liễu đạt được huyền chỉ trong bản văn lược dịch này.

*Trích bài tựa*

Do ngài Trường An Thích Tăng Duệ

*Phụng soạn*



## LỜI NÓI ĐẦU

---

**B**ộ *Luận Đại Trí Độ* do ngài Bồ tát Long Thọ tạo tác, nhằm tuyên bày giáo nghĩa thâm thâm vi diệu của Pháp Đại thừa Bát nhã Ba la mật.

Bộ *Luận Đại Trí Độ* này được ngài Tam Tạng Pháp sư Cru Ma La Thập phiên dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán. Trong thời gian phiên dịch, ngài đã nhóm họp 500 vị thiện hữu tri thức, cấm túc tại Tiêu Diêu Viên Đường, ở Lâm Giang nghiên cứu huyền chương, khảo chánh và lược dịch từ 1.000 quyển, cô đọng lại thành 100 quyển.

Tôi nhận thấy công tác phiên dịch các tạng Pali, Sanskrit, Hán v.v... ra Việt văn, đã được nhiều bậc tôn túc cao minh thực hiện. Thế nhưng cho đến nay bộ *Luận Đại Trí Độ* này chưa được phiên dịch ra Việt văn.

Bởi nhân duyên ấy, cho nên dù tuổi già sức yếu, tôi cũng xin nguyện đóng góp vào công tác phiên dịch, và mạnh dạn dịch bộ luận này từ Hán văn ra Việt văn, nhằm đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và học hỏi của hàng Tăng Ni và Phật tử.

Bát nhã Ba la mật nghĩa quá thâm thâm vi diệu, chẳng có thể dùng văn tự ngôn ngữ mà diễn đạt được. Do vậy nên công tác phiên dịch vô cùng khó khăn, chẳng sao tránh khỏi

## xiv • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

những điều sai sót. Kính mong các bậc Tôn Túc cao minh hoan hỷ chỉ giáo cho.

Vì muốn cho lời văn trong bản dịch được phù hợp với lời hành văn hiện đại, nên tôi đã nhờ Thượng tọa Thích Thiện Trí và cư sĩ Tâm Viên Lê Văn Lâm giúp tôi trong việc nhuận bút và biên tập.

Sau gần trọn 5 năm làm việc liên tục, bộ *Luận Đại Trí Độ* này mới được hoàn tất.

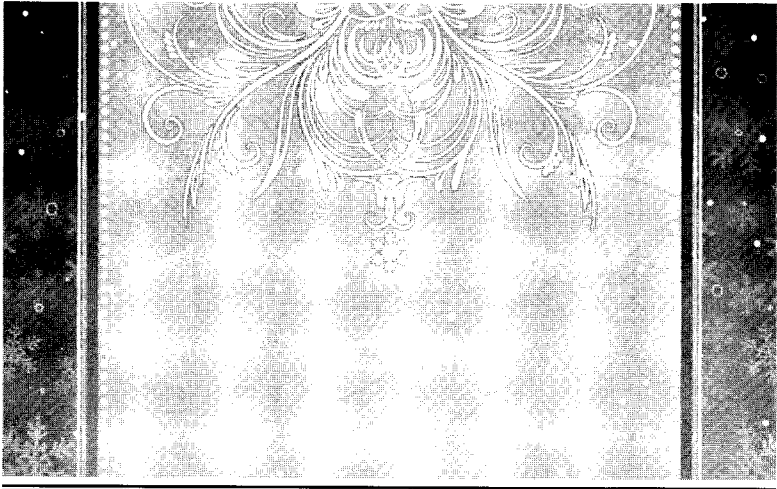
Bằng tinh tín tâm lực, tôi xin nguyện đem công đức phiên dịch này hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật Đạo.

Nam mô Viên Mãn Tạng Bồ tát Ma ha tát

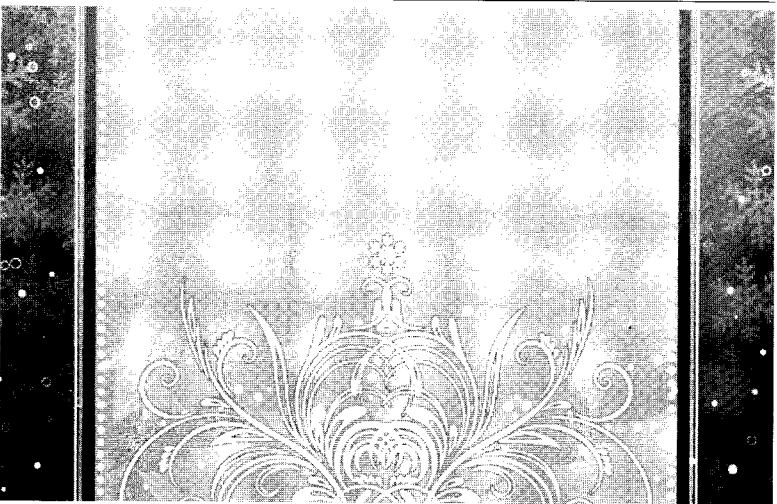
*Mùa an cư Đỉnh Mão (PL. 2531)*

Tỷ kheo ni THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG

*Chùa Hồng Ân - Huế*



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 81**







## **Phẩm Thứ Sáu Mười Tám** **(TIẾP THEO)**



### **Lục Độ Tương Nhiếp (tiếp theo)**

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa đó nếu có chúng sanh nào sân giận đến mắng nhiếc, hoặc chặt đứt tay chân, liền tự nghĩ rằng: “Ta phải bố thí tất cả cho chúng sanh; nếu chúng sanh cần ăn thì cho họ ăn, cần uống thì cho họ uống... dẫn đến cần bất cứ gì thì đều cho họ đầy đủ; rồi đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề”. Khi hồi hướng, Bồ tát chẳng sanh 2 tâm: Ai hồi hướng và hồi hướng về đâu.**

**Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa đó trọn chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng tham các quả vị Thanh Văn và Bích Chi Phật; rồi đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Khi**

#### 4 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

hồi hướng, Bồ tát chẳng sanh 3 tâm: Ai hồi hướng, dùng pháp gì để hồi hướng, và hồi hướng về đâu.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp Thi Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật phát sanh tinh tấn, tự nghĩ rằng: “Nếu chỉ để khuyên dạy một người thọ trì 5 giới mà phải đi một do tuần... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, phải qua một thế giới... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, ta vẫn phải tinh tấn, huống nữa là để dạy cho họ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả A-la-hán, được quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề”; rồi phải đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.”

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền... dẫn đến xả niệm thanh tịnh, nhập đệ tứ thiền. Trong các thiền, nếu có bao nhiêu tâm và tâm sở thanh tịnh, Bồ tát đều đem hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Khi hồi hướng, Bồ tát ở nơi các thiền đều bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp Thiên Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, quán các pháp là ly tướng, là tịch diệt tướng, là vô tận tướng, mà chẳng chứng tịch diệt tướng đó; dẫn đến tọa đạo tràng, được nhất thiết chủng trí; rồi rời đạo tràng để chuyển pháp luân. Như vậy, gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn

đề Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật, vì là chẳng thủ, chẳng xả vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, thân tâm tinh tấn, chẳng hề giải đãi, tự nghĩ rằng: Ta quyết phải được Vô Thượng Bồ Đề, chớ nên giải đãi. Vì lợi ích chúng sanh ta phải đi 1 do tuần... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, phải qua 1 thế giới... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức thế giới để giáo hóa họ. Dù ta chẳng dạy được một người vào được Phật đạo, hay vào được Bích Chi Phật đạo, Thanh Văn đạo... dẫn đến chẳng dạy được một người tu 10 thiện đạo, thì ta vẫn chẳng giải đãi trong việc hành pháp thí và tài thí, khiến họ được đầy đủ; rồi phải đem công đức ấy, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng hồi hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa”.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, tự mình chẳng sát sanh, dạy người chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, và hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh; tự mình xa lìa tà kiến, dạy người xa lìa tà kiến, tán thán pháp chẳng tà kiến và hoan hỷ tán thán người chẳng tà kiến. Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật như vậy, chẳng cầu phước báo ở cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc; chẳng cầu Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo; rồi đem công đức ấy, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô

**Thượng Bồ Đề.** Khi hồi hướng, Bồ tát chẳng sanh 3 tâm: Ai hồi hướng, dùng pháp gì để hồi hướng, và hồi hướng về đâu. Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Thi la Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa ấy nếu có chúng sanh nào đến chặt chân tay, liền tự nghĩ rằng: “Ai chém ta, ai chặt ta, ai cướp đoạt thân mạng ta?”; rồi lại tự nghĩ rằng: “Ta có được đại lợi ích. Vì chúng sanh mà ta đã thọ thân này; hôm nay chúng sanh tự đến để lấy lại thân ta”.

Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát chánh ức niệm thật tướng pháp, rồi đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Săn đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiên... dẫn đến nhập đệ tứ thiên, nhập 4 vô sắc định; dùng 4 vô lượng tâm là “từ, bi, hỷ, xả” để làm lợi ích cho chúng sanh; dùng 6 pháp Ba-la-mật để thành tựu chúng sanh; đi từ 1 Phật độ này đến 1 Phật độ khác để thân cận, cúng dường chư Phật, và gieo trồng thiện căn.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Thiên Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp Đản Ba-la-mật, chẳng thấy có tướng Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có pháp Thiên Ba-la-mật, chẳng thấy có tướng Thiên Ba-la-mật; chẳng thấy

có pháp 4 niệm xứ, chẳng thấy có pháp Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy có tướng 4 niệm xứ, chẳng thấy có tướng Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát thấy hết thấy pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), chẳng phải chẳng pháp (phi phi pháp). Ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều chẳng chấp trước, do chỗ làm của Bồ tát đúng như chỗ nói vậy. Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiên... dẫn đến nhập đệ tứ thiên, nhập 4 vô sắc định; dùng 4 vô lượng tâm là “từ, bi, hỷ, xả”, trú trong Thiên Ba-la-mật khiến tâm chẳng bị loạn động, mà hành pháp thí và tài thí để làm lợi ích chúng sanh. Bồ tát tự mình hành 2 pháp bố thí đó, dạy người hành 2 pháp bố thí đó, tán thán 2 pháp bố thí đó và hoan hỷ tán thán người hành 2 pháp bố thí đó, rồi đem hết thấy công đức ấy, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu Thanh Văn và Bích Chi Phật Đạo. Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật, trọn chẳng sanh tâm dâm dục, sân nhuế, ngu si, chẳng làm phiền nhiễu người, chỉ hành tâm từ giới tương ưng với Nhất thiết chủng trí; rồi đem hết thấy công đức, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiên Ba-la-mật mà nhiếp Thi la Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thiên Ba-la-mật, quán sắc như đồng bọt, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như sóng nắng (diệm), quán hành như lột bẹ chuối, quán thức như huyền.

Bồ tát quán như vậy mà thấy tướng của 5 ám là chẳng kiên cố nên tự hỏi: “Người chém ta là ai? Người chặt ta là ai? Ai là người thọ, ai là người hành, ai là người tưởng, ai là người khởi thức? Ai là người mắng nhiếc, ai là người bị mắng nhiếc? Ai là người khởi sân giận?”

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiên Ba-la-mật mà nhiếp Sân đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thiên Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiên... dẫn đến nhập đệ tứ thiên. Từ các thiên định khởi sanh các thần thông: Có thần túc thông biến hóa, đi trên mặt nước như đi trên mặt đất, đi vào lòng đất như đi vào nước... có thiên nhĩ thông nghe được tiếng của loài người và của các hàng trời; có tha tâm thông, biết được người khác nhiếp tâm hay loạn tâm, có tâm hướng thượng hay có tâm chẳng hướng thượng...; có túc mạng thông, biết được đời trước của mình và của người...; có thiên nhãn thông, biết chỗ thọ nghiệp báo của người.

Bồ tát trú trong 5 thần thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác để thân cận và cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh; rồi đem công đức ấy cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật, chẳng đắc sắc, chẳng đắc thọ, tưởng, hành, thức; chẳng đắc 6 pháp Ba-la-mật; chẳng đắc 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng đắc Nhất thiết chủng trí; chẳng đắc vô vi tánh. Vì chẳng đắc nên chẳng tác; vì chẳng tác nên chẳng sanh; vì chẳng sanh nên chẳng diệt. Vì sao? Vì có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp như, pháp tướng, pháp tánh vẫn thường trú, chẳng có sanh diệt. Do vậy mà Bồ tát thường nhất tâm, tương ưng với Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng đắc nội không, chẳng đắc ngoại không, chẳng đắc nội ngoại không, chẳng đắc không không... dẫn đến chẳng đắc chư pháp không. Bồ tát trú trong 14 pháp không bất đắc đó, thấy sắc, dù là không hay là chẳng không, đều là bất đắc; thấy thọ, tưởng, hành, thức, dù là không hay dù là chẳng không, đều là bất đắc; thấy thọ, tưởng, hành, thức dù là không hay dù là chẳng không, đều bất đắc, thấy 4 niệm xứ... dẫn đến thấy Vô Thượng Bồ Đề, dù là không hay là chẳng không, đều là bất đắc, thấy hữu vi tánh, thấy vô vi tánh dù là không hay là chẳng không đều là bất đắc. Bồ tát trú trong Bát nhã Ba-la-mật như vậy, vẫn hành bố thí mà vẫn quán bố thí là không. Bồ tát quán bố thí là không, quán người hành

thí, kẻ thọ thí, tài vật đem ra bố thí đều không, chẳng cho tâm xan tham, đấm trước sanh khởi. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng chẳng có tâm vọng phân biệt. Ví như chư Phật khi được Vô Thượng Bồ Đề chẳng có tâm xan tham, đấm trước; Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy, chẳng có tâm xan tham, đấm trước. Đó là vì Bồ tát tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật, vì tâm hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật là bất khả đắc. Bồ Tát, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa ấy, tự mình chẳng sát sanh, dạy người khác chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh,... dẫn đến tự mình chẳng tà kiến, hay dạy người khác chẳng tà kiến, tán thán pháp chẳng tà kiến, hoan hỷ tán thán người chẳng tà kiến. Do nhân duyên trì giới như vậy mà chẳng thấy có pháp để chấp.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Thi la Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, tùy thuận pháp nhẫn, tự nghĩ rằng: “Trong pháp này chẳng có pháp gì khởi hay diệt, sanh hay tử; chẳng có pháp gì là mắng nhiếc, là chặt chém, là đánh đập”. Bồ tát, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, nếu có chúng sanh nào đến mắng nhiếc... dẫn đến dùng đao trượng đâm chém, đánh đập, vẫn giữ tâm bất động, tự nghĩ rằng, “Trong pháp này chẳng có pháp gì cả, chẳng



có ai bị mắng nhiếc, bị đâm chém, bị đánh đập, mà chúng sanh vẫn thọ các khổ não”.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Sân đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, vì chúng sanh thuyết pháp dạy họ hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 4 niệm xứ... dẫn đến hành 8 thánh đạo, khiến họ được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng trú trong hữu vi tánh, trong vô vi tánh.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, nhập vào tất cả các tam muội, ngoại trừ Phật tam muội. Tất cả các tam muội của Thanh Văn, của Bích Chi Phật, Bồ tát đều vào được cả. Bồ tát trú trong các tam muội, thuận nghịch ra vào 8 bối xả: Bối xả thứ 1 là trong quán sắc tướng, ngoài quán sắc; bối xả thứ 2 là trong chẳng có sắc tướng, ngoài quán sắc; bối xả thứ 3 là tịnh bối xả, thân tác chứng; bối xả thứ 4 là quán hết thấy sắc tướng, diệt các tướng đối đãi, chẳng niệm các sắc tướng, nhập hư không vô biên xứ; bối xả thứ 5 là vượt qua hư không vô biên xứ, nhập thức vô biên xứ; bối xả thứ 6 là vượt qua thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu xứ; bối xả thứ 7 là vượt qua vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ; bối xả thứ 8 là vượt qua phi hữu tướng phi vô tướng xứ, nhập diệt thọ tướng định.

Bồ tát y nơi 8 bối xả này, mà thuận nghịch ra vào 9 thứ đệ định.

Thế nào gọi là nhập 9 thứ đệ định?

Đó là ly dục, ly các bất thiện pháp, vào sơ thiên, đệ nhị thiên, đệ tam thiên, đệ tứ thiên; vào 4 vô sắc định; vào diệt thọ tướng định.

Bồ tát y nơi 9 thứ đệ định và 8 cõi xa này, mà vào Sur tử phần tam muội.

Thế nào gọi là nhập Sur tử phần tam muội?

Đó là nhập sơ thiên; xuất sơ thiên, nhập đệ nhị thiên... dẫn đến xuất phi hữu tướng phi vô tướng xứ định, nhập diệt thọ tướng định. Đây là thuận quán. Rồi xuất diệt thọ tướng định, nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ định... dẫn đến xuất đệ nhị thiên, nhập sơ thiên. Đây là nghịch quán.

Bồ tát y nơi Sur tử phần tam muội này, mà vào Siêu việt tam muội.

Thế nào gọi là nhập Siêu việt tam muội?

Đó là nhập sơ thiên; khi sơ thiên khởi lại nhập đệ nhị thiên... dẫn đến khi phi hữu tướng phi vô tướng xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập sơ thiên, khi sơ thiên khởi lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi lại nhập đệ nhị thiên; khi đệ nhị thiên khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi lại nhập đệ tam thiên; khi đệ tam thiên khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi lại nhập đệ tứ thiên; khi đệ tứ thiên khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập hư không xứ định, khi hư không xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập thức xứ định; khi thức xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập vô sở hữu xứ định; khi

vô sở hữu xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ định; khi phi hữu tướng, phi vô tướng xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập tán tâm, khi tán tâm khởi, lại nhập phi hữu tướng, phi vô tướng xứ định. Khi phi hữu tướng, phi vô tướng xứ khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập vô sở hữu xứ định. Khi vô sở hữu xứ định khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập thức xứ định. Khi thức xứ định khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập hư không xứ định. Khi hư không xứ định khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập đệ tứ thiên. Khi đệ tứ thiên khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập đệ tam thiên. Khi đệ tam thiên khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập đệ nhị thiên. Khi đệ nhị thiên khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập sơ thiên. Khi sơ thiên khởi lại nhập tán tâm. Như vậy là, ở nơi Siêu việt tam muội, Bồ tát được hết thấy các pháp tướng bình đẳng.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Thiền Ba-la-mật.

**LUẬN:**

*Hỏi: Vì sao khi tu tập 6 pháp Ba-la-mật cần phải chọn một Ba-la-mật làm chủ?*

**Đáp:** Vì nhân duyên tu hành có thứ lớp, nên người tu hành phải tùy theo hạnh nguyện của mình mà chọn một Ba-la-mật làm chủ.

Bồ tát phân biệt có: Tại gia Bồ tát và xuất gia Bồ tát.

Bồ tát tại gia, do đã có được nhiều phước đức, nên được

sanh vào nhà giàu có. Bởi vậy nên khi hành đạo, hạng Bồ tát này thường chọn bố thí Ba-la-mật làm chủ; hành bố thí trước, rồi mới hành các Ba-la-mật khác.

Bồ tát xuất gia, do chẳng nắm giữ của cải nên chọn trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, Thiên Ba-la-mật, và trí huệ Ba-la-mật làm chủ.

Ví như, do chẳng có của cải, nên Bồ tát lấy nhẫn nhục Ba-la-mật làm chủ, sẵn sàng đem thân mạng mình ra bố thí, để làm lợi ích cho chúng sanh; dù có chúng sanh đến mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát vẫn chẳng khởi tâm sân hận. Bồ tát hành nhẫn nhục Ba-la-mật như vậy là nhiếp bố thí Ba-la-mật. Khi bị người hành hung, gây nguy hại đến tánh mạng của mình, Bồ tát liền tự nghĩ rằng: “Thân này là hư giả. Ta chớ nên vì tiếc thân mạng mà xa lìa việc tu tập các Ba-la-mật. Nếu vì lợi ích chúng sanh mà phải bố thí thân mạng, ta vẫn phải hoan hỷ bố thí”.

Do có được các lực phương tiện của bố thí Ba-la-mật và nhẫn nhục Ba-la-mật, nên Bồ tát này, sau khi mạng chung, sẽ được sanh về một thế giới an lành, tốt đẹp, để tiếp tục hành bố thí Ba-la-mật và nhẫn nhục Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Trú trong nhẫn nhục, chẳng làm điều ác, tức là đã hành trì giới rồi. Như vậy vì sao còn nói trú trong nhẫn nhục Ba-la-mật mà nhiếp trì giới Ba-la-mật?*

**Đáp:** Trên đây chỉ mới nói về các tướng của các Ba-la-mật, mà chưa nói đến các Ba-la-mật thứ lớp sanh như thế nào.

Tuy các Ba-la-mật có thể hòa hợp với nhau, nhưng mỗi pháp đều có tướng riêng khác. Nếu y theo thứ lớp mà hành, thì trước phải có trì giới, rồi sau mới có nhẫn nhục. Giới là chẳng hại người, chẳng nhiễu loạn người; nhẫn là tự nhiếp

thân mình, dù phải hy sinh thân mạng mình cũng chẳng hối tiếc. Bởi vậy nên trong nhân nhục đã có hàm chứa giới tướng rồi vậy.

Trì giới có 2 cách. Đó là:

- Chẳng làm não hại chúng sanh.
- Tự mình sanh căn bản thiện định.

Người chưa thọ giới pháp, chỉ vì sợ mang tội mà hành nhân nhục. Vì chưa có thâm tâm thương xót chúng sanh, nên tự nghĩ: “Trì giới là bước đầu vào Phật đạo, còn chẳng làm hại chúng sanh là việc dễ làm. Ta nên nhân nhục làm các việc dễ làm trước đã”. Cho nên mới nói rằng: “Nhân nhục thường nhiếp trì giới” là vậy.

Lại nữa, nhân nhục khiến cho tâm dừng sanh, chưa phải là trì giới. Phải thành tựu thân khẩu và ý thanh tịnh mới gọi là trì giới. Nếu chỉ có ý thanh tịnh, thì chỉ được gọi là nhân nhục mà thôi.

**Hỏi:** *Thiền Ba-la-mật cũng làm cho tâm thanh tịnh. Như vậy vì sao chỉ nói đến nhân nhục mà thôi?*

**Đáp:** Vào được Thiền Ba-la-mật rồi là đã có được trí lực lớn, nên chẳng cần nói đến trì giới nữa.

Khi tâm chưa được thanh tịnh mới phải cần tu nhân nhục để giữ gìn đừng cho tâm sanh.

Trong kinh có nói đến nhân duyên Bồ tát có đại trí huệ, phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, mà đời đời được tăng ích công đức, chẳng có đọa về 3 đường ác, ... dẫn đến sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Vì Bồ tát, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, chẳng có sanh sân tâm, chẳng nhiều loạn chúng sanh, chẳng

## 16 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

đoạt mạng chúng sanh, cũng chẳng thủ chúng quả vị Nhị thừa, nên mới có đại công đức như vậy.

Đây chính là công đức trì giới Ba-la-mật và nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng khởi 3 chấp điên đảo: Chấp có người hồi hướng, có pháp hồi hướng và có chỗ hồi hướng.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp trì giới Ba-la-mật.

-o0o-

Nhẫn nhục Ba-la-mật cũng nhiếp được tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát tu tập các công đức, phát nguyện độ hết thầy chúng sanh, nên thường tinh tấn, chẳng giải đãi. Trong lúc hành Bồ tát đạo, nếu có gặp các trở ngại, Bồ tát vẫn chẳng thối tâm. Vì sao? Vì đã thường kham nhẫn các khổ, nên nếu cần phải chịu đựng khổ nhọc trong thời gian lâu dài, Bồ tát vẫn chẳng thối chuyển. Như trong kinh dạy: Dù phải đi 1 do tuần... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, dù phải qua 1 thế giới... dẫn đến qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới để tìm 1 người trao chân thật pháp Niết Bàn, Bồ tát vẫn thường tinh tấn.

Nếu chẳng tìm được người như vậy, Bồ tát vẫn chẳng sanh phiền não. Dẫn đến, nếu chỉ tìm được 1 người thọ trì 5 giới, thì Bồ tát liền sanh tâm hoan hỷ, vì tự nghĩ, “Ta tìm được 1 người tức đã tìm được nhiều người, thông qua người ấy, thì chân thật pháp sẽ mãi mãi được lưu truyền vậy. Vì sao? Vì các pháp, ở nơi thật tướng, là chẳng phải hai, chẳng phải khác”.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp tinh tấn Ba-la-mật.

Nhẫn nhục Ba-la-mật cũng nhiếp được Thiền Ba-la-mật.

Bồ tát hành nhẫn nhục Ba-la-mật, nên có tâm nhu nhuyễn, mềm mại, rất dễ vào các thiền định. Trú trong thiền định, Bồ tát khởi tâm từ bi, bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, đem các tâm và tâm sở thanh tịnh, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp Thiền Ba-la-mật.

-o0o-

Nhẫn nhục Ba-la-mật cũng nhiếp được Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong “chúng sanh nhẫn” và trong “pháp nhẫn”, nên nhẫn được các việc làm ác của chúng sanh. Gặp những chúng sanh đến mắng nhiếc, hành hung mình, Bồ tát vẫn hành đại từ bi đối với họ, nên được đại công đức.

Do được tâm nhu nhuyễn, mềm mại, nên Bồ tát dễ được “pháp nhẫn”, biết rõ hết thảy pháp đều rất ráo là vô sanh. Trú trong “pháp nhẫn”, Bồ tát quán hết thảy pháp đều là không tướng, là ly tướng, là vô tận tướng, là tịch diệt tướng, là Niết Bàn tướng, mà vẫn chẳng có chấp tướng tịch diệt Niết Bàn đó.

Lại nữa, Bồ tát trú trong “chúng sanh nhẫn”, biết rõ hết thảy chúng sanh đều rất ráo không, nên chẳng còn thấy có người đến mắng nhiếc mình, đâm chém mình... dẫn đến đoạt thân mạng mình.

Khi đã đầy đủ “chúng sanh nhẫn” và “pháp nhẫn”, Bồ tát chẳng còn 3 chấp điên đảo: Chấp có người nhẫn, có pháp nhẫn, có chỗ nhẫn.

Do vậy mà Bồ tát thường thấy hết thảy pháp đều là tịch diệt tướng là Niết Bàn tướng cả.

Bốn nguyên cầu Phật đạo của Bồ tát là vào được nơi thật tướng của các pháp, nơi rốt ráo không tướng của các pháp. Nếu chưa tọa đạo tràng, thì chẳng tác chứng thật tế. Nếu tọa đạo tràng, thì phải đầy đủ các Phật pháp, mới được Phật đạo, chuyên pháp luân. Lúc bấy giờ vì lợi ích chúng sanh mà thuyết pháp, hóa độ chúng sanh, nhưng vẫn thường an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** Thế nào là trú trong tinh tấn Ba-la-mật mà nhiếp các Ba-la-mật khác?

**Đáp:** Bồ tát trú trong tinh tấn chẳng còn sợ hãi, vì do có lực tinh tấn mà vượt qua được mọi khó khăn, gian khổ, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không nhưng vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên trở lại trong 3 cõi, khởi các thiện nghiệp để hóa độ chúng sanh, mà chẳng chấp Niết Bàn vậy. Được như vậy là nhờ lực phương tiện tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật, tự nghĩ rằng, “Ta quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chớ nên giải đãi. Dù phải đi trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, dù phải qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới để giáo hóa chúng sanh, ta vẫn phải tinh tấn, chớ nên giải đãi. Nếu chẳng dạy được 1 người vào Phật đạo, hay vào Bích Chi Phật đạo, vào Thanh Văn đạo... dẫn đến nếu chẳng dạy được 1 người tu 10 thiện đạo, ta vẫn phải tinh tấn hành pháp thí và tài thí, khiến chúng sanh được đầy đủ; rồi phải đem công đức ấy, cùng với hết chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề”.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp bố thí Ba-la-mật.

Mặc dù hết thấy các trường hợp bố thí đều do tinh tấn



khởi sanh, nhưng đây là bồ thí Ba-la-mật, bồ thí “tam luân không tịch”, nên cần phải có lực phương tiện tinh tấn Ba-la-mật, mới được viên mãn.

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, tu 10 thiện đạo chẳng hề ngưng nghỉ, và cũng dạy người khác tu 10 thiện đạo.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật như vậy, chẳng cầu phước báo ở 3 cõi, chẳng tham đắm các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Chỉ những người giải đãi mới cầu phước báo ở 3 cõi, mới cầu pháp Nhị thừa; còn Bồ tát chẳng có các tướng giải đãi như vậy.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp trì giới Ba-la-mật.

-o0o-

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp nhẫn nhục Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, đã xả ngã chấp, chẳng còn tiếc thân mạng, đã vào được nơi thật tướng pháp, nên dù có kẻ đến mắng nhiếc, hành hung, cũng chẳng sanh sân giận, chẳng sanh tâm sợ hãi, vì tự nghĩ, “Chẳng có ai mắng nhiếc hay hành hung, cũng chẳng có ai thọ sự mắng nhiếc hay hành hung đó”. Bồ tát lại tự nghĩ: “Nếu ta bỏ thí thân này, ta sẽ có được đại lợi ích. Vì thương xót chúng sanh mà ta đã thọ thân này; nay chúng sanh đến đoạt thân này, ta phải nên hoan hỷ, chẳng nên luyến tiếc; ta lại phải đem hết thầy công đức nhẫn nhục này cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề”.

Bởi nhân duyên vậy, nên dù bị chúng sanh mắng nhiếc, đánh đập... Bồ tát vẫn hoan hỷ nhẫn nhục, chẳng hề thối chuyển.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp nhẫn nhục Ba-la-mật.

-o0o-

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp Thiền Ba-la-mật.

Có người tự nhiên được thiền định. Hạng người này, do đời trước ở cõi trên, nên nay sanh về cõi này, tự nhiên được thiền định.

Có người do nhân duyên hành đại bố thí, phá được xan tham, phá được 5 triền cái, mà được thiền định.

Có người do tu tập nhẫn nhục, hoặc do sanh tâm Tiều thừa, mà nhầm chán sanh tử, nên cũng vào được thiền định.

Có người, do có đại trí huệ lực, biết cõi Dục là vô thường, là bất tịnh, biết thiền định tuy cũng chẳng thật có, nhưng vào thiền định vẫn thù thắng hơn ở cõi Dục, nên đã vào thiền định.

Đây là những trường hợp thiền định chẳng do tinh tấn sanh, Hành giả nhờ các nhân duyên khác mà vào được thiền định.

Thế nhưng có người ở nơi các pháp Ba-la-mật thường làm chủ được tâm mình. Lúc kinh hành cũng như lúc tọa thiền vẫn thường tinh tấn, lấy tấn căn chế ngự 5 triền cái, đấu tranh như xông pha vào trận mạc chống quân giặc, vừa móng tâm tán loạn là liền nhiếp tâm trở về, dù mệt nhọc bao nhiêu cũng vẫn chẳng ngưng nghỉ. Tinh tấn như vậy, có thể chỉ trong 1 ngày, 1 đêm là vào được thiền định.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp Thiền Ba-la-mật.

Nên biết có người do chưa đoạn sạch các nghiệp tội đời trước, do còn tham đắm các lạc thú ở đời, để tâm rong ruổi theo cảnh duyên, nên khó chế ngự tán tâm, khó vào thiền định. Hạng người này phải gia tăng tinh tấn mới mong được vào thiền định. Ví như có người do được nhiều phước đức, nên an nhiên hưởng lộc; còn người kém phước đức thì phải tinh tấn làm lưng thì mới mong có được cuộc sống sung túc an nhàn.

-o0o-

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát có tinh tấn mới nhiếp được Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát được thiền định rồi mới sanh được thần thông. Có đủ thiền định và trí huệ như vậy, nên Bồ tát dùng lực thần thông đi khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn.

Lại nữa, Bồ tát vì hạnh nguyện độ sanh, nên ngoài việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, còn phải thường tinh tấn, mới phát sanh được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trí huệ thường là do tinh tấn sanh. Bởi vậy nên Bồ tát phải lấy tinh tấn làm chủ, mới có thể nhiếp Bát nhã Ba-la-mật được.

Bồ tát có 2 việc phải làm. Đó là:

- Quán thật tướng các pháp. Ở nơi thật tướng pháp, Bồ tát chẳng thấy pháp tướng, cũng chẳng thấy phi pháp tướng.

- Làm đúng như chỗ nói.

Người giải đãi chẳng có thể làm 2 việc này được.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là an trú trong thiền Ba-la-mật mà nhiếp các Ba-la-mật kia?*

**Đáp:** Phải đầy đủ cả 2 việc nêu trên đây, mới trú được trong thiền định; lấy thiền định làm nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia.

Bồ tát trú trong thiền Ba-la-mật, điều tâm nhu nhuyễn, bất động mới có thể quán thật tướng các pháp. Ví như nhà kín gió, thì đèn mới có thể sáng tỏ; cũng như vậy, phải trú trong thiền Ba-la-mật mới phát sanh được trí huệ Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng còn nhiều loạn chúng sanh, mà trái lại thường bị nguyện chúng sanh, thương xót hết thấy chúng sanh.

Phải thanh tịnh trì giới, nhẫn nhục mới có được lực thần thông, biến hóa đầy đủ tài vật để bố thí cho chúng sanh, lại biến hóa ra các hóa thân, để vì chúng sanh, thuyết pháp độ sanh. Bởi vậy nên nói thiền định là nhân bố thí.

Lại nữa, do thiền định mà có được thần thông, đi khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, chẳng hề giải đãi. Bởi vậy nên nói thiền định sanh tinh tấn.

Lại nữa, cũng do nơi Thiền Ba-la-mật, mà tất cả các Ba-la-mật kia đều được tăng trưởng.

Đây là nghĩa, “Trú trong thiền Ba-la-mật, lấy Thiền Ba-la-mật làm chủ, nhiếp tất cả 5 Ba-la-mật kia.”

**Hỏi:** *Vì sao nói Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng đắc 14 pháp không, từ nội không... dẫn đến chư pháp không, có 18 pháp không, vì sao chỉ nói có 14, mà chẳng nói đến 4 pháp không sau?*

**Đáp:** Phân biệt hết thấy pháp tướng không, và hết thấy pháp không, là đã tổng nhiếp tất cả 18 pháp không rồi. Đây

là vì người tu hành mà Phật rộng phân biệt có 18 pháp không.

Thế nhưng, có người chỉ hành 1 pháp, 2 pháp, dẫn đến 14 pháp trong 18 pháp không đó. Bởi vậy nên phải tùy theo chúng sanh chấp nhiều hay chấp ít, mà nói rộng hay nói hẹp, nói nhiều hay nói ít vậy.

Đôi với người thâm chấp tà kiến mới phải nói đến 4 pháp không sau cùng. Vì sao? Vì hàng ngoại đạo do tà kiến, mà chấp “hữu pháp”, chấp “vô pháp”; còn Bồ tát do có tâm từ bi nhu nhuyễn, nên chẳng chấp “hữu”, cũng chẳng chấp “vô”. Lại nữa, Bồ tát do huân tu 14 pháp không, mà ở nơi “hữu” và “vô” đều được rõ ràng, chẳng có lầm lẫn.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở nơi đây chẳng có đề cập đến 4 pháp không sau cùng.

**Hỏi:** Trong kinh nói, “Cũng như chư Phật, Bồ tát chẳng sanh tâm chấp đấng”. Nói như vậy có hàm ý nghĩa gì?

**Đáp:** Phật đã đoạn sạch phiền não, nên các tập khí chẳng còn sanh khởi nữa. Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, ngăn các tập khí, chẳng cho sanh khởi.

Nay, vì muốn tán thán lực Bát nhã Ba-la-mật, nên nói, “Bồ tát, dù chưa tận đoạn kiết sử, nhưng cùng với Phật chẳng khác”. Sở dĩ nói như vậy là nhằm khiến người đời tôn quý Bát nhã Ba-la-mật. Do tôn quý Bát nhã Ba-la-mật, mà nghĩ rằng: “Trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp sanh diệt nên chẳng có người mắng nhiếc, sát hại, cũng chẳng có người thọ lãnh sự mắng nhiếc sát hại đó”.

**Hỏi:** Người dấy niệm như trên đây là vào được vô sanh pháp nhẫn. Như vậy, vì sao nói vào được như thuận nhẫn?

**Đáp:** Có người do tu tập, biết rõ 5 âm hòa hợp mà giả

đanh có chúng sanh, nhưng chưa có thể phá được pháp chấp. Bởi vậy nên kinh nói, “Các pháp là vô sanh, vô diệt, chẳng có người mắng nhiếc, sát hại; cũng chẳng có người thọ lãnh sự mắng nhiếc, sự sát hại”.

Đây là vì hạng người phá được ngã chấp, quán pháp không, mà còn vướng mắc pháp ái, nên kinh đã nói như trên.

Người được vô sanh pháp nhãn mới có đầy đủ từ bi tâm, thương xót chúng sanh; còn người được nhu thuận nhãn chỉ mới niệm pháp không mà thôi.

“Pháp nhãn” và “chúng sanh nhãn” tuy chẳng ngăn ngại nhau, nhưng có sâu; có cạn, sai khác nhau:

- Ở nơi “chúng sanh bất khả đắc” chỉ mới là “chúng sanh nhãn”.

- Ở nơi “pháp bất khả đắc” mới được gọi là “pháp nhãn”.

**Hỏi:** *Vì sao nói, “Tiểu thừa chẳng được Siêu việt tam muội, chẳng dung được 2 biên, chẳng dám y tán tâm mà vào diệt thọ tướng định”?*

**Đáp:** Pháp “Tiểu thừa” chẳng thể sánh với pháp Đại thừa được. Người tu mà chẳng siêu việt được 2 bên là người tu theo pháp Tiểu thừa; còn Bồ tát, do được đại trí huệ, do thâm nhập thiên định, nên thường tùy ý siêu việt được 2 bên. Ví như lực sĩ trong loài người chỉ nhảy qua rào cao vài trượng; còn lực sĩ trong hàng trời có thể vượt qua các khoảng xa rộng, chẳng chút khó khăn.

Lại nữa, Bồ tát có đại trí huệ, nên vào Sư tử phần tán tam muội, được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên ở nơi hết thấy pháp thường được tự tại, vô ngại.

Lại nữa, do đã vào được nơi thật tướng pháp, nên thường

an trú nơi bất động pháp.

Bởi vậy, chẳng nên đem các pháp của hàng trời và của hàng người mà nạn hỏi nữa.

**Hỏi:** Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp các Ba-la-mật khác?

**Đáp:** Bồ tát trú trong Bát nhã Ba-la-mật đem tài vật bố thí chúng sanh và cúng dường chư Phật, mà biết rõ chúng sanh cũng như chư Phật đều rốt ráo là không. Bởi vậy nên đối với chúng sanh cũng như đối với Phật, Bồ tát giữ tâm bình đẳng. Vì giữ tâm bình đẳng, nên Bồ tát chẳng quý chư Phật, chẳng khinh chúng sanh, cũng chẳng thấy bố thí người nghèo được ít phước đức, cúng dường chư Phật được nhiều phước đức. Vì sao? Vì Bồ tát đã đoạn sạch các vọng tưởng phân biệt điên đảo, đã vào “bất nhị pháp môn” vậy.

Cũng như vậy, khi hành pháp thí, Bồ tát chẳng quý trọng người trí, chẳng khinh chê người vô trí. Vì sao? Vì Phật pháp là vô lượng, là bất khả tư nghĩ. Nói về 12 nhân duyên, về không, về vô tướng, về vô tác, hoặc về các thậm thâm pháp khác cũng chẳng khác. Vì sao? Vì khi đã vào nơi tịch diệt tướng thì hết thấy các pháp đều là bình đẳng, đều là vô phân biệt, đều chẳng có hý luận.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp bố thí Ba-la-mật.

Lại nữa, có Bồ tát trú nơi 10 Phật lực, đem công đức của chư Phật 3 đời và của hàng đệ tử Phật, để cùng với hết thấy chúng sanh tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Do được lực trí huệ như vậy nên chẳng gì mà Bồ tát chẳng thí, khiến chúng sanh được phần phước đức. Lại cũng có Bồ tát muốn nhỏ gốc xan tham mà hành bố thí. Khi hành bố thí, Bồ tát ấy hoan hỷ chào đón người thọ thí, vì đã tận diệt tâm sân si, tật

đồ, cung kính người thọ thí, vì đã tận diệt tâm kiêu mạn; lại biết rõ quả báo của bố thí, vì đã tận phá tâm nghi.

Bồ tát ấy, khi bố thí, thường quán người thọ thí như Phật; quán các tài vật đem ra bố thí đều là như tướng, là Vô Thượng Bồ Đề tướng; quán thân, từ trước đến nay, là rốt ráo không. Bố thí như vậy là chân thật, chẳng hư dối, là tương ưng với Nhất thiết chủng trí. Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp bố thí Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát thâm nhập vào thanh tịnh Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ chúng sanh là không mà vẫn thọ trì các thiện nghiệp đạo, để phá nghiệp sát sanh. Nếu vì muốn độ chúng sanh trong phạm vi 1 do tuần, trong phạm vi trăm, ngàn, vạn, ức... do tuần mà trì giới... dẫn đến vì muốn độ chúng sanh trong cõi Diêm phù đề... mà trì giới, thì đó cũng chỉ là vì số chúng sanh có hạn lượng mà trì giới.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì vô lượng chúng sanh, trong vô lượng quốc độ, mà trì giới, chẳng phải vì số chúng sanh có hạn lượng mà trì giới. Vì sao? Vì pháp tánh thật tế là như hư không. Bồ tát trú trong “cứu cánh không tướng”, chẳng chấp giới tướng, chẳng chấp trì giới, cũng chẳng ghét phá giới.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp trì giới Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp nhẫn nhục Ba-la-mật.

Bồ tát được đầy đủ trì giới vô phân biệt như vậy, nên cũng được đầy đủ “chúng sanh nhẫn” và “pháp nhẫn”.

Bồ tát vào trong thâm Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ



“chúng sanh nhãn” và “pháp nhãn” như vậy, mới có thể tin thọ vô lượng Phật pháp, mà tâm chẳng phân biệt thị phi.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp nhãn nhục Ba-la-mật.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, tinh tấn hành các Ba-la-mật khác, vào thật tướng pháp, thanh tịnh 3 nghiệp “thân, khẩu, ý”, được vô sở niệm. Bồ tát ấy, khi nằm mộng, thấy mình rớt xuống biển sâu, mà chẳng bị chìm, lại còn được đưa vào bờ an toàn; khi tỉnh mộng, thì tâm liền dứt. Do được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, mà Bồ tát được đệ nhất tinh tấn, nên sanh mộng như vậy.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp tinh tấn Ba-la-mật.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp thiên Ba-la-mật.

Mặc dù trí huệ chẳng phải là thiên định, nhưng phải có trí huệ mới sanh được thiên định.

Trong kinh Bích Chi Phật có chép mẩu chuyện về 1 người thấy cảnh 2 con trâu vì dâm dục, đấu tranh với nhau cho đến chết, mà tự nghĩ rằng, “Nếu đem tài sắc, danh vọng, quyền lực... ra chinh phục kẻ khác, thì đâu có gì khác với cảnh này!”. Nghĩ như vậy rồi, ông liền được ly dục, được thiên định, thành bậc Bích Chi Phật.

Bồ tát cũng như vậy, do có ít nhiều nhân duyên khiến nhầm chán 5 dục, ưa vui thiên định. Khi đã được đầy đủ phước đức, thì sẽ được thanh tịnh thiên định lạc.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp Thiền Ba-la-mật.

**Hỏi:** Vì sao Bồ tát có thể ở nơi 1 niệm, mà được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật?

**Đáp:** Bồ tát đã gieo trồng thiện căn trải qua vô lượng kiếp, đã hoàn toàn ly dục, nên ở nơi các thiên định được trụ tại. Do vậy mà vào được Phật đạo, thâm nhập pháp tánh thật tế, tinh tấn dùng các phương tiện trí huệ và từ bi để hoằng pháp lợi sanh. Khi đã vào được thâm pháp rồi, Bồ tát trở lại tu các công đức.

Như vậy là Bồ tát đã thắng phục được tâm mình nên ở nơi mỗi niệm đều được đầy đủ cả 6 Ba-la-mật.

Ví như:

- Khi hành pháp thí và tài thí, Bồ tát vẫn thường an trú trong 10 thiện đạo, chẳng hướng về Nhị thừa địa, nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật, chẳng để các phiền não ma làm động tâm, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật; giữ thân tâm thường tinh tấn, chẳng giải đãi, chẳng thối thất, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật; nhiếp tâm nơi việc bố thí, chẳng để tâm tán loạn, hồi hướng công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề, nên được đầy đủ Thiền Ba-la-mật; biết rõ người cho, người nhận, và tài vật cho đều bất khả đắc, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thọ đầy đủ các thiên giới, đầy đủ 8 thánh đạo, đầy đủ 3 luật nghi giới, gồm có thiên định luật nghi giới, vô lậu luật nghi giới và nhiều ích hữu tinh luật nghi giới. Bồ tát trú trong các giới này mà bố thí vô úy cho

chúng sanh, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Khi trì giới, Bồ tát tinh tấn diệt trừ các phiền não, chẳng để cho “tham, sân, si” dậy khởi, nên dù có người đến mắng nhiếc, đánh đập v.v..., chẳng hề sân giận, dù cực nhọc bao nhiêu cũng chẳng hề thối tâm, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát phân biệt rõ các giới tướng có trọng, có khinh, có ngăn che, có khai mở, nhưng vẫn thường tinh tấn y như giới mà hành trì, dẫn đến khi có phạm giới là liền sám hối để được tiêu tội nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Khi trì giới như vậy, Bồ tát chẳng cầu phước báo cõi trời và cõi người, chẳng cầu Niết Bàn Tiểu thừa, mà chỉ trì giới cầu Bồ tát đạo, trì giới cầu Phật đạo, và thường tu tập 5 Ba-la-mật khác, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Khi trì giới, Bồ tát chẳng hề ly các thiền định. Do trì giới mà phá được các phiền não, điều phục được tâm, nên Bồ tát cầu thiền định lạc, xả ly thế gian lạc, nhiếp tâm trừ các việc phá giới ở “thân, khẩu, ý”, trừ 3 ác giác quán và 3 tế giác quán, nên được đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Lại nữa, khi trì giới, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều do nhân duyên sanh, chẳng có tự tại, biết rõ trì giới cũng như phá giới đều là tự tướng không, chẳng nên trú chấp, nên được đầy đủ trí huệ Bát nhã Ba-la-mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát tự nghĩ rằng, “Nếu có chúng sanh đến sát hại ta, ta vẫn chẳng sanh sân giận. Vì chúng sanh mà ta thọ thân này; nay chúng sanh đến đòi lại thân này, ta chẳng nên luyến tiếc”; lại tự nghĩ rằng, “Ta phải vì chúng sanh thuyết pháp phân biệt cho họ biết rõ pháp thế gian và pháp Niết Bàn, khiến họ an trú được trong 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến được vô sanh pháp nhẫn”. Bồ tát hành đầy đủ chúng sanh nhẫn và pháp nhẫn như vậy, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát chẳng gây phiền não cho chúng sanh, mà trái lại từ bi thương xót chúng

sanh, dùng các thiện pháp an lập chúng sanh, nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật. Bồ tát an trú trong nhẫn nhục, thường tinh tấn hành các Ba-la-mật khác, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật; lại được tâm nhu nhuyễn, xả ly 5 dục, chẳng sanh cao tâm, tự xem mình như mặt đất để chúng sanh giẫm đạp lên, thường nhiếp tâm trong định, chẳng tán loạn, nên được đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Do hành nhẫn nhục như vậy, Bồ tát nhẫn thọ được các việc làm ác của chúng sanh, cũng nhẫn thọ được hết thấy các pháp thậm thâm, vào được thật tướng pháp, được vô sanh pháp nhẫn, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

- Bồ tát an trú trong tinh tấn, thường hành bố thí, chẳng bao giờ xa rời tài thí, pháp thí và vô úy thí để làm lợi ích cho chúng sanh nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Bồ tát tinh tấn hành chánh nghiệp, chẳng sanh tâm Nhị thừa nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật. Khi hành tinh tấn như vậy, nếu có người đến phá hoại tâm Đại thừa của mình, Bồ tát vẫn nhẫn nại, chẳng thôi tâm, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát tinh tấn hành tất cả các pháp mà tâm chẳng tán loạn, thường nhất tâm niệm nhất thiết chủng trí, nên được đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Dù giữ thân tâm thường tinh tấn như vậy, mà Bồ tát chẳng chấp 2 tướng thân tâm tinh tấn đó, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

- Bồ tát an trú trong thiên định, được tâm thanh tịnh, phát đại từ bi, bố thí tài vật cho chúng sanh khiến họ được sung mãn, hành vô úy thí khiến chúng sanh được an ổn, lại vì chúng sanh khắp 10 phương thuyết pháp, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Bồ tát vào thiên định được tâm nhu nhuyễn, an lạc, nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật; lại thâm nhập pháp không, thường nhẫn thọ các pháp, chẳng nghi, chẳng hối, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát từ trong thiên định, thường khởi các tam muội, nên được đầy đủ tinh

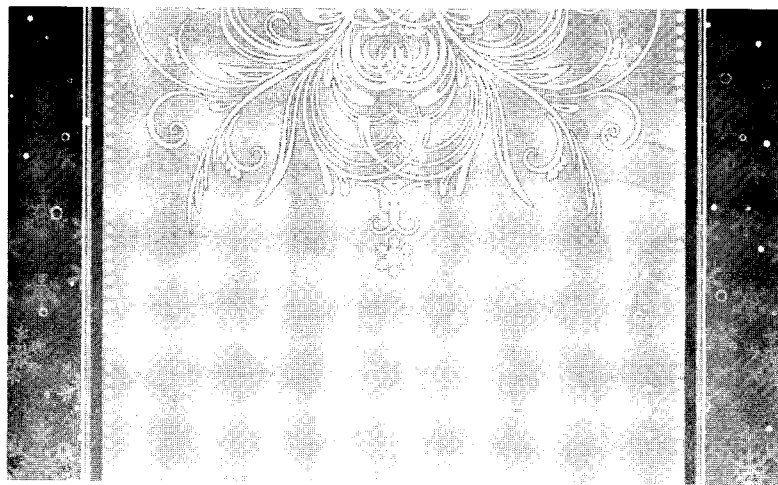
tân Ba-la-mật. Do thiên định mà được tâm thanh tịnh, chẳng động, thường vào nơi thật tướng pháp, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

- Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán 3 tướng bố thí đồng như tướng hư không, như tướng Vô Thượng Bồ Đề, diệt được các hý luận về hữu vô, về phi hữu phi vô, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được tâm thanh tịnh, tinh tấn, bất động, lại do quán các pháp đều là như huyễn, như mộng mà chẳng vào Niết Bàn, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Do được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, mà vào sâu trong nhẫn pháp, Bồ tát vẫn thường giữ được tâm thanh tịnh, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được vô ngại ra vào các thiên định, nhưng chẳng đắm chấp thiên vị, mà thường hóa độ chúng sanh, nên được đầy đủ Thiên Ba-la-mật.

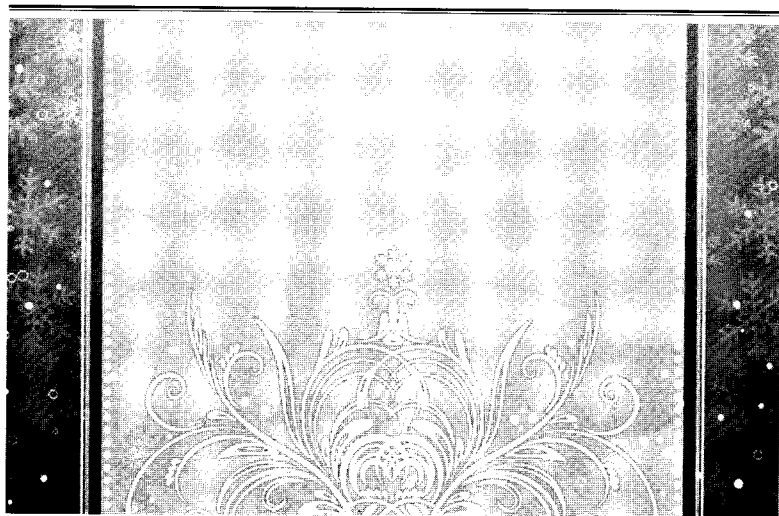
Nói tóm lại, do Bồ tát có đầy đủ lực trí huệ như vậy, nên ở trong một niệm, đồng thời cũng được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật.

(Hết quyển 81)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 82**







## Phẩm Thứ Sáu Mười Chín



**Đại phương tiện**  
(Phương Tiện Lớn)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phát tâm trong bao nhiêu lâu mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phát tâm trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy đã cúng dường bao nhiêu đức Phật mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy đã cúng dường hằng sa đức Phật mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy đã gieo trồng thiện căn như thế nào, mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ tát ấy đã gieo trồng thiện căn nơi Đàn Ba-la-mật, nơi Thi la Ba-la-mật, nơi Săn đề Ba-la-mật, nơi Tỳ lê gia Ba-la-mật, nơi Thiên Ba-la-mật, nơi Bát nhã Ba-la-mật mới thành tựu đầy đủ các lực phương tiện như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát thành tựu được các lực phương tiện như vậy là rất ít có.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu được các lực phương tiện như vậy thật là rất ít có.

Này Tu Bồ Đề! Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu ánh sáng khắp 4 châu thiên hạ, đem lại nhiều sự lợi ích cho chúng sanh. Bát nhã Ba-la-mật, cũng như vậy, soi chiếu 5 Ba-la-mật kia, đem lại nhiều sự lợi ích cho chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Ví như vị Chuyển luân thánh vương có luân bảo mới được gọi là Chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, nếu ly Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng được gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người phụ nữ chẳng có chồng rất dễ bị xâm phạm. Cũng như vậy, nếu ly Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia rất dễ bị các thiên ma phá hoại. Ví như người phụ nữ có chồng rất khó bị xâm phạm. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, nếu được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì thiên ma chẳng có thể phá hoại được.

Này Tu Bồ Đề! Ví như một nước có binh hùng, tướng mạnh, có vũ khí đầy đủ, thì các nước láng giềng cường địch chẳng dám xâm lăng. Cũng như vậy, nếu 5 Ba-la-mật kia trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì các thiên ma, các kẻ tăng thượng mạn chẳng sao có thể phá hoại được.

Này Tu Bồ Đề! Ví như các tiểu vương thường châu hầu vị Chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia đều tùy thuận theo Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nước từ các dòng sông đều chảy dồn vào biển lớn. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia,

được Bát nhã Ba-la-mật thủ hộ, đều đến được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người làm việc bằng tay phải, được thuận lợi hơn người làm việc bằng tay trái. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có lực phương tiện thù thắng hơn các Ba-la-mật kia.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nước từ nhiều dòng sông, khi đã vào biển lớn rồi, đều chỉ còn 1 vị. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, được Bát nhã Ba-la-mật đưa đến Nhất thiết chủng trí rồi, thì cùng với Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sai khác.

Này Tu Bồ Đề! Ví như vị Chuyển luân thánh vương, ngự trên luân bảo, dẫn đạo 4 binh chủng. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật dẫn 5 đạo Ba-la-mật kia đến Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, mà chẳng phân biệt có các Ba-la-mật kia tùy tùng theo. Vì sao? Vì tánh của Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có chỗ năng tác; tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là không, là như huyễn.

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tự tánh không, thì làm sao Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, mà có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát tự nghĩ rằng, “Tâm thể gian điên đảo. Nếu ta chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, thì ta chẳng có thể độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Ta phải vì chúng sanh mà hành 6 pháp Ba-la-mật”.

Bồ tát vì chúng sanh xả hết thấy các nội ngoại vật sở hữu. Khi hành xả, Bồ tát tự nghĩ rằng, “Hết thấy các vật

đều tán hoại, nên ta chẳng có gì mà xả vậy”. Suy nghĩ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng phá giới, tự nghĩ rằng, “Ta vì chúng sanh mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Ta chẳng nên phá giới, chẳng nên sát sanh, chẳng nên tà kiến, chẳng nên tham trước Nhị thừa địa”. Suy nghĩ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng sanh tâm sân hận, dù chỉ trong 1 niệm, tự nghĩ rằng, “Ta vì lợi ích chúng sanh mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, vì sao ta lại sân hận?”. Suy nghĩ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng sanh tâm giải đãi. Do tinh tấn như vậy nên Bồ tát được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng sanh tâm tán loạn. Do nhiếp tâm như vậy nên Bồ tát được đầy đủ Thiền Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh, từ khi sơ phát tâm cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng ly tu trí huệ. Vì sao? Vì nếu chẳng tu trí huệ thì chẳng có thể độ thoát chúng sanh. Do tu trí huệ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các Ba-la-mật đều chẳng có tướng sai khác nhau, thì như vậy vì sao nói, “Trong 6 Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu, là tối thượng, đệ nhất?”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các Ba-la-mật tuy chẳng có tướng sai khác, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng thể được gọi là Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như các loài chim có sắc lông sai khác nhau, nhưng khi vào đến bên núi Tu Di, thì đều trở thành đồng một màu sắc với nhau. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo đều đến được Nhất thiết chủng trí. Khi đến Nhất thiết chủng trí rồi, thì cả 6 Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều đồng như nhau, chẳng có sai khác, chẳng có phân biệt. Vì sao? Vì các Ba-la-mật, đều chẳng có tự tánh, nên là chẳng có sai biệt.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu y theo thật nghĩa là chẳng có phân biệt. Như vậy, vì sao so với 5 Ba-la-mật kia, Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu tối thượng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, đúng như vậy! Dù y theo thật nghĩa là chẳng có phân biệt, nhưng y theo thế tục nên nói ra 6 pháp Ba-la-mật. Đó là vì muốn độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử, mà thật ra chúng sanh là chẳng sanh, chẳng khởi.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh là vô sở hữu, nên hết thấy pháp cũng là vô sở hữu. Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật so với 5 Ba-la-mật kia là vi diệu, tối thượng.

Này Tu Bồ Đề! Ví như trong cõi Diêm phù đề, thì trong hàng phụ nữ, Ngọc nữ là tối diệu, tối thượng. Cũng như vậy, trong tất cả 6 Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là tối diệu, tối thượng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do ý gì mà Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là tối diệu, tối thượng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thấy các thiện pháp, đưa đến Nhất thiết chủng trí; trú trong đó mà chẳng trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật có pháp có thể thủ (khả thủ), có thể xả (khả xả) chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp có thể thủ, có thể xả. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều chẳng thủ (bất thủ), chẳng xả (bất xả).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật ở nơi những pháp nào, chẳng thủ, chẳng xả?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật ở nơi sắc, chẳng thủ, chẳng xả, ... dẫn đến ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thủ, chẳng xả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ sắc... dẫn đến chẳng thủ Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề gọi là Bồ tát chẳng thủ sắc... dẫn đến chẳng thủ Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao tăng trưởng được thiện căn? Làm sao được đầy đủ các Ba-la-mật? Làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề là tăng trưởng thiện căn. Do tăng trưởng thiện căn nên được đầy đủ các pháp Ba-la-mật. Do đầy đủ các pháp Ba-la-mật, nên được Vô Thượng Bồ Đề! Vì sao? Vì chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề, thì lúc đó mới chính là được Vô Thượng Bồ Đề.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngay lúc chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề là liền được Vô Thượng Bồ Đề?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì có niệm là còn chấp 3 cõi, chẳng niệm là chẳng có chỗ chấp trước. Vậy nên, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên có chỗ chấp trước.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì Bồ tát an trú ở chỗ nào?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chẳng trú sắc, ... dẫn đến chẳng trú Nhất thiết chủng trí.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát chẳng trú sắc, ... dẫn đến chẳng trú Nhất thiết chủng trí?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do chẳng chấp trước, nên chẳng trú. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp để chấp (khả chấp), có pháp để trú (khả trú). Vậy nên Bồ tát ở nơi các pháp chẳng có chấp, chẳng có trú mà hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.**

**Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát dấy niệm, “Hành như vậy, tu như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay ta hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, ta tu Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì đó là có chấp tướng, nên là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Nếu xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì xa lìa 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến xa lìa Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có chỗ chấp, là tự tánh không. Nếu Bồ tát chấp tướng như vậy, thì ở nơi Bát nhã Ba-la-mật đã thối chuyển. Nếu thối chuyển nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng được thọ ký.**

Nếu Bồ tát dấy niệm, “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật có thể sanh 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến có thể sanh đại bi”, thì như vậy là đánh mất Bát nhã Ba-la-mật. Do đánh mất Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng thể sanh 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến chẳng thể sanh đại bi vậy.

Nếu Bồ tát dấy niệm, “Chư Phật biết các pháp mà chẳng thọ, chẳng tưởng, nên được Vô Thượng Bồ Đề”, rồi diễn nói, khai thị, giáo hóa như vậy, thì cũng là đánh mất Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì ở nơi các pháp, chư Phật chẳng có chỗ biết (vô sở tri), chẳng có chỗ được (vô sở đắc), chẳng có chỗ thuyết (vô sở thuyết), huống nữa là có chỗ được (hữu sở đắc). Chẳng thể nào như vậy được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào để chẳng phạm các lỗi lầm như vậy?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà tự nghĩ rằng, “Các pháp là vô sở hữu, nên chẳng thể chấp. Nếu các pháp là vô sở hữu, là chẳng thể chấp, nên cũng là chẳng thể được”, thì như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát còn chấp pháp vô sở hữu, là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp để chấp, cũng chẳng có sự chấp pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật xa lìa Bát nhã Ba-la-mật chẳng? Đàn Ba-la-mật xa lìa Đàn Ba-la-mật chẳng? Dẫn đến Nhất thiết chủng trí xa lìa Nhất thiết chủng trí chẳng?

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật xa lìa Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí xa lìa Nhất



thiết chủng trí, thì làm sao Bồ tát được Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm sắc, chẳng niệm sắc ấy là gì... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là gì, và ai được Nhất thiết chủng trí. Như vậy là Bồ tát thường sanh Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến thường sanh Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy sắc là thường hay là vô thường, là khổ hay là lạc, là ngã hay là vô ngã, là không hay là bất không, là ly hay là phi ly. Vì sao? Vì tự tánh chẳng sanh được tự tánh.

Dẫn đến đối với Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà quán sắc... dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí như vậy, thì thường sanh được Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến thường sanh được Nhất thiết chủng trí.

Ví như Chuyển luân thánh vương đi đến đâu, thì 4 binh chủng đều tháp tùng theo. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật đến đâu, thì 5 Ba-la-mật kia cũng tùy tùng theo. 5 Ba-la-mật kia theo Bát nhã Ba-la-mật vào trong Nhất thiết chủng trí, và an trú nơi đây.

Ví như người đánh xe giỏi, đánh cỗ xe “tứ mã” đi suốt lộ trình mà chẳng bao giờ bị mất hướng, tùy ý đi thẳng đến đích. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật dẫn 5 Ba-la-mật kia thẳng đến Nhất thiết chủng trí, chẳng bao giờ mất chánh đạo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là “đạo” và thế nào gọi là “phi đạo” của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo là phi đạo của Bồ tát. Nhất thiết chủng trí là đạo của Bồ tát. Đó là “đạo” và “phi đạo” của Bồ tát Ma ha tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát, vì sự đại nhân duyên, mà phát khởi Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, đó có phải là khai thị và phân biệt rõ “đạo” và “phi đạo” chăng?

Phật dạy : Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại sự nhân duyên, nên khởi. Đó là khai thị và phân biệt “đạo” và “phi đạo”.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật, vì độ vô lượng chúng sanh nên khởi; vì lợi ích vô lượng chúng sanh nên khởi. Bát nhã Ba-la-mật tuy làm lợi ích chúng sanh, nhưng chẳng thọ sắc... dẫn đến chẳng thọ thức; cũng chẳng thọ Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật vì chư Bồ tát chỉ bày đường dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Khiến xa lìa được Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, mà an trú trong Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt, là các pháp thường trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt, thì vì sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại phải tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát niệm Nhất thiết chủng trí, phải tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ rồi đem hết thầy công đức đó để cùng với hết thầy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Như

vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ tâm từ bi cùng các công đức khác.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát chẳng xa lìa 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên muốn được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải học và phải hành 6 pháp Ba-la-mật.

Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật mới được đầy đủ các thiện căn, dẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên Bồ tát phải tập hành 6 pháp Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải tập hành 6 pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải quán sắc chẳng hợp, chẳng tan; quán “thọ, tưởng, hành, thức” chẳng hợp, chẳng tan; dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí chẳng hợp, chẳng tan. Như vậy là Bồ tát tập hành 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải nên tự niệm rằng, “Ta chẳng nên trú trong sắc, chẳng nên trú trong “thọ, tưởng, hành, thức”... dẫn đến chẳng nên trú trong Nhất thiết chủng trí”. Như vậy là Bồ tát tập hành 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc chẳng có chỗ trú... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng có chỗ trú. Bồ tát dụng “vô sở trú pháp” để tập hành 6 pháp Ba-la-mật, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như có người muốn ăn trái am la hoặc trái ba la na, thì phải ương hạt, tùy thời bón phân, tưới nước, chăm sóc mãi như vậy cho đến khi cây cao lớn mới có được quả ăn được. Cũng như vậy, Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải học 6 pháp Ba-la-mật, phải dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định để nhiếp độ chúng sanh, độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

**Tập hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn chẳng tùy theo lời người khác, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật; muốn thanh tịnh Phật độ, muốn thành tựu chúng sanh, muốn tọa đạo tràng, muốn chuyển pháp luân, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn được tự tại ở nơi hết thảy các pháp, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì được Bát nhã Ba-la-mật, thì ở nơi hết thảy các pháp đều tự tại.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Trong hết thảy các pháp, Bát nhã Ba-la-mật là tối đại. Ví như biển lớn dung chứa các nguồn nước từ nhiều dòng sông chảy về, là tối đại. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp hết thảy các pháp, là tối đại.

Bởi vậy nên người muốn cầu Thanh Văn đạo, muốn cầu Bích Chi Phật đạo... dẫn đến muốn cầu Bồ tát đạo, đều phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nhà thiện xạ điều khiển cung tên như ý muốn, nên chẳng sợ kẻ thù. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thẳng đến Nhất thiết chủng trí, chẳng còn bị các ma phá hoại nữa.

Bởi vậy nên, Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật được chư Phật trong khắp 10 phương hộ niệm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, mà được chư Phật 10 phương thường hộ niệm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được chư Phật trong khắp 10 phương hộ niệm, vì hành bố thí mà chẳng đắc bố thí, hành trì giới, nhẫn

nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ v.v... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí mà chẳng đắc. Do Bồ tát được hết thấy pháp bất khả đắc như vậy, nên được chư Phật trong 10 phương thường hộ niệm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật chẳng niệm sắc, chẳng niệm “thọ, tướng, hành, thức”... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát học rất nhiều mà thật chẳng có chỗ học vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát học rất nhiều, mà chẳng có chỗ học. Vì sao? Vì chỗ học của Bồ tát là chỗ học các pháp đều bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư Phật khi thuyết pháp, dù rộng thuyết, dù lược thuyết, đều dạy Bồ tát “Muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, phải học 6 pháp Ba-la-mật”; dù rộng thuyết, dù lược thuyết, đều dạy Bồ tát phải thọ trì, thân cận, đọc tụng 6 pháp Ba-la-mật, rồi phải tư duy, chánh quán, chẳng để các tâm và tâm sở pháp hiện hành.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Dù thuyết rộng hay thuyết hẹp, thì Bồ tát học 6 pháp Ba-la-mật đều phải biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải làm thế nào để biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Biết sắc là như tướng, biết “thọ, tướng, hành, thức” là như tướng,... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là như tướng, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào

gọi là sắc như tướng... dẫn đến thế nào gọi là Nhất thiết chủng trí như tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc như tướng là sắc chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng là Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt.

Đây là sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng, Bồ tát phải như vậy mà học.

Lại nữa, Bồ tát biết thật tế của hết thấy các pháp, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thật tế của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Vô tế” là “thật tế”. Bồ tát học “vô tế” như vậy, nên biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Lại nữa, Bồ tát biết pháp tánh của hết thấy các pháp, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là pháp tánh của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh gọi là pháp tánh. Tánh ấy chẳng phân (vô phân), cũng chẳng phải chẳng phân (vô phi phân). Do biết pháp tánh, mà Bồ tát biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát lại còn phải làm thế nào để biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát lại phải biết hết thấy các pháp là chẳng hẹp, chẳng tan.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì chẳng hợp, chẳng tan.**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng hợp, chẳng tan, “thọ, tướng, hành, thức” chẳng hợp, chẳng tan... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng hợp, chẳng tan; hữu vi tánh chẳng hợp, chẳng tan,... dẫn đến vô vi tánh chẳng hợp chẳng tan. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, nên là chẳng hợp, chẳng tan.

Nếu các pháp là tự tánh không, thì tức là “phi pháp”; vì là chẳng phải pháp, nên là chẳng hợp, chẳng tan. Như vậy, gọi là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy gọi là Bồ tát lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.**

**Bạch Thế Tôn!** Bồ tát sơ phát tâm phải học lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật như vậy... dẫn đến Bồ tát thập địa cũng phải học lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật như vậy. Bồ tát học lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề nghe nói Bồ tát có căn tướng thông lợi, khiến trú nơi 1 Ba-la-mật có thể được đầy đủ cả 5 Ba-la-mật kia là việc rất hy hữu, nên bạch Phật: Bồ tát phát tâm trong bao nhiêu lâu mới được các lực phương tiện như vậy?

**Phật dạy:** Ngoại trừ các bậc đại Bồ tát, các Bồ tát khác phát tâm trong vô lượng kiếp, mới có được đầy đủ các lực phương tiện như vậy. Vì từ sơ phát tâm trở về sau, Bồ tát còn bị nhiều tội lỗi ngăn che tâm tánh, khiến chẳng thấy các đức Phật, chẳng thân cận, cúng dường các đức Phật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Bồ tát đã cúng dường bao nhiêu đức Phật, mới có được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Bồ tát đã cúng dường hằng sa đức Phật. Có Bồ tát đã cúng dường nhiều đức Phật, dù chưa phát tâm tu, chưa trông thiện căn mà nghĩ rằng, “Ta thâm hành 6 pháp Ba-la-mật, ắt sẽ được quả báo lành, vì thâm hành 6 pháp Ba-la-mật là con đường dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Làm được công đức như vậy cũng gọi là trông thiện căn rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Bồ tát đã trông thiện căn như thế nào?

Phật dạy: Từ khi sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, hành tất cả các phước đức, tu tập hết thảy các thiện pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy, bạch Phật: Thật là hy hữu. Bồ Tát hành pháp như vậy được đại lực phương tiện; dù chưa đoạn sạch phiền não, chưa ra khỏi các đường sanh tử, mà đã được xem như đã đoạn sạch phiền não, đã thoát ly sanh tử. Từ vô thi đến nay, nếu đã làm các ác pháp gì, thì hậu tâm của Bồ tát chẳng làm nữa, lại chẳng còn tùy tập các ác tâm nữa. Thật là hy hữu. Dù chúng sanh vô ơn, Bồ tát vẫn thường làm lợi ích cho họ; dù chúng sanh muốn đến sát hại, Bồ tát vẫn dùng mọi phương tiện để đem lại phước lạc và trí huệ cho họ. Các việc làm như vật thật là hy hữu.

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, và nêu lên các thí dụ sau đây để làm sáng tỏ vấn đề thêm nữa:

- Mặt trăng và mặt trời tỏa ánh sáng, chiếu khắp 4 châu thiên hạ. Nếu chẳng có mặt trăng, mặt trời, thì vạn vật sẽ chẳng có thể sanh trưởng được. Có mặt trăng cho âm khí, có mặt trời cho dương khí, thì vạn vật mới sanh trưởng được. Lợi ích của Bồ tát đối với hết thảy chúng sanh cũng là như



vậy. Bồ tát dùng tâm đại bi, thương xót tất cả các loài chúng sanh, nên phát nguyện hành hết thảy các thiện pháp, lại dùng đại trí huệ, đem 6 pháp Ba-la-mật gieo vào lòng chúng sanh, khiến các thiện pháp được tăng trưởng, dẫn chúng sanh thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề.

- Chúng sanh tuy có đôi mắt sáng, nhưng nếu chẳng có ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, thì chẳng có thể thấy được gì cả. Cũng như vậy, chúng sanh, dù có thể trí biện thông, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, thì đến quả Nhị thừa còn chẳng được, huống nữa là được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát tuy có hành 5 Ba-la-mật kia, nhưng nếu chẳng có được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật Ba-la-mật, thì chẳng thể gọi là hành các Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu chẳng phá được sự chấp tâm, chẳng được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì dù có đem thân mạng ra bố thí, thì tâm bố thí đó cũng bị phá hoại. Ví như người phụ nữ chẳng có chồng rất dễ bị xâm phạm. Trái lại, nếu được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì tâm bố thí đó chẳng thể bị phá hoại. Cho nên, dù Bồ tát có tu tập các thiện pháp, mà nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì chẳng thể gọi là hành các Ba-la-mật, mà chỉ được gọi là hành các thiện pháp mà thôi.

Ví như vị chuyển luân thánh vương thường có 8 vạn 4 ngàn vị tiểu vương châu hầu, có đầy đủ 7 báu<sup>\*</sup>, lại thường ngự trên kim luân bảo do các thiên vương dâng hiến, đi khắp

---

\*. Bảy báu (Thất bảo) nói đây là 7 thứ quý báu nhất của vị chuyển luân thánh vương, gồm: 1) Luân bảo, còn gọi là kim luân bảo, là cỗ xe quý bằng vàng ròng. 2) Tượng bảo là con voi quý. 3) Mã bảo là con ngựa quý. 4) Nữ bảo là người đàn bà đẹp nhất được chọn làm vị hoàng hậu. 5) Bảo ma ni châu là viên ngọc quý. 6) Chủ tạng thần là vị quan giữ kho báu. 7) Chủ binh thần là vị quan thống lãnh các binh chủng.

4 châu thiên hạ, mới được gọi là chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, Bồ tát tuy hành các thiện pháp, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, thì chẳng thể gọi là hành các Ba-la-mật được. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng có thể trừ được các chướng ngại, nên chẳng hành Bồ tát đạo được.

Ví như 1 nước có binh hùng, tướng mạnh, có đầy đủ vũ khí, thì các nước láng giềng chẳng thể xâm chiếm được. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì các loài ma chẳng thể phá hoại được.

- Lại ví như nước từ nhiều dòng sông, khi đã chảy vào biển lớn chỉ còn một vị mặn. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, khi đã được Bát nhã Ba-la-mật đưa vào Nhất thiết chủng trí, cùng với Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sai khác nữa.

Tóm lại, người tu 5 Ba-la-mật kia phải được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, dẫn đạo, mới đến được Nhất thiết chủng trí vậy.

-o0o-

Chỉ có những hạng người chưa được thánh đạo mới thường hủy báng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Những hạng người này dù có hành thiện pháp, nhưng tâm chẳng cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng; họ thấy ác ma đến thọ ký, tin theo lời ác ma, nên khởi tâm kiêu mạn, khinh khi các người khác. Đây là trường hợp các ngoại đạo phạm chí, các Bồ tát tăng thượng mạn.

Những hạng người này chẳng hành được thật tướng pháp, chẳng nên vì họ thuyết về bố thí, mà nên khuyên họ hành “bình đẳng pháp”, là cửa ban đầu để nhập vào Bát nhã Ba-la-mật.

Còn đối với người độn căn, hoặc đã có phạm trọng tội, thì nên dạy họ hành bố thí để phá xan tham, hành trì giới để phá

phiền não, hành nhẫn nhục để khai phước đức, hành tinh tấn như gió thổi lửa cháy để tiêu trừ giải đãi, hành thiền định để nhiếp tâm quán thật các tướng pháp.

**Hỏi:** *Vì sao nói 5 Ba-la-mật kia phải được Bát nhã Ba-la-mật thủ hộ mới vào được Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Trước đây đã nói rằng Bát nhã Ba-la-mật có rất nhiều tên. Ví như Tát Bà Nhã, Nhất Thiết Chủng Trí... là những tên khác của Bát nhã Ba-la-mật.

Tu 5 Ba-la-mật kia là tu phước đức; tu Bát nhã Ba-la-mật là tu trí huệ. Được thanh tịnh Bát nhã Ba-la-mật là vào được Phật đạo. Nơi đây, Bát nhã Ba-la-mật đổi tên là Tát Bà Nhã, hay là Nhất Thiết Chủng Trí.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây có nêu lên nhiều thí dụ cho thấy vai trò dẫn đạo của Bát nhã Ba-la-mật:

- Người dùng tay phải làm các công việc được nhiều thuận lợi hơn người dùng tay trái, dụ cho người tu có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn người tu mà chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

- Người có mắt sáng thành tựu dễ dàng các công việc, dụ cho người tu có được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật soi sáng có thể thành tựu được các công đức.

- Vị Chuyển luân thánh vương ngự trên luân bảo dẫn đạo 4 binh chủng, dụ cho Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo 5 Ba-la-mật kia, phá tan giấc phiền não, thẳng đường đến Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn có phân biệt, chẳng còn có thương ghét, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Nơi đây, Phật nói lên các nhân duyên rằng, “Hết thấy các pháp đều là tánh không, là vô sở hữu”.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy, bèn hỏi Phật: Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu, thì làm sao Bồ tát tu 6 pháp Ba-la-mật mà vào được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là hành rốt ráo không. Vì chúng sanh chẳng biết như vậy, nên sanh tâm chấp đắm. Do vậy mà Bồ tát tự niệm rằng: “Nếu chẳng dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng sao độ thoát được chúng sanh.”

Lực phương tiện, nói ở đây, bao gồm sắc thân của Bồ tát, các pháp môn mà Bồ tát tu tập như: 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Bồ tát có được các lực phương tiện như vậy, mới giáo hóa chúng sanh, khiến họ sanh tâm tín thọ. Người có đầy đủ các lực phương tiện như trên, thì hết thấy lời nói ra đều được chúng sanh tín thọ.

Chư Phật và chư đại Bồ tát biết rõ thật tướng pháp tức là Niết Bàn tướng, nhưng vì lợi ích chúng sanh, mà các ngài phải hành đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật để hóa độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Nếu các pháp là rốt ráo không, thì là chẳng có sai khác nhau. Như vậy vì sao nói trong các Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu, tối đại?

Phật dạy: Trong rốt ráo không, thì các Ba-la-mật chẳng có khác biệt nhau, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng thể được gọi là Ba-la-mật. Chỉ khi nào

được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, đưa đến Nhất thiết chủng trí rồi, thì 5 Ba-la-mật kia mới cùng với Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sai khác nữa. Bởi vậy nên nói “Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu, tối đại”.

Ngài Tu Bồ Đề muốn được Phật giải thêm, nên lại hỏi: Theo như thật nghĩa, thì chẳng có sai khác; vì sao nói trong các Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là hơn hết? Người chưa vào được thánh đạo “không”, thì thấy có sai khác. Nay đã vào được thánh đạo “không” rồi, thì ở nơi đệ nhất nghĩa, thánh đạo “không” là tối thượng. Người đã tin được như vậy, thì chẳng thấy có sai khác vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Sở dĩ nói có 6 Ba-la-mật, thì đó là dùng thế trí để phân biệt nói ra. Vì sao? Vì người đời chẳng thể hiểu được thật tướng pháp, nếu nghe nói về thật tướng pháp, thì họ sẽ càng thêm mê muội, càng thêm nghi hời. Nếu dùng thế đế, dùng ngôn ngữ thế gian, thì phải phân biệt nói có 6 pháp Ba-la-mật để giáo hóa chúng sanh; nhưng nếu dùng Đệ nhất nghĩa đế, thì chúng sanh vốn là không, các pháp cũng vốn là không, nên đều là chẳng có sanh, chẳng có khởi. Bát nhã Ba-la-mật tuy là không mà thường khai thị các pháp như vậy nên là đệ nhất, vi diệu, tối thượng trong các Ba-la-mật. Cũng như trong hàng phụ nữ, thì Ngọc nữ là đệ nhất, vi diệu, tối thượng.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Do ý gì mà Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là tối diệu, tối thượng?

Phật dạy: Vì Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy các thiện pháp, dẫn đến Nhất thiết chủng trí, và trú trong đó, mà chẳng trú vậy. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là không, Nhất thiết chủng trí là không, nhưng nhờ có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, mà 5 Ba-la-mật kia đều đến được Nhất thiết chủng trí vậy.

**Hỏi:** *Hành các thiện pháp là có thể đến được Nhất thiết chủng trí, vì sao nói chỉ có Bát nhã Ba-la-mật mới là điều pháp dẫn đến Nhất thiết chủng trí?*

**Đáp:** Tuy nói dẹp phá được các phiền não là vào được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng phải biết rằng trong sự dẹp phá phiền não này, thì công sức của trí huệ là tối đại. Ví như đại quân phải nhờ có sự chỉ huy sáng suốt của vị chủ tướng, thì mới thắng được quân giặc.

Như có thuyết nói, “Nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì các thiện pháp chẳng sao đến được Nhất thiết chủng trí; còn Bát Nhã riêng một mình vẫn có thể thẳng đến Nhất thiết chủng trí.”

**Hỏi:** *Trong kinh có nói, “Ở cõi nước của đức Phật Sư Tử Lô Ím, có các cây báu trang nghiêm, thường phát ra vô lượng âm thanh thắng diệu, nói lên các nghĩa về không, về vô sanh, về vô diệt v.v... của hết thảy các pháp”. Đây là nói nhân duyên các chúng sanh ở cõi nước ấy, từ khi mới sanh ra đời chẳng hề khởi ác tâm; khi nghe được các âm thanh đó là liền được vô sanh pháp nhẫn. Tất cả các chúng sanh ở cõi nước ấy chẳng cần tu các thiện pháp, chẳng cần bố thí, trì giới v.v... mà vẫn được đạo.*

*Lại nữa, có những người cuồng si, những người say rượu v.v... chỉ theo Phật nghe thuyết về 4 thánh đế, mà tức thời được đạo.*

*Như vậy vì sao chẳng nói đến các trường hợp này?*

**Đáp:** Các trường hợp nêu trên đây chẳng phải là các trường hợp được đạo của hàng Bồ tát.

Mẫu đối thoại sau đây giữa ngài Tu Bồ Đề và Phật sẽ giải thích rõ về nghi vấn này.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, chẳng chấp thánh pháp, cũng chẳng xả phàm phu pháp. Như vậy vì sao lại nói Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy các thiện pháp, đưa hết thảy các thiện pháp đến an trú trong Nhất thiết chủng trí; trú trong đó, mà chẳng có trú?

Phật dạy: Đúng như vậy. Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ các pháp, cũng chẳng xả các pháp. Đó là nghĩa. “Tuy rằng Bát nhã Ba-la-mật đưa hết thảy các thiện pháp vào Nhất thiết chủng trí, mà chẳng chấp, chẳng trú”.

Nơi đây, Phật nói lên nhân duyên hết thảy pháp đều chẳng có tướng khả thủ (có thể thủ), chẳng có tướng khả xả (có thể xả). Vì sao? Vì các pháp, từ sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều theo nhân duyên sanh, nên là chẳng thủ, chẳng xả vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng niệm các pháp thì làm sao mà tăng trưởng được thiện căn? Nếu thiện căn chẳng được tăng trưởng, thì làm sao đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát trú nơi 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” nên diệt các pháp tướng ngay trong ức niệm. Vào trong 3 giải thoát môn tức là vào trong thật tướng pháp. Bởi vậy nên, tuy Bồ tát có thành tựu thiện căn, mà chẳng chấp tướng thiện căn.

Ví như khi trồng lúa, dù cây mạ tốt mà trong ruộng đầy dẫy cỏ dại, thì cây lúa mọc lên sẽ chẳng thể tăng trưởng tốt đẹp được. Cũng như vậy, do chúng sanh thường ức niệm, thường chấp tướng nên thường sanh vào trong 3 cõi; trái lại, nếu chẳng ức niệm thì chẳng chấp, mà nếu chẳng chấp, thì chẳng sanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy, liền tư duy, trừ lượng, rồi tự nghĩ rằng, “Nếu các pháp là rốt ráo không, thì là vô sở hữu; mà đã là vô sở hữu, thì cũng là vô sở đắc, vô sở trú vậy”.

Do suy nghĩ như vậy, nên ngài hỏi Phật: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật sẽ an trú ở chỗ nào, và sẽ đắc pháp gì?

Phật dạy: Bồ tát chẳng trú nơi hết thấy pháp, dẫn đến chẳng trú nơi “chỗ chẳng trú” đó. Do chẳng trú nên chẳng chấp, Bồ tát chẳng thấy pháp có thể chấp, chẳng thấy pháp có thể trú... dẫn đến chẳng thấy người chấp pháp, chẳng thấy có người trú pháp. Bồ tát trú pháp như vậy, nên chẳng có ai có thể phá hoại được.

Trái lại, nếu Bồ tát trú trong chúng sanh không và trong pháp không, mà còn dấy niệm nghĩ rằng, “Ta có hành pháp như vậy”, thì đó là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có chấp tướng, mà Bồ tát dụng ngã tâm, bên ngoài chấp pháp không, bên trong chấp ngã không. Như vậy là chẳng phải như thật hành Bát nhã Ba-la-mật, là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng chấp tướng, là tánh không. Nếu chấp “không” là có lỗi, phải phá chấp “không” mới vào được Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, nếu còn chấp Bát Nhã vô tánh cũng là có lỗi. Do có 2 lỗi lầm đó, nên chẳng thể được thọ ký.

Lại nữa, nếu dấy niệm, “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật thường sanh bố thí, trì giới v.v... cũng là có lỗi”.

**Hỏi:** *Nói đến 2 lỗi lầm trên còn hợp lý; nhưng vì sao nói “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật” cũng có lỗi?*

**Đáp:** Người phạm 2 lỗi lầm, hoặc chấp không, hoặc chấp vô tánh pháp đều có lỗi. Hạng người này chẳng tu được các công đức bố thí, trì giới v.v..., rồi dẫn sanh tà kiến, dấy niệm nghĩ rằng, “nếu các pháp đều không, thì phải y vào đâu mà tu hành?”



Lại có người, tuy chẳng chấp không, chẳng chấp vô tánh pháp, nhưng nếu còn dấy niệm rằng, “Ta phải chẳng chấp không, chẳng chấp vô tánh pháp, mà hành các công đức, mới thật là hành chân đạo”, thì đó cũng là có lỗi. Vì sao? Vì tâm còn hy vọng, còn mong cầu, nên mất Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu mất Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng hành được bố thí, trì giới v.v... dẫn đến chẳng sanh được tâm đại bi. Vì sao? Vì Vô Thượng Bồ Đề là chân thật pháp, nên người dụng tâm chấp mà hành Bát nhã Ba-la-mật chỉ là hành tương tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Trái lại, nếu người niệm hết thấy các pháp mà chẳng chấp tướng, thì chư Phật liền biết người ấy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, có người cầu “không”, cầu “vô tánh”, nhưng biết mình chưa tận đoạn phiền não, chẳng thể làm Phật được, nên chỉ nghe lời Phật mà chẳng tư duy, phân biệt, tự mình chẳng như thuyết tu tập, thì cũng có lỗi. Vì sao? Vì chư Phật trú nơi vô sở đắc, mà người này chỉ chấp nghĩa; vì các pháp đều là tướng tịch diệt, chẳng có hý luận, mà người này chỉ chấp giả danh tự vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Người chấp không cũng có lỗi, mà người trú trong không cũng có lỗi”, nên ngài hỏi Phật: Hành giả phải làm sao để tránh những lỗi lầm như vậy?

Phật dạy: Nếu biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, là chẳng thể chấp, chẳng thể thủ, chẳng thể đắc, mà tu hành, thì như vậy là chẳng có lỗi lầm. Trái lại, nếu chấp rốt ráo không, chấp vô tánh, chấp chỗ hành Bồ tát đạo v.v... thì đều là có lỗi cả. Bồ tát hành Bồ tát đạo phải xả tâm chấp. Nếu còn chấp chỗ Phật hành đạo, mà dấy niệm rằng, “Chỗ Phật hành đạo là chân thật đạo; ta cũng phải theo Phật hành hết

thấy các pháp vô sở hữu, bất khả thủ, bất khả đắc”, thì như vậy cũng là có lỗi. Vì sao? Vì Bồ tát phải biết rằng ở trong tâm Phật, thì chỗ đắc là vô sở đắc. Nếu Bồ tát biết rõ chỗ đắc của chư Phật là vô sở đắc, thì chẳng còn tham quý chư Phật, chẳng còn khinh khi người hạ tiện. Do nghĩ như vậy mà khởi sanh được tâm bình đẳng, vô phân biệt. Như vậy mới là hành thanh tịnh Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có các lỗi lầm. Vì sao? Vì chẳng ly tự tướng, thì có lỗi chấp pháp; ly tự tướng là chẳng chấp pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Nếu ly tự tướng, thì làm sao mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Nếu Bồ tát, ở nơi hết thấy các pháp, chẳng sanh tâm, thì đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ tát chẳng niệm sắc, chẳng niệm sắc ấy là gì... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là gì, thì đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ tát chẳng thấy sắc là thường hay vô thường, là khổ hay là lạc, là ngã hay là vô ngã, là không hay là bất không, là ly hay là phi ly, thì đó là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Sắc là như vậy... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy, là rốt ráo không, là chẳng có sanh, chẳng có khởi, nên là chẳng có thể tầm cầu mà được vậy. Vì sao? Vì tánh chẳng thể sanh tánh, vô tánh chẳng thể sanh vô tánh.

Như vậy, công đức phá các chấp điên đảo, đưa đến thật luận nghị đều do nơi lực Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu. Bởi vậy nên 5 Ba-la-mật kia đều tùy theo Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như vị chuyên luân thánh vương đi đâu, thì 4 binh chủng đều theo bảo luân mà hành động. Cũng như vậy, hết thấy các thiện pháp đều được Bát nhã Ba-la-mật đưa về Phật tánh, để cùng đến Phật đạo.

Ví như người dùng xe “tứ mã” để đi đến một nơi nào, tuy nói nhờ xe, nhờ ngựa, nhưng thực sự phải có người đánh xe khéo điều khiển 4 con ngựa mới đưa cỗ xe đến nơi đến chốn được. Cũng như vậy, tuy hành bố thí, trì giới v.v... đều có công đức, nhưng phải có sự dẫn đạo của Bát nhã Ba-la-mật, thì mới mong đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Thế nào gọi là đạo và thế nào gọi là phi đạo của Bồ tát?

Phật dạy: Nhị thừa đạo là phi đạo của Bồ tát; hành Bát nhã Ba-la-mật dẫn đến Phật đạo là đạo của Bồ tát. Lời ta nói đây là y nơi nhân mà nói đến quả. Người theo thô sự, do chẳng hiểu đến, nên chẳng có nghi; người theo tế sự mới nghi, nên mới nạn hỏi.

Ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ tán thán, và bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật vì đại sự nhân duyên mà khởi.

Phật dạy: Đúng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật vì đại sự nhân duyên mà khởi. Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường đến Vô Thượng Bồ Đề, vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt, là các pháp thường trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là vô sanh, vô diệt thì vì sao Bồ tát còn hành bố thí, trì giới... để làm gì nữa?

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là vô sanh, vô diệt, là rốt ráo không. Vì là rốt ráo không nên chẳng ngăn ngại sự tu tập 6 pháp Ba-la-mật. Bồ tát vì nhất thiết chủng trí mà hành bố thí, trì giới v.v... để rồi đem hết thảy các công đức ấy, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Trong sự hồi hướng đó, Bồ tát được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ tâm từ bi, xa lìa các chấp điên đảo, dụng tâm bình đẳng thành tựu các thiện căn công đức.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát phải tập hành 6 pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát phải quán hết thấy pháp chẳng hợp, chẳng tan. Các pháp do nhân duyên hòa hợp mà giả danh tạm có, nhưng phàm phu do điên đảo chấp tướng mà hư vọng cho là có hợp, có tan. Vì biết rõ các pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, đều như huyễn, như hóa nên Bồ tát thường giữ tâm thanh tịnh, chẳng hề sanh tâm cao ngạo.

Lại nữa, vì biết rõ các pháp đều chẳng có trú xứ, nên Bồ tát an trú trong “vô trú pháp” mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh có nêu thí dụ: Nhân là Bát nhã Ba-la-mật, quả là Vô Thượng Bồ Đề. Người muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải gây nhân Bát nhã Ba-la-mật. Ví như phải ương hạt mới có cây, phải bón phân, tưới nước, cho cây lớn lên rồi mới có quả ăn được. Cũng như vậy, Bồ tát phải trồng chánh nhân làm Phật, tức là Bát nhã Ba-la-mật, lại phải hành đầy đủ cả 5 Ba-la-mật kia; tuy nay chưa có quả mà thời gian sau quyết định sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh cũng có nói, “Bồ tát chẳng nên tùy theo người tu các hạnh khác, mà phải tu thật tướng pháp. Nếu có người tà kiến đến phá, thì cũng chẳng nên tùy thuận theo. Vì sao? Vì muốn thanh tịnh Phật độ, muốn thành tựu chúng sanh, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Hết thấy các pháp tướng đều bình đẳng. Như vậy vì sao Bồ tát phải tu học Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Nếu học Bát nhã Ba-la-mật, thì ở nơi hết thấy pháp đều được tự tại. Cho nên, Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì ở trong hết thấy pháp thì Bát nhã Ba-la-mật là tối đại, ví như so với muôn ngàn con sông, thì biển cả

là lớn hơn hết. Nếu Bồ tát được tự tại ở nơi hết thấy pháp, thì chẳng ai có thể phá hoại được. Bồ tát thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được tương ưng với Phật nên được chư Phật trong khắp 10 phương hộ niệm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào mới được chư Phật khắp 10 phương hộ niệm?

Phật dạy: Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, mà phải quán 6 pháp ấy là rốt ráo không, mới được chư Phật 10 phương hộ niệm.

Bồ tát hành sắc... dẫn đến hành nhất thiết chủng trí, mà chẳng thọ, chẳng chấp, vì biết rõ hết thấy pháp đều là hư vọng, chẳng thật có, nên được chư Phật 10 phương thường hộ niệm. Vì sao? Vì lúc bấy giờ, Bồ tát đã chứng được pháp thân thanh tịnh, đồng thể tương ưng với chư Phật vậy.

-o0o-

Bồ tát học 6 pháp Ba-la-mật, nhưng đồng thời cũng học hết thấy các pháp thế gian. Bồ tát học các pháp của phàm phu mà biết rõ các pháp ấy cũng đều là rốt ráo không.

Bồ tát học khởi pháp, và cũng học diệt pháp. Còn phàm phu chỉ biết khởi mà chẳng biết diệt; hàng Nhị thừa học diệt mà chẳng học khởi. Bồ tát phải học cả khởi lẫn diệt, nên phải học nhiều. Đối với Bồ tát thì khởi pháp và diệt pháp đều là như mộng, như huyễn, nên tuy học nhiều, mà xem như chẳng có học gì cả. Do học như vậy, nên Bồ tát được vô sở đắc.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chư Phật thuyết pháp, dù thuyết rộng hay hẹp, thì chỗ nên học vẫn là chỗ vô sở đắc.

Ý Ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Bồ tát phải học đầy đủ 8 vạn 4 ngàn pháp môn trình bày đầy đủ trong 12 bộ kinh,

vừa rộng vừa hẹp, tổng nhiếp cả 3 thừa giáo, nhưng lại phải dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật để hành 6 pháp Ba-la-mật, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề. Hết thầy các pháp môn tu, dù rộng, dù hẹp, Bồ tát đều phải thân cận, tu học, tư duy, đọc tụng, mãi như vậy cho đến khi vào được vô tướng tam muội, chẳng để cho các tâm và tâm sở pháp hiện hành”.

Phật dạy: Bồ tát học như vậy mới biết được các tướng rộng, hẹp của hết thầy các pháp.

- Rộng là nói đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu, cùng vô lượng Phật pháp. Hẹp là nói đến 1 tiểu phẩm trong kinh Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến 1 đoạn nhỏ trích trong tiểu phẩm đó.

- Rộng là nói về vô lượng biệt tướng sai khác nhau của các pháp. Hẹp là nói hết thầy pháp đều là không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát phải làm thế nào để biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thầy các pháp?

Phật dạy: Biết hết thầy pháp là như tướng, là bất sanh, bất trú, bất dị, bất diệt, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thầy pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu như tướng là vô sanh tướng, thì làm sao có thể biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thầy pháp?

Phật dạy: Như tướng là thật tướng của các pháp, thường trú, bất hoại, chẳng có tùy thuộc theo các quán. Bồ tát được như tánh, nên phá được hết thầy các vô minh, tà kiến điên đảo. Vì như thật biết được thật pháp của vũ trụ, nên ở trong thế gian Bồ tát biết rõ được tổng tướng cùng biệt tướng của vạn vật. Trái lại, hàng phàm phu vì bị vô minh ngăn che chân trí huệ, chẳng có được huệ nhãn, nên chẳng có thể thấy biết

một cách chân thật được. Sự thấy biết của phàm phu đều là bệnh hoạn cả.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Pháp tướng chân thật là không, là vô tướng, là vô tác. Như vậy, khi trí huệ đã diệt rồi, thì làm sao biết được như thật pháp tướng? Làm sao biết được được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp?

Phật dạy: Vì ông ở nơi pháp tánh mà chấp tướng, nên mới nạn hỏi. Nếu ông biết rõ được “như tánh”, thì chẳng còn gì để nạn hỏi nữa. Vì sao? Vì “như tánh” là vô tướng, là như như, là rốt ráo không, nên chẳng ngại tổng tướng và biệt tướng. Lúc bấy giờ, Bồ tát đã thành tựu được huệ nhãn thanh tịnh, nên mới như thật biết, như thật thấy vậy. Ví như một người ở tuổi trưởng thành có thể thấy biết được những việc khờ dại mà mình đã làm trong thời thơ ấu.

Bồ tát sau khi đã có huệ nhãn thanh tịnh, đã vào được thật tướng các pháp rồi, lại thị hiện thọ thân, sanh vào trong 3 cõi để độ sanh.

Vì đã được giải thoát an lạc, đã thấy rõ 6 tình là hư vọng, là nguồn gốc khổ đau, nên dù vẫn dùng 6 căn, duyên 6 trần, khởi 6 thức, mà Bồ tát vẫn thường thấy tịch diệt. Như vậy gọi là Bồ tát biết tổng tướng và biệt tướng của các pháp.

Bồ tát biết rõ các pháp thế gian, dù bậc thượng, trung, hay hạ đều là bất tịnh, là vô thường, khổ, không, vô ngã, lại biết rõ 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu ở thế gian cũng lầm lỗi, như vậy gọi là Bồ tát biết tổng tổng tướng và biệt tướng của các pháp.

Bồ tát cũng biết rõ “như như pháp tánh thật tế” là gốc của vạn vật nên biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp đều là “như như pháp tánh thật tế”, nhưng vẫn tùy thuận thế gian mà phân biệt mỗi pháp có tướng sai khác.

Phật dạy: “vô tế” là “thật tế” là vô tướng, nên chẳng có pháp có thể chấp.

Khi đã biết rõ “pháp tánh”, thì biết rõ hết thảy các sắc tánh đều là pháp tánh, đều là “vô phân”, “vô phi phân” cả.

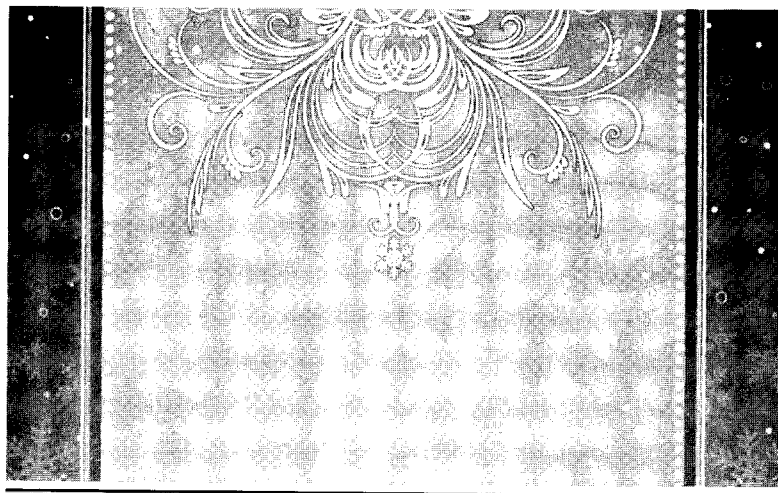
- Nói “vô phân” là nói các pháp chẳng thể chi bày được. Đây cũng có nghĩa là vô tướng, vô lượng, vô phân biệt.

- Nói “vô phi phân” là chẳng chấp vô tướng, chẳng chấp vô lượng, là phá hết thảy tướng và lượng, phá hết thảy các pháp tướng.

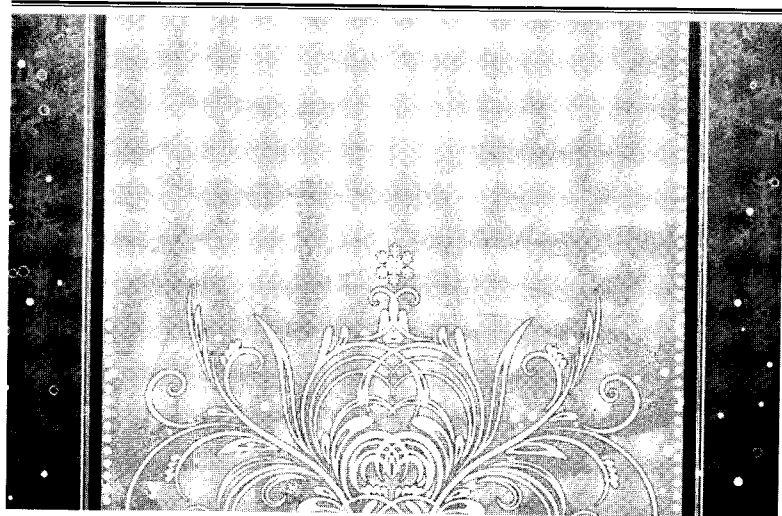
Bồ tát vào 3 giải thoát môn “Không, Vô Tướng và Vô Tác”, trú trong “Như như bình đẳng pháp”, nên biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp.

(Hết quyển 82)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 83**





## Phẩm Thứ Sáu Mười Chín (TIẾP THEO)



### Đại Phương Tiện (tiếp theo)

**KINH:**

Bạch Thế Tôn! Các bậc đại Bồ tát lợi căn mới nhập vào được pháp môn này chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát độn căn cũng có thể nhập vào pháp môn này. Bồ tát trung căn, Bồ tát tán tâm cũng đều có thể nhập vào pháp môn này.

Pháp môn này chẳng có trở ngại. Nếu Bồ tát nào nhất tâm học cũng có thể nhập vào pháp môn này. Nếu giải đãi, ít tinh tấn, thất niệm, tán loạn, thì chẳng có thể nhập vào pháp môn này.

Người tinh tấn, chẳng giải đãi, chánh ức niệm, nhiếp tâm có thể vào được. Người muốn cầu bậc bất thối chuyển, muốn mau được Nhất thiết chủng trí có thể vào được.

Bồ tát phải học đúng như thuyết trong Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến phải học đúng như thuyết trong Đàn Ba-la-mật.

Bồ tát học như vậy sẽ mau được Nhất thiết chủng trí.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu có được bao nhiêu ma sự Bồ tát phải liền diệt. Bởi vậy nên muốn có được các lực phương tiện, Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát nào như vậy hành, như vậy tập, như vậy tu, sẽ được vô lượng chư Phật ở khắp vô lượng thế giới hộ niệm.

Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật ở quá khứ, ở hiện tại và ở vị lai. Thế nên, Bồ tát phải tự niệm rằng, “Đây là pháp mà 3 đời chư Phật được; ta cũng sẽ được pháp ấy”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như vậy, phải tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy, phải tu Bát nhã Ba-la-mật như vậy mới mau được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nên, Bồ tát thường phải chẳng xa lìa Tát Bà Nhã tâm.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì chỉ trong khoảng khảy móng tay cũng đã có được phước đức rất nhiều, thù thắng hơn phước đức của người dạy cho chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới tu bố thí, tu trì giới, tu thiền định, tu trí huệ, khiến họ được giải thoát, được giải thoát tri kiến, được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, được đạo Bích Chi Phật. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ, xuất sanh ra các quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, xuất sanh ra đạo Bích Chi Phật.

Trong khắp 10 phương, chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại và chư Phật vị lai đều từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra cả.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Trong khoảng khảy móng tay, trong một ngày, trong một tháng, trong một năm, ... trong một kiếp... dẫn đến trong vô số kiếp, Bồ tát phải thường niệm Nhất thiết chủng trí, thường hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy được phước đức rất nhiều, thù thắng hơn phước đức của người dạy cho chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp 10 phương tu bố thí, trì giới, thiền định, khiến họ được giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến

quả A-la-hán, được đạo Bích Chi Phật.

Vì sao? Vì chư Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật, tuyên thuyết bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ, mới có được giải thoát, giải thoát tri kiến, có được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, đạo Bích Chi Phật.

Nếu có Bồ tát nào đúng như Bát nhã Ba-la-mật sở thuyết mà an trú thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển. Bồ tát ấy được chư Phật hộ niệm.

Nếu có Bồ tát nào thành tựu được các lực phương tiện như vậy, thì phải biết:

- Đó là vị Bồ tát đã thân cận, cúng dường vô lượng ngàn, muôn, ức chư Phật, đã gieo trồng thiện căn nơi chư Phật, đã từ lâu hành 6 pháp Ba-la-mật, 18 pháp không... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí.

- Đó là vị Bồ tát đã trú bậc pháp vương tử, đã đầy đủ các hạnh nguyện, trọn chẳng ly chư Phật, chẳng ly thiện căn, đã thường đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác.

- Đó là vị Bồ tát đã được biện tài vô ngại, đã đầy đủ các đà la ni, đã được thọ ký, nhưng vì chúng sanh mà thọ thân.

- Đó là vị Bồ tát đã thông đạt tự môn và phi tự môn, đã khéo biết chỗ nên nói, chỗ chẳng nên nói; đã khéo biết chỗ nên nói ít lời hay nhiều lời; đã khéo biết tiếng người nam hay người nữ; đã khéo biết sắc, thọ, tướng, hành, thức; đã khéo biết tánh thế gian và tánh Niết Bàn; đã khéo biết các pháp tướng; đã khéo biết hữu vi tướng và vô vi tướng; đã khéo biết hữu pháp và vô pháp; đã khéo biết tự tánh và tha tánh; đã khéo biết hợp pháp và tán pháp; đã khéo biết tương ưng pháp và bất tương ưng pháp; đã khéo biết thế nào là như thật biết và thế nào là

chẳng như thật biết; đã khéo biết pháp tánh và pháp vị; đã khéo biết duyên và vô duyên; đã khéo biết âm, giới, nhập; đã khéo biết 4 đế, 12 nhân duyên; đã khéo biết 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đã khéo biết 6 Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí; đã khéo biết hữu vi tánh và vô vi tánh; đã khéo biết hữu tánh và vô tánh; đã khéo biết quán sắc, quán thọ, quán tưởng, quán hành, quán thức... dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí; đã khéo biết là sắc tướng không... dẫn đến Bồ đề là Bồ đề tướng không, đã khéo biết xả đạo và bất khả đạo; đã khéo biết sanh, trú, diệt; đã khéo biết tham, sân, si, đã khéo biết bất tham, bất sân, bất si, đã khéo biết tà kiến, chánh kiến cùng hết thấy kiến chấp; đã khéo biết danh sắc; đã khéo biết nhân, nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên; đã khéo biết các hành tướng; đã khéo biết khổ, tập, diệt, đạo; đã khéo biết địa ngục và xu hướng đọa địa ngục, ngạ quỷ và xu hướng đọa ngạ quỷ, súc sanh, và xu hướng đọa súc sanh, người và xu hướng làm người, Trời và xu hướng làm Trời, a tu la và xu hướng làm A tu la; đã khéo biết 4 quả Thanh Văn và Thanh Văn đạo, quả Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo, Phật và Phật đạo; đã khéo biết Nhất thiết chủng trí; đã khéo biết các căn và các căn đầy đủ; đã khéo biết huệ, tật huệ, hữu lực huệ, lợi huệ, xuất huệ, đạt huệ, quảng huệ, thâm huệ, đại huệ, vô đẳng đẳng huệ và thật huệ; đã khéo biết quá khứ, hiện tại và vị lai; đã khéo biết phương tiện tùy thuận chúng sanh; đã khéo biết tâm và thâm tâm; đã khéo biết nghĩa và ngữ; đã khéo biết phân biệt 3 thừa giáo.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật được các lợi ích như vậy.

**LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Chỉ có các đại Bồ tát lợi căn mới có thể nhập vào pháp môn này chăng?

Ý ngài muốn nói rằng, “Người an trú trong tinh tấn, trong chánh niệm, trong chánh định, trong chánh kiến là đã được an ổn. Nhưng phải bậc lợi căn, minh trí mới vào được thâm Bát nhã Ba-la-mật”.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ có những người lợi căn, minh trí mới có thể vào được thâm pháp này.

Ý Phật muốn nói, “Chỉ cần nhất tâm, tinh tấn cầu học là có thể vào được”. Ví như trong mùa nóng bức mà vào được nơi có hồ nước ắt là được mát mẻ. Những ai có mắt sáng, có đôi chân lành lặn đều có thể được vào nơi đây, nếu thật sự muốn vào. Những người ở cạnh bên hồ mà chẳng có ý muốn vào, thì cũng chẳng vào nơi đây. Cũng như vậy, hồ Bát nhã Ba-la-mật mát mẻ, có 4 cửa dẫn vào; chúng sanh ở khắp 4 phương đều có thể vào được cả, chẳng có gì ngăn ngại.

Người chẳng giải đãi là người an trú trong tinh tấn; Người chẳng vọng niệm là người an trú trong chánh niệm; người chẳng loạn động là người an trú trong chánh định; người chẳng có tà kiến là người an trú trong chánh kiến. Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh kiến là 4 cửa dẫn vào Bát nhã Ba-la-mật. Qua được 4 cửa này, là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ 8 thánh đạo, vào được Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề là Thanh Văn Tiểu thừa nên nghĩ rằng, “Chỉ có hạng người lợi căn, minh trí mới có thể vào được pháp Đại thừa”.

Nay Phật dạy, “Hạng người trung căn, độn căn mà hành 8 thánh đạo, cũng có thể vào được Phật đạo, qua 4 cửa Chánh

trình tấn, chánh niệm, chánh định và chánh kiến như đã nêu trên đây”.

Lời dạy trên đây thể hiện lòng đại bi rộng lớn của Phật đối với hết thảy chúng sanh, dung thông cả hạng trung căn và độn căn. Tất cả các hạng người đó đều có thể vào được pháp Đại thừa.

Nếu Bồ tát y như chỗ Bát nhã Ba-la-mật thuyết mà tu hành, thì sẽ mau đến được Nhất thiết chủng trí.

Ví như trong pháp Thanh Văn, hành giả chẳng phải chỉ dùng chánh kiến mà còn phải dùng 8 thánh đạo hòa hợp mới vào được đạo. Cũng như vậy, hành giả tu theo pháp Đại thừa chẳng phải chỉ hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn phải hòa hợp Bát nhã Ba-la-mật với 5 Ba-la-mật kia mới vào được Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói, “Bồ tát chẳng phải chỉ học đúng theo như Bát nhã Ba-la-mật, mà còn phải học hết thảy pháp, phải được hết thảy trí”.

**Hỏi:** Trước đây đã nói, “Học Bát nhã Ba-la-mật là đến được Nhất thiết chủng trí”. Nay vì sao nói, “Phải hòa hợp Bát nhã Ba-la-mật với 5 Ba-la-mật kia mới vào được Nhất thiết chủng trí”?

**Đáp:** Phải đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật mới được Nhất thiết chủng trí. Thế nhưng ở nhiều cõi Phật, chúng sanh chỉ nghe thuyết về thật tướng pháp là liền được Nhất thiết chủng trí, chẳng phải thứ lớp hành 6 pháp Ba-la-mật. Nói, “Có đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật công đức mới vào được Nhất thiết chủng trí” như trên đây nhằm tán thán người tu hành có được sự hộ trì của các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Lại nữa, trong kinh nói, “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thấy có các ma sự là liền diệt”, vì đã được 10 phương chur



Phật thường hộ niệm. Đây là nhằm tán thán Bồ tát, do hành Bát nhã Ba-la-mật công đức mà khéo biết cả 3 thừa giáo, khéo biết tự môn và phi tự môn, khéo biết pháp tánh thật tế của hết thảy các pháp. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên có vô lượng phước đức lực, biết rõ cả 2 pháp thế gian và Niết Bàn. Bồ tát biết rõ danh tự là hư vọng, nên phá được các chấp tướng điên đảo. Do phá được các chấp điên đảo, nên Bồ tát khéo biết chỗ nên nói, chỗ chẳng nên nói, chỗ nên nói ít lời, chỗ nên nói nhiều lời; khéo biết tiếng nam, tiếng nữ có âm thanh sai khác...

Vì khéo biết các sự việc như vậy, nên Bồ tát hàng phục được các tà ma, ngoại đạo, các hạng người xấu ác.

Bồ tát khéo biết xả đạo và bất xả đạo, như xả địa này để tu lên địa khác, xả hạ địa lên thượng địa, hoặc vì thương xót chúng sanh mà vẫn trú trong các địa, chẳng xả đạo v.v...

Bồ tát khéo biết tà kiến, chánh kiến cùng hết thảy các kiến chấp. Vì ở nơi các kiến chấp, Bồ tát đã được tâm bình đẳng, nên dù ở trong tà kiến, ở trong thế gian đạo, mà thấy được chánh kiến, học hết thảy các kiến chấp, mà thật chẳng có học.

Bồ tát khéo tu 16 hạnh, khéo biết 4 quả Thanh Văn và Thanh Văn đạo, quả Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo... dẫn đến quả vị Phật và Phật đạo.

Bồ tát khéo biết các căn, khéo phân biệt 22 căn, khéo quán căn cơ chúng sanh có lợi, có độn; khéo biết các chúng sanh nào đầy đủ các căn thì có thể độ, chưa đầy đủ các căn thì chưa thể độ v.v...

Bồ tát khéo biết các căn đầy đủ hay chưa đầy đủ, ví như con chim tự biết 2 cánh nó có đầy đủ sức hay chưa có đầy đủ sức, biết 2 cánh phải có đầy đủ sức mới có thể bay được.

Bồ tát khéo biết tổng tướng trí huệ của hết thầy chúng sanh: Biết người có tập huệ mau biết các pháp, nhưng sự biết đó chẳng được lâu bền. Biết người có hữu lực huệ là người có trí lực; nếu có trí lực nhạy mà chẳng mạnh, thì cũng ví như con ngựa chạy rất nhanh nhưng chóng mệt; nếu có trí lực mạnh mà chẳng sắc bén, thì cũng ví như con dao lụt, tuy chặt rất mạnh, nhưng vẫn chẳng chẻ được củi. Người có lợi huệ là người có trí lực vừa mạnh vừa nhạy bén. Người có xuất huệ là người ở trong con nguy hiểm mà có thể thoát ra dễ dàng, ở trong phiền não mà có thể tự giải thoát ra khỏi 3 cõi, chứng nhập Niết Bàn. Người có đạt huệ là người thông đạt các sự việc đến chỗ tốt cùng rốt ráo; ở trong Phật pháp mà thông đạt hết thầy các pháp, dẫn đến được lậu tận, được Niết Bàn, thường trú trong pháp tánh thanh tịnh. Người có quảng huệ là người thông hiểu cả tục lẫn đạo, biết rõ hết các kinh thơ và luận nghị của thế gian, nên ở trong Phật pháp mà biết rõ thế pháp vậy. Người có thâm huệ là người quán hết thầy pháp là vô ngại tướng, vô tướng tướng, bất khả tư nghĩ tướng; ở trong thế gian, người được thâm trí huệ cũng có thể biết được các việc từ lâu xa, biết trong cái lợi có cái suy, biết trong cái suy có cái lợi. Người có đại huệ là người có được tất cả các huệ nêu trên, như vậy nên gọi là đại. Người có vô đẳng đẳng huệ là người ở trong Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật, là người đã thâm nhập pháp như, nên chẳng có pháp nào có thể sánh kịp; người được vô đẳng đẳng huệ là bậc Bồ tát đã thành tựu đạo pháp đến chỗ bất khả tư nghĩ, chẳng có ai sánh kịp.

Ví như viên ngọc như ý bảo châu tự nó chẳng có định sắc, nhưng nếu đem đặt cạnh vật nào, thì nó liền hiện sắc của vật ấy. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng, nhưng vẫn thường tùy theo các pháp mà tác hành.

Ví như viên ngọc như ý bảo châu khiến cho sự mong cầu của mọi người đều được thành tựu như ý nguyện. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật khiến người tu mong cầu gì cũng đều như nguyện, ... dẫn đến người cầu thành Phật sẽ được thành Phật.

Bồ tát khéo biết quá khứ, hiện tại và vị lai, biết rõ quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại chẳng trú mà vẫn tùy duyên hóa độ chúng sanh, nên công đức chẳng thể nghĩ bàn được. Bồ tát thường tu thật tướng pháp, biết rõ các pháp niệm niệm sanh diệt, là chẳng có thể biết, nhưng vẫn thông đạt mọi pháp, nên gọi là khéo biết hiện tại.

-o0o-

Bồ tát khéo biết phương tiện tùy thuận chúng sanh. Người có phương tiện mới có được các nhân duyên thành tựu được các việc như ý muốn, mới tránh được các lỗi lầm. Ví như người lái buôn nương theo ngựa tốt của ông đại tướng mau được đến nơi đến chốn, chẳng phải chờ đợi các người khác. Cũng như vậy, Bồ tát nương theo ngựa trí huệ vào thẳng đến nơi Niết Bàn, chẳng chờ đợi chúng sanh, nhưng vì thương xót chúng sanh mà chẳng trú Niết Bàn, hội nhập thế gian để hóa độ chúng sanh.

-o0o-

Bồ tát khéo biết thâm tâm của chúng sanh, quán 5 căn của chúng sanh, từ nơi thâm tâm của họ; biết rõ từng chúng sanh ở trong quá khứ xa như thế nào, họ từ đâu đến, để phương tiện hóa độ họ. Bồ tát khéo biết các chủng thiện căn ở nơi từng chúng sanh; biết rõ có chúng sanh ở trong hiện tại xấu

ác, nhưng xưa kia vốn là thiện. Ví như cha mẹ mắng con, đánh con, tuy có hiện tướng ác, mà trong thâm tâm là thiện. Cũng ví như khi Phật độ ma vương Uất Ma La Quật, thì Phật đã quán biết tâm ác của vị ma vương này rất cạn mỏng, mà thiện căn tiềm ẩn nơi thâm tâm rất sâu dày.

-o0o-

Chúng sanh y nơi các pháp mà truy danh để tầm nghĩa. Bồ tát ở nơi danh và pháp đều vô ngại, nên ở nơi nghĩa cũng được vô ngại; như vậy gọi là khéo biết nghĩa. Khi đã được nghĩa vô ngại rồi, thì sẽ được lạc thuyết vô ngại; như vậy gọi là khéo biết ngữ.

Do khéo biết nghĩa và ngữ, nên Bồ tát thường đem 3 thừa giáo để giáo hóa chúng sanh, diễn nói, phân biệt rõ ràng; khiến chúng sanh được dễ hiểu.

**Hỏi:** *Vì sao trước nói khéo biết sắc... dẫn đến thức, rồi sau mới nói khéo biết âm, giới, nhập? Vì sao trước nói nhân rồi sau mới nói đến nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên?*

**Đáp:** Vì trước nói hẹp, rồi sau mới nói rộng vậy.

-o0o-

## Phẩm Thứ Bảy Mười



Tam Huệ  
(Ba Huệ)

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tịch diệt, sắc không, sắc hư dối, sắc chẳng kiên cố, nên phải hành Bát nhã Ba-la-mật.**

**Vì thọ, tưởng, hành, thức cũng là như vậy, nên phải hành Bát nhã Ba-la-mật.**

**Sanh Bát nhã Ba-la-mật là như sanh hư không.**

**Tu Bát nhã Ba-la-mật là tu các pháp phá hoại.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian bao nhiêu lâu?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng phải hành Bát nhã Ba-la-mật, phải sanh Bát nhã Ba-la-mật, phải tu Bát nhã Ba-la-mật.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải dụng tâm thứ lớp như thế nào để hành Bát nhã Ba-la-mật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thường chẳng xa lìa Tát Bà Nhã tâm, giữ tâm chẳng để cho các tâm niệm khác xen**

vào. Như vậy gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật, là sanh Bát nhã Ba-la-mật, là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu chẳng để cho tâm và các tâm sở hiện hành, thì hành đó gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật, là sanh Bát nhã Ba-la-mật, là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tu và chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng tu và chẳng phải chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng như vậy, thì phải làm thế nào để được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát được Nhất thiết chủng trí như như tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là như như tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Là như thật tế.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là như thật tế?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Là như pháp tánh.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là như pháp tánh?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Là như ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ngã chúng sanh, thọ mạng có thể được chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu ngã, chúng sanh và thọ mạng đều chẳng thể được, thì làm sao lại nói có ngã tánh, có chúng sanh tánh, và có thọ mạng tánh? Nếu trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng nói có hết thấy pháp, thì làm sao nói sẽ có Nhất thiết chủng trí?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thể nói ra được, hay hết thấy pháp đều chẳng thể nói ra được?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể nói ra được, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, hết thấy các pháp hữu vi, vô vi Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ tát pháp, Phật pháp cũng đều chẳng thể nói ra được.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp đều chẳng thể nói ra được, thì vì sao lại nói**

**có các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, trời, a tu la... dẫn đến có cảnh giới Phật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Danh tự chúng sanh thật có thể được chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh là bất khả đắc, thì làm sao nói có cảnh giới địa ngục... dẫn đến có cảnh giới Phật. Như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là phải học hết thấy pháp chẳng thể nói ra được.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là phải học sắc, thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến phải học Nhất thiết chủng trí chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải học sắc chẳng tăng, chẳng giảm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng tăng, chẳng giảm.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là học sắc chẳng tăng, chẳng giảm... dẫn đến học Nhất thiết chủng trí chẳng tăng, chẳng giảm?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là học các pháp ấy chẳng sanh, chẳng diệt vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là học các pháp chẳng sanh, chẳng diệt?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là học các pháp ấy chẳng khởi, chẳng tác các hạnh nghiệp, dù là CÓ, dù là KHÔNG vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào**



gọi là học các pháp ấy chẳng khởi, chẳng tác các hạnh nghiệp, dù là CÓ, dù là KHÔNG?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là quán các pháp ấy là tự tướng không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là quán các pháp ấy là tự tướng không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là phải quán sắc là tướng không; phải quán thọ, tưởng, hành, thức là tướng không; phải quán nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức, nhãn giới... dẫn đến ý thức giới là tướng không; quán nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là tướng không; phải quán 4 thiên ... dẫn đến diệt thọ tướng định là tướng không; phải quán 4 niệm xứ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là tướng không.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải quán hết thấy các pháp đều là tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là tướng không, thì làm sao hành Bát nhã Ba-la-mật được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng hành gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói chẳng hành gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc (chẳng thể được), nên là bất khả hành (chẳng thể hành). Người hành, pháp hành và chỗ hành cũng đều là bất khả đắc cả. Vì hết thấy pháp đều là hý luận, là bất khả đắc, nên chẳng hành mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng hành là hành Bát nhã Ba-la-mật, thì Bồ tát từ khi sơ phát tâm phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! từ khi sơ phát tâm đến nay, Bồ tát phải học pháp không là vô sở đắc. Bồ tát dụng vô sở đắc pháp, mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... dẫn đến dụng vô sở đắc pháp, mà hành Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là pháp hữu sở đắc? Thế nào gọi là pháp vô sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp có hai, gọi là pháp có sở đắc; pháp chẳng có hai, gọi là pháp chẳng có sở đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là có hai, là có sở đắc? Những pháp gì chẳng có hai, là chẳng có sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nhãn và sắc là hai, ý và pháp là hai, ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Phật là hai. Như vậy gọi là có hai.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Từ trong hữu sở đắc mà có vô sở đắc, hay từ trong vô sở đắc mà có hữu sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải từ trong hữu sở đắc mà có vô sở đắc, cũng chẳng phải từ trong vô sở đắc mà có hữu sở đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hữu sở đắc và vô sở đắc bình đẳng; đó mới gọi là vô sở đắc. Như vậy, ở nơi hữu sở đắc và ở nơi vô sở đắc là chỗ Bồ tát cần phải học.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như

vậy mới được gọi là người vô sở đắc, là người chẳng có làm lỗi.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát chẳng hành hữu sở đắc, cũng chẳng hành vô sở đắc, thì làm sao có thể từ một địa này lên một địa khác... dẫn đến làm sao có thể đến được Nhất thiết chủng trí?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong hữu sở đắc để tu từ một địa này lên một địa khác. Vì sao? Vì ở trong hữu sở đắc thì chẳng thể tu từ một địa này lên một địa khác được.**

**Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc là tướng của Bát nhã Ba-la-mật; vô sở đắc là tướng của Vô Thượng Bồ Đề; vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã Ba-la-mật.**

**Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc và người hành Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, thì làm sao Bồ tát phân biệt các pháp tướng, từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức khả đắc... dẫn đến chẳng thấy Vô Thượng Bồ Đề khả đắc.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là hành sắc bất khả đắc... dẫn đến hành Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, thì làm sao được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật; thì làm sao được Bồ tát vị?**

**Phải vào Bồ tát vị rồi, mới thành tựu chúng sanh, mới thanh tịnh Phật độ, mới được Nhất thiết chủng trí; phải**

được Nhất thiết chủng trí rồi, mới chuyển pháp luân, làm các Phật sự để độ thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử.

**Phật dạy:** Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng vì sắc mà hành Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng vì Vô Thượng Bồ Đề mà hành Bát nhã Ba-la-mật

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Bồ tát vì những sự việc gì mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

**Phật dạy:** Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng vì gì cả. Vì sao? Vì hết thảy pháp là vô sở vi, vô sở tác; Bát nhã Ba-la-mật là vô sở vi, vô sở tác; Vô Thượng Bồ Đề là vô sở vi, vô sở tác; Bồ tát cũng vô sở vi, vô sở tác.

**Nay Tu Bồ Đề!** Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật vô sở vi, vô sở tác như vậy.

### **LUẬN:**

Chúng hội nghe tán thán công đức của Bát nhã Ba-la-mật mới rõ được các sự việc, nên rất tôn quý Bát nhã Ba-la-mật, muốn có được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

**Ngài Tu Bồ Đề** biết rõ tâm niệm của chúng hội, nên hỏi Phật: Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật?

Vì sao? Vì ngài thường nghe nói phải từ nơi Càn Huệ địa mà hành Bát nhã Ba-la-mật; khi được vô sanh pháp nhẫn mới gọi là sanh Bát nhã Ba-la-mật; được vô sanh pháp nhẫn rồi mới dùng Thiền Ba-la-mật mà huân tu Bát nhã Ba-la-mật.

**Phật dạy:** 5 âm là chỗ trói buộc của hết thảy tâm thế gian; Niết Bàn là tướng tịch diệt. Bồ tát dùng lực trí huệ Bát nhã Ba-la-mật để phá 5 âm tướng, thông đạt đến chỗ rốt ráo

không, tức là đến chỗ tịch diệt tướng Niết Bàn. Từ nơi tịch diệt tướng, Bồ tát lại trở lại thọ sanh thân với đầy đủ 6 tình. Nhưng rồi lại xuất gia, niệm tịch diệt tướng, vì Bồ tát biết rõ các pháp thế gian là hư dối, là chẳng chân thật. Như vậy là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật vô định tướng, nên là bất khả đắc. Lúc bấy giờ, dù có nói hay chẳng có nói, thì các ngôn ngữ đều đoạn.

Nên biết “không” là như hư không, nên nói sanh như hư không. Trong hư không chẳng có pháp sanh, cũng chẳng có chỗ sanh. Vì sao? Vì hư không là vô pháp, vô hình, vô xúc, vô tác tướng vậy. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Hư không là vô pháp, nên chẳng thể nói là thường hay là vô thường, chẳng thể nói là có hay là không, chẳng thể nói là chẳng phải có hay chẳng phải không. Vì hư không là bất khả đắc, nên diệt hết các hý luận vậy.

Hư không là vô nhiễm, vô chấp, nên chẳng có văn tự nào có thể diễn bày được. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bồ tát quán các pháp thế gian tựa như hư không. Như vậy gọi là sanh Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát được Bát nhã Ba-la-mật, rồi thâm nhập thiền định, dùng lực Bát nhã Ba-la-mật quán thiền cảnh, và dùng duyên thiền định phá các pháp tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật xả ly hết thấy các pháp tướng, chẳng chấp hết thấy các pháp vậy.

-o0o-

Lại nữa, ở trong chúng hội có nhiều người nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật quá thâm thâm, nên ắt là phải trải qua thời gian tu tập lâu dài mới vào được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ tâm niệm của họ, nên hỏi Phật: phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian bao nhiêu lâu?

Phật dạy: Từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

**Hỏi:** *Từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải tu 10 địa, phải hành 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, cùng hết thấy các thiện pháp. Như vậy vì sao chỉ nói hành Bát nhã Ba-la-mật mà thôi?*

**Đáp:** Vì ngài Tu Bồ Đề chỉ thưa hỏi Phật về những gì liên hệ đến Bát nhã Ba-la-mật, nên Phật đáp như trên. Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối đại dung nhiếp hết thấy các thiện pháp, nên khi tu các thiện pháp đó Bồ tát đều phải điều hợp với Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà chỉ nói đến Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng nói đến các pháp khác.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô hạn. Như vậy vì sao chỉ nói tu Bát nhã Ba-la-mật cho đến khi tọa đạo tràng mà thôi?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật dẫn đến chỗ Phật tâm; ở nơi đây Bát nhã Ba-la-mật đổi tên thành Nhất thiết chủng trí.

Lý tuy là một, nhưng tên phải đổi khác, nên nói tu Bát nhã Ba-la-mật cho đến khi tọa đạo tràng. Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, có bao nhiêu công đức đều xả. Do vậy mà được vô ngại giải thoát, thông đạt được cả 3 đời.

**Hỏi:** *Một cái khay móng tay có 60 niệm, và trong mỗi niệm đều có tướng sanh diệt. Như vậy vì sao nói, “Nhất tâm thường niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng để cho các niệm khác sanh, mới vào được Nhất thiết chủng trí”?*

**Đáp:** Tâm có 2 nghĩa. Đó là:

- Niệm niệm sanh diệt là tâm sanh diệt.
- Niệm niệm tương tục thứ lớp sanh là tâm tương tục, còn gọi là nhất tâm.

Vì tương tục thứ lớp sanh, nên tuy có nhiều phen sanh mà cũng gọi là nhất tâm. Suốt quá trình niệm niệm tương tục thứ lớp sanh như vậy, Bồ tát chẳng để cho tâm tham ái xen vào. Vì sao? Vì tâm tham ái chướng ngại Bát nhã Ba-la-mật. Nếu có tâm tham ái dấy khởi, thì phải liền diệt, mới chẳng chướng ngại Bát nhã Ba-la-mật. Đây là nói về hàng Bồ tát sơ phát tâm. Còn hàng đại Bồ tát khi hành các thiện pháp vẫn giữ tâm vô trú, thường hòa hợp các thiện pháp với Bát nhã Ba-la-mật, khiến các tâm niệm khác chẳng thể xen vào được.

Hàng Bồ tát sơ phát tâm, ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, phần nhiều thường khởi hý luận và tạp niệm, nên Phật dạy, “Bồ tát sơ phát tâm phải thường niệm Nhất thiết chủng trí, đừng để các tâm niệm khác xen vào. Có thường niệm như vậy mới khiến tâm chẳng hướng về chỗ khác, dù chết đột ngột cũng chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí. Chỗ hành tướng của Bát nhã Ba-la-mật là chỗ các tâm và tâm sở chẳng hiện hành”.

**Hỏi:** *Phàm phu khi vào được vô tướng định thường sanh về cõi vô tướng Thiên; còn các bậc Thánh thường trú nơi Hữu Dư Niết Bàn và Vô Dư Niết Bàn, hoặc vào diệt tận định. Khi các bậc Thánh vào Vô Dư Niết Bàn, thì các tâm và tâm sở chẳng còn hiện hành. Như vậy vì sao nói, “Chẳng để cho các tâm và tâm sở hiện hành là hành Bát nhã Ba-la-mật của Bồ tát”? Làm thế nào để khiến các tâm và tâm sở chẳng hiện hành được?*

**Đáp:** Nghĩa nêu trên đây thuộc về pháp Tiểu thừa, được nói ở trong các kinh A Tỳ Đàm. Nghĩa nêu trong pháp Đại

thừa chẳng phải như vậy. Chớ nên dùng nghĩa nêu trong các kinh A Tỳ Đàm để vấn nạn về kinh Ma ha Diễn Đại thừa.

Lại nữa, khi đã vào được “vô tướng tam muội” rồi, thì hết thấy các sắc tướng đều diệt, nên là vô tướng. Đã là vô tướng, thì chẳng nên nói có sanh tâm và tâm sở pháp nữa. Đây chẳng phải là “vô tướng định” mà là “diệt tận định”.

**Hỏi:** Ở các chỗ khác nói nhiều về nghĩa “vô tướng”. Có chỗ nói người vào kiến đế đạo là người được tín hành và pháp hành; đó là người hành vô tướng vậy. Có chỗ nói người vào vô sắc định, tuy còn các vi tế tướng khó thấy, khó biết, cũng được gọi là hành vô tướng. Có chỗ nói người dùng 3 giải thoát môn, duyên Niết Bàn, cũng được gọi là hành vô tướng.

*Như vậy vì sao nói ở nơi vô tướng, thì các tâm và tâm sở đều chẳng hiện hành? Duyên pháp vô tướng Niết Bàn mà các tâm và tâm sở còn chẳng diệt hướng nữa là duyên các pháp mà lại có tướng diệt hay sao?*

**Đáp:** Vào kiến đế đạo chẳng còn có sắc, nên nói là vô tướng. Nhưng chẳng thể nói duyên pháp vô tướng Niết Bàn được. Vì sao? Vì Phật tán thán Niết Bàn là pháp vô tướng, vô lượng, bất khả tư nghì, cũng tức là pháp vô duyên, nên chẳng thể nói là có duyên được vậy.

**Hỏi:** Khi diệt các tướng sắc, các tướng nam, nữ v.v... là vào được vô tướng nên chẳng thể nói có tướng Niết Bàn được. Như vậy vì sao nói duyên tướng Niết Bàn? Khi duyên Niết Bàn, thì hành giả phải chấp tướng Niết Bàn, phải sanh tâm và tâm sở rồi vậy.

**Đáp:** Phật dạy “Hết thấy các duyên pháp hữu vi đều là lưới ma, hư vọng. Nếu nói duyên pháp Niết Bàn thì tâm và tâm sở pháp phải là thật pháp. Nếu chẳng chân thật, thì chẳng



thể thấy được Niết Bàn. Bởi vậy nên nói Niết Bàn có tướng có thể duyên là chẳng có hợp lý vậy.

**Hỏi:** *Phật thường tán thán Niết Bàn có 3 tướng, vì sao nay chỉ nói đến “vô tướng” mà thôi?*

**Đáp:** Cả 3 tướng đều là giả danh, chẳng thật có. Phải lập ra 3 tướng Niết Bàn nhằm phá 3 tướng hữu vi.

Vì sao? Vì nhằm phá các tướng hữu vi, nên nói đến vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt, còn pháp vô vi chẳng có các tướng sai khác, nên nói là vô tướng vậy.

Trước đây đã nói “vô sanh” là bất khả đắc, nên “sanh tướng” cũng là bất khả đắc. Phá “sanh tướng” đến chỗ rốt ráo rồi, thì chẳng cần nói đến “vô sanh” nữa. Vì khi đã ly hữu vi tướng rồi, thì vô vi tướng cũng là bất khả đắc. Vô vi tướng chỉ là danh tự, chẳng có tự tướng vậy.

Lại nữa, Phật pháp là chân thật, là tịch diệt, là chẳng có hý luận.

Nếu nói Niết Bàn có tướng, thì tức là nói Niết Bàn có định tướng có thể chấp; nói như vậy thành ra là hý luận. Mà đã là hý luận, thì khởi tranh cãi. Khi đã có tranh cãi, thì có sân nhuế. Mà đã có khởi sân nhuế, thì chẳng thể được Niết Bàn vậy.

Phật dạy, “Niết Bàn là vô tướng, là vô lượng, là bất khả tư nghì, là tận diệt các hý luận. Niết Bàn tướng tức là Bát nhã Ba-la-mật tướng nên nói ở đây chẳng có các tâm và tâm sở hiện hành”.

-o0o-

Ở phẩm trước đã có nói rằng, “Hành Bát nhã Ba-la-mật là ly tâm và phi tâm tướng”. Nếu phi tâm tướng là có, thì mới

nên nạn hỏi. Nay Bát nhã Ba-la-mật ly cả 2 bên, nên chẳng nên nạn hỏi vậy.

Lại nữa, do vô minh điên đảo và do các tà kiến nhân duyên của từ bao kiếp trước, mà nay mới sanh thân người. Ở nơi thân này, tuy các tâm và tâm sở được sanh ra do các thiện nhân duyên, nhưng tất cả đều chẳng có tự tánh, đều là hư dối, chẳng thật có. Vì sao? Vì có thiện nhân duyên mà nay mới được sanh làm người, làm Trời, được hưởng các phước lạc, nhưng phước cũng như tội đều là vô thường, là hư dối, là chẳng thật có. Bát nhã Ba-la-mật là chân tâm nên nơi đây có các tâm và tâm sở chẳng hiện hành.

Ngài Tu Bồ Đề chưa hiểu rõ vì sao các tâm và tâm sở pháp chẳng có hiện hành, nên hỏi Phật: Tu Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì tu mà phải thường tích tập các tâm và tâm sở pháp, thì tu như vậy chẳng thể nào được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là chẳng tu. Bát nhã Ba-la-mật là pháp vô vi; hành giả khi vào trong Bát nhã Ba-la-mật thường quán thật các tướng pháp. Bởi vậy nên nếu còn khởi tâm chấp có tu hay chẳng có tu đều là lầm lỗi cả. Đây là lý do vì sao Phật trả lời, “Chẳng được vậy”.

**Hỏi:** Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi đến câu thứ 3, câu thứ 4 mà Phật vẫn đáp “Chẳng được vậy?”

**Đáp:** Vì ngài Tu Bồ Đề dùng “thù tướng, chấp tâm” mà hỏi, nên Phật đáp “Chẳng được vậy”.

Vì ngài Tu Bồ Đề dùng “tu và chẳng tu” mà nói “chẳng tu, chẳng phải chẳng tu”, là còn chấp tướng. Phải chẳng chấp tướng mà nói “chẳng tu, chẳng phải chẳng tu”, mới là chẳng

có lỗi. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nêu lên 4 câu hỏi mà Phật đều đáp “Chẳng được vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy phải làm thế nào để được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Ông chưa rõ nghĩa “như như”. Nay ta vì ông nói đại Bồ tát được Nhất thiết chủng trí như như tướng. “Như” là như thật tế.

**Hỏi:** Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã khéo giải về nghĩa “như”. Nay vì sao ngài lại khởi tâm nghi?

**Đáp:** “Như” chẳng có định tướng, nên ngài Tu Bồ Đề chẳng thể chẳng nghi vậy.

Mặc dù khi nghe Phật dạy “như” chẳng có định tướng, ngài Tu Bồ Đề đã được rõ; nhưng vì “như tánh” quá thâm thâm, có vô lượng nghĩa nên ngài chưa hiểu đến chỗ thâm nghĩa được. Ví như nước sâu, nước cạn chỉ là tương đối; cùng một vũng nước mà trẻ nhỏ cho là sâu, người lớn cho là cạn; quan niệm về sâu cạn có khác nhau vậy.

**Hỏi:** Vì sao chẳng dùng “như” để dụ cho “thật tế”, mà lại dùng “thật tế” để dụ cho “như”?

**Đáp:** “Như” và “thật tế” tuy là một, nhưng khi quán có sai khác, “như” là thể tánh của các pháp, là thật tế. Hành giả chẳng nên chấp tâm, thủ tướng.

Vì Phật biết ngài Tu Bồ Đề đã chứng đắc “thật tế”, nên mới dùng dụ nêu trên.

**Hỏi:** Thông thường nói “pháp tánh” trước, rồi sau đó mới nói đến “như”, đến “thật tế”. Nay vì sao lại nói “pháp tánh” sau cùng?

**Đáp:** Nay Phật muốn nói đến “ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh”, nên mới chuyển “pháp tánh” ra sau cùng.

Lại nữa, khi vào được “kiến đế đạo”, hành giả chỉ mới thường quán các “pháp như”. Đến khi vào được “vô học đạo” mới tận đoạn được các vi tế phiền não, tức chứng định tâm. Ở nơi định tâm mới thông đạt được hết thấy tổng tướng cùng biệt tướng của các pháp, tức là mới thông đạt được “pháp tánh”. Vì sao? Vì “pháp tánh” là gốc thanh tịnh của các pháp. Đây là lý do vì sao dùng “pháp tánh” để dụ cho “thật tế”.

-o0o-

Nghĩa “pháp tánh” theo pháp Đại thừa và theo pháp Tiểu thừa có sai khác. Ngài Tu Bồ Đề hiểu rõ nghĩa theo pháp Tiểu thừa, nhưng ngài chưa được rõ nghĩa theo pháp Đại thừa, nên mới hỏi Phật.

Phật muốn dùng các sự việc của phàm phu để làm chứng, nên mới nói về “ngã tánh, chúng sanh tánh và thọ mạng tánh”, khiến ngài Tu Bồ Đề chẳng còn gì để hỏi nữa.

-o0o-

Phật phản vấn lại ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã và pháp có thể được chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng thể được vậy.

Vì sao? Vì ngài đã đắc quả Tu-đà-hoàn nên đã đáp như vậy. Bậc Tu-đà-hoàn mà còn thấy ngã và pháp đều bất khả đắc, huống nữa là bậc A-la-hán.

Phật dạy: Ông dùng trí độn của hàng Tiểu thừa mà còn thấy ngã và pháp đều bất khả đắc, huống nữa là Phật. Phật

dùng trí huệ quán ngã và pháp đều bất khả đắc, nên nói ngã bất khả thuyết, pháp cũng là như vậy. Bồ tát thường hành pháp bất khả thuyết, nên mới được Nhất thiết chủng trí. Bất khả thuyết, nên chẳng phân biệt là CÓ hay là KHÔNG vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chẳng có phân biệt, thì làm sao phân biệt nói có các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... dẫn đến có Thánh địa?

Phật đáp: Chúng sanh chẳng phải là định pháp, chẳng có định tướng. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v... chỉ là giả danh tự. Chư Thánh tùy thuận chúng sanh, nên nói có 6 đạo chúng sanh, mà thật ra chúng sanh là bất khả đắc. Bồ tát phải như vậy mà học bất khả thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát phải học hết thấy pháp, thì làm sao nói học hết thấy pháp bất khả thuyết?

Phật dạy: Bồ tát học hết thấy pháp mà phải biết các pháp đều là bất tăng, bất giảm. Do nhân duyên học các pháp bất sanh, bất diệt, mà Bồ tát biết được các pháp là bất tăng, bất giảm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là học các pháp bất sanh, bất diệt?

Phật dạy: Là chẳng khởi, chẳng hành các hạnh nghiệp, nên CÓ và KHÔNG đều đoạn diệt cả. Như vậy là chẳng còn có 3 cõi, vì phải ly 3 cõi mới vào được Thánh địa.

Chư Thánh cầu diệt, phàm phu cầu sanh; Bồ tát biết rõ các pháp đều là vô sanh, vô diệt, nên chẳng hành 3 nghiệp, chẳng khởi các hạnh nghiệp tương ưng với các pháp. Biết rõ các pháp là vô sanh, vô diệt là vào được vô tướng giải thoát môn; chẳng khởi các hạnh nghiệp là vào được vô tác giải thoát môn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Phải tu phương tiện gì để đến được chỗ chẳng còn tác, chẳng còn khởi các hạnh nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát phải thường quán các pháp là tự tướng không; quán sắc là tự tướng không... dẫn đến quán Vô Thượng Bồ Đề cũng là tự tướng không. Lúc bấy giờ, Bồ tát mới thành tựu được 2 việc:

- Chẳng tác, chẳng khởi các hạnh nghiệp.
- Ở nơi hết thấy pháp, mà vẫn hành được tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là tự tướng không, thì làm sao Bồ tát có thể ở nơi các pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Chẳng hành mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, nên người hành, pháp hành và chỗ hành đều là bất khả đắc. Vì các pháp là không, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, chỗ hành Bát nhã Ba-la-mật đều là bất khả đắc. Vì chúng sanh là không, nên người hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc. Vì các lý luận bất khả đắc, nên nói Bồ tát chẳng hành mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng hành là hành Bát nhã Ba-la-mật, thì từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải làm sao để hành Bát nhã Ba-la-mật?

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật như trên, vì ngài nghĩ rằng Bồ tát khi mới sơ phát tâm còn mê muội, điên đảo, nên cần phải hành, chẳng thể chẳng hành được vậy.

Phật dạy: Từ khi sơ phát tâm, Bồ tát phải học “vô sở đắc pháp”, mà chẳng đắc tức là chẳng hành vậy. Bồ tát dùng các phương tiện để hành bố thí, trì giới v.v... nhưng phải biết rõ hết thấy các pháp ấy đều là bất khả đắc, đều là vô sở đắc pháp cả. Tuy hành bố thí, trì giới v.v... mà biết rõ ở nơi thật tướng thì các pháp ấy đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc; dù ở trong CÓ hay ở trong KHÔNG cũng đều là bất khả đắc cả.

Bồ tát trú như vậy, nên được trí huệ tương ứng với Nhất thiết chủng trí. Bồ tát khi hành bố thí chẳng thấy có mình là người hành bố thí, có người thọ nhận sự bố thí, có tài vật mà mình đem ra bố thí, vì biết rõ các pháp đó đều bình đẳng, đều bất khả đắc. Dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy. Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng, “Hữu sở đắc là thế gian điên đảo. Vô sở đắc là Niết Bàn”, nên ngài hỏi Phật: Thế nào gọi là hữu sở đắc, và thế nào gọi là vô sở đắc?

Phật dạy: Pháp có hai là pháp hữu sở đắc; pháp chẳng có hai là pháp vô sở đắc.

Ví như có con mắt và sắc hòa hợp gọi là có 2, vì mắt và sắc là 2 pháp đối đãi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Khi chẳng thấy sắc, thì vẫn có mắt. Như vậy vì sao nói mắt chẳng ly sắc?

Phật dạy: Nay tuy con mắt chẳng quán sắc, nhưng lưu ảnh của sắc đã sẵn có ở nội trần. Điều đó cho biết nhãn căn và sắc trần là 2 pháp tương đãi vậy.

Bởi vậy, nên biết rằng hết thảy pháp hữu vi đều do nhân duyên hòa hợp sanh. Đã có nhân ắt phải có quả. Quả theo nhân sanh, nên chẳng có tự tánh. Dẫn đến ý cũng là như vậy.

Phàm phu, do vô trí, nên mới phân biệt có thiện, có bất thiện v.v... Còn người trí biết rõ cả 2 pháp đều là hư dối, biết rõ cả 2 pháp đều do nhân duyên sanh, nên là không; do vậy mà chẳng thấy có 2 tướng tương đãi vậy. Vì sao? Vì pháp có 2 tướng là pháp hữu sở đắc; pháp chẳng có 2 tướng là pháp vô sở đắc.

Phật dạy: Do có hữu sở đắc mới có vô sở đắc. Do duyên các pháp mà chấp có tướng hành đạo, nên là hữu sở đắc. Nếu chẳng duyên các pháp chẳng thủ tướng hành đạo, thì vào được rốt ráo không, tức là được vô sở đắc vậy.

Phật dạy tiếp: Chấp hữu sở đắc, chấp vô sở đắc đều làm lỗi. Bởi vậy nên ở nơi cả 2 việc đó, Bồ tát thường giữ tâm bình đẳng. Dùng vô sở đắc để phá chấp về hữu sở đắc; khi đã phá xong hữu sở đắc rồi, thì cũng phải bỏ luôn chấp về vô sở đắc. Như vậy mới có được tâm bình đẳng ở nơi hữu sở đắc và vô sở đắc vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải phân biệt học như vậy. Hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chân hành “vô sở đắc”, chẳng có làm lỗi. Bồ tát dụng vô sở đắc như vậy mà tu từ một địa này lên một địa khác cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, Bồ tát bất khả đắc, thì Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể phân biệt được các pháp tướng? Nếu nói hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp bất khả đắc, thì làm sao được đầy đủ bố thí Ba-la-mật, ... dẫn đến đầy đủ hết thảy thiện pháp? Làm sao Bồ tát có thể vào được Bồ tát vị?

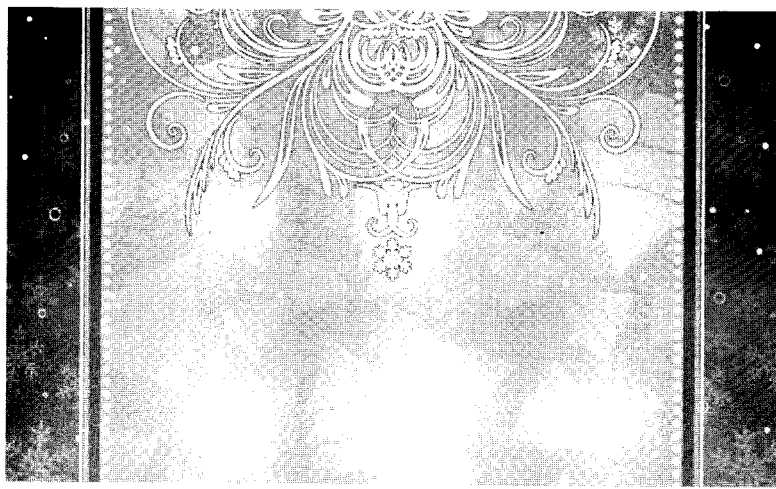
Phật đáp: Bồ tát chẳng đắc các pháp tướng, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật đáp: Hành vô sở đắc là hành Bát nhã Ba-la-mật. Hành hết thảy các pháp Không, Vô Tướng, Vô Tác, Vô Khởi là hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát vì thật tướng của hết thảy pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải do chấp điên đảo mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì hết thảy pháp đều vô vi, vô tác, vô khởi nên Bồ tát phải hành vô vi, vô tác, vô khởi Bát nhã Ba-la-mật vậy.





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 84**





## Phẩm Thứ Bảy Mười



### Tam Huệ (tiếp theo)

#### KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu các pháp đều vô sở vi, vô sở tác thì chẳng nên phân biệt có 3 thừa.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp là vô sở vi, vô sở tác, thì chẳng có phân biệt; ở nơi hữu sở vi, hữu sở tác thì mới có phân biệt.

Vì sao? Vì phàm phu ngu muội chẳng biết được thánh pháp, nên chấp 5 ấm “sắc, thọ, tưởng, hành và thức”, chấp Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chấp Vô Thượng Bồ Đề. Họ quan niệm có sắc và được sắc... dẫn đến có Vô Thượng Bồ Đề và được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát nghĩ rằng, “Ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; ta sẽ độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử”.

Này Tu Bồ Đề, Ta dùng 5 nhãn quán sắc bất khả đắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc. Phàm phu ngu muội, chẳng có huệ nhãn mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề, muốn độ thoát chúng sanh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu Phật dùng 5 nhãn chẳng thấy có chúng sanh được độ thoát khỏi sanh tử, thì làm sao Thế Tôn ngày nay lại được Vô Thượng Bồ Đề? Làm sao Thế Tôn phân biệt được chúng sanh ở trong 3 tụ “chánh tụ, tà tụ và bất định tụ”?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Ta được Vô Thượng Bồ Đề, lúc ban sơ, vốn chẳng thấy có chúng sanh ở trong 3 tụ.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh ở nơi vô pháp mà tướng có pháp. Ta muốn phá các chấp hư vọng của chúng sanh nên phải dùng thế pháp, nói có đắc; chẳng phải ta dùng đệ nhất nghĩa để vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Trú đệ nhất nghĩa mới được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Trú nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng trú đệ nhất nghĩa, cũng chẳng trú nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy Thế Tôn chẳng đắc Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Cũng chẳng phải như vậy. Ta thật có đắc Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng trú nơi tướng hữu vi, chẳng trú nơi tướng vô vi.

Này Tu Bồ Đề! Ví như các hóa nhân do Phật biến hóa ra, chẳng trú nơi tướng hữu vi, chẳng trú nơi tướng vô vi mà các hóa nhân đó vẫn có đến, có đi, có ngồi, có đứng.

Này Tu Bồ Đề! Các hóa nhân đó hành Đản Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật; hành 4 thiền; 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông; hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; vào các tam muội “không, vô tướng và vô tác”; hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; hành 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4

vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi; được Vô Thượng Bồ Đề, rồi chuyển pháp luân. Các hóa nhân đó hóa tác ra vô lượng chúng sanh, có đủ cả 3 tụ.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Các hóa nhân đó hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến có 3 tụ chúng sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Phật biết các pháp đều như hóa, ví như các hóa nhân độ vô lượng chúng sanh, mà thật chẳng có chúng sanh để độ.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là như hóa, thì Phật cùng các hóa nhân có gì khác nhau đâu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phật cùng các hóa nhân chẳng khác.

Vì sao? Vì Phật thường làm các sự việc, hóa nhân cũng thường làm các sự việc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có Phật, thì riêng hóa nhân có thể tự làm các sự việc chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Riêng hóa nhân có thể làm được các sự việc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao chẳng có Phật mà riêng hóa nhân có thể làm các sự việc được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ví như trong quá khứ có đức Phật Tu Phiến Đa, vì muốn độ hàng Bồ tát mà hóa hiện ra Hóa Phật, rồi tự diệt độ. Vị Hóa Phật đó trụ thế nửa kiếp

làm các Phật sự, thọ ký cho hàng Bồ tát, rồi tự diệt độ. Lúc bấy giờ, hết thấy chúng sanh đều biết Phật đã thật diệt độ. Thế nhưng, này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn thật chẳng có sanh diệt.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải tin, phải biết rằng hết thấy pháp đều như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Phật cùng Hóa Phật chẳng khác, thì làm sao hành thanh tịnh thí được? Người cúng dường Phật, dẫn đến khi vào Vô Dư Niết Bàn, được phước đức vô cùng tận. Nếu có người cúng dường Hóa Phật thì người ấy cũng được phước đức vô cùng tận như vậy chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phật dùng thật tướng pháp, nên làm phước điền cho hết thấy chúng sanh. Hóa Phật cũng dùng thật tướng pháp nên cũng làm phước điền cho hết thấy chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải chỉ có cúng dường Hóa Phật được phước đức vô cùng tận như vậy.

Mà nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem tâm thành, cung kính niệm Phật, gieo trồng thiện căn, thì do nhân duyên đó cũng sẽ được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chỉ dùng một cành hoa tung lên hư không, thành tâm niệm Phật, thì do nhân duyên đó cũng sẽ được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chỉ một lần thành kính niệm Phật, thì do nhân duyên đó cũng sẽ được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Gieo trồng thiện căn nơi phước điền Phật được phước đức vô lượng. Bởi vậy nên phải biết rằng Phật cùng Hóa Phật chẳng có sai khác. Vì sao? Vì thật tướng của các pháp chẳng có sai khác vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy hành Bát nhã Ba-la-mật, nhập vào trong thật tướng các pháp. Thật tướng pháp chẳng hư hoại. Đó là Bát nhã Ba-la-mật tướng chẳng hư hoại, là Vô Thượng Bồ Đề tướng chẳng hư hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu thật tướng pháp chẳng hư hoại, thì vì sao Phật lại nói đến sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nói đến nội pháp, ngoại pháp, thiện pháp, bất thiện pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu tránh pháp, vô tránh pháp, hữu vi pháp, vô vi pháp? Như vậy là ở nơi không pháp, mà Phật đã hoại các pháp tướng chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy. Đây là vì muốn dùng danh tự tướng để khai thị các pháp và các pháp tướng, làm cho chúng sanh được dễ hiểu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng danh tự tướng để khai thị nói các pháp và các pháp tướng, thì chúng sanh mới được rõ. Thế nhưng, vì sao Thế Tôn đã nói hết thấy pháp đều là vô danh, vô tướng, mà nay lại dùng danh tự tướng nhằm khai thị cho chúng sanh được rõ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta tùy theo thế tục mà nói các pháp có danh, có tướng, nhưng thật chẳng có chỗ để chấp trước.

Này Tu Bồ Đề! Ví như phàm phu nghe nói đến khổ, thì liền chấp danh khổ, tùy tướng khổ; còn chư Phật và hàng đệ tử của Phật chẳng chấp danh, chẳng tùy tướng.

Này Tu Bồ Đề! Nếu danh mà chấp danh, tướng mà chấp tướng thì như vậy không cũng chấp không, vô tướng cũng chấp vô tướng, vô tác cũng chấp vô tác, thật tế cũng chấp thật tế, pháp tánh cũng chấp pháp tánh, vô vi tánh cũng chấp vô vi tánh.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đó chỉ có danh tướng, mà pháp lại chẳng trú trong danh tướng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải ở nơi danh tướng mà hành Bát nhã Ba-la-mật, có nghĩa là ở nơi danh tướng mà chẳng chấp danh tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì Bồ tát vì ai mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề? Vì ai mà thọ các khổ, hành Bồ tát đạo... dẫn đến hành đầy đủ đại từ, đại bi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Như lời ông vừa nói, nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì Bồ tát vì ai mà hành Bồ tát đạo ư?

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi pháp chỉ có danh tướng, mà danh tướng đó là không, nên Bồ tát hành Bồ tát đạo, được Nhất thiết chủng trí chuyên pháp luân, dùng 3 thừa pháp để độ thoát chúng sanh vậy. Phải biết hết thấy pháp chỉ có danh tướng, mà danh tướng là chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết nhất thiết trí chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta thuyết nhất thiết trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết nhất thiết trí, thuyết đạo chủng trí, thuyết Nhất thiết chủng trí. Nghĩa của 3 trí đó sai khác nhau như thế nào?



**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nhất thiết trí là trí của hết thầy Thanh Văn và Bích Chi Phật; đạo chủng trí là trí của Bồ tát, Nhất thiết chủng trí là trí của Phật

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Vì sao nhất thiết trí của Thanh Văn và Bích Chi Phật?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật do biết hết thầy các nội pháp và ngoại pháp, mà được nhất thiết trí, nhưng chẳng có được đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Vì sao đạo chủng trí là trí của Bồ tát?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải biết hết thầy các đạo, nên phải đầy đủ Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Bồ tát đạo. Bồ tát lại phải biết dùng các đạo đó để hóa độ chúng sanh, mà chẳng tác chứng thật tế.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy thì Bồ tát phải đầy đủ các đạo mà chẳng tác chứng thật tế chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chưa thanh tịnh Phật độ, chưa thành tựu chúng sanh, thì chẳng nên tác chứng thật tế.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Bồ tát trú trong đạo, có nên tác chứng thật tế chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Trú trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú vừa trong đạo vừa trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú vừa trong phi đạo, vừa trong phi phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ tát phải trú ở nơi nào mới tác chứng thật tế ?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Người trú trong đạo do chẳng thọ các pháp, mà được tâm lậu tận, được giải thoát chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người trú trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người vừa trú trong đạo, vừa trú trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người vừa trú trong phi đạo, vừa trú trong phi phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Con chẳng trú chỗ nào, chẳng thọ các pháp, mà được tâm lậu tận, được giải thoát.**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy Bồ tát phải ở nơi vô sở trú mà tác chứng thật tế.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là “Nhất thiết chủng trí tướng”?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Vì là nhất tướng, nên gọi là Nhất thiết chủng trí tướng. Đây có nghĩa là hết thấy các pháp đều là tịch diệt tướng. Lại nữa, những hạnh loại và tướng mạo của các pháp được hiển bày qua danh tự và ngôn ngữ, Phật đều như thật biết. Đây gọi là Nhất thiết chủng trí.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí, đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí đều có công năng đoạn kiết sử, nhưng kết quả đoạn kiết sử có gì sai khác nhau chăng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Dù đoạn phiền não chẳng có sai khác nhưng chư Phật tận đoạn các phiền não tập khí; còn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chưa có tận đoạn phiền não tập khí.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Người chưa được vô vi pháp có đoạn được phiền não chăng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Trong vô vi pháp có thể sai khác chăng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu trong vô vi pháp chẳng thể có sai khác, thì vì sao có người tận đoạn phiền não và tập khí; có người tận đoạn phiền não mà chưa tận đoạn tập khí?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Tập khí chẳng phải là phiền não. Ví như hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật tự như còn hiện các tướng dâm nộ si ở thân khẩu và ý, mà phạm phước cho là còn phạm tội. Đó chỉ là tập khí lưu dư của 3 độc. Chỉ có các đức Phật mới chẳng còn các tập khí của 3 độc.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu đạo là vô pháp, và Niết Bàn cũng là vô pháp, thì làm sao có thể phân biệt có Tu-đà-hoàn, có Tu-đà-hàm, có A-na-hàm, có A-la-hán, có Bích Chi Phật, có Bồ tát, có Phật?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Tất cả đều được vô vi pháp, nhưng phân biệt có sai khác nhau như vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Do vô vi mà có sự phân biệt sai khác như vậy chăng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Thế Tôn tùy ngôn thuyết thế gian mà phân biệt nói có sai khác, chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Vì ở trong đệ nhất nghĩa chẳng có sự phân biệt thuyết. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa chẳng có ngôn thuyết. Nếu nói có các kiết sử là nói có hậu tế (đời sau) rồi vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Các pháp đều là tự tướng không, thì tiền tế (đời trước) còn bất khả đắc, huống nữa là hậu tế (đời sau).

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nói các pháp tự tướng không, thì tiền tế còn bất khả đắc, huống nữa là hậu tế.

**Này Tu Bồ Đề!** Vì chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không nên ta vì họ nói có tiền tế, có hậu tế. Ở nơi các pháp tự tướng không, thì tiền tế và hậu tế đều bất khả đắc cả.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải ở nơi pháp tự tướng không, mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành pháp tự tướng không, thì chẳng còn có chỗ chấp, được vô sở trước vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thường thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Do nghĩa gì mà Thế Tôn gọi là Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Được đệ nhất độ là “độ hết thấy pháp qua bờ bên kia”. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật, chư Bồ tát, chư Bích Chi Phật, chư A-la-hán đều dùng Bát nhã Ba-la-mật mà qua được bờ bên kia. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Phân biệt, trừ lượng, phá hoại hết thấy các pháp cho đến vi trần, sẽ thấy rõ các pháp đều chẳng kiên cố, bền chắc. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Các pháp như, pháp tánh, thật tế đều vào trong Bát nhã Ba-la-mật. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp hợp hay tan, sắc hay vô sắc, hữu kiến hay vô kiến, hữu đối hay vô đối, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là Vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật sanh hết thấy pháp, hết thấy lạc thuyết biện tài, hết thấy chiếu minh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật thường bị các ác ma, các Thanh Văn, các ngoại đạo oán thù. Nhưng các người ác chẳng thể phá hoại được các Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các hạng người ấy ở trong Bát nhã Ba-la-mật đều bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải đúng theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà hành.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn hành theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, thì phải hành theo nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã; cũng phải hành theo nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tý trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thật trí.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì phải hành theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong thâm Bát nhã Ba-la-mật này, nghĩa cùng phi nghĩa đều bất khả đắc cả. Vì sao Bồ tát vì thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà phải hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, nên Bồ tát phải học như vậy. Bồ tát phải niệm rằng, “Tham dục là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành; sân nhuế và ngu si là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành; hết thấy tà kiến là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành”. Vì sao? Vì 3 độc là như tướng, chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải niệm rằng, ‘Sắc chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa... dẫn đến thức chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa;

**Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa. Vì sao?**

**Này Tu Bồ Đề! Phật đấng Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng có pháp khả đắc, hoặc có nghĩa, hoặc chẳng phải chẳng có nghĩa.**

**Này Tu Bồ Đề! Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp vẫn thường trú, chẳng có nghĩa chẳng phải chẳng có nghĩa.**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải ly nghĩa, và phải ly phi nghĩa.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật nghĩa là chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp hữu vi đều là vô tác tướng, nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy các bậc Thánh hiền cũng như các bậc đệ tử của Phật đều lấy vô vi làm nghĩa.**

**Nay vì sao Phật lại dạy, “Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa”?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Dù các Thánh cũng như các đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng chẳng phải vì thế mà nghĩa ấy có tăng, có giảm.**

**Này Tu Bồ Đề! Ví như hư không chẳng có làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng có làm tổn hại chúng sanh. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có tăng, chẳng có giảm.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát chẳng học vô vi Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học vô vi Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng dùng “hai pháp” mới được Nhất thiết chủng trí.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng dùng “hai pháp” có thể vào được “bất nhị pháp” chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hai pháp” có thể được “bất nhị pháp” chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát chẳng dùng “hai pháp” và cũng chẳng phải chẳng dùng “hai pháp”, thì làm sao mà được Nhất thiết chủng trí?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc tức là đắc.**

**Bởi vậy nên đắc là đắc chỗ chẳng đắc vậy.**

### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Nếu hết thấy pháp đều chẳng có tướng khởi, chẳng có tướng tác, thì làm sao phân biệt có 3 thừa?

Phật dạy: Phạm mê muội, chưa được đạo, mới chấp có 3 thừa pháp, chấp pháp không, pháp vô tướng, pháp vô tác v.v... Do vậy mà khởi tâm nghi. Ta dùng 5 nhãn quán sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều bất khả đắc. Chỉ có người chẳng có mắt mới muốn có sắc, được sắc... dẫn đến muốn có Vô Thượng Bồ Đề, được Vô Thượng Bồ Đề.



Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng có chúng sanh, chẳng có pháp, thì vì sao nói có 3 tụ chúng sanh?

Phật dạy: Đây là tùy theo thể tục mà phân biệt có 3 tụ chúng sanh. Nếu y theo đệ nhất nghĩa đế, thì cả 3 tụ chúng sanh là bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Phật trú đệ nhất nghĩa mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật đáp: Chẳng phải vậy.

Ở đây, ngài Tu Bồ Đề vì các tân phát ý Bồ tát mà hỏi Phật, nên Phật đáp lại như vậy.

Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa là vô sở hữu, nên chẳng thể trú ở nơi đây.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trú nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghi, nên hỏi: Nếu chẳng trú đệ nhất nghĩa, cũng chẳng trú nơi điên đảo, thì Phật chẳng đắc Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật đáp: Phật thật được đạo Vô Thượng Bồ Đề vì vô sở trú.

Chẳng trú trong hữu vi tánh, vì hữu vi tánh là hư dối, chẳng thật có. Cũng chẳng trú trong vô vi tánh, vì vô vi tánh là không, là vô sở hữu.

Đến đây, Phật muốn giải rõ thêm, nên nêu lên thí dụ về Hóa Phật.

Vì sao? Vì Hóa Phật chẳng trú trong hữu vi tánh cũng chẳng trú trong vô vi tánh, mà vẫn thường đi lại thuyết pháp.

**Hỏi:** *Nói hóa nhân đi lại thuyết pháp thì còn hợp lý. Nhưng hóa nhân đó làm sao có thể hành bố thí Ba-la-mật được?*

**Đáp:** Đây chẳng phải là nói hóa nhân thật sự có hành các pháp sự, mà nói chúng sanh chẳng có huệ nhãn, nên thấy tựa như hóa nhân thật sự có làm các hóa sự vậy. Do vậy mà Phật dẫn thí dụ ở trong kinh về trường hợp Phật Tu Phiến Đa đã diệt độ mà còn lưu lại Hóa Phật thuyết pháp độ sanh.

Ngài Tu Bồ Đề, tuy đã tin lời Phật, nhưng ngài muốn Phật khai thị về nghĩa Hóa Phật và Chân Phật chẳng có sai khác, nên ngài hỏi Phật rằng: Nếu Phật và Hóa Phật chẳng khác, nếu người cúng dường Chân Phật cho đến khi vào Vô Du Niết Bàn, được phước đức vô cùng tận, thì người cúng dường Hóa Phật cũng được phước đức vô cùng tận như vậy chăng?

Phật dạy: Cúng dường chân Phật hay Hóa Phật thì phước đức cũng như nhau, chẳng khác. Phật dùng thật tướng pháp, nên cúng dường Phật được phước đức vô cùng tận. Hóa Phật cũng như vậy. Nếu đem tâm bình đẳng, vô phân biệt cúng dường Phật và Hóa Phật, thì sẽ được phước đức bình đẳng, vô phân biệt.

**Hỏi:** *Hóa Phật chẳng có được 10 Phật lực cùng các công đức như Phật, thì làm sao có thể cùng Chân Phật bình đẳng được.*

**Đáp:** 10 Phật lực cùng các công đức khác đều vào trong thật tướng pháp cả. Nếu ly thật tướng pháp, thì 10 Phật lực chẳng phải là Phật pháp nữa, mà trái lại phải đọa vào trong các tà kiến điên đảo.

**Hỏi:** *Nếu chân Phật và Hóa Phật đều ở nơi thật tướng pháp, thì vì sao trong kinh nói đến trường hợp khởi ác tâm*

*làm thân Phật chảy máu phải bị tội “ngũ nghịch”, mà chẳng nói đến Hóa Phật?*

**Đáp:** Trong kinh chỉ nói đến trường hợp khởi ác tâm làm thân Phật chảy máu mà chẳng có nói rõ là thân Phật hay là Hóa Phật. Nếu cúng dường Hóa Phật có phước đức, thì hủy báng Hóa Phật cũng phạm tội “ngũ nghịch” vậy. Vì sao? Vì kẻ ác khi hành động như vậy chấp Hóa Phật là Chân Phật, nên việc làm ác đối với Chân Phật và Hóa Phật chẳng có sai khác vậy.

**Hỏi:** *Trong Tỳ Ni có dạy, “Giết hóa nhân cũng phạm tội sát”. Nghĩa ấy như thế nào?*

**Đáp:** Tỳ Ni lấy việc thế gian mà dạy chúng tăng; do thấy chúng sanh rong ruổi theo giả danh khiến phải sa vào trong tội lỗi, mà kết giới vậy.

Thế nhưng mức độ phạm giới và phạm tội có nặng, có nhẹ, tùy theo từng trường hợp. Ví như:

- Người vì hộ trì Phật pháp mà làm những việc trái với giới luật, thì dù phạm giới nặng mà chỉ thọ tội nhẹ.

- Người tu theo ngoại đạo đánh giết trâu dê để tế thần, thì dù chẳng phạm giới mà phạm tội nặng.

- Người giết hóa trâu, hóa dê, mặc dù chẳng gây cơ hiểm với chúng sanh, nhưng luận về tự tâm, thì tội giết trâu dê hay giết hóa trâu, hóa dê chẳng khác, nên tội cũng như nhau.

- Người dụng ý chế giới khiến chúng sanh cơ hiểm nhau, thì do ác ý đó mà phải phạm tội nặng. Trong kinh có dạy rằng, “Tội do ý nghiệp gây ra nặng hơn các tội chỉ đơn thuần do thân nghiệp và do khẩu nghiệp, vì ý nghiệp dẫn đạo vậy”.

Trong kinh cũng có nêu các trường hợp tội phước do ý nghiệp dẫn sanh lớn hơn các trường hợp tội phước do thân

ngiệp và khẩu nghiệp rất nhiều. Ví như người tà kiến tuy chẳng làm phiền chúng sanh, mà do gieo nhân tà kiến đó đã đoạn thiện căn của người khác, nên phạm tội nặng, có thể phải đọa địa ngục. Cũng như vậy, người hành từ tam muội, tuy chẳng ban phát tài vật gì cho chúng sanh, mà có phước đức thù thắng hơn người hành bố thí.

Bởi vậy nên, người khởi ác tâm làm hại Chân Phật hay Hóa Phật đều phạm tội bình đẳng như nhau; Người thành tâm cúng dường Chân Phật hay Hóa Phật đều được phước bình đẳng như nhau.

Nơi đây, Phật dạy rằng, “Chân Phật cũng như Hóa Phật đều đầy đủ các tướng tốt trang nghiêm, hào quang chiếu diệu như nhau”. Ví như người đứng trước tượng Phật bằng đá, bằng đất, đứng trước hình Phật vẽ trên giấy v.v... mà thành tâm niệm Phật, thì người ấy cũng được thoát khổ, dẫn đến cũng sẽ được phước đức vô cùng tận. Lại ví như người tán hoa giữa hư không, nhất tâm niệm Phật cũng được thoát khổ dẫn đến cũng sẽ được phước đức vô cùng tận. Lại ví như người thành tâm niệm Phật, dù chỉ một câu thôi, cũng được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận vậy.

**Hỏi:** *Người chỉ tán hoa giữa hư không mà niệm Phật... dẫn đến chỉ 1 phen xưng danh hiệu Phật làm sao có thể có được được thoát khổ, được phước đức vô cùng tận như vậy.*

**Đáp:** Những người ấy do nghe Phật thường độ hết thảy chúng sanh thoát khỏi các khổ “sanh, già, bệnh, chết”, mà sanh tâm tín Phật, đem hương hoa cúng dường Phật, xưng danh hiệu Phật, nên được đoạn tận các khổ, được phước đức vô cùng tận. Phật là phước điền tối thượng, nên người cúng dường Phật được phước đức vô lượng vậy.

Người cúng dường phước điền Phật, dù là Chân Phật hay Hóa Phật, đều được phước đức vô lượng, vì thật tướng pháp là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu thật tướng pháp là chẳng là chẳng thể hoại, thì vì sao nay Phật lại phân biệt các pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến là hữu vi pháp, là vô vi pháp v.v... Như vậy các pháp tướng ấy cũng chẳng thể hoại chẳng?

Phật dạy: Phật tuy có phân biệt nói các pháp, tuy có dùng ngôn thuyết, nhưng đó là chỉ muốn khiến chúng sanh được tâm giải thoát, được vô sở chấp mà thôi. Nếu hai đức Phật nói chuyện với nhau, thì chẳng nói đến các pháp danh tự, vì chúng sanh cũng như các pháp đều là không vậy.

Phật vì chúng sanh mà phân biệt nói có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nói có nội pháp, ngoại pháp; nói có thiện pháp, ác pháp v.v... lại cũng dùng các thí dụ, như trong kinh Pháp Hoa nói đến nhà lửa để dụ cho 3 cõi, nói đến ông trưởng giả dùng 3 cỗ xe đưa con ra khỏi nhà lửa để dụ cho đức Phật phương tiện dùng 3 thừa giáo độ thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa 3 cõi v.v... Đây chỉ là phương tiện dùng danh tự tướng để nói pháp, mà chẳng hoại đệ nhất nghĩa vậy

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy các pháp thật sự đều là hư vọng, chẳng thật có, thì vì sao Phật lại vì chúng sanh dùng danh tự tướng để nói pháp?

Phật dạy: Thánh nhân tùy theo thể tục mà nói các pháp có danh, có tướng, nhưng thật chẳng có chấp các danh tướng đó. Phạm phu nghe nói đến khổ liền chấp có danh khổ, có tướng khổ; còn các đệ tử của Phật nói đến khổ mà chẳng chấp danh khổ, chẳng chấp tướng khổ. Ví như “khổ đế” chỉ là danh tướng, chẳng thật có, mà phạm phu lại chấp danh tướng đó.

Nếu chấp như vậy, thì trong không cũng chấp không, trong vô tướng cũng chấp vô tướng, trong vô tác cũng chấp vô tác... dẫn đến trong vô vi tánh cũng chấp vô vô vi tánh.

Nên biết hết thảy các pháp đều là như tướng. Ví như “khổ đế” chỉ có nơi danh tướng, mà danh tướng cũng chẳng trú trong danh tướng.

Bồ tát dùng danh tướng mà hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các pháp đều là bình đẳng, là chẳng thật có.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chỉ có danh tướng, thì Bồ tát vì ai mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Hết thảy pháp đều chỉ có danh tướng, mà danh tướng cũng là không, nên các pháp đều là rốt ráo không, đều vào trong như pháp tánh thật tế. Bởi vậy nên Bồ tát thường phát Vô Thượng Bồ Đề tâm... dẫn đến thường dùng 3 thừa giáo để hóa độ chúng sanh.

Nếu các pháp quyết định là thật có, chẳng phải là danh tướng, thì cũng là chẳng có sanh, chẳng có diệt. Đã là chẳng có sanh diệt, thì cũng chẳng có khổ, tập, diệt, đạo. Như vậy cũng chẳng còn gì để độ nữa cả vậy. Thế nhưng Bồ tát biết rõ hết thảy danh tướng pháp đều là bình đẳng, là không, nên xa lìa các chấp điên đảo của thế gian, lại cũng biết danh tướng không đó cũng là không, nên xa lìa danh tướng không. Như vậy là xa lìa cả “hữu”, cả “vô”, nhập vào trung đạo; trú nơi trung đạo mà độ chúng sanh vậy.

Ý Phật nói, “Bồ tát hành trung đạo Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế Tôn thuyết nhất thiết trí chẳng?

Phật dạy: Ta thuyết nhất thiết trí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế Tôn thường thuyết nhất thiết trí, đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí. Nghĩa của 3 trí ấy có gì khác nhau chăng?

Phật dạy: Nhất thiết trí là trí của hàng Thanh Văn. Vì sao? Vì trí biết hết thấy nội và ngoại pháp đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, là tổng tướng của Thanh Văn trí và Bích Chi Phật trí.

Đạo chủng trí là trí của hàng Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ cả 4 đạo gồm: Nhân Thiên phước lạc đạo, và 3 thừa đạo. Thế nhưng Bồ tát phải dẫn chúng sanh vào Vô Thượng đạo chẳng để cho họ lạc về Nhị thừa mà thủ chấp Niết Bàn, cũng chẳng để cho họ tham chấp Nhân Thiên phước lạc. Bồ tát biết rõ các đạo; biết rõ tu 10 thiện nghiệp đạo dẫn đến Nhân Thiên phước lạc đạo; tu 37 Phẩm Trợ Đạo là tu Thanh Văn đạo; tu 6 Ba-la-mật là tu Bồ tát đạo. Bồ tát lại phải đưa cả 3 thừa đạo về Phật đạo. Bởi vậy nên gọi là Bồ tát đạo chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao Bồ tát hành Bồ tát đạo phải đầy đủ đạo chủng trí?

Phật dạy: Bồ tát phải học tất cả các đạo để phương tiện giáo hóa chúng sanh. Nếu Bồ tát ra vào các đạo mà chưa đầy đủ giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, thì chưa tác chứng thật tế.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên 4 câu hỏi:

- Trú trong đạo có nên tác chứng thật tế chăng?
- Trú trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?
- Trú vừa trong đạo vừa trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?

- Trú vừa trong phi đạo vừa trong phi phi đạo có nên tác chứng thật tế chẳng?

Tất cả 4 trường hợp đó, Phật đều trả lời là: Chẳng vậy.

Vì sao? Phật nêu lên 2 lý do khiến người trú trong đạo chẳng có thể tác chứng thật tế được. Đó là:

- Bồ tát trú trong đạo mà còn phải lưu hoặc để độ sanh, nên chưa phải là rốt ráo thanh tịnh, chưa phải là được chánh trí. Nếu đã có được chánh trí, thì chẳng còn khác Phật. Bồ tát vẫn còn các tập khí phiền não, nên vẫn còn có lỗi lầm.

- Hết thấy pháp hữu vi đều là hư dối hòa hợp, nên chỉ có giả danh, chẳng quyết định là thật có vậy.

Trú trong đạo mà còn chẳng tác chứng được thật tế, huống nữa là trú trong phi đạo, trong phi phi đạo. Nếu còn chấp đạo, phi đạo, và phi phi đạo là còn lỗi lầm, vì còn chấp tâm, thủ tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Phật thật có đặc đạo Vô Thượng Bồ Đề”, nên ngài lại hỏi Phật: Như vậy Bồ tát phải trú ở nơi nào mới tác chứng thật tế?

Phật chẳng có trực tiếp trả lời ngài Tu Bồ Đề, mà lại phản vấn lại như sau:

- Người trú trong đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

- Người trú trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

- Người trú vừa trong đạo vừa trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

- Người trú vừa trong phi đạo vừa trong phi phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?



Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng vậy. Con do chẳng trú nơi nào, chẳng thọ các pháp mà được tâm lậu tận, được giải thoát.

**Hỏi:** *Vì sao Phật chẳng trực tiếp trả lời ngài Tu Bồ Đề, mà trở lại phản vấn ngài?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chỗ đắc đạo của mình, chẳng lầm lạc, nhưng vì quý trong chỗ Phật chứng đắc, nên ngài mới hỏi như trên đây, làm như vẫn còn chấp tâm, còn chưa rõ mà phải hỏi Phật vậy. Bởi vậy nên Phật đã dùng chỗ chứng đắc của ngài Tu Bồ Đề mà phản vấn ngài.

Phật hỏi: Khi ông chứng được đạo, thì ông có trú trong 4 chỗ nêu trong các câu hỏi đó chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề Đáp: Chẳng vậy. Con ở nơi vô sở trú mà tâm được lậu tận, được giải thoát.

Phật dạy: Ông trú trong “vô sở trú” mà được tâm lậu tận, được giải thoát. Cũng như vậy, Bồ tát chẳng trú trong 4 chỗ nêu trên đây mà tác chứng thật tế.

Đây là lý do vì sao Phật phản vấn ngài Tu Bồ Đề. Phật dùng 4 câu để phản vấn ngài Tu Bồ Đề là đã gián tiếp trả lời 4 câu hỏi của ngài rồi vậy.

**Hỏi:** *Ngài Tu Bồ Đề trú trong Kim cang tam muội mà được tâm lậu tận, được giải thoát. Như vậy vì sao nói, “Chẳng phải trú trong đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát”?*

**Đáp:** Nếu nói có trú là có chấp tướng, là chấp có định pháp vậy. Người cầu Phật đạo phải là người cầu “vô vi thắng pháp”, nên nói là chẳng có trú. Ở trong hữu vi pháp mà còn chẳng chấp, còn chẳng trú ở trong đó, huống nữa là ở trong vô vi pháp.

Lại nữa, nói có trú là nói có danh tướng, có phân biệt; đó

chỉ là phạm phu pháp. Còn vào Kim cang tam muội là vào nơi vô tướng pháp, nơi vô phân biệt, là được giải thoát vậy.

Phật dùng vô tướng pháp nên nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Ông chẳng nên dùng danh tướng mà hỏi về Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là Phật trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi là thông đạt được hết thầy pháp trong 3 đời, là được vô ngại trí là biết hết thầy các sự việc từ lớn đến nhỏ, từ thô đến tế v.v... chẳng có sự việc gì mà chẳng hay biết cả. Phật khai thị về nghĩa của “Nhất thiết chủng trí”. Đó là:

- Trí thông đạt thật tướng của hết thầy pháp là tướng tịch diệt. Ví như nước ở sâu dưới đáy biển chẳng bị gió làm chao động; vì ở quá sâu, nên các sóng mới chẳng thể khuấy khởi được. Cũng như vậy, gió hý luận chẳng thể làm lay động được Nhất thiết chủng trí.

- Trí thông đạt vô ngại hết thầy các ngôn ngữ, danh tự; lại nhiếp được cả “CÓ” lẫn “KHÔNG”.

Có thuyết nói, “Nhất thiết chủng trí là trí biết rõ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là tướng trí huệ hòa hợp”.

Có thuyết nói, “Vào được Kim cang tam muội là thứ lớp được vô ngại giải thoát, nên các sự việc dù lớn hay nhỏ, dù khó hay dễ, dù sâu hay cạn, cùng vô lượng nhân duyên khác, hành giả đều như thật biết”.

Trí biết như vậy gọi là Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trí huệ có thượng, có trung, có hạ. Như vậy sự đoạn phiền não của 3 trí ấy có gì sai khác chăng?

Phật dạy: Chẳng có gì sai khác cả. Vì sao? Vì khi đã đoạn được phiền não rồi, thì chẳng còn có sai khác nữa. Ví như con dao có bén, có lụt sai khác nhau, nên khi dùng dao để cắt có thể nhanh hay chậm sai khác nhau; nhưng khi đã cắt xong rồi, thì chẳng còn có sai khác nữa. Như Lai đã tận đoạn các tập khí phiền não; hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đã tận đoạn phiền não, nhưng chưa tận đoạn tập khí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Sự đoạn phiền não tập khí là hữu vi hay là vô vi?

Phật dạy: Tất cả đều nhiếp về vô vi pháp. Phải được vô vi pháp mới đoạn được phiền não tập khí vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi vô vi mà có sự sai khác chăng?

Phật dạy: Thế Tôn tùy ngôn thuyết thế gian mà nói có sai khác; đó chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Ở nơi đệ nhất nghĩa chẳng có sự phân biệt thuyết.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng có sự sai khác, thì vì sao lại phân biệt có tận đoạn phiền não và kiết sử, có đoạn phiền não mà chưa tận đoạn kiết sử, có hữu dư và vô dư?

Phật dạy: Tập khí chẳng phải là chân phiền não. Có người đã đoạn sạch phiền não, mà ở nơi thân vẫn còn các tướng tập khí lưu dư hiện ra, khiến phàm phu thấy vậy cho là chưa được tâm thanh tịnh. Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

\* Ngài Mật Đà Tư Tra vào 500 đời trước đã làm thân khí, nên dù đã chứng quả A-la-hán mà ngài vẫn còn tập khí nhảy nhót, chuyển từ cây này sang cây khác tựa như loài khí vậy. Phàm phu nhìn ngài như vậy thường dấy tâm khinh khi, xem ngài tựa khí, như vượn. Đây là trường hợp đã được tâm thanh tịnh, mà lưu dư tập khí vẫn còn hiện ra ở nơi thân.

\* Ngài Tất Lãng Già Bà Sa vào 500 đời trước là 1 vị Bà-la-môn thông minh nhưng rất kiêu mạn. Mặc dù đã chứng quả A-la-hán nhưng ngài vẫn còn tập khí kiêu mạn. Một hôm ngài muốn qua sông Hằng mà nước chảy xiết chẳng thể qua được. Ngài bèn bảo vị thần sông, “Này con tiểu tì! Hãy làm cho dòng nước ngưng lại”. Vị thần sông đến bạch Phật. Phật dạy ngài phải đến xin lỗi vị thần sông. Ngài đến trước vị thần sông, chấp tay và nói rằng, “Tiểu tỳ! Ta đến xin lỗi ngươi đây”. Đây là trường hợp đã được tâm thanh tịnh, mà tập khí kiêu mạn vẫn còn hiện khởi nơi lời nói vậy.

Trái lại, Phật đã đoạn tận phiền não và tập khí. Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

\* Có 1 vị Bà-la-môn ác khẩu, bịa ra 500 chuyện để hủy báng Phật mà Phật vẫn thản nhiên, chẳng đổi sắc mặt; vị Bà-la-môn ấy tự hối, sanh tâm hoan hỷ, và dùng 500 lời tán thán Phật, mà Phật cũng vẫn thản nhiên, chẳng tỏ vẻ vui mừng.

\* Sau khi đã thành đạo, Phật đã có chân công đức, vang danh khắp cả 10 phương. Vậy mà có ông Phạm Chí giết nàng Tôn Đà La, đem chôn thân nàng cạnh liêu Phật, rồi vu oan giá họa cho Phật. Phật nghe như vậy mà tâm Phật vẫn chẳng thay đổi, chẳng buồn bực, chẳng oán hận.

\* Có lần Phật ôm bát vào trong tụ lạc của Bà-la-môn khát thực, chẳng được ai cúng dường, đành phải ôm bát không trở về, mà tâm Phật vẫn bình thản. Chư Thiên thấy vậy phải cúng dường thay.

\* Có thời Phật phải trải qua 3 tháng ăn lúa mạch của ngựa; có thời Phật được chư Thiên cung kính cúng dường; có thời Phật phải ngủ qua đêm trong rừng, bị gai đâm, bị gió lạnh; có thời Phật được chư Thiên cúng dường ngọc cù êm dùi trải trên phiến đá trắng trơn mát v.v...

Đối trước các sự việc như vậy, tâm Phật vẫn bình thản tự tại.

\* Lại nữa, Đề Bà Đạt Đa lăn đá để làm hại Phật, La Hầu La cung kính Phật, mà đối với hai người ấy Phật vẫn thương yêu quý mến như thương quý đôi mắt, tâm Phật vẫn bình đẳng, chẳng có phân biệt. Ví như vàng ròng nấu mãi chẳng có đôi sắc. Phật trải qua các sự việc vui buồn, vẫn giữ tâm chẳng tăng, chẳng giảm. Thế mới biết Phật đã tận đoạn các phiền não và kiết sử, nên các sự thương ghét, vui buồn đều bình đẳng, vô phân biệt.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thật tướng pháp là vô sở hữu, mà ở nơi vô sở hữu thì chẳng có phân biệt. Như vậy vì sao phân biệt có các quả vị Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến có quả vị Phật? Vì sao Phật tận đoạn tập khí mà hàng Thanh Văn chưa tận đoạn tập khí?

Phật dạy: Cả 3 thừa đều dùng vô vi pháp mà đều có sai khác. Nhân ở nơi vô vi mà có sai khác như vậy, nên mới có hữu vi, mới nói có pháp khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong vô vi mà có sai khác chăng?

Phật dạy: Do tùy thế tục mà dùng ngôn ngữ, danh tự, nên mới có sự sai khác, đó chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

Vì ở nơi đệ nhất nghĩa thì hết thấy ngôn ngữ đều đoạn, hết thấy tâm hành đều diệt nên là chẳng có phân biệt. Bởi vậy nên nói các thánh nhân đều tận đoạn các kiết sử. Nếu nói còn có các kiết sử là nói còn có hậu tế (đời sau) để lợi sanh, hậu tế đó là hữu dư Niết Bàn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Các pháp đều là tự tướng không thì tiền tế (đời trước) còn bất khả đắc, huống nữa là hậu tế (đời sau).

Vì sao? Vì do có tiền tế mới có hậu tế. Chúng sanh chẳng biết các pháp là tự tướng không, nên chấp có tiền tế, có hậu tế, mà chẳng biết rằng ở nơi tự tướng không thì tiền tế và hậu tế đều bất khả đắc cả. Nếu có sanh mới có già chết, mà sanh là vô sanh, là chẳng có nhân duyên sanh, thì cũng chẳng có già chết vậy. Còn nếu nói có già chết rồi mới có sanh thì chẳng thể có sanh được, ắt là cũng chẳng có già chết vậy. Bởi vậy nên nói “Trong các pháp tự tướng không thì tiền tế và hậu tế đều bất khả đắc cả”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát phải ở nơi tự tướng không mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành pháp tự tướng không, thì chẳng còn chấp nội pháp, ngoại pháp... dẫn đến chẳng còn chấp “pháp không”. Do chẳng có chỗ chấp như vậy, nên được vô sở chấp.

**Hỏi:** Trước đây đã có nói nhiều về Bát nhã Ba-la-mật tướng. Nay vì sao còn nói nữa?

**Đáp:** Đây chẳng phải chỉ nói nhiều về tướng của Bát nhã Ba-la-mật, mà còn rộng nói về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Do nghĩa gì mà Thế Tôn gọi là Bát nhã Ba-la-mật ?

Phật dạy: Do được “Độ nhất độ”, tức là “độ hết thảy pháp qua bờ bên kia” nên được gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Xét về “trí độ” nên phân biệt có 3 hạng, Đó là:

- Trí độ của hàng Thanh Văn là hạ trí.
- Trí độ của hàng Bích Chi Phật là trung trí.
- Trí độ của hàng Bồ tát là thượng trí, cũng gọi là Độ nhất độ.

Lại nữa, có 9 phẩm độ phiền não nhiếp về 3 bậc trí huệ thượng, trung và hạ, mỗi bậc có 3 phẩm. Bồ tát dùng thượng trí huệ độ nên gọi là đệ nhất độ. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật phần nhiều độ ở nơi tổng tướng, rất ít ở nơi biệt tướng. Bồ tát ở nơi hết thấy tổng tướng và biệt tướng đều được rõ ràng nên gọi là đệ nhất độ.

Khi độ Bồ tát có trí huệ đầy khắp, nên ở nơi các pháp đều khắp biết. Hàng Nhị thừa ở nơi các pháp có biết; nhưng chẳng cùng khắp. Bởi vậy nên gọi trí độ của Bồ tát là đệ nhất độ.

Bồ tát Đại thừa có vô lượng phước đức trí huệ, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo, được chư Phật, chư Đại Bồ tát cùng chư Thiên ở khắp 10 phương thường hộ niệm, nên được an ổn độ. Ví như người dùng thuyền 7 báu, được người hướng dẫn tốt, chở đầy đủ thực phẩm tốt, gặp gió êm, biển lặng, ắt sẽ đến được đích an toàn, như vậy gọi là “hảo độ”. Còn người nương theo chiếc bè mong manh để vượt qua biển, tâm đầy lo âu sợ hãi, thì chẳng thể gọi là ‘hảo độ’ được.

Lại nữa, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dùng 3 thừa đạo đưa chúng sanh qua bờ bên kia, là bờ Niết Bàn. Ở nơi đây chẳng còn có ưu bi khổ não nữa. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật tư duy, trừ lượng, phá hoại các pháp cho đến vi trần, thì hết thấy các pháp, dù ngoại hay nội, dù lớn hay nhỏ v.v... đều chẳng kiên cố, chẳng bền chắc. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Hết thấy pháp đều vô phân biệt, nên vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì sắc pháp cũng như tâm pháp đều là tán hoại, là bất khả đắc. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật còn được gọi là trí huệ Ba-la-mật, là trí huệ “đáo bị nạn”, là bờ mé của hết thảy trí huệ. Trí huệ Ba-la-mật chẳng thể bị phá hoại, là như pháp tánh thật tế. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp hợp hay tan, sắc hay vô sắc, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật thường sanh hết thảy trí huệ, hết thảy thiên định, hết thảy lạc thuyết biện tài. Nhờ có lực Bát nhã Ba-la-mật mà nói ra một câu có thể chứa đựng vô lượng nghĩa trang nghiêm, vô cùng tận. Bát nhã Ba-la-mật soi chiếu cùng khắp, đến tận những nơi mà mặt trăng, mặt trời cùng các ngôi sao chẳng thể chiếu đến được. Bát nhã Ba-la-mật thường phá tan các tà kiến vô minh hắc ám, nên tà ma, ngoại đạo cùng các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể phá hoại được.

Vì sao? Nếu Bồ tát nhất tâm tín thọ, trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, thì các ác niệm chẳng thể xâm phạm được, nếu Bồ tát có chánh ức niệm, thường như thuyết tu hành thì các kẻ ác chẳng có thể phá hoại được.

Phật dạy: Bồ tát phải đúng theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà hành. Bồ tát muốn hành theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thì phải hành theo nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, cũng phải hành theo nghĩa khô trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tỷ trí, nghĩa thể trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thật trí.

Ví như trong biển lớn có vô số châu báu vừa lớn, vừa nhỏ, nhưng chỉ có như ý bảo châu là quý hơn hết. Cũng như vậy, trong số 11 trí, thì 10 trí nêu lên trước đều là vô thường.



Chỉ có trí thứ 11 tức là như thật trí mới là trí huệ của Phật, là trí huệ tôn quý nhất.

**Hỏi:** Trước đây nói hành vô thường chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao nói hành vô thường là hành Bát nhã Ba-la-mật?

**Đáp:** Trước đây cũng đã nói về 2 trường hợp hành vô thường:

- Nếu còn chấp tâm, còn hý luận mà hành vô thường, thì đó chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Nếu chẳng chấp tâm, chẳng hý luận mà dùng vô thường để phá chấp thường, nhưng tự mình chẳng chấp vô thường, thì đó mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** Trong 3 tạng kinh điển thường chỉ nói đến 10 trí. Sao nay lại nói thêm trí thứ 11 là như thật trí?

**Đáp:** “Như thật trí” là của Đại thừa pháp. Nên biết Đại thừa pháp thường thọ Tiểu thừa pháp, mà Tiểu thừa pháp chẳng thể thọ Đại thừa pháp vậy.

**Hỏi:** Trong 10 trí nêu lên trước, mỗi trí đều có thể tướng riêng. Như vậy, thể tướng của như thật trí là như thế nào?

**Đáp:** Có thuyết nói: Biết rõ thật tướng của hết thấy pháp là như pháp tánh thật tế. Như vậy gọi là như thật trí tướng.

Nơi đây, Phật nói chỉ có trí huệ của Phật mới gọi là như thật trí. Vì sao? Vì Bồ tát chưa đoạn sạch “trần sa vô minh”, nên chưa có thể như thật biết. Cũng như hàng Nhị thừa, Bồ tát chưa tận đoạn tập khí, nên chưa có thể biết hết thấy pháp, hết thấy chủng; do vậy mà chưa được như thật trí. Chỉ có Phật đã tận đoạn vô minh, nên mới có được như thật trí.

**Hỏi:** Nếu nói trừ Phật ra, chẳng có ai có được như thật trí, thì hàng Nhị thừa làm sao có thể được Niết Bàn, và hàng Đại Bồ tát làm sao được vô sanh pháp nhẫn?

**Đáp:** Như thật trí có thể hiểu theo 2 nghĩa:

- Phật đã đầy đủ “như thật trí”.

- Chư đại Bồ tát cũng như chư Thanh Văn chưa có được đầy đủ “như thật trí”.

Trí của Bồ tát cũng như của hàng Nhị thừa chỉ ví như ánh sáng của một ngọn đèn nhỏ, chỉ đủ để phá bóng tối của căn nhà, nhưng căn nhà chưa được sáng tỏ. Nếu có thêm một ngọn đèn lớn, thì căn nhà được chiếu sáng nhiều hơn. Cũng như vậy, Bồ tát cũng như của hàng Nhị thừa, tuy có trí huệ phá được vô minh, nhưng chưa tận trừ vô minh đến gốc rễ. Trí huệ của Phật mới tận trừ vô minh đến gốc rễ.

Trí huệ của Bồ tát và trí huệ của hàng Thanh Văn Nhị thừa chưa được gọi là “như thật trí”. Vì sao? Vì Bồ tát và hàng Thanh Văn chưa biết khắp “biên tri” như Phật được. Chỉ có trí huệ của Phật mới được gọi là “như thật trí”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong tâm Bát nhã Ba-la-mật, nghĩa và phi nghĩa đều là bất khả đắc. Như vậy vì sao Bồ tát phải vì tâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tham dục, sân nhuế, ngu si là phi nghĩa. Nghĩa như vậy chẳng nên hành. Hết thấy các phiền não, hết thấy các tà kiến là phi nghĩa. Nghĩa như vậy chẳng nên hành.

Nên biết rằng, các pháp được chia ra làm 3 loại. Đó là:

- Tham dục cùng hết thấy các phiền não, tà kiến là phi nghĩa.

- 6 pháp Ba-la-mật cùng hết thấy các thiện pháp là nghĩa.

- Hết thấy các sắc pháp cùng vô ký pháp là phi nghĩa, phi phi nghĩa (chẳng có nghĩa, chẳng phải chẳng có nghĩa).

Người hành các phiền não thì sanh tâm thương ghét. Người hành 6 Ba-la-mật và các thiện pháp, thì sanh tâm ái niệm. Người hành các pháp vô ký, thì sanh tâm si.

Như trong kinh nói, “Phàm phu khi thọ lạc liền sanh tâm tham; khi thọ khổ liền sanh tâm sân; khi thọ “phi lạc, phi khổ” liền sanh tâm si”.

Trái lại, Bồ tát thường nghĩ rằng, “Hết thấy các thiện pháp, ác pháp và vô ký pháp đều là phi nghĩa, chẳng nên niệm. Vì sao? Vì ở nơi nhất như tướng, thì hết thấy các pháp đều là phi nghĩa, đều là vô phân biệt”.

Lại nữa, khi thành đạo, Phật chẳng thấy có một pháp nào cả. Dù là nghĩa, dù là phi nghĩa, khi đã vào trong thật tướng rồi, thì hết thấy pháp đều là nhất như, vô phân biệt. Dù có Phật, dù chẳng có Phật, thì hết thấy pháp đều là thường trú.

Nếu biết được như vậy là biết được nghĩa, phá được hết thấy các sự phân biệt của tâm. Bởi vậy nên nói, “Nghĩa cùng phi nghĩa đều chẳng nên làm”.

Phật dạy tiếp: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải ly nghĩa, và phải ly phi nghĩa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật là phi nghĩa và cũng là phi phi nghĩa (chẳng có nghĩa cũng chẳng phải chẳng có nghĩa)?

Phật dạy: Hết thấy các pháp hữu vi đều vô tác tướng, vô khởi tướng (chẳng có tướng tác, chẳng có tướng khởi), nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Hết thấy chư Phật cùng chư đệ tử Phật đều lấy vô vi là nghĩa. Như vậy vì sao Phật nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, và cũng chẳng phải chẳng có nghĩa?

Phật dạy: Hết thấy chư Phật và chư Thánh, tuy đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng chẳng phải vì thế mà nghĩa ấy có tăng, có giảm.

Ví như hư không chẳng có làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng có làm tổn hại chúng sanh, nên chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa.

Tuy hư không là pháp “không”, mà hết thấy thế gian đều nương nơi hư không, mà làm ra đủ các sự việc. Cũng như vậy, tuy Bát nhã Ba-la-mật là vô vi tướng, mà người tu hành phải có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mới có thể tu 5 Ba-la-mật kia cùng hết thấy các Phật pháp vậy.

Người có chấp tâm mới nói Bát nhã Ba-la-mật có nghĩa, hay chẳng có nghĩa. Người chẳng có chấp tâm thì chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật có nghĩa, hay chẳng có nghĩa.

Y theo thế tục đế, nên nói “nghĩa” và “phi nghĩa”. Nếu y theo đệ nhất nghĩa đế, thì chẳng nói như vậy.

Lại nữa, có 2 thứ Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Hữu vi Bát nhã Ba-la-mật.
- Vô vi Bát nhã Ba-la-mật.

Học hữu vi Bát nhã Ba-la-mật là học đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, và an trú trong đó. Học vô vi Bát nhã Ba-la-mật là diệt sạch hết cả tập khí phiền não, viên thành Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát chẳng học vô vi Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng? Nếu học vô vi Bát

nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí, thì vì sao nói là chẳng có nghĩa?

Phật dạy: Bồ tát học vô vi Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng dùng “hai pháp” mới được Nhất thiết chủng trí.

Chẳng phân biệt các pháp, chẳng thủ chấp các pháp tướng mới gọi là chẳng dùng “hai pháp”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Chẳng dùng “hai pháp” có thể vào được trong “bất nhị pháp” chẳng?

Phật dạy: Chẳng được. Vì sao? Vì “bất nhị pháp” tức là “vô vi pháp”. Mà “vô vi” tức là “vô hữu đắc”, là chẳng có được vậy.

“Vô vi pháp” là pháp chẳng có tướng đắc, là pháp chẳng thể hành được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng dùng “hai pháp” mà chẳng được “bất nhị pháp”, thì dùng “hai pháp” có thể được “bất nhị pháp” chẳng?

Phật dạy: Chẳng vậy. Vì sao? Vì “hai pháp” là chẳng thật. Như vậy làm sao có thể dùng pháp chẳng thật đó để được “thật pháp”?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng dùng “hai pháp”, và cũng chẳng phải chẳng dùng “hai pháp”, thì Bồ tát làm sao được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: “Vô sở đắc” tức là đắc vậy. Bởi vậy nên đắc là đắc chỗ chẳng đắc.

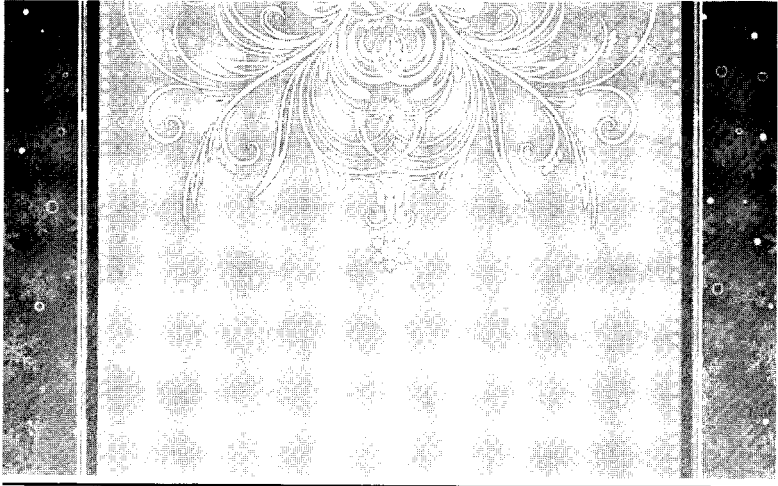
-o0o-

Nơi đây, nên biết rằng pháp bất nhị (chẳng hai) tức là

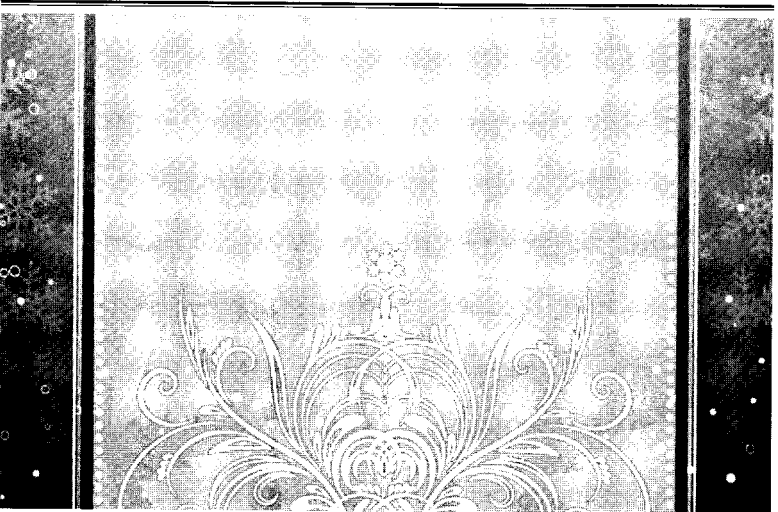
pháp vô phân biệt (chẳng có phân biệt), là pháp vô sở đắc (chẳng chỗ đắc). Mà pháp vô sở đắc thì chẳng thể do hữu sở đắc làm ra.

Người tu hành tuy hành pháp hữu vi, mà lại đắc chỗ vô sở đắc, nên chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng vậy. Vì sao? Vì phải cùng với không, vô tướng và vô tác hòa hợp mà hành các pháp.

(Hết quyển 84)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 85**







## Phẩm Thứ Bảy Mười Mốt



Đạo Thọ(\*)  
(Cây Đạo)

### KINH:

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Bồ tát biết chúng sanh bất khả đắc mà vẫn vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề. Thật là việc rất khó làm.**

**Bạch Thế Tôn! Như người muốn trồng cây giữa hư không rất khó làm. Bồ tát biết chúng sanh bất khả đắc mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát làm việc rất khó làm. Vì muốn độ chúng sanh điên đảo chấp ngã, mà Bồ tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề.**

**Này Tu Bồ Đề! Ví như người trồng cây chẳng biết gốc, thân, cành, lá, hoa, quả của cây sẽ làm ra sao, mà vẫn vui vẻ bón phân, tưới nước khiến cây lớn dần dần, trở lá, đơm hoa rồi kết quả, kết hạt đều được thành tựu đều đặn.**

**Cũng như vậy, Bồ tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề, lần lần hành 6 pháp Ba-la-mật, được Nhất thiết**

---

\*. Đạo Thọ: (cây đạo) còn được gọi là Giác Thọ (cây giác), Bồ đề thọ (cây bồ đề). Phật ngồi thiền dưới gốc cây bồ đề mà được đắc đạo. Cũng còn được gọi là Phật thọ (cây Phật).

chúng trí, thành tựu “Phật thọ”, rồi đem lá, hoa, quả, hạt làm lợi ích chúng sanh.

\* Thế nào là lá cây làm lợi ích chúng sanh?

Nhờ Bồ tát mà chúng sanh được ra khỏi 3 đường ác. Như vậy là lá cây làm lợi ích chúng sanh.

\* Thế nào là hoa làm lợi ích chúng sanh?

Nhờ Bồ tát mà chúng sanh được sanh làm người trong các đại gia, đại tộc; được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng. Như vậy là hoa làm lợi ích chúng sanh.

\* Thế nào là quả làm lợi ích chúng sanh?

Nhờ Bồ tát được Nhất thiết chủng trí mà chúng sanh mới được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật. Bồ tát dùng 3 thừa pháp, lần lần độ chúng sanh, an lạc chúng sanh nơi Vô Dur Niết Bàn. Như vậy là quả làm lợi ích chúng sanh.

Bồ tát biết chúng sanh là không, là bất khả đắc, mà vẫn độ chúng sanh, khiến chúng sanh xa lìa chấp ngã điên đảo. Bồ tát tự nghĩ rằng, “Trong hết thấy pháp đều chẳng có chúng sanh vì chúng sanh thật là bất khả đắc, mà ta vẫn phải vì chúng sanh cầu Nhất thiết chủng trí vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải biết vị Bồ tát ấy là như Phật rồi vậy. Vì sao? Vì do nhân duyên vị Bồ tát ấy đoạn dứt hạt giống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mà đoạn dứt được hết thấy các khổ nạn, bần cùng, hạ tiện; đoạn dứt hết thấy các hạt giống cõi Dục, cõi Sắc và cõi vô Sắc.

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Phải biết vị Bồ tát ấy là như Phật rồi vậy.**

**Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng có Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, thì ở thế gian, trong cả 3 đời, chẳng có Phật, cũng chẳng có Bích Chi Phật, chẳng có A-la-hán, A-na-hàm, Tu-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, cũng chẳng ngừng dứt cảnh chúng sanh đọa lạc trong 3 đường ác, qua lại trong 3 cõi.**

**Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Bồ tát ấy là như Phật vậy. Vì sao? Vì do “như” mà gọi là Như Lai; do “như” mà gọi là Bích Chi Phật, là A-la-hán, là A-na-hàm, là Tu-đà-hàm, là Tu-đà-hoàn; do “như” mà gọi là sắc... dẫn đến là thức; do “như” mà gọi hết thủy pháp... dẫn đến hữu vi tánh, vô vi tánh v.v... Tất cả đều là “như thật”, chẳng có sai khác. Bởi vậy nên gọi là “như”. Bồ tát học “như” mà được Nhất thiết chủng trí, mà được gọi là Như Lai.**

**Bởi nhân duyên vậy, nên nói, “Phải biết vị Bồ tát ấy là như Phật, vì hành như tướng vậy”.**

**Này Tu Bồ Đề! Thế nên Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như. Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như, thì có thể học hết thủy pháp như. Học hết thủy pháp như thì được đầy đủ hết thủy pháp như.**

**Được đầy đủ hết thủy pháp như rồi, thì được tự tại ở nơi hết thủy pháp như. Được tự tại ở nơi hết thủy pháp như rồi, thì khéo biết căn của hết thủy chúng sanh. Khéo biết căn của hết thủy chúng sanh rồi thì khéo biết căn đầy đủ của hết thủy chúng sanh, khéo biết nghiệp nhân duyên của hết thủy chúng sanh.**

**Khéo biết nghiệp nhân duyên của hết thủy chúng sanh rồi, thì được nguyện trí đầy đủ. Được nguyện trí đầy đủ**

rồi, mới được trí huệ 3 đời thanh tịnh. Được trí huệ 3 đời thanh tịnh rồi, mới được lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh rồi, mới thanh tịnh Phật độ. Thanh tịnh Phật độ rồi, mới được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi mới chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân rồi, mới an lập chúng sanh nơi 3 thừa đạo, khiến họ vào được Vô Dư Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn được hết thảy công đức, tự lợi và lợi tha, thì phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát nào đúng như pháp mà hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thảy thế gian, Trời, người, a tu la đều phải đánh lễ.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào đúng như thuyết mà hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thảy thế gian, trời, người, a tu la đều phải đánh lễ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát sơ phát tâm mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề có được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu trong tiểu thiên thế giới, tất cả chúng sanh đều phát tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật. Ý ông nghĩ sao? Phước đức của những chúng sanh ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức vô lượng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của họ chẳng bằng được phước đức của Bồ tát tân phát ý. Trong trăm, ngàn, vạn, ức phần chẳng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh kịp.

Vì sao? Vì Thanh Văn và Bích Chi Phật do nơi Bồ tát mà xuất sanh ra; còn Bồ tát chẳng phải do nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật xuất sanh ra vậy.

Trong cõi trung thiên thế giới, cõi đại thiên thế giới... dẫn đến trong 3.000 đại thiên thế giới cũng là như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu trong 3.000 đại thiên thế giới, tất cả chúng sanh đều được Càn Huệ địa. Ý ông nghĩ sao? Phước đức của những chúng sanh ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức vô lượng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của họ chẳng bằng được phước đức của Bồ tát tân phát ý. Chẳng những họ trú Càn Huệ địa, mà trú Tánh địa, Bạt địa, Ly Dục địa, Bích Chi Phật địa, thì phước đức của họ cũng chẳng sao bằng được phước đức của Bồ tát tân phát ý. Trong trăm, ngàn, vạn, ức phần chẳng bằng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh kịp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Trong 3.000 đại thiên thế giới, Bồ tát sơ phát ý chẳng bằng được Bồ tát đã nhập pháp vị, Bồ tát đã nhập pháp vị chẳng bằng được Bồ tát hướng Phật đạo, Bồ tát hướng Phật đạo chẳng bằng được Phật. Nếu đem công đức của chư Bồ tát so sánh với công đức của Phật, thì trong trăm, ngàn, vạn, ức phần chẳng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh kịp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát sơ phát tâm nên niệm những pháp gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên niệm Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là

**Nhất thiết chủng trí? Thế nào là duyên, là tăng thượng, là hành, là tướng của Nhất thiết chủng trí?**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nhất thiết chủng trí là vô sở hữu, vô niệm, vô sanh, vô thị (chẳng chỗ có, chẳng niệm, chẳng sanh, chẳng hiển thị).

**Ông hỏi về duyên, về tăng thượng, về hành, về tướng của Nhất thiết chủng trí chẳng?**

**Này Tu Bồ Đề! Nhất thiết chủng trí là vô pháp, lấy vô duyên làm duyên, lấy niệm làm tăng thượng, lấy tịch diệt làm hành, lấy vô tướng làm tướng. Đó là là duyên, là tăng thượng, là hành, là tướng của Nhất thiết chủng trí.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Chỉ có Nhất thiết chủng trí là vô pháp, hay là sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng đều là vô pháp?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Sắc là vô pháp...dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng đều là vô pháp cả.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Nhất thiết chủng trí là vô pháp; sắc... dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng đều là vô pháp?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Vì Nhất thiết chủng trí là tự tánh không, mà pháp tự tánh không tức là vô pháp vậy. Sắc... dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng là như vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà các pháp là tự tướng không?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, nên ở nơi pháp chẳng có tự tánh; mà pháp chẳng có tự tánh tức là vô pháp. Bởi vậy nên Bồ tát biết

**hết thấy pháp đều là vô tánh. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh Không vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tánh không, thì Bồ tát sơ phát tâm phải dùng phương tiện gì để hành Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nhằm thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh; phải dùng phương tiện gì để hành 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 chánh đạo, 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nhằm thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học hết thấy pháp vô tánh, mà vẫn có thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, vì biết rõ thế giới và chúng sanh cũng đều là vô tánh. Đó chính là lực phương tiện của Bồ tát vậy.**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là tu học Phật đạo... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí là tu học Phật đạo. Thế nhưng Bồ tát biết rõ Phật đạo cũng là vô tánh. Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là tu học Phật đạo... dẫn đến chưa thành tựu 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí cũng là tu học Phật đạo. Khi đã được đầy đủ các nhân duyên Phật đạo rồi, Bồ tát dùng nhất niệm tương ưng huệ, được Nhất thiết chủng trí.**

**Lúc bấy giờ, hết thấy các phiền não, tập khí chẳng còn sanh, nên Bồ tát dùng Phật nhãn quán khắp cõi đại thiên thế giới, thấy “vô pháp” còn chẳng có, hướng nữa là “hữu pháp”.**

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải hành “vô tánh Bát nhã Ba-la-mật” mới có được lực phương tiện, vì “vô pháp” còn chẳng có, huống nữa là “hữu pháp”.

Này Tu Bồ Đề! Khi bố thí, Bồ tát chẳng biết có pháp bố thí, có người thọ thí, có Bồ tát tâm, vì “vô pháp” còn chẳng biết được, huống nữa là “hữu pháp”. Dẫn đến khi hành Nhất thiết chủng trí, Bồ tát chẳng biết có người đắc, có pháp đắc, có chỗ đắc, vì “vô pháp” còn chẳng biết, huống nữa là “hữu pháp”.

Vì sao? Vì tánh của hết thấy pháp vốn là như vậy; chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do Thanh Văn và Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra. Vì hết thấy pháp đều chẳng có tác giả làm ra vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy pháp đều là tánh ly chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều là tánh ly.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tánh ly, thì làm sao pháp ly lại biết được pháp ly? Pháp ly là hữu pháp hay là vô pháp?

Vì sao? Vì vô pháp chẳng thể biết vô pháp, hữu pháp chẳng thể biết hữu pháp, vô pháp chẳng thể biết hữu pháp, hữu pháp chẳng thể biết vô pháp.

Bạch Thế Tôn! Như vậy là hết thấy pháp đều chẳng có tướng, thì làm sao Bồ tát có thể phân biệt nói có “hữu pháp”, và nói có “vô pháp”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tùy theo thế tục để mà Bồ tát vì chúng sanh nói CÓ, nói KHÔNG. Đây chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.



**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế khác nhau chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế chẳng có sai khác nhau.**

Vì sao? Vì “thế đế như” tức là “đệ nhất nghĩa như”. Vì chúng sanh chẳng biết được như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh nói CÓ, nói KHÔNG vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh ở nơi 5 ám mà khởi chấp tướng, chẳng biết 5 ám là chẳng có tướng (vô sở hữu tướng), nên Bồ tát phải vì họ nói CÓ, nói KHÔNG.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

#### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy, “Vô sở đắc tức là đắc” sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Bồ tát vì chúng sanh mà làm các việc rất khó làm, y như người muốn trồng cây giữa hư không vậy.

Phật dụ “Phật thọ” (cây Phật) như cây đại thọ đem lá, hoa, quả, hạt làm lợi ích chúng sanh, từ thô đến tế, từ cạn đến sâu.

Ví như vòm là cây che nắng mặt trời, đem lại sự im mát; cũng như vậy, Bồ tát giáo hóa chúng sanh, đưa họ ra khỏi 3 đường ác, là những nơi nóng bức, khổ đau khiến họ thoát được các khổ. Ví như hoa với màu sắc tươi đẹp, hương thơm thanh khiết đem lại sự tươi vui, cũng như vậy, Bồ tát đem bố thí, trì giới giáo hóa chúng sanh, khiến họ được hưởng các phước lạc ở cõi trời và cõi người. Ví như cây có nhiều quả có màu sắc tươi đẹp, hương vị thơm ngon; cũng như vậy, Bồ tát đem 3 thừa đạo, giáo hóa chúng sanh khiến họ được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật.

Ngài Tu Bồ Đề nghe như vậy sanh tâm hoan hỷ bạch Phật: Bồ tát do nhân duyên đoạn dứt hạt giống địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, nên là như Phật rồi vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Nếu chẳng có Bồ tát phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, thì ở thế gian chẳng có Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng đoạn dứt cảnh chúng sanh đọa về 3 đường ác, qua lại trong 3 cõi.

Vì Bồ tát được pháp “như” nên gọi là Như Lai. Sắc... dẫn đến hữu vi tánh, vô vi tánh đều là “như”, chẳng có sai khác. Bồ tát học “pháp như” mà được nhất thiết chủng trí nên nói là như Phật, chẳng có sai khác. Phật là như, Bồ tát cũng là như, hết thầy pháp đều là như; chẳng có pháp nào mà chẳng vào trong “như” vậy.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát được “như” mà gọi là như Phật, thì vì sao hết thầy chúng sanh cũng có “tánh như”, mà chẳng gọi là như Phật?*

**Đáp:** Do nhân duyên chúng sanh cũng có “tánh như”, mà chẳng phát khởi “tánh như”, chẳng làm lợi ích chúng sanh... dẫn đến chẳng được nhất thiết chủng trí, nên chẳng được gọi là Như Lai.

Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như; học Bát nhã Ba-la-mật như, mới được hết thầy pháp như, mới vào được nơi thật tướng pháp, mới được tự tại ở nơi hết thầy pháp.

Bồ tát được tự tại ở nơi hết thầy pháp, nên biết rõ được căn chúng sanh, biết rõ những chúng sanh có căn đầy đủ. Ở trong 3 thừa, Bồ tát biết rõ người có tín căn, người chẳng có tín căn, người có tín lực, người chẳng có tín lực v.v... Bồ tát biết rõ người có đầy đủ 5 căn, 5 lực mới có thể ra khỏi thế gian. Vì có đầy đủ tín căn, tín lực mới có thể thọ trì các thiện pháp, mà chẳng nghi

hối; người có tấn căn, tấn lực, dù chưa thấy được đạo, cũng đã nhất tâm tinh tấn cầu đạo, chẳng ngưng nghỉ, chẳng tiếc thân mạng; người có niệm căn, niệm lực, thì thường nhớ nghĩ đến lời thầy dạy, thường hành các thiện pháp, xa lìa ác pháp. Người có định căn, định lực thường nhiếp tâm, chẳng lay động; do có định mà khởi sanh được trí huệ. Người có huệ căn, huệ lực mới có thể thật quán được thật tướng các pháp.

Người đầy đủ 5 căn được chia làm 2 hạng. Đó là:

- Người thành tựu Bồ tát căn là người có Đại thừa tâm.
- Người thành tựu Nhị thừa căn là người có Tiểu thừa tâm.

-o0o-

Bồ tát lại thấy có người, tuy nay đã được đầy đủ 5 thiện căn mà chưa thể độ được, vì đời trước có phạm trong tội v.v... Bởi vậy nên nói Bồ tát biết rõ hết thảy nghiệp nhân duyên của chúng sanh. Bồ tát phải được túc mạng thông mới biết rõ được các nghiệp nhân duyên của chúng sanh.

Bồ tát phải được nguyện trí mới biết rõ được các sự việc trong 3 đời; biết rõ như vậy, để vì chúng sanh nói các nghiệp nhân duyên của họ ở đời vị lai. Ví như nói rõ nhân duyên ở đời vị lai họ sẽ bị đọa địa ngục, khiến họ sanh tâm sợ hãi; do sợ hãi mà quyết điều phục tâm; nhờ vậy mà dễ được độ. Ví như nói rõ nhân duyên ở đời vị lai họ được hưởng phước đức, khiến họ sanh tâm hoan hỷ; nhờ vậy mà dễ được độ v.v...

Bồ tát phải được trí huệ 3 đời thanh tịnh mới thông đạt các pháp vô ngại, biết rõ các quả báo thiện hay ác của chúng sanh ở đời vị lai, biết rõ ở hiện đời có căn tánh lợi hay độn v.v... Do biết rõ như vậy nên mới có thể tùy duyên nói pháp, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích.

Bồ tát thanh tịnh Phật độ rồi, mới được nhất thiết chủng trí. Được nhất thiết chủng trí rồi, mới chuyển pháp luân, an lập chúng sanh vào nơi Vô Dur Niết Bàn.

-o0o-

Do học hết thầy pháp như, mà Bồ tát thành tựu được vô lượng công đức như trên. Đúng như lời Phật dạy, “Bồ tát muốn được hết thầy công đức, tự lợi và lợi tha, thì phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề”.

Ngài Tu Bồ Đề nghe nói đến vô lượng công đức của Bồ tát, bèn bạch Phật rằng: Bồ tát nào đúng như thuyết mà hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thầy thế gian đều phải đánh lễ.

Phật ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Như vậy, Bồ tát sơ phát tâm phải niệm pháp gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phải thường niệm Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí tức là Vô Thượng Bồ Đề. Vì hết thầy Phật pháp đều nhiếp trọn trong Nhất thiết chủng trí.

**Hỏi:** *Vì sao Phật dạy, “Bồ tát sơ phát tâm phải thường niệm Nhất thiết chủng trí”?*

**Đáp:** Bồ tát sơ phát tâm chưa có được thâm trí huệ, khó có thể dứt bỏ các dục lạc thế gian, nên phải thường niệm Nhất thiết chủng trí, phải thường niệm rằng, “Ta phải bỏ thiện lạc riêng, để cùng với hết thầy chúng sanh cầu được Nhất thiết chủng trí, được thanh tịnh giải thoát lạc”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nhất thiết chủng trí là hữu pháp hay

vô pháp? Thế nào là duyên, là tăng thượng, là hành, là tướng của Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Nhất thiết chủng trí là vô pháp, vô sanh, vô diệt, lấy vô duyên làm duyên, lấy niệm làm tăng thượng, lấy tịch diệt làm hành, lấy vô tướng làm tướng.

**Hỏi:** *Như vậy thì Nhất thiết chủng trí là rốt ráo vô niệm; vì sao nói lấy niệm làm tăng thượng?*

**Đáp:** Trí huệ Phật là rốt ráo không, rốt ráo thanh tịnh; pháp như, pháp tánh, thật tế đều là vô tướng; tất cả đều là tịch diệt tướng. Mặc dù các pháp mỗi mỗi đều có lực riêng, nhưng khi đã được Nhất thiết chủng trí, được thành Phật rồi, thì chẳng còn có tư duy; chẳng còn thấy có xa hay gần, khó hay dễ v.v... Lúc bấy giờ, hết thảy chỗ niệm đều được thành tựu viên mãn. Bởi vậy nên nói “lấy niệm làm tăng thượng”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Chỉ có Nhất thiết chủng trí là vô pháp hay hết thảy các pháp đều là vô pháp?

Phật dạy: Hết thảy các pháp đều là vô pháp. Vì các pháp đều theo nhân duyên hòa hợp sanh, là chẳng có tự tánh, là không, là vô pháp. Bởi vậy nên nói hết thảy pháp tánh đều là vô sở hữu.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát sơ phát tâm phải dùng phương tiện gì để tu 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí, nhằm giáo hóa chúng sanh?

Phật dạy: Thường quán hết thảy pháp vô tánh, cũng thường chứa nhóm các công đức giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, tức là có phương tiện lực. Bồ tát vẫn thường

hành cả 2 pháp CÓ và KHÔNG, nên ở nơi rớt ráo không, mà vẫn thường thành tựu các phước đức.

Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là tu học Phật đạo. Bồ tát dùng pháp rớt ráo không, rớt ráo vô sở hữu mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tu học Phật đạo. Bồ tát thường hành đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi là tu học Phật đạo. Khi được các pháp đầy đủ như vậy rồi, Bồ tát tọa đạo tràng, dùng nhất niệm tương ưng huệ, được Nhất thiết chủng trí. Ví như người đánh rơi viên “như ý bảo châu”, lần theo ánh quang minh chiếu ra trong đêm tối, mà tìm lại được viên ngọc quý đó.

Lúc bấy giờ, hết thảy tập khí phiền não đều chẳng còn sanh nữa, nên Bồ tát dùng Phật nhãn quán khắp 10 phương thế giới, thấy rõ vô pháp còn chẳng có, hướng nữa là hữu pháp. Bồ tát tận phá được tâm chấp điên đảo, vào nơi rớt ráo không pháp, được thành Phật, mà vẫn biết rõ chẳng có người đắc, chẳng có pháp đắc, chẳng có chỗ đắc.

Bởi vậy nên nói, “Biết rõ hết thảy pháp đều là vô sở hữu tướng, như vậy là có được lực phương tiện của Bồ tát”. Vì vô pháp còn chẳng có hướng nữa là hữu pháp.

Bồ tát dùng “vô sở hữu Bát nhã Ba-la-mật”, nên khi bố thí chẳng thấy có pháp bố thí, có người thọ thí, có Bồ tát tâm... dẫn đến khi hành Nhất thiết chủng trí cũng chẳng thấy có người đắc, có pháp đắc, có chỗ đắc.

Bồ tát là người đắc Vô Thượng Bồ Đề, pháp đắc là Vô Thượng Bồ Đề, chỗ đắc pháp ấy chính là Bồ tát đạo. Thế nhưng, Bồ tát thấy tất cả các pháp ấy đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thảy pháp, từ xưa đến nay, vốn là như vậy; chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do phàm phu làm ra; chẳng phải do

trí huệ mà thay đổi khác. Hết thầy các pháp đều chẳng được tạo tác, đều chẳng có tác giả làm ra vậy.

Ngài Tu Bồ Đề đã biết rõ các pháp đều là hữu tướng, nhưng vì muốn chúng hội hiểu rõ hơn về “vô sở hữu tướng”, nên ngài nêu các câu hỏi: Các pháp là tánh ly chăng? Nếu các pháp đều là tánh ly thì làm sao pháp ly lại biết được pháp ly? Pháp ly là hữu pháp hay là vô pháp?

Vì sao? Vì vô pháp chẳng thể biết vô pháp, hữu pháp chẳng thể biết hữu pháp, vô pháp chẳng thể biết hữu pháp, hữu pháp chẳng thể biết vô pháp. Như vậy hết thầy pháp đều là vô sở hữu tướng, thì làm sao Bồ tát có thể phân biệt nói các pháp là CÓ hay là KHÔNG?

Phật dạy: Bồ tát y theo thế tục mà vì chúng sanh nói CÓ, nói KHÔNG. Đó chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế khác nhau chăng?

Phật dạy: Chẳng có khác nhau.

Vì sao? Vì nếu nói thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế khác nhau, thì tức là phá hoại pháp tánh rồi vậy. Nên biết “thế tục đế như” tức là “đệ nhất nghĩa đế như” Vì chúng sanh chẳng biết như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh dùng thế tục đế, mà nói CÓ, nói KHÔNG vậy. Vì chúng sanh ở nơi 5 âm mà có khởi chấp, nên chẳng biết được 5 âm, cùng hết thầy các pháp đều là vô sở hữu tướng. Bồ tát vì chúng sanh thuyết “vô sở hữu thế tục pháp”, nên đã phân biệt nói về hữu pháp, về vô pháp, để chúng sanh hiểu rõ nghĩa “vô sở hữu” là như vậy đó. Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

## Phẩm Thứ Bảy Mười Hai



### Bồ Tát Hạnh (Hạnh của Bồ tát)

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành như thế nào mà gọi là hành Bồ tát hạnh?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành vì Vô Thượng Bồ Đề nên gọi là hành Bồ tát hạnh.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát hành vì Vô Thượng Bồ Đề mà gọi là hành Bồ tát hạnh?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là Bồ tát hành sắc không... dẫn đến thức không; hành sắc không... dẫn đến pháp không; hành nhãn không... dẫn đến ý không; hành nhãn giới không... dẫn đến ý thức giới không; hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; hành 4 thiên, 4 vô lượng tâm; hành không vô biên xứ định... dẫn đến phi hữu tướng phi vô tướng xứ định; hành 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo; hành 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, hành 8 bối xả; hành 9 thứ đệ định; hành 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí; hành 18 bất cộng pháp; hành đại từ, đại bi; hành thanh tịnh Phật độ; hành thành tựu chúng sanh; hành các biện tài; hành văn tự, nhập vào chỗ vô văn tự; hành các đà la ni; hành hữu vi tánh; hành vô vi tánh. Hành tất cả như hành Vô Thượng Bồ Đề; chẳng phải 2 việc làm sai khác.**



Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật gọi là hành Vô Thượng Bồ Đề hạnh, hành Bồ tát hạnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn y theo nghĩa gì mà gọi Phật là Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Biết thật nghĩa của các pháp, nên gọi là Phật. Được thật tướng của các pháp, nên gọi là Phật. Thông đạt thật nghĩa, nên gọi là Phật. Như thật biết các pháp nên gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Y theo nghĩa gì mà gọi là Bồ đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nghĩa “không” là nghĩa Bồ đề. Nghĩa “như” là nghĩa Bồ đề. Nghĩa “pháp tánh”, nghĩa “thật tế” là nghĩa Bồ đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Thật nghĩa của Bồ đề là chẳng thể phân biệt được, chẳng thể phá hoại được. Đó là nghĩa Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Thật tướng của các pháp là chẳng hư dối, chẳng khác biệt. Đó là nghĩa Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ đề là pháp sở hữu của chư Phật. Do vậy mà gọi là Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Chánh trí của chư Phật biến cùng khắp (chư Phật chánh biến tri). Do vậy mà gọi là Bồ đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát vì Bồ đề mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, thì ở nơi các pháp có gì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát vì Bồ đề mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, thì ở nơi các pháp có gì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh cả.

Vì sao? Vì việc Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh mà khởi xuất.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh, thì Bồ tát làm sao có thể hành 1 Ba-la-mật mà nhiếp được cả 5 Ba-la-mật kia? Làm sao có thể hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không? Làm sao có thể hành 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định? Làm sao có thể hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo? Làm sao có thể hành 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”? Làm sao có thể hành 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí; 18 bất cộng pháp; đại từ, đại bi? Làm sao có thể hành 10 địa Bồ tát? Làm sao có thể vượt qua Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa, để nhập vào Bồ tát vị?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng dùng “2 pháp” khi hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng dùng “2 pháp” khi hành Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng dùng “2 pháp” khi hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng dùng “2 pháp” khi hành Nhất thiết chủng trí, thì từ sơ phát tâm... đến tối hậu tâm, Bồ tát làm sao tăng trưởng được thiện căn?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nếu dùng “2 pháp” thì chẳng tăng trưởng được thiện căn. Từ sơ phát tâm... đến tối hậu tâm, Bồ tát chẳng dùng “2 pháp” nên ở chạng

giữa đó mới tăng trưởng được thiện căn. Bởi vậy nên hết thấy thế gian, Trời, Người, A tu la chẳng thể phá hoại thiện căn của Bồ tát, chẳng thể khiến Bồ tát lạc về Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Các ác bất thiện pháp chẳng thể chế ngự được Bồ tát, chẳng thể ngăn Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật nhằm tăng trưởng thiện căn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy. Bồ tát chẳng phải vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng phải chẳng vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ thiện căn, chưa thân cận thiện tri thức, thì chưa có thể được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát cúng dường chư Phật, đầy đủ thiện căn, thân cận thiện tri thức như thế nào mới được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết 12 bộ kinh; nghe xong, liền thọ trì, đọc tụng, tư duy, quán chiếu rõ ràng. Do liễu đạt, nên được các đà la ni. Do được các đà la ni, nên phát khởi được vô ngại trí. Do phát khởi được vô ngại trí, nên dù sanh ở nơi nào, dẫn đến khi được Nhất thiết chủng trí, vẫn trọn chẳng hề quên sót.

Lại nữa, Bồ tát cũng thường trông thiện căn nơi chư Phật. Do nhân duyên trông thiện căn, mà trọn chẳng

đọa về 3 đường ác, chẳng bị các ách nạn. Cũng do nhân duyên trồng thiện căn, mà được thâm tâm thanh tịnh. Do được thâm tâm thanh tịnh, mà có thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Lại do thường được sự hộ trì của các thiện căn, nên trọn chẳng xa rời chư Phật, chư Bồ tát, chư Thanh Văn, là những bậc chân thiện tri thức; và thường tán thán Phật, Pháp và Tăng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải cúng dường chư Phật, phải gieo trồng chư thiện căn, phải thân cận chư thiện tri thức.

### **LUẬN:**

Ở phẩm trước đã nói nhiều về Bát nhã Ba-la-mật. Ở phẩm này nói về hành Bồ tát hạnh.

**Hỏi:** *Nếu Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy pháp, thì hành Bát nhã Ba-la-mật là hành Bồ tát hạnh. Như vậy, vì sao còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Hành hết thảy các đạo của Bồ tát gọi là hành Bồ tát hạnh. Còn biết thật tướng của hết thảy pháp là do trí huệ, nên gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Tuy rằng hành Bát nhã Ba-la-mật và hành Bồ tát hạnh có chỗ sai khác nhau, nhưng Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát hạnh có cùng cộng tướng, tương nhiếp nhau, nên chẳng có sai khác vậy.

Có thuyết nói tất cả các nghiệp ở thân, khẩu và ý của Bồ tát, tất cả các sự vận hành của Bồ tát đều gọi là Bồ tát hạnh.

Vì muốn phân biệt rõ các điều nêu trên đây nên ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ tát hành như thế nào mà gọi là hành Bồ tát hạnh.

Phật dạy: Bồ tát hành vì Vô Thượng Bồ Đề, nên gọi hành Bồ tát hạnh. Bồ tát hành các thiện pháp mà chẳng có chấp trước, mới gọi là hành Bồ tát hạnh. Nếu còn chấp tâm mà hành các thiện pháp, thì chẳng thể gọi là hành Bồ tát hạnh được. Phải dùng từ bi, trí huệ, vì Vô Thượng Bồ Đề mà hành, mới là hành thanh tịnh Bồ tát hạnh.

Thế nào là hành thanh tịnh hạnh?

Đó là hành 5 âm không... dẫn đến hành hữu vi tánh, vô vi tánh, mà chẳng phân biệt được các pháp đó là không, là thật... dẫn đến là hữu vi, là vô vi; phải hành các pháp như hành Vô Thượng Bồ Đề; lại phải diệt các hý luận, phải dùng “bất nhị tướng”, mới gọi là hành thanh tịnh Bồ tát hạnh. Hành như vậy là chẳng có lỗi lầm, chẳng ai có thể phá hoại được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bồ tát hành thanh tịnh Bồ tát hạnh như vậy, sẽ được quả báo làm Phật, nên sanh tâm hoan hỷ, và hỏi Phật: Y theo nghĩa gì mà gọi Phật là Phật?

Phật dạy: Biết thật nghĩa của các pháp, nên gọi là Phật.

**Hỏi:** *Chư vị A-la-hán, Bích Chi Phật cũng biết thật nghĩa của các pháp. Như vậy vì sao chẳng được gọi là Phật?*

**Đáp:** Trước đây đã có nêu thí dụ về các ngọn đèn đều có công năng đẩy lui bóng tối, nhưng tùy theo cường độ ánh sáng có nhiều, có ít sai khác, mà kết quả phá màn tối có nhiều ít sai khác nhau.

Chư Thanh Văn và Bích Chi Phật, tuy đã phá được vô minh, nhưng chưa tận diệt vô minh rốt ráo như Phật.

Những gì phạm phu tin là thật, thì Phật chẳng cho là có thật nghĩa. Vì sao? Vì phạm phu còn bị các tập khí phiền não che tâm, nên chưa thấu rõ được thật nghĩa, chưa được Nhất

thiết chủng trí. Phải tận đoạn các pháp nghi hồi, mới gọi là được chánh trí thật nghĩa.

**Hỏi:** Đoạn kinh trên đây nói, “*Biết thật nghĩa của các pháp, được thật tướng của các pháp, thông đạt thật nghĩa, như thật biết các pháp, nên được gọi là Phật*”. Như vậy, 4 nghĩa ấy có gì sai khác chăng?

**Đáp:** Có thuyết nói dù danh tự có khác, nhưng nghĩa chẳng có gì sai khác cả.

Có thuyết nói nghĩa và danh đều có sai khác. Ví như nói thật tướng các pháp là bất sanh, bất diệt; pháp tánh là thường trú, là như; Niết Bàn là thường trú, là tịch diệt v.v... Phật biết rõ các danh nghĩa ấy chẳng có lầm lẫn, nhưng vì chúng sanh mà phải lập ra có danh, có nghĩa sai khác, khiến chúng sanh giải được “đệ nhất thật nghĩa”. Trong 4 vô ngại trí, thì nơi đây nói đến “thuyết vô ngại trí” và “pháp vô ngại trí”.

Có thuyết nói có người tuy biết được thật nghĩa của các pháp, mà chẳng có thể thông đạt thật nghĩa. Do 2 nguyên nhân sau đây:

- Vì chưa tận đoạn phiền não.
- Vì chưa được Nhất thiết chủng trí.

Ví như người mới được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, do chưa đoạn sạch phiền não nên chưa thông đạt được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật. Các đại Bồ tát, do chưa đoạn sạch tập khí, nên chưa thông đạt được Nhất thiết chủng trí. Phải thông đạt được thật nghĩa của các pháp mới gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Y theo nghĩa gì mà gọi là Bồ đề?

Phật dạy: Nghĩa không, nghĩa như, nghĩa pháp tánh, nghĩa thật tế là nghĩa Bồ đề. “Không tam muội” tương ưng với thật tướng trí huệ duyên như pháp tánh thật tế, nên gọi là Bồ đề. Tất cả các hạng người tu theo Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Bồ tát đạo, tuy chưa đoạn sạch phiền não, nhưng đều tu tập trí huệ. Cả 3 hạng người tu trên đây, khi dứt sạch vô minh, thì vào được “vô học vị”, được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, nên gọi là Bồ đề. Hàng “vô học” Nhị thừa chưa được Nhất thiết chủng trí, chưa có chánh trí biến khắp, nên trí huệ Nhị thừa chẳng được gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Chỉ có trí huệ của Phật mới gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ đề, mà thật nghĩa của Bồ đề là chẳng thể phân biệt, chẳng thể phá hoại.

Lại nữa, Bồ đề cùng với “như” chẳng sai khác, là chân thật, là chẳng hư dối. Vì sao? Vì trí huệ của chúng sanh thường chuyển mãi cho đến nơi Phật trí là trí huệ vô thượng. Các pháp cũng chuyển từ nơi hư vọng đến nơi chân thật, gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói “như như” là Bồ đề. Được “như như” tức là được Bồ đề.

Lại có thuyết nói “tận trí” biết rõ hết thấy pháp sanh diệt gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói “tận trí” và “vô sanh trí” là Bồ đề.

Lại có thuyết nói “vô ngại giải thoát” là Bồ đề. Vì sao? Vì khi đã được giải thoát, thì ở nơi hết thấy pháp đều được thông đạt.

Lại có thuyết nói 4 vô ngại trí là Bồ đề. Vì sao? Vì biết được thật tướng pháp là “nghĩa vô ngại”; phân biệt biết rõ

đanh tướng, các pháp gọi là “pháp vô ngại”; phân biệt các ngữ ngôn, danh tự, khiến chúng sanh được giải rõ gọi là “từ vô ngại”; thuyết pháp chẳng cùng tận, để giáo hóa chúng sanh gọi là “lạc thuyết vô ngại”. Có đầy đủ cả 4 vô ngại trí mới làm lợi ích cho chúng sanh, nên 4 vô ngại trí được gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí, cùng vô lượng Phật pháp đều gọi là Bồ đề. Vì sao? Vì được như vậy là được đại trí huệ, nên hết thảy các thiện pháp đều gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói được chân Bồ đề, thì được gọi là Phật. Vì sao? Vì thành tựu được trí huệ vô lậu; 10 trí tương ưng với thọ, tưởng, hành và thức; các nghiệp thân, khẩu và ý tương ưng với các hạnh, cộng duyên, cộng sanh, cộng tương trợ, nên gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói nghĩa Bồ đề vô lượng, vô biên, mà Phật thường khắp biết tất cả. Ví như vị Chuyên luân thánh vương biết rõ tất cả các bảo vật trong kho, biết rõ giá trị của từng món, chẳng có lầm lẫn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ đề là rốt ráo không, là bất hoại tướng, thì Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật làm sao tăng trưởng thiện căn?

Phật dạy: Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, nên biết rõ ở nơi thật tướng Bồ đề, hết thảy pháp đều chẳng có chỗ tăng ích, huống nữa là tăng ích thiện căn. Vì sao? Vì việc Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật chẳng phải vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh mà khởi xuất, vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh thì làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có thể thành tựu được Bồ tát hạnh?



Phật dạy: Bồ tát chẳng dùng “2 pháp”, nên tuy có hành các pháp, mà là hành rốt ráo không vậy. Chẳng nên nạn hỏi làm gì nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng dùng “2 pháp” thì từ sơ phát tâm đến tối hậu tâm Bồ tát làm sao có thể tăng trưởng thiện căn?

Phật dạy: Người dùng “2 pháp mới là điên đảo, chẳng có thể tăng trưởng thiện căn. Ví như người nằm mộng, dù thấy rất nhiều của cải mà chẳng sao nắm bắt được. Phàm phu do chấp “2 pháp” nên chẳng tăng trưởng được thiện căn. Còn Bồ tát hành thật tướng pháp là hành “bất nhị pháp”. Do chẳng hành “2 pháp” nên từ sơ phát tâm dẫn đến tối hậu tâm, Bồ tát thường tăng trưởng thiện căn. Bởi vậy nên hết thấy thế gian, Trời, Người và A tu la đều chẳng có thể phá hoại được thiện căn của Bồ tát, chẳng thể khiến Bồ tát lạc về Nhị thừa địa. Vì sao? Vì các ác bất thiện pháp chẳng thể chế ngự được tâm Bồ tát, chẳng thể ngăn Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật nhằm tăng trưởng thiện căn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Chẳng phải vì thiện căn, cũng chẳng phải chẳng vì thiện căn mà Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Nếu chẳng vì bất thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật, thì còn hợp lý. Vì sao nói chẳng phải vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Vì quý Vô Thượng Bồ Đề mà Phật đáp như vậy. Hành thiện căn chỉ là phương tiện để làm các thiện hạnh mà thôi. Như trong kinh có nói, “Thiện pháp còn xa hướng nữa là phi pháp”. Vì sao? Vì thiện căn chỉ là trợ đạo pháp đưa

hành giả đến Vô Thượng Bồ Đề, ví như người qua sông phải mượn bè để bơi qua bờ bên kia vậy.

Phật lại nói nhân duyên Bồ tát chưa cúng dường chư Phật, chưa thân cận chư thiện tri thức, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí. Dù có trồng thiện căn, nhưng đó chẳng phải là quý, chỉ có Vô Thượng Bồ Đề mới là quý.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát cúng dường chư Phật, thân cận chư thiện tri thức như thế nào, mới được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Bồ tát từ sơ phát tâm đã cúng dường chư Phật, đã thân cận chư thiện tri thức, thường nghe chư Phật thuyết 12 bộ kinh; khi nghe xong liền thọ trì, đọc tụng, tư duy, quán chiếu rõ ràng, nên được căn trí càng thêm lanh lợi. Do liễu nghĩa, nên được các đà la ni. Do được các đà la ni, mà nghe rồi chẳng có quên sót, được 4 vô ngại trí, vì chúng sanh thuyết pháp, làm lợi ích cho chúng sanh.

Các đà la ni nêu trên đây, gồm có:

- Văn Trì đà la ni.
- Chư pháp thật tướng đà la ni.

Bồ tát do thường thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm các kinh pháp, nên được “Văn Trì đà la ni”; do thông đạt nghĩa lý trong kinh, nên được “Chư pháp thật tướng đà la ni”, Bồ tát được 2 đà la ni này, nên được vô ngại trí huệ.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát đã được vô ngại trí, thì so với Phật chẳng có gì khác. Vì sao chẳng được gọi là Phật?*

**Đáp:** “Vô ngại trí” phải được hiểu theo 2 nghĩa. Đó là :

- Chân vô ngại trí.
- Danh tự vô ngại trí.

Chỉ có Phật là đầy đủ Chân vô ngại trí. Chư thánh phải tùy theo chỗ hành pháp mà được vô ngại trí.

Bồ tát do nhân duyên thường thọ trì, đọc tụng kinh điển, mà sanh vào chỗ nào cũng được vô ngại trí, chẳng bao giờ quên sót. Vì sao? Vì Bồ tát do thường trì tụng kinh điển, mà phiền não mỏng dần; do được các thiện căn hộ niệm, nên chẳng bị đọa vào đường ác, chẳng bị các ách nạn; do có được thiện căn công đức, nên được thâm tâm thanh tịnh; do được thâm tâm thanh tịnh, nên thường từ ái, niệm chúng sanh, xem người thân, kẻ oán bình đẳng; do có phước đức, trí huệ đầy đủ, nên các phiền não chẳng sanh, khiến thiện tâm tăng trưởng.

Bồ tát thâm tâm thương xót chúng sanh, nên đối với hết thấy chúng sanh thường khởi tâm “từ, bi, hỷ, xả” nhằm cứu độ chúng sanh; ở nơi rớt ráo “không tâm”, ... dẫn đến ở nơi Phật cũng chẳng sanh “Phật tướng”, chẳng sanh “Niết Bàn tướng”. Như vậy gọi là được thâm tâm thanh tịnh.

Do được thâm tâm thanh tịnh, nên những lời giáo hóa của Bồ tát đều được chúng sanh tín thọ. Do thành tựu chúng sanh như vậy, nên Bồ tát thanh tịnh Phật độ. Như trong kinh Duy Ca Mật, ở phẩm Phật Quốc, Phật có nói, “Chúng sanh tịnh, nên thế giới tịnh”.

-o0o-

Người được các thiện căn hộ trì thường chẳng ly chư Phật, chư Bồ tát, chư A-la-hán là những bậc chân thiện tri thức; lại thường tán thán 3 ngôi Tam bảo.

Cho nên, Phật dạy, “Bồ tát thường phải thường cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức”.

Vì sao? Vì người bệnh phải cần đến thầy giỏi, thuốc hay, người thăm nuôi chu đáo mới chóng lành bệnh. Cũng như vậy, đối với Bồ tát, thì Phật là đấng y vương, thiện căn là linh dược, thiện tri thức là người thường gần gũi, dắt dìu. Bồ tát phải thường cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, mới tận diệt trừ được các phiền não, mới làm được những việc lợi ích cho chúng sanh.

-o0o-

## Phẩm Thứ Bảy Mười Ba



### Chủng Thiện Căn (Gieo Trồng Căn Lành)

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát chẳng cúng dường chư Phật, chẳng trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức, thì có được Nhất thiết chủng trí chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, còn khó được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là chẳng cúng dường chư Phật, chẳng trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao có trường hợp Bồ tát cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, mà lại khó được Nhất thiết chủng trí?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đây là hạng Bồ tát chẳng theo Phật nghe pháp, chẳng có đầy đủ thiện căn, chẳng nghe theo lời chỉ dạy của thiện tri thức, nên chẳng có được các lực phương tiện. Vì xa rời các lực phương tiện, mà chẳng được Nhất thiết chủng trí.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là những lực phương tiện mà Bồ tát phải hành theo để được Nhất thiết chủng trí?**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm. Khi cúng dường chư Phật, chư Bích Chi Phật, chư Thanh Văn, cũng như khi bố thí cho các loài chúng sanh, Bồ tát chẳng sanh tướng có người cho, có người nhận, có tài vật đem cho. Vì sao? Vì Bồ tát quán các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng, nhập vào thật tướng pháp là nơi chẳng có tác tướng, chẳng có khởi tướng. Bồ tát dùng các lực phương tiện như vậy mà tăng trưởng thiện căn, hành Đàn Ba-la-mật, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Khi hành bố thí, Bồ tát chẳng thọ quả báo thế gian, mà chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh. Như vậy gọi là hành Đàn Ba-la-mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Thi la Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm. Khi trì giới, Bồ tát chẳng niệm dâm nộ si, cũng chẳng bị phiền não trói buộc, chẳng phá đạo pháp, chẳng khởi xan tham, sân nhuế, chẳng giải đãi, chẳng kiêu mạn, lại cũng chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Vì sao? Vì Bồ tát quán các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng; nhập vào thật tướng pháp là nơi chẳng có tác tướng, chẳng có khởi tướng. Bồ tát dùng các lực phương tiện như vậy mà tăng trưởng thiện căn hành Thi Ba-la-mật, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Khi hành trì giới, Bồ tát chẳng thọ quả báo thế gian, mà chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh. Như vậy gọi là hành Thi Ba-la-mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Săn đề Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm. Do thành tựu được các lực phương tiện, mà ở nơi “kiến đế đạo”, “tư

duy đạo”, Bồ tát chẳng có thủ chứng các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Vì sao? Vì Bồ tát quán các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng. Bồ tát tuy hành các pháp trợ đạo, mà chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Như vậy gọi là Bồ tát được “vô sanh pháp nhẫn”.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm, vào sơ thiên... dẫn đến đệ tứ thiên, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, mà chẳng thọ quả báo thế gian. Vì sao? Vì do thành tựu được các lực phương tiện mà Bồ tát biết rõ các thiên định đều là tự tướng không, chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng. Bồ tát tinh tấn thanh tịnh Phật độ, thành tựu chứng sanh, nhưng chẳng thọ quả báo thế gian, mà chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh. Như vậy gọi là Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Thiên Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm, vào 8 bối xả, 9 thứ đệ định chẳng thủ chứng các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Vì sao? Vì do thành tựu được các lực phương tiện mà Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm, học 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp... dẫn đến chưa được Nhất thiết chủng trí, chưa thanh tịnh Phật độ, chưa thành tựu chứng sanh, mà trong khoảng giữa đó vẫn thường tu học như vậy. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng.

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng thọ các quả báo phước lạc như vậy.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi, “Người chẳng cúng dường chư Phật, chẳng gieo trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức có được Nhất thiết chủng trí chăng?”*

**Đáp:** Vì trong chúng hội có người khởi tâm nghi. Có người nghi rằng, “Các pháp đều là vô sở hữu, thì việc trồng thiện căn hay chẳng trồng thiện căn chẳng có gì sai khác nhau cả”. Lại có người nghi rằng, “Được Bát nhã Ba-la-mật là do tu tập nhiều pháp môn, chẳng phải chỉ do trồng thiện căn mà được vậy”.

Bởi các nhân duyên ấy, nên ngài Tu Bồ Đề phải hỏi Phật như trên.

Phật đáp: Người có cúng dường chư Phật, có gieo trồng thiện căn, có thân cận chư thiện tri thức mà còn khó được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là người chẳng làm các hạnh đó.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vào nơi rất ráo không thì chẳng còn có phước, có tội nữa. Như vậy vì sao nói, “Tu phước mới được quả Phật”?

Phật dạy: Nói có phước mới được quả Phật là nói theo thể đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề sợ chúng sanh chấp “vô sở hữu”, nên mới hỏi Phật như trên đây, và Phật lại dùng chỗ chẳng chấp mà đáp lại, “Tinh tấn tu phước còn chẳng được, huống nữa là chẳng tu phước”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Có cúng dường, có bố thí mà sao chẳng thọ quả báo?



Phật dạy: Dù cúng dường chư Phật, bố thí cho chúng sanh, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức mà xa lìa các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Vì nếu xa lìa các lực phương tiện, thì dù thấy Phật cũng chẳng sao có thể thấy được pháp thân Phật; dù có trồng thiện căn, thì cũng chẳng được bao nhiêu; dù có ở gần bên thiện tri thức, thì cũng chẳng được lợi ích gì.

Từ sơ phát tâm Bồ tát phải tu cả 2 tâm “hữu” và “vô”. Khi hành bố thí phải dùng “hữu tâm”, vì bố thí phát xuất từ lòng đại bi thương xót chúng sanh. Thế nhưng khi cúng dường chư Phật, cũng như khi bố thí cho chúng sanh “không” Bồ tát chẳng nên khởi 3 tưởng về người cho, người thọ và tài vật đem cho, nên lại phải dùng “vô tâm”. Vì sao?

Vì Bồ tát phải ở nơi bình đẳng tâm, mới có thể hành bố thí Ba-la-mật. Bồ tát phải biết rõ hết thấy pháp đều là tự tướng không, từ trước đến nay vốn chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng. Bồ tát an trú trong “như”, quán “như”, nên vào được nơi thật tướng pháp, là nơi chẳng có tác tướng, chẳng có khởi tướng vậy. Vì biết rõ như vậy, nên Bồ tát chẳng sanh cao tâm, chẳng có hư vọng chấp các pháp tướng vậy. Như vậy gọi là lực phương tiện của Bồ tát.

Do có các lực phương tiện như vậy, nên Bồ tát thường xa lìa các bất thiện căn, thường tăng ích các thiện căn, giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát làm các việc bố thí, dù nhiều, dù ít, cũng chẳng bao giờ thọ các quả báo thế gian, mà chỉ muốn cứu độ chúng sanh. Bồ tát nghĩ rằng, “Đời trước ta chẳng hành thâm phước đức, nên đời nay ta phải hành bố thí Ba-la-mật, rộng bố thí cho chúng sanh; khi ta có được quả Nhất thiết chủng trí rồi, ta mới có thể làm đầy đủ các việc lợi

ích cho vô lượng chúng sanh, khiến họ được nhiều lợi lạc ở đời nay và cả ở đời sau”.

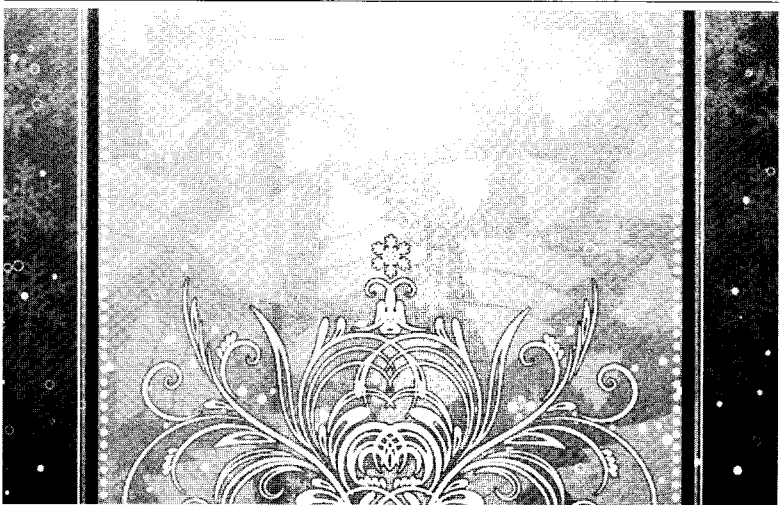
Bồ tát có cúng dường chư Phật, có gieo trồng thiện căn, có thân cận chư thiện tri thức, mà chẳng tu các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là chẳng cúng dường chư Phật, chẳng gieo trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức.

Tu 5 Ba-la-mật kia cũng là như vậy.

(Hết quyển 85)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 86**





## Phẩm Thứ Bảy Mười Bốn



**Biển Học**  
(Khấp học)

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát thành tựu đại huệ, hành thậm thâm pháp, mà chẳng thọ quả báo chẳng?**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu đại trí huệ, hành thậm thâm pháp, mà chẳng thọ quả báo. Vì sao? Vì ở nơi các pháp tánh, Bồ tát thường bất động.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất động ở nơi các pháp tánh gì?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất động ở nơi tánh vô sở hữu. Bồ tát bất động ở nơi tánh sắc... dẫn đến tánh thức; bất động ở nơi tánh Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tánh Bát nhã Ba-la-mật; bất động ở nơi tánh 4 thiên, tánh 4 vô lượng tâm, tánh 4 vô sắc định, bất động ở nơi tánh 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; bất động ở nơi tánh 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”; bất động ở nơi đại từ, đại bi.**

**Vi sao? Vì các pháp tánh đó đều là vô sở hữu.**

**Này Tu Bồ Đề! Pháp vô sở hữu chẳng thể được pháp sở hữu.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp sở hữu chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp vô sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, thì Thế Tôn chẳng có được đạo hay sao?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có được đạo, mà chẳng phải do các sự kiện nêu trong 4 câu trên đây.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao đắc quả Phật, mà nói chẳng phải sở hữu, chẳng phải vô sở hữu?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải sở hữu, chẳng phải vô sở hữu, chẳng có các hý luận mới gọi là được đạo.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là hý luận của Bồ tát?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quan niệm sắc thường hay vô thường... dẫn đến quan niệm thức thường hay vô thường là hý luận; quan niệm sắc khổ hay lạc... dẫn đến quan niệm thức khổ hay lạc là hý luận; quan niệm**

sắc ngã hay vô ngã... dẫn đến quan niệm thức ngã hay vô ngã là hý luận; quan niệm sắc tịch diệt hay chẳng tịch diệt là hý luận; quan niệm có khổ thánh đế nên biết, có tập thánh đế nên đoạn, có diệt thánh đế nên chứng có đạo thánh đế nên tu đều là hý luận; quan niệm phải tu 4 niệm xứ... dẫn đến phải tu 8 thánh đạo đều là hý luận, quan niệm phải tu 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” đều là hý luận, quan niệm phải tu 8 bối xả, 9 thứ đệ định đều là hý luận, quan niệm phải vượt qua 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật đều là hý luận, quan niệm phải đầy đủ 10 địa Bồ tát là hý luận, quan niệm phải nhập Bồ tát vị là hý luận, quan niệm phải thanh tịnh Phật độ, phải thành tựu chúng sanh đều là hý luận, quan niệm phải sanh 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp đều là hý luận; quan niệm phải được Nhất thiết chủng trí là hý luận; quan niệm phải tận đoạn phiền não tập khí cũng là hý luận.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy thường sắc thường hay vô thường đều là chẳng có thể hý luận được, nên chẳng có hý luận... dẫn đến thấy Nhất thiết chủng trí thường hay vô thường đều chẳng có thể hý luận nên chẳng có hý luận.

Vì sao? Vì tánh chẳng hý luận tánh, vô tánh chẳng hý luận vô tánh, lại nữa, rời “tánh” và “vô tánh” ra, thì chẳng có pháp gì có thể đắc, cũng chẳng có người hý luận, chẳng có pháp hý luận, chẳng có chỗ hý luận. Bởi vậy nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng hý luận được.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát nên hành “vô hý luận Bát nhã Ba-la-mật”.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc chẳng thể hý luận được... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể hý luận được?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc là tánh không... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tánh không. Nếu pháp là tánh không, thì pháp chẳng thể hý luận được. Bởi vậy nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng thể hý luận được.**

**Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát hành được “vô hý luận Bát nhã Ba-la-mật” như vậy, thì liền vào được Bồ tát vị.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát hành pháp gì mà được Bồ tát vị ?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng dùng Thanh Văn đạo, chẳng dùng Bích Chi Phật đạo... dẫn đến chẳng dùng Phật đạo mà vào được Bồ tát vị. Bồ tát phải khắp học các đạo(\*) trước đã, rồi sau mới vào được Bồ tát vị.**

**Ví như người tu Thanh Văn, trước học các đạo(\*\*), rồi sau mới vào chánh vị; trước khi được quả, phải sanh đạo dẫn đến quả. Cũng như vậy, Bồ tát phải khắp học các đạo trước đã, rồi sau mới vào Bồ tát vị. Khi chưa được Nhất thiết chủng trí, Bồ tát phải sanh Kim Cang tam muội. Lúc bấy giờ, chỉ dùng “nhất niệm tương ưng huệ” là được Nhất thiết chủng trí.**

---

\*. Gồm tất cả các đạo trong Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Bồ tát đạo.

\*\* . Đây nói về 8 đạo dẫn đến 8 bậc Thanh Văn. Đó là: Hương Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, Hương Tu-đà-hàm, Tu-đà-hàm, Hương A-na-hàm, A-na-hàm, Hương A-la-hán, A-la-hán.

Xem thêm về 8 hạng người tín hành và pháp hành trong Thanh Văn đạo (Phẩm thứ 27, quyển 54).



Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các đạo đều sai khác nhau. Vì sao Bồ tát phải khắp học các đạo, rồi mới vào Bồ tát vị?

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát học khắp các đạo rồi mới vào Bồ tát vị, thì khi sanh “kiến đạo” phải làm Tu-đà-hoàn; khi sanh “tư duy đạo” phải làm Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; khi sanh “Bích Chi Phật đạo” phải làm Bích Chi Phật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát phải vào trong các đạo, rồi mới vào Bồ tát vị, thì thật là vô lý. Nếu Bồ tát chẳng vào Bồ tát vị mà được Nhất thiết chủng trí thì cũng thật là vô lý. Nếu Bồ tát phải làm Tu-đà-hoàn... dẫn đến Bích Chi Phật, rồi mới vào vào Bồ tát vị, thì thật là vô lý. Nếu Bồ tát chẳng vào Bồ tát vị mà được Nhất thiết chủng trí thì cũng thật là vô lý vậy.

Bạch Thế Tôn! Con làm sao biết được Bồ tát khắp học các đạo, rồi vào Bồ tát vị?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát làm Tu-đà-hoàn... dẫn đến làm Bích Chi Phật, rồi mới vào Bồ tát vị là chẳng thể có vậy. Bồ tát chẳng vào Bồ tát vị, mà vẫn được Nhất thiết chủng trí cũng là chẳng thể có vậy.

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã phải dùng trí quán vượt qua 8 địa sau đây: Càn Huệ địa, tánh địa, nhập nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ biện địa và Bích Chi Phật địa.

Sau đó, Bồ tát dùng đạo chủng trí mà vào Bồ tát vị. Sau khi đã vào Bồ tát vị rồi, Bồ tát lại dùng Nhất thiết chủng trí để tận đoạn hết thấy phiền não tập khí.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả 8 hạng người tín hành và pháp hành, người được quả Tu-đà-hoàn dẫn đến A-la-hán, hoặc trí hoặc đoạn, người được quả Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn đều là Bồ tát vô sanh pháp nhẫn.

Như vậy, Bồ tát học Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, dùng đạo chủng trí mà vào Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị rồi, Bồ tát lại dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn trừ các phiền não tập khí, mà được Phật đạo.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải khắp học đầy đủ các đạo, mới được Vô Thượng Bồ Đề; được Vô Thượng Bồ Đề rồi, mới làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Thế Tôn dạy, thì đây là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo. Như vậy thế nào là đạo chủng trí của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải sanh hết thấy đạo chủng tịnh trí.

\* Thế nào là đạo chủng tịnh trí?

Này Tu Bồ Đề! Đó là tướng mạo có thể hiển bày được của các pháp, mà Bồ tát phải chánh biết, chánh tu; rồi lại phải vì chúng sanh diễn nói, khai thị, khiến họ được rõ. Bồ tát phải biết rõ tất cả âm thanh, ngữ ngôn; rồi lại phải dùng các âm thanh đó để thuyết pháp, vang khắp cả 3.000 đại thiên thế giới.

Này Tu Bồ Đề! Vậy nên, trước hết Bồ tát phải học hết thấy đạo trí; phải phân biệt thâm tâm của chúng sanh; phải biết rõ chúng sanh ở trong các đạo “địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh”; phải biết rõ nhân và quả địa ngục, nhân và quả ngạ quỷ, nhân và quả súc sanh. Bồ tát lại phải biết rõ các đạo “rông, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca

lầu la, khăn na la, ma hầu la già”, về nhân và về quả; phải biết rõ đạo “trời” đạo “người” về nhân và về quả. Bồ tát lại phải biết rõ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, về nhân và về quả; phải biết rõ 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”, về nhân và về quả; phải biết rõ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, về nhân và về quả.

Bồ tát dùng đạo chủng trí đưa chúng sanh vào 4 quả Thanh Văn vào đạo Bích Chi Phật, vào đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh đạo chủng trí. Bồ tát học đạo chủng trí như vậy rồi, lại quán thâm tâm của chúng sanh, để tùy theo từng đối tượng chúng sanh mà thuyết pháp, khiến lời nói ra đúng chỗ, chẳng có hư dối.

Vì sao? Vì Bồ tát khéo biết căn tánh của chúng sanh khéo biết các tâm và tâm sở pháp dẫn chúng sanh vào trong sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng phải như vậy mà hành Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Vì sao? Vì hết thấy các pháp trợ đạo đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu 4 niệm xứ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc (vô sắc), chẳng có hình (vô hình), là chẳng có đối (vô đối), đều là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng), thì Bồ tát hành các pháp trợ đạo đó làm sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! Pháp chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có

sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, chẳng có tướng như vậy, là pháp chẳng thể thủ (vô thủ), chẳng thể xả (vô xả), ví như hư không chẳng thể thủ, chẳng thể xả vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các pháp đều là tự tướng không, nên là chẳng thể thủ, chẳng thể xả.

Vì có nhiều chúng sanh chẳng biết như vậy, nên phải vì họ khai thị để họ biết rằng, “Tu các pháp trợ đạo cũng đến được Vô Thượng Bồ Đề”.

Này Tu Bồ Đề! Sắc... dẫn đến thức, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 8 bố thí, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều bình đẳng. Tất cả các Thánh pháp đó đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng).

Vì y theo thế tục, mà phải nói ra tất cả các pháp đó; chẳng phải là đệ nhất nghĩa vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ở nơi các pháp, Bồ tát phải dùng trí huệ để như thật thấy biết, mà học. Học như vậy rồi, lại phải vì chúng sanh phân biệt rõ, giúp họ biết rõ được chỗ dụng pháp thích hợp, chỗ nên dùng, chỗ chẳng nên dùng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì Bồ tát phân biệt là nên dùng? Những pháp gì Bồ tát phân biệt là chẳng nên dùng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phân biệt pháp Thanh

Văn, pháp Bích Chi Phật để biết, mà chẳng nên dùng; phân biệt pháp Nhất thiết chủng trí để biết và nên dùng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật để phân biệt các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì gọi là thánh pháp? Vì sao gọi là thánh pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là các pháp của Nhị thừa và Bồ tát thừa. Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, và chư Phật ở nơi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi dục nhiễm, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi tán loạn, vô minh... đều chẳng hợp, chẳng tan, ở nơi 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi hết thấy các thiện pháp khác cũng đều chẳng hợp, chẳng tan.

Vì sao? Vì hết thấy các sắc đó đều là vô sắc, vô hình, vô đối đều là nhất tướng, là vô tướng. Pháp vô sắc chẳng có thể cùng với pháp vô sắc hợp hay tan; pháp vô hình chẳng có thể cùng với pháp vô hình hợp hay tan; pháp vô đối chẳng có thể cùng với pháp vô đối hợp hay tan; pháp nhất tướng chẳng có thể cùng với pháp nhất tướng hợp hay tan; pháp vô tướng chẳng có thể cùng với pháp vô tướng hợp hay tan.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là vô sắc, là vô hình, là vô đối, là nhất tướng, là vô tướng. Bồ tát phải nên học như vậy. Học như vậy rồi sẽ chẳng còn chấp tướng nữa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát chẳng học tướng của sắc... dẫn đến thức, của nhãn... dẫn đến

**ý, của sắc... dẫn đến pháp, của địa chủng... dẫn đến thức chủng hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, của nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của 4 thiên, của 4 vô lượng tâm, của 4 vô sắc định hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của 8 bối xả, của 9 thứ đệ định hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của 10 Phật lực, của 4 vô sở úy, của 4 vô ngại trí, của 18 bất cộng pháp... dẫn đến tướng của đại từ, của đại bi hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của 4 thánh đế, của 12 nhân duyên hay sao?**

**Bồ tát chẳng học tướng của hữu vi tánh và vô vi tánh hay sao?**

**Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng học các pháp tướng, thì Bồ tát làm sao biết được các pháp? Làm sao vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật?**

**Làm sao vào được Bồ tát vị? Làm sao đến được Nhất thiết chủng trí? Làm sao chuyển pháp luân?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp thật sự có tướng, thì Bồ tát nên học các tướng đó. Vì thật tướng của**

các pháp là vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng nên Bồ tát chẳng học tướng, chẳng học vô tướng vậy. Vì sao? Vì dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp vẫn là tướng duy nhất, vẫn là tánh thường trú.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng có tướng, chẳng phải chẳng có tướng thì Bồ tát làm sao tu học Bát nhã Ba-la-mật? Nếu chẳng tu học Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Nếu chẳng vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì chẳng vào được Bồ tát vị. Nếu chẳng vào được Bồ tát vị thì chẳng được vô sanh pháp nhẫn. Nếu chẳng được vô sanh pháp nhẫn, thì chẳng được các thần thông. Nếu chẳng được các thần thông, thì chẳng thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Nếu chẳng thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí. Nếu chẳng được Nhất thiết chủng trí, thì chẳng thể chuyển pháp luân. Nếu chẳng chuyển pháp luân, thì chẳng thể dùng 3 thừa đạo giáo hóa chúng sanh, khiến họ được các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các pháp đều là vô tướng, chẳng phải một, cũng chẳng phải khác. Bởi vậy nên tu vô tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào mà gọi là tu vô tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tu các pháp hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào mà gọi tu các pháp hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tu sắc hoại... dẫn đến thức hoại, tu nhãn hoại... dẫn đến ý hoại, tu sắc hoại... dẫn đến pháp hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 4 thiên hoại, 4 vô lượng tâm hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 4 niệm xứ hoại... dẫn đến 8 thánh đạo hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 3 tam muội hoại, 8 bối xả hoại, 9 thứ đệ định hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 10 Phật lực hoại, 4 vô sở úy hoại, 4 vô ngại trí hoại, 18 bất cộng pháp hoại v.v... là tu Bát nhã Ba-la-mật. Dẫn đến tu đoạn dứt phiền não tập khí hoại cũng là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào mà gọi là tu sắc hoại... dẫn đến tu đoạn dứt phiền não tập khí hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm, sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến chẳng niệm tu đoạn dứt phiền não tập khí. Đó là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì có niệm pháp là chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật; có niệm pháp là chẳng tu 5 Ba-la-mật kia.

Này Tu Bồ Đề! Còn chấp pháp là chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, là chẳng có giải thoát, chẳng có đạo, chẳng có Niết Bàn.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là hữu pháp? Thế nào gọi là vô pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Hữu” và “Vô” đều là hữu pháp. Pháp có hai là hữu pháp. Pháp chẳng có hai là vô pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sắc tướng... dẫn đến thức tướng là pháp có hai; nhãn tướng... dẫn



đến ý tướng là pháp có hai; sắc tướng... dẫn đến pháp tướng là pháp có hai; Vô Thượng Bồ Đề tướng... dẫn đến hữu vi tánh tướng, vô vi tánh tướng đều là pháp có hai.

Này Tu Bồ Đề! Pháp có tướng là pháp có hai, mà pháp có hai là hữu pháp. Đã là hữu pháp là có sanh tử. Đã có sanh tử thì chẳng rời sanh, già, bệnh, chết, cùng các ưu bi, khổ não.

Bởi vậy nên biết rằng có hai tướng là chẳng có Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có đạo, chẳng có đạo quả... dẫn đến chẳng có thuận nhẫn. Người thấy có sắc tướng... dẫn đến thấy có Nhất thiết chủng trí tướng là người chẳng tu đạo. Người như vậy làm sao được các quả Thanh Văn, được quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Vô Thượng Bồ Đề; làm sao đoạn dứt được các phiền não tập khí!

### LUẬN:

Nghe Phật dạy, “Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật mà chẳng thọ quả báo thế gian”, ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng, “Bồ tát tu nhân mà chẳng thọ quả. Vì lợi ích lớn cho chúng sanh, nên Bồ tát chẳng thọ quả báo nhỏ”. Nghĩ như vậy rồi, ngài bạch Phật: Bồ tát thành tựu đại huệ, hành thậm thâm pháp mà chẳng thọ quả báo chẳng?

Phật dạy: Ở nơi pháp tánh, Bồ tát thường bất động, nên chẳng thọ quả báo.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ pháp tánh thật tế là rốt ráo không, là vô sở hữu, nên an trú bất động nơi các pháp tánh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát bất động ở nơi các pháp tánh gì?

Phật dạy: Bồ tát bất động ở nơi tánh sắc... dẫn đến ở nơi đại từ, đại bi.

Vì sao? Vì do các chúng duyên hòa hợp mà có các pháp, nhưng các pháp đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng, đều là vô sở hữu tướng. Do chấp có hữu vi mà nói có vô vi, nhưng hữu vi và vô vi đều là vô sở hữu. Vì sao? Vì chẳng thể dùng pháp vô sở hữu mà được pháp sở hữu. Chư Thánh dụng vô sở hữu mà còn cho là vô sở đắc, huống nữa là khi dụng hữu pháp. Cả 2 chấp “hữu” và “vô” đều là lầm lỗi.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Pháp sở hữu có thể được pháp sở hữu chẳng? Pháp sở hữu có thể được pháp vô hữu chẳng? Pháp vô sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì pháp sở hữu tự như có sanh tướng mà còn chẳng có thể được, huống nữa là pháp vô sở hữu bản lai là “không”, làm sao có thể được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp sở hữu cùng pháp vô sở hữu đều chẳng có thể được, thì chẳng có đạo, chẳng có đạo quả hay sao?

Phật dạy: Có được đạo, có được đạo quả, nhưng chẳng phải do các sự kiện nêu trong 4 câu trên đây.

Vì sao? Vì 4 câu đó đều có lỗi, đều là hý luận. Ly 4 hý luận đó tức là được đạo.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là hý luận?

Phật dạy: Quan niệm sắc thường hay vô thường đều là có lỗi.

Vì sao? Vì “thường” có nghĩa là chẳng có sanh diệt. Do “thường” mà nói đến “vô thường”. Phạm phu hý luận các pháp, chấp thường, hoặc chấp vô thường. Cả 2 chấp đều là lầm lỗi. Bồ

tát chẳng hý luận các pháp, vì biết rõ các pháp do duyên sanh chi là giả danh, chẳng thật có. Do vậy mà chấp thường hoặc chấp vô thường đều là hý luận, đều là bất khả đắc cả.

Do biết các pháp đều là vô tánh, là chẳng hý luận, nên Bồ tát hành “vô hý luận Bát nhã Ba-la-mật” mà vào Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát hành pháp gì mà vào được Bồ tát đạo?

Phật dạy: Bồ tát chẳng dùng Thanh Văn đạo, chẳng dùng Bích Chi Phật đạo. Nếu chưa đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì Bồ tát chưa vào được Phật đạo. Bồ tát phải khắp học các pháp, các đạo, mới vào được Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị rồi mà chưa được Nhất thiết chủng trí, thì Bồ tát phải trú Kim Cang tam muội, dùng “nhất niệm tương ưng huệ”, mới được quả Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao biết được Bồ tát khắp học các đạo, rồi mới vào Bồ tát vị?

Phật dạy: Từ sơ phát tâm Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, muốn được đầy đủ đạo chủng trí. Nếu đầy đủ đạo chủng trí mới vào được Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị rồi, Bồ tát lại dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn trừ các phiền não tập khí, được vô sanh pháp nhẫn, vào “học vị”. Khi đã đoạn tận hết thấy phiền não tập khí rồi, Bồ tát vào “vô học vị”, được 10 trí vô lậu.

Bồ tát có được nhu thuận nhẫn, nên ly được cả “hữu” và “vô”, diệt được các hý luận, được vô sanh pháp nhẫn, mãi cho đến khi được quả Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng còn sanh ác tâm.

Bồ tát có đại phước đức trí huệ, nên dù vì lợi ích chúng sanh vẫn thường quán sanh diệt, mà chẳng sanh tâm sợ hãi như hàng Nhị thừa.

Bồ tát có huệ nhãn thấy thật tướng pháp là bất khả đắc, nên chẳng chấp vô thường; quán vô sanh diệt, mà chẳng chấp vô sanh diệt. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng đọa về thường, cũng chẳng đọa về vô thường. Bồ tát quán các pháp tướng như Niết Bàn tướng, biết các pháp từ xưa đến nay vốn là vô sanh diệt, là rốt ráo thanh tịnh. Bởi vậy nên “thường” mà còn chẳng chấp, huống nữa là chấp “sanh diệt”.

Như vậy là ở nơi các tướng, Bồ tát được bình đẳng, nên được vô sanh pháp nhãn, vào Bồ tát vị, đoạn phiền não, tập khí, được Nhất thiết chủng trí, độ vô lượng chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là đạo chủng trí của Bồ tát?

Phật dạy: Bồ tát trú trong vô sanh pháp nhãn, vào nơi thật tướng pháp; rời từ nơi đây khởi các âm thanh, ngôn ngữ. Dù biết rõ các âm thanh đều như tiếng vang, nhưng Bồ tát vẫn dùng âm thanh làm phương tiện nói pháp, làm lợi ích cho chúng sanh.

Bồ tát biết rõ chúng sanh trong các đạo, biết rõ căn tánh của chúng sanh, biết rõ nhân duyên quả báo ở đời vị lai của chúng sanh, nên dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật soi sáng cho chúng sanh, đem 3 Thừa pháp giáo hóa chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, chẳng có tướng, thì đều chẳng thể thủ, chẳng thể xả như hư không chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì chúng sanh chẳng biết như vậy, nên ta phải vì họ nói các pháp đều là tự tướng không, và vì họ phân biệt nói các pháp trợ đạo cũng dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Các pháp trợ đạo chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, là rốt ráo không mà ta vẫn nói ra nhằm đưa chúng sanh vào thánh pháp. Đây là theo thế tục đế mà nói, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Bởi vậy nên Bồ tát phải khắp học các đạo, mới đầy đủ “tri kiến”. Vì sao? Vì biết lúc ban đầu gọi là “tri”, thấy biết đến chỗ rốt ráo, đến chỗ thâm sâu gọi là “kiến”.

**Hỏi:** Vì sao “tri” và “kiến” có nghĩa sai khác nhau như vậy?

**Đáp:** Có thuyết nói “tri” chẳng phải là “kiến”; còn “kiến” thì đầy đủ cả nghĩa “tri” và nghĩa “kiến”. Phải có “tận trí”, “vô sanh trí” mới có đầy đủ “kiến” thế gian.

Có người nói “kiến đế đạo” là kiến (thấy) mà chẳng biết (vô tri); định là thấy (kiến); chẳng định là biết (tri); vô lậu huệ mới có đầy đủ cả biết (tri) và thấy (kiến).

Trong kinh *Chuyển Pháp Luân* nói, “Biết khổ là tri; đoạn tập, chứng diệt, tu đạo là kiến”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là thánh pháp?

Phật dạy: Các pháp của cả 3 thừa đạo đều gọi là Thánh pháp. Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, chư Phật ở nơi hết thấy pháp đều chẳng hợp, chẳng tan. Các ngài biết rõ các pháp đều là vô sở hữu, nên chẳng tham đắm, chẳng thương ghét; lại cũng biết rõ các pháp đều là vô sắc, vô hình, vô đối, đều là nhất tướng, là vô tướng, nên biết rõ pháp vô tướng chẳng cùng pháp vô tướng hợp hay tan. Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên biết rõ chẳng có pháp nào có tướng “khả đắc” cả.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy Bồ tát chẳng học các pháp tướng hay sao?

Phật dạy: Nếu các pháp có tướng thì mới nên học các tướng đó. Vì thật tướng các pháp là vô tướng, nên Bồ tát chẳng học tướng, cũng chẳng học vô tướng. Vì sao? Vì các pháp từ xưa đến nay vốn là nhất tướng, là vô tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chẳng có tướng, cũng chẳng phải chẳng có tướng, lại nữa nếu tướng của vô tướng cũng là không, thì Bồ tát làm sao có thể tu được Bát nhã Ba-la-mật, làm sao có thể vượt qua hàng Nhị thừa, làm sao có thể an lập được 3 Thừa đạo?

Phật dạy: Bồ tát chẳng dùng tướng mà tu Bát nhã Ba-la-mật, vì tu Bát nhã Ba-la-mật là tu vô tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như thế nào mà gọi tu vô tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tu các pháp hoại tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì tướng hoại tức là vô tướng. Ở nơi tướng hoại thì tướng của vô tướng cũng bị hoại luôn. Ví như khi cỗ xe bị hoại, thì tướng hoại của cỗ xe cũng bị hoại luôn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như thế nào mà gọi tu các pháp hoại tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm tu đoạn dứt phiền não, tập khí là tu Bát nhã Ba-la-mật. Khi hành 5 Ba-la-mật kia cũng là như vậy. Vì còn chấp pháp là chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, chẳng có giải thoát, chẳng có đạo, chẳng có Niết Bàn. Tu 6 pháp Ba-la-mật mà còn chấp tướng là chẳng phải tu 6 pháp Ba-la-mật. Vô pháp còn chẳng chấp, huống nữa là hữu pháp; chấp có pháp chỉ là hý luận vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là “hữu pháp”? Thế nào là “vô pháp”?

Phật dạy: “Hữu” và “vô” đều là hữu pháp. Pháp có hai là hữu pháp. Pháp chẳng có hai mới thật là vô pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Những gì là pháp có hai?

Phật dạy: Nhãn và sắc là hai. Vì lia con mắt ra thì chẳng có sắc, và lia sắc ra cũng chẳng có nhãn thức. Hữu vi và vô vi là 2. Vì lia hữu vi ra, thì chẳng có vô vi, lia vô vi ra cũng chẳng có hữu vi. Bởi vậy nên 2 pháp chẳng rời nhau.

Phàm phu do chấp có 2 tướng tương đãi nhau như vậy, nên cứ mãi chìm đắm trong sanh tử. Do trú trong “hữu” nên sanh tâm chấp; do sanh tâm chấp mà dấy sanh các phiền não; do bị các phiền não trói buộc mà chẳng thể thoát ra khỏi vòng sanh tử. Người chấp 2 pháp chẳng thể được 6 pháp Ba-la-mật, chẳng thể được thiên nhãn, nên chẳng thể được thật tướng pháp, dẫn đến chẳng thể được Nhất thiết chủng trí. Hạng người này thấy có sắc tướng... dẫn đến thấy có Nhất thiết chủng trí tướng là chẳng tu đạo; như vậy làm sao được các quả Thánh... dẫn đến làm sao có được quả Vô Thượng Bồ Đề.

**Hỏi:** Vào “đánh pháp” chẳng còn thói chuyển. Như vậy vì sao còn nói đến “nhãn pháp”?

**Đáp:** “Đánh pháp” là pháp ở bậc cao, vượt lên tới đánh. Nhưng ở trong pháp Thanh Văn cũng như ở trong pháp Bồ tát đều có nói đến “đọa đánh”. Đây là trường hợp tu lên đến bậc cao đó bèn an phận, trú nơi đó, chẳng muốn tiến tu lên nữa.

Hàng Thanh Văn nếu được “đánh pháp”(\*\*\*) mà an trú nơi

---

\*\*\*. Đánh pháp là pháp tu chứng thứ 2 trong 4 pháp tu chứng của hàng Thanh Văn ở thời kỳ Kiến đạo, 4 pháp đó gồm: Noãn pháp, Đánh pháp, Nhãn pháp, Thế đế nhất pháp.

đây, chẳng muốn tu lên nữa thì gọi là “đọa đánh”\*\*\*\*). Bởi vậy nên phải tu lên “nhẫn pháp”. Có nhẫn mới tiến tu lên các bậc cao hơn.

Có thuyết nói, “Dù chẳng đọa đánh, nhưng nếu tâm chưa kiên cố, thì phải tu nhẫn”. Có thuyết nói, “Dù đã ở lâu trong chánh định, nhưng nếu chưa được vô lậu, thì nay phải tùy thuận vô lậu, mà tu nhẫn.

Trong Bồ tát đạo cũng có trường hợp “đọa đánh”. Bồ tát nào tu được địa vị “thập tín” rồi, biết mình chẳng còn chìm đắm trong 3 cõi, đã được đầy đủ công đức rồi, mà chẳng tinh tấn tu thêm lên địa vị “thập trú”, thì cũng gọi là “đọa đánh”.

-o0o-

---

\*\*\*\*. Đọa đánh là an trú ở Đánh vị, chẳng muốn tu lên nữa.



## Phẩm Thứ Bảy Mười Lăm



### Tam Thứ Đệ Học (Học theo ba thứ lớp)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có pháp tướng, thì thuận nhãn còn chẳng được, huống nữa là được đạo.

Như vậy, Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có pháp tướng, thì có được thuận nhãn chăng?

Nếu tu 8 địa, từ Càn Huệ địa... dẫn đến Bích Chi Phật địa, lấy sự đoạn dứt phiền não làm nhân tu đạo, thì có đoạn dứt được phiền não chăng? Nếu do phiền não mà chẳng vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì làm sao vào được Bồ tát vị. Nếu chẳng vào Bồ tát vị, thì làm sao được Nhất thiết chủng trí? Nếu chẳng được Nhất thiết chủng trí thì làm sao đoạn dứt được hết thấy phiền não tập khí?

Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có các pháp tướng, thì các đạo pháp chẳng sanh. Nếu các đạo pháp chẳng sanh, thì chẳng có được Nhất thiết chủng trí.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng có các pháp tướng, thì có thuận nhãn ... dẫn đến có đoạn dứt hết thấy phiền não tập khí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát có các pháp tướng chăng? Có

tướng sắc... dẫn đến có tướng Nhất thiết chủng trí, tướng đoạn trừ phiền não tập khí chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng có vậy. Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng có pháp tướng, cũng chẳng có phi pháp tướng. Đây chính là thuận nhẫn. Chẳng có pháp tướng chẳng có phi pháp tướng tức là tu đạo, cũng tức là tu đạo quả.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát có pháp là Bồ tát đạo; Bồ tát chẳng có pháp là Bồ tát quả. Bởi nhân duyên vậy, nên phải biết tánh của hết thấy pháp là vô sở hữu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô sở hữu tánh, thì vì sao chư Phật ở nơi vô sở hữu tánh đó mà được thành Phật, được tự tại ở nơi hết thấy pháp?

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh.

Trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta cũng tu 6 pháp Ba-la-mật, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc vào sơ thiên... dẫn đến vào tứ thiên. Ở nơi các thiên, ta chẳng niệm thiên tướng, chẳng thọ thiên vị, chẳng đắc thiên quả; tâm ta vẫn thường thanh tịnh, chẳng có nhiễm trước. Hành các thiên như vậy, mà ta chẳng thọ quả báo. Y nơi 4 thiên mà ta phát khởi 5 thần thông, nhưng ta chẳng niệm tướng, chẳng thọ vị cũng chẳng thấy ta có đắc 5 thần thông... dẫn đến chẳng có phân biệt các thần thông ấy.

Này Tu Bồ Đề! Lúc bấy giờ, ta dùng “nhất niệm tương ưng huệ”, được Vô Thượng Bồ Đề, biết rõ 4 thánh đế, thành tựu 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất

cộng pháp, đại từ, đại bi, và được thành Phật. Ta phân biệt rõ chúng sanh ở trong 3 tụ, gồm: Chánh định tụ, tà định tụ và bất định tụ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi vô sở hữu tánh mà Thế Tôn làm sao khởi được 4 thiên và 5 thần thông, cùng phân biệt biết rõ chúng sanh ở trong 3 tụ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các dục, ác bất thiện pháp mà có tự tánh, có tha tánh, thì trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta chẳng thể quán các dục, ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, để nhập vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên.

Này Tu Bồ Đề! Vì các ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, nên ta mới tu được 4 thiên, 5 thần thông... dẫn đến mới được quả Vô Thượng Bồ Đề.

#### LUẬN:

**Hỏi:** “*Pháp rất ráo không*” chỉ có 1 nghĩa. Như vậy vì sao ngài Tu Bồ Đề lại nói, “*Nếu có pháp tướng, thì chẳng được thuận nhãn, chẳng được đạo... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí*”?

**Đáp:** Tuy rằng “*pháp rất ráo không*” chỉ có 1 nghĩa duy nhất, nhưng nghĩa ấy quá thậm thâm, khó giải, khó biết. Diễn nói nghĩa ấy còn rất khó, huống nữa là thọ trì, và y nghĩa tu hành.

Ngài Tu Bồ Đề sợ người nghe khởi nghi tâm, nên đã nêu lên nhiều nhân duyên, đặt ra nhiều câu hỏi, để xin Phật giải đáp:

- Các pháp chỉ có 1 nghĩa, vì sao Thế Tôn lại phân biệt nói có 5 đạo chúng sanh?

- Các pháp là vô sở hữu tướng, vì sao lại phân biệt có ra 3 thừa?

- Có pháp tướng, thì chẳng được thuận nhãn. Như vậy vì sao nói tu 8 địa, từ Càn Huệ địa... dẫn đến Bích Chi Phật địa, mà có thể vào được Bồ tát vị?

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên nhiều câu hỏi với nhiều ý nghĩa khác nhau, nhưng vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng, nên Phật đều trả lời là “Như vậy, như vậy”.

Trước, ngài Tu Bồ Đề hỏi về thuận nhãn của Tiểu thừa; sau ngài lại hỏi về thuận nhãn của Đại thừa, là pháp của Bồ tát, nên ngài mới hỏi Phật: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát sanh pháp tướng chẳng?

Phật dạy: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng sanh pháp tướng, dù là hữu tướng, dù là vô tướng.

Vì sao? Vì thấy “hữu”, thấy “vô” là thấy 2 tướng, nên là có lỗi. Bởi vậy nên ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát thuận nhãn chẳng sanh pháp tướng. Như vậy là tu đạo, cũng là tu đạo quả.

Hành Bồ tát đạo là hành “hữu pháp”, mà đạo quả lại là “vô pháp”. “Hữu pháp” là hữu vi; “vô pháp” là vô vi. Như vậy là Bồ tát đoạn các phiền não là hành hữu vi, nhằm thành tựu thánh quả, là vô vi.

-o0o-

Có thuyết nói, “5 Ba-la-mật kia là hữu vi, Bát nhã Ba-la-mật là vô vi. Hữu pháp và vô pháp đều là quả của Bồ tát”.

Có thuyết nói, “Tướng trí huệ là hữu pháp, nên gọi là đạo. Như pháp tánh thật tế chẳng theo nhân duyên sanh mà thường có, nên gọi là quả. Ở nơi bình đẳng tánh, thì đạo và quả là thường có và chẳng sai khác nhau”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp tánh là vô sở hữu, thì

Phật làm sao ở nơi vô sở hữu mà được chánh trí, được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Do nơi tánh vô sở hữu mà ta có được trí huệ, tận đoạn được các chấp, dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật lại còn đem mình ra làm chứng, và nói rằng, “Trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta cũng tu 6 Ba-la-mật, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên.

Phật dạy: Khác hẳn với hàng ngoại đạo, ở nơi các thiên ta chẳng đắm thiên vị, chẳng sanh nhiễm tâm, chẳng thọ quả báo, y theo 4 thiên mà phát khởi 5 thần thông, dùng thiên nhãn thông thấy rõ tâm niệm của chúng sanh nhằm độ thoát họ ra khỏi các khổ. Rồi ta khởi lậu tận thông, dùng một niệm tương ưng huệ, được Vô Thượng Bồ Đề. Các khổ đã tận, các đạo đã thành, thông suốt được cả 4 thánh đế, nên ta được đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi. An trú trong các thần thông, ta phân biệt rõ chúng sanh trong 3 tụ, để vì chúng sanh thuyết pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là vô sở hữu, thì làm sao Phật có thể khởi 4 thiên, được 5 thần thông, biết rõ chúng sanh trong 3 tụ?

Phật dạy: Nếu các dục, ác bất thiện pháp có tự tánh, có tha tánh, thì trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta chẳng thể quán các dục, ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, để vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên. Vì dục, ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, nên ta mới tu được 4 thiên, 5 thần thông... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Nên biết pháp tánh có 2 phần: Tự tánh và tha tánh.

Tự tánh là tánh của tự thân bất tịnh; tha tánh là tánh của ngoại vật trang nghiêm thân. Tự tánh cũng như tha tánh đều là vô tướng, là hư dối, là nhân sanh 5 dục dẫn đến khổ đau. Khi Bồ tát quán 5 dục là không, là tánh vô sở hữu, thì vào được sơ thiên, khiến các dục, ác bất thiện pháp chẳng còn khởi ác tánh, khiến tự tánh và tha tánh đều rốt ráo không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là tánh vô sở hữu, là tánh không, thì Phật làm sao được tự tại ở nơi các pháp?

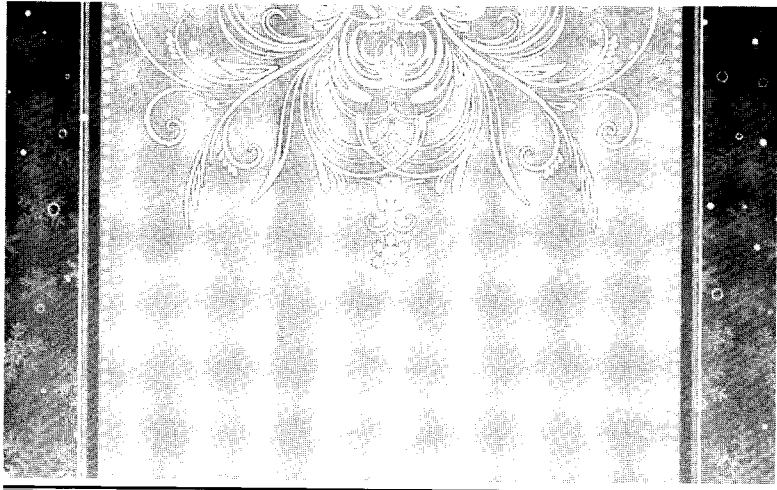
Phật dạy: Do 4 thiên mà ở nơi các phiền não ta được giải thoát; do 5 thần thông mà ở nơi các pháp ta được tự tại.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: 4 thiên và 5 thần thông là hữu pháp. Sao lại nói 4 thiên, 5 thần thông đều là tự tánh không. Nếu là tự tánh không, thì làm sao tu 4 thiên, 5 thần thông mà được tự tại?

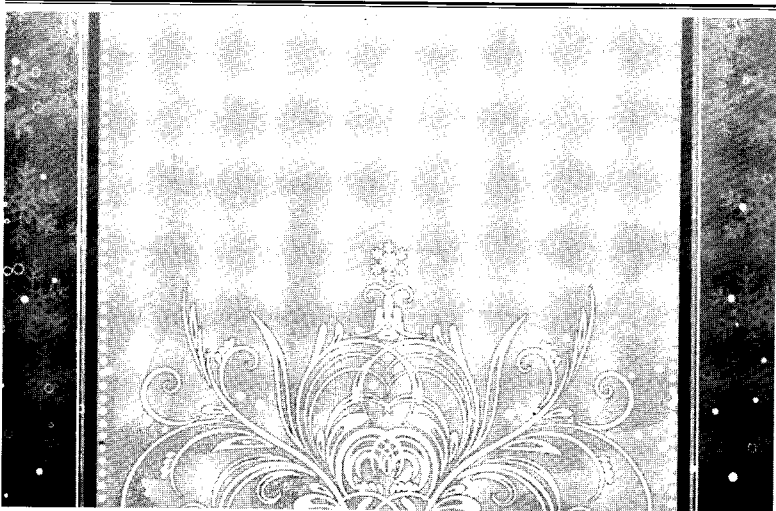
Phật dạy: Ta quán 4 thiên và 5 thần thông đều chẳng có định tướng, nên chẳng chấp. Vì sao? Vì 4 thiên cũng như 5 thần thông có vô lượng tướng, nên phải xả các tướng ấy mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Khi vào sơ thiên phải ly dục mới vào được tánh vô sở hữu. Đây là nhân tu dẫn đến quả chứng. Nhân và quả đều là tánh vô sở hữu.

Thiên là tự tánh không, Vô Thượng Bồ Đề là tự tánh không, hết thảy pháp đều là tự tánh không. Tu như vậy là chẳng có gì ngăn ngại, nên ở nơi các pháp ta đều được tự tại.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 87**







## Phẩm Thứ Bảy Mười Lăm (TIẾP THEO)



### Tam Thứ Đệ Học (tiếp theo)

#### **KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát biết các pháp vô sở hữu tánh là nhân tu 4 thiên, 5 thân thông. Như vậy, ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, hàng Bồ tát sơ phát tâm phải làm sao để thứ lớp tu, thứ lớp học, thứ lớp hành đạo, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Từ lúc ban đầu, Bồ tát phải thân cận, cúng dường chư Phật để được nghe pháp; thân cận, cúng dường chư Thanh Văn để được nghe pháp. Do được nghe pháp như vậy mà được vô sở hữu tánh. Chư Phật, chư Hiền Thánh do được vô sở hữu tánh mà thành tựu được đạo quả. Hết thấy các pháp hữu vi chỉ là pháp được làm ra (tác pháp), và đều là chẳng có tánh. Chẳng có pháp nào là có tánh cả.

Bồ tát nghe như vậy rồi phải tự niệm rằng, “Hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh. Chư Phật, chư Hiền Thánh do được vô sở hữu tánh mà thành tựu được đạo quả. Như vậy, vì sao ta lại chẳng phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề? Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề rồi, ta sẽ vì chúng sanh thuyết pháp, khiến họ xả ly các chấp mà an trú trong vô sở hữu tánh”.

Này Tu Bồ Đề! Tư duy như vậy rồi, Bồ tát phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, nhằm độ hết thấy chúng sanh.

Bởi vậy nên chỗ sở hành của Bồ tát có thứ lớp: Thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo. Cũng như chư Phật quá khứ, Bồ tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Hàng tân học Bồ tát phải như vậy hành 6 pháp Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, tán thán công đức bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Do nhân duyên bố thí mà Bồ tát được đại phước báo, giàu sang, phú quý. Cũng do nhân duyên bố thí mà Bồ tát xa lìa được lòng xan tham, bôn xén, sẵn sàng đem tài vật ra bố thí cho chúng sanh.

Do bố thí và trì giới mà Bồ tát sanh làm người hay làm trời để được tôn quý. Do bố thí và trì giới mà Bồ tát được các thiên định. Do bố thí, trì giới và thiên định mà Bồ tát được trí huệ giải thoát, giải thoát tri kiến, nên vượt qua được các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát bố thí theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành trì giới, dạy người khác hành trì giới, tán thán công đức trì giới, hoan hỷ tán thán người hành trì giới.

Do nhân duyên trì giới mà Bồ tát sanh làm người hay làm trời đều được tôn quý.

Bồ tát thấy người chẳng trì giới, thì khuyên họ trì giới; thấy người loạn tâm thì khuyên họ tu thiền định; thấy người si mê thì dạy họ tu trí huệ; thấy người chẳng giải thoát thì dạy tu giải thoát; thấy người chẳng giải thoát tri kiến, thì dạy tu giải thoát tri kiến.

Do trì giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyên pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát trì giới theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành nhẫn nhục, dạy người khác hành nhẫn nhục, tán thán công đức nhẫn nhục, hoan hỷ tán thán người hành nhẫn nhục.

Khi hành nhẫn nhục Ba-la-mật như vậy, Bồ tát bố thí đầy đủ cho chúng sanh, dạy họ tu trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Do bố thí, nhẫn nhục, thiền định trí huệ như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyên

pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát nhẫn nhục theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành tinh tấn, dạy người khác hành tinh tấn, tán thán công đức tinh tấn, hoan hỷ tán thán người hành tinh tấn.

Khi hành tinh tấn như vậy, Bồ tát bố thí đầy đủ cho chúng sanh, dạy cho chúng sanh tu trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Do bố thí, tinh tấn, thiền định trí huệ như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát tinh tấn theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình vào thiền định, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, cũng dạy người vào thiền định, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, tán thán công đức hành thiền định, hành 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; hoan hỷ tán thán người vào thiền định, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định.

Trú trong các thiền, Bồ tát bố thí đầy đủ cho chúng sanh, dạy cho họ tu trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát

và giải thoát tri kiến. Do bố thí, tinh tấn, thiền định trí huệ như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát vào các thiền định theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, tự mình hành 6 pháp Ba-la-mật, cũng dạy người khác hành 6 pháp Ba-la-mật, tán thán công đức hành 6 pháp Ba-la-mật, hoan hỷ tán thán người hành 6 pháp Ba-la-mật.

Do nhân duyên hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát vào 6 pháp Ba-la-mật theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, do được tâm tương ưng với Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát thâm tín các pháp tự tánh không, thường tu 6 niệm, gồm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả và niệm Thiên.

**\* Thế nào gọi là tu niệm Phật?**

Này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật Bồ tát chẳng lấy sắc để niệm, chẳng lấy thọ, thọ, tưởng, hành, thức để niệm. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến thức đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh (chẳng có tánh). Cho nên vô sở niệm (chẳng có chỗ niệm) mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy 32 tướng tốt để niệm, chẳng lấy thân kim sắc (sắc vàng ròng) để niệm, chẳng lấy hào quang một trượng để niệm, chẳng lấy 80 vẻ đẹp để niệm. Vì sao? Vì thân Phật là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng để niệm. Vì sao? Vì giới chúng... dẫn đến giải thoát tri kiến chúng là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi để niệm Phật. Vì sao? Vì 10 Phật lực... dẫn đến đại từ, đại bi đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy 12 nhân duyên để niệm Phật, Vì sao? Vì 12 nhân duyên đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải nên niệm Phật như vậy. Từ sơ phát tâm, Bồ tát phải như vậy mà thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo. Trú trong đó, Bồ tát được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, đầy đủ 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, ... dẫn đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, đều là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh). Ở nơi vô sở hữu tánh chẳng có tánh CÓ, cũng chẳng có tánh KHÔNG.

\* Thế nào gọi là tu niệm Pháp?

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm thiện pháp, chẳng niệm bất thiện pháp, chẳng niệm ký pháp, chẳng niệm vô ký pháp, chẳng niệm thế gian pháp, chẳng niệm xuất thế gian pháp, chẳng niệm tịnh pháp, chẳng niệm uế pháp, chẳng niệm thánh pháp, chẳng niệm phàm phu pháp, chẳng niệm hữu lậu pháp, chẳng niệm vô lậu pháp, chẳng niệm pháp thuộc về 3 cõi, chẳng niệm hữu vi pháp, chẳng niệm vô vi pháp. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm (chẳng có chỗ niệm) mới là niệm pháp. Do học các pháp vô sở hữu tánh như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề là được các pháp vô sở hữu tánh. Ở nơi vô sở hữu tánh chẳng có tánh CÓ, cũng chẳng có tánh KHÔNG.

Bồ tát phải nên tu niệm pháp như vậy. Bồ tát tu niệm pháp như vậy, mà ở nơi hết thấy pháp đều chẳng có niệm.

\* Thế nào gọi là tu niệm Tăng?

Này Tu Bồ Đề! Ở nơi vô vi mà phân biệt có đệ tử Phật,

**có chúng đệ tử Phật, nên Bồ tát niệm Tăng chẳng thấy có chỗ niệm, hướng nữa là thật có niệm Tăng.**

**Bồ tát phải nên tu niệm Tăng như vậy.**

**\* Thế nào gọi là tu niệm giới?**

**Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát phải niệm thánh giới: Giới chẳng khuyết, giới chẳng hở, giới chẳng tỳ, giới chẳng đạt, giới chẳng tính, giới tự tại, giới mà người trí khen ngợi, giới cụ túc, giới theo chánh định.**

**Bồ tát phải niệm các giới đó đều chẳng có tự tánh, nên chẳng thấy có chỗ niệm, hướng nữa là có niệm giới.**

**\* Thế nào gọi là tu niệm xả?**

**Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tu niệm xả: Tự niệm xả, tha niệm xả, xả tài, xả pháp, xả phiền não. Bồ tát tu các niệm xả như vậy, mà quán tất cả đều bất khả đắc, chẳng có chỗ niệm, hướng nữa là có niệm xả.**

**\* Thế nào gọi là tu niệm Thiên?**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát tự niệm rằng, “Chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên đều có đầy đủ tín, giới, thí, văn và huệ. Khi ta mạng chung, sanh về các cõi trời, ta cũng sẽ có đầy đủ các tín, giới, thí, văn và huệ. Bồ tát niệm thiên như vậy mà biết rõ các cõi trời đều là vô sở hữu tánh, nên là chẳng có niệm, hướng nữa là có niệm Thiên.**

**Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát, ở nơi 6 niệm, thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh. Sắc... dẫn đến thức, nhãn...**



dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức giới, Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là vô sở hữu tánh cả.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì chẳng có đạo, chẳng có trí, chẳng có quả chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông thấy sắc tánh là thật có chẳng? Dẫn đến Nhất thiết chủng trí tánh là thật có chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông thấy các pháp thật chẳng có. Như vậy, ông còn nêu lên câu hỏi làm gì nữa?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng dám khởi tâm nghi. Thế nhưng vì chúng sanh ở đời sau, và vì các Tỷ-kheo cầu Bồ tát đạo, mà con thưa hỏi Phật.

Bạch Thế Tôn! Vì các hạng người này nghi rằng, “Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì chẳng có ai cầu, chẳng có ai tịnh, chẳng có ai bị triền phược, chẳng có ai được giải thoát. Vì họ chẳng thể biết, chẳng thể giải được như vậy, nên họ có thể phá giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng... dẫn đến có thể bị đọa vào 3 đường ác”.

Bạch Thế Tôn! Con sợ ở đời sau sẽ xảy ra những sự việc như vậy, nên con thưa hỏi Phật.

Bạch Thế Tôn! Riêng bản thân con đã thâm tín các pháp đều là vô tự tánh, nên chẳng có nghi, chẳng có hỏi gì cả.

**LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề tin thọ lời Phật dạy, đã biết rằng, “Tuy biết rõ các pháp là không, mà chư đại Bồ tát vẫn thường khởi 4 thiền và 5 thần thông”. Nay ngài lại hỏi Phật, “Các tân học Bồ tát, ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như thế nào để đến được Vô Thượng Bồ Đề?”.

Như vậy là Bồ tát dù đã phát tâm từ vô lượng kiếp, mà chưa vào được nơi thật tướng pháp, thì vẫn còn là tân học Bồ tát. Các Bồ tát này vẫn còn phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo mới có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

**Hỏi:** *Nếu là tân học Bồ tát, thì khi bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn v.v... mà thứ lớp hành là đủ rồi. Sao nay lại nói ở nơi các pháp vô sở hữu tánh cũng phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo?*

**Đáp:** Các Bồ tát sơ phát tâm phải hành không, hành vô sở hữu để hòa hợp với các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v...

Ví như hòa mật ngọt với thuốc cho trẻ nít uống, thì chúng mới có thể uống dễ dàng. Cũng như vậy, Bồ tát sơ phát tâm phải thâm quán pháp “không” khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v... mới chẳng bị lỗi lầm.

Phật dạy. “Từ lúc ban đầu, Bồ tát phải thân cận và cúng dường chư đại Bồ tát, chư A-la-hán để được nghe pháp. Do nghe pháp như vậy mà vào được nơi vô sở hữu tánh. Vì sao? Vì chư Phật, chư đại Bồ tát, chư A-la-hán đều do được vô sở hữu tánh mà thành tựu được đạo quả”.

Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều do nhân duyên hòa hợp sanh; chẳng có pháp nào là có tự tánh cả. Nếu đem các

pháp hữu vi, sắc pháp cũng như vô sắc pháp, chia chẻ cho đến vi trần, thì sẽ chẳng thấy có gì là thật có nữa cả. Dẫn đến một niệm cũng chẳng thật có. Sau khi nghe chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Hiền Thánh thuyết pháp như vậy rồi, người học đạo còn phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo, lấy trí tỷ lượng phân biệt để biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, đều chẳng có tự tánh. Như vậy là vào được nơi thật tướng pháp, nơi tịch diệt tướng, chẳng có hý luận.

Biết như vậy rồi, người hành đạo tự niệm rằng, “Dù có Phật, hay dù chẳng có Phật, thì thật tướng pháp vẫn chẳng có tăng giảm, chẳng có sanh diệt, chẳng có mới cũ v.v... Hết thấy pháp đều rốt ráo là không, là bất khả đắc; chúng sanh là rốt ráo không, nên độ chúng sanh rốt ráo không cũng là bất khả đắc. Hết thấy pháp đều là như mộng, như huyễn đều chẳng có định tướng. Như vậy vì sao ta chẳng phát tâm làm Phật?”

**Hỏi:** *Nếu biết các pháp đều là vô sở hữu, thì vì sao lại phát tâm làm Phật?*

**Đáp:** Rốt ráo không là vô sở hữu, là chẳng có chướng ngại, là chẳng có hý luận. Bởi vậy nên người hành đạo mới đồng mãnh phát tâm làm Phật.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát lại thay chúng sanh thọ các khổ?*

**Đáp:** Bồ tát có nhiều nhân duyên với chúng sanh, nên mới vì chúng sanh thọ các khổ. Do chúng sanh chẳng biết được thật tướng pháp nên mới chịu các khổ não; Bồ tát khởi từ bi tâm muốn tất cả chúng sanh được hết khổ, nên phát tâm tu học để cứu độ chúng sanh. Ví như người ăn được món ăn ngon muốn cho người khác được ăn như mình vậy. Bồ tát biết rõ pháp tánh là vô sở hữu, nên mới vì tất cả chúng sanh phát tâm làm các việc lợi ích cho họ.

Bồ tát tự niệm rằng, “Ta chưa thâm nhập được vào 6 pháp Ba-la-mật, nên ta phải phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, tu tập các công đức, tu vô sở hữu tánh để làm lợi ích cho chúng sanh”.

Do tu tập pháp “Không” của Đại thừa mà Bồ tát biết rõ pháp không, chúng sanh không,... dẫn đến Phật cũng không, Vô Thượng Bồ Đề cũng không. Ở nơi rốt ráo không, Bồ tát quán oán thân bình đẳng, nên chẳng sanh tâm phiền não, được tâm bình đẳng, vô phân biệt, được đầy đủ các lực nhẫn nhục Ba-la-mật. Do vậy mà mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát thân cận, tôn quý chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Thánh hiền giống như người vượt biển tôn quý người lái thuyền, giống như người bệnh tôn quý vị thầy thuốc vậy.

Đối với những kẻ oán nghịch, Bồ tát cũng chẳng sanh tâm oán ghét, tự niệm rằng, “Vì muốn cầu Phật đạo, nên ta phải nhẫn nhục đối với họ, nhẫn nhục như vậy mới có được lợi ích cho sự tu tập”.

Như vậy là Bồ tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo.

**Hỏi:** 3 việc đó có gì sai khác nhau chăng?

**Đáp:** Có thuyết nói “hành, học và vào đạo” tuy có tên gọi khác nhau, nhưng cũng chỉ là một. “Hành” là trì giới; “học” là thiền định; “vào đạo” là thực hiện các việc làm, như làm các việc bố thí. Lại nữa, “hành” là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; “học” là chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; “vào đạo” là chánh kiến, chánh tư duy. Tất cả 3 việc này đều là “đạo” cả.

Có thuyết nói chánh kiến, chánh tư duy là đạo thể. Còn 2 việc kia giúp chánh kiến, chánh tư duy càng thêm kiên cố là đạo dụng.

Có thuyết nói trong 6 Ba-la-mật, thì bố thí là “hành”; trì giới là “học”, tinh tấn là “đạo”.

Lại có thuyết nói tất cả 6 Ba-la-mật đều là “đạo”, vì đều dẫn đến trí huệ Bát nhã Ba-la-mật. Ví như người có đôi mắt và đôi chân có thể đi xa được; dù đôi mắt và đôi chân đều có công dụng riêng rẽ, nhưng cùng đóng góp vào công việc chung, đó là đưa người bộ hành đi xa vậy.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là thứ lớp hành?*

**Đáp:** Ví như người leo thang phải bước từng nấc thang mới leo lên cao được. Cũng như vậy, Bồ tát sơ phát tâm phải thứ lớp hành mới có thể vào đạo được.

Trong kinh có dạy rằng người tu 6 pháp Ba-la-mật muốn thành tựu đạo quả phải thứ lớp hành theo 4 giai đoạn. Đó là:

- Tự mình hành 6 pháp Ba-la-mật.
- Dạy người khác hành 6 pháp Ba-la-mật.
- Tán thán hành công đức 6 pháp Ba-la-mật.
- Hoan hỷ tán thán người hành 6 pháp Ba-la-mật, là người có từ bi đối với chúng sanh, và thông đạt thật tướng các pháp.

**Hỏi:** *Vì sao người hành 6 pháp Ba-la-mật phải theo 4 giai đoạn như trên?*

**Đáp:** Có người tự mình hành bố thí, nhưng chẳng dám dạy người khác hành bố thí, vì sợ người thọ thí nổi sân trở lại mắng nhiếc mình.

Có người dạy người khác làm việc bố thí mà tự mình chẳng làm.

Có người chẳng tán thán công đức hành bố thí, và cũng

chẳng tán thán người hành bố thí.

Những người hành động như vậy đều bị tà kiến che tâm, nên chẳng có thể biết được quả báo của bố thí.

Bồ tát có tâm từ bi rộng lớn, thâm ái các thiện pháp, thương xót các chúng sanh mới có thể làm đầy đủ cả 4 điều nêu trên đây.

-o0o-

Khi bố thí phải tự mình làm việc bố thí, dạy người khác làm việc bố thí, tán thán công đức bố thí, và tán thán người làm việc bố thí. Người hành tịnh thí là người gieo trồng thiện căn nơi phước điền Tam bảo. Vì phước điền Tam bảo là phước điền vô tận, nên người hành tịnh thí cũng được phước đức vô tận.

Người hoan hỷ bố thí đúng theo 4 điều nêu trên đây sẽ được hưởng giàu sang phú quý giàu sang vô tận.

Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật, dù chẳng tham cầu quả báo bố thí, mà của cải vẫn tự đến. Ví như người gieo mạ, cấy lúa, thì đến mùa gặt lúa sẽ tự đến với mình vậy. Bồ tát có được tài vật đến với mình rồi, lại tiếp tục đem các tài vật đó ra bố thí cho chúng sanh.

**Hỏi:** *Phải nên bố thí cho ai trước?*

**Đáp:** Bồ tát cúng dường 3 ngôi Tam bảo “Phật, Pháp và Tăng”; bố thí cho hàng tại gia thọ ngũ giới, thọ thập thiện, thọ bát quan trai giới, thọ tam quy; bố thí cho những người có chánh trí; bố thí cho những người nghèo khổ, bần cùng; bố thí cho các loài súc sanh;... dẫn đến bố thí cho những người phạm trọng tội “ngũ nghịch”. Vì sao? Vì Bồ tát muốn

kết duyên với các hạng người nghèo khổ, bần cùng, với hạng người đã đoạn thiện căn,... dẫn đến muốn kết duyên với các loài súc sanh.

Ví như người mẹ hiền có nhiều con, tìm mọi cách để cứu các con ra khỏi cảnh khổ đau, bệnh tật. Cũng như vậy, Bồ tát thương chúng sanh như mẹ hiền thương con, nên tìm mọi cách để cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Thấy một cọp mẹ, do bị con đói hoành hành, muốn nhảy vô lên đàn con để ăn thịt, Bồ tát chẳng chút do dự liền xả thân bố thí cho cọp mẹ, nhằm cứu các cọp con.

**Hỏi:** *Bồ tát phải rộng độ hết thấy chúng sanh chăng?*

**Đáp:** Chúng sanh là “phước điền” và “bi điền”.

Do bi nguyện rộng độ chúng sanh, mà Bồ tát cầu Vô Thượng đạo.

Khi chưa được vô sanh pháp nhẫn, bi tâm thường thắng từ tâm. Tuy phát từ tâm thương xót hết thấy chúng sanh, mà khi hành bố thí lại có sự phân biệt, ví như lựa chọn người nghèo đói, cùng khổ để cứu vớt họ trước. Cũng như khi cúng dường có sự lựa chọn phước điền, nghĩ rằng, “Cúng dường chư Phật có đại công đức, vì Phật là phước điền vô thượng”.

Thế nhưng, khi đã vào thật tướng pháp rồi, thì chẳng còn sự phân biệt nữa. Lúc bấy giờ, Bồ tát xem chúng sanh như là những vị Phật tương lai, bình đẳng với Phật, chẳng có sai khác.

**Hỏi:** *Vì sao nói biết chúng sanh muốn gì thì cho nấy mới được phước đức lớn?*

**Đáp:** Vì thuận ý người được phước đức lớn hơn là nghịch

ý họ. Bồ tát quán tướng mạo của chúng sanh, biết họ mong cầu gì, liền cung cấp đầy đủ. Như vậy là bố thí theo ý nguyện của chúng sanh. Khi hành pháp thí Bồ tát chỉ mong sao cho chúng sanh biết tri giới, biết tu tập các thiện pháp, để được giải thoát. Như vậy mới là được đại lợi ích.

**Hỏi:** *Bồ tát do tu 6 pháp Ba-la-mật mà vào Bồ tát vị. Như vậy vì sao nói Bồ tát tu 5 ấm mà vào Bồ tát vị?*

**Đáp:** Có vô lượng pháp môn tu. Như vậy nói Bồ tát tu 5 ấm mà vào Bồ tát vị cũng chẳng có gì làm lỗi cả.

Bồ tát hộ trì các giới, sanh thiên định, được trí huệ sáng suốt, được tâm thanh tịnh, xả ly chấp trước, lấy trí huệ phá các phiền não, được giải thoát an lạc, tức được giải thoát tri kiến.

Bồ tát đã dùng thân 5 ấm để hành đạo, và cũng dùng thân 5 ấm mà vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, để vào Bồ tát vị.

Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát chủ yếu hành bố thí Ba-la-mật, xả tài,... dẫn đến xả mạng, chẳng chút luyến tiếc. Trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật và trí huệ Ba-la-mật hỗ trợ cho bố thí Ba-la-mật, giúp Ba-la-mật này được thành tựu viên mãn.

Vì lợi ích chúng sanh, Bồ tát sẵn sàng bố thí thân mạng mình; đây là việc rất khó làm. Bởi vậy nên nói do tu 5 ấm vào Bồ tát vị là chẳng làm lỗi vậy.

**Hỏi:** *Có người nói tu 6 niệm là việc dễ làm, nên Bồ tát sơ phát tâm có thể làm được. Thế nhưng, nếu niệm Phật mà chẳng niệm Phật thân, thì đâu có phải là việc dễ làm?*

**Đáp:** Ví như thuốc đắng có pha một ít mật ngọt trở thành dễ uống, vì mật ngọt chế ngự được vị đắng của thuốc. Cũng



như vậy, niệm Phật mà biết rõ Phật thân là tự tánh không, là vô sở hữu tánh, biết rõ vô sở niệm mới chính là niệm Phật. Bởi vậy nên niệm Phật, là việc dễ làm.

Nhờ niệm Phật như vậy mà các tà kiến chẳng sanh được, nên Bồ tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo được dễ dàng.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì cần gì phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo?

Phật hỏi lại: Ông có thấy sắc tánh là thật có chăng? Dẫn đến có thấy Nhất thiết chủng trí tánh là thật có chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Sắc tánh dẫn đến Nhất thiết chủng trí tánh đều là chẳng thật có vậy.

Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên là chẳng có tự tánh.

Phật dạy: Nếu ông thấy các pháp tánh đều chẳng thật có, thì ông còn nạn hỏi làm gì nữa.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy liền bạch Phật rằng: Con chẳng còn nghi, nhưng vì sợ người tu bị lầm lạc, mà con phải thưa hỏi Phật vậy. Vì sao? Vì người xuất gia nghe Phật dạy về “vô sở hữu tánh” mà chưa hiểu rõ thâm nghĩa, thì sẽ chấp “không”... dẫn đến sẽ chẳng trì giới, sẽ phá các oai nghi v.v... khiến người tại gia y theo đó sẽ khinh khi người xuất gia, phá hoại Tam bảo.

Con vì “vô tránh tam muội”, vì thương xót chúng sanh, mà thưa hỏi Phật như vậy. Kính mong Phật giải đáp rõ ràng, để chúng sanh được thâm hiểu.

## Phẩm Thứ Bảy Mười Sáu



### Nhất Tâm Cụ Vạn Hạnh (Một tâm đủ vạn hạnh)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát có lợi ích gì mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp đều là vô sở hữu tánh, nên Bồ tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì nếu có chấp, có đắc, thì rất khó được giải thoát.

Này Tu Bồ Đề! Những người chấp tướng chẳng có được đạo, chẳng có được quả, chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người chẳng đắc tướng thì có được đạo, có được quả, có được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc (chẳng có chỗ đắc) tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề, vì pháp tánh là bất hoại (là chẳng thể bị hoại) vậy.

Nếu pháp vô sở đắc mà muốn được đạo, được quả, được Vô Thượng Bồ Đề, thì đó là phá hoại pháp tánh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu pháp vô sở đắc tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao có bậc sơ địa Bồ tát... dẫn đến bậc thập địa Bồ tát; làm sao có vô

sinh pháp nhẫn; làm sao có quả báo đắc thần thông; làm sao có quả báo đắc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, làm sao an trú trong quả báo đó mà thanh tịnh được Phật độ, thành tựu chúng sanh; làm sao cúng dường chư Phật các y áo, các thức ăn uống, hoa hương, anh lạc, phòng xá, cùng tất cả các vật dụng cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày; ... dẫn đến làm sao được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng mất các phước đức đó, rồi sau khi nhập Niết Bàn để lại xá lợi cho các đệ tử ở đời sau được cúng dường v.v...?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp là vô sở đắc, nên có các bậc sơ địa Bồ tát... dẫn đến bậc thập địa Bồ tát, có quả báo đắc thần thông, có quả báo đắc 6 pháp Ba-la-mật, có quả báo thanh tịnh Phật độ và thành tựu chúng sanh. Do nhân duyên thành tựu các thiện căn như vậy, mà có thể làm việc lợi ích cho chúng sanh... dẫn đến sau khi nhập Niết Bàn có thể để lại xá lợi cho các đệ tử ở đời sau được cúng dường.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là vô sở đắc thì 6 pháp Ba-la-mật và các thần thông có gì sai khác nhau chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp vô sở đắc, nên 6 pháp Ba-la-mật và các thần thông chẳng có gì sai khác nhau cả. Do chúng sanh chấp có bố thí... dẫn đến chấp có các thần thông, mà có phân biệt nói ra như vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp vô sở đắc, mà bố thí... dẫn đến các thần thông chẳng sai khác?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng đắc người thí, kẻ thọ mà hành bố thí,

chẳng đắc trì giới mà hành trì giới, chẳng đắc nhẫn nhục mà hành nhẫn nhục, chẳng đắc tinh tấn giới mà hành tinh tấn, chẳng đắc thiền định mà hành thiền định, chẳng đắc trí huệ mà hành trí huệ, chẳng đắc thần thông mà hành các thần thông, chẳng đắc 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo mà hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng đắc “không, vô tướng và vô tác” mà hành các tam muội “không, vô tướng và vô tác”, chẳng đắc thành tựu chúng sanh mà thành tựu chúng sanh, chẳng đắc thanh tịnh Phật độ mà thanh tịnh Phật độ, chẳng đắc các Phật pháp mà đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”. Bồ tát hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”, thì ma cùng thiên ma chẳng thể phá hoại được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát làm sao có thể ở trong một niệm mà được đầy đủ vạn hạnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật; khi tu 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật; khi tu 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật;... dẫn đến khi tu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, Bồ tát cũng chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật mà trong một niệm có thể tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật dẫn đến tu đầy đủ 80 vẻ đẹp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tu bố thí cũng chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-

mật, nên là bố thí bất nhị tướng (chẳng có 2 tướng). Tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định... dẫn đến tu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng là bất nhị tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tu bố thí... dẫn đến tu 80 vẻ đẹp bất nhị tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật mà muốn đầy đủ Đàn Ba-la-mật, thì ngay khi hành bố thí Bồ tát phải nhiếp hết các Ba-la-mật kia, nhiếp cả 4 niệm xứ... dẫn đến nhiếp cả 80 vẻ đẹp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành bố thí, Bồ tát làm sao có thể nhiếp hết thấy các pháp vô lậu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải an trú nơi tâm vô lậu mà bố thí. Ở nơi tâm vô lậu, Bồ tát chẳng thấy có người thí, có người thọ, có vật tài thí. Vì tâm vô tướng là tâm vô lậu, nên dứt trừ được ái nhiễm, xan tham khi hành bố thí. Lúc bấy giờ chẳng thấy có bố thí... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát cũng dùng tâm vô tướng, vô lậu tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nên chẳng thấy có trì giới, có nhẫn nhục, có tinh tấn, có thiền định, có trí huệ... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát cũng dùng tâm vô tướng, vô lậu mà tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu 80 vẻ đẹp, nên chẳng thấy có 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng thấy có 80 vẻ đẹp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô tướng, vô tác, thì làm sao Bồ tát được đầy đủ bố thí... dẫn đến được đầy đủ 80 vẻ đẹp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng tâm vô tướng, vô lậu mà bố thí tất cả nội vật

và ngoại vật sở hữu của mình; từ thân thể... dẫn đến quốc thành, vợ con v.v... đều đem ra bố thí cho chúng sanh.

Nếu có ai nói rằng, “Bố thí như vậy chẳng có lợi ích gì cả”, thì Bồ tát nên nghĩ rằng, “Dù người ấy đến ngăn cản việc hành bố thí của ta, ta vẫn chẳng thối tâm. Ta phải bố thí tất cả cho chúng sanh, rồi đem công đức bố thí, để cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Ta cũng chẳng thấy các tướng của người thí, của người thọ, của vật thí, của người hồi hướng, của pháp hồi hướng, của chỗ hồi hướng, là Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả các tướng ấy đều là chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, nên hết thấy pháp là không. Vì không không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thí không, tán không, tánh không, nhất thiết pháp không, tự tướng không, nên hết thấy pháp là không”.

Bồ tát quán như vậy, nên chẳng thấy có người hồi hướng, pháp hồi hướng, và chỗ hồi hướng. Như vậy gọi là chánh hồi hướng.

Lúc bấy giờ, Bồ tát thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, ... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Bồ tát đầy đủ bố thí Ba-la-mật, mà chẳng thọ quả báo thế gian. Ví như chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại tùy ý cần gì đều được cả. Cũng như vậy, Bồ tát tâm nguyện gì đều được như ý.

Bồ tát dùng quả báo ấy để làm các việc bố thí: Cúng dường chư Phật, và ban phát đầy đủ cho chúng sanh.

Bồ tát dùng bố thí Ba-la-mật để nhiếp độ chúng sanh,

dem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ thoát họ khỏi sanh tử.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ bố thí Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ trì giới Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành trì giới Ba-la-mật, Bồ tát trì đủ các giới: Thánh giới vô lậu, nhập vào 8 thánh đạo, giới tự nhiên, giới báo đắc, giới thọ đắc... Hết thấy các giới đầy đủ, chẳng thiếu, chẳng phá, chẳng tạp, chẳng trước, chẳng chấp.

Đây là giới tự tại, là giới mà người trí khen ngợi.

Vì giới là vô sở thủ (chẳng có chỗ nắm bắt), nên, dù ở nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức; dù ở nơi 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, dù ở nơi các đại gia, đại tộc; dù ở nơi các cõi trời Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Dạ Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa tự tại thiên, Phạm Chúng thiên, Quang Âm thiên, Biến Tịnh thiên, Quảng Quả thiên, Vô Tướng thiên, Vô Nhiệt thiên, Diệu Kiến thiên, Hỷ Kiến thiên, A Ca Ni Tra thiên, Không Xứ thiên, Thức Xứ thiên, Vô Sở Hữu Xứ thiên, Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ thiên; dù ở nơi Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật; dù ở ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương, v.v... Bồ tát cũng chỉ vì chúng sanh, mà cùng với họ đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Dùng vô tướng, vô đắc, vô nhị, mà hồi hướng chỉ là vì thế tục đế, chẳng phải vì đệ nhất nghĩa đế.

Bồ tát đầy đủ trì giới Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện khởi tu 4 thiên mà chẳng chấp đắm thiên vị, được 5 thần thông. Do nơi 4 thiên mà được thiên nhãn.

Bồ tát dùng thiên nhãn, thấy ở phương Đông chư Phật hiện tại dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Chỗ thấy chẳng sai, chẳng mất. Ở 9 phương kia cũng là như vậy.

Bồ tát lại dùng thiên nhĩ thanh tịnh nghe chư Phật ở khắp 10 phương đang thuyết pháp. Chỗ nghe chẳng sai, chẳng mất nên thường làm lợi ích cho mình và cho người.

Bồ tát lại dùng tha tâm trí, biết rõ tâm của chư Phật ở khắp 10 phương, cùng tâm của hết thảy chúng sanh nên thường làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Bồ tát lại dùng túc mạng trí, biết rõ các nghiệp nhân ở quá khứ của từng chúng sanh. Vì các nghiệp nhân duyên chẳng mất, nên chúng sanh thọ sanh ở nơi nào Bồ tát cũng đều biết rõ.

Bồ tát lại dùng lậu tận trí, khiến chúng sanh được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật. Ở bất cứ nơi nào Bồ tát cũng có thể làm cho chúng sanh vào trong các thiện pháp.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ trì giới Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, nếu bị chúng sanh nào đến đánh đập, đâm chém, Bồ tát cũng chẳng khởi sân giận, dù chỉ mống lên trong một niệm.



**Bồ tát phải tu cả 2 thứ nhẫn. Đó là:**

- Chẳng khởi tâm sân hận, thù oán đối với bất cứ ai đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình.

- Biết rõ các pháp đều là vô sanh, nên chẳng thấy có người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém; chẳng có người thọ nhận các ác sự đó.

Bồ tát tư duy rằng, “Các pháp, ở nơi thật tánh, đều là rớt ráo không, là bất khả đắc; chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh”.

Do quán như vậy mà Bồ tát chẳng thấy có người mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình, và liền được “vô sanh pháp nhẫn”.

\* Thế nào gọi là vô sanh pháp nhẫn?

Đó là biết các pháp tướng thường chẳng sanh, biết các phiền não từ trước đến nay cũng thường chẳng sanh.

Bồ tát trú trong 2 thứ nhẫn này thường được đầy đủ 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; đầy đủ 3 giải thoát, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi.

Bồ tát trú trong pháp vô lậu xuất thế gian, nên được đầy đủ các thánh thần thông, chẳng đồng với hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Trú trong thánh thần thông, Bồ tát dùng thiên nhãn quán thấy chư Phật ở phương Đông, mà liền được “niệm Phật tam muội”.

Đối với 9 phương khác cũng là như vậy.

Bồ tát lại dùng thiên nhĩ nghe chư Phật ở khắp trong

10 phương đang thuyết pháp; rồi đem pháp vừa được nghe dạy lại chúng sanh. Bồ tát biết rõ tâm của chư Phật và tâm niệm của chúng sanh để tùy tâm niệm của chúng sanh mà thuyết pháp.

Bồ tát lại dùng túc mạng trí, biết căn tánh của chúng sanh ở đời trước, rồi vì họ thuyết pháp, khiến họ được hoan hỷ, Bồ tát lại dùng lậu tận thông, giáo hóa chúng sanh, khiến họ được 3 thừa đạo.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để thành tựu chúng sanh, khiến họ được đầy đủ Nhất thiết chủng trí... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thành tựu thân tinh tấn, và tâm tinh tấn, nhập vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên, được các thần thông, thường phân ra nhiều thân, bay đến vô lượng thế giới Phật, để cúng dường chư Phật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát được hết thấy thế gian cúng dường. Sau khi nhập Niết Bàn, xá lợi cùng chư đệ tử cũng được thế gian cúng dường.

Bồ tát cũng dùng các lực thần thông bay đến các thế giới Phật để được nghe chư Phật thuyết pháp, lãnh thọ giáo pháp của chư Phật, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng sai, chẳng mất. Bồ tát tu Nhất thiết chủng trí, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thành tựu thân tinh tấn như vậy, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát thành tựu tâm tinh tấn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi thánh giới vô lậu, tinh tấn vào 8 thánh đạo, chẳng chấp các pháp tướng là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là hữu vi hay vô vi, là thuộc về cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô Sắc, là tánh hữu lậu hay tánh vô lậu, là 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; là 4 niệm xứ... dẫn đến là 8 thánh đạo, là 10 Phật lực, là 18 bất cộng pháp. Đối với các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán... dẫn đến các quả vị Bồ tát và Phật, Bồ tát cũng chẳng chấp tướng. Vì sao? Vì tánh là không nên chẳng thể dùng tánh mà chấp tướng vậy.

Bồ tát dùng tâm tinh tấn rộng độ chúng sanh, mà biết rõ chúng sanh là bất khả đắc.

Như vậy là Bồ tát đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật, thanh tịnh Phật độ, giáo hóa chúng sanh, vì chúng sanh là bất khả đắc vậy.

Vì thành tựu thân tâm tinh tấn, nên Bồ tát nhiếp thủ hết thảy các thiện pháp, mà chẳng chấp các thiện pháp. Vì lợi ích chúng sanh, Bồ tát đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, hiện các thần thông, phóng đại quang minh, dạy cho chúng sanh biết các thánh đạo, từ bỏ sát sanh, xa rời tà kiến; tu 6 pháp Ba-la-mật. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ Thiên Ba-la-mật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ngoại trừ các thiên định của chư Phật ra, Bồ tát được đầy đủ các thiên định khác.**

**Bồ tát ly dục, ly ác bất thiện pháp, ly sanh hỷ lạc, có giác, có quán, vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên.**

**Bồ tát trải rộng tâm từ bi hỷ xả khắp cả 10 phương thế giới. Bồ tát vượt các sắc tướng, dứt trừ các tướng đối đãi, nhập vào hư không vô biên xứ... dẫn đến nhập vào phi hữu tướng phi vô tướng xứ.**

**An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát thuận nghịch ra vào 8 bói xả, 9 thứ đệ định, các tam muội “không, vô tướng và vô tác”, ... dẫn đến ra vào kim cang tam muội.**

**An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát tu 37 Phẩm Trợ Đạo, dùng đạo chủng trí nhập vào tất cả các thiên, vượt qua Càn Huệ địa... dẫn đến vượt qua Bích Chi Phật địa, nhập vào Bồ tát vị, đầy đủ Phật địa... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng có chấp thủ đạo quả.**

**An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác làm việc lợi ích cho chúng sanh, hoặc dùng bố thí, trì giới, trí huệ, giải thoát, giải thoát trí kiến... để nhiếp độ chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo.**

**An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát được hết thấy các đà la ni, được 4 vô ngại trí, được các thần thông.**

**Bồ tát vĩnh viễn chẳng vào thai mẹ, vĩnh viễn chẳng thọ 5 dục, nên tuy có sanh mà chẳng bị pháp sanh làm nhiễm ô. Vì sao? Vì Bồ tát thấy hết thấy pháp đều là như huyễn. Bồ tát làm các việc lợi ích cho chúng sanh, mà vẫn**

biết chúng sanh và các pháp đều bất khả đắc. Bồ tát dùng các pháp giáo hóa chúng sanh, khiến họ vào được nơi vô sở đắc; đây là thế tục pháp, chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

An trú trong thiền Ba-la-mật, Bồ tát được hết thấy các thiền định, giải thoát tam muội... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, mà trọn chẳng ly thiền Ba-la-mật.

Lúc hành đạo chủng trí như vậy, Bồ tát được Nhất thiết chủng trí, dứt trừ hết thấy các phiền não tập khí, rồi làm các việc lợi mình và lợi người. Do vậy mà trở thành ruộng phước cho hết thấy thế gian, trời, người, a tu la.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát được đầy đủ thiền vô tướng Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy các pháp thật có định tướng. Bồ tát thấy sắc tướng bất định, chẳng phải là thật tướng... dẫn đến thấy thức tướng bất định, chẳng phải là thật tướng. Bồ tát chẳng thấy sắc sanh... dẫn đến chẳng thấy thức sanh. Như vậy, các pháp dù hữu lậu hay vô lậu, đều chẳng có đến đi, chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ đi, cũng chẳng có chỗ tập.

Khi quán như vậy, Bồ tát chẳng thấy có sắc tánh... dẫn đến thức tánh; chẳng thấy có pháp tánh hữu lậu, chẳng thấy có pháp tánh vô lậu.

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tin hiểu hết thấy các pháp đều là vô sở hữu tướng. Tin hiểu như vậy rồi, nên Bồ tát hành nội không... dẫn đến hành vô pháp

hữu pháp không, mà ở nơi các pháp đều chẳng chấp, ở nơi sắc... dẫn đến ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát đều chẳng chấp.

Bồ tát hành “vô sở hữu Bát nhã Ba-la-mật” như vậy, nên thường được đầy đủ Bồ tát đạo; đó là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

An trú trong pháp không, Bồ tát thanh tịnh Phật đạo, làm lợi ích cho chúng sanh, dùng 6 pháp Ba-la-mật để nhiếp độ chúng sanh, như: dùng bố thí để dạy cho chúng sanh bố thí; dùng trì giới để dạy cho chúng sanh trì giới; dùng thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến để dạy cho chúng sanh tu thiền định, tu trí huệ, tu giải thoát, tu giải thoát tri kiến. Bồ tát lại dùng 3 thừa giáo dạy cho chúng sanh, khiến họ được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán,... dẫn đến được đầy đủ Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo, lần lần được đầy đủ Phật đạo. Tùy theo căn tánh chúng sanh mà giáo hóa, khiến mọi chúng sanh đều được lợi lạc.

Bồ tát lại dùng các lực thần thông đi đến vô lượng cõi nước để độ thoát chúng sanh khỏi sanh tử; lại chiêm ngưỡng các cõi Phật thanh tịnh, vi diệu, trang nghiêm, để rồi tự trang nghiêm cõi nước của mình.

Ví như chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại tùy ý cần đến vật dụng gì, thì vật dụng đó liền hiện đến. Bồ tát trang nghiêm cõi nước mình cũng là như vậy.

Do phước báo như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 5 thần thông, hành đạo chứng trí, thành tựu hết thảy công đức, và sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng thọ sắc... dẫn đến thức, chẳng thọ hết thấy pháp, dù là thiện pháp hay bất thiện pháp, là thể gian pháp hay xuất thể gian pháp, là hữu lậu pháp hay vô lậu pháp, là hữu vi pháp hay vô vi pháp.

Do chẳng thọ hết thấy pháp như vậy, mà Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc bấy giờ, ở khắp cõi nước, hết thấy các vật dụng cần dùng cho cuộc sống đều chẳng có chủ. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều bất khả đắc, nên Bồ tát hành hết thấy các pháp mà chẳng thọ hết thấy các pháp vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Ở nơi các pháp vô tướng mà Bồ tát thường đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

#### LUẬN:

*Hỏi: Chỗ hỏi và chỗ đáp đều nói về “vô sở hữu tánh”. Như vậy quan niệm của bên hỏi và bên đáp có gì sai khác nhau chăng?*

**Đáp:** Mặc dù bên hỏi và bên đáp đều nói về “vô sở hữu tánh”, nhưng tâm niệm của hai bên có sai khác nhau.

Người hỏi dùng tâm chấp mà hỏi; còn người đáp thì dùng tâm vô chấp mà đáp lại. Bởi vậy nên có sai khác.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát có lợi ích gì mà phải vì chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?

Ý ngài Tu Bồ Đề nói rằng, “Nếu đã là vô sở hữu, thì chẳng nên phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề làm gì nữa”.

Thật ra, ngài chẳng có tâm nghi, nhưng vì chúng Bồ tát tâm phát tâm mà ngài đã nêu lên câu hỏi đó.

Phật đáp: Chính vì các pháp đều là vô sở hữu tánh, nên Bồ tát mới vì chúng sanh phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì chúng sanh và Bồ tát đều là không, là vô sở hữu. Như trước đây đã nói, “Ở nơi các pháp rốt ráo không thì chẳng có gì chướng ngại. Do vậy mà chẳng có gì chướng ngại sự phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề cả”.

Nơi đây, Phật đã dùng tánh không, tánh vô sở hữu để phá chỗ nạn hỏi của ngài Tu Bồ Đề.

Phật cũng muốn chỉ rõ cho ngài Tu Bồ Đề rằng, “Người chấp tướng mới nạn hỏi, người chẳng chấp tướng chẳng có nạn hỏi. Vì sao? Vì người bị các phiền não trói buộc, thì nghe nói CÓ cũng chấp, nghe nói KHÔNG cũng chấp, nghe nói được cũng chấp, nghe nói mất cũng chấp v.v... rất khó có thể ra khỏi chỗ chấp vậy”.

Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, có đầy đủ oai lực, dùng các lực thần thông quán biết chúng sanh có tâm chấp sâu dày, nên dùng đủ các phương tiện, các nhân duyên thí dụ, để vì chúng sanh thuyết cho họ nghe về pháp “không”, pháp vô sở hữu là pháp môn hy hữu dẫn đến giải thoát, giác ngộ. Do được nghe như vậy mà chúng sanh được tâm nhu nhuyến, thâm tín Phật pháp. Bởi vậy nên kinh dạy rằng, “Nếu có chấp, có đắc, thì rất khó được giải thoát. Những người chấp tướng chẳng có được đạo, chẳng có được quả, chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Những người chẳng đắc tướng thì có được đạo, có được quả, có được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Vô sở đắc (chẳng chỗ đắc) tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề.



Vì sao? Vì người chẳng chấp “hữu sở đắc” hay “vô sở đắc”, mới vào được nơi rất ráo không, nơi thật tướng pháp. Thật tướng pháp tức là pháp tánh, mà pháp tánh là chẳng thể bị hoại vậy.

Ví như hư không chẳng thể bị mây mù hay bụi trần làm nhiễm ô. Cũng như vậy, pháp tánh là rất ráo không, chẳng thể bị phá hoại được.

Người muốn phá hoại pháp tánh, cũng như người muốn làm nhiễm ô hư không chẳng sao thành tựu được ý định của mình. Nơi đây, Phật nêu lên thí dụ, “Người muốn phá hoại pháp tánh cũng ví như người ở nơi pháp vô sở hữu mà muốn được đạo, được quả, được Vô Thượng Bồ Đề”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu pháp vô sở hữu tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao có 10 địa Bồ tát?

Phật dạy: Vì pháp vô sở hữu, nên mới có 10 địa Bồ tát.

Trước đây, ngài Tu Bồ Đề đã hỏi, “Nếu pháp là vô sở hữu, thì Bồ tát cần gì phải phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề”. Nay ngài lại hỏi, “Nếu pháp là vô sở hữu, thì làm sao có 10 địa Bồ tát?”

Về cả 2 câu hỏi này, Phật đều dùng pháp “không” để giải đáp.

**Hỏi:** *Vì sao trước đây Phật đã dùng pháp “không” để giải đáp rồi mà nay ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Do chúng sanh tâm chấp sâu dày, khó hiểu, khó biết, nên ngài Tu Bồ Đề phải hỏi lại như trên.

Lại nữa, vì sợ các Bồ tát tâm phát ý khi nghe nói thật tướng pháp là rất ráo không, liền chấp “không”, mà chấp “không” đó cũng là phá pháp tánh, nên ngài Tu Bồ Đề vì hạng Bồ tát này phải hỏi lại Phật.

Phật dạy: Vì các pháp vô sở hữu, nên có bậc sơ địa Bồ tát... dẫn đến bậc thập địa Bồ tát, có các quả báo đặc thân thông, đặc 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ v.v... Do nhân duyên gieo trồng thiện căn như vậy, mà làm được các việc lợi ích cho chúng sanh... dẫn đến sau khi nhập Niết Bàn còn để lại xá lợi cho người đời sau cúng dường.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là vô sở hữu, thì bố thí... dẫn đến các thân thông có gì sai khác nhau chăng?

Phật dạy: Vì các pháp vô sở hữu, nên bố thí... dẫn đến các thân thông chẳng có gì sai khác nhau cả. Do vì chúng sanh chấp có bố thí... dẫn đến có các thân thông, nên mới phân biệt nói ra như vậy. Trái lại, từ khi sơ phát tâm, Bồ tát vẫn thường dùng tịch diệt tướng, dùng rốt ráo không tướng, nên khi bố thí chẳng thấy có người thí, có kẻ thọ, có tài vật thí. Bố thí như vậy là bố thí vô phân biệt. Hành tất cả các Phật pháp khác cũng là như vậy.

Bồ tát do chẳng đặc tất cả các Phật pháp mà đến được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là Bồ tát hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”. Do hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật” như vậy mà Bồ tát chẳng bị các ma và thiên ma phá hoại.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật, “Vì sao ở trong 1 niệm mà Bồ tát được đầy đủ 6 Ba-la-mật cùng hết thảy công đức?”*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề từng theo Phật nghe pháp, biết rõ thậm thâm Bát nhã Ba-la-mật là tướng vô sở hữu, nên ở nơi các pháp đều thông đạt vô ngại.

Thế nhưng, ngài nghĩ rằng, “Khi mới phát tâm, Bồ tát vẫn còn nặng về chấp CÓ, chấp KHÔNG... nên cần phải thứ lớp hành, rồi dần dần mới rời bỏ được 2 chấp ấy”. Đây là lý do ngài hỏi Phật như trên.

Phật dạy: Từ sơ phát tâm, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v... nên ở nơi các pháp chẳng có bị chướng ngại, được đầy đủ các công đức. Bởi vậy nên ở trong 1 niệm mà được đầy đủ vạn hạnh. Nếu xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thì mới phải tiệm thứ hành vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật mà bố thí?

Phật dạy: Đó là chẳng dùng 2 tướng mà bố thí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là chẳng dùng 2 tướng?

Phật dạy: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát muốn được đầy đủ bố thí, nên trong một niệm bố thí mà nhiếp hết thảy các thiện pháp.

Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, đoạn hết các phiền não, trừ hết các tâm chấp phân biệt, an trú nơi tâm vô lậu mà hành bố thí.

Tâm vô lậu cũng là tâm vô tướng, nên Bồ tát trú nơi tâm vô lậu đó chẳng còn thấy có người thí, có kẻ thọ, có tài vật thí. Do vậy mà ly được hết thảy các tướng tâm bố thí. Dẫn đến chẳng thấy có tướng Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là “bất nhị tướng”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều vô tướng, vô tác, vô khởi, thì làm sao thường được đầy đủ bố thí Ba-la-mật... dẫn đến thường được đầy đủ 80 vẻ đẹp?

Phật dạy: Do biết rõ các pháp là vô tướng, vô tác, vô khởi

nên ở nơi hết thầy các pháp Bồ tát đều được vô ngại, thường được đầy đủ bố thí Ba-la-mật... dẫn đến đầy đủ 80 vẻ đẹp.

Có 2 hạng người hành Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Hạng Bồ tát được vô sanh pháp nhãn.
- Hạng Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhãn.

Hạng người an trú trong tâm vô tướng, vô lậu mà hành Bát nhã Ba-la-mật gọi là hạng Bồ tát vô sanh pháp nhãn.

**Hỏi:** *Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhãn, còn tham tiếc thân mạng mà nhẫn chịu sự đau đớn khi bị người khác đến đâm chém, cắt xẻ... mới là việc khó làm. Còn Bồ tát được vô sanh pháp nhãn rồi, chẳng còn thấy có thân, nên dù bị đâm chém, cắt xẻ... cũng chẳng thấy còn có đau đớn gì. Như vậy đâu còn là việc khó làm nữa?*

**Đáp:** Bồ tát vô sanh pháp nhãn mà hành 6 pháp Ba-la-mật, mới là việc rất khó làm.

Vì sao?

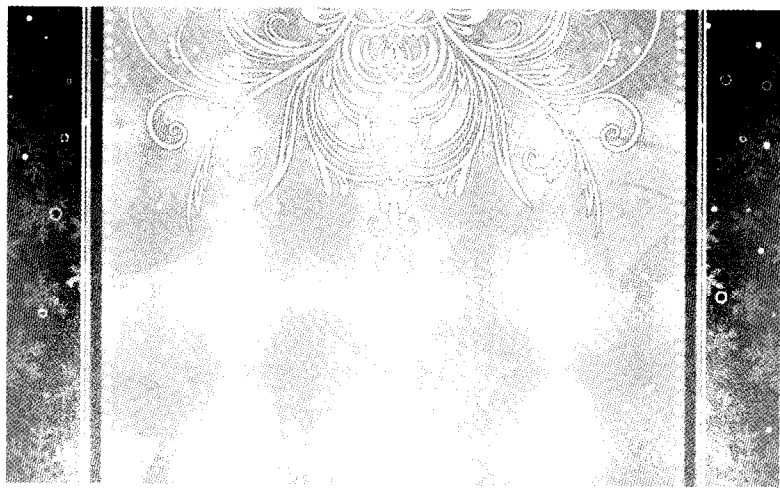
Vì Bồ tát vô sanh pháp nhãn đã được tâm tịch diệt, đã thọ Niết Bàn lạc rồi, mà còn phát đại nguyện xả Niết Bàn lạc, để vào trong 3 cõi, thọ các sắc thân chúng sanh, như thân người hạ tiện, thân súc sanh v.v... nhằm phương tiện hóa độ chúng sanh. Đây quả là việc rất khó làm.

Còn sanh thân Bồ tát, do chưa dứt trừ được tham ái, nên chưa được tâm tịch diệt, vô lậu, vô tướng như các Bồ tát vô sanh pháp nhãn. Hạng Bồ tát này chỉ vì chấp Phật thân mà nhẫn thọ các sự đau đớn, đem thân mình ra bố thí. Như vậy là còn tham trước, còn hy vọng. Bố thí với tâm như vậy chưa phải là tinh thí, nên chẳng bằng được hạng Bồ tát vô sanh pháp nhãn vậy.

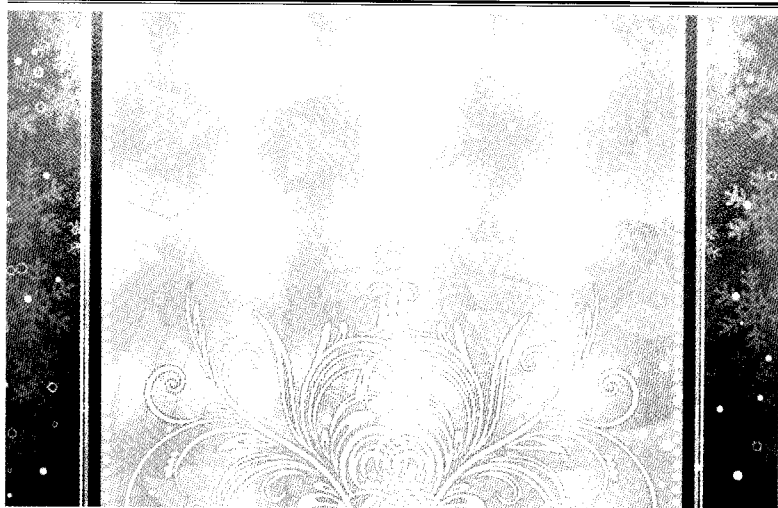
Lại nữa, phải ở nơi vô lậu, vô tướng mới có thể hành đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật. Còn ở nơi hữu lậu, hữu tướng chẳng có thể hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật vậy.

(Hết quyển 87)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 88**







## Phẩm Thứ Bảy Mười Bảy



Lục Dụ  
(Sáu Thí Dụ)

### **KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp là vô tướng (chẳng có tướng), là tự tướng không, là vô phân biệt (chẳng có phân biệt), mà ở nơi đó lại có thể tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật? Vì sao ở nơi các pháp chẳng có phân biệt, mà lại phân biệt nói có các pháp tướng dị biệt? Vì sao Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp tất cả 5 Ba-la-mật kia? Vì sao hành các pháp tướng dị biệt nhau, mà cũng đều đến nơi đạo “nhất tướng”, dẫn đến được quả Phật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 ấm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa<sup>(\*)</sup>, mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ. Bồ tát dùng trí huệ biết 5 ấm là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa; biết 5 ấm như mộng là vô tướng... dẫn đến 5 ấm như hóa là vô tướng.**

**Vì sao? Vì mộng chẳng có tự tánh “không”, dẫn đến hóa cũng chẳng có tự tánh. Nếu pháp chẳng có tự tánh thì đó là pháp vô tướng. Nếu pháp nhất tướng (chỉ có một tướng), thì đó cũng là pháp vô tướng.**

---

\*. Xem thêm ở quyển 6 (phẩm thứ nhất - Mười Dụ).

Bởi nhân duyên vậy, nên biết Bồ tát bồ thí là bồ thí vô tướng: Người thí vô tướng, người thọ cũng vô tướng.

Biết như vậy là có thể được đầy đủ bồ thí Ba-la-mật... dẫn đến đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến đầy đủ 8 thánh đạo, đầy đủ nội không... dẫn đến đầy đủ vô pháp hữu pháp không, đầy đủ 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, đầy đủ 8 bối xả, đầy đủ 9 thứ đệ định, đầy đủ 5 thần thông, đầy đủ 500 đà la ni, đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến đầy đủ 18 bất cộng pháp.

Bồ tát an trú trong pháp vô lậu đi cõi nước này đến cõi nước khác ở khắp 10 phương, để cúng dường chư Phật và làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu thấy chúng sanh nào cần được bố thí thì Bồ tát liền dùng bố thí để nhiếp độ họ. Nếu thấy có chúng sanh nào cần phải dùng trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ mới nhiếp độ được, thì Bồ tát liền dạy cho họ tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Dẫn đến nếu thấy có chúng sanh nào phải dùng các thiện pháp để nhiếp độ họ, thì Bồ tát liền dùng các thiện pháp để nhiếp độ họ vậy.

Bồ tát thành tựu hết thấy thiện pháp, thọ thân thế gian, mà chẳng bị thế gian làm nhiễm ô. Dù hưởng thọ sự giàu sang, phú quý ở cõi trời hay cõi người, Bồ tát cũng đem phước lạc đó để nhiếp thủ chúng sanh.

Bồ tát biết hết thấy các pháp đều là vô tướng, nên chẳng trú nơi các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Vì sao? Vì Bồ tát dùng hết thấy chủng trí, biết hết thấy pháp ắt sẽ được Nhất thiết chủng trí, nên chẳng đồng với hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết hết thấy pháp là vô tướng,

**biết 6 pháp Ba-la-mật là vô tướng... dẫn đến biết hết thấy Phật pháp đều là vô tướng.**

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 âm như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyền, như hóa, nên thường đầy đủ “giới vô tướng Ba-la-mật”, còn gọi là “thánh giới vô lậu” dẫn vào 8 thánh đạo. An trú trong giới này, Bồ tát trì hết thấy giới gồm: danh tự giới, tự nhiên giới, luật nghi giới, tác giới, vô tác giới, oai nghi giới, phi oai nghi giới.

Bồ tát thành tựu các giới như vậy, chẳng nguyện sanh vào các đại gia, đại tộc, chẳng nguyện sanh làm Tiểu vương hay Chuyển luân thánh vương; chẳng nguyện ở các cõi trời, chẳng nguyện được các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Vì sao? Vì hết thấy pháp là vô tướng, là nhất tướng; vì pháp vô tướng chẳng thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng chẳng thể được pháp hữu tướng, pháp hữu tướng chẳng thể được pháp vô tướng, pháp vô tướng chẳng thể được pháp hữu tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, được đầy đủ trì giới Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, được vô sanh pháp nhẫn, hành đạo chủng trí, được quả báo đắc 5 thân thông, trú trong 500 đà la ni, được 4 vô ngại trí. Lúc bấy giờ, Bồ tát đi cõi Phật này đến cõi Phật khác để cúng dường chư Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, vào trong 5 đường chúng sanh, mà chẳng bị nghiệp báo sanh tử làm nhiễm ô.

Này Tu Bồ Đề! Ví như vị hóa Chuyển luân thánh vương, tuy có ngôi, có nằm, có đi, có đứng, mà chẳng thấy chỗ ngôi, chỗ nằm, chỗ đi, chỗ đứng; tuy có làm các việc lợi ích cho chúng sanh mà chẳng thấy có chúng sanh.

**Bồ tát cũng là như vậy.**

Này Tu Bồ Đề! Ví như đức Phật Tu Phiến Đa được Vô Thượng Bồ Đề, chuyên 3 thừa pháp luân mà chẳng có Bồ tát được thọ ký, nên đã xả thọ mạng, tự diệt độ vào Vô Dur Niết Bàn, để lại Hóa Phật làm các Phật sự. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ trì giới Ba-la-mật, và nhiếp hết thấy thiện pháp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 ấm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, được đầy đủ “vô tướng nhãn nhục Ba-la-mật”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 2 thứ nhãn là sanh nhãn và pháp nhãn, mà được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật. Từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, nếu có chúng sanh nào đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình, Bồ tát vẫn tu đầy đủ hạnh nhãn nhục Ba-la-mật, chẳng sanh oán hận, dù chỉ móng lên trong 1 niệm. Bồ tát tự hỏi rằng, “Có ai mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém... ta đâu?”.

Vì sao? Vì ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát được “vô tướng nhãn”, nên được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật. Do được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật, nên được vô sanh pháp nhãn.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là vô sanh pháp nhãn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng sanh tâm bất thiện, dù chỉ là một niệm, thì được gọi là vô sanh pháp nhãn. Bồ tát dùng trí huệ đoạn sạch các phiền não, và quán biết hết thấy pháp đều là vô sanh (chẳng có sanh).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vô sanh pháp nhãn của hàng Nhị thừa và vô sanh pháp nhãn của hàng Bồ tát có gì sai khác nhau chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu pháp nhẫn thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Vì sao? Vì đầy đủ đạo chủng trí, nên Bồ tát thường chẳng xa rời 37 Phẩm Trợ Đạo, chẳng xa rời 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác”... dẫn đến chẳng xa rời 5 thần thông. Do chẳng xa rời 5 thần thông nên thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh được Phật độ... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí.

Như vậy là Bồ tát được đầy đủ “vô tướng nhẫn nhục Ba-la-mật”. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 ám như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyền, như hóa, thường đầy đủ “vô tướng tinh tấn Ba-la-mật”.

Bồ tát hành thân tâm tinh tấn, khởi các thần thông đi khắp các cõi nước, để cúng dường chư Phật và làm các việc lợi ích cho chúng sanh, khiến họ an trú trong 3 thừa đạo.

Như vậy là Bồ tát được đầy đủ “vô tướng tinh tấn Ba-la-mật”.

Bồ tát lại dùng tâm tinh tấn vào vô lậu thánh đạo, được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Do đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật, mà niếp được hết thấy thiện pháp, tu 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Do hành các thiện pháp như vậy, mà Bồ tát được đầy đủ Nhất thiết chủng trí, đoạn sạch các tập khí phiền não, được 32 tướng tốt, phóng đại quang minh, chuyển 12 hành pháp luân, khiến khắp cõi đại thiên thế giới đều dấy lên 6 điệu chấn động. Chúng sanh khắp cõi đại thiên thế giới nhờ nghe thuyết pháp mà vào được 3 thừa đạo... dẫn đến được giải thoát. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong tinh tấn Ba-la-mật, thường làm lợi ích cho chúng sanh, thường được đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 âm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, nên thường đầy đủ thiên Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vào Sơ Thiên... dẫn đến đệ tứ thiên, vào 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, vào hư không vô biên xứ định... dẫn đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ định, vào 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”, vào Điện Quang tam muội, vào Kim Cang tam muội, vào Thánh chánh tam muội v.v... Ngoại trừ các tam muội của chư Phật ra, còn hết thấy các tam muội của các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thì Bồ tát đều vào cả. Thế nhưng, dù vào các tam muội, mà Bồ tát chẳng có thọ các quả tam muội.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các tam muội là vô tướng (chẳng có tướng), là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh sở hữu).

Như vậy làm sao ở nơi pháp vô tướng mà có thể thọ mùi vị của pháp vô tướng, làm sao ở nơi pháp vô sở hữu mà có thể thọ mùi vị của pháp vô sở hữu.

Nếu chẳng thọ mùi vị của thiên định thì chẳng bị các lực thiên định dẫn sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy các cõi ấy, chẳng thấy các thiên định, chẳng thấy người vào thiên định, cũng chẳng thấy người dùng các pháp ấy.

Vì chẳng đắc các pháp ấy nên Bồ tát thường đầy đủ “vô tướng thiên Ba-la-mật”, vượt qua các Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát làm thế nào để được đầy đủ “vô tướng Thiên Ba-la-mật”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khéo học nội không,

ngoại không... dẫn đến khéo học vô pháp hữu pháp không, biết rõ ở nơi đó chẳng có chỗ để an trú, chẳng có các quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí. Tất cả các pháp không đó cũng đều là không.

Bồ tát hành các pháp không như vậy mà vào Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát vị? Thế nào là chẳng phải Bồ tát vị?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tất cả vô sở đắc (chẳng chỗ đắc) là Bồ tát vị. Tất cả hữu sở đắc (có chỗ đắc) là chẳng phải Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì là vô sở đắc, những gì là hữu sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc là hữu sở đắc; thọ, tưởng, hành, thức là hữu sở đắc; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là hữu sở đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là hữu sở đắc. Đây chẳng phải là Bồ tát vị.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vị là các pháp bất khả đắc (chẳng có thể đắc), bất khả thuyết (chẳng có thể nói ra), bất khả thị (chẳng có thể thấy được). Hết thấy các pháp từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là như vậy cả.

Vì sao? Vì sắc tánh là chẳng thể thuyết ra được, chẳng thể thấy được... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng thể thuyết ra được, chẳng thể thấy được vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát vị. Vào trong Bồ tát vị, Bồ tát được đầy đủ các tam muội, mà chẳng tùy theo lực dẫn của các tam muội.

Bồ tát an trú trong như huyền pháp, chứng như huyền vị, độ như huyền chúng sanh. Bồ tát làm lợi ích

cho chúng sanh như vậy, mà chẳng thấy có chúng sanh khả độ (có thể độ). Vì sao? Vì như huyền pháp là bất khả đắc. Bồ tát ở nơi vô sở đắc, mà thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Như vậy là Bồ tát đầy đủ “vô tướng thiên Ba-la-mật”, thường chuyển pháp luân. Pháp luân đó cũng là bất khả đắc pháp luân.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là như mộng, như huyễn, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm sao để biết hết thấy pháp đều là như mộng... dẫn đến đều là như hóa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy mộng, chẳng thấy người mộng... dẫn đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người hóa.

Vì sao? Vì mộng, huyễn, ảnh, diệm, huyễn và hóa đều là những pháp điên đảo của phàm phu, ngu muội.

Hết thấy pháp đều là tánh vô sở hữu, chẳng sanh, chẳng định.

Nếu các pháp là tánh vô sở hữu, là chẳng sanh, chẳng định, thì làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại thủ lấy tướng sanh, tướng định nơi các pháp! Thật chẳng thể nào có như vậy được.

Vì sao? Vì các pháp chẳng có tánh, nên khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng chấp thức, chẳng chấp cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc; chẳng chấp các thiên giải thoát; chẳng chấp 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng chấp 8 thánh đạo; chẳng chấp 3 giải thoát



môn “không, vô tướng và vô tác”; chẳng chấp Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật.

Vì chẳng chấp trước nên Bồ tát được đầy đủ sơ địa... dẫn đến được đầy đủ thập địa, mà ở nơi các địa cũng chẳng chấp trước. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy mình đắc các địa, huống nữa là khởi tâm chấp các địa.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy mình đắc Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng chẳng thấy mình đắc các pháp.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác vậy. Vì khi đã vào trong pháp như, pháp tánh, thật tế, thì các pháp chẳng còn có sự phân biệt nữa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu các pháp đều là vô tướng, vô phân biệt, thì làm sao lại nói đến thiện và ác, đến hữu lậu và vô lậu, đến thế gian và xuất thế gian, đến hữu vi và vô vi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ở nơi thật tướng pháp, thì có pháp nào được gọi là thiện hay ác, là hữu lậu hay vô lậu, là thế gian hay xuất thế gian, là hữu vi hay vô vi chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể nói như vậy được.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên phải biết hết thấy pháp đều là vô tướng, vô phân biệt, chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng thể thấy, chẳng thể nói ra được.

Này Tu Bồ Đề! Trước kia, khi ta còn hành Bồ tát đạo, ta cũng chẳng thấy có pháp nào có tánh đắc, dù đó là sắc,

là thọ, là tướng, là hành, là thức, là hữu vi, là vô vi... dẫn đến dù đó là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Từ khi sơ phát tâm cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải khéo học các pháp tánh như vậy.

Khéo học các pháp tánh như vậy là được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Hành đạo như vậy là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát an trú trong pháp Vô Thượng Bồ Đề, dùng 3 thừa giáo độ thoát chúng sanh, mà cũng chẳng chấp 3 thừa.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng pháp vô tướng phải như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật.

#### **LUẬN:**

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề đã dùng pháp KHÔNG để hỏi Phật rằng, “Nếu hết thấy các pháp là vô tướng, vô phân biệt, thì làm sao Bồ tát có thể được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật?”

Phật cũng đã dùng pháp KHÔNG để trả lời lại rằng, “Bồ tát an trú trong 5 âm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, nên được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật”.

**Hỏi:** Bên hỏi và bên đáp y cứ nơi pháp KHÔNG. Như vậy 2 bên sai khác nhau ở chỗ nào?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề đã thâm nhập vào pháp KHÔNG, chẳng còn nghi ngờ gì nữa cả. Thế nhưng vì hàng phàm phu mà ngài phải nêu lên câu hỏi trên để xin Phật giải đáp.

Phật dạy: Hàng phàm phu, do xa rời thật trí huệ, do còn chấp các pháp tướng, nên mới thấy Bồ tát hành 6 pháp Ba-

la-mật sẽ đến được Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được làm Phật. Do tâm chấp như vậy nên mới nạn hỏi.

Còn Bồ tát biết rõ 5 âm đều là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, nên thường dùng tâm KHÔNG mà hành bố thí... dẫn đến hành trí huệ. Bởi vậy nên tuy hành đầy đủ các pháp Ba-la-mật mà chẳng hề bị chướng ngại.

Ví như mây mù hay bụi trần ngăn che tầm mắt khiến người phạm phu chẳng có thể thấy được hư không. Cũng như vậy, do bị các phiền não tập khí che tâm, nên phạm phu chẳng thấy được thật tướng pháp.

Phạm phu do xa lìa thật tướng pháp, nên thấy có mây mù, có bụi trần ngăn che hư không. Còn chư Phật và chư đại Bồ tát, ở nơi thật tướng pháp, thấy hư không mà chẳng thấy có mây mù hay bụi trần.

Vì Bồ tát thường tự tại, vô ngại, nên ở nơi 1 niệm mà được đầy đủ các thiện pháp; ở nơi 1 Ba-la-mật mà được đầy đủ cả 6 Ba-la-mật.

Lại nữa, vì Bồ tát thường tu hành thanh tịnh vô lậu Ba-la-mật, nên khi chuyển thân vẫn được đầy đủ quả báo vô lậu.

Do được quả báo vô lậu, nên Bồ tát thường biến thân thành vô lượng thân, đi đến vô lượng cõi nước để nghe chư Phật thuyết pháp, để giáo hóa chúng sanh.

**Hỏi:** *Nếu biết các pháp đều là không, là vô tướng, thì làm sao có thể biết được hành bố thí Ba-la-mật mà đầy đủ các Ba-la-mật kia?*

**Đáp:** Người tu hành tuy chẳng tự phân biệt mình có hành Ba-la-mật nào, mà vẫn đầy đủ cả 6 Ba-la-mật.

Ví như người tu theo Thanh Văn, khi đã vào được “kiến

đề đạo”, đã thấy được các pháp vô lậu, vô tướng vô phân biệt rồi, là đã có được chánh kiến. Được chánh kiến rồi là có chánh hạnh, chẳng làm não hại chúng sanh, chẳng khởi niệm ác... dẫn đến có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tuy chẳng có chỗ nói, chẳng có chỗ làm mà vẫn gọi là có chánh ngữ, chánh nghiệp. Do đã thâm nhập vào chánh ngữ, chánh nghiệp, đã rốt ráo chẳng làm phiền nhiễu chúng sanh, mà thường phát tâm tinh tấn duyên niệm, nên gọi là có chánh niệm. Do thường nhiếp tâm tại một chỗ, nên gọi là có chánh định. Lại nữa, ở thân, thọ, tâm và pháp đều đã biết rõ thật tướng, nên gọi là được đầy đủ 4 niệm xứ.

Bồ tát hành 4 niệm xứ cũng vào 8 thánh đạo... dẫn đến cũng thường hành “vô tướng bồ thí Ba-la-mật”, thường đầy đủ trì giới Ba-la-mật, thường đầy đủ các thiện pháp. Vì sao? Vì bồ thí và trì giới nhiếp hết thảy các thiện pháp.

**Hỏi:** Ở phẩm trước nói, “Trong 1 niệm mà nhiếp hết thảy các Ba-la-mật”. Ở phẩm này nói, “Vô tướng Ba-la-mật nhiếp hết thảy các pháp”. Như vậy có gì khác nhau chăng?

**Đáp:** Ở phẩm trước nói, “Trong 1 niệm mà đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật”; còn ở phẩm này nói, “Các pháp tuy là không, là vô tướng, mà thường đầy đủ các pháp Ba-la-mật”.

Như vậy là có khác nhau.

## Phẩm Thứ Bảy Mười Tám



### Tứ Nhiếp Pháp

(Bốn pháp nhiếp độ chúng sanh)

#### KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, chẳng thật có, là tánh vô sở hữu, là tự tướng không, thì làm sao phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phạm phu ngu muội khi nằm mộng liền thấy có mộng, có người thấy mộng... dẫn đến khi được hóa liền thấy có hóa, có người được hóa. Do vậy mà khởi nghiệp thiện, nghiệp ác hay nghiệp vô ký ở nơi thân, khẩu và ý... dẫn đến tạo nghiệp phước, nghiệp tội hay nghiệp bất động.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường an trú trong 2 pháp không, đó là tất cánh không và vô thi không, để rồi vì chúng sanh thuyết pháp rằng, “Hỡi các người! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là không, là vô sở hữu; 12 nhập, 18 giới cũng đều là không, là vô sở hữu. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, 12 nhập, 18 giới đều là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Các pháp vốn chẳng có. Chẳng có 5 ấm, 18 giới; chẳng có mộng cũng chẳng có người thấy mộng... dẫn đến chẳng có hóa, cũng chẳng có người được hóa. Hết thấy các pháp

đều chẳng có nguồn gốc, vì thật tánh là vô sở hữu. Do nghiệp dẫn sanh mà các người mới thọ thân 5 ấm, nhưng 5 ấm vốn là không. Đã chẳng có 5 ấm, thì cũng chẳng có 12 nhập, 18 giới. Hết thấy pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, đều do chấp tâm điên đảo mà khởi, và đều thuộc về nghiệp quả báo vậy. Vì sao nơi “pháp không” chẳng có nguồn gốc, mà các người lại chấp lấy tướng nguồn gốc?”.

Lúc bấy giờ, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện, ở nơi pháp xan tham mà nhổ gốc xan tham, đưa chúng sanh ra khỏi xan tham, dạy cho họ tu bố thí Ba-la-mật, khiến họ được đại phước báo. Nương theo phước báo đó, Bồ tát lại dạy chúng sanh tu trì giới, khiến họ được sanh lên cõi trời. Rồi Bồ tát lại dạy chúng sanh an trú nơi sơ thiên... dẫn đến nơi đệ tứ thiên, an trú nơi không vô biên xứ định... dẫn đến nơi phi hữu tướng phi vô tướng xứ định.

Khi chúng sanh đã hành bố thí và được quả báo bố thí, hành trì giới và được quả báo trì giới, hành thiên định và được quả báo thiên định rồi, thì Bồ tát lại dẫn dắt họ vào đạo Vô Du Niết Bàn. Vào trong đạo Niết Bàn, Bồ tát lại dạy họ tu 37 Phẩm Trợ Đạo, tu 3 giải thoát môn, tu 8 bói xả, tu 9 thứ đệ định, tu 10 Phật lực, tu 4 vô sở úy, tu 4 vô ngại trí... dẫn đến tu 18 bất cộng pháp.

Khi chúng sanh đã được an ổn rồi, Bồ tát lại dạy họ an trú nơi pháp vô lậu. Đây là thánh trú, nên là chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, và chẳng có chỗ đắc vậy.

Nếu chúng sanh nào còn hữu sở đắc, thì Bồ tát an ổn giáo hóa họ khiến họ được quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Nhưng rồi sau đó, Bồ tát cũng dẫn dắt họ vào Vô Thượng Bồ Đề, an ổn giáo hóa họ khiến họ an trú nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát rất là hy hữu, khó có ai bì kịp. Các ngài hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thường ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, rốt ráo không, vô thí không, mà vẫn phân biệt được các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu... dẫn đến là hữu vi, là vô vi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ tát rất là hy hữu, khó có ai bì kịp, thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thường ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, rốt ráo không, vô thí không, mà vẫn phân biệt được các pháp.

Này Tu Bồ Đề! Ông phải biết chư đại Bồ tát rất là hy hữu. Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật còn chẳng có thể bì kịp, huống nữa là những người khác.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành pháp của chư đại Bồ tát như thế nào mà các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật khó có thể bì kịp?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Ông hãy nhất tâm lắng nghe.

Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong quả báo đắc 6 Ba-la-mật, cũng an trú trong quả báo đắc 5 thần thông, đắc 37 Phẩm Trợ Đạo, đắc các đà la ni, đắc các vô ngại trí, mà đi từ cõi nước này đến cõi nước khác ở khắp 10 phương, dùng bố thí để nhiếp độ chúng sanh.

Có Bồ tát dùng trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, tùy chúng sanh hợp với pháp nào thì nhiếp độ họ theo pháp đó.

Có Bồ tát dùng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, hoặc dùng không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định,... dẫn đến phi hữu tướng phi vô tướng

xứ định, tùy chúng sanh hợp với pháp nào thì nhiếp độ họ theo pháp đó.

Có Bồ tát dùng từ, bi, hỷ, xả để nhiếp độ những chúng sanh mà phải cần đến các pháp đó mới nhiếp độ họ được.

Có Bồ tát dùng 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, hoặc dùng 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” để nhiếp độ những chúng sanh mà phải cần đến các pháp đó mới nhiếp độ họ được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát dùng bố thí làm lợi ích cho chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát bố thí rộng khắp cho hết thảy chúng sanh. Thấy chúng sanh cần gì, thì Bồ tát liền cung ứng cho họ đầy đủ, từ các thức ăn uống, các đồ mặc... dẫn đến xe ngựa, hương hoa, anh lạc v.v...

Bồ tát bố thí cho chúng sanh như cúng dường chư Phật, chư Bích Chi Phật, chư Thanh Văn, chẳng có sai khác; bố thí cho người đã nhập vào chánh đạo, cho người phạm phu... dẫn đến bố thí cho chim thú đều đồng như nhau, chẳng có sai khác.

Vì sao? Vì hết thảy pháp đều chẳng khác, chẳng có phân biệt, nên Bồ tát bố thí cũng chẳng khác, chẳng có phân biệt.

Bồ tát bố thí như vậy, nên sẽ được quả báo vô phân biệt; đó là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Khi Bồ tát thấy kẻ ăn xin, mà dấy niệm nghĩ rằng, “Phật là phước điền, ta mới phải nên cúng dường. Còn các hạng bần cùng, hạ tiện, các chim thú chẳng phải là phước điền, ta chẳng nên bố thí”. Nếu nghĩ như vậy là xa lìa pháp Bồ tát.



Vì sao? Vì Bồ tát đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng nên nghĩ rằng, “Ta nên bố thí cho chúng sanh này, chẳng nên bố thí cho chúng sanh kia”. Lại cũng chẳng nên nghĩ rằng, “Do nhân duyên bố thí mà ta sẽ được sanh vào các đại gia, đại tộc. Do nhân duyên bố thí, dùng 3 thừa đạo độ chúng sanh mà ta sẽ vào Vô Dư Niết Bàn v.v...”.

Bởi vậy nên, khi thấy có chúng sanh đến xin được bố thí, Bồ tát chẳng nên sanh tâm phân biệt, sai khác.

Vì sao? Bồ tát vì chúng sanh mà phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Nếu thấy có chúng sanh đến xin bố thí mà còn lựa chọn, còn phân biệt thì Bồ tát ắt sẽ bị thế gian phiền trách rằng, “Hết thấy chúng sanh đều cần đến sự che chở, sự cứu giúp của ngài. Nay có chúng sanh đến xin bố thí, sao ngài còn phân biệt, còn lựa chọn nên cho ai, chẳng nên cho ai?”

Lại nữa, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu có chúng sanh nào đến xin mình bố thí thân thể, hoặc đầu, mắt, tay, chân..., Bồ tát cũng chẳng nên do dự là nên cho hay là chẳng nên cho.

Vì sao? Bồ tát vì chúng sanh mà thọ thân nhằm cứu độ chúng sanh, phải nên nghĩ rằng, “Vì lợi ích chúng sanh mà ta thọ thân này. Nay có chúng sanh đến xin bố thí thân này, ta phải nên cho họ, chẳng nên từ khước”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thấy có chúng sanh đến xin được bố thí, Bồ tát phải tự hỏi rằng, “Ai cho? Ai xin? Cho gì và xin gì? Hết thấy các pháp đều chẳng có tự tánh, đều là rốt ráo không, nên chẳng có cho, chẳng có xin. Hết thấy pháp đều là rốt ráo không, nên đều là nội không, là ngoại không, là nội ngoại không, là đại không, là đệ nhất nghĩa không... dẫn đến là tự tướng không vậy.

Bồ tát an trú trong “không” mà được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Do đầy đủ bố thí Ba-la-mật, nên khi gặp chúng sanh đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém... hay đến cướp giựt tài vật, Bồ tát liền tự hỏi, “Ta là ai? Kẻ đến đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém ta là ai? Kẻ đến cướp giựt tài vật của ta là ai?”

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, thấy ở phương Đông có hằng sa Bồ tát vào tận chốn địa ngục, dùng 3 pháp để giáo hóa chúng sanh. Đó là: Dùng thần thông- quán tâm niệm của chúng sanh- tùy chúng sanh thuyết pháp.

Bồ tát dùng lực thần thông dập tắt lửa địa ngục, làm lạnh nước đang sôi... dùng tha tâm trí quán biết tâm niệm của chúng sanh kể đến lại dùng “từ, bi, hỷ, xả” tùy chúng sanh thuyết pháp, khiến họ được tâm thanh tịnh. Nhờ vậy mà họ thoát khỏi cảnh địa ngục. Sau đó Bồ tát lại đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, khiến họ dứt được các khổ sanh tử.

Ở khắp 10 phương đều là như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy các Bồ tát hầu hạ, cung kính, cúng dường các đức Phật. Nếu được các đức Phật dạy bảo điều gì, thì các Bồ tát ấy liền thọ trì đầy đủ. Dẫn đến khi được Vô Thượng Bồ Đề cũng chẳng có quên sót.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy các Bồ tát vì các loài chúng sanh mà xả thân mạng, tự phân cắt thân thể mình đem rải khắp nơi.

Súc sanh nào ăn được thịt của Bồ tát đều sanh lòng

kính mến. Nhờ vậy mà họ thoát khỏi kiếp súc sanh, được gặp Phật, được nghe Pháp, được tu tập theo 3 thừa pháp, dần dần được tâm thanh tịnh,... dẫn đến có thể được vào Vô Dư Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát làm rất nhiều việc lợi ích cho chúng sanh, giáo hóa chúng sanh, khiến họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đúng như pháp tu hành... mãi cho đến khi họ vào được Vô Dư Niết Bàn.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hàng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy các Bồ tát đang trừ nỗi khổ đói khát của hàng ngạ quỷ, khiến họ sanh lòng kính mến Bồ tát. Nhờ vậy mà họ thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, được gặp Phật, được nghe pháp, được tu tập theo 3 thừa pháp, dần dần được tâm thanh tịnh,... dẫn đến có thể được vào Vô Dư Niết Bàn.

Bồ tát vì muốn độ chúng sanh, mà hành tâm đại bi như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán thấy các Bồ tát ở trên cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Đao Lợi, cõi trời Dạ Ma, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại, vì hàng chư Thiên thuyết pháp. Chư Thiên ở các cõi trời này nghe Bồ tát thuyết pháp dần dần vào được 3 thừa đạo... dẫn đến được diệt độ.

Này Tu Bồ Đề! Trong hàng chư Thiên, nếu có vị nào còn tham đắm 5 dục, thì Bồ tát liền nổi lửa thiêu cháy cung điện của họ, rồi vì họ thuyết rằng, “Này chư Thiên tử! Hết thấy pháp hữu vi đều là vô thường. Chẳng có nơi nào được an ổn cả.

“Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong

hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy có các vị Phạm Thiên chấp tà kiến, được các Bồ tát giáo hóa, khiến họ xa lìa tà kiến. Bồ tát dạy rằng, “Vì sao ở nơi các pháp hư vọng, chẳng có tự tướng, mà các ngài lại khởi sanh tà kiến?”

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong đại từ, vì chúng sanh thuyết pháp. Thật là hy hữu, khó có ai bì kịp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, các Bồ tát dùng 4 nhiếp pháp để nhiếp độ chúng sanh. Đó là: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

\* Thế nào là dùng bố thí để nhiếp độ chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng tài thí và pháp thí để nhiếp độ chúng sanh.

a. Tài thí: Bồ tát đem các tài vật để bố thí cho chúng sanh và nói với chúng sanh rằng “Các người cần vật dụng gì, ta sẽ cung ứng cho đầy đủ; chớ có nghi ngại”.

b. Pháp thí: Bồ tát tài vật xong, Bồ tát lại dạy cho chúng sanh quy y Tam bảo; dạy họ thọ 5 giới, thọ 8 trai giới; dạy họ tu 4 thiên, tu 4 vô sắc định, tu 4 vô lượng tâm; dạy họ tu 6 niệm, gồm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên; dạy họ tu quán bất tịnh, tu quán hơi thở ra vào; dạy họ tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu 8 thánh đạo; dạy họ tu 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”; dạy họ tu 8 bối xả, tu 9 thứ đệ định; dạy họ tu 10 Phật lực, tu 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí; dạy họ tu đại từ, đại bi; dạy họ tu 32 tướng tốt, tu 80 vẻ đẹp. Bồ tát cũng dạy họ tu 4 quả Thanh Văn, tu đạo Bích Chi Phật... dẫn đến dạy họ tu Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-

mật, dùng các phương tiện tài thí để nhiếp độ chúng sanh. Bồ thí tài vật cho họ xong rồi Bồ tát lại dạy cho họ tu tập, khiến họ được an ổn nơi pháp Niết Bàn vô thượng. Thật là hy hữu, khó có ai bì kịp.

**\* Thế nào là dùng pháp thí để nhiếp độ chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng “pháp thí thế gian” và “pháp thí xuất thế gian” để nhiếp độ chúng sanh.

a. Pháp thí thế gian: Trước đây đã nói rõ về “pháp thí thế gian như dạy cho chúng sanh quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, tu 4 thiền, tu 4 vô lượng tâm, tu 4 vô sắc định v.v...

Vì dạy các pháp tu nêu trên đây hợp với chỗ sở hành của phàm phu, nên gọi là “pháp thí thế gian”.

b. Pháp thí xuất thế gian: Bồ tát hành “pháp thí thế gian” như vậy rồi, lại dùng các nhân duyên phương tiện giáo hóa họ, khiến họ xa rời thế gian.

Khi chúng sanh đã xa rời pháp thế gian, Bồ tát lại dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, đưa họ vào nơi “vô lậu thánh pháp”, dẫn đến “vô lậu thánh quả”.

**\* Thế nào là “vô lậu thánh pháp” và “vô lậu thánh quả”?**

Này Tu Bồ Đề! “Vô lậu thánh pháp” và “vô lậu thánh quả” là những pháp tu và những quả vị vô lậu, xuất thế gian.

a. Vô lậu thánh pháp: Vô lậu thánh pháp là 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, cùng tất cả trí huệ thế gian và xuất thế gian... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

b. Vô lậu thánh quả: Vô lậu thánh quả là Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán; quả Bích Chi Phật... dẫn

đến quá vị Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Các đại Bồ tát có được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhất thiết chủng trí của Bồ tát và Nhất thiết chủng trí của Phật có gì khác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát được Nhất thiết chủng trí, thì được gọi là Phật.

Vì sao? Vì tâm Bồ tát cùng tâm Phật chẳng có sai khác.

Bồ tát an trú nơi Nhất thiết chủng trí, như thật biết hết thấy các pháp; chẳng có pháp nào mà chẳng thấu suốt.

Bồ tát do nơi thế gian pháp thí, mà được xuất thế gian pháp thí. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát giáo hóa chúng sanh khiến họ được pháp thế gian, rồi dùng lực phương tiện dạy họ được pháp xuất thế gian.

\* Thế nào là pháp xuất thế gian?

Này Tu Bồ Đề! Pháp xuất thế gian là pháp chẳng đồng với pháp của phàm phu.

Nên biết rằng 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 500 đà la ni... đều được gọi là pháp xuất thế gian.

\* Thế nào là 4 niệm xứ?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán nội thân theo thân, quán

ngoại thân theo thân, quán nội ngoại thân theo thân. Bồ tát siêng năng, tinh tấn dùng nhất tâm trí huệ mà quán nhân duyên thân tập, quán thân diệt, quán hành sanh diệt của thân. Hành đạo như vậy là chẳng có chỗ sở y nơi thế gian, chẳng có chỗ sở thọ nơi các pháp. Như vậy là “thân niệm xứ”.

Đối với “thọ, tâm và pháp niệm xứ” cũng là như vậy.

\* Thế nào là 4 chánh cần?

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

-Điều ác đã sanh, phải trừ dứt.

-Điều ác chưa sanh, phải ngăn đừng cho sanh.

-Điều lành chưa sanh, phải khiến cho sanh.

-Điều lành đã sanh, phải khiến cho tăng trưởng.

\* Thế nào là 4 như ý túc?

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

-Dục tam muội, quyết hành thành tựu.

-Niệm tam muội, quyết hành thành tựu.

-Tinh tấn tam muội, quyết hành thành tựu.

-Tư duy tam muội, quyết hành thành tựu.

\* Thế nào là 5 căn?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, và huệ căn.

\* Thế nào là 5 lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, và huệ lực.

**\* Thế nào là 7 giác chi?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Niệm giác chi, trạch giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi (còn gọi là trừ giác chi), định giác chi và xả giác chi.

**\* Thế nào là 8 thánh đạo?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

**\* Thế nào là 3 giải thoát môn?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Không tam muội, vô tướng tam muội và vô tác tam muội.

- “Không tam muội”: Hành không, hành vô ngã để nhiếp tâm gọi là hành “không tam muội”.

- “Vô tướng tam muội”: Hành tịch diệt, hành ly để nhiếp tâm gọi là hành “vô tướng tam muội”.

- “Vô tác tam muội”: Hành vô thường, hành khổ để nhiếp tâm gọi là hành “vô tác tam muội”.

**\* Thế nào là 8 bối xả?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là 8 pháp quán nhằm xả bỏ các cảnh giới thiền định thế gian, và thành tựu thiền định xuất thế gian.

- Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc, nhằm xả bỏ cảnh giới sơ thiền là bối xả thứ nhất.

- Trong chẳng có sắc tướng, ngoài quán sắc, nhằm xả bỏ cảnh giới nhị thiền là bối xả thứ hai.

- Quán thanh tịnh sắc, thân tác chứng, nhằm xả bỏ cảnh giới tam thiền và tứ thiền là bối xả thứ ba.



- Vượt qua hết thủy sắc tướng, diệt hết thủy tướng có đôi ngại, chẳng niệm hết thủy tướng dị biệt khác mà quán hư không vô biên xứ, nhập hư không vô biên xứ định, nhằm xả bỏ cảnh giới này là bối xả thứ tư.

- ... Dẫn đến vượt qua phi hữu tướng phi vô xứ định, nhập vào diệt thọ tướng định, rồi xả bỏ cảnh giới này là bối xả thứ tám.

\* Thế nào là 9 thứ đệ định?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: 4 thiền (sơ thiền... dẫn đến tứ thiền); 4 không (không vô biên xứ định... dẫn đến phi hữu tướng phi vô tướng xứ định), và diệt thọ tướng định.

Hành giả ly dục, ly các ác bất thiện pháp, ly sanh hỷ lạc vào sơ thiền; lần lượt vào nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định, phi hữu tướng phi vô tướng xứ định; rồi vượt qua phi hữu tướng phi vô tướng xứ định mà vào diệt thọ tướng định.

\* Thế nào là 10 Phật lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là 10 trí lực của Phật, gồm có:

- Thị xứ phi thị xứ trí lực. Do lực này mà biết rõ các sự lý đúng chỗ hay là chẳng đúng chỗ.

- Nghiệp báo trí lực. Do lực này mà biết rõ các nhân duyên nghiệp báo của từng chúng sanh ở cả ba đời.

- Thiên giải thoát tam muội trí lực. Do lực này mà biết rõ từng chúng sanh đã vào thiền định tam muội nào; trong khi tham thiền tư duy cấu hay tịnh v.v...

- Thượng hạ căn trí lực. Do lực này mà biết rõ căn cơ của từng chúng sanh lợi độn như thế nào.

- **Chủng chủng dục trí lực.** Do lực này mà biết rõ chúng sanh ham muốn gì, thiện dục hay ác dục.

- **Chủng chủng tánh trí lực.** Do lực này mà biết rõ tánh đức của từng chúng sanh; biết rõ họ sẽ hướng tâm về cảnh giới nào.

- **Đạo trí lực.** Do lực này mà biết rõ tầm mức hiểu đạo và hành đạo của từng chúng sanh.

- **Túc mạng trí lực.** Do lực này mà biết rõ đời trước của các chúng sanh, từ 1 đời... dẫn đến nhiều đời.

- **Sanh tử trí lực.** Do lực này mà biết rõ các chúng sanh đã thành tựu nghiệp thiện, nghiệp ác như thế nào, và sau khi mạng chung sẽ về đâu trên đường sanh tử.

- **Lậu tận trí lực.** Do lực này mà biết rõ chúng sanh nào đã được lậu tận, đã được tâm vô lậu giải thoát, đã được trí vô lậu giải thoát.

\* Thế nào là 4 vô sở úy?

Này Tu Bồ Đề! Đó là 4 đức chẳng có sợ hãi của Phật, gồm:

- **Nhất thiết trí vô sở úy:**

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta là đấng nhất thiết chánh trí. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói ta chẳng biết pháp ấy, dẫn đến chẳng thấy, chẳng nói ra được, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

- **Lậu tận vô sở úy:**

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta là đấng lậu tận. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói ta chẳng biết pháp ấy, dẫn đến chẳng thấy, chẳng nói ra được, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng Sa Môn, Bà-la-môn, Phạm Thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

- Thuyết chương đạo vô sở úy:

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta đã được như thật pháp, khiến các chương pháp chẳng có thể làm chương ngại đạo của ta. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói các chương pháp mà ta chỉ ra chẳng chương ngại đạo, dẫn đến ta chẳng thấy, chẳng nói ra được, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

- Thuyết thánh đạo vô sở úy:

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta có thánh đạo vượt ra khỏi thế gian. Chúng sanh nào hành theo đạo của ta sẽ thoát được các khổ. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói hành đạo của ta chẳng thể vượt ra khỏi thế gian, chẳng thoát được các khổ, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

\* Thế nào là 4 vô ngại trí?

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

- Nghĩa vô ngại trí. Do có trí huệ này mà biết rõ nghĩa lý của các pháp chẳng có gì ngăn ngại.

- Từ vô ngại trí. Do có trí huệ này mà biết rõ các danh tự, ngữ ngôn chẳng có gì ngăn ngại.

- Pháp vô ngại trí. Do có trí huệ này mà biết rõ hết thấy các pháp chẳng có gì ngăn ngại.

- Lạc thuyết vô ngại trí. Do có trí huệ này mà vui vẻ thuyết pháp, chẳng hề thối chuyển, chẳng có gì ngăn ngại.

\* Thế nào là 18 bất cộng pháp?

Này Tu Bồ Đề! Đây là 18 công đức mà chỉ riêng Phật thừa mới có. 18 bất cộng pháp gồm có:

- Thân chẳng có lỗi.
- Miệng chẳng có lỗi.
- Niệm chẳng có lỗi.
- Chẳng có khác tướng.
- Tâm thường ở trong định.
- Xả bỏ tất cả,
- Tâm lợi sanh chẳng có thối chuyển.
- Tinh tấn chẳng có thối chuyển.
- Niệm chẳng có thối chuyển.
- Huệ chẳng có thối chuyển.
- Giải thoát chẳng có thối chuyển.
- Giải thoát tri kiến chẳng có thối chuyển.
- Thân nghiệp tùy theo huệ hành.
- Khẩu nghiệp tùy theo huệ hành.

- Ý nghiệp tùy theo huệ hành.
- Trí huệ biết quá khứ vô ngại.
- Trí huệ biết hiện tại vô ngại.
- Trí huệ biết vị lai vô ngại.
- \* Thế nào là 32 tướng tốt?

Này Tu Bồ Đề! 32 tướng tốt, nêu sau đây, là 32 tướng của bậc đại nhân. Người có 32 tướng tốt, nếu ở tại gia sẽ thành Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia sẽ thành Phật. Đó là:

- Tướng bàn chân bằng phẳng.
- Tướng dưới bàn chân có hai vành xa luân.
- Tướng ngón tay dài, thon và thẳng.
- Tướng ngón chân rộng và bằng.
- Tướng ngón tay, ngón chân khi xòe ra có màng da mỏng dính liền, như chân chim nhạn.
- Tướng bàn chân cao và dày.
- Tướng tay và chân mềm mại.
- Tướng tay dài. Khi đứng thẳng, tay dài đến đầu gối.
- Tướng bắp tay và bắp chân thon như đùi nai chúa.
- Tướng âm tàng (nam căn) điều hòa.
- Tướng thân cao và rộng.
- Tướng lông xoáy lên phía trên và mịn.
- Tướng ở mối lỗ chân lông có một sợi lông xoáy vòng qua phải và xoáy lên phía trên.

- Tướng thân sắc vàng. Sắc vàng của thân chẳng có loại vàng nào sánh kịp.

- Tướng ở các phía thân đều có hào quang 1 trượng. Thân Phật ở giữa vòng hào quang, trang nghiêm, rực rỡ vào bậc nhất.

- Tướng làn da mỏng và mịn.

- Tướng có 7 phần trong thân thể bằng phẳng và đầy đặn (2 vai, gáy, 2 bàn tay, 2 bàn chân).

- Tướng dưới 2 nách no đầy, chẳng có cao, chẳng có sâu.

- Tướng thân to lớn và thẳng.

- Tướng vai tròn và đẹp.

- Tướng có 40 cái răng.

- Tướng răng đều đặn và sít sao.

- Tướng răng trắng như tuyết.

- Tướng 2 má vuông bầu như 2 má của sư tử.

- Tướng được hưởng thượng vị. Các thức ăn vào miệng đều có thượng vị thơm ngon.

- Tướng lưỡi dài và rộng.

- Tướng Phạn âm. Tiếng nói phát ra trong trẻo, vang dội đi rất xa, nghe chẳng bao giờ nhảm chán.

- Tướng mắt xanh biếc như đóa sen xanh.

- Tướng lông mi dài và đẹp, chẳng có tạp loạn.

- Tướng có “nhục kế” ở đỉnh đầu.

- Tướng có lông trắng nằm giữa 2 chân mày.

- Tướng mình trên như mình sư tử.

Thân Phật thành tựu đủ 32 tướng tốt, phóng quang minh chiếu khắp cõi đại thiên thế giới. Có lúc Phật phóng quang minh đến vô lượng thế giới ở khắp 10 phương. Thế nhưng, tùy thuận chúng sanh, nên Phật thường chỉ thọ thân quang minh tỏa xa 1 trượng. Âm thanh của Phật vang khắp cõi đại thiên thế giới. Có lúc âm thanh của Phật vang đến tận vô lượng thế giới ở khắp 10 phương. Thế nhưng, tùy nghiệp cảm của chúng sanh, tùy số lượng chúng sanh nhiều hay ít, mà Phật phát âm thanh đến với họ cho họ vừa đủ nghe.

**LUẬN:**

*Hỏi: Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã có lần hỏi Phật, “Nếu các pháp đều là tự tánh không, thì làm sao có thể phân biệt được thiện ác?”. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi nữa? Nghĩa lý có gì khác chăng?*

**Đáp:** Vì từ vô thi đến nay, chúng sanh tâm chấp sâu dày, khó tin, khó hiểu, nên ngài Tu Bồ Đề phải thưa hỏi Phật nhiều lần về một vấn đề.

Lại nữa, khi muốn nói về Bát nhã Ba-la-mật, thì cốt yếu phải đề cập đến nghĩa “không”, nên ngài Tu Bồ Đề phải thưa hỏi Phật nhiều lần.

Khi Phật còn tại thế, thì số chúng sanh lợi căn, thượng trí rất nhiều, nên rất dễ được ngộ. Thế nhưng 500 năm sau khi Phật diệt độ, thì chúng sanh thường ái chấp Phật pháp; họ vào trong các pháp mà lại chấp các pháp đều là không, là như mộng, như huyễn, nên khởi tâm nghi. Họ nghi rằng ở nơi các pháp không, như mộng, như huyễn, thì chẳng sao có thể phân biệt được thiện ác.

Ngài Tu Bồ Đề thương xót chúng sanh ở đời vị lai, phần

đồng chẳng có căn trí thông lợi, nên khó tin, khó hiểu pháp “không”, nên ngài phải hỏi lại Phật, “Nếu các pháp đều là tự tánh không, thì làm sao có thể phân biệt được thiện ác?”.

Ở đây Phật nêu lên các nhân duyên cho thấy rằng do tâm điên đảo mà khởi sanh các chấp điên đảo. Phạm phu khi nằm mộng liền chấp cảnh mộng, chấp các sự việc thấy trong mộng. Lại nữa, người chẳng tin tội phước, thì khởi sanh 3 bất thiện nghiệp; người tin tội phước, thì khởi sanh 3 thiện nghiệp. Thiện, bất thiện cũng như bất động đều dẫn sanh các quả báo thế gian: Thiện dẫn đến các quả báo thiện; bất thiện dẫn đến các quả báo ưu bi, khổ não; còn bất động nghiệp thì dẫn sanh lên các cõi Sắc và Vô sắc.

Bồ tát biết rõ cả 3 nghiệp đều là hư dối, chẳng thật có, nên thường an trú trong 2 pháp không, là tất cánh không và vô thi không, để vì chúng sanh thuyết pháp. Bồ tát dùng tất cánh không để phá các chấp về pháp tướng; lại dùng vô thi không, để phá các chấp về chúng sanh tướng.

Bồ tát an trú trong đạo, vì chúng sanh thuyết pháp, nói với chúng sanh rằng, “5 âm, 12 nhập, 18 giới... đều là không, là như mộng, như huyễn, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa”; lại nói với chúng sanh rằng, “Ở trong mộng chẳng có mộng, chẳng có người thấy mộng... dẫn đến ở trong hóa chẳng có hóa, chẳng có người thấy hóa”; lại nói với chúng sanh rằng, “Các người ở trong pháp không, mà tâm các người điên đảo, nên mới khởi sanh các chấp điên đảo”. Trong kinh nói rằng Bồ tát dùng các lực phương tiện dẫn dắt chúng sanh thoát ra khỏi lưới tà chấp điên đảo.

Bồ tát dạy chúng sanh tu bố thí nhằm phá chấp xan tham điên đảo, rồi lại dạy họ tu trì giới. Thế nhưng chúng sanh lại chấp quả báo bố thí và trì giới, mà chẳng biết rằng quả báo ấy



là vô thường là chẳng thật có... Do vậy, Bồ tát nói với chúng sanh rằng, “Chư Thiên do quả báo bố thí và trì giới mà được hưởng phước lạc ở cõi trời. Nhưng khi đã hưởng hết phước đức rồi, thì cũng sẽ bị đọa lạc, sẽ phải thọ khổ đau”.

Bồ tát lại dạy chúng sanh tu ly dục, hành thiền định, và nói với họ rằng, “Quả báo thiền định cũng là hư dối, chẳng thật có, thường dẫn hành giả vào trong điên đảo”.

Vậy nên các quả báo bố thí, trì giới, thiền định đều là vô thường, là chẳng thật có; chấp các quả báo đó là tội lỗi vậy.

Bồ tát lại dạy chúng sanh trú trong pháp Niết Bàn tịch tịnh; dùng lực phương tiện của pháp Niết Bàn mà tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu 18 bất cộng pháp.

Như vậy, trước hết Bồ tát tán thán công đức bố thí và trì giới, dạy chúng sanh tu bố thí, trì giới để xa lìa tội lỗi, nhưng liền nói tu bố thí và trì giới cũng chưa thoát khỏi vô thường, khổ đau. Rồi Bồ tát lại dạy chúng sanh tu thiền định, nhưng liền nói quả báo thiền định cũng hư dối, chẳng thật có. Sau cùng, Bồ tát tán thán thật tướng pháp, dạy cho chúng sanh tu pháp không, dẫn họ vào Vô Dư Niết Bàn.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ, tán thán Bồ tát rằng, “Hy hữu thay Bồ tát biết rõ thật tướng pháp là rốt ráo không, mà vẫn vì chúng sanh thuyết pháp, khiến họ vào Vô Dư Niết Bàn.

Phật dạy: Chư đại Bồ tát rất là hy hữu. Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao có thể bì kịp.

**Hỏi:** *Phật là phước điền vô thượng. Như vậy vì sao nói bố thí chúng sanh và cúng dường chư Phật bình đẳng, chẳng có phân biệt?*

**Đáp:** Bồ tát dùng lực Bát nhã Ba-la-mật mà hành Bồ

tát đạo, nên ở nơi hết thầy pháp vẫn thường giữ tâm rất ráo không, vô phân biệt.

Ví như thân chúng sanh do 5 ấm, 12 nhập, 18 giới hòa hợp sanh. Thân Phật cũng là như vậy. Do các thiện pháp hòa hợp mà giả danh gọi là thân Phật. Kinh dạy, “Người trải rộng tâm từ bi thương xót hết thầy chúng sanh được phước đức vô lượng, thì người ở nơi Phật mà khởi tâm chấp cũng phải thọ vô lượng tội”.

Bồ tát biết rõ hết thầy pháp đều rất ráo không, nên chẳng khinh chúng sanh, chẳng chấp tâm kính Phật. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp, các pháp đều là vô tướng, mà ở nơi vô tướng thì chẳng có phân biệt Phật và chúng sanh. Nếu có phân biệt là còn chấp tướng, nên phải thường quán bình đẳng vậy.

**Hỏi:** *Thân Bồ tát chẳng phải là gỗ, là đá. Như vậy, Bồ tát làm sao có thể chẳng sanh sân tâm khi bị kẻ khác đến đâm chém mình?*

**Đáp:** Có thuyết nói Bồ tát tu nhẫn nhục Ba-la-mật, nên chẳng còn sanh phiền não. Ví như vị tiên nhân Săn Đề, tiền thân của đức Phật Thích Ca Mưu Ni, tu hạnh nhẫn nhục Ba-la-mật, bị vua Ca Ly cắt đứt chân tay mà chẳng sanh lòng hờn giận. Đây là do Bồ tát từ bi muốn độ chúng sanh, lại do đã thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật, nên mới được tâm bất động, được quả báo như hư không, chẳng cảm thấy có đau đớn vậy. Như vậy gọi là Bồ tát đã vào được nơi “vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật”.

Có thuyết nói Bồ tát an trú nơi pháp thân, chẳng nghĩ đến sắc thân nên chẳng thấy có đau đớn. Bồ tát được tâm vô lậu thanh tịnh, nên mới được quả báo thanh tịnh, thánh thiện như vậy.

Bởi vậy nên biết “xả thân Bồ thí” là pháp rất hy hữu. Trong kinh có nói đến trường hợp Bồ tát xả thân, vào tận chốn địa ngục để cứu độ chúng sanh, thật là rất hy hữu vậy.

**Hỏi:** *Như vậy vì sao vẫn còn địa ngục?*

**Đáp:** Có vô lượng chúng sanh thì cũng có vô lượng cõi địa ngục.

**Hỏi:** *Chúng sanh ăn thịt Bồ tát có mang tội chăng?*

**Đáp:** Đây là bốn nguyện của Bồ tát. Bồ tát tự phân cắt thân thể mình để Bồ thí cho các loài súc sanh. Súc sanh nào ăn được thân của Bồ tát sẽ kính mến Bồ tát, khởi từ tâm, dẫn đến sẽ được độ. Do vậy mà chẳng bị tội.

Như kinh Duy Ma Cật nói, “Ăn hương phạn(\*\*) vào người, thì 7 ngày sau sẽ được giải thoát”. Như vậy, người ăn thịt chúng sanh mà phát từ tâm cũng có thể được độ vậy.

Lại như kinh *Pháp Hoa* nói, “Bồ tát Dược Vương(\*\*\*) đem

\*\* “Hương phạn” là cơm có mùi hương thơm. Trong kinh Duy Ma Cật (Phẩm XI- Bồ tát hạnh) có nói rằng: Ngài Duy Ma Cật hiện thân thông đi xin cơm ở cõi Hương Tích đem về cúng dường đại chúng. Người nào ăn cơm này vào liền có mùi hương thơm toát ra từ các lỗ chân lông, và 7 ngày sau mới tiêu hết. Nếu tu pháp Thanh Văn mà chưa vào chánh vị thì vào chánh vị rồi mới tiêu; vào chánh vị rồi thì được tâm giải thoát mới tiêu; được tâm giải thoát mà chưa phát ý Đại thừa, thì phát ý Đại thừa mới tiêu; phát ý Đại thừa mà chưa được vô sanh pháp nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn mới tiêu; được vô sanh pháp nhẫn rồi, thì được nhất sanh bồ xứ mới tiêu.

\*\*\* Trong kinh *Pháp Hoa* (Phẩm XXIII- Dược Vương Bồ tát Bản Sự) có nói rằng: Vào thời Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức có vị Bồ tát tên là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, tiền thân của Bồ tát Dược Vương, trải qua nhiều kiếp tu khổ hạnh, dùng thân thông đi khắp các cõi Phật, và sau cùng trú trong Hiện Tiền Nhất Thiết Sắc Thân tam muội. Ngài vui mừng nghĩ rằng “Do được nghe kinh Pháp Hoa mà ngài vào được tam

trần bảo cúng dường Phật mà chưa được vừa lòng, nên đã đem thân cúng dường xá lợi Phật”. Đây là việc rất hy hữu. Vì sao? Vì chúng sanh thường rất quý thân mạng, hơn tất cả các vật sở hữu khác. Bởi vậy nên cúng dường thân mạng là việc hy hữu, khó có ai có thể làm được.

**Hỏi:** *Vì sao trong 5 đạo chúng sanh, chỉ nói lược về 4 đạo, mà lại rộng nói về nhân đạo?*

**Đáp:** Chúng sanh ở trong 3 ác đạo chịu quá nhiều đau khổ, nên ít có khởi tâm nghi. Do vậy, khi Bồ tát Đại Thông đến tận các nơi đó để độ họ, thì họ liền tin mà được độ vậy.

Còn chư Thiên do có thiên nhãn nên tự thấy quả báo tội phước. Chỉ có loài người, do chẳng thấy quả báo tội phước, mà thường bị các tà kiến chấp ngoại đạo ngăn che tâm trí, nên thường sanh phiền não.

Kinh nói rằng có 2 hạng chúng sanh khó được độ. Đó là:

- Hạng bị tà kiến thường phạm các trọng tội.
- Hạng chỉ có nhục nhãn, nên chẳng thấy được quả báo tội phước của mình gây ra.
- Loài người thường bị rơi vào trong 2 trường hợp này, nên ở nơi đoạn kinh nêu trên đây nói nhiều về nhân đạo vậy.

---

muội này”. Nghĩ như vậy rồi, ngài dùng thân thông hiện đủ thứ hương thơm, dầu thơm cúng dường Phật và kinh. Ngài thoa bột và dầu thơm khắp cả mình, uống các chất dầu thơm, rồi dùng nguyện lực châm lửa tự đốt thân mình. Sau khi mạng chung, ngài lại tái sanh vào cõi nước của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Sau khi Phật diệt độ, ngài xây tháp báu cúng dường xá lợi Phật. Xong ngài tự đốt 2 cánh tay để cúng dường tháp thờ xá lợi của Phật.

Đây là trường hợp Bồ tát xả bỏ sắc thân ô uế, cầu pháp thanh tịnh; xả bỏ chấp ngã, dùng thân vô tướng để cúng dường Phật vậy.

**Hỏi:** *Vì sao trong 4 nhiếp pháp lại nói nhiều về bố thí?*

**Đáp:** Trong 4 nhiếp pháp gồm bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự, thì bố thí là pháp dẫn đầu.

Vì sao? Vì nơi bố thí có nhiếp đủ cả 3 pháp kia rồi. Nếu đem tài vật bố thí cho chúng sanh, rồi lại thuyết pháp cho họ nghe, dẫn họ vào đạo, thì sẽ sanh được lòng tin nơi đạo pháp. Bởi vậy nên trong kinh nói nhiều về hạnh bố thí.

**Hỏi:** *Vì sao chỉ nói lược về tài thí, mà lại nói rộng về pháp thí hơn?*

**Đáp:** Tài thí chỉ có quả báo hạn lượng; pháp thí có vô lượng quả báo:

- Tài thí dẫn sanh quả báo ở cõi Dục; còn quả báo của pháp thí thì thông cả 3 cõi.

- Tài thí thường chỉ giúp hành giả được phước lạc ở cõi người và cõi trời; còn pháp thí giúp hành giả đạt được Niết Bàn lạc. Vì tài thí chỉ tạo quả báo giàu sang, phú quý; còn pháp thí mới dẫn vào Phật đạo, vào Niết Bàn vậy.

**Hỏi:** *Bồ tát có được Nhất thiết chủng trí chăng?*

**Đáp:** Khi nêu câu hỏi này, ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Bồ tát đã được Nhất thiết chủng trí rồi thì chẳng còn là Bồ tát nữa, mà đã trở thành Phật rồi vậy”.

Phật dạy: Người hành Bồ tát đạo, khi chưa được Nhất thiết chủng trí thì còn gọi là Bồ tát, khi đã được Nhất thiết chủng trí rồi thì được gọi là Phật.

Thế nhưng, khi đã được Nhất thiết chủng trí rồi, đã vào trong đệ nhất nghĩa rồi, thì hết thấy pháp đều không, chẳng còn thấy Phật, huống nữa là Bồ tát.

Kinh dạy, “Tâm Phật và tâm Bồ tát chẳng có sai khác”. Vì sao? Vì 2 tâm thứ lớp nối nhau, chẳng có hề đứt đoạn, nên nói 2 tâm chẳng khác nhau, chẳng phân biệt vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói pháp xuất thế gian là pháp chẳng đồng với pháp của phàm phu?*

**Đáp:** Vì như Chuyển luân thánh vương cũng có đầy đủ 32 tướng tốt như Phật. Thế nhưng, Chuyển luân thánh vương do phước báo mà được 32 tướng tốt. Còn Phật do đã đầy đủ quả báo vô lậu mà thành tựu 32 tướng tốt. Chuyển luân thánh vương cũng có đầy đủ 32 tướng tốt nhưng chẳng được tự tại, vì phước báo có hạn lượng. Còn Phật có đầy đủ 32 tướng tốt, được tự tại, vô ngại ở nơi hết thảy pháp.

Chuyển luân thánh vương có đầy đủ 32 tướng tốt, nhưng chẳng có đầy đủ 80 vẻ đẹp. Chỉ Phật mới có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Bởi vậy nên nói pháp xuất thế gian chẳng đồng với phàm phu.

**Hỏi:** *Từ trước đã có nhiều lần nói các pháp, từ 5 âm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, mà chẳng có nói đến 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nay gần cuối kinh Bát nhã Ba-la-mật, vì sao lại nói nhiều về 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp?*

**Đáp:** Phật có 2 thân là “sinh thân” và “pháp thân”.

Trước đây rộng nói về pháp thân, vì pháp thân có lợi ích lớn.

Nay kinh Bát nhã Ba-la-mật đã đến đoạn cuối, nên phải nói về nghĩa của sinh thân. Nói về sinh thân của Phật, thì phải nói về 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, là quả báo của thánh pháp vô lậu.

Lại nữa, trước nói về thậm thâm nghĩa của Phật pháp, nên nói về pháp thân của Phật. Nay vào cuối kinh, chỉ lược nói

về thậm thâm nghĩa của Phật pháp, mà rộng nói về các tướng trang nghiêm của Phật, nên nói nhiều về sanh thân của Phật đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

**Hỏi:** 10 Phật lực là tổng tướng, Nhất thiết chủng trí là biệt tướng. Nay vì sao chỉ nói về 10 Phật lực?

**Đáp:** Thật ra Phật có vô lượng trí lực, mà chúng sanh chẳng có thể hiểu hết được. Dùng 10 Phật lực cũng đủ để độ chúng sanh rồi.

Dùng “thị xứ phi thị xứ trí lực”, Bồ tát biết rõ các sự lý nào là đúng chỗ, các sự lý nào là chẳng đúng chỗ. Ví như biết lý nhân quả là thị xứ (đúng chỗ); ly 5 cái, tu 7 giác chi mà được đạo là thị xứ (đúng chỗ) v.v...

Ví như vị thầy thuốc hay chẩn bệnh rồi mới cho thuốc; nếu thấy bệnh nhân nào còn có hy vọng cứu sống mới chữa trị. Cũng như vậy, Bồ tát biết rõ những chúng sanh nào có thể độ được, những chúng sanh nào chẳng thể độ được. Bồ tát dùng các phương tiện độ sanh dựa vào 2 lực. Đó là: Nghiệp lực và định lực.

Bồ tát biết rõ chúng sanh do nghiệp lực dẫn dắt, mà phải thọ sắc thân ở thế gian, nên dạy cho họ tu thiên định. Nương theo lực thiên định mà được giải thoát.

Vì sao? Vì tịnh nghiệp thường có công năng đoạn các ác nghiệp.

Nếu đã có tạo ác nghiệp rồi, thì phải hành thiên định, lấy tịnh nghiệp thiên định giải thoát để tiêu trừ các ác nghiệp.

**Hỏi:** Vì sao chẳng dạy hết thầy chúng sanh tu tịnh nghiệp?

**Đáp:** Vì căn tánh chúng sanh có lợi, có độn sai khác nhau.

Những chúng sanh độn căn dễ bị các ác nghiệp dẫn dắt vào 3 đường ác. Những chúng sanh lợi căn thường thích tu 10 thiện đạo cùng các pháp trợ đạo khác; nhờ vậy mà thường tạo nên các thiện nghiệp, được phước lạc ở cõi trời, cõi người... dẫn đến được giải thoát.

**Hỏi:** *Vì sao hết thầy chúng sanh chẳng làm điều thiện?*

**Đáp:** Phật dạy chúng sanh có thiện tánh hoặc có ác tánh sai khác nhau.

Ví như đã có sẵn mụn nhọt rồi, thì khi chạm vào đó mới có máu chảy ra. Cũng như vậy, do có tánh nóng nảy, nên mới khởi sanh ác dục (sự muốn làm điều ác).

Nên biết “tánh” và “dục” khác nhau: Tánh tiềm ẩn bên trong; dục phát hiện ra bên ngoài. Tánh thì nặng; dục thì nhẹ. Tánh thì khó trừ, dục thì dễ xả.

Ví tánh là sâu, dục là cạn, nên nếu dùng tánh mà làm các sự việc ắt phải thọ nghiệp báo; còn nếu dùng dục mà làm các sự việc thì chưa hẳn phải thọ nghiệp báo.

Lại có thuyết nói, “Dục cứ lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ trở thành tập quán. Tập quán đó càng lâu càng tăng trưởng để trở thành tánh. Ngược lại, tánh cũng thường sanh dục”.

Chúng sanh trú trong tánh để làm thiện, làm ác. Nếu trú trong tánh thiện, thì có thể độ được. Nếu trú trong tánh ác, thì chẳng có thể độ được.

Phật biết rõ chúng sanh nào có thiện tánh, được sanh vào các thiện đạo... dẫn đến được vào Niết Bàn đạo; chúng sanh nào có ác tánh bị đọa vào các ác đạo.

**Hỏi:** *“Đạo trí lực” và “thiên nhân lực” sai khác nhau như thế nào?*



**Đáp:** Người có thiên nhãn chỉ thấy được chúng sanh trong các đường sanh tử, chỉ thấy được các quả báo tội phước ở hiện tiền. Người có đạo trí lực thấy xa rộng hơn nhiều; thấy rõ được mức hiểu đạo và hành đạo của từng chúng sanh. Do vậy mà biết rõ những chúng sanh có thể được độ, những chúng sanh chưa có thể được độ.

**Hỏi:** *Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng có Niết Bàn. Như vậy, vì sao nói chẳng có “đạo trí lực”?*

**Đáp:** Phải có đầy đủ 3 lực, nêu sau đây, mới thông đạt và mới khắp biết tất cả các việc làm của chúng sanh ở cả trong 3 đời:

- Phải có “túc mạng trí lực” mới biết rõ đời trước của chúng sanh.

- Phải có “sanh tử trí lực” mới biết rõ được chúng sanh đã tạo các duyên nghiệp như thế nào, và ở đời vị lai sẽ đi về đâu trên đường sanh tử.

- Phải có “đạo trí lực” mới biết rõ chúng sanh nào có thể được độ, chúng sanh nào chưa có thể được độ. Lực này chỉ có Phật mới có; hàng Nhị thừa chẳng có thể có được.

Trong kinh có nêu mẩu chuyện như sau:

Ngài Xá Lợi Phất gặp một người đã đến thời kỳ chứng đạo, mà ngài chẳng hay biết, nói là chưa có đủ nhân duyên được đạo, nên ngài chẳng độ. Đến chiều, Phật dùng túc mạng thông quán thấy từ 80 vạn kiếp trước người ấy đã tạo nhân duyên để được đạo. Nay đã đến thời kỳ thành tựu. Bởi vậy nên, chiều hôm ấy nghe Phật thuyết một thời pháp, người ấy liền được quả A-la-hán.

Phật thường dùng 10 Phật lực để độ chúng sanh:

- Dùng lực thứ nhất, biết rõ chúng sanh nào có thể độ, chúng sanh nào chẳng có thể độ.

- Dùng lực thứ hai, biết rõ chúng sanh nào bị 3 chướng che tâm, chúng sanh nào chẳng bị 3 chướng che tâm.

- Dùng lực thứ ba, biết rõ khi vào thiên định giải thoát, chúng sanh nào tâm tịnh, chúng sanh nào tâm cấu.

- Dùng lực thứ tư, biết rõ căn cơ lợi độn của chúng sanh; đã thông đến tánh hay chẳng thông đến tánh.

- Dùng lực thứ năm, biết rõ chúng sanh ham muốn gì, có thiện dục, hay ác dục.

- Dùng lực thứ sáu, biết rõ chúng sanh do nhân duyên tâm dục thiện hay ác sai khác nhau, mà có tánh dục sai khác nhau.

- Dùng lực thứ bảy, biết rõ chúng sanh do căn tánh sai khác nhau, mà tầm hiểu và hành đạo có sai khác.

- Dùng lực thứ tám, biết rõ chúng sanh ở đời trước có nghiệp thiện, nghiệp ác như thế nào.

- Dùng lực thứ chín, biết rõ chúng sanh nào đời nay chưa thể độ được, đời sau mới có thể độ được.

- Dùng lực thứ mười, biết rõ chúng sanh nào đã dùng giải thoát môn không, hay giải thoát môn vô tướng, hay giải thoát môn vô tác để vào Niết Bàn; biết rõ chúng sanh nào đã có kiến đế đạo, tư duy đạo, và ở mỗi niệm đã đoạn được bao nhiêu kiết sử v.v...

Nhờ 10 lực đó mà Phật đã dùng các nhân duyên nói pháp thích hợp với từng đối tượng chúng sanh, khiến mỗi chúng sanh đều được lợi lạc.

**Hỏi:** Nếu trí huệ Phật vô lượng, thì các tướng ở thân Phật cũng vô lượng. Như vậy, vì sao Phật chỉ có 32 tướng tốt như các chuyển luân thánh vương?

**Đáp:** Con số 32 tướng tốt là chẳng phải nhiều, chẳng phải ít. Ở nơi thân của Phật và của các đại Bồ tát, các tướng tốt chẳng có số lượng nhất định. Tùy theo chúng sanh ưa thích tướng gì, thì các ngài hiện các tướng ấy, nhằm dẫn đạo chúng sanh. Ví như thấy chúng sanh quý lưu ly, pha lê hơn vàng, thì Phật chẳng hiện thân sắc vàng mà lại hiện thân lưu ly, pha lê.

Phật tùy thuận chúng sanh ưa thích tướng gì, thì hiện ra tướng ấy, chẳng có nhất định vậy. Ví như có nơi chúng sanh ưa thích đôi mắt đen trắng phân minh; có nơi chúng sanh lại thích đôi mắt xanh; có nơi chúng sanh thích đôi vai tròn là lớn, có nơi chúng sanh chẳng có thích như vậy.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Bồ tát Đạo Lợi ở nước Phát Tân có tướng các ngón tay xòe ra có màng da mỏng dính liền mà thân phụ của ngài cho là quái dị vì giống chân chim, nên đã cắt bỏ màng da đó đi.

Có thuyết nói, “32 tướng tốt của Phật do lực thần thông biến hóa ra. Chúng sanh thích tướng gì, thì Phật biến hóa ra tướng ấy”.

Có thuyết nói, 32 tướng tốt của Phật chẳng phải do thần thông biến hóa. Tùy theo từng cõi nước mà Phật hiện các tướng theo đúng sự ưa thích của chúng sanh ở cõi nước đó, nhằm độ họ vậy”.

Trong kinh *Mật Tích* nói rằng, “Phật hiện thân sắc vàng, hoặc hiện thân sắc bạc, hoặc hiện thân sắc của mặt trời, của mặt trăng, của các vị sao... ; hoặc hiện thân dài, ngắn, cao,

thấp... Tất cả đều nhằm mục đích dẫn đạo chúng sanh mà hiện ra các tướng sai khác nhau như vậy”.

Ví như ở nước Thiên Trúc, trong cõi Diêm phù đề, chúng sanh thích được thấy 32 tướng tốt như đã nêu ở đoạn kinh trên đây, thì Phật hiện ra 32 tướng tốt đó.

Thế gian thường nhắc đến 5 tướng: Mắt, mũi, lưỡi, vai và tay chân. Bởi vậy nên chúng sanh ở cõi nước này khởi tâm cung kính Phật khi họ thấy 5 tướng tốt này ở nơi thân Phật.

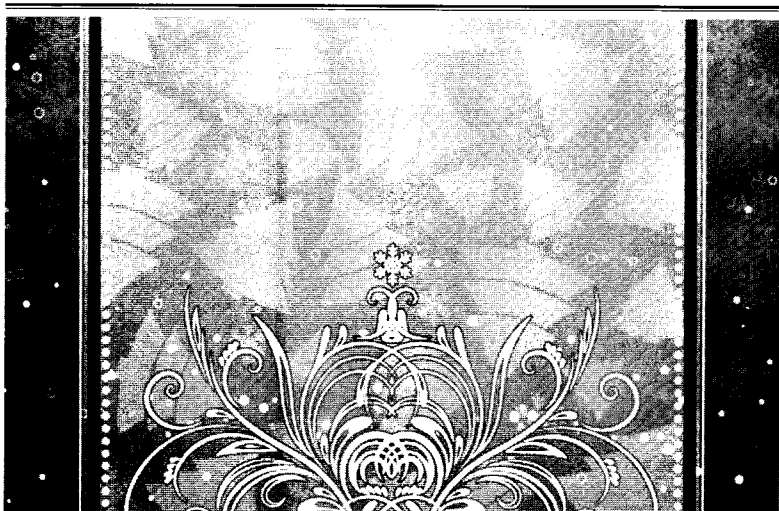
Có người thích thấy các tướng xa luân ở lòng bàn chân Phật, tướng tóc của Phật xoắn như ốc, tướng ngón tay dài, tướng lưỡi rộng dài và mỏng v.v... của Phật. Tất cả những tướng tốt đó đều khiến họ khởi tâm cung kính Phật. Ở nước Thiên Trúc, Phật chỉ hiện có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

Ở rất nhiều cõi nước khác, Phật phải hiện ra rất nhiều tướng, hoặc trăm, ngàn, vạn... dẫn đến vô lượng tướng tốt khác.

(Hết quyển 88)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 89**





## Phẩm Thứ Bảy Mười Tám (TIẾP THEO)



### Tứ Nhiếp Pháp (tiếp theo)

#### KINH:

\* Thế nào là 80 vẻ đẹp?

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

- Đỉnh đầu chẳng thấy được<sup>(\*)</sup>.
- Đôi môi cong, đẹp, tựa như vàng trắng non.
- Thân vững vàng như thân Na La Diên (lực sĩ cõi tiên).
- Khi xoay, thân tựa như thân voi chúa.
- Toàn thân tinh khiết
- Thân thẳng, chẳng cong.
- Chỉ ở bàn tay trang nghiêm.
- Mắt cá chẳng lộ ra.
- Khi đi, thân chẳng lay động.
- Tay chân đầy đủ.
- Mũi cao thẳng, lỗ mũi kín.

---

\*. Tướng này gọi là “vô kiến đánh tướng”, chẳng hiện ra ở nơi thân thể, nên phàm phu chẳng thể thấy được, chỉ có chư Thiên hoặc những người có huệ nhãn mới có thể thấy được.

Tướng này hiện ra như một vành bánh xe nhỏ có cả ngàn cây cắm và sáng chói.

- Vành tai lớn và dài, thòng xuống.
- Đầu xương câu móc với nhau móc xích.
- Khi đi chân dõ cách mặt đất 4 tấc, chỉ chân hiện rõ trên mặt đất.
- Đầu gối cứng và tròn.
- Thân mềm mại.
- Ngón tay dài và vót tròn.
- Mạch máu ẩn sâu.
- Thân tròn láng, mịn màng.
- Thân đầy đủ.
- Dung nghi đầy đủ.
- Thường an ổn, chẳng động.
- Tất cả đều muốn nhìn.
- Mặt chẳng đổi sắc.
- Môi đỏ như trái tần bà.
- Rún sâu và tròn đầy.
- Tay chân bằng và đầy.
- Chỉ tay thẳng và sáng.
- Chỉ tay chẳng đứt đoạn.
- Gương mặt rộng và đẹp.
- Hòa vui với chúng sanh.
- Mùi thơm tỏa ra nơi miệng.
- Đi chậm rãi như voi chúa.



- Đầu như trái ma đà na.
- Răng sắc bén.
- Lưỡi mỏng.
- Lòng tinh khiết.
- 9 lỗ có tướng đầy đủ.
- Rún chẳng lộ ra ngoài.
- Bụng thon.
- Thân đoan nghiêm.
- Thân cao ráo.
- Quanh thân có hào quang 1 trượng.
- Xem chúng sanh bình đẳng.
- Tùy chúng sanh mà dùng âm thanh vừa đủ nghe.
- Tùy thuận chúng sanh mà thuyết pháp.
- Thuyết pháp theo thứ lớp nhân duyên.
- Người xem chẳng nhàm chán.
- Tóc chẳng rối.
- Tóc xanh như ngọc thanh châu.
- Tất cả đều oai nghiêm.
- Khuôn mặt dài vừa phải.
- Khuôn mặt tròn đầy.
- Âm hưởng thâm sâu.
- Lòng xoắn về phía phải.
- Tay chân như ý.

- Chi tay dài.
- Chúng sanh có ác tâm khi nhìn thấy liền được vui.
- Mặt sáng như trăng rằm.
- Mùi thơm từ lỗ chân lông.
- Dung nghi oai vệ như sư tử.
- Tướng đi như ngỗng chúa.
- Âm phát ra đầy đủ, rõ ràng.
- Lưỡi màu đỏ.
- Lông màu hồng.
- Mặt rộng và dài.
- Tay chân trắng và đỏ như màu hoa sen.
- Bụng cũng chẳng lộ.
- Thân chẳng khuynh động.
- Phần thân trên nở nang.
- Tay chân dịu dàng, tinh khiết.
- Khi đi có hào quang chiếu theo.
- Chẳng khinh chúng sanh.
- Thuyết pháp mà chẳng chấp.
- Đến nơi nào thì dùng ngôn ngữ nơi đó mà thuyết pháp.
- Chúng sanh chẳng thể thấy hết các tướng nơi thân Phật.
- Tóc dài và đẹp.
- Tóc xoắn đẹp.
- Tay chân có tướng phước đức.

**Này Tu Bồ Đề! Thân Phật thành tựu đầy đủ 80 vẻ đẹp như vậy.**

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh rằng, “Này các thiện nam, thiện nữ! Phải khéo phân biệt các tự môn, từ 1 chữ... dẫn đến 42 chữ. Hết thấy các tự môn đều nhập vào trong tự môn đầu tiên; cũng đều nhập vào trong tự môn thứ hai, trong tự môn thứ ba... dẫn đến cũng đều nhập vào trong tự môn thứ bốn mươi hai”.**

**Tất cả các ngữ ngôn đều nhập vào trong 42 chữ; 1 chữ nhập vào trong 42 chữ; 42 chữ nhập vào trong 1 chữ.**

**Chúng sanh phải như vậy mà khéo học 42 chữ. Khéo học 42 chữ rồi, lại phải khéo thuyết “tự pháp”. Khéo thuyết “tự pháp” rồi, lại phải khéo thuyết “vô tự pháp”.**

**Này Tu Bồ Đề! Phật khéo biết pháp, khéo biết “tự pháp”, khéo biết “vô tự pháp”; vì “vô tự pháp” mà nói “tự pháp”. Vì sao? Vì vượt lên trên hết thấy “danh-tự pháp”, nên gọi là Phật pháp.**

**Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát dùng tài thí và pháp thí để nhiếp độ chúng sanh.**

**Đây là việc làm rất hy hữu, khó có thể bì kịp.**

-o0o-

**\* Thế nào là Bồ tát dùng ái ngữ để nhiếp độ chúng sanh?**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng 6 Ba-la-mật, vì chúng sanh, thuyết pháp, dạy cho họ rằng, “Người hành 6 pháp Ba-la-mật nhiếp được hết thấy các thiện pháp.**

-o0o-

**\* Thế nào là Bồ tát dùng lợi hành để nhiếp độ chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, nên dùng 6 pháp Ba-la-mật để giáo hóa chúng sanh, khuyên họ hành 6 pháp Ba-la-mật.

-o0o-

**\* Thế nào là Bồ tát dùng đồng sự để nhiếp độ chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng các lực thần thông biến hóa vào tận trong 5 đạo chúng sanh, sống với chúng sanh, làm các công việc chung với chúng sanh, rồi dùng 4 nhiếp pháp “bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự”, để tùy duyên nhiếp độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh là bất khả đắc, pháp là bất khả đắc, pháp tánh cũng là bất khả đắc vì là rốt ráo không, là vô tướng không vậy.

Bạch Thế Tôn! Như vậy, Bồ tát làm sao hành 6 pháp Ba-la-mật; làm sao hành 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; 37 Phẩm Trợ Đạo, 18 pháp không; làm sao hành 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”, bố thí xả, 9 thứ đệ định, làm sao hành 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, làm sao hành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp? Bồ tát làm sao an trú trong 5 thần thông mà vì chúng sanh thuyết pháp?

Bạch Thế Tôn! Chúng sanh bất khả đắc, 5 ấm bất khả đắc, 6 pháp Ba-la-mật bất khả đắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp cũng bất khả đắc.

Trong bất khả đắc, chẳng có chúng sanh, chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có 80 vẻ đẹp.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể vì chúng sanh thuyết pháp được?

Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát còn bất khả đắc, huống nữa là có Bồ tát pháp!

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Như chỗ ông nói. Vì chúng sanh bất khả đắc, nên là nội không, là ngoại không, là nội ngoại không... dẫn đến là vô pháp hữu pháp không. Vì chúng sanh bất khả đắc nên 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều không; 4 quả Thanh Văn... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều không.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán hết thấy pháp đều không; nên vì chúng sanh thuyết pháp, mà chẳng chấp tướng “không”.

Bồ tát quán các pháp vô ngại, mà chẳng phá hoại pháp tướng, chẳng có phân biệt, chỉ vì chúng sanh như thật thuyết pháp vậy.

Ví như Phật hóa ra vô lượng người, rồi dạy cho họ tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ; dạy họ tu 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định v.v... Ý ông nghĩ sao? Có phân biệt biết các người hóa đó phá hoại các pháp chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì chúng sanh thuyết pháp, khiến họ xa rời được các điên đảo, an trú nơi pháp vô phược, vô giải (chẳng trói, chẳng mở).

Vì sao? Vì sắc chẳng trói, chẳng mở... dẫn đến thức chẳng trói, chẳng mở. Sắc chẳng trói, chẳng mở là chẳng phải sắc... dẫn đến thức chẳng trói, chẳng mở là chẳng phải thức.

Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành và thức đều rốt ráo thanh tịnh... dẫn đến vì hết thấy pháp hữu vi và vô vi đều là rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp, mà chẳng đắc chúng sanh, chẳng đắc hết thấy pháp, vì tất cả đều là bất khả đắc.

Bồ tát chẳng trú pháp, chẳng trú pháp tướng. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi đều là không; vì tự tánh các pháp là bất khả đắc, nên chẳng có chỗ trú vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng pháp “không” như vậy mà nói pháp tức là hành Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy nên, dù nói Phật pháp, dù nói Thanh Văn pháp, dù nói Bích Chi Phật pháp cũng đều chẳng có lỗi lầm.

Vì sao? Vì khi đã đắc các pháp rồi, mới y pháp nói ra, mà chẳng chuyển các pháp tướng. Ví như pháp tánh thật tế là không, là chẳng chuyển được, nên chẳng hành (vô hành) là hành pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu như pháp tánh thật tế chẳng chuyển, thì sắc cùng với pháp tánh, pháp như và thật tế có gì khác nhau chẳng? Thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu... cùng với pháp tánh, pháp như, thật tế có gì khác nhau chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc... dẫn đến pháp hữu lậu,

pháp vô lậu cùng với pháp tánh, pháp như, thật tế chẳng có gì sai khác nhau cả.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có gì khác, thì làm sao phân biệt pháp ác có quả báo ác đưa đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh; pháp lành có quả báo lành đưa đến các cõi trời và người? Làm sao phân biệt phàm và thánh?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do ở nơi thế đế mà phân biệt có quả báo ác, quả báo thiện. Chẳng phải ở nơi đệ nhất nghĩa vậy.**

Vì sao? Vì ở nơi đệ nhất nghĩa chẳng có tướng, chẳng có phân biệt, cũng chẳng có ngôn thuyết. Hết thảy các pháp, từ sắc... dẫn đến pháp hữu lậu, pháp vô lậu đều là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, đều là rốt ráo không, là vô thí không.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu do nơi thế đế mà phân biệt có các quả báo, chẳng phải do nơi đệ nhất nghĩa đế, thì phàm phu cũng có được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề chẳng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phàm phu có biết đệ nhất nghĩa đế chẳng? Nếu biết, thì cũng có được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề.**

**Này Tu Bồ Đề! Vì phàm phu chẳng biết được thế đế, cũng chẳng biết được đệ nhất nghĩa đế, chẳng biết đạo, chẳng phân biệt được các đạo quả, thì chẳng sao có được đạo quả.**

**Này Tu Bồ Đề! Các bậc Thánh biết rõ thế đế, cũng biết rõ đệ nhất nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, nên phân biệt biết rõ các quả sai khác.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tu đạo có được quả chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy. Tu đạo chẳng được quả; không tu đạo cũng chẳng được quả; mà cũng chẳng ly đạo quả, lại cũng chẳng trú trong đạo mà được quả.**

**Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chỉ vì chúng sanh phân biệt có các quả, mà chẳng phân biệt là tánh hữu vi hay tánh vô vi.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có phân biệt là tánh hữu vi hay tánh vô vi của các quả, thì vì sao Phật lại nói rằng, “3 hạ phần kiết sử tận, thì được quả Tu-đà-hoàn. Tham sân si mỏng thì được quả Tu-đà-hàm. 5 kiết sử tận, thì được quả A-na-hàm. 10 kiết sử tận, thì được quả A-la-hán. Hết thấy tập khí tận, thì được quả Bích Chi Phật. Các phiền não và tập khí tận, thì được quả Vô Thượng Bồ Đề.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể phân biệt các quả là tánh hữu vi hay là tánh vô vi?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông cho các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến quả Vô Thượng Bồ Đề là hữu vi hay là vô vi?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tất cả các quả đó đều là vô vi.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong pháp vô vi có phân biệt chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào**



thông đạt hết pháp hữu vi và vô vi đều là nhất tướng, là vô tướng, thì người ấy có còn phân biệt hữu vi và vô vi chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp mà chẳng phân biệt các pháp, vì biết tất cả đều là nội không... dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không vậy.**

Bồ tát tự mình chẳng chấp trước các pháp, và cũng dạy người khác chẳng chấp trước các pháp. Khi tu 6 pháp Ba-la-mật, tu 37 Phẩm Trợ Đạo, tu 4 thiền, tu 4 vô lượng tâm... dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí, Bồ tát tự mình chẳng chấp trước, và cũng dạy người khác chẳng chấp trước. Vì chẳng có chỗ chấp trước, nên cũng chẳng có chỗ chướng ngại.

Ví như người hóa, do Phật biến hóa ra, chỉ vì độ chúng sanh, mà hành bố thí, nhưng chẳng thọ quả báo bố thí... dẫn đến chỉ vì độ chúng sanh mà hành Nhất thiết chủng trí, nhưng chẳng thọ quả báo Nhất thiết chủng trí.

Cũng như vậy, Bồ tát chỉ vì độ chúng sanh mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành hết thấy các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi mà chẳng trú cũng chẳng thọ các quả báo. Vì sao? Vì Bồ tát thông đạt các pháp tướng đều là vô sở hữu vậy.

### **LUẬN:**

**Hỏi:** *An lập trú xứ của người thế gian và của người xuất gia tu hành khác nhau như thế nào?*

**Đáp:** Người thế gian dùng sức mạnh, quyền uy để an lập trú xứ của mình, khiến chẳng ai có thể xâm phạm được. Ví như người dũng sĩ cầm khí giới giữ gìn trú xứ của mình, khiến chẳng có ai dám đến xâm lăng. Trái lại, người xuất gia

do công đức tu hành mà có oai lực an lập trú xứ của mình, khiến các ma quỷ chẳng dám quấy phá vậy.

**Hỏi:** Thế nào là khéo biết 42 tự môn?

**Đáp:** Trong kinh Đại thừa có nói rằng, “Tất cả các ngữ ngôn đều nhập vào trong 42 chữ; 1 chữ nhập vào trong 42 chữ; 42 chữ nhập vào trong 1 chữ. Phải khéo học 42 chữ. Khéo học 42 chữ rồi lại phải khéo thuyết tự pháp. Khéo thuyết tự pháp rồi lại khéo thuyết vô tự pháp”.

Ví như 2 chữ, 3 chữ... hợp lại thành chữ đôi, chữ ba... Như vậy, 1 chữ thành ra 2, 3... dẫn đến có hàng ngàn, vạn chữ.

Cũng ví như A biến thành BA, thành LA... Như vậy, có thể nhập 42 chữ vào 1 chữ A; trong 42 chữ đều có phần chữ A.

Biết như vậy gọi là khéo biết pháp danh tự. Khéo biết pháp danh tự dẫn đến khéo biết pháp nghĩa, tức là khéo biết thật tướng nghĩa của các pháp. Vì sao? Vì ở nơi pháp nghĩa thì các pháp đều chẳng có danh tự.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là rốt ráo không, là chẳng có danh tự, thì Bồ tát làm sao trú trong các thần thông, để vì chúng sanh nói pháp? Nếu là rốt ráo không, thì chúng sanh cũng không, mà các pháp cũng không.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Do 18 pháp không, mà biết rõ hết thấy pháp đều là bất khả đắc, biết rõ Phật, Bồ tát đều là không. Biết rõ như vậy rồi mới có thể vì chúng sanh nói pháp. Vì sao? Vì nếu chúng sanh có mà nói không, thì chẳng có thể nghe được. Nhưng vì chúng sanh là không, chỉ do tâm chấp điên đảo mà cho là có, nên Bồ tát chẳng mất không, mà vẫn vì chúng sanh nói pháp vậy.

Nói chẳng mất không, vì các pháp đều là không vậy. Nếu nói chẳng không (bất không) mới là có lỗi. Nếu miệng nói không, mà tâm chấp có, thì cũng có lỗi.

Phật tự nói nhân duyên pháp chẳng phải hai (bất nhị) là chẳng hoại các pháp tướng. Muốn cho rõ ràng hơn, Phật nêu lên thí dụ về người hóa vì chúng sanh nói pháp. Đây là phương tiện nói pháp, nên chẳng có lỗi lầm, mà trái lại có thể dẫn dắt chúng sanh ra khỏi các chấp điên đảo.

Trong thế đế thì có trói (phược), có mở (giải); trong đệ nhất nghĩa thì chẳng có trói, chẳng có mở. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến thức đều là nhất tướng, là vô tướng.

Bồ tát dùng pháp như vậy, mà chẳng trú pháp; dùng “không” để vì chúng sanh nói pháp, mà vẫn biết rõ là chúng sanh cùng hết thấy các pháp đều là bất khả đắc.

Phật dạy: “Vô sở hữu chẳng trú vô sở hữu. Ví như hư không chẳng trú trong hư không vậy. Pháp tự tánh chẳng trú trong pháp tự tánh; ví như trong tánh nước chẳng có tánh lửa vậy”.

Nếu biết được như vậy, mà thanh tịnh thuyết pháp, thì dù thuyết Phật pháp, Bồ tát pháp, Thanh Văn pháp... cũng đều chẳng có lỗi lầm. Vì sao? Vì chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền chẳng chấp hết thấy các pháp. Người bố thí pháp cũng chẳng chấp mình có bố thí pháp. Vì sao? Vì các ngài đều y nơi tướng tịch diệt mà thuyết pháp vậy.

Chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền đã thâm nhập vào 3 giải thoát môn, nên vào được nơi thật tánh của các pháp, là Vô Dư Niết Bàn.

Phật dạy: “Người được pháp ấy rồi mà vì chúng sanh thuyết pháp thì chẳng chuyên pháp tánh. Vì sao? Vì pháp tánh là không, là vô tướng vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng chuyển pháp tánh, thì sắc cùng pháp tánh có sai khác gì chẳng?

Phật dạy: Chẳng khác. Vì thật tướng của hết thảy các pháp tức là pháp tánh vậy.

Ý Phật muốn dạy Bồ tát rằng, “Khi thuyết pháp chẳng nên hoại pháp tánh”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu sắc chẳng khác pháp tánh, thì làm sao có thể phân biệt pháp thiện với pháp ác, nghiệp thiện với nghiệp ác?

Phật dạy: Tuy rằng hết thảy pháp chẳng ly pháp tánh, nhưng ở nơi thế đế vẫn có phân biệt; còn ở nơi đệ nhất nghĩa đế thì chẳng có phân biệt.

Các bậc Thánh đã được đệ nhất nghĩa đế rồi, nên chẳng còn có phân biệt. Nghe có đắc cũng chẳng vui, nghe chẳng có đắc cũng chẳng buồn. Vì sao? Vì khi đã thâm nhập vào không, vào vô tướng rồi, thì đến các pháp vi tế cũng chẳng còn chấp nữa, huống nữa là chấp có thiện có ác, có được có mất.

Ở đây, Phật tự nói nhân duyên các pháp đều chẳng có ngôn thuyết, đều là chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng có cấu, chẳng có tịnh, vì đều là rốt ráo, là vô thi không vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói nhiều về chúng sanh không và pháp không?*

**Đáp:** Bồ tát vì chúng sanh nói pháp nhằm phá 2 chấp ngã và pháp, nên chỉ nói về 2 pháp không này nhiều hơn.

Vì sao? Vì nếu nói về vô thi không thì phá cả chúng sanh lẫn pháp, và cũng tận phá các pháp. Còn nói về rốt ráo không, thì ví như nói đốt cháy rụi gỗ rồi, chỉ còn tro và khói v.v...

Ở nơi đây, ngài Tu Bồ Đề y thế đế nên nói có phân biệt thiện ác, có phân biệt nghiệp thiện, nghiệp ác...

Phàm phu dùng thế đế mà phân biệt có các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm v.v..., phân biệt có thánh có phàm. Nếu hiểu được đệ nhất nghĩa đế rồi, thì chẳng còn có phân biệt.

Khi còn phân biệt thì thấy phàm phu cùng chư Thánh có sai khác. Khi đã vào trong đệ nhất nghĩa đế rồi, thì sẽ thấy hết thấy pháp chỉ là nhất tướng, là vô tướng, thì phàm và Thánh chẳng còn phân biệt nữa.

**Phật dạy:** Nếu phàm phu mà biết được thế đế và đệ nhất nghĩa đế, thì người ấy ắt sẽ được quả Tu-đà-hoàn là Thánh quả. Nhưng vì phàm phu chẳng phân biệt được đạo, hành đạo, tu đạo, nên chẳng được đạo quả. Còn các bậc Thánh cũng có phân biệt để làm phương tiện nói pháp, nhưng vẫn thường ở trong Thánh quả.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Trong pháp tánh vô lượng, vô tướng, vô động, thì làm sao có thể chấp tướng, làm sao có thể dùng pháp phàm phu mà chứng Thánh quả được. Người biết thọ lời Phật dạy, biết hành đạo mới được đạo quả, người chẳng biết hành đạo thì chẳng được quả”.

Suy nghĩ như vậy, ngài hỏi: Tu đạo được quả chẳng?

**Phật dạy:** Chẳng được vậy.

**Hỏi:** Trước đây Phật dạy tu đạo dẫn đến được quả. Nay vì sao Phật lại dạy “Tu đạo chẳng được quả, mà không tu đạo cũng chẳng được quả”?

**Đáp:** Trước đây Phật dùng tâm chẳng chấp mà thuyết. Nay ngài Tu Bồ Đề dùng tâm chấp mà hỏi, muốn từ trong đạo xuất sanh ra quả như lấy dầu từ trong mè. Nói từ trong đạo xuất sanh ra quả là hư dối, nên Phật trả lời là, “Chẳng được”.

Do muốn phá chấp tâm của người nghe pháp, tự niệm

rằng, “nếu tu mà chẳng được quả, thì không tu ắt sẽ được quả”, nên Phật dạy: “Người tu mà còn chẳng được đạo, huống nữa là người chẳng tu”.

Ví như 2 người muốn đến một nơi, 1 người đứng yên và 1 người đi lạc đường, thì cả 2 người đều chẳng đến được đích. Cũng như vậy, người chẳng tu đạo, chẳng nhiếp tâm, thì chẳng sao có được quả; còn người dùng chấp tâm, thủ tướng mà tu đạo, thì dù có nhiếp tâm, có thiền định lạc, mà vẫn chẳng được đạo quả.

Phải chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng mà tu đạo mới có được đạo quả. Bởi vậy nên Phật dạy, “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng phân biệt các tướng hữu vi và vô vi, nên thành tựu được các đạo quả sai khác vậy. Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Như vậy, vì sao Phật lại dạy đoạn được 3 kiết sử, thì được quả Tu-đà-hoàn v.v...?”

Phật hỏi ngược lại: Ý ông nghĩ sao? Quả Tu-đà-hoàn là hữu vi hay vô vi?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Tất cả các quả đều là tánh vô vi.

Phật dạy: Nếu là vô vi, thì có sự phân biệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng vậy.

Phật dạy: Nếu chẳng có phân biệt, thì ông nạn hỏi làm gì nữa. Nếu có người nào thông đạt hết thấy các pháp hữu vi và vô vi đều là nhất tướng, là vô tướng, thì người ấy có còn phân biệt hữu vi và vô vi nữa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng vậy.

Phật dạy: Hết thấy pháp đều hư dối. Ông chớ nên nạn hỏi làm gì nữa. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, trú trong nội không... dẫn đến trú trong vô pháp hữu pháp không,

nên chẳng phân biệt hết thấy pháp. Vì rằng Bồ tát trú trong không, trong rốt ráo thanh tịnh, nên khi hành bố thí... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, tự mình chẳng chấp, và cũng dạy người khác chẳng chấp.

Ví như người hóa, do Phật biến hóa ra, chỉ vì độ chúng sanh mà hành bố thí, nhưng chẳng thọ quả báo bố thí... dẫn đến chỉ vì chúng sanh mà hành Nhất thiết chủng trí, nhưng chẳng thọ quả báo Nhất thiết chủng trí. Cũng như vậy, Bồ tát chỉ vì độ chúng sanh mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành hết thấy các pháp hữu vi và vô vi, nhưng chẳng chấp các quả báo.

Vì sao? Vì Bồ tát thông đạt pháp tánh, nên chẳng còn chấp pháp tánh, pháp tướng, cũng chẳng trú trong pháp tánh. Lại nữa, ở nơi pháp tánh chẳng còn có nghi, có hối. Do vậy mà được biện tài vô ngại; thuyết pháp vô lượng vô biên, mà chẳng có gì ngăn ngại.

Như vậy gọi là thông đạt pháp tánh.

## Phẩm Thứ Bảy Mười Chín



**Thiện Đạt**  
(Khéo Thông Đạt)

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát khéo thông đạt hết thảy các pháp tướng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ví như người hóa chẳng hành tham sân si, chẳng hành sắc... dẫn đến thức, chẳng hành các nội ngoại pháp, chẳng hành các phiền não kiết sử, chẳng hành các pháp hữu lậu và vô lậu, chẳng hành các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng hành các pháp hữu vi và vô vi... dẫn đến chẳng có các thánh quả.**

**Cũng như vậy, Bồ tát chẳng hành các pháp ấy, cũng chẳng phân biệt các pháp ấy. Như vậy gọi là khéo thông đạt các pháp.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người hóa tu đạo như thế nào?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người hóa tu đạo chẳng cầu, chẳng tịnh, và cũng chẳng ở trong 5 đạo sanh tử.**

**Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Người hóa, do Phật biến ra, thật sự có nguồn gốc, thật sự có cấu tịnh chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Người hóa, do Phật biến hóa ra, thật sự chẳng có nguồn gốc, chẳng có cấu tịnh, lại cũng chẳng ở trong 5 đạo sanh tử.**



**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khéo thông đạt các pháp tướng cũng là như vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Hết thấy sắc, thọ, tưởng, hành thức đều như hóa chăng?

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy sắc... dẫn đến thức đều như hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy 5 ấm... dẫn đến hết thấy các pháp đều như hóa, thì người hóa chẳng có 5 ấm, chẳng có cấu, chẳng có tịnh, chẳng có ở trong 5 đạo sanh tử, cũng chẳng có chỗ giải thoát. Như vậy thì Bồ tát có công dụng gì?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát có thấy các chúng sanh từ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... dẫn đến trong các cõi trời, cõi người được giải thoát chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy vậy.

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng thấy các chúng sanh từ trong 3 cõi được giải thoát. Vì sao? Vì Bồ tát thấy hết thấy các pháp đều như huyễn, như hóa vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát thấy chúng sanh đều như huyễn, như hóa, thì do đâu mà hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 4 thiên, hành 4 vô lượng tâm, hành 4 vô sắc định, hành 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến hành đại từ, đại bi, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh biết được các pháp như huyễn, như hóa, thì Bồ tát chẳng trải qua vô lượng kiếp, vì chúng sanh, mà hành Bồ tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Bởi vì chúng sanh chẳng biết các pháp như huyễn, như hóa nên Bồ tát phải trải qua vô lượng kiếp hành Bồ tát đạo, nhằm thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp như huyễn, như hóa, thì chúng sanh trú ở chỗ nào, mà Bồ tát phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để cứu vớt họ ra khỏi danh tướng hư vọng vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh chỉ trú trong danh tướng hư vọng rồi ức tướng phân biệt, nên Bồ tát phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để cứu vớt họ ra khỏi danh tướng hư vọng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là danh? Thế nào là tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Danh” chỉ là giả lập. Gọi đây là sắc; đây là thọ, tướng, hành, thức; đây là người nam, đây là người nữ, đây là lớn, đây là nhỏ, đây là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; đây là người, là trời, đây là hữu vi, là vô vi, đây là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán; đây là Bích Chi Phật đạo; đây là Phật đạo. Tất cả đều là pháp hòa hợp, đều là giả danh. Dùng danh để biết pháp, nên gọi là danh pháp. Hết thấy pháp hữu vi chỉ có nơi danh tướng. Thế nhưng ở nơi đây phàm phu lại sanh chấp trước.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, ở ngay trong danh tự mà dùng lực phương tiện dạy cho chúng sanh xa rời danh tự, nói với chúng sanh rằng “danh là không, là hư vọng; chỉ do hư vọng ức tướng mà được giả lập ra. Các nơi chớ nên chấp ức tướng hư vọng. Danh pháp từ trước đến nay vẫn là tự tướng không, nên người trí chẳng có chấp trước vậy”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật ở ngay trong danh tự mà dùng lực phương tiện vì chúng sanh thuyết pháp vậy.

\* Thế nào là tướng?

Này Tu Bồ Đề! Phạm phu phân biệt có hai thứ. Đó là:

- Sắc tướng.

- Vô sắc tướng.

\* Thế nào là sắc tướng?

Này Tu Bồ Đề! Nói sắc có thô, có tế, có xấu, có tốt v.v... là nói về tướng của sắc. Ở nơi các pháp tự tướng không mà phạm phu ức tướng phân biệt có ra các tướng sai khác. Rồi tâm chấp lấy các tướng đó. Như vậy gọi là chấp sắc tướng.

\* Thế nào là vô sắc tướng?

Này Tu Bồ Đề! Nơi các pháp vô sắc, mà phạm phu cũng ức tướng phân biệt có ra các tướng sai khác. Rồi tâm chấp lấy các tướng đó, dẫn sanh ra các phiền não. Như vậy gọi là chấp vô sắc tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dùng lực phương tiện dạy chúng sanh xa lìa cả hai chấp về sắc tướng và vô sắc tướng. Nếu chúng sanh chấp vô tướng pháp, thì Bồ tát lại dùng lực phương tiện dạy họ xa lìa cả hai chấp về tướng pháp và vô tướng pháp.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dạy chúng sanh xa lìa tướng, khiến họ an trú trong tánh vô tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp đều chỉ là danh tướng, thì Bồ tát hành

Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể tự mình được lợi ích, và dạy người khác, khiến họ cũng được lợi ích? Bồ tát làm sao được các địa, và dạy người khác khiến họ được 3 thừa đạo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp từ căn bản là quyết định có, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể làm lợi ích cho mình, và cũng chẳng có thể làm lợi ích cho người.

Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp từ căn bản thật sự chẳng có, mà chỉ có nơi danh tự, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; đầy đủ nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì tất cả các pháp đó đều là vô tướng vậy.

Như vậy là Bồ tát hành vô tướng, nên được đầy đủ các thiện pháp vô tướng, và cũng dạy người khác được đầy đủ các thiện pháp vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp là vô tướng, vô niệm, nên được Vô Thượng Bồ Đề; cũng dạy chúng sanh biết như vậy, khiến họ được pháp vô lậu. Vì sao? Vì hết thấy pháp vô lậu đều là vô tướng, vô niệm vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng pháp vô lậu làm lợi ích cho chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là vô tướng, vô niệm, thì làm sao có pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Pháp vô tướng cùng với pháp Thanh Văn có gì sai khác chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tướng cùng với pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật có gì sai khác chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên biết hết thấy các pháp đều là vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học các pháp vô tướng như vậy nên các thiện pháp càng thêm tăng trưởng. Các thiện pháp nói đây là 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có học tướng của 5 âm, của 12 nhập, 18 giới, của 4 thánh đế, của 12 nhân duyên chăng?

**Bạch Thế Tôn!** Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật học tướng của 5 âm như thế nào?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết sắc tướng, biết sắc sanh diệt, biết sắc như. Biết về thọ, tướng, hành và thức cũng là như vậy.

\* Thế nào là biết sắc tướng?

Này Tu Bồ Đề! Biết sắc là rốt ráo không, là chẳng thật có, chỉ ví như đồng bọt, chẳng có bền chắc. Như vậy là biết sắc tướng.

\* Thế nào là biết sắc sanh diệt?

Này Tu Bồ Đề! Biết sắc khi sanh chẳng từ đâu đến,

và khi diệt chẳng đi về đâu. Như vậy, chẳng đến (bất lai), chẳng đi (bất khứ) là tướng sanh diệt của sắc.

**\* Thế nào là biết sắc như?**

Này Tu Bồ Đề! Biết sắc chẳng sanh diệt, chẳng đến đi, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy chẳng thay đổi. Như vậy là biết sắc như.

**\* Thế nào là biết thọ tướng, biết thọ sanh diệt, biết thọ như?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết các thọ tướng ví như bong bóng nước, liền khởi, liền diệt, là biết thọ tướng. Biết thọ chẳng từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu, là biết thọ sanh diệt. Biết thọ chẳng sanh diệt, chẳng đến đi, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết thọ như.

**\* Thế nào là biết tướng tướng, biết tướng sanh, biết tướng như?**

Này Tu Bồ Đề! Biết các tướng ví như sóng nắng (diệm), chẳng thể có được mà vọng tướng là nước là biết tướng tướng. Biết tướng chẳng từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu là biết tướng sanh diệt. Biết tướng chẳng sanh diệt, chẳng đi đến, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết tướng như.

**\* Thế nào là biết hành tướng, biết hành sanh diệt, biết hành như?**

Này Tu Bồ Đề! Biết hành như lột bẹ chuối, lột hết các bẹ chuối rồi thì chẳng còn thân cây chuối nữa, như vậy là biết hành tướng. Biết hành chẳng từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu là biết hành sanh diệt. Biết hành chẳng sanh

diệt, chẳng đến đi, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết hành như.

\* Thế nào là biết thức tướng, biết thức sanh diệt, biết thức như?

Này Tu Bồ Đề! Biết thức như huyễn, như hóa, ví như 4 binh chủng do nhà huyễn thuật biến hóa ra là chẳng thật có, như vậy là biết thức tướng. Biết thức khi sanh chẳng từ đâu đến, khi diệt chẳng đi về đâu là biết thức sanh diệt. Biết thức chẳng sanh diệt, chẳng đi đến, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết thức như.

\* Thế nào là biết 12 nhập?

Này Tu Bồ Đề! Biết nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp là tánh không là biết 12 nhập.

\* Thế nào là biết 18 giới?

Này Tu Bồ Đề! Biết nhãn giới... dẫn đến ý thức giới đều là tánh không là biết 18 giới.

\* Thế nào là biết 4 thánh đế?

Này Tu Bồ Đề! Biết khổ thánh đế là xa rời “2 pháp”. Biết khổ thánh đế là chẳng hai, chẳng khác, gọi tên là khổ thánh đế. Biết tập, diệt, đạo cũng là như vậy.

\* Thế nào là biết 12 nhân duyên?

Này Tu Bồ Đề! Đó là biết 12 nhân duyên đều chẳng có tướng sanh.

Này Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát mỗi mỗi phân biệt các pháp. Như vậy là dùng sắc tánh... dẫn đến dùng Nhất thiết chủng trí tánh mà phá hoại tánh chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Pháp tánh là bất khả đắc (Chẳng thể đắc) nên chẳng thể hoại. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Phật và các đệ tử của Phật biết rõ pháp tánh là bất khả đắc, nên chẳng thể nói ngoài pháp tánh lại có pháp khả đắc (có thể được) vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, phải học pháp tánh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát học pháp tánh là vô sở học (chẳng chỗ học) chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học pháp tánh là học hết thấy các pháp. Vì sao? Vì hết thấy pháp tức là pháp tánh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà nói hết thấy pháp tức là pháp tánh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều vào trong tánh vô tướng vô vi, nên học pháp tánh là học hết thấy các pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp tức là pháp tánh thì Bồ tát cần gì phải học 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định? Cần gì phải học 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp? Cần gì phải học 6 thân thông, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp? Cần gì phải học phước báo cõi trời và cõi người? Cần gì phải học 10 địa Bồ tát? Cần gì phải học Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, Bồ tát vị? Cần gì phải học thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ? Cần gì phải học các môn đà la ni? Cần gì phải học biện tài thuyết pháp? Cần gì phải học Vô Thượng Bồ Đề?



Lại nữa, vì sao nói phải học xong các pháp ấy rồi mới được Nhất thiết chủng trí, mới biết hết thấy các pháp?

Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp tánh chẳng có sự khác biệt. Như vậy, chẳng thể có Bồ tát đạo ở trong phi đạo được. Vì sao? Vì ở trong pháp tánh chẳng có sự sai khác vậy. Trong pháp tánh chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mà pháp tánh cũng chẳng ly sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc tức là pháp tánh, pháp tánh tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cùng hết thấy các pháp cũng đều là như vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, sắc tức là pháp tánh, thọ, tưởng, hành, thức cũng tức là pháp tánh.

Nay Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát cầu pháp ngoài pháp tánh thì đó là chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Bởi vậy khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp tức là pháp tánh. Biết như vậy rồi, nên ở nơi các pháp chẳng có danh, chẳng có tướng mà Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp, nói đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến đây là Vô Thượng Bồ Đề.

Nay Tu Bồ Đề! Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra các hình sắc, nào là trai, gái, voi ngựa, nào là vườn rừng xanh tươi, nào là nhà cửa, ao hồ, nào là áo xiêm, hương hoa anh lạc, nào là các thức ăn uống, nào là các giàn nhạc hòa tấu v.v... để giúp vui cho khán thính giả.

Nhà huyền thuật lại hóa tác ra đủ hạng người hành bồ thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ; lại hóa tác ra các người thuộc các đại gia, đại tộc; lại hóa tác

ra chư Thiên ở các cõi trời; lại hóa tác ra chư vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật; lại hóa tác ra chư vị Bồ tát, từ sơ phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 10 địa Bồ tát, vào Bồ tát vị, du hý thần thông, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ; lại hóa tác ra thân Phật có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm.

Nhà huyền thuật hóa tác ra tất cả các huyền cảnh, huyền sự ấy chỉ nhằm giúp vui cho khán thính giả, thế nhưng người vô trí cho là thật có; còn người trí biết rõ các huyền cảnh, huyền sự đó đều là không, là chẳng thật có.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng thấy có pháp ở ngoài pháp tánh. Bồ tát dùng lực phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật, nên tuy chẳng có chúng sanh mà vẫn tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, tán thán pháp bố thí và hoan hỷ tán thán người hành bố thí... dẫn đến tự mình tu trí huệ, dạy người khác tu trí huệ, tán thán pháp tu trí huệ và hoan hỷ tán thán người tu trí huệ.

Bồ tát tự mình hành 10 thiện đạo, 5 giới, 8 giới, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp; cũng dạy người khác hành các pháp ấy, tán thán các pháp ấy và hoan hỷ tán thán người hành các pháp ấy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh trước sau có sai khác thì Bồ tát chẳng có thể dùng lực phương tiện để khai thị pháp tánh, nhằm thành tựu chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Vì pháp tánh trước sau chẳng có sai khác, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chỉ vì lợi ích chúng sanh mà hành Bồ tát đạo vậy.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Trước đây Phật đã nói Bồ tát thông đạt hết thảy các pháp tướng rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại còn hỏi nữa?

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng, chẳng có ngôn thuyết, nên dù có hỏi nhiều phen cũng vẫn chưa đủ. Ví như con bò con được bú sữa ngon ngọt của bò mẹ, nên cứ muốn uống mãi, chẳng muốn thôi. Bò mẹ dụ cho đực Phật đại từ, đại bi, sữa ngon ngọt dụ cho Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề tuy đã nghe Phật dạy nhiều lần về pháp tướng nhưng vẫn chẳng nhàm chán. Lại nữa, chỉ có Phật là đáng Nhất thiết chủng trí mới thông đạt thật tướng của hết thảy các pháp; còn những người khác tuy có thông đạt nhưng chưa thông suốt đến chỗ thâm diệu. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề hỏi: Khi chưa thành Phật Bồ tát làm sao có thể khéo thông đạt hết thảy các pháp?

Phật dạy: Ví như người hóa chẳng có 3 độ, chẳng có các phiền não kiết sử khác, chẳng có các tâm và tâm sở, chẳng được các thánh quả, cũng chẳng sanh tâm thiện hay ác. Vì sao? Vì người hóa do biến hóa mà được thành tựu, nhưng thật sự các sự việc được biến hóa ra như vậy đều là chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng có nhiếp vào 5 đạo chúng sanh. Thân Bồ tát cũng là như vậy, chẳng có các phiền não kiết sử, chẳng có trong 3 cõi. Bồ tát biết rõ các tâm và tâm sở đều là hư dối, chỉ do nhân duyên điên đảo sanh, nên chẳng rong ruổi theo.

Như vậy là Bồ tát khéo phân biệt các pháp tướng.

Ngài Tu Bồ Đề vì quý trọng Phật pháp, nên mới hỏi Phật: Hết thảy các pháp đều là không, là như huyễn, như hóa chẳng?

Phật dạy: Hết thảy các pháp đều là như huyễn, như hóa.

Vì ông quá quý trọng Phật pháp, nên chẳng dám nói Phật pháp cùng hết thầy các pháp đều là rốt ráo không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là rốt ráo không, đều là như huyễn, như hóa thì vì sao Phật lại tán thán công đức của chư vị Bồ tát cứu thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử và dẫn dắt họ vào Niết Bàn?

Phật hỏi lại: Ý ông nghĩ sao? Khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát có thật thấy chúng sanh trong 5 đạo sanh tử để giải thoát họ ra khỏi sanh tử chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì sao? Vì khi đã được vô sanh pháp nhãn rồi, thì Bồ tát thấy hết thầy chúng sanh đều là như huyễn như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật để làm gì?

Phật dạy: Nếu chúng sanh biết được các pháp đều là như huyễn như hóa, thì Bồ tát chẳng phải dụng công hành Bát nhã Ba-la-mật; nếu chúng sanh biết rõ hết thầy pháp đều là vô tướng, thì Bồ tát chẳng phải dụng công hành Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng các pháp chẳng phải thật (phi thật), chẳng phải không (phi vô), vượt ra khỏi các ngôn thuyết, ra khỏi các đạo, là rốt ráo tịch diệt mà chúng sanh chẳng biết, nên mới sanh tâm chấp ngã, khởi ra các ác nghiệp... dẫn đến phải thọ vô lượng khổ đau. Bồ tát biết rõ thật tướng của hết thầy các pháp, nên khởi tâm đại bi, cứu thoát chúng sanh ra khỏi các đạo sanh tử.

Như trong kinh *Pháp Hoa* nói “Ông trưởng giả có con lâm bệnh nặng, mà lại uống nhầm thuốc độc. Thấy con sắp chết, ông dùng mọi phương tiện nhằm cứu con thoát chết”.

Cũng như vậy, Bồ tát thấy chúng sanh vô minh, điên đảo, đui mù mà bị 3 độc cướp mất huệ mạng, nên khởi tâm đại bi, ở trong vô lượng kiếp hành Bát nhã Ba-la-mật nhằm cứu độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy các pháp đều là không, chẳng có căn bản, đều là như huyễn, như hóa, thì chúng sanh trú chỗ nào mà Bồ tát phải dẫn dắt họ ra khỏi?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói “Ví như người sa vào bùn mới cần được cứu ra khỏi. Chúng sanh phải trú ở chỗ nào, thì Bồ tát mới phải cứu thoát họ ra khỏi vậy”.

Phật dạy: Chúng sanh chỉ trú trong danh tướng hư vọng mà ức tưởng phân biệt, nên Bồ tát phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để cứu vớt họ ra khỏi danh tướng hư vọng.

Ý Phật muốn dạy rằng: “Hết thấy các pháp quyết định chẳng thật có, chỉ có nơi danh tướng hư vọng. Chúng sanh thấy các danh tướng hư vọng rồi sanh tâm chấp. Ví như người đi một mình trong đêm tối, chợt thấy bóng cây trước mắt mà lầm tưởng có người đang rình mình nên sanh tâm sợ hãi; cũng như con chó thấy bóng mình in dưới giếng mà lầm tưởng đó là một con chó khác nên cứ sủa mãi.

Vốn dưới giếng chẳng có tướng chó khác, mà con chó lại khởi ác tâm, tự gieo mình xuống giếng để tìm địch thù, khiến phải bị chết oan.

Cũng như vậy, chúng sanh do nghiệp lực dẫn sanh, do 4 đại hòa hợp mà có sắc thân, rồi do nhân duyên các thức hòa hợp mà có các động tác như đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng v.v... Thế nhưng ở nơi đó, phạm phu lại khởi chấp có tướng nhân, tướng ngã, khởi sanh thương ghét, rồi vì vậy mà gây ra bao nhiêu nghiệp tội khiến phải bị đọa vào 3 đường ác.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thương xót chúng sanh, nên dùng các lực phương tiện giáo hóa chúng sanh biết pháp “không”, dẫn dắt họ thoát khỏi các khổ.

Chúng sanh điên đảo vọng tưởng, chấp có ngã, có pháp, mà chẳng biết rằng tất cả đều là như huyễn, như hóa, đều chẳng thật có, chỉ làm mất người mà thôi. Các pháp do duyên hòa hợp mà thành, chỉ có nơi danh tự. Ví như đầu, mắt, tay, chân, thân, bụng, lưng v.v... hợp lại mà giả danh có thân. Ví như đầu do tóc, mắt, mũi, tai, miệng, lưỡi, da thịt v.v... hòa hợp mà thành, giả danh gọi là đầu. Ví như do rất nhiều vi trần hòa hợp lại thành lông, tóc, mà các vi trần lại cũng do những thành phần vi tế hơn hòa hợp lại mà thành vậy. Tất cả đều là chẳng thật có, đều là như huyễn, như hóa.

**Hỏi:** *Vi trần là phần tử sắc pháp nhỏ nhất, chẳng thể phân chia ra được. Như vậy, vì sao nói các sắc pháp phân chia ra đến cùng sẽ trở thành hư không, mà hư không lại chẳng có định tánh?*

**Đáp:** Nếu vi trần là sắc pháp, thì phải có thể chia chẻ ra được. Vì sao? Vì hết thấy sắc pháp đều ở tại trong hư không. Dù sắc pháp được chia sẽ thành vi trần, rồi vi trần được chia chẻ thành cực vi trần, thì tất cả các vi trần và cực vi trần đó cũng đều là sắc pháp ở tại trong hư không vậy. Nếu nói vi trần cũng như cực vi trần đều chẳng thể chia chẻ ra được, thì đó chẳng phải là sắc pháp. Vì sao? Vì ra ngoài sắc tướng vậy.

Lại nữa, nếu vi trần là sắc, thì 5 thức phải biết vi trần. Còn nếu vi trần chẳng phải là chỗ mà 5 thức có thể biết được, thì vi trần cũng chẳng thể gọi là sắc được vậy.

Bởi vậy nên biết vi trần chỉ là hư danh, chẳng thật có. Dùng mắt có thể thấy được thô sắc, mà còn có thể phá thô sắc thành

“không”. Huống nữa là vi trần chẳng có thể thấy được, chẳng có thể sờ mó được, mà chẳng thể phá thành “không” hay sao?

**Hỏi:** *Vi trần quá nhỏ bé, quá vi tế, nên 5 thức chẳng thể biết được. Như vậy các bậc Thánh dùng thiên nhãn có thấy được chăng?*

**Đáp:** Nếu thiên nhãn thấy được vi tế sắc tướng, thì vi tế sắc đó phải có thể chia chẻ. Nếu vi tế sắc đó chẳng thể chia chẻ được thì chẳng phải là sắc (phi sắc). Nếu dùng thiên nhãn mà thấy được phi sắc, thì thấy đó cũng là vọng, là hư dối vậy.

Bởi vậy nên chư Thánh dùng huệ nhãn quán thể gian như huyễn, như hóa, mà được đạo.

Như trước đây đã nói vi trần chỉ có danh, mà chẳng thật có. Hết thấy pháp do duyên hòa hợp chỉ có giả danh, chẳng thật có, mà chúng sanh lại vọng chấp, rồi tham đắm, khởi sanh bao nhiêu nghiệp tội, khiến phải thọ vô lượng khổ đau.

Nếu biết được các pháp chỉ là hư vọng, chẳng thật có, và nếu xả được các danh tướng hư vọng đó, thâm nhập vào pháp “không” mà cũng chẳng chấp “không”, thì sẽ được Niết Bàn thường lạc vậy.

**Hỏi:** *Danh và tướng có gì sai khác chăng?*

**Đáp:** Danh là tên gọi; tướng là dáng vẻ hiển lộ ra bên ngoài. Ví như lửa nóng, thì nóng là tướng của lửa; thấy khói biết có lửa, thì khói là tướng của lửa. Ví như do 5 âm hòa hợp mà tạo ra thân có dáng vẻ khác nhau, mà phân biệt gọi đây là tướng nam, đây là tướng nữ. Như vậy là do thấy tướng, mà lập ra danh vậy.

**Hỏi:** *Danh và tướng chẳng có khác nhau, vì đều chẳng thật có. Như vậy vì sao nói thấy tướng mới lập danh, nghe danh thì biết tướng?*

**Đáp:** Phạm phu do chẳng rõ được lời Phật dạy, nên thấy đáng vẻ bên ngoài mà đặt cho mỗi pháp một danh riêng.

Như vậy tướng là gốc, danh là ngọn, tướng là do tâm chấp trước mà có, rồi do thấy tướng mà giả lập ra danh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chỉ là danh tướng, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể tự lợi và lợi tha?

Phật dạy: Nếu các pháp từ căn bản là quyết định có, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể tự lợi và lợi tha. Nhưng vì các pháp từ căn bản thật sự là chẳng có, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mới có đầy đủ các thiện pháp, làm lợi ích cho chính mình và làm lợi ích cho chúng sanh.

Vì sao? Vì nếu các pháp quyết định có thì chẳng phải do nhân duyên hòa hợp sanh, là chẳng sanh, chẳng diệt, nên là chẳng có tội, chẳng có phước. Lại nữa, nếu các pháp quyết định thật có thì Bồ tát chẳng thể quán hết thấy pháp là không, là vô sở hữu, chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến chẳng thể thuyết pháp làm lợi ích cho chúng sanh. Thế nhưng vì Bồ tát ở nơi đệ nhất chân thật nghĩa mà quán các pháp, nên chẳng có lầm lạc, được Vô Thượng Bồ Đề; rồi vì chúng sanh thuyết “không”, thuyết “vô tướng” vậy.

**Hỏi:** Trong 4 thành đế, chỉ khổ đế, tập đế và đạo đế là có tướng, còn diệt đế là chẳng có tướng. Như vậy là có ức niệm về “vô tướng Niết Bàn”. Vì sao nói hết thấy pháp vô lậu đều là vô tướng, vô ức niệm?

**Đáp:** Đại thừa pháp và Thanh Văn pháp sai khác nhau.

Đại thừa nói hết thấy pháp vô lậu đều là vô tướng, vô ức niệm; lại nói có tướng, có ức niệm đều là hư dối, chẳng thật có, đều là phiền não hữu lậu vậy.



**Hỏi:** Thế nào gọi là vô lậu?

**Đáp:** Ví như nói trong 4 thánh đế, thì khổ đế, tập đế và đạo đế đều tùy diệt đế. Khi thấy khổ liền xả, thấy tập liền diệt, và thấy đạo liền chứng, thì được đầy đủ diệt đế, cho nên là chẳng trú trong đạo, tận diệt chỗ trú, tận diệt pháp vô tướng, vô duyên. Như vậy làm sao có ức niệm? Vì nếu còn có ức niệm là còn có duyên tướng, còn có chấp pháp, mà vô lậu là đệ nhất thật nghĩa, là vô tướng, vô ức niệm vậy.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Vô lậu là đệ nhất nghĩa nên là vô tướng, vô niệm. Hết thấy pháp tánh đều là vô tướng, vô niệm, mà phạm phu điên đảo chấp có tướng, có ức niệm vậy”.

Suy nghĩ như vậy rồi, ngài hỏi Phật: Nếu các pháp đều vô tướng, vô niệm, thì làm sao phân biệt có pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật?

Phật hỏi lại: Vô tướng pháp cùng với “3 thừa pháp” có gì khác nhau chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Khi đã tận diệt phiền não rồi, thì vào được nơi vô lậu, vô vi, vô tướng pháp. Bởi vậy nên nói “3 thừa pháp”... dẫn đến hết thấy các pháp đều là vô tướng pháp.

Vì vô tướng nên mới có “3 thừa pháp”. Bồ tát học các pháp vô tướng như vậy, nên các thiện pháp càng thêm tăng trưởng. Các thiện pháp nói đây là 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp vậy.

Ở đây Phật nói nhân duyên Bồ tát trú trong 3 giải thoát môn nên nhiếp hết thấy các pháp. Bồ tát phải nên học như vậy.

**Hỏi:** Ba giải thoát môn là vô tướng, vô phân biệt, còn 5 âm, 12 nhập, 18 giới v.v... đều là những pháp có tướng, có phân biệt. Như vậy vì sao nói học 3 giải thoát môn tức là học hết thầy các pháp ấy?

**Đáp:** Do học 3 giải thoát môn mà Bồ tát đoạn tận các lậu, vượt ra khỏi 3 cõi, ở nơi hết thầy pháp được thật trí huệ nên thông suốt hết thầy pháp.

Trước ở nơi 5 âm hư vọng còn khởi sanh các tà hạnh, nhưng nay đã được 3 giải thoát môn rồi, nên biết thật tướng hết thầy pháp, thông đạt hết thầy pháp. Bởi vậy nên nói học 3 giải thoát môn là học 5 âm, 12 nhập, 18 giới... dẫn đến học hết thầy pháp vậy.

-o0o-

Phật dạy: Bồ tát hành 3 giải thoát môn là hành vô tướng pháp, nên biết rõ sắc sanh, sắc diệt, sắc như... dẫn đến biết rõ thức sanh, thức diệt, thức như.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát biết sắc sanh, sắc diệt, sắc như nhưng lại mỗi mỗi phân biệt các pháp. Như vậy có phải là dùng sắc tánh để phá hoại pháp tánh chăng?

Phật dạy: Thật tướng của hết thầy pháp tức là pháp tánh. Bởi vậy nên hết thầy pháp đều vào trong pháp tánh. Thật tướng của sắc cũng tức là pháp tánh. Đã đồng là pháp tánh thì làm sao có thể dùng sắc tánh để phá hoại pháp tánh được?

Chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư Thánh chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh cả. Bồ tát phải nên như vậy mà học pháp tánh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Học pháp tánh là vô sở học (chẳng chỗ học) chăng?

Phật dạy: Pháp tánh là vô tánh, nên học pháp tánh là học hết thấy các pháp. Vì pháp tánh tức là thật tướng của hết thấy pháp, nên học pháp tánh là khắp học hết thấy pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp tức là pháp tánh thì Bồ tát cần gì phải học 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến cần gì phải học các đà la ni? Nếu pháp tánh tức là thật tướng pháp, và nếu hết thấy pháp đều ở trong pháp tánh thì Bồ tát còn phải cầu gì nữa? Nếu pháp tánh là vô phân biệt, thì vì sao Bồ tát lại phân biệt có 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến có các đà la ni môn? Lại nữa, nếu Bồ tát hành các pháp như vậy, thì có đọa vào điên đảo chăng?

Phật dựa theo chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề mà đáp lại rằng: Nếu ngoài pháp tánh mà có pháp thì chẳng nên cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Ví nếu chấp ngoài pháp tánh mà có pháp, thì như vậy là điên đảo. Nếu thường điên đảo thì chẳng có thể chuyển, chẳng có thể đoạn hết thấy vô minh. Phật và chư đại Bồ tát biết rõ hết thấy pháp là rốt ráo không, là tướng thường tịch diệt, chẳng có hý luận, chẳng có danh tướng. Nhưng vì thương xót chúng sanh mê lầm, mà các ngài đã dùng các lực phương tiện nói các danh tướng, như nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến nói Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh có nêu thí dụ về nhà huyền thuật, hóa tác ra các huyền cảnh, huyền vật. Nhà huyền thuật dụ cho Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, các huyền cảnh, huyền vật dụ cho các pháp hữu vi. Nhà huyền thuật tuy hóa tác ra các huyền pháp mà vẫn biết các pháp đó đều chẳng thật có, nên chẳng có chấp. Cũng như vậy, Bồ tát tuy có hành các pháp mà vẫn biết các pháp đó là như huyền, nên chẳng có chấp. Lại nữa, người trí dụ cho Phật và chư đại Bồ tát; người vô trí dụ cho hàng phàm phu.

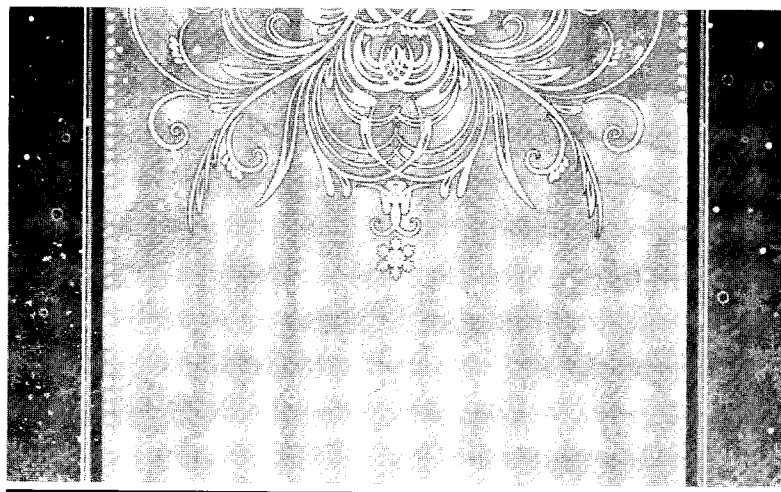
Các Bồ tát sơ phát tâm rất vui mừng thấy chư đại Bồ tát, tuy biết rõ ngoài pháp tánh chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh, mà vẫn làm các việc lợi ích cho chính mình và cho chúng sanh.

Như trong kinh nói về Bồ tát tự hành bồ thí, dạy người khác hành bồ thí... dẫn đến tự hành 18 bất cộng pháp, dạy người khác hành 18 bất cộng pháp.

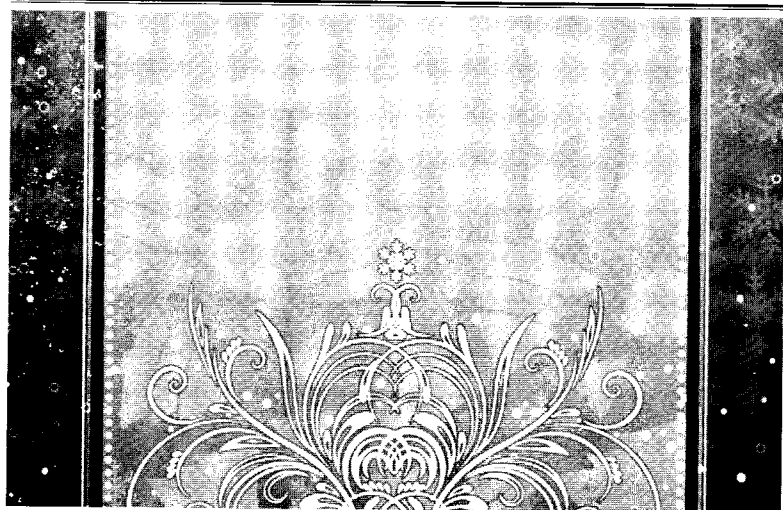
Nơi đây ý Phật muốn nói rằng, “Nếu pháp tánh trước không, sau có, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng có thể dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để vì chúng sanh nói pháp được. Vì sao? Vì nếu pháp tánh trước không, sau có, thì là do nhân duyên sanh; nếu như vậy thì chẳng có gì khác biệt với phàm phu cả. Còn nếu pháp tánh trước có, sau không thì các pháp cùng các chúng sanh đều đọa vào đoạn diệt cả. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ pháp tánh từ trước đến nay vẫn thường không; chẳng phải do lực trí huệ khiến pháp tánh trở thành không, cũng như chẳng phải vì các pháp và chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn mà trở thành không. Tánh không đó vẫn thường như vậy, chẳng có tăng giảm, chẳng có được mất, chẳng có cấu tịnh.

Vì chúng sanh chẳng quán được các pháp từ trước đến nay vẫn là rốt ráo không, nên mới đọa vào các chấp điên đảo.

Bồ tát biết rõ pháp tánh từ trước đến nay vẫn thường không, chẳng có sai khác, nên vì chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật, để làm lợi ích cho chúng sanh vậy.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 90**





## Phẩm Thứ Tám Mười



### Thật Tế

#### KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc, thì Bồ tát vì ai mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì thật tế mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thật tế và chúng sanh tế sai khác nhau, thì Bồ tát chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật. Nhưng vì thật tế và chúng sanh tế chẳng sai khác nhau, nên Bồ tát vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng phá hoại thật tế, mà còn kiến lập chúng sanh nơi thật tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sanh tế, thì Bồ tát kiến lập thật tế nơi thật tế chẳng?

Bạch Thế Tôn! Nếu kiến lập thật tế nơi thật tế thì như vậy là kiến lập tự tánh nơi tự tánh. Đúng lý ra thì chẳng có thể kiến lập tự tánh nơi tự tánh vậy.

Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát làm sao kiến lập chúng sanh nơi thật tế?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thật tế chẳng thể kiến lập nơi thật tế; tự tánh chẳng thể kiến lập nơi tự tánh.

Này Tu Bồ Đề! Nay Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế.

Vì sao? Vì thật tế chẳng khác chúng sanh tế; thật tế và chúng sanh tế là chẳng phải hai chẳng phải khác.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng lực phương tiện như thế nào để kiến lập chúng sanh nơi thật tế, mà chẳng hoại thật tế?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát kiến lập chúng sanh nơi bồ thí, nói rằng, “Bồ thí là rốt ráo không, trước sau và chặng giữa đều không; có nghĩa là người thí cũng không, người thọ cũng không, tài vật đem ra bồ thí cũng không, quả báo bồ thí cũng không”.

Bồ tát lại dạy chúng sanh rằng, “Hỡi các người! Ở nơi thật tế, hết thấy pháp đều bất khả đắc. Các người chớ nên nghĩ rằng người thí, người thọ, tài vật thí, quả báo bồ thí sai khác nhau. Nếu các người chẳng thấy có sự khác biệt như vậy, thì bồ thí mới có được vị Cam Lộ. Được quả vị Cam Lộ là do bồ thí mà chẳng có chấp sắc; chẳng có chấp thọ, tướng, hành, thức vậy. Vì sao? Vì bồ thí là tự tướng không, người thí cũng không, người thọ cũng không, tài vật đem ra bồ thí cũng không, quả báo bồ thí cũng không. Ở trong không mà bồ thí, thì bồ thí là bất khả đắc, người thí bất khả đắc, người thọ bất khả đắc, tài vật thí bất khả đắc, quả báo bồ thí bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp rốt ráo là tự tánh không vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh tu trì giới, xả bỏ sát sanh... dẫn đến xả bỏ tà kiến. Vì sao? Vì tất cả các pháp đó đều là tự tánh không.



Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng lực phương tiện thành tựu chúng sanh, nói với họ về các quả báo bố thí và trì giới, rồi lại nói với họ các quả báo bố thí và trì giới đều là tự tánh không. Nếu nghe được tánh không như vậy, mà chẳng chấp, thì tâm chẳng tán loạn... dẫn đến sẽ sanh trí huệ. Có trí huệ sẽ đoạn được hết thấy phiền não tập khí... dẫn đến sẽ nhập Vô Dur Niết Bàn. Nói như trên đây là nói pháp thế tục, chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong tánh không, thì chẳng có diệt, cũng chẳng có pháp bị diệt. Vào được các pháp rốt ráo không cũng tức là vào được Niết Bàn rồi vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát thấy chúng sanh phiền não, sân hận, liền nói với họ rằng, “Người hành nhẫn nhục thường được an vui, vì sân hận là tự tánh không”. Bồ tát lại nói với họ nên suy nghĩ rằng, “Tánh sân từ đâu mà có? Người sân là ai? Do đâu mà sân? v.v...” Bồ tát lại dạy cho chúng sanh biết hết thấy pháp đều là tánh không; ở trong tánh không, thì chẳng có tánh không thì chẳng có tánh sân, chẳng có pháp sân, chẳng có người sân”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng lực phương tiện kiến lập chúng sanh nơi tánh không, thứ lớp khai thị cho chúng sanh, khiến họ được lợi ích, được an vui... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Nói như trên đây là nói pháp thế tục, chẳng pháp là đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong tánh không, thì chẳng có người đắc, chẳng có pháp đắc, chẳng có chỗ đắc.

Này Tu Bồ Đề! Đây là “pháp tánh thật tế không”. Bồ tát vì chúng sanh hành pháp ấy mà vẫn biết rõ chúng sanh là bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều ly chúng sanh tướng vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng lực phương tiện thấy chúng sanh giải đãi, liền dạy họ thân tâm tinh tấn, nói với họ rằng, “Hỡi các người! Trong tánh không chẳng có pháp giải đãi, chẳng có người giải đãi, chẳng có sự việc giải đãi. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh không. Các người phải giữ thân tâm tinh tấn, chớ nên giải đãi. Có như vậy mới sanh được các thiện pháp, như là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ, thiền giải thoát tam muội, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Các người chớ nên giải đãi. Vì sao? Vì trong tánh không chẳng có tướng chướng ngại; trong pháp chẳng chướng ngại (vô ngại pháp) đó cũng chẳng có pháp giải đãi, chẳng có người giải đãi.

Như vậy này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh, khiến họ an trú trong tánh không, chẳng rơi về “hai pháp”. Vì sao? Vì tánh không là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Chẳng có “hai pháp” là chẳng có chỗ chấp vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành vô tánh Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh tinh tấn, nói với họ rằng, “Các người phải siêng năng, tinh tấn hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ, thiền giải thoát tam muội, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Các người chớ nên niệm “hai tướng” (nhị tướng), và cũng chẳng nên niệm “không hai tướng” (bất nhị tướng). Vì sao? Vì pháp tánh là thường không; ở trong tánh không, thì chẳng nên dùng “hai tướng” để niệm, cũng chẳng nên dùng “không hai tướng” để niệm vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật dùng lực phương tiện để thành tựu chúng sanh, dạy cho họ lần lượt được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, nhập vào Bồ tát vị... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật Bồ tát thấy chúng sanh tâm loạn, liền dùng lực phương tiện làm lợi ích cho họ, nói với họ rằng, “Các ngươi phải nên tu thiền định, chớ nên sanh loạn tưởng, phải nên tu cho được nhất tâm. Vì sao? Vì pháp tánh là thường không, ở trong tánh không, thì chẳng có pháp để được (khả đắc), dù loạn hay tịnh. Các ngươi phải nên an trú trong tam muội khi tác nghiệp ở thân khẩu ý; khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ; khi hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; khi hành 3 giải thoát môn, 10 Phật lực, đại từ, đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Các ngươi chớ nên dùng “hai tướng” để tưởng niệm, vì pháp tánh là thường không vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật Bồ tát dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến họ lần lượt được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát dùng lực phương tiện làm lợi ích chúng sanh, nên từ sơ phát tâm trọn chẳng hề giải đãi, thường cầu các thiện pháp lợi ích cho chúng sanh; đi từ cõi Phật này đến cõi ngoài khác để cúng dường chư Phật, theo chư Phật nghe pháp. Trải qua vô lượng kiếp, Bồ tát xả bỏ thân này. Lại thọ thân khác, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề mà trọn chẳng hề quên bỏ hạnh nguyện vì lợi ích chúng sanh.

Bồ tát cầu Nhất thiết chủng trí, nên tu học hết thấy các đạo, từ Thanh Văn đạo. Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo. Bồ tát trú trong thiền định, dùng lực thần thông vào trong 5 đạo sanh tử để làm lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật an trú trong tánh không, dùng lực phương tiện làm lợi ích chúng sanh, nói với họ rằng, “Hỡi các người! Phải quán hết thấy pháp đều là tánh không. Khi làm các nghiệp thân khẩu ý, các người phải hướng về tánh không. Có như vậy mới thọ được vị Cam Lộ, mới được quả vị Cam lộ. Các người chớ nên thoái chuyển. Vì sao? Vì trong tánh không chẳng có pháp thoái chuyển, cũng chẳng có người thoái chuyển. Tánh không chẳng phải là pháp cũng chẳng phải là phi pháp, vì là vô sở hữu vậy”.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tự hành 10 thiện đạo, 5 giới, 8 quan trai giới, cũng dạy người khác hành các pháp đó; tự hành 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 Phẩm Trợ Đạo, 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp... dẫn đến tự hành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, cũng dạy người khác hành các pháp đó. Bồ tát tự mình tu được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật sanh trí huệ, mà chẳng trú trong các quả đó, cũng dạy người khác như vậy. Bồ tát tự mình tu được Vô Thượng Bồ Đề, cũng dạy người khác tu được như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp tánh là thường không, thì trong đó chúng sanh là bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng là bất khả đắc. Như vậy Bồ tát làm sao cầu được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, pháp tánh là thường không.

Trong tánh không đó chúng sanh là bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh chẳng phải là không, thì Bồ tát chẳng thể y nơi pháp tánh không mà được Vô Thượng Bồ Đề, và vì chúng sanh nói pháp tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Sắc là tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng là tánh không. Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp; nói 5 âm, 12 nhập, 18 giới đều là tánh không; nói 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định đều là tánh không; nói 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng đều là tánh không cả. Nói rộng ra, tất cả các pháp ở nơi thế tục đế cũng như ở nơi chân đế đều là tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Tánh không đó, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng có chỗ trú, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu.

Này Tu Bồ Đề! Nói pháp có tướng trú, nhưng thật ra ở trong đó chẳng có pháp, chẳng có trú, chẳng có tập tán, chẳng có tăng giảm, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh. Đây là pháp tướng.

Bồ tát an trú trong các pháp tướng ấy, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thấy có chỗ phát tâm, chẳng thấy có phát tâm, chẳng thấy có trú tâm. Đây gọi là pháp trú.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy hết thấy đều là tánh không, nên chẳng thôi chuyển tâm Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp chướng ngại tánh không.

Trong tánh không đó chẳng có chúng sanh, chẳng có ngã, chẳng có nhân, chẳng có thọ giả... dẫn đến chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả.

Trong tánh không đó, thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều bất khả đắc... dẫn đến 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Ví như Phật hóa ra các chúng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, rồi vì 4 chúng đó thuyết pháp trong ngàn vạn ức kiếp mà chẳng dứt. Ý ông nghĩ sao, các hóa chúng đó có được đắc quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có được đắc quả Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng đắc vậy. Vì sao? Vì 4 hóa chúng chẳng có căn bản thật sự; hết thấy các pháp đều là tánh không, cũng chẳng có căn bản thật sự, cũng chẳng thật có. Như vậy, các hóa chúng đó làm sao có thể đắc quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có thể đắc quả Vô Thượng Bồ Đề được!

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, các pháp đều là không, mà chúng sanh điên đảo chấp là có. Nay Bồ tát muốn đưa chúng sanh ra khỏi điên đảo, nên vì họ nói pháp “không điên đảo”. Hết thấy các pháp đều là nhất tướng, nhưng do chấp mà khởi ra có nhiều điên đảo vậy, ít có ai chẳng điên đảo.

Ở nơi chỗ “không điên đảo” chẳng có ngã, chẳng có chúng sanh... dẫn đến chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả. Ở nơi đây cũng chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng có 12 nhập, 18 giới... dẫn đến chẳng có Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì hết thấy pháp vốn là tự tánh không. Bồ tát trú trong tánh không ở ngay nơi tướng chúng sanh điên đảo, mà độ thoát chúng sanh ra khỏi tướng điên đảo,

ra khỏi các pháp hữu lậu, an trú chúng sanh trong pháp vô lậu.

Này Tu Bồ Đề! Pháp tướng vô lậu cũng chẳng sao bằng được đệ nhất nghĩa tướng. Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa tướng là vô tác, vô vi, vô sanh, vô tướng, vô thuyết vậy. Đây cũng gọi là tánh không, cũng gọi là Phật đạo vậy.

Ở nơi đây, chúng sanh bất khả đắc; sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp cũng bất khả đắc.

Vì sao? Vì thật tướng pháp tức là tánh không. Bồ tát vì tánh không mà cầu Vô Thượng Bồ Đề! Tánh không đó, trước sau và chặng giữa đều là thường không. Bồ tát hành “vô tánh Bát nhã Ba-la-mật”, vì chúng sanh chấp tướng, mà cầu đạo chủng trí, nhằm độ thoát họ ra khỏi các chấp vậy.

Khi cầu đạo chủng trí, Bồ tát khắp học các đạo, từ đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật... dẫn đến đạo Bồ tát. Bồ tát học đầy đủ các đạo để độ thoát chúng sanh ra khỏi các tà kiến chấp; rồi tùy theo thọ mạng, mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ở quá khứ, ở hiện tại cũng như ở vị lai, đạo của chư Phật trong khắp 10 phương là tánh không. Rời tánh không, thì ở thế gian chẳng có đạo, chẳng có quả. Bởi vậy nên phải gần gũi chư Phật, nghe chư Phật thuyết về pháp tánh không, và hành pháp ấy, mới chẳng mất Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát hành pháp tánh không như vậy mà chẳng phá hoại tướng của tánh không. Đó là vì sắc chẳng khác tánh

không; thọ, tướng, hành, thức chẳng khác tánh không;... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Sắc tức là tánh không, tánh không tức là sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề tức là tánh không, tánh không tức là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc khác với tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không, thì Bồ tát chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Vì sắc chẳng khác tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không, nên Bồ tát biết hết thầy pháp mà phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì ở trong đó chẳng có pháp gì là thật, là thường cả. Chỉ vì phàm phu chấp 5 ấm, chấp có tướng 5 ấm, chấp có nội vật, có ngoại vật, mà phải thọ lại thân 5 ấm ở đời sau, khiến chẳng thể thoát ra khỏi “sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não”, và phải qua lại trong 5 đạo chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát hành “vô tánh Bát nhã Ba-la-mật” chẳng hoại sắc tướng cùng hết thầy pháp tướng, dù là không, dù là chẳng phải không (bất không).

Vì sao? Vì tướng sắc tánh không chẳng hoại sắc... dẫn đến tướng Vô Thượng Bồ Đề tánh không chẳng hoại Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như hư không chẳng hoại hư không. Cũng như vậy, nội hư không và ngoại hư không chẳng phá hoại lẫn nhau.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng hoại tướng sắc không, tướng sắc không chẳng hoại sắc. Vì sao? Vì 2 pháp chẳng có tánh, vì không là chẳng phải không (phi không).

Dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.



**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là không, là vô phân biệt, thì vì sao Bồ tát, từ sơ phát tâm đã phát nguyện “Tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề”?**

**Bạch Thế Tôn! Nếu có phân biệt các pháp thì chẳng thể có được Vô Thượng Bồ Đề chăng?**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành “2 tướng” chẳng thể có được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng dùng “2 tướng” để phân biệt các pháp, thì mới có thể có được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ đề chẳng có 2 tướng, chẳng có hoại tướng.**

**Này Tu Bồ Đề! Hành Bồ đề là chẳng phải ở nơi sắc mà hành; chẳng phải ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà hành... dẫn đến chẳng phải ở nơi Bồ đề mà hành vậy.**

**Vì sao? Vì sắc tức là Bồ đề, Bồ đề tức là sắc; sắc và Bồ đề là chẳng hai, chẳng phân biệt. Dẫn đến đến 18 bất cộng pháp cũng là như vậy. Hành Bồ đề là chẳng phải vì thủ mà hành cũng chẳng phải vì xả mà hành.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng phải vì thủ cũng chẳng phải vì xả mà hành Bồ đề, thì Bồ tát hành ở chỗ nào?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như người hóa, do Phật biến hóa ra, hành Bồ đề ở chỗ nào? Hành trong thủ, hay hành trong xả?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải hành trong thủ, cũng chẳng phải hành trong xả.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát hành Bồ đề chẳng phải ở trong thủ, cũng chẳng phải hành trong xả mà hành vậy.**

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ở trong mộng, A-la-hán hành Bồ đề ở chỗ nào, hành trong thủ, hay hành trong xả?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Chẳng phải ở trong thủ, cũng chẳng phải ở trong xả. Vì sao? Vì A-la-hán rốt ráo chẳng có ngủ, thì làm sao có hành Bồ đề ở trong mộng, có hành ở trong thủ hay trong xả được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát hành Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy. Chẳng phải ở trong thủ mà hành, cũng chẳng phải ở trong xả mà hành. Đây là chỗ gọi là hành trong sắc... dẫn đến hành trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ tát chẳng hành 10 địa, chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, chẳng hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng hành các thiền định giải thoát tam muội, chẳng hành 10 Phật lực... dẫn đến 80 vẻ đẹp, chẳng trú 5 thần thông, chẳng thanh tịnh Phật độ, chẳng thành tựu chúng sanh mà có được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Bồ tát hành Bồ đề là chẳng chỗ hành (vô hành xứ). Thế nhưng, nếu chẳng đầy đủ 10 địa, 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 80 vẻ đẹp; nếu chẳng thường xả pháp, chẳng làm pháp, chẳng đầy đủ các pháp, thì trọn chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên, Bồ tát trú trong tướng của sắc, trong các tướng của thọ, tưởng, hành và thức... dẫn đến trong tướng của Vô Thượng Bồ Đề mới được đầy đủ 10 địa, ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Tướng ấy thường tịch, diệt. Vì chẳng có pháp, nên chẳng có tăng giảm, chẳng có cấu tịnh, mà có thể được đạo, được quả.

Đây là vì thế tục đế mà nói Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có Vô Thượng Bồ Đề; cũng chẳng có người hành Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả các pháp nói ra đều vì thế tục đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy.

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ tát hành Vô Thượng Bồ Đề, mà Bồ đề chẳng có tăng, chúng sanh chẳng có giảm, Bồ tát cũng chẳng có tăng giảm.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu người lúc ban đầu được đạo, trú trong vô gián tam muội, thành tựu được các căn vô lậu, được các quả Thanh Văn, thì người ấy có chỗ sở đắc là mộng, là tâm, là đạo, là đạo quả chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có chỗ đắc vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Làm thế nào biết được người đắc đạo A-la-hán?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì thế tục đế nên phân biệt gọi là đạo A-la-hán.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Vì thế tục đế nên phân biệt gọi là Bồ tát, gọi là sắc, là thọ, là tưởng, là hành, là thức... dẫn đến là Nhất thiết chủng trí.

Trong Bồ đề chẳng có pháp khả đắc, chẳng có pháp tăng hay giảm, vì pháp tánh là không vậy.

Các pháp tánh là không, là bất khả đắc, nên chẳng có tâm sơ địa... dẫn đến chẳng có tâm thập địa, chẳng có 6 pháp Ba-la-mật, chẳng có 37 Phẩm Trợ Đạo, chẳng có 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, dẫn đến chẳng có hết thấy Phật pháp, vì đều là vô sở hữu.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát hành Vô Thượng Bồ Đề, được Vô Thượng Bồ Đề cũng chỉ vì lợi ích chúng sanh vậy.

### **LUẬN:**

Ở phẩm trước ngài Tu Bồ Đề hỏi, “Nếu các pháp đều là không, thì làm sao lại có 5 đạo chúng sanh, có thiện ác được?”

Ở phẩm này ngài lại hỏi, “Nếu chúng sanh bất khả đắc, thì Bồ tát vì ai mà hành Bát nhã Ba-la-mật?”.

Theo trên đây, thì ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng Bồ tát vì muốn độ chúng sanh, nên hành Bát nhã Ba-la-mật. Ý Phật muốn nói rằng chúng sanh là bất khả đắc, là hư vọng, chẳng thật có, nên Bồ tát vì hết thấy Phật pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì thật pháp tức là thật tế, và chúng sanh tế cũng tức là thật tế vậy.

**Hỏi:** *Chư Phật thấy chúng sanh khổ não, muốn độ thoát chúng sanh mà phát đại bi tâm. Nay sao lại nói vì thật tế mà phát đại bi tâm?*

**Đáp:** Từ khi sơ phát tâm, Bồ tát thấy chúng sanh chìm đắm trong khổ đau, muốn diệt các khổ của chúng sanh, mà phát đại bi tâm.

Bồ tát biết rõ các khổ “sanh, già, bệnh, chết” làm cho thân tâm chúng sanh bị suy não. Muốn tận diệt các khổ thì phải tận diệt các nguyên nhân sanh ra khổ, như Phật đã dạy

trong “12 nhân duyên”. Trong “12 nhân duyên”, 2 chi cuối cùng là “sanh” và “già, chết”.

**Hỏi:** *Hết thầy chúng sanh đều biết rõ “sanh” là nhân duyên khổ. Như vậy Bồ tát có thấy gì khác hơn chăng?*

**Đáp:** Chúng sanh thật sự chẳng biết được rằng do có “sanh” mới có “khổ”. Nếu gặp khổ, phàm phu chỉ oán hận người đem khổ đến cho mình, mà chẳng biết rằng do mình có sanh tâm mới có sanh thân, và do có thân nên mới có khổ. Chúng sanh cứ mãi tăng trưởng các kiết sử, lớp lớp sanh pháp, mà chẳng biết rằng “sanh tâm” như vậy mới là chánh nhân của khổ. Nếu chẳng bị nắng n嘿, đánh, đập, đâm chém, ... chẳng bị các nạn đói rét binh đao... thì cũng vẫn phải bị các khổ “già, bệnh, chết”.

Bởi vậy nên phải tự xét mình từ đâu sanh về đây; do nhân duyên gì mà phải thọ thân này; phải biết rằng đã có thân là có khổ. Đã có sanh pháp thì phải có diệt pháp. Có sanh, thì phải có già, có bệnh... dẫn đến có chết. Sanh, già, bệnh, chết đều là nguyên nhân khổ. Ví như cây cỏ nay còn xanh tươi, nhưng rồi đây cũng sẽ bị tàn úa, sẽ bị chết khô vậy.

Bồ tát biết rõ các nhân duyên sanh khổ, dạy chúng sanh truy tìm các nguyên nhân sanh khổ. Đó là “3 hữu” gồm: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Do nhân duyên có “3 hữu” mà khởi ra có “4 thủ”. Đó là: Ái thủ, dục thủ, kiến thủ và giới thủ. Tất cả đều do ái chấp và ngã chấp sanh ra. Do ái chấp mà phiền não càng lâu càng tăng trưởng, khởi ra các nghiệp.

Do nhân duyên “4 thủ” mà khởi sanh “3 thọ”. Đó là: Khổ thọ, lạc thọ và xả thọ.

Như vậy, trong 12 chi nhân duyên thì các chi “ái, thủ và hữu” là nguồn gốc dẫn sanh ra các khổ.

Lại nữa, do nhân duyên 6 căn “xúc” 6 trần, mà khởi sanh ra các thọ cùng các tâm sở khác. Cũng có thể nói do căn, trần và thức hòa hợp, dẫn sanh ra các thọ, cùng các tâm sở khác, mà căn bản của sự hòa hợp là “xúc” vậy.

Ngay khi “xúc” khởi, thì liền có 6 trần y chi, 6 căn y chi, và từ đó liền có “6 nhập”

6 “nhập” cũng tức là “danh sắc”. Khi chưa thành tựu thì được gọi là “danh sắc”. Khi đã thành tựu rồi thì được gọi là “6 nhập”. Khi đã được thành tựu thì trong 6 nhập có 5 nhập thuộc về sắc, còn 1 nhập thuộc về danh. Sắc là thân, danh là tâm của bào thai.

Lại do nhân duyên có “thức” gá vào thai mẹ, mà bào thai lúc ban đầu chẳng bị hư nát. Thức này rất vi tế, được gọi là thức trung âm.

Nếu chẳng có “thức” gá vào thai mẹ, thì bào thai chẳng có thể được hình thành. Phải hội đầy đủ tất cả các nhân duyên hòa hợp mới hình thành bào thai vậy.

**Hỏi:** *Vì sao thức lại vào thai mẹ?*

**Đáp:** Do nhân duyên có 3 nghiệp quá khứ, nên khi cha mẹ giao hợp thì các nghiệp ấy liền dẫn thức vào thai mẹ.

Ví như gió thổi làm lửa tắt, nhưng ở trong hư không lửa vẫn y chỉ nơi gió, nhen nhúm thêm nhiều đám lửa khác. Cũng như vậy, vì ở đời trước mỗi người đã từng đốt lên 6 thức, nên khi chết, gió nghiệp lại dẫn thức vào thai mẹ, để thọ thân ở đời sau.

**Hỏi:** *Vì sao nghiệp ở đời trước thì gọi là “hữu”, còn nghiệp ở đời này thì gọi là “hành”?*

**Đáp:** Trên đây đã nói rằng do nghiệp nhân duyên đời trước mà nay có thân. Bởi vậy nên nghiệp đời trước gọi là “hữu”.

Đời quá khứ đã diệt, nên nghiệp quá khứ chỉ còn là danh suông. Nhưng cái ý chí roi rớt lại từ các nghiệp quá khứ trở thành nhân duyên cho các hành động tạo nghiệp ở đời hiện tại. Bởi vậy nên nghiệp đời này gọi là “hành”.

Nhân duyên của “hành” là “vô minh”. Hết thấy các phiền não, tuy đều do các nghiệp tạo ra, nhưng nhân duyên căn bản vẫn là “vô minh”.

**Hỏi:** *Từ vô thi đến nay, chúng sanh đã qua lại trong sanh tử trải qua nhiều đời, nhiều kiếp. Như vậy vì sao chỉ nói đến nguyên nhân chính của sanh tử là “vô minh”.*

**Đáp:** Bồ tát tư duy về các nỗi khổ của chúng sanh, hòng giải thoát chúng sanh khỏi các khổ.

Bồ tát biết rõ chúng sanh sở dĩ ở đời nay phải chịu các cảnh khổ “sanh, già, bệnh, chết”, vì ở đời quá khứ họ đã tương tục sanh tâm. Bởi vậy nên muốn đoạn trừ các khổ “sanh, già, bệnh, chết” ở đời vị lai, thì ở đời hiện tại phải đoạn tâm tương tục, khiến chẳng có sanh nữa.

Ví như khi trị bệnh ở hiện tại, vị thầy thuốc giỏi đã truy tầm căn nguyên của bệnh trong quá khứ, nhằm chữa trị bệnh tận gốc; lại còn ngăn chặn các khả năng phát triển của bệnh, khiến bệnh chẳng còn tái phát lại trong tương lai. Lại ví như làm rớt lửa gây ra sự cháy nhà; muốn cho cảnh cháy nhà đừng tái diễn nữa, thì phải thận trọng đừng cho lửa rơi rớt nữa.

Bồ tát dạy chúng sanh diệt khổ cũng là như vậy: Các khổ quá khứ đã diệt, đừng để cho sanh lại; các khổ do các nghiệp nhân duyên từ đời trước mà nay đã thành tựu, phải đoạn trừ;

ngay ở đời hiện tại phải tận phá các nhân duyên dẫn sanh các khổ “sanh, già, bệnh, chết” ở đời vị lai.

Khi đã phá được pháp “sanh”, thì các pháp “già, bệnh, chết” tự nhiên hằng dứt vậy. Bởi vậy nên muốn diệt các khổ “sanh, già, bệnh, chết” ở đời vị lai, phải ý nơi các nhân duyên sanh khổ ở đời hiện tại.

-o0o-

Hết thảy các nghiệp hữu lậu đều do 4 chấp.

Đó là: Ái, phiền não, thọ và xúc.

Từ 4 chấp này dẫn danh ra hết thảy các tâm sở pháp.

Do các nghiệp duyên từ trước, nên có “xúc” là liền sanh “thọ”.

Do nhân duyên có “thọ” mà sanh ra có 3 độc cùng các phiền não khác. Hết thảy các phiền não đều biểu hiện sự chấp “ái” vậy.

Nhân duyên “xúc” là ở nơi 6 nội nhập. Như trước đây đã nói, tuy bên ngoài có 6 ngoại nhập, nhưng nếu chẳng có 6 nội nhập, chẳng có xúc, thì các tâm sở chẳng sanh.

Lúc ban đầu, khi thức nhập vào thai mẹ, thì thức đã cùng với danh sắc làm nhân duyên dẫn sanh 6 nội nhập. Lúc bấy giờ 6 nội nhập chỉ có danh mà chưa có dụng, vì chưa được thành tựu đầy đủ.

Đưa trẻ mới sanh ra đời tuy đã có đầy đủ 6 nội nhập nhưng chưa có xúc, nên chưa biết được khổ và lạc. Rồi dần dần lớn lên, nó đã có xúc, đã biết khổ, biết lạc, nhưng chưa có chấp ái sâu đậm. Đưa trẻ khi còn nhỏ tuy có sân mà chưa có khởi các ác nghiệp, tuy có vui mà chưa khởi các thiện nghiệp. Khi thành người lớn rồi mới thật sự có thọ khổ, thọ



lạc. Khổ thì sanh sân, lạc thì sanh ái, thường cầu các sự vui, thường khởi 4 thủ gồm ái thủ, dục thủ, kiến thủ và giới thủ. Khi đã có “thủ” mới có khởi các nghiệp thiện, nghiệp ác.

-o0o-

Nếu ở một đời mà quán biết rõ được nghiệp nhân duyên là vô tánh, thì sẽ biết rõ ở trong vạn ức kiếp cũng đều là như vậy. Ví như ở hiện tại lửa nóng, thì ở quá khứ, ở vị lai lửa cũng nóng như vậy.

Nếu muốn tìm cầu gốc của “vô minh nhân duyên” thì đương nhiên sẽ bị đọa về biên kiến, xa rời đạo Niết Bàn. Vì sao? Vì nếu đọa về hý luận, thì chẳng phải là Phật pháp vậy.

Muốn đoạn vô minh, Bồ tát cầu thể tướng của vô minh. Khi cầu như vậy sẽ biết rõ vô minh cũng là rốt ráo không.

Kinh dạy: Chẳng thấy nội pháp, chẳng thấy ngoại pháp là thấy được tướng của vô minh.

Bồ tát dùng nội không quán nội pháp, thấy nội pháp rốt ráo không, dùng ngoại không quán ngoại pháp, thấy ngoại pháp rốt ráo không; dùng nội ngoại không quán nội ngoại pháp, thấy nội ngoại pháp cũng rốt ráo không. Như vậy là thấy được tướng của vô minh, như đã nói trên đây.

Kinh *Đức Nữ* dạy: Khi đã phá được vô minh rồi, Bồ tát cầu thể tướng của vô minh, tức thời thấy rõ thể tướng của vô minh cũng chính là thật tướng của các pháp.

Đây là pháp quán thật tế. Với pháp quán này, Bồ tát thấy rõ các pháp đều là như huyễn, như hóa.

Chúng sanh, do tâm điên đảo, nên khởi ra các phiền não, tạo ra bao nhiêu nghiệp tội, khiến phải chịu luân hồi trong 5 đạo chúng sanh tương tục chịu các khổ sanh tử.

Ví như con tầm tự nhả tơ để tự trói buộc lấy mình. Cũng như vậy, khi mới sanh ra đời, phàm phu chưa có các phiền não, nhưng dần dần tự tạo ra các phiền não, khiến chân tâm bị che lấp, để rồi tự trói buộc mình vào trong sanh tử luân hồi.

Bồ tát quán biết rõ các pháp từ nguồn gốc vốn là không, biết rõ chúng sanh chỉ vì lầm chấp điên đảo mà phải thọ các khổ, nên đã phát đại bi tâm, vì chúng sanh cầu thật pháp, hành Bát nhã Ba-la-mật. Khi đã thông đạt thật tế rồi, Bồ tát giáo hóa chúng sanh, khiến họ được an trú trong thật tế; vì an trú trong thật tế mới chẳng có lầm lỗi.

Lại nữa, kinh dạy: Nếu thật tế và chúng sanh sai khác nhau, thì Bồ tát chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật. Nhưng vì thật tế và chúng sanh đều là rốt ráo không, nên Bồ tát mới vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu chúng sanh là thật có, thì Bồ tát chẳng có thể vì chúng sanh tu thật tế được. Vì chúng sanh là rốt ráo không và thật tế cũng là rốt ráo không, chúng sanh và thật tế chẳng có sai khác, nên Bồ tát mới có thể vì chúng sanh mà hành thật tế vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mới có thể đưa chúng sanh ra khỏi điên đảo, kiến lập họ nơi thật tế, mà chẳng phá hoại thật tế vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chúng sanh tế và thật tế chẳng có sai khác nhau, thì kiến lập chúng sanh nơi thật tế là kiến lập thật tế nơi thật tế vậy. Thật chẳng thể làm như vậy được. Ví như ngón tay chẳng có thể tự chỉ ngón tay được vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Chẳng có thể kiến lập thật tế nơi thật tế. Thế nhưng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế. Ở nơi thật tế, thì chúng sanh tế cùng thật tế chẳng sai khác nhau, vì đều là bất khả đắc cả.

Chúng sanh và thật tế chỉ là một tánh, nên chúng sanh tế chẳng phá hoại thật tế vậy.

Bồ tát biết rõ 2 pháp đó chẳng phải là một, chẳng phải là hai, là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có hý luận.

Bởi vậy nên Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà muốn giáo hóa họ, nhằm đưa họ ra khỏi các chấp điên đảo.

**Hỏi:** *Bồ tát dùng lực phương tiện như thế nào để kiến lập chúng sanh nơi thật tế?*

**Đáp:** Bồ tát dùng lực phương tiện kiến lập chúng sanh nơi bố thí, dạy chúng sanh rằng, “Bố thí là rốt ráo không, trước, sau và chặng giữa đều không”.

Bồ tát dạy chúng sanh bố thí nhằm dẫn dắt họ ra khỏi xan tham. Thế nhưng nếu chúng sanh chấp quả báo bố thí, chấp các phước lạc ở cõi trời và cõi người, thì Bồ tát lại dạy chúng sanh rằng, “Nếu hưởng hết các phước lạc rồi, thì sẽ phải chịu các khổ não. Các phước đức phú quý, giàu sang... là nhân duyên khởi sanh các tội lỗi. Do vậy mà khi đã hưởng hết các phước lạc lại chuyển thân thọ các khổ ở địa ngục. Bồ tát thương xót chúng sanh chỉ vì ham vui trong chốc lát mà phải thọ khổ lâu dài. Bởi vậy nên Bồ tát vì chúng sanh nói, “Ở nơi thật tướng thì bố thí là rốt ráo không, chẳng có người thí, chẳng có người thọ, chẳng có vật thí. Ở quá khứ, ở hiện tại, cũng như ở vị lai, bố thí đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Như vậy là bố thí trước sau và chặng giữa cũng đều là rốt ráo không”.

Bồ tát lại nói rằng, “Bố thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật pháp. Ở nơi thật tế, thì thật tướng của các pháp đều là không. Vậy chớ nên niệm bố thí, chớ nên chấp bố thí. Chẳng niệm, chẳng chấp bố thí như vậy là vào được nơi như như thể tướng

của bố thí. Bố thí như vậy mới có được vị Cam Lô, vào được thánh đạo, được quả vị Cam Lô là Niết Bàn vậy”.

Bởi vậy nên, dù an trú trong thật tế, mà Bồ tát vẫn dùng các lực phương tiện hành bố thí để độ thoát chúng sanh.

Hành các Ba-la-mật khác cũng là như vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là tánh không, mà trong tánh không thì chẳng có pháp, chẳng có phi pháp, cũng chẳng có chúng sanh; như vậy Bồ tát làm sao có thể trú trong tánh không mà cầu Nhất thiết chủng trí được?

Phật dạy: Do Bồ tát thường an trú trong tánh không nên mới thường hành bố thí.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ở trong tánh không thì hết thấy các pháp đều bị phá, chẳng còn gì nữa cả. Như vậy làm sao Bồ tát có thể an trú trong tánh không để thường hành bố thí?

Phật dạy: Do nhân duyên Bồ tát biết rõ thật tướng của các pháp và an trú trong đó, tức là an trú trong tánh không, mà được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp, nói hết thấy các pháp đều là tánh không, nói sắc, thọ, tưởng, hành thức là tánh không... dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí là tánh không.

Tánh không chẳng có trú xứ, nên được gọi là pháp tánh thường trú, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh, chẳng có tăng giảm. Tánh không cũng được gọi là thật tướng pháp. Bồ tát trú nơi tánh không chẳng thấy có chướng ngại, chẳng thấy có pháp chướng ngại, nên dù biết rõ chúng sanh là rốt ráo không mà vẫn có thể dùng các lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

**Hỏi:** *Nếu pháp và chúng sanh bản lai đều là không, thì ai dùng lực phương tiện? Ai được độ thoát?*

**Đáp:** “Tánh không” chẳng có tánh tướng. Nếu chấp “tánh không” có tánh tướng, mới nên nạn hỏi.

Lại nữa, khi đã vào được thật tướng pháp rồi, thì vào được tánh không; biết rõ trong tánh không là chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh.

Chỉ vì phạm phu chưa vào được thật tướng, nên mới ức tướng phân biệt, chấp thật có các pháp hữu vi. Bồ tát vì chúng sanh mà nói có các pháp, có phân biệt, rồi dần dần đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp, tức là nơi tánh không vậy. Bồ tát an trú trong tánh không, nên mới dùng lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

Trong kinh, Phật dạy: Trong tánh không đó, thì chúng sanh là bất khả đắc, sắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp đều là bất khả đắc cả.

Thế nhưng vì muốn kiến lập chúng sanh nơi thật tế, nên Bồ tát phải vì chúng sanh nói thế đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy.

-o0o-

**Phật hỏi:** Các người hóa có được đạo chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng được vậy. Vì các người hóa chẳng có căn bản thật sự. Hết thầy các pháp đều là tánh không, nên cũng chẳng có căn bản thật sự.

**Phật dạy:** Bồ tát hóa độ chúng sanh cũng là như vậy. Chúng sanh và các pháp đều chẳng có căn bản thật sự, mà chúng sanh điên đảo chấp là có. Nay Bồ tát muốn đưa chúng

sanh ra khỏi các chấp điên đảo, nên vì họ nói pháp “không điên đảo”. Ở nơi chỗ “không điên đảo” chẳng có ngã, chẳng có chúng sanh... dẫn đến chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả. Các pháp tuy chỉ một tướng (nhất tướng) mà chúng sanh điên đảo chấp có rất nhiều tướng.

Bồ tát trú trong tánh không, phá các vọng chấp của chúng sanh mà chẳng phá chúng sanh; ở ngay nơi tướng chúng sanh điên đảo mà độ chúng sanh ra khỏi tướng điên đảo, ra khỏi các pháp hữu lậu, và an trú họ trong pháp vô lậu.

Các pháp vô lậu mà Bồ tát dùng để giáo hóa chúng sanh, như 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo v.v... đều y theo thể để sanh diệt mà nói ra, nên chẳng bằng được đệ nhất nghĩa để vậy.

**Hỏi:** Thế nào gọi là “tánh không”, thế nào gọi là “Bồ tát đạo”?

**Đáp:** Ở nơi thể tục đế thì có phân biệt giữa tánh không và Bồ tát đạo. Ở nơi đệ nhất nghĩa đế thì chẳng có phân biệt.

Thật tướng các pháp tức là tánh không. Bồ tát hành các Pháp chỉ để cầu tánh không, nên nói chẳng vì Bồ tát đạo mà chỉ vì tánh không vậy. Trước sau chỉ vì tánh không mà tu, nên là thường không, là chẳng có chỗ sở tác (vô sở tác) chẳng phải do lực trí huệ, mà là tự không. Tánh không tự là như vậy.

Phật và Bồ tát dùng lực trí huệ dạy cho chúng sanh biết như vậy, để tự phá chấp điên đảo. Ví như tánh của hư không là thường thanh tịnh. Bồ tát thuyết pháp chỉ cho chúng sanh biết tự tánh của các pháp là rốt ráo không, cũng ví như gió thổi phá đám mây mù khiến hư không trở lại thanh tịnh như trước.

Bồ tát biết rõ tánh không, nên được đầy đủ các đạo, độ thoát chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, vào “như huyễn đạo” mà hành Bồ tát đạo. Do vậy mà thọ đủ các hình tướng trang nghiêm.

-o0o-

Phật dạy: Hết thấy pháp đều là tánh không; và tánh không là chân thật pháp. Người được pháp ấy gọi là Phật. Lìa tánh không ra thì chẳng có được đạo quả. Vì sao? Vì lìa tánh không tức là có chấp tướng; có chấp tướng tức là chẳng có đạo quả vậy. Nếu lìa tánh không mà bố thí, trì giới v.v... thì tuy chẳng bị đọa về các đường ác, tuy được hưởng phước sanh lên cõi trời, nhưng khi hết phước rồi thì cũng vẫn phải bị đọa trở lại. Trái lại, nếu hành tánh không mà chẳng chấp tánh không, thì đó tức là Niết Bàn vậy. Nếu hành pháp không mà còn có chấp, thì rất dễ bị thoái tâm; nếu hành pháp không mà còn có chấp, thì chẳng có bị lỗi lầm, nên chẳng có thoái tâm.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Thật là hy hữu, Bồ tát hành tánh không như vậy mà chẳng hoại tướng tánh không. Vì sắc chẳng khác tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không.

Phật dạy: Nếu sắc khác với tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không, thì Bồ tát chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Vì sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không, nên Bồ tát biết rõ hết thấy pháp tánh không mà phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì ở trong đó chẳng có pháp gì là thật, là thường cả. Vì phạm phu chấp ngã, chấp các nội ngoại pháp, nên chẳng có thể được giải thoát khỏi “sanh, già, bệnh, chết” vậy.

Trái lại, Bồ tát hành tánh không, hòa hợp với 6 pháp Ba-la-mật nên chẳng hoại hết thấy các pháp tướng. Vì sao? Vì thật tướng các pháp tức là tánh không. Tánh không chẳng hoại tánh không; sắc chẳng hoại tướng sắc không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng hoại tướng tướng Vô Thượng Bồ Đề không. Nơi đây, Phật dùng thí dụ “nội hư không chẳng hoại ngoại hư không” vì đồng một thể vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là không, là vô phân biệt, thì Bồ tát y chỗ nào mà cầu Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nếu hành “2 tướng” thì chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng dùng “2 tướng” mới có được Vô Thượng Bồ Đề. Chẳng phải ở nơi sắc... dẫn đến chẳng phải ở nơi trí huệ mà hành trí huệ. Hành trí huệ là chẳng phải vì thủ mà hành, cũng chẳng phải vì xả mà hành.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng phải vì thủ cũng chẳng phải vì xả mà hành Bồ đề, thì Bồ tát hành Bồ đề ở chỗ nào?

Nên biết “thủ” là chấp, “xả” là chẳng chấp. “Hành thủ” là hành 2 tướng, “hành xả” là chẳng hành 2 tướng. Ở đây nêu lên sự phân biệt giữa “2 tướng” và “không 2 tướng” (bất nhị tướng).

Phật dạy: Người hóa hành Bồ đề ở chỗ nào? Hành trong thủ hay hành trong xả?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Người hóa chẳng có chỗ hành, vì chẳng có các tâm và tâm sở.

Phật dạy: Ở trong mộng, A-la-hán hành Bồ đề ở chỗ nào? Hành trong thủ hay hành trong xả?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: A-la-hán chẳng ngủ. Như vậy làm sao có thể hành Bồ đề ở trong mộng! Làm sao có thể hành trong thủ hay hành trong xả được!



**Hỏi:** *Vì sao Phật hỏi, “Ở trong mộng, A-la-hán hành Bồ đề ở chỗ nào?”*

**Đáp:** A-la-hán đã được lậu tận. Thế nhưng ở đây Phật muốn nói rõ hành mà chẳng chỗ hành (vô sở hành) mới thật là hành vậy.

**Hỏi:** *Đến Phật cũng còn có ngủ. A-la-hán làm sao mà chẳng có ngủ được? Do đâu biết được như vậy?*

**Đáp:** Phật thường bảo ngài A Nan rằng, “Hãy xếp chiếc y uất đa la tãng, vì ta cần nằm ngủ chút ít. Ông hãy vì các Tỷ-kheo nói pháp”.

Lại nữa, trong kinh có nêu mẫu chuyện sau đây:

Ông Tát Già Ni Càn đến hỏi Phật: Suốt đêm Phật có ngủ chẳng?

Phật đáp: Vào cuối mùa xuân và đầu mùa hạ tiết trời nóng bức, nên ta có ngủ chút ít để trừ các bệnh do ăn uống gây ra.

Ông Tát Già Ni Càn lại hỏi: Đêm ngày ngủ mãi có phải là si tướng chẳng?

Phật đáp: Các lậu tương tục sanh thân mà chẳng đoạn mới gọi là si tướng. Nếu chẳng đoạn các lậu thì dù thường chẳng ngủ cũng gọi là si.

**Hỏi:** *Theo trên đây thì Phật, A-la-hán đều có ngủ. Như vậy thì sao ngài Tu Bồ Đề lại nói A-la-hán còn chẳng có ngủ?*

**Đáp:** Có 2 trường hợp: Ngủ có mộng và ngủ chẳng có mộng. Các bậc A-la-hán chẳng phải vì muốn chấp sự an ổn mà ngủ; trái lại chỉ vì muốn giữ gìn thân mà có ăn, có ngủ. Đây là trường hợp ngủ chẳng có mộng.

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề nói A-la-hán chẳng có ngủ, là vì ngài muốn nói A-la-hán đã ly dục, đã được tâm hoan lạc, nên chẳng cần ngủ nghỉ. Thế nhưng Phật cũng như chư đại A-la-hán vẫn thọ “nhân pháp”, thị hiện có ngủ nghỉ để dùng làm phương tiện độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ tát chẳng tu hành thì làm sao thành tựu được 10 địa... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy. Bồ tát hành Bồ đề là chẳng có chỗ hành (vô hành xứ). Thế nhưng nếu chưa đầy đủ 10 địa, 6 pháp Ba-la-mật... thì trọn chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát trú trong tướng sắc... dẫn đến trú trong tướng Vô Thượng Bồ Đề mà được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng xả pháp sắc, cũng chẳng chấp tướng Vô Thượng Bồ Đề, vì tướng ấy thường tịch diệt, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh.

Chỉ vì thế tục đế mà nói ra có đắc đạo hay chẳng đắc đạo, có đắc quả hay chẳng đắc quả vậy thôi. Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề, ở trong đệ nhất nghĩa đế chẳng thấy có sắc... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phật muốn nói rõ sự việc trên đây nên hỏi lại ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Khi ông đoạn sạch phiền não, ông có thấy có chỗ đắc đạo chăng? Có pháp nào quyết định có chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng có chỗ đắc. Vì sao? Vì con là người trú trong pháp môn vô tướng để vào đạo, thì làm sao có chấp tướng được?

Phật lại hỏi: Ông chẳng chấp pháp, dẫn đến vi tế pháp cũng chẳng chấp. Như vậy do đâu mà nói ông là A-la-hán?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Do thế tục pháp mà nói con là A-la-hán, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Chỉ có phàm phu mới chấp có được (đắc), có mất (thất), có chúng sanh, có Phật, có Bồ đề.

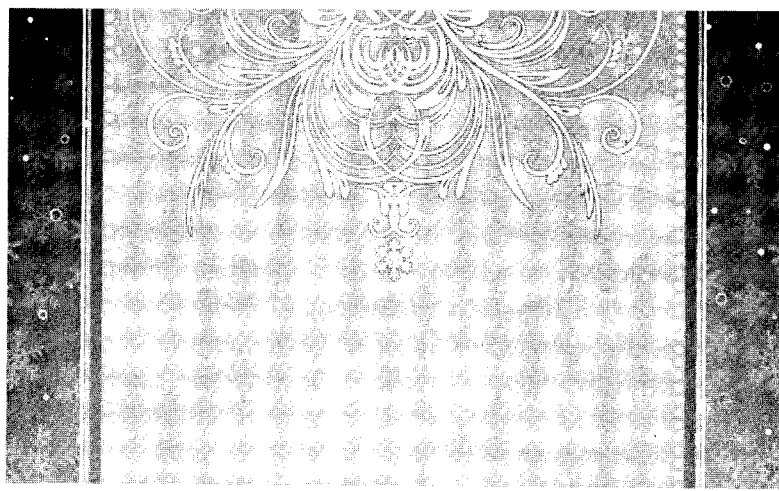
Do thế tục pháp nên nói có Bồ tát, có hết thấy các sắc pháp. Trái lại, ở nơi Bồ đề thì chẳng có một định pháp nào cả, chẳng có Phật, chẳng có Bồ tát, chẳng có chúng sanh, cũng chẳng có Bồ đề vậy.

Bồ tát quán pháp Bồ đề chẳng có tăng giảm. Vì sao? Vì các pháp tánh là thường như vậy. Bồ tát chẳng đắc pháp tánh, huống nữa là đắc sơ địa... dẫn đến thập địa, đắc 6 pháp Ba-la-mật, đắc 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến đắc 18 bất cộng pháp.

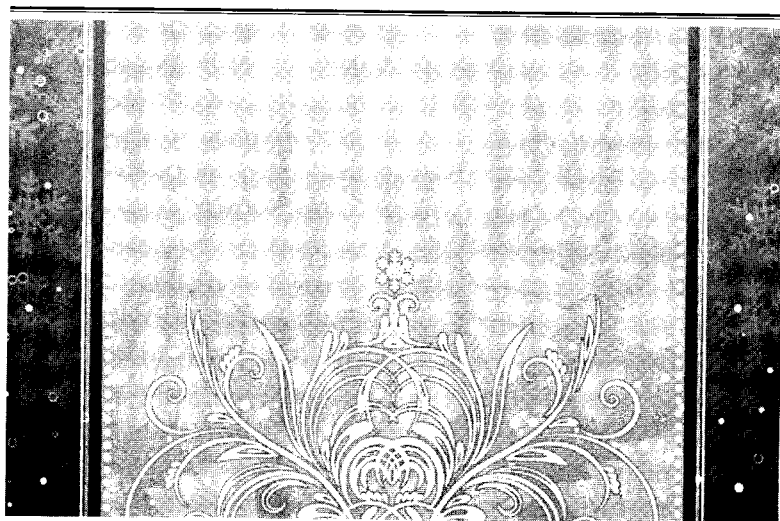
Nếu nói có chỗ sở đắc, thì đó là hý luận. Vì sao? Vì ngay từ căn bản, pháp tánh là bất khả đắc vậy. Bởi vậy nên Bồ tát hành các pháp tánh, được thật trí huệ, thường làm lợi ích cho chúng sanh.

(Hết quyển 90)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 91**





## Phẩm Thứ Tám Mười Mốt



Cụ Túc  
(Đầy Đủ)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến 18 bất cộng pháp, mà chẳng được đầy đủ Bồ tát đạo, thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy phải như thế nào mới đầy đủ Bồ tát đạo, để có thể được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng các lực phương tiện hành bố thí, mà chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, chẳng thấy có tài vật thí, nhưng lại cũng chẳng xa rời các pháp ấy. Như vậy là thấy rõ Bồ tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Do dùng phương tiện lực như vậy nên Bồ tát được đầy đủ Bồ tát đạo... dẫn đến có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Khi hành Bát nhã Ba-la-

mật, Bồ tát dùng các lực phương tiện, nên chẳng hoại sắc, mà cũng chẳng tùy sắc.

Vì sao? Ví sắc là tánh không, nên chẳng hoại, chẳng tùy. Dẫn đến thọ, tướng, hành, thức cũng đều là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng có tự tánh để hoại, để tùy, thì Bồ tát thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, và y cứ vào chỗ nào để học Bát nhã Ba-la-mật? Nếu Bồ tát chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, thì vì sao lại chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Như chỗ ông nói, nếu Bồ tát chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Phải chẳng rời các lực phương tiện mới có thể được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này Xá Lợi Phất! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát thấy có một pháp khả đắc, thì mới nên thủ. Nếu chẳng thấy có pháp khả đắc, thì có chỗ đâu để mà thủ? Bất khả đắc (chẳng thể đắc), vô sở thủ (chẳng chỗ thủ) là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. 5 Ba-la-mật kia, 5 ấm... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là tướng bất khả đắc, vô sở thủ.

Này Xá Lợi Phất! Bất khả thủ (chẳng thể thủ), là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát Ma ha tát phải như vậy mà học. Ở nơi chỗ học, ở nơi tướng học còn bất khả đắc (chẳng thể đắc), huống nữa là ở nơi Bát nhã Ba-la-mật và ở nơi các pháp. Vì sao?

Này Xá Lợi Phất! Ở nơi hết thấy pháp chẳng có pháp nào có tánh cả. Nếu các pháp đều là vô tánh (chẳng có tánh) thì làm sao có phàm phu, có pháp Thanh Văn, có pháp Bích Chi Phật, có pháp Bồ tát, có pháp Phật được?



**Nếu chẳng có các Hiền Thánh, thì làm sao phân biệt có pháp phàm phu, pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật?**

**Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là vô tánh (chẳng có tánh), là chẳng thật có, là chẳng có căn bản, thì làm sao biết là phàm phu... dẫn đến là Phật?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Phàm phu chấp sắc v.v... là có tánh. Chỗ chấp thủ của phàm phu có thật chẳng?**

**Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật vậy. Chỉ do tâm chấp điên đảo vậy thôi.**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát dùng lực phương tiện khi hành Bát nhã Ba-la-mật, thấy các pháp đều là vô tánh (chẳng có tánh), vô căn bản (chẳng có căn bản) mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.**

**Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thấy các pháp vô tánh, vô căn bản mà Bồ tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy các pháp căn bản. Nếu trú trong đó sẽ thoái chuyển, sẽ sanh tâm giải đãi.**

**Này Xá Lợi Phất! Vì từ căn bản, các pháp thật sự là vô ngã (chẳng có ngã), là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh sở hữu), là thường không. Chỉ do ngu si, điên đảo mà chúng sanh chấp có ấm, giới, nhập vậy thôi. Bồ tát thấy rõ các pháp chẳng có tánh sở hữu, là thường không nên vào được nơi tự tánh không. Bồ tát tự ví mình như nhà huyền thuật, vì chúng sanh thuyết pháp. Bồ tát gặp người xan tham thì dạy họ tu bố thí; gặp người phá giới thì dạy**

họ tu trì giới; gặp người sân thì dạy họ tu nhẫn nhục; gặp người giải đãi thì dạy họ tu tinh tấn; gặp người loạn động thì dạy họ tu thiền định; gặp người ngu si thì dạy họ tu trí huệ. Bồ tát khiến họ an trú thọ các pháp ấy, rồi sau đó mới vì họ thuyết các thánh pháp, dẫn dắt họ thoát khỏi các khổ; dạy họ tu các quả Thanh Văn, tu đạo Bích Chi Phật... dẫn đến tu Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát biết rõ chúng sanh là vô sở hữu, mà vẫn dạy họ tu 6 pháp Ba-la-mật, rồi lại vì họ thuyết các thánh pháp, nhằm dẫn dắt họ thoát khổ; dạy họ tu các pháp đó để được quả Thanh Văn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng có lỗi “hữu sở đắc”. Vì sao? Vì khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng đắc (bất đắc) chúng sanh. Bồ tát chỉ tương tục thấy pháp “không” mà gọi đó là chúng sanh.

Này Xá Lợi Phát! Bồ tát trú trong 2 đế, vì chúng sanh thuyết pháp. Đó là thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế.

Này Xá Lợi Phát! Ở trong 2 đế, mặc dù chúng sanh bất khả đắc, mà Bồ tát vẫn dùng các lực phương tiện, vì chúng sanh thuyết pháp. Chúng sanh do nghe pháp mà đời nay được tâm chấp ngã bất khả đắc.

Như vậy, này Xá Lợi Phát! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện, vì chúng sanh thuyết pháp.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ tát dùng tâm quảng đại, chẳng thấy có pháp bất khả đắc, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng, hoặc biệt tướng mà tự đại trang nghiêm.

Do tự đại trang nghiêm như vậy, nên chẳng sanh cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Bồ tát chẳng thấy có pháp hữu vi hay vô vi, nên ở trong 3 cõi độ thoát chúng sanh mà vẫn bất khả đắc chúng sanh. Vì sao? Vì biết chúng sanh chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng trói (vô phược) chẳng mở (vô giải), nên chẳng phân biệt có 5 đạo chúng sanh. Vì chẳng phân biệt có 5 loài chúng sanh nên chẳng thấy có nghiệp, chẳng thấy có phiền não, chẳng thấy có quả báo. Vì chẳng có quả báo, nên chẳng sanh trong 3 cõi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Như chỗ ông nói. Nếu chúng sanh trước có, sau không, thì chư Phật và chư Bồ tát mới có lỗi lầm. Đối với các pháp cũng là như vậy.

Nay Xá Lợi Phất! Dù có Phật hay dù chẳng có Phật, thì các pháp tướng vẫn thường trú, chẳng thay đổi. Trong pháp tướng thì ngã, chúng sanh, thọ giả... dẫn đến tri giả, kiến giả còn chẳng có, huống nữa là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chẳng có các pháp ấy, thì làm sao thấy chúng sanh qua lại trong 5 đường sanh tử để độ thoát họ?

Nay Xá Lợi Phất! Pháp tánh là thường không. Bồ tát theo chư Phật quá khứ nghe thuyết về pháp tướng mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Trong pháp tánh chẳng có ngã, chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh, nhưng mỗi khi chúng sanh đã có tâm chấp, thì rất khó thoát khỏi các chấp. Do tâm chấp điên đảo, nên chúng sanh mới thấy có các pháp vậy.

Bởi vậy nên Bồ tát phát đại trang nghiêm, thường chẳng thôi tâm Vô Thượng Bồ Đề; chẳng nghĩ rằng mình sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề; tin chắc mình sẽ được

Vô Thượng Bồ Đề, và khi đã được Vô Thượng Bồ Đề rồi sẽ dùng thật pháp làm lợi ích chúng sanh, khiến họ thoát khỏi điên đảo.

Này Xá Lợi Phát! Ví như nhà huyền thuật huyền hóa ra trăm ngàn vạn ức người, và cho họ ăn uống đầy đủ. Những người hóa này đều hoan hỷ nói rằng, “Chúng ta được phước lớn; chúng ta được phước lớn!”.

Ý ông nghĩ sao? Trong huyền cảnh đó có người được ăn uống đầy đủ chăng?

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có được như vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Xá Lợi Phát! Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến nay hành 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... dẫn đến 18 bất cộng pháp, nên được đầy đủ Bồ tát đạo, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, mà chẳng có chúng sanh được độ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành Bồ tát đạo như thế nào mà có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, từ sơ phát tâm cho đến nay hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp là thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát hành bố thí mà thành tựu chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí, tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, nói với họ rằng, “Các người chớ nên chấp bố thí. Nếu chấp bố thí thì sẽ phải thọ thân trong nhiều đời, phải thọ nhận nhiều sự khổ. Trong pháp tướng chẳng có chỗ thí, chẳng

có người thí, chẳng có người thọ, vì cả 3 pháp ấy đều là tánh không. Pháp tánh đã là không thì chẳng thể chấp tướng. Tướng chẳng thể chấp đó cũng là tánh không vậy.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí Ba-la-mật, Bồ tát bố thí cho chúng sanh mà chẳng đắc người thí, chẳng đắc người thọ, chẳng đắc tài vật thí. Vì sao? Vì “vô sở đắc bố thí” mới là bố thí Ba-la-mật. Vì Bồ tát chẳng đắc 3 pháp ấy, nên thường dạy chúng sanh được các quả Thanh Văn, được đạo Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật, nhằm thành tựu chúng sanh. Bồ tát tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, tán thán pháp bố thí, và hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Bồ tát nào bố thí được như vậy sẽ được sanh vào các đại gia, đại tộc, hoặc sẽ làm được tiểu vương. Kế đó, Bồ tát lại dùng bốn nhiếp pháp gồm bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự để nhiếp thủ chúng sanh; lần lần đưa họ trú vào trong 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn “không, vô tướng, vô tác”, khiến họ được vào chánh vị, được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát lại nói với chúng sanh rằng, “Chẳng có một định pháp nào gọi là chúng sanh. Chỉ do điên đảo mà chấp có chúng sanh vậy thôi. Nếu các người muốn tự mình ly sanh tử, thì phải phát tâm làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành bố thí Ba-la-mật. Do hành bố thí như vậy, nên từ sơ phát tâm cho đến nay Bồ tát trọn chẳng bị đọa vào 3 đường ác, thường sanh vào các đại gia, đại tộc, thường làm chuyển luân thánh vương. Vì sao? Vì theo chỗ đã gieo trồng nhân lành mà nay được quả báo lớn như vậy”.

Ở ngôi vị chuyển luân thánh vương, nếu thấy người đến ăn xin, Bồ tát liền tự nghĩ rằng, “Chỉ vì lợi ích chúng sanh mà ta thọ thân chuyển luân thánh vương”. Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát nói với người đến ăn xin rằng, “Người cần vật dụng gì hãy cứ nói với ta; ta chẳng tiếc gì đối với người đâu. Ta vì lợi ích chúng sanh mà thọ tử, vì thương xót chúng sanh mà đầy đủ lòng đại bi. Người đừng có sợ làm phiền ta”.

Như vậy là Bồ tát có đầy đủ lòng đại bi, làm đầy đủ các việc lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng thấy có tướng chúng sanh.

Chúng sanh là tự tướng không, chỉ giả danh gọi là chúng sanh, quyết định chẳng thật có, nên tướng của chúng sanh là chẳng có thể nói ra được (bất khả thuyết) vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật như vậy, nên đối với chúng sanh Bồ tát chẳng có luyến tiếc bất cứ vật sở hữu gì cả; thân mạng còn chẳng tiếc, huống nữa là các ngoại vật sở hữu.

Pháp như vậy là pháp giải thoát, nên Bồ tát vượt ra khỏi sanh tử, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến được đầy đủ 18 bất cộng pháp; lại cũng dạy đầy đủ như vậy cho chúng sanh; khiến họ cũng vượt ra khỏi sanh tử, được giải thoát.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật rồi, lại dạy chúng sanh tu trì giới, nói với họ rằng, “Các người chớ nên phá giới. Ta sẽ cung cấp cho các người tất cả các vật dụng cần thiết cho đời sống hàng ngày của các người, từ thức ăn uống, áo quần v.v..., chẳng để cho các người thiếu hụt. Các người hãy an trú trong giới luật nghi, lần lần sẽ được hết khổ vào được trong 3 thứ đạo là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo, rồi sẽ được giải thoát”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, thấy chúng sanh sân nhuế, liền nói với họ rằng, “Các người chớ nên sân nhuế. Ta sẽ cung cấp cho các người đầy đủ, thiếu gì ta sẽ cho, chẳng để cho các người thiếu hụt nhưng các người phải nên nhẫn nhục. Chẳng có pháp nào là bền chắc cả; nhân duyên sân hận của các người vốn là không, chẳng có bền chắc, chỉ do hư vọng, ức tưởng sanh ra, nhưng thật chẳng có căn bản. Do sân nhuế mà các người khởi ác tâm, miệng mắng nhiếc, tay cầm côn, cầm đao đâm chém người... dẫn đến làm hại mạng người. Các người chớ nên vì các pháp hư vọng mà khởi sân hận dẫn đến phải bị đọa vào chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, quanh quẩn trong 3 đường ác chịu vô lượng khổ đau. Các người chớ nên vì các việc chẳng thật mà tạo nên bao nhiêu nghiệp tội. Với các nghiệp tội như vậy, thì chuyển thân làm người còn chẳng được, huống nữa là sẽ được biết Phật, được nghe pháp. Hỡi các người! Thân người khó được, pháp Phật khó gặp. Các người chớ nên bỏ mất dịp tốt hiện nay; về sau thật khó có thể cứu được.

Bồ tát giáo hóa chúng sanh như vậy, tự mình hành nhẫn nhục, dạy người khác hành nhẫn nhục, tán thán pháp nhẫn nhục, và hoan hỷ tán thán người hành nhẫn nhục. Bồ tát đưa chúng sanh an trú trong nhẫn nhục, lần lần vào được 3 thừa đạo mà được hết các khổ.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dạy chúng sanh an trú trong nhẫn nhục.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, mà khiến chúng sanh tinh tấn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí, thấy

chúng sanh giải đãi liền nói với họ rằng. “Vì sao các người lại giải đãi. Các người nên tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục. Do nhân duyên ấy mà được thân tâm tinh tấn, tu đầy đủ các thánh pháp vô lậu, sẽ được các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật... dẫn đến sẽ vào được Phật đạo.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dạy chúng sanh an trú trong tinh tấn; dùng tinh tấn để nhiếp thủ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, giáo hóa chúng sanh, khiến họ tu thiền định?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí, thấy chúng sanh loạn tâm liền dạy họ tu thiền định, khiến tâm họ chẳng tùy theo các loạn tướng. Do nhân duyên ấy mà chúng sanh đoạn được các giác quán, vào sơ thiền... dẫn đến vào đệ tứ thiền, hành 4 vô lượng tâm. Do được 4 thiền, 4 vô lượng tâm, mà chúng sanh có thể tu 4 niệm xứ... dẫn đến thánh đạo, lần lần vào được 3 thừa giáo... dẫn đến vào được Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng Thiền Ba-la-mật để nhiếp thủ chúng sanh, khiến họ tu các thiền định.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng Bát nhã Ba-la-mật Ba-la-mật để nhiếp thủ chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật, thấy chúng sanh ngu si, chẳng có trí huệ, liền nói với họ rằng, “Vì sao các người chẳng có trí huệ? Các người hãy tu đầy đủ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền



định, ắt các người sẽ được trí huệ. Nếu các người cần gì ta sẽ sẵn sàng bố thí cho. Các người hãy tư duy xem trong Bát nhã Ba-la-mật có pháp gì khả đắc chẳng? Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả... dẫn đến tri giả, kiến giả có khả đắc chẳng? Âm, giới, nhập, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề có khả đắc chẳng? Sau khi đã tư duy như vậy, các người sẽ thấy trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp nào khả đắc (có thể được), khả chấp (có thể chấp) cả, vì hết thấy các pháp đều chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh vậy. Bởi vậy nên chẳng có phân biệt các cõi, các loài; chẳng có phân biệt trì giới và phá giới, chẳng có phân biệt quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật hay quả Phật vậy. Các người nên biết tánh không là tánh của Bát nhã Ba-la-mật”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng Bát nhã Ba-la-mật để nhiếp thủ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã... dẫn đến dùng 37 Phẩm Trợ Đạo để nhiếp thủ chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, đem các vật dụng cấp dưỡng làm lợi ích cho chúng sanh. Rồi lại dạy họ hành các thiện pháp, lần lần dẫn họ ra khỏi sanh tử, được giải thoát.

Bồ tát lại đem các thánh pháp vô lậu dạy cho chúng sanh, bố thí cho chúng sanh đầy đủ các vật dụng cần thiết để nhiếp thủ chúng sanh, và nói với họ rằng, “Các vật

sở hữu của các người cũng như của ta đều là vô thường, chẳng đáng quý. Các người chỉ nên quý các thánh pháp vô lậu mà thôi”.

Bồ tát dạy chúng sanh tu 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp; cũng khiến chúng sanh được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, giáo hóa chúng sanh khiến họ xa rời 3 đường ác và các khổ sanh tử.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát an trú trong trì giới Ba-la-mật, dạy chúng sanh tu 10 thiện đạo, khuyên họ trì các giới đã thọ, chẳng để khuyết giới, chẳng để tạp nhiễm, mà cũng chẳng chấp giới, khiến họ lần lần vào được 3 thừa đạo, thoát ra khỏi các khổ.

Như vậy là Bồ tát an trú trong trì giới Ba-la-mật, lấy trì giới làm đầu để dạy chúng sanh tu trì giới.

4 pháp Ba-la-mật kia cũng là như vậy.

### LUẬN:

**Hỏi:** Trước đây đã nói Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật và các pháp trợ đạo v.v... mà chưa đầy đủ Bồ tát đạo, thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy ngài Tu Bồ Đề phải tự biết rằng Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật phải đầy đủ Bồ tát đạo mới được Vô Thượng Bồ Đề. Nay vì sao ngài còn hỏi nữa?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề tự mình chẳng còn nghi, nhưng vì lợi ích chúng hội mà ngài hỏi Phật: Phải như thế nào mới gọi là đầy đủ Bồ tát đạo, để có thể được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát phải dùng

lực phương tiện hòa hợp cùng các pháp mà hành trì, thì mới được đầy đủ Bồ tát đạo. Ví như khi hành bố thí quyết định chẳng thấy có người thí, người thọ và tài vật thí, mà cũng chẳng ly 3 pháp ấy. Như vậy là dùng trí huệ chiếu minh, nên được đầy đủ Bồ tát đạo.

Nếu khi bố thí mà Bồ tát quyết định thấy có 3 pháp ấy, thì sẽ bị đọa về chấp thường điên đảo, vì có chấp pháp tướng là có lầm lỗi.

Nếu khi bố thí mà Bồ tát chẳng chấp 3 pháp ấy, thì sẽ đọa về chấp đoạn diệt, về chấp “không”. Ở cả 2 trường hợp này đều có khởi tà kiến, phiền não, nên đều ly Bồ tát đạo.

Nếu biết rõ hết thấy pháp đều là hư dối, là giả danh, là chẳng thật có, thì vào được nơi thật tướng của các pháp, ly được cả 2 chấp CÓ và KHÔNG. Bồ tát ở nơi thật tướng pháp, chẳng thấy có người thí, người thọ và tài vật thí, mà cũng chẳng ly 3 pháp ấy. Bồ thí được như vậy là được đầy đủ Bồ tát đạo.

Hành 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp cũng phải như vậy mới đầy đủ Bồ tát đạo.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất ngồi trong chúng hội, nghe Phật và ngài Tu Bồ Đề hỏi đáp như trên, bèn hỏi Phật rằng: Lợi ích của Bát nhã Ba-la-mật rất lớn, quả báo của Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Thế nhưng, nếu Bát nhã Ba-la-mật quyết định chẳng có định tánh, thì làm sao có thể tu tập Bát nhã Ba-la-mật được?

Phật dạy: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng hoại sắc, cũng chẳng tùy sắc, thì như vậy là tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Từ sơ phát tâm, Bồ tát biết rõ thật tướng pháp, nên thường hành Bát nhã Ba-la-mật, thứ lớp hành bồ thí cùng các Ba-la-mật khác; biết rõ sắc chẳng hoại không; biết rõ sắc là không, là vô sở hữu. Như vậy gọi là chẳng hoại sắc.

Còn chẳng tùy sắc là chẳng thủ sắc tướng. Khi mắt thấy sắc, chẳng chấp đắm sắc, cũng chẳng nói sắc là thường hay vô thường, sắc là khổ hay là lạc v.v... Như vậy là chẳng tùy sắc. Vì sao? Vì thấy sắc là thường hay là phi thường (chẳng phải thường) đều chẳng thấy được thật tướng của sắc vậy.

Lại chẳng nói sắc là có căn bản, chẳng nói sắc từ vi trần mà thành, chẳng nói sắc từ Đại Tự Tại Thiên sanh, cũng chẳng nói sắc chẳng có nhân (vô nhân), chẳng có duyên (vô duyên) sanh. Như vậy gọi là chẳng hoại sắc, chẳng tùy sắc.

Ở đây, Phật nói lên nhân duyên sắc là tánh không, nên chẳng hoại chẳng tùy vậy.

Sắc theo 4 đại hòa hợp mà giả danh có, nhưng thật ra chẳng có một pháp nào nhất định gọi là “sắc” cả.

Như trước đây đã nói sắc do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên là vô tánh (chẳng có tánh); mà vô tánh tức là tánh không vậy. Cho nên nếu biết được sắc tướng là tánh không, thì như vậy là tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Nếu hết thấy pháp đều chẳng có tự tánh có thể hoại thì Bồ tát làm sao tu tập Bát nhã Ba-la-mật? Nếu chẳng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát dùng các lực phương tiện hành 6 pháp Ba-la-mật, là biết rõ các pháp “không” mà thường khởi Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cầu hết thấy pháp. Nếu các pháp thật

sự có định tánh, thì mới có thể thủ, có thể chấp. Nay Bồ tát cầu hết thấy pháp, mà biết rõ hết thấy pháp, từ 6 Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều bất khả đắc. Do các pháp đều bất khả đắc, nên chẳng có gì thủ, chẳng có gì chấp nữa vậy.

Bồ tát chẳng thủ Bát nhã Ba-la-mật, nhưng còn phải biết “vô thủ Bát nhã Ba-la-mật” cũng là bất khả đắc, chẳng nên chấp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu các pháp đều là vô tánh, thì làm sao phân biệt có Phật, có phàm phu?

Phật dạy: Từ căn bản, hết thấy pháp đều chẳng có định tướng. Chỉ vì phàm phu ngu muội chấp, nên mới phân biệt có các tướng sai khác. Bồ tát dùng lực phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy các pháp có căn bản, mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát thật hành các pháp tánh không, nên chẳng thấy các pháp có căn bản. Do chẳng thấy các pháp có căn bản, nên chẳng giải đãi, chẳng thối tâm.

Bồ tát thấy rõ các pháp đều là vô ngã, đều là tánh vô sở hữu, là tánh thường không; còn chúng sanh thì điên đảo chấp có 5 âm, giới, nhập v.v... Bồ tát thâm niệm về thật tướng tịch diệt của các pháp, mà chúng sanh ngu muội lại khởi các chấp điên đảo, hư dối. Bởi vậy nên Bồ tát tự ví mình như nhà huyền thuật, dùng thần thông biến hóa, để rồi vì chúng sanh thuyết pháp. Bồ tát xem tất cả các sự việc đều là như huyền, nên chẳng sanh tâm thương ghét, dùng tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, mà thuyết pháp vậy. Thấy người xan tham, Bồ tát dạy họ tu bố thí; thấy người sân nhuế, dạy họ tu trì giới v.v... Bồ tát vì chúng sanh mà chuyển pháp luân, dẫn dắt chúng sanh ra khỏi các nẻo đường sanh tử, dạy họ tu tập để được các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề.

**Hỏi:** Ngoài 6 pháp Ba-la-mật ra, Bồ tát còn dùng những pháp gì để giáo hóa chúng sanh?

**Đáp:** Ngoài 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát còn dùng 4 thánh đế, dùng 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến dùng 18 bất cộng pháp để giáo hóa chúng sanh.

Đối với người thượng căn, thượng trí, Bồ tát thường dạy họ tu 6 pháp Ba-la-mật. Đối với người trung căn hay hạ căn, Bồ tát thường chỉ dạy họ tu bố thí, tu trì giới để được quả báo sanh lên cõi trời hưởng phước lạc. Nhưng rồi lại dạy cho họ biết rằng 5 dục dẫn đến vui ít, khổ nhiều; rằng thọ thân ở thế gian là phải thọ các khổ già và chết. Bồ tát lại tán thán 4 thánh đế, nói với họ rằng do tu các pháp mà đoạn được các ái chấp thế gian... dẫn đến vượt ra khỏi ngục tù 3 cõi. Bồ tát tùy theo căn cơ chúng sanh nói 4 thánh đế như vậy, khiến họ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Ở nơi đây tuy chẳng nói đến 6 pháp Ba-la-mật, mà đã có nhiếp các pháp Ba-la-mật bên trong rồi vậy.

Nói tóm lại, vì người cầu Phật đạo, Bồ tát mới nói 6 pháp Ba-la-mật, còn đối với hạng người căn cơ còn thấp kém, ưa thủ pháp Tiểu thừa, thì chẳng nên nói 6 pháp Ba-la-mật, mà chỉ nên nói bố thí, trì giới sẽ được thọ báo sanh lên cõi trời.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Trước nói Bồ tát rất ráo chẳng đắc các pháp. Nay vì sao nói vì “vô sở hữu chúng sanh” mà Bồ tát dạy cho chúng sanh được “vô sở hữu pháp”, được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí? Như vậy sự việc Bồ tát được vô sở hữu pháp khiến chúng sanh được vô sở hữu pháp là “hữu sở đắc” hay là “vô sở đắc”?

Phật dạy: Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp và chúng sanh, biết rõ các nhân duyên hòa hợp mà có pháp, có chúng sanh nên chẳng có lỗi “hữu sở đắc”. Bồ tát

trú trong 2 đế, vì chúng sanh nói pháp. Đối với người chấp “hữu” thì nói “vô” để phá chấp “hữu”; đối với người chấp “vô” thì nói “hữu” để phá “vô”; nhưng sau đó dạy lại họ chẳng nên nhiễm chấp cả 2 bên “hữu và vô” đó.

Vì chúng sanh mê muội chấp có “ngã thân” hiện tại, nên Bồ tát dùng phương tiện lực vì họ thuyết pháp. Chúng sanh do nghe pháp mà biết rõ “ngã thân” là bất khả đắc. Bồ tát lại dạy chúng sanh biết rõ chẳng có pháp nào khả đắc, dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hoan hỷ thưa: Bồ tát dùng tâm quảng đại, tự nói lên các pháp nhân duyên chẳng có pháp nào khả đắc cả. Người buôn bán ở giữa chợ ắt phải có giao dịch. Thế nhưng, người có đại tâm chẳng phải như vậy; chẳng có chỗ y chỉ mà thường phát đại trang nghiêm. Vì thường phát đại trang nghiêm, nên Bồ tát chẳng sanh vào 3 cõi, mà còn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi 3 cõi. Bồ tát biết rõ chúng sanh và pháp đều bất khả đắc, nên ở nơi hết thảy pháp đều chẳng phục (chẳng trói), chẳng giải (chẳng mở). Bồ tát biết rõ các pháp vốn là không, mà chẳng sanh do đã lâu đời bị phiền não che tâm chẳng có hay biết như vậy. Nếu biết rõ các phiền não là hư vọng, chẳng thật có, thì chẳng còn thấy trói buộc, có giải thoát nữa.

Theo thế tục thì nói khi cấu tâm được giải thì tâm trở lại thanh tịnh, nhưng thật ra tâm vốn chẳng có cấu tịnh. Vì tâm vốn là vô cấu, vô tịnh, nên chẳng có phân biệt các đạo chúng sanh, chẳng có phân biệt tội phước nghiệp báo. Do có thường khởi nghiệp tội, và nghiệp phước mới thành các nghiệp quả báo. Bồ tát biết các nghiệp tội, nghiệp phước đều không, nên chẳng còn có điên đảo. Như vậy, Bồ tát trú trong các pháp “không” mà đại trang nghiêm. Thật là rất hy hữu, ví như trồng cây giữa hư không, mà thân, cành, lá, hoa, quả đều làm lợi ích cho chúng sanh.

Phật dạy: Đúng như vậy.

Theo trên đây, ngài Xá Lợi Phất đã dùng “không” để nạn hỏi Phật, nên Phật cũng dùng “không” để đáp lại.

Phật dạy tiếp: Nếu chúng sanh trước có, sau không, thì chư Phật, chư đại Bồ tát mới có lầm lỗi. Nếu nói đưa chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn, vào nơi không, nơi vô sở hữu là đoạn diệt chúng sanh cùng hết thảy pháp, thì như vậy mới là lầm lỗi. Chúng sanh cùng hết thảy pháp từ trước đến nay vẫn là “không”, dù có Phật hay dù chẳng có Phật cũng vẫn thường trú, chẳng thay đổi. Như vậy ở nơi thật tướng pháp, thì chẳng phân biệt có các đạo chúng sanh, cũng chẳng có chúng sanh thoát ra khỏi sanh tử. Vì sao? Vì các pháp vốn là không, mà do nghiệp của chúng sanh mà thành có vậy.

Bồ tát nghe chư Phật thuyết về pháp tướng mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề tự nghĩ rằng, “Chẳng có pháp nào là có định tướng, là thật có. Dẫn đến Bồ đề cũng chẳng phải là pháp khả đắc. Chỉ vì ngu muội điên đảo mà chúng sanh hư vọng chấp có các pháp vậy thôi”.

Bồ tát phát đại trang nghiêm, thệ nguyện rằng, “Ta quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải chẳng được vậy. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề rồi, ta sẽ dùng thật pháp khai thị rõ ràng cho chúng sanh, đưa họ ra khỏi các chấp điên đảo, khiến họ được lợi ích.

-o0o-

Trong kinh có nêu thí dụ về nhà huyễn thuật hóa tác ra các vườn, rừng, lầu, quán v.v..., lại hóa tác ra các voi, ngựa, các người nam, nữ v.v...



Trên đây, nhà huyền thuật hóa tác ra các vườn, rừng, lâu, quán v.v... dụ cho Bồ tát dùng 6 pháp Ba-la-mật để độ thoát chúng sanh; lại hóa tác ra các voi, ngựa, các người nam, nữ v.v... dụ cho Bồ tát độ chúng sanh, mà chúng sanh là như huyền.

Nhà huyền thuật hóa tác ra các cảnh vật như trên chỉ nhằm làm vui lòng khán thính giả. Thế nhưng, nếu chấp các huyền sự, huyền cảnh đó là thật, rồi mong tâm cầu ơn huệ nơi nhà huyền thuật, thì đó là cuồng si vậy.

Cũng như vậy, Bồ tát theo chư Phật nghe pháp, biết rõ các pháp đều là tánh không, là như huyền nên mới dùng pháp bố thí như huyền để làm lợi ích cho chúng sanh như huyền. Nếu ở nơi như huyền mà còn cầu ơn huệ, cầu phước đức, thì cũng tức là điên đảo vậy.

**Hỏi:** *Huyền pháp là do chú thuật mà được thành tựu. Các cảnh vật, các sự việc do nhà huyền thuật hóa tác ra là hư dối, chẳng thật có. Còn Bồ tát chẳng hóa tác ra được chúng sanh. Như vậy vì sao lại ví Bồ tát với nhà huyền thuật?*

**Đáp:** Ở nơi thật tướng thì chúng sanh cùng hết thảy pháp đều là không. Chúng sanh do các nghiệp như huyền tạo thành, nên cũng là như huyền. Chúng sanh đã là như huyền, thì Bồ tát cũng như nhà huyền thuật cũng là như huyền vậy. Bởi vậy nên mới dùng nhà huyền thuật để dụ cho Bồ tát.

**Hỏi:** *Trên đây Phật nêu thí dụ về nhà huyền thuật hóa tác ra các huyền cảnh, huyền vật nhằm phá chấp “hữu” của chúng sanh. Như vậy vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Mặc dù ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bồ tát đạo là tánh không, nhưng vì trong chúng hội còn có nhiều người nghi, nên ngài mới hỏi Phật để được giải rõ hơn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát hành đạo như thế nào mà thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh được Phật độ?

Phật dạy: Bồ tát, từ sơ phát tâm đến nay, hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp. Hành như vậy là thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Hành các pháp ấy như thế nào mà có thể thành tựu được chúng sanh?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói, “Các pháp đều là tánh không, chúng sanh cũng là tánh không. Như vậy làm sao có thể thành tựu được chúng sanh?”.

Phật dạy: Bồ tát dùng lực phương tiện dạy chúng sanh hành bố thí, mà chẳng nên chấp bố thí là chân thật pháp.

Bồ tát dạy chúng sanh rằng, “Các người hành bố thí mà chẳng nên chấp bố thí. Như trong kinh có nói, chúng sanh hành bố thí với ước mong được giàu sang, phú quý, được hưởng phước lạc, mà chẳng biết sự hưởng phước lạc là gốc dẫn sanh kiêu mạn, phá các thiện pháp. Khi phước lạc hết rồi, lại cũng sẽ phải đọa vào 3 đường ác. Bởi vậy nên các người chớ nên chấp quả báo bố thí, mà nên hồi hướng công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì các pháp là tánh không, nên hết thấy pháp tướng đều bất khả đắc”.

Bồ tát dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, dẫn chúng sanh đến với Phật đạo. Bồ tát tự mình hành bố thí, dạy chúng sanh hành bố thí, tán thán pháp bố thí và hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Bồ tát thâm ái các thiện pháp, nên lấy bố thí làm cửa ban đầu (sơ môn), lấy từ bi làm dẫn đạo nên thường được tâm nhu nhuyễn, mềm mại. Bồ tát lại dùng 4 nhiếp pháp để nhiếp thủ chúng sanh, lần lần đưa họ vào trong 3 thừa đạo, được Niết Bàn an lạc.

Nếu thấy có chúng sanh tu phước, Bồ tát rất hoan hỷ như người cha hoan hỷ thấy con mình khởi tâm lành vậy. Bởi vậy nên Bồ tát lại dạy họ tu trì giới, tu thiền định, dẫn họ tu đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật.

Nếu thấy có chúng sanh có tâm quảng đại, tâm từ bi, thì Bồ tát lại dùng lực phương tiện dạy họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nói với họ rằng, “Ngươi nên phát tâm Bồ đề, để tự độ mình và độ người khác. Ngươi nên dùng 3 thừa giáo, tùy theo căn tánh của chúng sanh mà độ họ; khiến tự mình có lợi ích, và làm được lợi ích cho người”. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường được sanh vào dòng họ lớn, được làm Chuyển luân thánh vương. Bồ tát thường sanh vào cõi Dục, vì ở cõi Sắc chúng sanh tham đắm thiên vị rất khó hóa độ. Bồ tát thường sanh làm người, chẳng sanh lên các cõi trời, vì ở nơi đây chúng sanh chấp đắm dục lạc, rất khó hóa độ. Ở trong loài người, trải qua nhiều kiếp, Bồ tát dùng 4 nhiếp pháp để hóa độ chúng sanh.

Nếu thấy có chúng sanh phá giới, thì Bồ tát nói với họ rằng, “Do bị thiếu thốn mà ngươi phá giới. Có thể đời trước, do trì giới chẳng được đầy đủ mà đời nay ngươi chịu cảnh bần cùng. Có thể đời trước ngươi có trì giới đầy đủ, nhưng lại thường làm các việc ác, nên nay bị lâm vào cảnh bần cùng, dẫn đến phá giới vậy”. Bồ tát lại nói với họ rằng, “Ngươi hãy trì giới, ta sẽ cung cấp đầy đủ các vật dụng cần thiết. Do trì giới, ngươi sẽ được tự giải thoát”.

Nếu thấy chúng sanh sân giận, Bồ tát nói với họ rằng, “Ngươi chớ nên sân nhuế. Ta sẽ cung cấp cho ngươi đầy đủ, nhưng ngươi phải nên nhẫn nhục. Chẳng có pháp nào bền chắc; chớ nên ví các pháp hư vọng mà khởi sân nhuế, tạo các nghiệp tội, khiến phải bị đọa vào chốn địa ngục, ngạ quỷ, chịu vô lượng khổ đau”.

**Hỏi:** *Đối với người nghèo khổ mà cung cấp cho họ đầy đủ, thì họ sẽ thỏa mãn, chẳng còn sân hận. Thế nhưng, đối với hạng người chẳng có thiếu thốn, nhưng chỉ vì chẳng được xứng ý mà sanh phiền não, thì làm sao có thể dùng bố thí để nhiếp thủ họ được?*

**Đáp:** Đối với hạng người này, Bồ tát dùng “từ bi tam muội” để giáo hóa họ, khiến họ hết sân hận, hết phiền não. Bồ tát nói với họ rằng, “Hết thấy pháp đều là tánh không. Người chớ nên sân hận, chớ vì một niệm sân hận mà khởi trọng tội, khiến phải chịu quả báo đọa vào 3 đường ác, thọ vô lượng khổ đau. Người chớ nên vì các sự việc vô ích trong phút chốc, mà phải chịu đại khổ lâu dài”.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

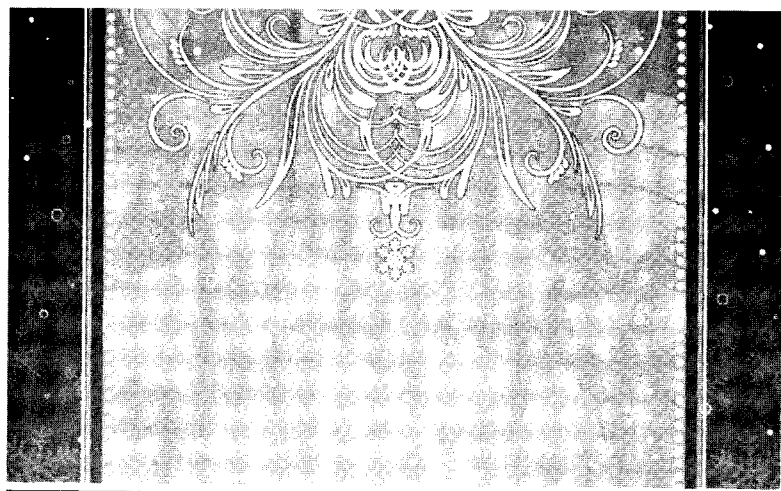
Ở một núi nọ có một Phật tự. Trong Phật tự có một căn phòng thường bị quỷ lui tới quấy phá, khiến chẳng ai dám ở. Một hôm có một vị khách tăng đến xin ở. Vị Duy na nói, “Phòng ấy thường bị quỷ quấy phá, ngài chẳng ở được đâu”. Vị khách tăng tự tin mình có tri giới đầy đủ, khiến quỷ chẳng dám quấy phá, nên quyết định xin vào phòng ấy ở. Lại có một vị khách tăng khác đến xin vị Duy na vào phòng ấy ở. Vị khách trước vào phòng đóng chặt cửa, ngồi im lặng, chờ đợi quỷ đến. Vị khách sau đập cửa đòi vào. Vị khách ở trong chẳng chịu mở cửa; vị khách ở ngoài dùng sức mạnh xô cửa, khiến cửa mở tung ra. Thế rồi hai bên đều tưởng mình đã gặp quỷ đến quấy phá, nên trong đánh ra, ngoài đánh vào, quyết hạ cho được quỷ. Cuộc ẩu đả quá dữ dội khiến cả hai bên đều té xuống đất, nằm bất tỉnh. Đến khi trời sáng, 2 vị tăng đều hồ thẹn. Mỗi vị tự nhận thấy mình đã sai lầm, vì đối thủ của mình đêm qua chẳng phải là quỷ, mà chính là người bạn học của mình thuở trước. Cả hai vị đều cùng nhau xin tạ tội.

Cũng như vậy, 5 âm là không, là vô ngã, mà chúng sanh lại chấp thân 5 âm làm “ngã thân”, chấp có ngã, có ngã sở dẫn đến đấu tranh lẫn nhau. Bồ tát nói với chúng sanh rằng, “Các người ở nơi chỗ chẳng có căn bản, mà khởi đấu tranh lẫn nhau, khởi sanh ra bao nhiêu tội lỗi. Thân người khó được, pháp Phật khó gặp; chớ bỏ qua dịp may hiện nay; sau này thật khó có thể được cứu vey. Nếu phải bị đọa vào địa ngục thiêu đốt, thì làm sao có thể nghe được pháp để được giáo hóa. Nếu đọa vào hàng ngạ quỷ, súc sanh thì cũng là như vậy. Nếu sanh lên cõi trời Thọ thiên, thì do đắm chấp thiên vị nên cũng chẳng hay biết gì. Lại nữa, người sanh ở biên địa thường ngu si, nên chẳng có thể giáo hóa được; người sanh ra mà chẳng có được các căn đầy đủ, hoặc có đầy đủ các căn mà lại thâm chấp tà kiến cũng chẳng có thể giáo hóa được. Nếu các người rơi vào trong các nạn ấy, thì chẳng có thể được độ vey”.

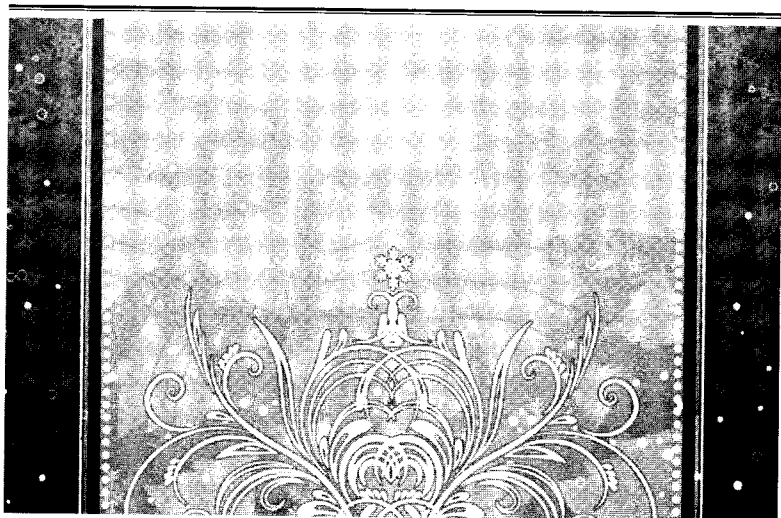
Bồ tát nói với chúng sanh rằng, “Các người hãy lấy bố thí Ba-la-mật làm đầu; tu Ba-la-mật này sẽ dẫn sanh 5 Ba-la-mật kia. Các người chớ nên chấp quả bố thí. Khi đã vào được tánh không rồi, thì lần lần sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, vào được Vô Dư Niết Bàn.

(Hết quyền 91)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 92**







## Phẩm Thứ Tám Mười Hai



**Tịnh Phậ Quốc Đệ**  
(Thanh tịnh cõi Phậ)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng: Bồ tát hành Bồ tát đạo, an trú trong đạo ấy, thường phát đại trang nghiêm.

Phậ biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên dạy rằng: Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật là Bồ tát đạo; 37 Phẩm Trợ Đạo là Bồ tát đạo; 8 bói xả, 9 thứ đệ định là Bồ tát đạo; 10 Phậ lực... dẫn đến 18 bát cộng pháp là Bồ tát đạo; tất cả các pháp là Bồ tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có pháp gì mà Bồ tát chẳng học mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phậ: Bạch Thế Tôn! Chẳng có pháp gì mà Bồ tát chẳng học. Vì sao? Vì nếu chẳng học hết thấy pháp thì chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là không, thì vì sao nói Bồ tát học hết thấy pháp. Như vậy là ở nơi chẳng có hý luận, mà Thế Tôn làm ra có hý luận chẳng? Mà phân biệt nói đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu, đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi, đây là pháp phàm phu, đây là pháp A-la-hán, đây là pháp Bích Chi Phậ... dẫn đến đây là pháp Phậ chẳng?

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp thật là không. Nếu hết thấy pháp chẳng phải là không, thì Bồ tát chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Nay Tu Bồ Đề! Như chỗ ông nói. Nếu hết thấy pháp đều là không, thì vì sao Phật ở nơi chẳng có hý luận lại làm ra có hý luận, phân biệt đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian... dẫn đến đây là pháp Phật?

Nay Tu Bồ Đề! Nếu ở thế gian chúng sanh biết hết thấy pháp là không, thì Bồ tát chẳng phải học hết thấy pháp để được Nhất thiết chủng trí. Nay vì chúng sanh thật chẳng biết hết thấy pháp là không, nên Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề rồi lại phải phân biệt các pháp để giảng nói cho chúng sanh.

Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát đạo là như vậy. Từ trước đến nay, Bồ tát phải tư duy rằng hết thấy pháp đều là bất khả đắc, đều chẳng có định tánh, chỉ do các duyên hòa hợp mà có, nên chỉ là danh tự.

Bồ tát tự nghĩ rằng, “Ta phải tư duy các pháp đều chẳng có thật tánh, đều chẳng có chỗ chấp trước (vô sở trước), dù đó là 6 pháp Ba-la-mật, là 37 Phẩm Trợ Đạo, là quả Thanh Văn, là đạo Bích Chi Phật... dẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh không, mà không thì chẳng có chấp không, trong không thì không cũng là bất khả đắc, huống nữa là trong không mà có chỗ chấp trước”.

Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát tư duy như vậy, nên chẳng còn chấp trước hết thấy pháp, mà học hết thấy pháp. Bồ tát an trú trong chỗ học đó, quán tâm hành của chúng sanh, biết rõ chỗ hành của tâm chúng sanh, biết rõ chỗ hành

của tâm chúng sanh là hư dối, chẳng thật, Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, nói với họ rằng, “Các người hành bố thí sẽ được giàu có, được nhiều của cải; nhưng các người chớ nên chấp quả bố thí. Vì sao? Vì các pháp đã là không, thì quả bố thí cũng chẳng thật, chẳng có kiên cố. Hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ cũng là như vậy. Chúng sanh hành các pháp như vậy sẽ được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chớ nên chấp trước các pháp ấy”.

Giáo hóa chúng sanh như vậy là hành Bồ tát đạo. Vì sao? Vì các pháp chẳng có chỗ chấp trước, là tánh không vậy.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bồ tát đạo như vậy, Bồ tát chẳng có chỗ an trú. Bồ tát dùng “vô trú pháp” hành bố thí Ba-la-mật, mà chẳng an trú trong pháp ấy; hành trì giới Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật; hành 4 thiền, hành 4 vô lượng tâm, hành 4 vô sắc định, hành 8 bối xả, hành 9 thứ đệ định v.v... cũng chẳng an trú trong các pháp ấy. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh không.

Dẫn đến được các quả Thanh Văn, được Bích Chi Phật đạo, được Phật đạo, Bồ tát cũng chẳng an trú trong đó.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng an trú trong các pháp?

Phật dạy: Có 2 nhân duyên khiến chẳng an trú trong các pháp. Đó là:

- Các đạo quả là tánh không, chẳng có chỗ trú, chẳng có chỗ dụng pháp, cũng chẳng có người trú.

- Chẳng lấy sự việc nhỏ làm đủ.

Bồ tát tự nghĩ rằng, “Ta chớ nên an trú trong 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến chẳng nên an trú trong Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì từ sơ phát tâm cho đến nay, ta chỉ nhất tâm hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có xen các tâm khác vào vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều bất sanh, thì làm sao Bồ tát lại hay sanh Bồ đề đạo?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều chẳng sanh (vô sanh). Vì chẳng sanh (vô sanh) nên chẳng tác (vô tác). Vì chẳng tác (vô tác) nên chẳng khởi (vô khởi). Bởi vậy nên nói hết thấy pháp bất sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Có Phật hay chẳng có Phật thì các pháp vẫn thường trú chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Dù có Phật hay dù chẳng có Phật thì các pháp vẫn thường trú.

Bởi vì chúng sanh chẳng biết gì về pháp trú, pháp tướng, nên vì chúng sanh mà Bồ tát phải sanh Bồ đề đạo, nhằm cứu thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng “sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng “bất sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng “bất sanh phi bất sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như vậy, phải thế nào mới được Bồ đề?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải dùng “đạo” mà được Bồ đề, cũng chẳng phải dùng “phi đạo” mà được Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề, thì Bồ tát khi chưa thành Phật, cũng được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao. Phật được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Đức Phật chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Theo như chỗ ông hỏi, thì lẽ ra Bồ tát cũng được Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo, đầy đủ 10 Phật lục, đầy đủ 4 vô sở úy, đầy đủ 4 vô ngại trí, đầy đủ 18 bất cộng pháp... dẫn đến đầy đủ an trú kim cương tam muội, dùng nhất niệm tương ưng huệ là được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc bấy giờ được gọi là Phật, được tự tại ở nơi hết thảy pháp vậy.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tịnh Phật quốc độ?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát từ sơ phát tâm đến nay tự trừ các thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý, cũng giúp người khác thanh tịnh được các thô nghiệp nơi thân khẩu và ý của họ.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì là thô nghiệp nơi thân, nơi khẩu và nơi ý của Bồ tát?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Những nghiệp bất thiện, như sát sanh, như tà kiến v.v... là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ tát.**

**Lại nữa này Tu Bồ Đề! Xan tham, phá giới, sân nhuế, giải đãi, tán loạn, ngu si v.v... đều là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ tát. Giới bất tịnh cũng là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ tát.**

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Xa lìa 4 niệm xứ là thô nghiệp của Bồ tát. Xa lìa 4 chánh cần... dẫn đến xa lìa 8 thánh đạo cũng là thô nghiệp của Bồ tát.**

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Tham chấp quả A-la-hán, tham chấp Bích Chi Phật đạo... dẫn đến tham chấp Phật đạo cũng là thô nghiệp của Bồ tát.**

### **LUẬN:**

Các câu hỏi mà ngài Tu Bồ Đề nêu lên về pháp “không” đã được Phật giải đáp đầy đủ. Ngài Tu Bồ Đề đã biết rõ thể tịch diệt là chẳng có hý luận, nên ngài chẳng còn hỏi thêm gì nữa, mà chỉ niệm rằng “Chư đại Bồ tát và chư Thiên, do đã thâm nhập vào thâm thiền định nên chẳng ưa nói nhiều, chỉ mong cầu được pháp lợi mà thôi”.

**Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề chỉ tâm niệm, chẳng có dùng ngôn thuyết, mà Phật lại dùng ngôn thuyết để đáp lại?***

**Đáp:** Trước đây đã nói rằng người nhìn thân Phật mãi cũng chẳng có nhàm chán; nay người nghe Phật nói cũng chẳng nhàm chán vậy.

Dù Phật dùng ngôn thuyết nói ra, nhưng vẫn chẳng làm

gì ngăn ngại chư Bồ tát và chư Thiên thâm nhập vào các vi tế thiên định cả. Bởi vậy nên Phật đã dùng ngôn thuyết để đáp lại ngài Tu Bồ Đề.

Phật đã an lập nơi Bồ đề tịch diệt, chẳng còn phân biệt các pháp là thiện hay là ác, nhưng vẫn tùy theo chỗ niệm của chúng sanh mà phương tiện dùng ngôn thuyết để đáp lại nhằm giải nghi cho họ.

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng, “6 pháp Ba-la-mật nghĩa lý quá thâm sâu, chẳng bờ mé; khi mà 6 pháp Ba-la-mật là thật pháp trang nghiêm, thanh tịnh, thì Bồ tát làm sao có thể hành Bồ tát đạo?”

Phật biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, vì tự lợi ít mà vì lợi ích cho chư Bồ tát nhiều hơn, nên đã đáp lại rằng, “6 pháp Ba-la-mật là Bồ tát đạo; 37 Phẩm Trợ Đạo, 8 bối xả, 9 thứ đệ định là Bồ tát đạo; 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp là Bồ tát đạo; tất cả các pháp đều là Bồ tát đạo cả”.

Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà học 6 pháp Ba-la-mật để làm lợi ích cho chúng sanh; học 37 Phẩm Trợ Đạo để cầu Niết Bàn; rồi lại học 18 pháp không, khiến ở ngay nơi Niết Bàn mà có thể vượt qua khỏi Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, vào thẳng Bồ tát vị.

Các vị “pháp tánh sanh thân Bồ tát” hành đầy đủ cả 3 thừa đạo. Vì sao? Vì các ngài phải phân biệt các pháp để phương tiện giáo hóa chúng sanh. Đối với các ngài thì tất cả các pháp đều là Bồ tát đạo. Khi thật hành các pháp, các ngài chẳng phân biệt tốt xấu, hơn thua vì các ngài đã an lập các pháp ở trong tướng bình đẳng rồi vậy.

Nơi đây, Phật tự nói nhân duyên Bồ tát phải học hết thấy pháp. Nếu chẳng học như vậy thì chẳng được Nhất thiết

chủng trí. Bồ tát phải học tất cả các pháp, phải dùng tất cả các môn, lại phải tư duy, trừ lượng, tu quán mới thông đạt được tất cả các pháp vô ngại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thầy pháp đều là nhất tướng, vô tướng, thì vì sao Bồ tát phải học hết thầy pháp? Như vậy là ở nơi chẳng có hý luận lại làm ra có hý luận. Do hý luận mới có phân biệt là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu v.v... Do hý luận mới có 3 thừa giáo vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Hết thầy pháp đều là nhất tướng, vô tướng. Vì chẳng có tướng nên là chẳng có sanh diệt, là chẳng có cấu tịnh, chẳng tăng giảm. Bởi vậy nên là chẳng có 4 thánh đế... dẫn đến chẳng có Phật, Pháp, Tăng. Như vậy là 3 ngôi Tam bảo cùng với hết thầy pháp đều bình đẳng. Các pháp thật sự là không... dẫn đến tướng “không” đó cũng là không. Do ngu si điên đảo, chúng sanh chấp “có” các pháp vậy thôi.

Bồ tát khởi tâm đại bi, muốn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi các chấp điên đảo. Bồ tát dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến họ sanh tâm tín thọ mà bỏ tâm chấp điên đảo, vào nơi thật tướng của các pháp. Tuy biết rõ các pháp đều là không, nhưng vì lợi ích chúng sanh mà Bồ tát vẫn phải phân biệt nói ra các pháp, để chúng sanh tự tu tập, lần lần vào được pháp không. Bồ tát trú trong pháp tướng không, chẳng cần phải phân biệt các pháp làm gì nữa, nhưng khi hành Bồ tát đạo vẫn phải tư duy rằng, “Hết thầy pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, mà các nhân duyên đó cũng lại do nhân duyên khác hòa hợp khởi ra, nên tất cả đều là rốt ráo không. Nơi rốt ráo không, thì chỉ là nhất tướng, là thật tướng vậy. Từ vô thời cho đến nay, chúng sanh do chấp ngã mà phải đọa vào trong các nẻo đường sanh tử, thọ nhận bao nhiêu khổ đau”.



Bồ tát lại tự nghĩ rằng, “Chư Phật 10 phương 3 đời là cha ta; Bát nhã Ba-la-mật là mẹ ta. Từ nay ta chẳng nên rong ruổi theo các pháp hư vọng”.

Bồ tát nghĩ như vậy rồi, nên “rốt ráo không” còn chẳng chấp, huống nữa là chấp các pháp. Bồ tát dùng trí huệ chiếu minh Bồ tát đạo nên được tâm an ổn, tự biết rằng một khi đã đoạn được tâm chấp rồi thì đạo tự nhiên đến. Được như vậy rồi, Bồ tát lại nghĩ đến chúng sanh chỉ vì chấp đắm thế gian mà chẳng tin thọ các pháp là rốt ráo không, là chẳng có tự tánh, là chẳng có trú xứ vậy. Bồ tát muốn chúng sanh tin thọ, nên tự mình thọ hết thầy pháp và tu hành hết thầy pháp, để phương tiện độ chúng sanh, Bồ tát niệm chúng sanh tâm, biết chúng sanh đang niệm pháp gì, đang muốn làm việc gì, và biết rõ chỗ chấp đắm của chúng sanh đều là chẳng có căn bản thật sự. Vì sao? Vì chỗ chấp đắm của chúng sanh đều là hư dối, chẳng thật có vậy.

Ví như có đứa nhỏ vui chơi ở chỗ bất tịnh, lấy cỏ rác dơ bẩn làm đồ chơi, như làm nhà cửa, làm các thú vật v.v... Đang lúc say mê chấp đắm, nếu có ai đến quấy phá thì nó liền tức giận, khóc lóc. Nếu có cha mẹ hay người lớn tuổi cho biết rõ về sự bất tịnh đó thì nó sẽ dễ dàng xa lìa chỗ đó, tìm chỗ khác để chơi. Trẻ nhỏ chấp đắm còn dễ xả; còn người già chấp đắm thì rất khó xả. Cũng như vậy, 5 dục là bất tịnh, là vô thường. Chúng sanh chẳng biết như vậy nên mãi rong ruổi theo 5 dục, khiến phải bị chìm đắm mãi trong biển khổ sanh tử. Bồ tát dạy chúng sanh tu 5 căn, 5 lực, khiến họ xa lìa được chỗ chấp, được ly dục. Thế nhưng đối với những người mà tâm chấp đắm dục lạc quá sâu dày, thì cũng rất khó làm cho họ xả được tâm chấp đó vậy.

Nếu tu được huệ nhãn thanh tịnh vô lậu, biết tầm quý, thì mới có thể xa lìa hẳn chỗ chấp đó. Ví như người bị bệnh

cuồng điên làm việc phi pháp mà chẳng hay biết gì; đến khi tỉnh ngộ mới biết xấu hổ về việc làm sai trái của mình vậy.

Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, nói với họ rằng, “Các người nên hành bố thí sẽ được giàu có, nhiều của cải. Thế nhưng các người chớ nên chấp quả báo bố thí, mà sanh kiêu mạn, vì quả báo bố thí là không, chẳng có bền chắc, cũng bị phá hoại. Khi hành bố thí và khi chưa hành bố thí chẳng có gì sai khác. Tuy rằng bố thí thanh tịnh có lợi ích lớn, nhưng pháp thanh tịnh đó cũng do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tánh. Nếu chấp quả báo bố thí, thì các người cũng sẽ phiền não, khổ đau”.

Bồ tát dạy chúng sanh hành Bồ tát đạo, tự mình chẳng chấp đắm đọa quả, cũng dạy chúng sanh chẳng chấp đắm đọa quả. Ví như khi hành bố thí, Bồ tát chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, chẳng thấy có tài vật thí; dẫn đến Bồ tát cũng chẳng chấp quả báo bố thí. Vì sao? Vì nếu chấp quả báo bố thí thì sẽ sanh tâm tự cao, thành ra có tội lỗi vậy. Khi quả báo đó đã hoại diệt rồi, thì cũng sẽ sanh phiền não.

Tu 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến tu Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy. Nơi đây, Phật tự nói các nhân duyên chẳng nên trú trong các pháp:

- Bồ tát đã thâm nhập vào pháp không, nên biết rõ đọa quả là tánh không, chẳng có chỗ trú, chẳng có chỗ dụng pháp, cũng chẳng có người trú.

- Bồ tát chẳng cho việc làm có lợi ích nhỏ là đầy đủ. Bồ tát còn muốn tiến lên nữa, nhất tâm hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là bất sanh, thì làm sao Bồ tát lại hay sanh Bồ đề đạo?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Hết thầy Phật pháp đều chẳng sanh. Ta thật đã nhiều lần nói về các pháp vô sanh, nhưng chẳng phải vì phạm phu mà nói. Ta chỉ vì những người đã được “vô tác giải thoát” mà nói; ta nói với họ chớ nên khởi các thô nghiệp ở thân khẩu và ý.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Có Phật hay chẳng có Phật thì các pháp vẫn thường trú chẳng? Thánh pháp là tự tướng không. Vậy phạm phu pháp cũng là như vậy chẳng?

Phật dạy: Thật tướng các pháp là thường trú. Vì chúng sanh chẳng biết, chẳng giải, nên phải sanh Bồ đề đạo. Chỉ có phạm phu điên đảo mới chấp có đạo. Nếu quyết định chấp có đạo, tức là điên đảo vậy. Vì sao? Vì đạo và phi đạo bình đẳng, thì đó tức là đạo. Chớ nên nạn hỏi làm gì nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Có thể dùng sanh đạo mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì người sanh đạo là người quán pháp hữu vi có tướng sanh diệt mà cho là thật. Pháp bất sanh là pháp vô vi, vô tác. Bởi vậy nên chẳng thể nói đắc Bồ đề, vì sanh và bất sanh đều có lỗi cả.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Dùng “bất sanh phi bất sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy, phải thế nào mới được Bồ đề?

Phật dạy: Nếu còn phân biệt bất sanh và phi bất sanh là còn phân biệt tốt xấu, còn chấp tướng vậy. Nghĩ tốt cũng sanh chấp tướng, nghĩ xấu cũng sanh chấp tướng, nên cả hai đều có lỗi cả. Chẳng chấp mới thật là Bồ đề

đạo. Chẳng dùng đạo, cũng chẳng dùng phi đạo mới được Bồ đề.

Vì sao? Vì Bồ đề tức đạo, đạo tức Bồ đề. Bồ đề cũng gọi là thật tướng các pháp. Các đức Phật đã vào nơi thật tướng pháp là rốt ráo, chẳng có biến đổi, vì khi hết thấy pháp đã vào trong Bồ đề rồi, thì đều là tướng tịch diệt vậy. Ví như nước từ nhiều dòng sông khác nhau, khi đã chảy vào biển cả rồi thì đều thành một vị chẳng có sai khác. Phật tánh cùng Bồ đề tánh là nhất tánh. Nếu Bồ đề và đạo có tánh khác nhau, thì chẳng gọi là Bồ đề. Bồ đề là tướng tịch diệt, chẳng có hý luận, nên nói Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề. Nếu 2 pháp ấy mà khác nhau, thì những người hành đạo cũng thể đến được Bồ đề. Vì sao? Vì nhân và quả là chẳng phải một, mà cũng chẳng phải khác vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy Bồ tát hành đạo phải là Phật chẳng? Vì sao? Vì Bồ đề tức là đạo, thì Phật cũng tức là Bồ tát vậy.

Giữa Phật và Bồ tát có sai khác. Phật có đầy đủ công đức, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; Bồ tát chẳng được như vậy. Thế nhưng, ngài Tu Bồ Đề vì hàng tân học Bồ tát cần phải phân biệt rõ, nên mới nạn hỏi Phật như vậy.

Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Phật có được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì Bồ đề chẳng ly Phật. Phật chẳng ly Bồ đề. Hai pháp ấy hòa hợp với nhau, nên gọi là Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật.

**Hỏi:** Phật là người, Bồ đề là pháp. Như vậy, vì sao nói Phật tức là Bồ đề?

**Đáp:** Trước đây đã nói rằng người đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm thân, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật trang nghiêm tâm chưa có thể gọi là Phật. Phải được Bồ đề mới gọi là Phật. Vì sao? Vì Phật và Bồ đề chẳng có sai khác.

Do 5 âm vi diệu thanh tịnh hòa hợp mà giả danh là Phật. Pháp cũng là 5 âm hòa hợp, mà 5 âm chẳng ly giả danh Bồ đề. Bồ đề tức là thật tướng của 5 âm, vì hết thấy pháp ở nơi thật tướng đều vào trong Bồ đề vậy. Bởi vậy nên nói Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật. Chỉ có phạm phu ngu muội mới phân biệt Phật và Bồ đề là 2 pháp khác nhau vậy thôi.

**Hỏi:** *Trước đây nói Bồ đề cùng đạo là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nay vì sao kinh lại nói “Đạo tức là Bồ đề, Bồ đề tức là đạo”, rồi lại nói Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật”?*

**Đáp:** Dù nói “một”, dù nói “khác” cũng đều chẳng phải thật. Phần nhiều thường dùng “một”, nên nói “Đạo tức Bồ đề, nói Bồ đề tức đạo”, nói Phật tức Bồ đề, nói Bồ đề tức Phật” đều chẳng có lỗi lầm.

Ví như “thường” và “vô thường” là hai bên đối đãi nhau. “Thường” phần nhiều hay dẫn sanh phiền não, nên ít được dùng. “Vô thường” hay phá được phiền não, nên được dùng nhiều hơn. Thế nhưng chấp thường và chấp vô thường đều là lầm lỗi. Khi đã dùng “vô thường” để phá chấp “thường”, thì phải xả luôn cả “vô thường”.

Trên đây cũng là như vậy. Nếu quán các pháp khác nhau, thì phần nhiều sanh tâm chấp; trái lại, nếu quán các pháp là nhất tướng, như quán các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì ít khởi phiền não, nên ít sanh tâm chấp vậy.

Bởi vậy nên phần nhiều dùng “một”. Thế nhưng khi đã vào được nơi thật tướng nghĩa, thì “một” cũng chẳng còn

dùng nữa, vì nếu còn chấp “một”, thì cũng là lầm lỗi vậy. Nói “một”, nói “hai”, nói “khác” v.v... đều là nói lên những tướng đối đãi. Phải chẳng khởi chấp tâm, chẳng thủ tướng mới là chẳng lầm lỗi. Nói “nhất tướng” cũng chẳng thật, nên Bồ tát phải chẳng đắc hết thấy pháp tướng mới là Phật vậy.

Nơi đây, Phật nói lên nhân duyên Bồ đề tuy là tướng tịch diệt, nhưng Bồ tát phải đầy đủ các công đức, phải trú trong kim cương tam muội, ở trong nhất niệm tương ưng huệ mới được Vô Thượng Bồ Đề. Đến khi được tự tại vô ngại nơi hết thấy pháp, thì sẽ được gọi là Phật. Bồ tát tuy biết đạo và Bồ đề chẳng khác, nhưng vì chưa đầy đủ công đức, nên chưa được gọi là Phật.

Phật rốt ráo được đầy đủ các công đức các hạnh nguyện nên chẳng còn được gọi là Bồ tát, mà được gọi là Phật. Ở trong đạo Bồ đề mà còn cầu Bồ đề, thì vẫn còn gọi là Bồ tát.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói về Bồ đề, về đạo, về thành tựu chúng sanh, nên lại hỏi Phật: Thế nào gọi là tịnh Phật quốc độ? Vì sao chư vị A-la-hán, Bích Chi Phật chẳng làm được việc tịnh Phật quốc độ?

**Hỏi:** *Thế nào gọi là tịnh Phật quốc độ?*

**Đáp:** Một Phật độ gồm trăm ức mặt trăng, mặt trời, trăm ức núi Tu Di, trăm ức cõi trời, gồm cả 3.000 đại thế giới. Cũng có thể nói 3.000 đại thế giới thành 1 Phật độ.

Ở trong Phật độ, Phật thường làm các Phật sự, thường hành bố thí, ngày đêm 6 thời thường dùng Phật nhãn quán chúng sanh khắp trong 10 phương, Phật biết rõ chúng sanh

nào đã gieo trồng thiện căn thuần thực thì dùng thần lực để hóa độ họ. Phật lại dùng thần lực đến các chỗ, tùy theo căn cơ của chúng sanh để giáo hóa họ, khiến ở nơi ngoại duyên họ được tùy ý, chẳng còn sanh phiền não nữa.

Nếu chúng sanh nào gặp các nhân duyên bất tịnh, vô thường thì họ chẳng còn sanh lòng tham dục, phiền não. Nếu chúng sanh nào gặp các nhân duyên không, vô sở hữu, thì họ chẳng còn sanh si mê, phiền não. Nếu chúng sanh nào được tâm vô ngã rồi, thì họ chẳng còn sanh lòng xan tham, sân hận v.v...

Bởi vậy nên, muốn cho chúng sanh dễ được độ. Bồ tát thường trang nghiêm quốc độ của mình, chẳng thiếu thứ gì cả. Ở nhiều quốc độ, các cây thường vang lên tiếng pháp thật tướng, thuyết về vô sanh, vô diệt, vô khởi, vô tác. Chúng sanh ở các nước ấy chỉ nghe diệu âm, chẳng nghe các tạp âm khác. Ở nơi đây, chúng sanh được căn tánh thông lợi, nên rất dễ vào được nơi thật tướng pháp.

Tịnh Phật quốc độ có nghĩa là trang nghiêm cõi Phật, như trong kinh *Di Đà* và nhiều kinh khác đã có giải rõ về cảnh giới Tịnh Độ.

Phật dạy: Từ sơ phát tâm, Bồ tát vẫn thường tự tịnh các thô nghiệp ở nơi thân, khẩu và ý, cũng dạy người khác tịnh các thô nghiệp ở nơi thân, khẩu và ý của họ.

**Hỏi:** *Vì sao nói Bồ tát được vô sanh pháp nhãn thường an trú trong các thân thông, rồi sau đó mới tịnh Phật quốc độ?*

**Đáp:** Thanh tịnh các nghiệp ở nơi thân khẩu và ý chưa phải là tịnh Phật quốc độ. Hết thấy các Bồ tát hành Bồ tát đạo đều phải thanh tịnh 3 nghiệp ấy. Có tịnh được 3 nghiệp thân khẩu và ý, thì sau đó mới tịnh được Phật quốc độ. Đây có nghĩa là phải tịnh tự thân mình và cũng tịnh người khác.

Vì sao? Vì chẳng phải chỉ một người thanh tịnh, sanh về cõi Tịnh Độ mà thôi, mà còn phải có nhiều người đồng làm các nhân duyên thanh tịnh, ở nội pháp cũng như ở ngoại pháp, mới diệt trừ được các nhân duyên bất thiện. Vì sao? Vì nếu có nhiều lời nói ác, thì ở cõi nước ấy sẽ sanh ra nhiều gai góc, nếu có nhiều tâm siểm nịnh, thì ở cõi nước ấy mặt đất sẽ gồ ghề, chẳng có bằng phẳng; nếu có nhiều tâm xan tham, thì sông ngòi thường khô cạn, đất thường sanh nhiều sạn sỏi. Trái lại, nếu chúng sanh chẳng hề làm việc ác, thì ở cõi nước ấy mặt đất sẽ bằng phẳng đất thường sanh các trân bảo. Như trong kinh có nói rằng đến thời đức Phật Di Lạc ra đời, tất cả mọi người đều tu 10 thiện đạo, nên ở cõi nước của ngài, đất sanh ra nhiều trân bảo.

**Hỏi:** *Nếu bỏ thí và làm các thiện pháp khác là tịnh Phật quốc độ, thì vì sao chỉ nói đến việc tịnh 3 nghiệp ở nơi thân khẩu ý mà thôi?*

**Đáp:** Phải nên biết rằng các pháp ác, pháp thiện đều là nhân duyên khổ lạc; và khi đã được đạo rồi, thì trong hết thảy các tâm và tâm sở, trí huệ là thù thắng hơn hết.

Có nhiếp tâm trong định mới làm nên đại nghiệp. Thế nhưng tư duy vẫn là dẫn đạo, vì có tư nghiệp mới khởi ra các nghiệp ở thân khẩu và ý. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, thiên định... đều do tư duy dẫn đầu. Ví như may áo phải dùng kim để hướng dẫn sợi chỉ. Chúng sanh do nghiệp lực dẫn dắt mà phải thọ các quả báo ở đời sau. Bởi vậy nên nói 3 nghiệp thân khẩu và ý nhiếp hết thảy các nghiệp. Lại nói ý nghiệp tận nhiếp hết thảy các thân khẩu và ý nghiệp, nhiếp hết thảy các sắc pháp vào thân hành, khẩu hành và ý hành.

Nếu trong 3 cõi có 3 nghiệp phước đức đầy đủ, thì quốc độ là y báo cũng sẽ được thanh tịnh; nội pháp là chánh báo



tịnh, và ngoại pháp là y báo cũng tịnh. Ví như mặt sạch thì soi vào gương cũng thấy sạch vậy.

Như trong kinh *Duy Ma Cát* có nói, “Do chẳng có sát sanh mà được trường thọ”.

**Hỏi:** *Các thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý rất dễ biết. Như vậy vì sao ngài Tu Bồ Đề còn phải hỏi?*

**Đáp:** Đối với người cầu đạo, thì thô và tế chẳng có định vậy. Ví như đối với người bạch y cư sĩ thì bố thí là thô thiện; còn đối với hàng Tiểu thừa thì bố thí là tế thiện. Lại ví như ý bất thiện là thô, ý thiện là tế. Ở trong pháp Đại thừa, thì chấp tướng thiện... dẫn đến chấp tướng Niết Bàn cũng gọi là thô. Bởi vậy nên đối với người tu hành, thì “thô và tế” chẳng có định vậy.

**Hỏi:** *Phật thứ lớp nói về các tướng nghiệp từ thô đến tế. Vì sao ở đoạn kinh trên đây, Phật đặc biệt nói về các thô nghiệp của Bồ tát?*

**Đáp:** Tất cả các nghiệp ở thân khẩu và ý (gồm 3 ở thân, 4 ở khẩu và 3 ở ý) đều là thô nghiệp. Ví như sát sanh, tà kiến, dâm dục v.v... đều là các tướng nghiệp thô.

Đối với hàng Bồ tát chi hành 6 pháp Ba-la-mật mà còn đầy tâm xan tham cũng gọi là thô nghiệp.

**Hỏi:** *10 bất thiện nghiệp đạo đã có nhiếp xan tham rồi. Nay vì sao còn nói riêng về xan tham nữa?*

**Đáp:** 6 Ba-la-mật chẳng vào trong 10 bất thiện nghiệp đạo. Vì sao? Vì 10 bất thiện nghiệp đạo làm não loạn chúng sanh mà 6 pháp Ba-la-mật chẳng có làm não loạn chúng sanh. Thế nhưng, khi hành 6 pháp Ba-la-mật mà Bồ tát còn tiếc của cải, còn tiếc thân mạng, thì mặc dù chẳng có gây

phiền não cho chúng sanh cũng vẫn gọi là thô nghiệp của Bồ tát. Đây vẫn là hiện tượng của tâm xan tham.

Tâm tham thể hiện ở 2 mức độ khinh trọng (nhẹ nặng) khác nhau:

- Nhẹ như có dấy lòng tham của người khác, mà chẳng làm não hại người.

- Nặng như khi lòng tham quá mạnh mà chẳng được thỏa mãn dẫn đến các hành động tội lỗi, cướp của, giết người v.v... Lúc bấy giờ mới gọi là “bất thiện nghiệp đạo”.(\*)

Tâm sân cũng là như vậy. Mới dấy lòng sân thì chưa gọi là nghiệp đạo. Khi tâm sân quá mạnh dẫn đến tạo ác nghiệp thì mới gọi là nghiệp đạo.

**Hỏi:** Thế nào gọi là giới bất tịnh?

**Đáp:** Sát sanh, phá giới v.v... là thô tội; còn giới bất tịnh là tế tội.

Ví như uống rượu mà chưa làm phiền nhiều chúng sanh, thì chưa vào trong 10 bất thiện nghiệp đạo. Ví như thường bị 3 độc che tâm, chẳng muốn niệm tịnh giới, chỉ muốn cầu thiện phước báo là trì giới với tâm tà vậy, chưa vào trong 10 bất thiện nghiệp đạo. Các trường hợp như vậy gọi là giới bất tịnh.

-o0o-

Nếu hành Bồ tát đạo mà xa lìa 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, xa lìa 3 giải pháp môn v.v... thì gọi là thô nghiệp

---

\*. Nghiệp đạo là con đường nghiệp, dẫn từ nghiệp duyên đến nghiệp quả. Tùy theo mình làm thiện, làm ác như thế nào mà nghiệp lực đó sẽ đưa mình vào trong các nẻo đường sanh tử, để hưởng phước báo, hay để chịu khổ báo.

của Bồ tát. Vì sao? Vì khi hành các pháp môn đó, thì tâm quán thật pháp, tùy theo Niết Bàn, chẳng tùy theo thế gian, nhưng khi ra khỏi các pháp môn đó, thì tâm lại rối loạn, chẳng được an định.

Ví như bán tánh của rắn là bò quanh co. Khi rắn chui vào ống tre thì bò thẳng theo ống tre, nhưng ra khỏi ống tre thì lại trở lại bò quanh co như cũ vậy.

Lại nữa, khi hành Bồ tát đạo mà tham chứng 4 quả Thanh Văn cũng là thô nghiệp của Bồ tát.

Vì sao? Vì nếu nghe Phật nói người được quả Tu-đà-hoàn sẽ chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, sẽ được thoát khổ, mà Bồ tát sanh tâm chấp đắm, thì sẽ bị lạc vào Thanh Văn địa, sẽ chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

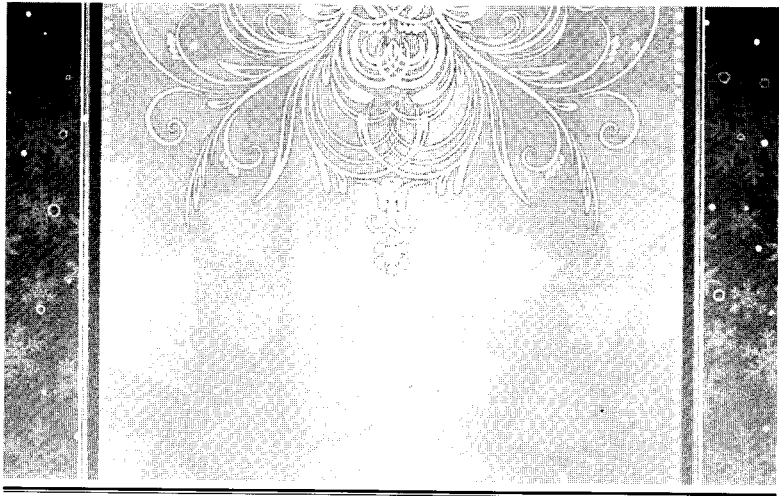
Ví như người phải đi 50 dặm đường mới lấy được nước, nhưng nếu ở dọc đường mà thấy có những giọt sương đọng trên lá cây, thì người ấy cũng có thể khởi tâm tham, thèm muốn nghỉ chân để tận hưởng. Vì sao? Vì người ấy chẳng giữ được tâm kiên cố vậy.

Bồ tát chỉ vì chúng sanh mà phát tâm làm Phật. Nay chỉ vì lợi ích riêng mà thù chúng quả Thanh Văn, thì như vậy là đối Phật, là phụ chúng sanh. Đây cũng là thô nghiệp của Bồ tát vậy.

Ví như người chủ nhà mời khách về nhà mình để thết đãi mà chẳng muốn tốn kém, chỉ muốn dọn qua loa vài món ăn mà thôi, thì như vậy là phụ lòng khách. Cũng như vậy, vì muốn độ hết thảy chúng sanh mà cầu được làm Phật. Nếu nay tham chấp đạo Thanh Văn và đạo Bích Chi Phật là mặc nhiên bỏ mất đại thế nguyện độ sanh của mình rồi vậy.

(Hết quyển 92)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 93**





## **Phẩm Thứ Tám Mười Hai** (TIẾP THEO)



### **Tịnh Phật Quốc Độ (tiếp theo)**

#### **KINH:**

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát còn chấp tướng sắc, tướng thọ, tướng hành, thức, tướng nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp, tướng nam, tướng nữ, tướng cõi Dục, tướng cõi Sắc, tướng Vô Sắc, tướng thiện pháp, tướng bất thiện pháp, tướng hữu vi, tướng vô vi v.v... thì cũng gọi là thô nghiệp của Bồ tát.

Bồ tát phải xa rời các tướng ấy mà bố thí, cũng dạy người khác bố thí, rồi đem công đức bố thí cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng tịnh Phật quốc độ.

Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ cũng là như vậy.

Bồ tát đem trân bảo cúng dường Tam bảo, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này mà quốc độ của tôi sau này cũng sẽ được thành tựu bầy báu”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem kỹ nhạc trời cúng dường Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này, mà quốc độ của tôi sau này cũng thường được nghe nhạc trời như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem hương trời cúng dường Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng, “Do nhân

duyên thiện căn này, mà quốc độ của tôi sau này cũng thường được hưởng hương trời như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem cả trăm thức ăn uống cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này, mà chúng sanh ở quốc độ của tôi sau này cũng sẽ đầy đủ trăm thức ăn uống như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem 5 dục lạc cúng dường Phật, Tăng cùng hết thấy chúng sanh, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này, mà hết thấy chúng sanh ở quốc độ chúng tôi sau này cũng sẽ được tùy ý hưởng 5 diệu dục như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, tự mình tu vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên và tứ thiên, tu 4 vô lượng tâm... dẫn đến tu 37 Phẩm Trợ Đạo. Cũng dạy người khác tu vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, tu 4 vô lượng tâm... dẫn đến tu 37 Phẩm Trợ Đạo. Bồ tát phát nguyện rằng, “Khi tôi được Vô Thượng Bồ Đề, tôi sẽ làm cho hết thấy chúng sanh ở quốc độ của tôi sau này chẳng rời xa 4 thiên... dẫn đến chẳng xa rời 37 Phẩm Trợ Đạo”.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát thường tịnh Phật quốc độ, vì suốt quá trình hành Bồ tát đạo, Bồ tát thành tựu đầy đủ các hạnh nguyện, làm đầy đủ các thiện pháp, và cũng dạy chúng sanh làm đầy đủ các thiện pháp.

Do nhân duyên tịnh Phật quốc độ như vậy, nên Bồ tát được thân hình đóa chánh, cũng khiến chúng sanh được thân hình đóa chánh, Bồ tát sẽ trọn chẳng đọa vào 3 đường ác, chẳng khởi các tà kiến chẳng khởi 3 độc, chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa; tai chẳng nghe nói đến vô thường, khổ, không, vô ngã chẳng nghe nói đến phiền não, kiết sử, cũng chẳng nghe nói đến phân biệt các quả.



Ở quốc độ của Bồ tát sau này sẽ có những cây bằng 7 báu. Gió thổi qua các cây ấy, tùy theo chỗ đáng độ, thường phát ra những âm thanh, thuyết về không, về vô tướng, về vô tác, về thật tướng các pháp. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp tướng vẫn là không. Đã là không thì vô tướng (chẳng có tướng); đã là vô tướng, thì là vô tác (chẳng có tác) vậy.

Do cây thường phát ra pháp âm, nên suốt ngày đêm, trong khi đứng nằm ngồi, Bồ tát vẫn thường được nghe pháp. Mãi như vậy cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, được chư Phật trong 10 phương tán thán.

Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp. Chúng sanh nghe pháp, chẳng có ai chẳng tin, chẳng có ai nghi đó là pháp hay là phi pháp (chẳng phải pháp). Vì sao? Vì các pháp ở nơi thật tướng đều là pháp, chẳng phải là phi pháp vậy. Có những người phước mỏng, chẳng gieo trồng thiện căn nơi các Đức Phật và nơi chư đệ tử của Phật, chẳng theo chư thiện trí thức, chìm đắm trong ngã kiến cùng các kiến chấp khác nên mới bị đọa vào biên kiến, hoặc là đoạn kiến, hoặc là thường kiến. Do tà kiến như vậy nên hạ người ấy cho lời Phật dạy là chẳng phải Phật dạy, cho lời chẳng phải Phật dạy là do Phật dạy, cho thật pháp là phi pháp, và cho phi pháp là thật pháp. Do pháp pháp như vậy, nên hạ người ấy khi mạng chung sẽ phải bị đọa vào 3 đường ác.

Bởi vậy Bồ tát khi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, liền dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến họ rời được tà tụ và an lập trong chánh định tụ, chẳng đọa vào các đường ác nữa.

Bồ tát tịnh Phật quốc độ như vậy, nên chúng sanh

chẳng còn tâm uế tạp, chẳng còn phân biệt các pháp thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi nữa. Dẫn đến trong các quốc độ, hết thấy chúng sanh chắc chắn sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát tịnh Phật quốc độ.

### LUẬN:

Ở nơi các pháp rốt ráo không mà còn chấp tâm, chấp tướng, như chấp tướng sắc, chấp tướng thọ, tướng hành thức, chấp tướng nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, chấp tướng sắc thanh hương vị xúc pháp, chấp tướng nam, chấp tướng nữ, chấp tướng 3 cõi, chấp tướng thiện ác, chấp tướng hữu vi hay vô vi, chấp tướng hữu lậu hay vô lậu v.v... thì đó gọi là thô nghiệp vậy.

**Hỏi:** Trước đây nói “chẳng thủ tướng thiện pháp, cũng chẳng thủ tướng bất thiện pháp”. Nay vì sao lại nói phải nhằm chán hết thấy sắc pháp, để thành tựu thiện pháp?

**Đáp:** Pháp Phật có nói đến “chúng sanh không” và “pháp không”. Nói “chúng sanh không” nhằm phá các tướng về chúng sanh như tướng nam, tướng nữ v.v...

Nói “pháp không” nhằm phá các tướng về sắc pháp, là các tướng hư vọng. Khi phá hết thấy các sắc pháp thì sẽ được “không”. Bởi vậy nên quán sắc, quán thọ tướng hành thức, quán thiện pháp, quán bất thiện pháp v.v... đều là như huyễn, như hóa, đều chẳng có định tướng vậy. Lúc bấy giờ, các hý luận về thường, về vô thường v.v... đều chẳng còn, nên chẳng gọi là chấp tướng nữa; và các thiện pháp đã hòa hợp với tánh không, nên chẳng còn sanh phiền não nữa.

**Hỏi:** *Các pháp hữu vi chỉ giả danh hòa hợp, chẳng nên chấp. Còn các pháp vô vi chân thật pháp, là như pháp tánh thật tế, vì sao cũng chẳng nên chấp?*

**Đáp:** Chẳng thủ tướng là vô vi; pháp vô tướng là pháp vô vi. Nếu có thủ tướng thì trở thành hữu vi. Bởi vậy nên có thủ tướng là hư vọng, là chẳng thật vậy.

Bồ tát xa lìa các thô nghiệp ở thân khẩu và ý, mới tịnh Phật quốc độ; xa lìa các chấp tướng, mới hành 6 pháp Ba-la-mật, cũng dạy người khác hành 6 pháp Ba-la-mật cùng các thiện pháp khác... dẫn đến tịnh Phật quốc độ.

Ở đoạn kinh trên đây, trước nói về tổng tướng, rồi sau mới nói với biệt tướng. Như nói Bồ tát đem các trân bảo cúng dường Phật và chúng Tăng, phát lời nguyện rằng, “Do nhân duyên cúng dường này mà chúng sanh ở quốc độ của tôi sau này sẽ được đầy đủ bảy báu trang nghiêm như vậy; mỗi chúng sanh có một tịnh độ của mình”.

**Hỏi:** *Chư Thánh hiền đều thiếu dục, tri túc, chỉ có phàm phu tham quý trân bảo. Như vậy vì sao Chư Phật và Chư Thánh hiền lại thọ nhận sự cúng dường trân bảo?*

**Đáp:** Bồ tát trú trong pháp tánh thân, thường đầy đủ các thần thông Ba-la-mật, nên hóa hiện ra các trân bảo để cúng dường chư Phật và chư đại Bồ tát vậy. Các trân bảo do thần thông lực hóa hiện ra, nên nhẹ nhàng, chẳng có gây chướng ngại. Ví như ở cõi trời Biến Tịnh có hiện tượng 60 người ngồi chung 1 chỗ để nghe pháp mà chẳng có ngăn ngại nhau.

Có Bồ tát thâm nhập thần thông biến hóa ra đủ thứ châu báu để cúng dường Phật và tháp Phật; lại có Bồ tát biến thân thành núi Tu Di, đốt đèn cúng dường Phật và tháp Phật ở khắp 10 phương, và phát nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi

sau này thường có quang minh chiếu sáng, chẳng phải nhờ đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, chẳng phải nhờ đến ánh sáng của đèn đuốc vậy”.

Lại có Bồ tát làm ra mưa hương hoa và anh lạc để cúng dường Phật và tháp Phật, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, hết thảy chúng sanh đều được đọa chánh, được thân tướng trang nghiêm, thanh tịnh, chẳng có xấu xa”.

Lại có Bồ tát tự dùng thần thông làm ra nhạc trời, hoặc làm thân a tu la, làm thân Long vương đem nhạc trời cúng dường Phật và tháp Phật, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này sẽ có những âm thanh như vậy”.

**Hỏi:** *Các đức Phật và chư Thánh hiền đã ly dục. Như vậy vì sao còn thích âm nhạc, thích ca vũ?*

**Đáp:** Các đức Phật tuy chẳng còn tâm chấp đắm đối với hết thảy pháp, nhưng ở thế gian có tất cả các pháp đó. Vì thương xót chúng sanh nên Phật tùy thuận theo sự cúng dường của họ, để họ được tùy nguyện hưởng phước đức. Chẳng phải Phật thích âm nhạc, thích ca vũ, nhưng vì lợi ích của chúng sanh mà Phật thọ sự cúng dường các thứ âm nhạc, ca vũ của họ vậy.

Bồ tát muốn tịnh quốc độ, nên cầu diệu âm thanh, muốn ở quốc độ của mình sau này chúng sanh thường được nghe các diệu âm thanh như vậy, khiến tâm họ được nhu nhuyễn. Khi tâm chúng sanh được nhu nhuyễn rồi, thì rất dễ hóa độ họ, nên Bồ tát dùng nhân duyên âm thanh để cúng dường Phật và tháp Phật.

Lại có Bồ tát dùng hương hoa cúng dường Phật và tháp Phật, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh sẽ thường được hưởng các hương hoa như vậy. Hương hoa sẽ tự nhiên có, chẳng phải do ai làm ra cả”.

Ở nơi thân Phật thường có diệu hương tỏa ra, đến hàng chư Thiên cũng chẳng sao bì kịp, nhưng vì lợi ích của chúng sanh mà Phật thọ sự cúng dường hương hoa của họ vậy.

Lại có Bồ tát đem cả trăm thức uống cúng dường Phật và chúng Tăng, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh sẽ được hưởng trăm vị thức ăn uống như vậy. Các đồ ăn uống sẽ tự nhiên đến với chúng sanh, chẳng do ai làm ra cả”.

Có thuyết nói các thứ cỏ thuốc, hoa thuốc, quả thuốc, hoặc các hoàn hoan hỷ, làm bằng các thứ cỏ và hoa quả thuốc đó cũng nhiếp trong 100 thức ăn uống đó.

Có thuyết nói 100 vị thức ăn uống có nghĩa là các thức ăn uống đầy đủ.

Có thuyết nói hàng chư Thiên ăn uống đến cả trăm ngàn vị.

Có thuyết nói do phước báo mà Bồ tát thọ dụng được các thức ăn uống đầy đủ, và dùng thần thông biến các thức ăn uống thành vô lượng vị, có thể chuyển hóa được tâm chúng sanh, khiến họ được tâm thanh tịnh ly dục.

Bồ tát dùng 4 lối ăn, tùy nhân duyên cúng dường Phật và chúng Tăng, nên ở quốc độ của Bồ tát sau này sẽ tự nhiên có đầy đủ cả trăm vị thức ăn uống như vậy.

-o0o-

Lại có Bồ tát làm dùng các loại hương trời để cúng dường Phật và chúng Tăng. Bên Thiên Trúc, do trời nóng bức, nên phải dùng hương xoa vào thân. Do vậy mà Bồ tát đem các thứ hương trời để cúng dường Phật và chúng Tăng, phát lời nguyện rằng. “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh sẽ được thọ hưởng các hương trời mịn màng như vậy”.

**Hỏi:** *Các người thọ giới Sa di hoặc giới Bát Quan Trai chẳng còn thọ hương xoa thân. Vì sao lại đem hương xoa thân để cúng dường Phật và cúng chúng Tăng?*

**Đáp:** Bồ tát đem tất cả những vật quý giá để cúng dường Phật và chúng Tăng như đem nước thơm rải trên vách, đem hương thơm xông chỗ ngồi v.v... để thể hiện lòng tôn kính vậy. Ví như có Bồ tát đem cả xe ngựa, vàng bạc, trân bảo, y áo v.v... để cúng dường. Nếu người xuất gia chẳng thọ dụng, thì bố thí lại cho chúng sanh. Lại có Bồ tát đem 5 dục để cúng dường, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh tùy ý hưởng 5 dục đầy đủ”.

**Hỏi:** *5 dục ví như hầm lửa, như phùng giặc cướp... chương ngại thiện căn, nên Phật quả trách người rong ruổi theo 5 dục. Vì sao Bồ tát lại muốn chúng sanh được thọ hưởng đầy đủ 5 dục?*

*Lại nữa, Phật và chúng đệ tử thường bận áo rách vá, ngồi gốc cây để tọa thiền. Vì sao Bồ tát lại cầu được 5 dục?*

**Đáp:** Người tu nhân phước thiện sẽ được hưởng phước báo đầy đủ 5 dục; đời này và đời sau chẳng làm việc trộm cướp, chẳng nói dối, chẳng sát hại chúng sanh, chẳng hành 10 bất thiện đạo. Do bản cùng mới hành 10 bất thiện đạo. Nếu tùy ý được 5 dục đầy đủ, thì chẳng còn hành 10 bất thiện đạo nữa.

Bồ tát nguyện ở cõi nước mình sau này, chúng sanh được giàu có, chẳng còn thiếu thốn, chẳng còn làm các điều ác. Như vậy tuy còn ái, còn mạn mà kiết sử đã được mỏng. Trong hoàn cảnh đó nếu được Phật hay chư đệ tử Phật thuyết pháp thì tâm họ sẽ được nhu nhuyễn, rất dễ được đạo. Tuy tâm chấp còn nhiều nhưng đã được lợi căn, nên vừa nghe nói về vô thường, khổ, không, vô ngã, thì họ liền được đạo. Ví

như cái áo dính mồ hôi, nếu đem dầm vào nước tro, thì liền được tẩy sạch.

Bồ tát chẳng muốn chúng sanh đắm chấp 5 dục, nên bố thí cho họ đầy đủ các vật dụng cần thiết. Bồ tát chỉ muốn chúng sanh thọ 5 dục trong một thời, để sau đó dạy họ tự xả 5 dục vậy.

Phật khuyên các đệ tử nên mặc áo rách vá, đi khất thực, để họ biết rằng do tội đời trước mà đời nay phải sanh vào đời “ác 5 trước” vậy. Nếu được ăn ngon, mặc đẹp thì tâm chấp càng thêm sâu dày, ... dẫn đến bỏ phé đạo nghiệp.

Bồ tát thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, nên được vô lượng phước đức; quán 5 dục bình đẳng, nên chẳng còn tham đắc, chẳng còn tâm cầu. Trái lại, có nhiều người tu ly dục, tu khổ hạnh, mà tâm hờn giận vẫn tăng trưởng; họ thường tưởng nhớ 5 dục, nên sanh phiền não, chẳng sanh tâm hướng thượng vậy.

Phật dạy, “Phải bỏ cả khổ lẫn lạc dùng trí huệ tu trung đạo”. Bởi vậy nên Bồ tát mới có thể phương tiện bố thí cho chúng sanh 5 dục, khiến họ chẳng còn thiếu thốn, mà chẳng có gì ngăn ngại.

**Hỏi:** Trong luật Tỳ-kheo có ghi rõ “Nếu một vị Tỳ-kheo nói rằng thọ 5 dục chẳng có ngại đạo, thì vị ấy sẽ bị quở trách. Nếu 3 phen chẳng thôi, thì sẽ bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn”. Như vậy vì sao lại cầu 5 dục?

**Đáp:** Trong Phật pháp phân biệt có Đại thừa và Tiểu thừa. So với hàng Đại thừa thì hạng Tiểu thừa phước mỏng và 3 độ sâu dày.

Trong kinh Bà Sa, Phật dạy: “Ta có các đệ tử bạch y, chẳng phải 1, chẳng phải 2, mà có đến cả 500 người thọ hương chiên đàn thoa thân, thọ các diệu hương hoa khác, ở

chung với vợ con, sai khiến các nô tỳ, gàn gũi vợ, mà vẫn đoạn được các kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, đoạn được các khổ trong 3 đời,... dẫn đến tiêu dần 3 độc được quả Tu-đà-hàm. “Tỳ-kheo A Lê Tra nghe Phật nói như vậy liền hỏi, “Phật vì ai mà nói các sự việc ấy?”.

Phật vì hàng đệ tử bạch y mà nói ra như vậy; chẳng phải vì hàng xuất gia. Tỳ-kheo là người thọ pháp xuất gia, ở trong chúng Tăng tự phát lời nguyện rằng, “Suốt đời tôi chẳng thọ dâm dục”. Bởi vậy nên người xuất gia phạm dâm dục thì phải ra ngoài Tăng chúng. Vì sao? Vì đã thệ nguyện rồi mà còn phạm tội là cố tình. Đã thọ giới cấm của Phật mà còn trái là phạm 2 tội. Vì nếu Tỳ-kheo thấy người bạch y được đạo mà xem tự thân mình đồng với người kia thì phải bị thêm 1 tội nữa vậy.

Nên phân biệt có 2 hạng Bồ tát tịnh Phật quốc độ:

- Hàng Bồ tát tại gia.
- Hàng Bồ tát xuất gia.

Bồ tát tại gia thọ 5 dục chẳng có tội. Ví như ở cõi trời Đâu Suất và cõi Uất Đan Việt, người tuy có thọ 5 dục mà chẳng khởi trọng tội. Còn người đã xuất gia theo Phật chẳng được thọ 5 dục như người tại gia vậy.

Trong pháp Tiểu thừa vị Tỳ-kheo A Lê Tra có nói rằng, “Nếu thấy có người phạm trọng tội mà sanh tâm hối hận nhiều, thì phải biết người đó đã tịnh Phật quốc độ, đời đời hành pháp 6 pháp Ba-la-mật và tu 3 giải thoát môn. Người ấy tuy có thọ 5 dục, mà chẳng bị nhiễm trước”.

Trong kinh nói, “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải tự tâm niệm tự vào 4 thiên, tự tu 37 Phẩm Trợ Đạo để giáo hóa chúng sanh. Bồ tát lại phải tự nguyện làm Phật, suốt đời hành 4 thiên... dẫn đến hành 37 Phẩm Trợ Đạo”.



Do nhân duyên phước đức như vậy, nên Bồ tát vì chúng sanh thọ 5 dục, mà chẳng bị chướng ngại. Vì sao? Vì trong vô lượng kiếp, Bồ tát đã phát nguyện, “Ta phải tùy thời, tùy nơi mà hành đạo, thành tựu đầy đủ các thiện pháp”.

Bồ tát tự thành tựu hết thấy các thiện pháp, cũng dạy chúng sanh thành tựu hết thấy các thiện pháp. Do thành tựu các thiện pháp mà Bồ tát được thân đoan chánh, và cũng khiến chúng sanh được thân đoan chánh.

Bồ tát tịnh Phật quốc độ như vậy, nên trọn chẳng sanh vào 3 đường ác.

**Hỏi:** Các đức Phật vì thấy chúng sanh khổ mà thị hiện sanh ở trong thế gian, trải rộng đại từ đại bi thương xót chúng sanh và cứu vớt chúng sanh ra khỏi các bể khổ. Nếu chẳng có khổ não, chẳng có 3 đường ác, thì làm sao phát tâm thương xót chúng sanh được?

**Đáp:** Phật ra đời vì muốn độ chúng sanh. Thế nhưng chúng sanh ở trong 3 đường ác chẳng thể độ ngay được. Phật chỉ khiến chúng sanh ở trong 3 đường ác kết thiện duyên, gieo trồng thiện căn mà thôi. Bởi vậy nên Phật được gọi là bậc Thiên Nhân Sư (bậc thầy của hàng trời và hàng người).

**Hỏi:** Nếu Phật vì thương xót chúng sanh mà tịnh Phật quốc độ, thì vì sao vẫn có chúng sanh ở trong 3 đường ác?

**Đáp:** Phật thương xót chúng sanh bình đẳng chẳng có sai khác. Ở nơi đây nói đến các nhân duyên thanh tịnh, nên nói ở trong quốc độ chẳng có 3 đường ác.

Bồ tát tịnh Phật quốc độ, phải thanh tịnh cả tạp quốc độ lẫn tịnh quốc độ. Ở trong tạp quốc độ có đủ 5 đạo chúng sanh. Ở trong tịnh quốc độ chẳng có hàng trời, người tu hành.

Có tịnh quốc độ chẳng có hàng trời, người, mà chỉ riêng có Thanh Văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật.

Ví như ở cõi nước của đức Phật quá khứ Thiên Vương, chỉ có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, và có đức Phật Thiên Vương làm vị pháp vương.

Có tịnh quốc độ chẳng có 3 đường ác, vì nơi đây chẳng có tà kiến.

**Hỏi:** *Các đức Phật chỉ vì muốn trừ tà kiến phiền não cho chúng sanh mà thị hiện ra đời. Nếu chẳng có 3 độc, chẳng có các phiền não khác, thì chư Phật ra đời để làm gì?*

**Đáp:** Có thuyết nói, “Nếu ở trong cõi nước có các nhân duyên phước đức lớn, thì ở nơi đó chẳng còn có 3 độc cùng các tà kiến”.

Có thuyết nói “Các Bồ tát được vô sanh pháp nhãn, được công đức lớn, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thường đi khắp 10 phương để độ thoát chúng sanh. Càng gần Phật đạo bao nhiêu, thì Bồ tát lại càng làm lợi ích cho chúng sanh bấy nhiêu”.

**Hỏi:** *Phật pháp dùng 3 thừa đạo để giáo hóa chúng sanh. Như vậy vì sao chỉ nói “nhất thừa” mà thôi?*

**Đáp:** Ý Phật muốn nói ở nơi “nhất thừa” mà phân biệt ra có 3 thừa vậy.

**Hỏi:** *Vì sao các đức Phật A Súc Bệ, A Di Đà chẳng ở trong đời “ác 5 trược” Vì sao các đức Phật này chẳng ở trong đời “ác 5 trược”, mà cõi nước các ngài cũng vẫn có 3 thừa đạo?*

**Đáp:** Tất cả các đức Phật ở quá khứ, ở hiện tại đều dùng 3 thừa giáo để độ thoát chúng sanh. Các đức Phật ở vị lai cũng sẽ làm như vậy.

Phật chẳng có chấp vô thường, khổ, vô ngã, nhưng khi chúng sanh điên đảo chấp thường, lạc, ngã, thì Phật mới phải vì họ nói đến vô thường, khổ và vô ngã vậy. Nếu chúng sanh chẳng còn các chấp thường, lạc và ngã, thì Phật chẳng cần nói đến vô thường, khổ, vô ngã. Vì sao? Vì chẳng có bệnh, thì chẳng cần phải cho thuốc. Lại nữa, Phật dạy chẳng có ngã sở, chẳng có các phiền não kiết sử, chẳng có Nhị thừa, nên cũng chẳng có các quả Thanh Văn, chẳng có đạo Bích Chi Phật vậy.

Bồ tát được vô sanh pháp nhãn rồi, nhất tâm hướng về thật tướng pháp, được các đà la ni tam muội, tu lên các địa. Bồ tát muốn cho chúng sanh được nghe pháp, nên khiến các cây vang ra tiếng pháp vi diệu. Ở khắp cõi nước đều có các cây quý đó, nên ở đâu đâu, đi đứng nằm ngồi, chúng sanh đều được nghe pháp, khiến họ chẳng sanh tạp tâm, mà chỉ sanh “pháp nhãn” mà thôi.

**Hỏi:** *Các đức Phật có vô lượng thần lực bất khả tư nghì. Như vậy vì sao các ngài chẳng hiện thân để thuyết pháp độ sanh, mà phải nhờ đến các cây phát ra tiếng pháp?*

**Đáp:** Chúng sanh rất nhiều, nếu chỗ nào Phật cũng hiện thân thuyết pháp, thì chúng sanh sẽ chẳng tin, cho là huyền hóa, chẳng có kính trọng. Vì chẳng có kính trọng, nên nghe pháp mà họ chẳng được khai ngộ. Trái lại, nếu họ nghe loài cây, hoặc nghe lời súc sanh nói pháp, thì họ lại dễ sanh tâm tín thọ.

Trong kinh *Bốn Sanh* có chép mẫu chuyện sau đây:

Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn là Bồ tát, hiện thân súc sanh để vì người nói pháp. Người cho đó là rất ít có, nên sanh tâm tín thọ.

Súc sanh là loài hữu tình mà người nghe còn tín thọ, chẳng có khinh nhờn, hướng nữa cây là loài vô tình mà phát ra diệu âm thanh thuyết pháp, ắt người nghe phải tín thọ nghĩa của “không, vô tướng và vô tác” vậy. Vì sao? Vì có Phật hay chẳng có Phật, thì hết thảy các pháp vẫn thường là không. Vì thường là không, nên là vô tướng. Vì là vô tướng, nên là vô tác. Vì là vô tác, nên tiếng pháp thường vang lên cả ngày lẫn đêm, ở cõi nước của Bồ tát, là do các thần thông khẩu lực, tự nhiên biến hóa ra các diệu âm thanh đó. Như vậy gọi là tịnh Phật quốc độ.

Các âm thanh vang ra cũng thường tán thành công đức của các đức Phật. Người nghe danh hiệu các đức Phật như vậy sẽ được đạo... dẫn đến cũng sẽ được thành Phật. Như vậy cũng gọi là tịnh Phật quốc độ.

**Hỏi:** *Phật tu khổ hạnh, vì chúng sanh thuyết pháp, mà chúng sanh chẳng còn được đạo, hướng nữa là chỉ nghe danh hiệu các đức Phật mà họ có thể được đạo hay sao?*

**Đáp:** Ở các cõi nước có rất nhiều lỗi thuyết pháp. Người nghe danh hiệu các đức Phật lâu ngày cũng có thể được đạo vậy. Ví như trong kinh *Pháp Hoa* có nói “Làm phước đức, dù lớn hay nhỏ, cũng đều có thể thành Phật”.

Người nghe danh hiệu Phật mà sanh được hết thảy trí, thì sẽ được đạo. Nếu nghe mà chẳng kính trọng, nghe mà sanh tâm Nhị thừa, thì chẳng trông được thiện căn nơi “pháp tánh sanh thân” của Phật vậy.

-o0o-

Lại nữa, thân Phật có vô lượng vô biên quang minh. Quang minh của Phật sáng tỏ hơn ánh sáng của mặt trời, mặt

trắng rất nhiều. Khi Phật thuyết pháp, quang minh của Phật tỏa ra khắp cõi nước.

Vì căn cơ và đức độ của chúng sanh có sai khác nhau, nên có chúng sanh thấy được quang minh của Phật mà được đạo; có chúng sanh nghe được pháp Phật dạy mà được đạo.

Như vậy, có thấy, có nghe mới thấy được thâm tín công đức của Phật. Vì sanh tâm thâm kính Phật, nên mới trồng thiện căn. Vì đã trồng thiện căn, nên quyết định sẽ được làm Phật.

Lại nữa, pháp Phật là chân thật pháp. Bởi vậy nên người nghe được pháp Phật, dù chẳng phải từ kim khẩu của Phật thuyết ra, cũng vẫn tín thọ vậy.

**Hỏi:** *Vì sao có người theo Phật Thích Ca Mâu Ni nghe pháp, mà vẫn khởi tâm nghi?*

**Đáp:** Có rất nhiều nhân duyên:

- Hoặc có người phước mỏng, chẳng trồng thiện căn, chẳng gôn gũi các bậc thiện trí thức, nên nghe pháp mà khởi tâm nghi.

- Hoặc có người thâm chấp ngã kiến, biên kiến cùng các tà kiến khác, bị các phiền não che tâm, nên nghe lời Phật nói mà cho là chẳng phải Phật nói, nghe lời chẳng phải Phật nói ra mà cho là lời của Phật. Do vậy mà khởi tâm nghi.

- Hoặc có người bị 3 độc che tâm, chẳng tùy thuận các bậc thiện trí thức, chỉ tùy theo ý riêng của mình, mà tự giải. Hạng người này khi nghe nói hết thầy pháp đều là rốt ráo không, thấy chẳng tùy thuận theo ý mình, bèn cho đó là chẳng phải lời Phật dạy, chẳng phải là pháp. Do vậy mà khởi tâm nghi; pháp thì cho là phi pháp (chẳng phải pháp), còn phi pháp thì cho là pháp.

Những hạng người như vậy, do tội phá pháp, nên khi mạng chung sẽ phải bị đọa vào 3 đường ác.

-o0o-

Bởi vậy nên Bồ tát, khi được Vô Thượng Bồ Đề, thấy chúng sanh qua lại trong các đường sanh tử, liền dùng Phật lực dẫn họ ra khỏi các đường ác, khiến họ được an trú trong chánh định tụ. Như vậy gọi là tịnh Phật quốc độ.

Ở nơi Tịnh Độ chẳng có lỗi lầm, vì ở nơi đây hết thảy pháp, dù là thế gian, dù là xuất thế gian, dù hữu lậu, dù là vô lậu, dù là hữu vi, dù là vô vi v.v... đều là bình đẳng, chẳng có chướng ngại. Ở cõi nước này, đất thường sanh ra bảy báu, chúng sanh đều được thân đoan chánh, được tướng tốt trang nghiêm, thân có được vô lượng quang minh, thường được nghe pháp âm, thường chẳng xa rời 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng xa rời 18 bất cộng pháp. Ở cõi nước đó chúng sanh quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

**Hỏi:** Trước nói chúng sanh nào nghe được danh hiệu Phật quyết định sẽ được thành Phật. Nay lại nói chúng sanh nào nghe thuyết rằng: “Ở nơi thật tướng, các pháp chẳng ngăn ngại nhau” mà sanh tâm tín thọ cũng quyết định sẽ thành Phật. Các trường hợp này có gì sai khác nhau chăng?

**Đáp:** Chúng sanh nào thường thấy Phật, thường nghe pháp, thường gieo trồng thiện căn thường tu tập Phật pháp, sẽ mau được thành Phật. Còn người nghe danh hiệu Phật mà sanh tâm tín thọ, mặc dù quyết định cũng sẽ thành Phật, nhưng lâu hơn, chẳng bằng được hạng người nói trên vậy.

Tất cả đều là tướng tịnh Phật quốc độ cả.

## Phẩm Thứ Tám Mười Ba



### Tất Định

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát quyết định làm Phật hay chẳng quyết định làm Phật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quyết định, chẳng phải chẳng quyết định làm Phật vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Quyết định ở nơi đâu? Quyết định trong đạo Thanh Văn, trong đạo Bích Chi Phật, hay trong đạo Phật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng phải quyết định ở trong đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật, là quyết định ở trong đạo Phật.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Là sơ phát tâm Bồ tát quyết định, hay là tối hậu thân Bồ tát quyết định?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sơ phát tâm Bồ tát quyết định, bất thối chuyển Bồ tát quyết định, tối hậu thân Bồ tát cũng quyết định.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! quyết định Bồ tát có bị đọa vào trong 3 đường ác chăng?**

**Phật dạy: Chẳng vậy, này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Người được 4 quả Thanh Văn, được đạo Bích Chi Phật có bị đọa vào 3 đường ác chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy. Từ sơ phát Tâm, Bồ tát tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ đoạn hết thấy các bất thiện pháp..., thì chẳng có lý nào phải bị đọa vào 3 đường ác, hoặc phải sanh vào những nơi biên địa, vào những nhà ác tà kiến, những nơi chẳng nghe nói đến Phật Pháp Tăng.**

**Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng có lý nào lại thâm tâm hành 10 bất thiện đạo.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như có nói trong kinh Bốn Sanh, nếu Bồ tát nào đã thành tựu được các thiện căn công đức như vậy, thì chẳng thể thọ các quả báo bất thiện vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì lợi ích chúng sanh, mà Bồ tát thọ các thân thích úng. Ví như khi thọ thân súc sanh, Bồ tát có lực phương tiện rất lớn, nên khi có ai muốn đến để giết hại mình, thì Bồ tát liền dùng tâm nhẫn nhục vô thượng, tâm từ bi vô thượng xả bỏ thân mình, mà chẳng làm não hại kẻ oán tặc. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật có được các lực phương tiện này chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên phải biết rằng Bồ tát muốn được đầy đủ tâm đại từ bi, mà thọ thân súc sanh để làm lợi ích cho chúng sanh vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát an trú trong các thiện căn nào mà thọ các thân như vậy?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, chẳng có thiện căn nào mà Bồ tát chẳng**



đầy đủ. Vì sao? Vì phải đầy đủ các thiện căn mới được Vô Thượng Bồ Đề. Phải học đầy đủ các thiện căn rồi mới được Nhất thiết chủng trí; được Nhất thiết chủng trí rồi mới đoạn sạch các phiền não tập khí vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát đã thành tựu được các thiện pháp vô lậu thanh tịnh như vậy, mà sao lại còn sanh làm thân súc sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Phật có thành tựu các thiện pháp vô lậu thanh tịnh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy các thiện pháp vô lậu thanh tịnh, Phật đều thành tựu cả.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Phật hóa thân súc sanh để làm Phật sự thì đó có phải thật là thân súc sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu các biện pháp vô lậu để hóa độ chúng sanh, nên thọ thân súc sanh và dùng thân ấy làm để làm lợi ích chúng sanh cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như A-la-hán biến hóa ra các thân có thể làm cho chúng sanh được hoan hỷ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật ! Bạch Thế Tôn! Có thể được.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng các thiện pháp vô lậu thanh tịnh, tùy theo từng đối tượng chúng sanh mà thọ thân thích ứng, dùng thân ấy làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng thọ các khổ.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như nhà huyền thuật huyền tác ra các hình tướng, nào là voi, ngựa, trâu, dê,

người nam, người nữ v.v... để trình bày cho mọi người xem, thì các hình tướng ấy có thật chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu các pháp vô lậu thanh tịnh, hiện làm thân các loài chúng sanh, rồi dùng thân ấy làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng thọ các khổ.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát được trí huệ vô lậu thanh tịnh, dùng lực phương tiện quán loài chúng sanh nào cần được độ, thì tùy theo loài đó mà hiện thân thích ứng để độ họ vậy.**

#### **LUẬN:**

**Hỏi:** Trước đây nói về tướng “bất thối chuyển” là đã nói về tướng “quyết định” rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?

**Đáp:** Bất nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, nên có nhiều môn, nhiều đạo. Trước đây nói về môn “bất thối chuyển”. Nay ngài Tu Bồ Đề hỏi về môn “quyết định”.

Trong tâm Phật thì hết thấy chúng sanh, hết thấy các pháp đều quy định, nhưng vì trí thế gian chẳng đến kịp nên nói là “chẳng quyết định”.

Trong vô lượng kiếp đã chứa nhóm vô lượng công đức, nên nay dù hiện thân Tiểu thừa mà Bồ tát dùng lực trí huệ cũng vẫn biết rõ hết thấy chúng sanh, cho đến các vi trùng nhỏ bé, tuy nay chưa có thiện tâm nhưng trải qua bao nhiêu kiếp nữa về sau cũng sẽ phát tâm làm Phật. Bồ tát được vô ngại ở nơi hết thấy pháp, nên quyết định biết như vậy.

Vì trong kinh *Pháp Hoa* nói rằng, ở nơi Phật dù làm 1 công đức nho nhỏ, như vẽ hình Phật, như có một lần niệm Nam mô Phật v.v... thì quyết định về sau cũng sẽ làm Phật"; vì ở nhiều kinh khác lại nói có "bất thối chuyển" và có "thối chuyển", nên ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi: Bồ tát quyết định làm Phật, hay chẳng quyết định làm Phật?

Phật dạy: Bồ tát quyết định làm Phật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Quyết định ở trong đạo nào?

Vì ngài nghĩ rằng vào "Niết Bàn là quyết định" mới hỏi như vậy.

Phật dạy: Chẳng phải quyết định ở trong Nhị thừa mà đây là quyết định ở trong Đại thừa.

Vì sao? Vì người cầu Phật đạo, từ khi sơ phát tâm, khi được bất thối chuyển... dẫn đến ở tối hậu thân đều quyết định làm Phật.

Ý ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, "Sau khi được bất thối chuyển rồi, Bồ tát mới quyết định an lập trong Phật đạo". Do vậy mà Phật đáp lại rằng, "Ở cả ba giai đoạn Bồ tát đều quyết định. Người đã quyết định như vậy, ắt sẽ được làm Phật".

**Hỏi:** Ở các phẩm trước có nói rằng "Phật dùng Phật nhãn quán thấy khắp 10 phương thế giới, số người cầu Phật đạo nhiều như số cát sông Hằng, mà số người được bất thối chuyển thì rất ít. Nay vì sao lại nói rằng, "Ở cả 3 giai đoạn, Bồ tát đều quyết định làm Phật"?

Đáp: Phật có dạy rằng: "Trước đây ta có nói Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, có vô lượng môn. Bởi vậy nên có khi nói Bồ tát thối là chẳng quyết định; có khi nói Bồ tát quyết định là chẳng thối".

Ngài Tu Bồ Đề muốn hỏi Phật, “Thối là thối ở chỗ nào? Sác... dẫn đến hết thảy pháp đều là rốt ráo không, đều chẳng thối. Như vậy, thối là thối ở chỗ nào?”.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn hỏi về 2 nghĩa ấy là thật hay là chẳng thật. Cả 2 trường hợp đều từ kim khẩu của Phật nói ra, nên đều là thật. Ví như có khi Phật dạy “Hết thảy pháp là không, là vô sở hữu”; có khi Phật dạy, “Bồ thí, trì giới v.v... đều là những pháp hữu vi”. Như vậy, vì người mới phát tâm thì Phật nói pháp hữu vi; vì người đã tu học lâu ngày mà còn chấp các thiện pháp, thì Phật nói các pháp là không, là vô sở hữu; vì người giải đãi ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, tâm chẳng kiên cố, thì Phật nói tu theo pháp Thanh Văn sẽ được độ, nếu chẳng cầu Thanh Văn sẽ phải ở lâu trong các đường sanh tử, phải thọ khổ lâu dài.

Bởi vậy nên Phật nói, “Người phát tâm nhiều như số cát sông Hằng, mà người được bất thối chuyển thì rất ít”.

Nếu người nào tu Bồ tát hạnh mà kham nhẫn thọ khổ, thì người ấy quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu người nào chẳng có kham nhẫn được, thì thường chấp Thanh Văn đạo và Bích Chi đạo.

Lại có người tuy kham nhẫn được, tuy rất tâm cầu làm Phật nhưng tâm đại bi mỏng, ái chấp thân quá nặng, thì cũng rất khó được Vô Thượng Bồ Đề. Hạng người này phần nhiều thối tâm vì nghĩ rằng “Ta chẳng thể làm Phật được; ta hãy sớm thủ Niết Bàn cần gì phải đời đời thọ khổ”.

Vì hạng người như vậy, Phật nói, “Hết thảy Bồ tát... dẫn đến người mới sơ phát tâm đều quyết định thành Phật”. Kinh *Pháp Hoa* có nói rõ như vậy.

**Hỏi:** *Nếu hết thảy Bồ tát quyết định thành Phật, thì vì sao*

*Phật lại quở trách những người tu theo Nhị thừa muốn nghe pháp Bồ tát, mà chỉ muốn thủ chứng Nhị thừa?*

**Đáp:** Người tu theo Thanh Văn, khi đã lậu tận rồi, thì chẳng còn các nghiệp nhân duyên dẫn sanh vào 3 cõi nữa. Khi Tịnh Phật quốc độ rồi, thì vị này vẫn ở trong 3 cõi mà chẳng còn sanh phiền não.

Ở nơi tịnh độ, vị A-la-hán nghe Phật thuyết kinh *Pháp Hoa* mới được đầy đủ Phật đạo. Nếu tự cho mình đã chứng A-la-hán, đã rốt ráo diệt độ, mà chẳng nghe Phật thuyết kinh *Pháp Hoa*, thì chẳng được đầy đủ Phật đạo\*.

Cũng trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm “500 vị đệ tử được thọ ký”, có nói về 500 vị đại A-la-hán được thọ ký xong, vui mừng, hớn hở, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, lạy dưới chân Phật, và tự trách rằng, “Bạch Thế Tôn! Chúng con thường tán niệm tự cho mình là đã được rốt ráo diệt độ. Nay mới biết người vô trí mới làm như vậy. Vì sao? Vì chúng con đáng được trí huệ của Như Lai, mà lại tự chấp lấy trí huệ nhỏ của mình, cho là đủ rồi vậy”.

Phật dạy: Ở nơi các cõi khác, ta cũng nói với chúng sanh phải đầy đủ các điều nêu trên mới được thành Phật.

**Hỏi:** *Nếu A-la-hán vắng cõi Tịnh Độ, thọ pháp tánh thân, thì sẽ mau được làm Phật. Sao chẳng nói thẳng như vậy, mà phải nói dần dà, quanh co trong Phật đạo?*

**Đáp:** Người chấp pháp Tiểu thừa bỏ chúng sanh, bỏ Phật

---

\*. Trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm Phương Tiện, Phật nói với ngài Xá Lợi Phất rằng, “Nếu đệ tử của ta tự cho mình là A-la-hán, là Bích Chi Phật, mà chẳng nghe, chẳng biết chư Phật Như Lai giáo hóa về Bồ tát sự, thì chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải là A-la-hán, chẳng phải là Bích Chi Phật”.

đạo, lại thường tự cho mình là đã được đạo. Bởi nhân duyên vậy, nên hạng người này chỉ muốn thủ Niết Bàn, chẳng muốn thọ khổ sanh tử. Đây là hạng người độn căn, chẳng có thể mau thành Phật được. Hạng này chẳng có thể bằng được hạng Bồ tát trực vãng Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, trong Phật pháp có những việc bất khả tư nghì, như:

- Việc A-la-hán có thể làm Phật hay không, chỉ có chư Phật và chư đại Bồ tát mới biết được; hàng phàm phu chớ nên hý luận.

- Việc Bồ tát có quyết định đọa vào 3 đường ác hay không, chỉ có chư Phật và chư đại Bồ tát mới biết được, hàng phàm phu dù có tin, cũng chẳng sao biết được.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe nói trong kinh *Bốn Sanh*, Phật đã từng làm thân chim thú, thọ các khổ, nên ngài hỏi Phật: Nếu Bồ tát thọ thân súc sanh như vậy, thì làm sao nói hết thấy Bồ tát quyết định được bất thối chuyển, vì bất thối chuyển là chẳng còn đọa vào đường ác?

Phật hỏi lại: Người vào được thánh đạo rồi, còn bị đọa vào 3 đường ác chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, các bậc Thánh hiền chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, nên đáp: Chẳng vậy.

Phật dạy: Cũng như vậy. Do các nhân duyên đọa vào 3 đường ác đã đoạn dứt, nên Bồ tát chẳng còn đọa vào 3 đường ác vậy. Bồ tát, từ khi sơ phát tâm đến nay, thường tu tập bố thí Ba-la-mật cùng 5 pháp Ba-la-mật khác, nên chẳng có lý nào lại phải bị đọa vào 3 đường ác nữa.

Bồ tát đã tận diệt các bất thiện đạo, nhưng vì thâm tâm thường bị niệm chúng sanh mà thị hiện thọ thân trong 3 đường ác. Đây chẳng phải là Bồ tát bị đọa vào 3 đường ác vậy.

Lại nữa, vì thương xót chúng sanh mà Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, vào các thiên định hòa hợp với các hạnh từ bi, nên chẳng chấp thiên vị.

Khi muốn xả thọ mạng, thì Bồ tát xả niệm về các pháp ở cõi Dục, lui về trong thiên định nhập vào vô sở hữu xứ, nên chẳng có khổ não, chẳng tham trước thiên vị, cũng chẳng sanh về các nơi biên địa, hạ tiện, chẳng sanh về cõi trời Trường Thọ... là những nơi chẳng có Phật Pháp Tăng.

Bồ tát thường ưa “trung đạo”, xa lìa cả 2 biên, nên chẳng sanh về biên địa. Biên địa, nói ở đây là những nơi chẳng được nghe danh Tam bảo, chẳng có 7 chúng, chẳng có tôn quý phước đức, chẳng có tôn quý đạo pháp. Còn nơi nào biết Tam bảo, biết tội phước, giải thật tướng pháp, thì gọi là “trung quốc”, hoặc gọi là “trung Diêm phù đề”.

Bồ tát thường ưa vì người nói pháp, cũng thường thâm ái các thiện pháp, nên thường sanh ở “trung quốc”, vì ở đây chẳng có sanh tà kiến. Vì sao? Vì Bồ tát đời đời thường tu hành chánh kiến, cũng dạy người khác hành chánh kiến.

**Hỏi:** *Bồ tát có đầy đủ các lực phước đức trí huệ. Như vậy vì sao Bồ tát chẳng sanh vào các nhà có tà kiến để giáo hóa họ?*

**Đáp:** Nên phân biệt có 2 hạng Bồ tát. Đó là:

- Hàng đại Bồ tát đã thành tựu đại lực.
- Hàng sơ phát ý Bồ tát.

Các đại Bồ tát có đại nguyện độ hết thảy chúng sanh, nên thị hiện thọ các thân, kể cả sanh thân vào nơi biên địa, nơi có

nhieu tà kiến. Còn Bồ Tát sơ phát ý thì chẳng dám sanh vào những nơi chẳng có người có thể độ được. Ví như kim loại quý đã tinh luyện, thì dù ở trong bùn lầy cũng chẳng có thể bị hoại; còn các kim loại khác thì rất dễ bị sét ri.

-o0o-

Có 62 tà kiến, trong đó “chấp vô tác” là nặng nhất. Vì sao? Vì phái “vô tác” nói nên cầu trời, nói trời sanh ra muôn vật, nói chẳng nên làm công đức cầu Niết Bàn. Phái này tuy chẳng ngăn làm phước đức, nhưng vì “vô tác” là đại ác, nên chẳng nên sanh tà kiến này. Vì sao? Vì Bồ tát nhất tâm quý trọng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng quý pháp thế gian; dù chưa hoàn toàn ly dục, chưa đoạn sanh phiền não, mà chẳng khởi tâm làm ác, chẳng lấy của người, chẳng hại mạng người. Bồ tát đoạn hết thấy các bất thiện pháp, thường hành các thiện pháp, nên chẳng đọa vào 3 đường ác.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ tát chẳng đọa vào 3 đường ác thì vì sao lại sanh làm súc vật?

Phật dạy: Bồ tát thật đã đầy đủ thiện căn, chẳng còn đọa vào 3 đường ác. Thế nhưng, chỉ vì muốn thành tựu lợi ích cho chúng sanh mà Bồ tát thọ thân súc sanh, chẳng phải vì có tội mà phải đọa làm súc sanh vậy.

Phật lại dạy tiếp: Bồ tát thọ thân súc sanh mà thường khởi tâm từ bi thương xót và cứu khổ mọi loài súc sanh, dù có súc sanh muốn giết hại mình, là kẻ oán tặc của mình. Còn chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật chẳng có các hạnh đó; dù các ngài chẳng làm hại chúng sanh, nhưng chẳng có thương xót kẻ muốn đến ác hại mình.

Kinh *Bốn Sanh* có kể mẩu chuyện sau đây:



Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn là Bồ tát, có 1 lần thọ thân voi 6 ngà. Khi có 1 người thợ săn đến bắn, voi đã dùng vòi quét sạch các tên độc chằng làm các mũi tên làm hại đến đàn voi. Voi bèn hỏi người thợ săn rằng “Vì sao ngươi lại khởi ác tâm?”

Người thợ săn đáp, “Đó là tội do phiền não gây nên. Chẳng phải là tội của tôi”.

Voi đáp, “Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ đoạn trừ các phiền não cho ngươi. Nhưng nay ngươi bắn ta để làm gì?”

Người thợ săn đáp “Tôi muốn lấy các cặp ngà”.

Voi bèn đến bên khe đá, rút cặp ngà giao cho người thợ săn. Máu tuôn ra lênh láng, nhưng voi chẳng cảm thấy đau nhức gì cả.

Xong voi lại cho người thợ săn các thức ăn uống và còn chỉ đường cho người thợ săn ra về.

Tâm từ bi ấy chỉ có các đại Bồ tát mới có được. Còn chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật chẳng sao có được, nên các ngài chẳng muốn thọ thân súc sanh. Bồ tát thị hiện làm thân súc sanh, chẳng phải là do nghiệp duyên mà bị đọa làm súc sanh vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát chẳng dùng thân người để thuyết pháp, mà phải làm thân thú?*

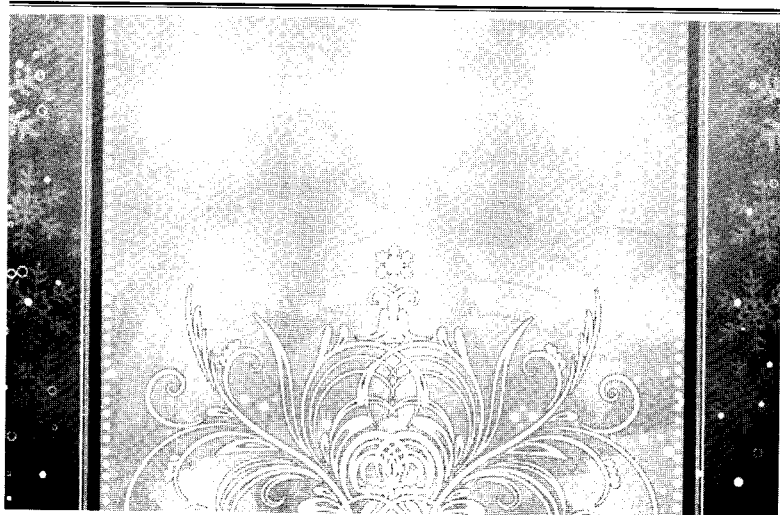
**Đáp:** Vì có nhiều người nghe người thuyết pháp chẳng có khởi lòng tin. Đối với hạng người ấy, Bồ tát thường thị hiện làm thân súc sanh để hành Bồ tát đạo. Các người ấy nghe thấy súc sanh mà hành đạo như vậy sẽ dễ sanh tín tâm, khiến trở thành dễ được giáo hóa vậy.

Lại có các Bồ tát muốn đầy đủ từ bi muốn thành thật pháp, khiến chúng sanh nghe thấy, hoặc sanh sợ hãi, hoặc sanh hoan hỷ. Có sợ hãi, có vui mừng... như vậy, thì họ mới chịu vào đạo.

(Hết quyển 93)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 94**





## Phẩm Thứ Tám Mười Ba (TIẾP THEO)



### Tất Định (tiếp theo)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát an trú trong thiện pháp vô lậu thanh tịnh nào để làm các phương tiện như vậy, mà chẳng bị nhiễm ô?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, ở trong hằng sa quốc độ khắp 10 phương để làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng có tham chấp thân mình. Vì sao? Vì chấp thân là chấp pháp, mà ở trong bố thí thì cả 3 pháp đều là bất khả đắc. Do tự tướng các pháp là không, mà trong không chẳng có tướng không, nên chẳng có người chấp, chẳng có chỗ chấp vậy. Vì sao? Vì trong không, thì tướng không cũng là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là “bất khả đắc không”. Bồ tát an trú nơi đây mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng an trú trong các pháp khác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có pháp nào chẳng vào trong Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không, thì vì sao hết thảy các pháp đều vào trong Bát nhã Ba-la-mật ?

**Bạch Thế Tôn!** Trong không, chẳng có pháp vào, cũng chẳng có pháp chẳng vào.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp tướng là không chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Đều là không cả.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp tướng đều là không. Như vậy vì sao nói hết thấy pháp chẳng vào trong không?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, đại Bồ tát làm thế nào để an trú trong hết thấy pháp không mà có thể khởi các thần thông Ba-la-mật; rồi dùng các thần thông Ba-la-mật để đi hàng sa quốc độ khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp, và gieo trồng thiện căn nơi chư Phật?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, đại Bồ tát quán hàng sa quốc độ khắp 10 phương đều là tánh không; hiện thân của các đức Phật chỉ là giả danh tự. Giả danh tự ấy cũng là không.

Này Tu Bồ Đề! Vì các cõi Phật khắp 10 phương đều là tánh không, các đức Phật là tánh không, hết thấy các pháp tướng là tánh không nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện khởi các thần thông Ba-la-mật. An trú trong các thần thông Ba-la-mật, Bồ tát khởi thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, như ý túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, mà biết rõ các chúng sanh trong các đường sanh tử.

Nếu Bồ tát xa rời các thần thông Ba-la-mật, thì chẳng có thể làm lợi ích cho chúng sanh, chẳng có thể được Vô

**Thượng Bồ Đề. Thần thông Ba-la-mật là đạo lợi ích dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.**

Vì sao? Vì Bồ tát dùng thiên nhãn tự mình thấy các thiện pháp, cũng dạy người, khiến họ được các thiện pháp, ở nơi các thiện pháp, Bồ tát chẳng thủ chấp, vì các thiện pháp đều là tự tánh không. Trong “không” chẳng có chỗ thủ chấp. Nếu chấp, thì sẽ thọ mùi vị, mà trong “không” thì chẳng có mùi vị vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, dùng thiên nhãn quán hết thấy pháp đều là không. Vì thấy hết thấy pháp đều là không nên chẳng thủ tướng, chẳng tác nghiệp, chẳng thấy có vì người mà nói pháp ấy, chẳng thấy có tướng chúng sanh, cũng chẳng nghe danh tự chúng sanh.

Bồ tát dùng pháp “vô sở đắc”, khởi thần thông Ba-la-mật; dùng thần thông quán chỗ nào nên làm thì làm. Thiên nhãn thù thắng hơn nhân nhãn, nên Bồ tát dùng thiên nhãn thấy được các cõi Phật trong khắp 10 phương. Thấy rồi, Bồ tát bay đến tận cùng các cõi Phật để làm lợi ích cho chúng sanh; hoặc dùng bố thí, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng nhẫn nhục, hoặc dùng tinh tấn, hoặc dùng thiên định, hoặc dùng trí huệ để làm lợi ích cho chúng sanh; hoặc dùng 37 Phẩm Trợ Đạo, hoặc dùng 3 giải thoát môn, hoặc dùng pháp Thanh Văn, hoặc dùng pháp Bích Chi Phật, hoặc pháp Bồ tát, hoặc dùng pháp Phật để làm lợi ích cho chúng sanh. Gặp người xan tham thì Bồ tát nói với họ, “Các người nên hành bố thí. Bản cùng là khổ não. Người bản cùng chẳng tự lợi ích cho chính mình, huống nữa là lợi ích cho người khác. Các người hay siêng năng hành bố thí, khiến tự mình được vui, cũng làm cho người khác được vui. Các người chớ nên vì bản cùng mà xâu xé nhau, trộm cắp của nhau khiến chẳng xa rời được

3 đường ác”. Gặp người phá giới thì Bồ tát nói với họ, “Các người chớ nên phá giới, phá giới là khổ não. Người phá giới chẳng tự lợi ích cho chính mình, hưởng nữa là lợi ích cho người khác. Do phá giới mà phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ súc sanh; chẳng thể tự cứu mình, hưởng nữa là cứu người khác. Các người chớ nên tùy theo tâm phá giới; đến khi chết, các người sẽ hối hận”.

Gặp người sân hận, đấu tranh lẫn nhau, thì Bồ tát nói với họ “Các người chớ nên sân hận. Sân hận là khổ não. Sân hận làm não loạn lòng người, chẳng thuận với thiện pháp. Do sân hận mà phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các người chớ nên sanh hận thù, dù chỉ là một niệm, mà tự làm khổ mình”.

Gặp người giải đãi, thì Bồ tát dạy cho họ tu tinh tấn.

Gặp người loạn tâm, thì Bồ tát dạy cho họ tu thiền định.

Gặp người ngu si, thì Bồ tát dạy cho họ tu trí huệ.

Gặp người nhiều dâm dục, thì Bồ tát dạy cho họ quán bất tịnh.

Gặp người sân nhuế, thì Bồ tát dạy họ quán từ bi.

Gặp người ngu si, thì Bồ tát còn dạy họ quán 12 nhân duyên.

Lại nữa, gặp người hành phi đạo, thì Bồ tát dạy họ vào chánh đạo; dạy họ tu Thanh Văn Đạo, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến tu Phật đạo. Bồ tát nói với hạng người này rằng, “Các người chớ nên chấp tướng, vì các pháp là vô tướng, là tự tánh không. Trong không, thì chẳng có chỗ chấp trước”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật,



**Bồ tát an trú trong thần thông Ba-la-mật để làm lợi ích cho chúng sanh.**

**Này Tu Bồ Đề! Nếu xa rời thần thông Ba-la-mật, thì Bồ tát chẳng có thể tùy ý chúng sanh để thuyết pháp được.**

**Bởi vậy nên, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải khởi các thần thông Ba-la-mật mới có thể tùy ý chúng sanh thuyết pháp khiến họ được lợi ích. Ví như chim chẳng có đôi cánh, chẳng có thể bay cao được; Bồ tát chẳng có thần thông Ba-la-mật cũng chẳng có thể tùy ý giáo hóa chúng sanh được vậy.**

**Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phát khởi thần thông. Phát khởi thần thông rồi, Bồ tát mới tùy ý làm lợi ích cho chúng sanh được.**

**- Dùng thiên nhãn quán thấy chúng sanh trong hằng sa quốc độ. Quán thấy rồi, dùng lực thần thông đến với chúng sanh, vì họ thuyết pháp, khiến họ được lợi ích.**

**- Dùng thiên nhĩ nghe chư Phật trong khắp 10 phương thuyết pháp. Nghe rồi, liền thọ trì, và đúng như pháp mà dạy lại cho chúng sanh.**

**- Dùng tha tâm trí biết rõ tâm trí của chúng sanh. Biết rồi, liền tùy chỗ ưa thích của chúng sanh mà thuyết pháp; như thuyết bố thí... dẫn đến thuyết Niết Bàn.**

**- Dùng túc mạng trí biết rõ đời trước của mình, và của chúng sanh; biết rõ danh hiệu của chư Phật và của chúng đệ tử trong quá khứ. Nếu có chúng sanh nào có lòng tin, muốn nghe về đời quá khứ của họ, thì vì họ nói lại những việc làm của họ trong quá khứ, để rồi vì họ thuyết pháp, như thuyết bố thí... dẫn đến thuyết Niết Bàn.**

- Dùng như ý thần túc thông, đi đến vô lượng cõi Phật, cúng dường chư Phật gieo trồng thiện căn.

- Dùng lậu tận thông trí chứng, để tùy theo chỗ ưa thích của chúng sanh mà thuyết pháp, như thuyết bố thí... dẫn đến thuyết Niết Bàn.

Như vậy này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phát khởi những thần thông như vậy. Do các thần thông mà Bồ tát tùy ý thọ thân trong cảnh khổ, cũng như trong cảnh vui, mà chẳng bị nhiễm; ví như các người hóa do Phật hóa tác ra, làm các việc khổ, việc vui, mà chẳng bị nhiễm vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải như vậy mà du hí thần thông tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát chẳng tịnh Phật quốc độ, chẳng thành tựu chúng sanh, thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì chẳng đầy đủ nhân duyên nên chẳng được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải đầy đủ những nhân duyên gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các thiện pháp đều là nhân duyên mà Bồ tát phải đầy đủ để được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những thiện pháp ấy là những pháp gì, mà Bồ tát phải đầy đủ để được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát bố thí Ba-la-mật. Đó là nhân duyên thiện pháp. Ở trong đó chẳng phân biệt người thí, người thọ và tài vật thí, vì các pháp là tự tánh không.

Dùng bố thí Ba-la-mật, Bồ tát có thể tự làm lợi ích cho mình, và làm lợi ích cho chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh ra khỏi sanh tử và đưa họ vào Niết Bàn. Đó là nhân duyên thiện pháp để các Bồ tát hành Bồ tát đạo. Do nhân duyên thiện pháp như vậy mà chư Bồ tát trong 3 đời đã, đang và sẽ tự độ mình ra khỏi sanh tử, và cũng đã, đang và sẽ độ chúng sanh ra khỏi sanh tử.

Dùng 5 Ba-la-mật kia, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp không... dẫn đến 18 bất cộng pháp cùng hết thấy các công đức Phật pháp đều dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đó là các thiện pháp. Bồ tát phải đầy đủ các nhân duyên thiện pháp như vậy, rồi mới được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi, Bồ tát sẽ chuyển pháp luân, độ hết thấy chúng sanh.

### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ tát an trú trong các thiện căn nào để thọ các thân?

Phật dạy: Bồ tát phải an trú đầy đủ nơi hết thấy các thiện pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ thưa: Bồ tát thành tựu các lực phương tiện, an trú trong các thánh pháp vô lậu, nên thường thọ các thân, mà chẳng bị nhiễm ô.

Phật dạy: Bồ tát thành tựu các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên thường thọ các thân, thường làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng tham luyến thân vậy.

Ở nơi đây Phật nêu lên các nhân duyên Bồ tát có 3 pháp bất khả đắc.

Đó là: Pháp thân Bồ tát, thân thị hiện làm súc sanh, và chỗ dụng pháp.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp là tánh không, mà cũng chẳng chấp không. Trong không, thì chẳng có người tham chấp, chẳng có pháp để chấp, và cũng chẳng có chúng sanh.

Phật nói lên các nhân duyên rằng “không” là bất khả đắc, nên Bồ tát chẳng tham chấp. Lại nữa trí huệ cũng bất khả đắc, vì “không” chính là Bát nhã Ba-la-mật vậy. Bồ tát an trú trong “không” mà được Vô Thượng Bồ Đề. Vì Bồ tát chẳng bị chướng ngại, nên dễ được đạo.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát an trú trong 6 pháp Ba-la-mật,... dẫn đến an trú trong 18 bất cộng pháp mà được đạo. Như vậy, vì sao nói Bồ tát an trú trong “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật” mà được đạo?

Phật hỏi lại: Có pháp nào chẳng có vào trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bát nhã Ba-la-mật là tánh không. Như vậy làm sao hết thảy pháp đều vào trong Bát nhã Ba-la-mật được?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Trong không, chẳng thể có pháp ra, có pháp vào được”.

Phật hỏi lại: Hết thảy pháp tướng đều là không chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Đều là không cả.

Phật dạy: Nếu hết thảy pháp tướng đều là không, thì các pháp đều nhập vào trong không. Như vậy vì sao ông lại nói trong “không” chẳng có pháp ra, chẳng có pháp vào?

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề hỏi mới chịu phục theo, và mới thọ lời giải rằng, “Bồ tát hóa thân để độ chúng sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Bồ tát làm thế nào để an trú trong pháp không, mà vẫn thường khởi thần thông Ba-la-mật, đi đến các cõi Phật ở khắp 10 phương cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp và gieo trồng thiên căn?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Bát nhã Ba-la-mật là tánh không, là vô pháp. Như vậy làm sao Bồ tát an trú trong tánh không, trong vô pháp, mà có thể thường khởi các thần thông, là hữu pháp?

Phật dạy: Vì là ‘không’ cho nên mới hành. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các quốc độ trong khắp 10 phương đều là không, quán chư Phật trong 10 phương cũng đều là không.

**Hỏi:** *Nếu các quốc độ trong khắp 10 phương là không, chư Phật trong 10 phương cũng đều là không, thì còn nói làm gì nữa?*

**Đáp:** Phật thành tựu trong công đức từ vô lượng kiếp, thật có thân này. Một ngón chân Phật động, thì các quốc độ trong 10 phương đều động theo.

Do đời đời thâm ái Phật nên Bồ tát khó có thể thấy được Phật là không, khó có thể quán các quốc độ trong khắp 10 phương đều là không.

Với hạng người này, Phật dạy, “Các quốc độ và các đức Phật ở trong khắp 10 phương là không, và cũng là chẳng không (bất không)”. Vì sao? Vì do đối đãi với “có” mà nói “không” là chấp thiên lệch về một bên. Do vậy mà nói hết thấy pháp tướng là không, tức là nói hết thấy pháp là tự tướng không. Bồ tát biết rõ như vậy nên ở nơi hết thấy pháp đều được vô chướng ngại.

Nếu dùng nhục nhãn mà quán các sắc pháp, thì chẳng thấy thông đến trên, chẳng thấy thông đến dưới, chẳng thấy thông đến trước, chẳng thấy thông đến sau, nếu thấy ngày thì chẳng thấy đêm, nếu thấy đêm thì chẳng thấy ngày v.v... Lực của nhục nhãn yếu kém như vậy, nên Bồ tát phải dùng đến lực của thiên nhãn, khiến từ nơi thân 4 đại mà có thể thấy thông suốt được các cõi.

Bồ tát dùng thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, như ý túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông, biết rõ chúng sanh qua lại trong các đường sanh tử, biết chúng sanh căn tánh như thế nào để tùy theo đó thuyết pháp độ thoát họ ra khỏi sanh tử. Nếu chẳng có các thần thông, thì Bồ tát chẳng có thể làm lợi ích cho chúng sanh. Vì sao? Vì chẳng có thần thông thì chẳng có thể làm cho đông đảo chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề vậy. Bồ tát dùng các thần thông là để hành Bồ tát đạo. Bồ tát tự mình tu các thiện pháp, và cũng dạy người tu các thiện pháp, mà chẳng chấp các thiện pháp.

**Hỏi:** *Thiên nhãn thấy các sắc pháp, nhưng làm sao thấy được các thiện pháp, làm sao thấy được hết thảy các pháp là tự tánh không được?*

**Đáp:** Nay ở trong nhân mà nói đến quả. Bồ tát dùng thiên nhãn tự thấy được thân mình, và thấy được chúng sanh trong khắp 10 phương. Sau đó mới dùng tha tâm thông, túc mạng thông để biết rõ thiện căn của chúng sanh ở đời này và đời sau; thấy chúng sanh thọ quả báo rồi cũng phải tiêu diệt; thấy hết thảy các thiện pháp đều là pháp hữu vi, là chẳng có tự tánh, nên là không. Vì là không, nên là bất khả đắc.

Ví như con nhện chẳng có chỗ nào mà chẳng đặt chân đến, chỉ trừ chỗ có lửa là chẳng có đặt chân lên. Chúng sanh ái trước cũng là như vậy. Dù có lên đến trời phi hữu tướng

phi vô tướng cũng vẫn còn chấp, nên chẳng vào được Niết Bàn. Chấp hết thấy mà chẳng chấp được Bát nhã Ba-la-mật tánh không, vì tánh không là như lửa, nên chẳng có mùi vị. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật tướng là không, nên chẳng có chỗ chấp. Nếu là chẳng phải không, thì mới có chỗ chấp.

Bồ tát an trú trong “không” dùng trí huệ khởi các nghiệp hữu lậu để vì chúng sanh thuyết pháp, mà vẫn biết rõ chúng sanh chỉ là giả danh, là bất khả đắc vậy.

Bồ tát phải an trú trong “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật” mới có thể đầy đủ thân thông. Nếu Bồ tát chẳng được “vô chướng ngại Bát nhã Ba-la-mật”, thì chẳng được “vô ngại thân thông”. Được “vô ngại thân thông” rồi, mới đi đến quốc độ ở khắp 10 phương làm lợi ích cho chúng sanh (như trong kinh đã rộng nói).

-o0o-

Ở nơi đây, Phật dạy, “Ví như chim chẳng có đôi cánh, chẳng thể bay cao được. Cũng như vậy, Bồ tát chẳng có các thân thông Ba-la-mật, chẳng có thể giáo hóa chúng sanh được”.

Bồ tát dùng thiên nhãn thông thấy được chư Phật cùng chúng sanh ở các quốc độ trong khắp cả 10 phương; dùng thiên nhĩ thông nghe chư Phật thuyết pháp; dùng như ý thần túc thông phóng đại quang minh, hóa ra lửa, hóa ra nước, hiện ra các sự việc lạ lùng khiến chúng sanh phát tâm tin kính; dùng tha tâm thông biết rõ tâm trí chúng sanh, biết chúng sanh nào nên độ hay chưa nên độ, biết chúng sanh lợi căn hay độn căn biết chúng sanh nào đã thành tựu thiện căn hay chưa thành tựu thiện căn v.v...; dùng túc mạng thông biết rõ mỗi chúng sanh đã, đang và sẽ qua lại trong sanh tử như thế nào thuộc giống gì, thiện căn ra sau, từ đâu sanh

về đây, sau khi chết sẽ sanh về đâu, tu tập như thế nào, bao giờ mới được giải thoát v.v... Như vậy, Bồ tát tư duy, trừ lượng biết rõ chúng sanh nào có thể độ được, chúng sanh nào chưa thể độ được, dùng các lực thần thông biết rõ các duyên nghiệp của mỗi chúng sanh ở đời quá khứ, và quả báo ở đời vị lai. Nếu thấy chúng sanh nào cần đến sự sợ hãi mới được độ thì Bồ tát khai thị cảnh giới địa ngục cho họ thấy khiến họ sanh sợ hãi. Nếu thấy chúng sanh nào cần sự vui vẻ mới được độ thì Bồ tát khai thị cảnh Tịnh Độ cho họ thấy khiến họ sanh vui vẻ, nhằm chán cảnh thế gian. Lúc bấy giờ, Bồ tát dùng thần thông vô lậu thuyết các pháp vô lậu. Chúng sanh nghe pháp tự phá được tâm chấp của mình; rồi Bồ tát lại dùng 3 thừa đạo dạy cho chúng sanh, dẫn họ vào Niết Bàn.

Ví như con chim hạc muốn bắt cá trước hết phải tư duy, trừ lượng về chỗ đứng của mình, về hướng đi của đàn cá, chẳng bỏ mất cơ hội; khi cơ hội đã đến, liền nhanh chóng bắt lấy cá. Cũng như vậy, Bồ tát dùng thần thông quán chúng sanh từ các đời trước đến nay, tư duy, trừ lượng phải cần đến các nhân duyên gì để độ họ, phối hợp với các nhân duyên về quốc độ, về thời cơ, về căn tánh lợi鈍 của chúng sanh v.v... Khi đã hội đầy đủ các nhân duyên, Bồ tát mới vì họ nói pháp. Bởi vậy nên trong kinh nói “Bồ tát xa rời thần thông Ba-la-mật, chẳng có thể làm lợi ích cho chúng sanh được. Ví như chim chẳng có đôi cánh, chẳng có thể bay cao được”.

-o0o-

Ở nơi đây, Phật nói lên nhân duyên Bồ tát dùng thiên nhãn thấy rõ chúng sanh ở khắp 10 phương, biết rõ tâm niệm chúng sanh mới vì họ thuyết pháp được; Bồ tát lại dùng các lực thần thông, vì chúng sanh thọ các thân, mà chẳng bị khổ hay lạc làm



nhiễm ô. Bồ tát hiện thân làm cha, làm mẹ, làm thầy, làm đệ tử, làm chủ, làm tớ; hoặc làm trâu làm ngựa, làm người giàu có, làm người có oai lực quyền uy, làm người bạn cùng hạ tiện v.v... Ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ địa vị nào, Bồ tát cũng chẳng bị nhiễm ô. Ví như các người hóa do Phật hóa tác ra, làm đầy đủ tất cả các việc, mà chẳng bao giờ bị nhiễm ô vậy.

Vì sao? Vì Bồ tát ở trong cảnh lạc chẳng sanh ái, gặp cảnh khổ chẳng sanh sân. Bồ tát tùy nơi chỗ các phiền não mà chẳng bị các phiền não trói buộc.

Như vậy là Bồ tát du hý thân thông, thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ.

**Hỏi:** *Bồ tát dùng lực thân thông có nơi có chốn. Như vậy vì sao nói là du hý?*

**Đáp:** “Du” là đi qua, “hý” là như huyễn. Bồ tát dùng các thân thông cũng như nhà huyễn thuật biến hiện ra các sự vật.

Trong Phật pháp, hành 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” gọi là hành ở cấp cao (thượng hạnh). Vì sao? Vì là tợ như Niết Bàn, mà là vô sở trước, vô sở đắc. Bởi vậy nên, hành các pháp khác gọi là hành ở cấp thấp (hạ hạnh).

Dùng các lực thân thông gọi là du hý. Vì sao? Vì điều cốt yếu để tịnh Phật quốc độ là thành tựu chúng sanh. Như vậy, ngay khi tịnh Phật quốc độ, thì đồng thời đã có tu thiện căn rồi.

**Hỏi:** *Vì sao phải thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ rồi mới được Vô Thượng Bồ Đề?*

**Đáp:** Phật nói lên các nhân duyên “chẳng thành tựu chúng sanh, chẳng tịnh Phật quốc độ” thì chẳng được “Vô Thượng Bồ Đề”. Vì sao? Vì phải đầy đủ các nhân duyên mới được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Nhân duyên, nói nơi đây, là hết thấy các thiện pháp. Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ tát thường hành hết thấy các thiện pháp, hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp. Khi hành các thiện pháp, Bồ tát chẳng ức tướng phân biệt. Ví như khi hành bố thí, Bồ tát chẳng phân biệt có người thí, có người thọ, có tài vật thí, dẫn đến khi hành 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Nếu Bồ tát chẳng chấp tâm, chẳng phân biệt khi hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến khi hành 18 bất cộng pháp, thì đó là nhân duyên thành Vô Thượng Bồ Đề, đó là nhân duyên để có thể tự độ mình và độ người vậy.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát khởi tâm chấp khi hành bố thí thì có lỗi gì?*

**Đáp:** Hành bố thí với tâm chấp tuy có lợi nhỏ, mà có lỗi rất lớn. Ví như món ăn ngon có xen chất độc, tuy ăn vào ngon miệng, mà về sau sẽ bị chất độc gây tác hại... dẫn đến có thể mất mạng.

**Hỏi:** *Lỗi gì mà quá nặng đến như vậy?*

**Đáp:** Nếu người bố thí mà có chấp tâm, khi gặp điều gì chẳng vừa ý mình, như thấy người thọ thí chẳng chút cảm ơn mình, thì liền sanh sân hận. Nếu người cúng dường mà có chấp tâm, khi gặp những điều chẳng may đến với mình, như bị hoạn nạn bị ốm đau... thì liền sanh chán nản, chẳng muốn cúng dường nữa.

Người đã phát tâm bố thí thì chẳng nên luyến tiếc việc làm của mình vì nếu luyến tiếc thì sẽ bị thọ quả báo bất tịnh.

Lại nữa, do chấp tâm bố thí mà sanh tâm chấp đắm tài vật của mình. Hạng người này sẵn sàng làm hại kẻ xâm đoạt tài sản của mình; do vậy mà gây nên tội lỗi.

Lại nữa, do bố thí muốn hưởng nhiều quả báo phước đức, nên mới sanh tâm chấp bố thí. Bố thí như vậy thì sẽ thọ quả báo bất tịnh chỉ đem lại cho mình toàn là ưu bi khổ não. Vì sao? Vì có chấp tướng là có lỗi lầm vậy.

Người đúng như thật tướng mà hành bố thí, mới chẳng có lỗi lầm. Người này dù ở trong sanh tử mà vẫn thọ được các phước lạc bất tận dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Còn người hành thiện pháp, khi nghe pháp là rớt ráo không, mà lại chấp “không” cũng là có lỗi. Người chấp tâm, thủ tướng như vậy, chẳng những mất hết thầy công đức, mà còn bị đọa vào tà kiến nữa.

Vì sao? Vì chấp mình có hành các công đức bố thí là có chấp tâm, có thủ tướng, nên là có lỗi lầm.

Bồ tát xả tâm chấp, nên an trú nơi pháp không, mà chẳng chấp tướng “không”. Bồ tát ở nơi như pháp tánh thật tế, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Khi bố thí, Bồ tát đầy niệm rằng, “Chư Phật 3 đời 10 phương do ở nơi rớt ráo thanh tịnh mà biết rõ thật tướng các pháp, cũng biết rõ thật tướng bố thí là rớt ráo không. Tôi nay cũng dùng tánh không ấy, để cùng hết thầy chúng sanh, đồng hồi hướng các công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề. Vì biết rõ ở nơi các tâm và tâm sở pháp, 5 căn chẳng dùng, chẳng hành, chẳng biết được các pháp tướng; vì biết rõ các pháp đều do nhân duyên sanh, đều là hư vọng, là chẳng có tự tánh, nên nay tôi đem tất cả công đức bố thí, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng các pháp, ở nơi thật tướng hồi hướng, thì hết thầy các pháp hư vọng đều bình đẳng, chẳng có sai khác. Tôi nay chưa được thật trí huệ thanh tịnh, nên còn có phân biệt thật hư. Nếu có được thật trí huệ thanh tịnh, thì biết rõ

hết thảy các pháp vào trong đê nhất nghĩa, đều là bình đẳng, thanh tịnh chẳng có sai biệt”.

Như vậy, bố thí thanh tịnh là bố thí với sự hồi hướng tất cả các công đức bố thí thẳng về Phật đạo. Hành bố thí mà chẳng có tâm phân biệt như vậy mới gọi là hành chân Bồ tát đạo.

-o0o-

## Phẩm Thứ Tám Mười Bốn



### Tứ Đế (Bốn Thánh Đế)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp ấy đều là Bồ tát pháp, thì pháp gì gọi là Phật pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát pháp cũng là Phật pháp. Nếu biết hết thấy chủng trí, thì được Nhất thiết chủng trí, là đoạn dứt hết thấy phiền não tập khí. Bồ tát đang hướng về Nhất thiết chủng trí, và sẽ được pháp ấy.

Phật đã được Nhất thiết chủng trí, dùng nhất niệm tương ưng huệ, biết hết thấy pháp, mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đây là chỗ sai biệt giữa Phật và Bồ tát. Ví như người đã đắc đạo quả và người hướng đến đạo quả, tuy đồng là bậc Thánh, nhưng có sai khác nhau.

Này Tu Bồ Đề! Người hành đạo vô ngại được gọi là Bồ tát.

Người đã được giải thoát đạo, chẳng còn hết thấy ám chướng, thì được gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tự tướng không, thì làm sao có phân biệt địa ngục, nạ quý, súc sanh, trời, người; làm sao có phân biệt Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến Phật?

**Bạch Thế Tôn! Nếu người tác nghiệp là bất khả đắc, thì nghiệp nhân cũng bất khả đắc, nghiệp quả cũng bất khả đắc chăng?**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như chỗ ông nói. Các pháp là tự tướng không, nên chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh, chẳng có nghiệp nhân duyên, chẳng có nghiệp quả báo.**

**Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh chẳng biết được các pháp đều là tướng không, nên mới tác hành các nghiệp nhân duyên, hoặc là ác, hoặc là thiện, hoặc là bất động. Do các ác nhân duyên mà chúng sanh bị đọa vào 3 đường ác; do các thiện nhân duyên mà chúng sanh được sanh làm người, hoặc được sanh lên các cõi trời Dục và Sắc; do các bất động nhân duyên mà chúng sanh được sanh lên cõi trời Vô sắc.**

**Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, thọ hành hết thấy các pháp trợ đạo, vào kim cang tam muội, được Vô Thượng Bồ đề; được Vô Thượng Bồ Đề rồi, lại ra làm các việc lợi ích cho chúng sanh. Vì lợi ích chẳng mất ấy chẳng mất nên chẳng đọa vào trong 6 đường sanh tử.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật được Vô Thượng Bồ Đề rồi, có còn ở trong các đường sanh tử chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng còn ở trong các đường sanh tử vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật còn có các nghiệp ác (hắc nghiệp), các nghiệp thiện (bạch nghiệp), các nghiệp vô ký chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng**

có, thì làm sao Phật lại nói đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nói đến trời, người; nói đến Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật và Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh biết các pháp đều là tự tướng không, thì Bồ tát chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cứu chúng sanh ra khỏi 3 đường ác... dẫn đến chẳng qua lại trong 6 đường sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh thật chẳng biết các pháp đều là tự tướng không, nên chẳng thoát khỏi 6 đường sanh tử.

Bồ tát theo các đức Phật, nghe thuyết về pháp “tự tướng không” nên phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Do vọng chấp mà phạm phu tướng các pháp đều là thật có. Vì sao? Vì ở nơi pháp “vô sở hữu” mà phạm phu điên đảo khởi các vọng tướng phân biệt, nói có được pháp, như nói: Có pháp “hữu”, có pháp “vô”; ở nơi chẳng có sắc, mà tướng có sắc; ở nơi chẳng có thọ, tướng, hành, thức mà chấp có thọ, tướng, hành, thức... Dẫn đến hết thấy pháp hữu vi đều là vô sở hữu, mà phạm phu dùng tâm điên đảo, khởi các vọng tướng... để rồi gây ra các nghiệp nhân duyên ở thân, ở khẩu, ở ý, khiến phải trôi lăn trong 6 đường sanh tử, chẳng sao được giải thoát vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thấy các thiện pháp. Vì sao? Vì hết thấy các thiện pháp đều nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên, hành Bát nhã Ba-la-mật là hành Bồ tát đạo, được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề rồi, Bồ tát lại vì chúng sanh thuyết 4 thánh đế; gồm khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; khai thị cho chúng sanh biết rõ hết các thiện pháp trợ đạo đều nhiếp trong 4 thánh đế; dùng các thiện pháp trợ đạo

phân biệt có 3 ngôi Tam bảo, gồm có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Có những chúng sanh, do chẳng tin Tam bảo, mà chẳng sao ra khỏi 6 đường sanh tử được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn ! Dùng khổ thánh đế mà được độ, hay dùng khổ trí mà được độ? Dùng tập thánh đế mà được độ, hay dùng tập trí mà được độ. Dùng diệt thánh đế mà được độ, hay dùng diệt trí mà được độ? Dùng đạo thánh đế mà được độ hay dùng đạo trí mà được độ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải dùng khổ thánh đế cũng chẳng phải dùng khổ trí mà được độ... dẫn đến chẳng phải dùng đạo thánh đế cũng chẳng phải dùng đạo trí mà được độ.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả 4 thánh đế đều bình đẳng. Thánh đế tức là Niết Bàn, nên chẳng phải dùng khổ thánh đế... dẫn đến đạo thánh đế, cũng chẳng phải dùng khổ trí... dẫn đến đạo trí mà được Niết Bàn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói 4 thánh đế là bình đẳng tương?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng có khổ cũng chẳng có khổ trí; chẳng có tập, cũng chẳng có tập trí; chẳng có diệt cũng chẳng có diệt trí; chẳng có đạo, cũng chẳng có đạo trí. Như vậy gọi là tương bình đẳng của 4 thánh đế.

Lại nữa! Này Tu Bồ Đề! 4 thánh đế như đều chẳng khác với pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vi, thật tế.

Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tướng vẫn thường trú, chẳng hư dối, chẳng lầm lẫn, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là thông đạt “thật tế”.



**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát thông đạt thật tế như thế nào mà gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật; mà chẳng lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, vào thẳng Bồ tát vị?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thấy các pháp như thật. Thấy như vậy rồi, nên vào được nơi “vô sở hữu pháp”; thấy hết thấy các pháp đều là KHÔNG. Các pháp, dù nhiếp trong 4 thánh đế, dù chẳng nhiếp trong 4 thánh đế, cũng đều là KHÔNG.**

**Quán được như vậy rồi, Bồ tát liền vào Bồ tát vị, an trú trong “tánh địa”, chẳng lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.**

**Bồ tát an trú trong tánh địa, thường sanh 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định.**

**Bồ tát an trú trong sơ định địa, phân biệt hết thấy các pháp, thông đạt 4 thánh đế, biết khổ chẳng sanh tâm duyên khô... dẫn đến đạo chẳng sanh tâm duyên đạo. Bồ tát chỉ tùy thuận theo Vô Thượng Bồ Đề, dùng tâm quán các pháp như thật tướng.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là quán các pháp như thật tướng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là quán các pháp không.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là quán các pháp không?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là quán các pháp tự tướng không.**

**Bồ tát dùng trí huệ, quán hết thấy các pháp đều là không, chẳng có pháp tánh có thể thấy được. Bồ tát an**

trú trong tánh không mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì tướng của “tánh không” là tướng của Vô Thượng Bồ Đề. Tướng “tánh không” đó chẳng phải do chư Phật làm ra, chẳng phải do chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát làm ra.

Vì chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy các pháp như thật tướng, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải dùng các lực phương tiện, để vì chúng sanh thuyết ra các pháp ấy.

### LUẬN :

Pháp Bồ tát và pháp Phật tuy đồng, nhưng cũng có chỗ sai khác nhau. Bồ tát chưa được Nhất thiết chủng trí, còn Phật đã được Nhất thiết chủng trí rồi; Bồ tát là người đang hướng đến đạo quả, còn Phật là người đã đắc đạo quả.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề sanh nghi mà hỏi Phật?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, Bồ tát y theo chỗ Phật dạy mà hành, hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, nên pháp Bồ tát phải đồng với pháp Phật”. Suy nghĩ như vậy rồi ngài hỏi Phật Chỗ Bồ tát hành cùng với chỗ Phật hành chẳng có sai khác nhau. Như vậy, nếu các pháp đều là pháp Bồ tát, thì pháp gì gọi là pháp Phật?

Phật dạy: Như vậy là ông hỏi về chỗ hành của Bồ tát và chỗ hành của Phật. Chỗ hành ở nơi sắc tướng tuy đồng, mà ở nơi trí huệ, thì có độn có lợi sai khác nhau.

Nơi đây, Phật tự nói Bồ tát tuy đã như thật hành 6 pháp Ba-la-mật, mà chưa có khắp biết, chưa vào được Nhất thiết chủng trí môn, nên chưa được gọi là Phật. Nếu Bồ tát vào được Nhất thiết chủng trí môn, vào được thật tướng các pháp,

thì ở nơi nhất niệm tương ưng huệ, đã được Vô Thượng Bồ Đề, đã đoạn sạch hết thảy phiền não tập khí, đã được tự tại nơi hết thảy các pháp, và đã được gọi là Phật.

Ví như mặt trăng đêm 14 và mặt trăng đêm rằm tuy đồng, nhưng mặt trăng đêm 14 chưa có đủ sức hút mạnh để nâng thủy triều lên cao.

Cũng như vậy, Bồ tát tuy đã có thật trí huệ, nhưng chưa được đầy đủ các Phật pháp, nên chẳng có thể tác động được hết thảy chúng sanh ở khắp 10 phương.

Ví như mặt trăng đêm rằm có ánh sáng thanh mãn, mới có sức hút mạnh nâng thủy triều lên cao. Cũng như vậy, Bồ tát khi thành Phật rồi, mới phóng đại quang minh có thể tác động hết thảy chúng sanh ở khắp 10 phương vậy.

Nhân đây, Phật nêu ví dụ về “hướng A-la-hán” và “đắc A-la-hán” tuy đồng là bậc thánh, nhưng có sai khác nhau. Cũng như vậy, Bồ tát khi đang tu học, từ khi sơ phát tâm cho đến khi vào được kim cang tam muội, vẫn còn được gọi là Bồ tát; đến khi đã được chánh quả rồi, đã đoạn sạch hết chỗ nghi, chẳng còn chỗ nào mà chẳng thấy rõ, thì mới được gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là tự tướng không, là chẳng có sai biệt, thì làm sao có phân biệt địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người; làm sao có phân biệt Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến Phật? Nếu địa ngục, ngạ quỷ v.v... đều bất khả đắc, chúng sanh bất khả đắc, thì các nghiệp nhân duyên và nghiệp quả báo cũng bất khả đắc. Vì người tác nghiệp đã bất khả đắc thì nghiệp nhân duyên và nghiệp quả báo cũng phải bất khả đắc vậy. Như vậy vì sao nói Bồ tát cùng Phật có sai khác nhau?

Phật dạy: Đúng như vậy. Vì chúng sanh chẳng biết được

các pháp là tự tánh không, nên thường khởi các nghiệp, hoặc ác, hoặc thiện.

Chúng sanh, nói ở đây, bao gồm hàng phàm phu chưa vào được pháp vị, là những người còn tâm chấp ngã và chấp pháp.

Do các phiền não nhân duyên điên đảo, mà chúng sanh khởi 3 nghiệp ở thân khẩu và ý. Trong các nghiệp nhân duyên có thiện, có ác, có bất động, có hữu lậu, có vô lậu. Nếu tạo nghiệp ác thì sẽ bị đọa vào 3 đường ác; nếu tạo nghiệp thiện thì sẽ sanh làm người, hoặc sẽ sanh lên các cõi trời Dục và Sắc; nếu tạo nghiệp bất động thì sẽ sanh lên cõi trời Vô sắc.

Nếu chúng sanh tự biết các pháp là tự tánh không, thì chẳng sanh tâm chấp, mới chẳng khởi các nghiệp. Nhưng vì chúng sanh chẳng biết các pháp là tự tánh không nên mới sanh tâm chấp, mới khởi các nghiệp vậy. Bởi vậy nên Bồ tát phải tinh tấn hành các pháp Bồ thí cùng hết thấy các thiện pháp khác cho đến khi vào được kim cương tam muội, được Vô Thượng Bồ Đề, để làm lợi ích cho chúng sanh, độ thoát chúng sanh ra khỏi 6 đường sanh tử.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Phật được Vô Thượng Bồ Đề rồi, có được 6 đường sanh tử chẳng?

Phật dạy: Chẳng có được.

**Hỏi:** Trước đây nói Phật chẳng đọa vào 6 đường sanh tử. Nay vì sao lại nói chẳng được 6 đường sanh tử?

**Đáp:** Trước đây vì người tà kiến quyết định chấp tướng, chấp 6 đường sanh tử, chấp có đọa vào trong 6 đường sanh tử nên nói “Phật chẳng đọa vào 6 đường sanh tử”.

Nay vì muốn khai thị cho chúng sanh biết rõ “6 đường sanh tử, cũng như các nghiệp nhân duyên dẫn chúng sanh

vào 6 đường sanh tử chỉ là giả danh, chẳng thật có, là như mộng, như huyễn, là bất khả đắc”, nên nói “Phật chẳng được 6 đường sanh tử”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Phật có được hắc nghiệp, bạch nghiệp, phi hắc bạch nghiệp chăng?

Phật dạy: Chẳng có được.

Như trên đây đã nói nghiệp cũng như nhân duyên tạo nghiệp là giả danh, chẳng thật có, là như mộng, như huyễn, là bất khả đắc, nên Phật dạy, “chẳng có được”.

Ở đây nên biết có 4 loại nghiệp. Đó là:

- Hắc nghiệp (nghiệp đen): Chúng sanh tạo nghiệp nhân ác, phải thọ quả báo khổ ở trong 3 đường ác. Do nghiệp quả báo này thuần khổ, nên gọi là “hắc nghiệp”.

- Bạch nghiệp (nghiệp trắng): Chúng sanh tạo nghiệp nhân lành nên được thọ quả báo phước lạc, tùy ý tự tại ở cõi trời. Do nghiệp quả báo thuần phước lạc như vậy, nên gọi là “bạch nghiệp”.

- Hắc bạch nghiệp (nghiệp vừa đen vừa trắng): Chúng sanh vừa tạo nghiệp nhân ác, vừa tạo nghiệp nhân lành thọ quả báo vừa khổ vừa lạc, sanh làm người, làm a tu la, làm rồng... Do nghiệp quả báo này vừa có khổ vừa có lạc, nên gọi là “hắc bạch nghiệp”.

-Phi hắc bạch nghiệp (nghiệp chẳng đen chẳng trắng): Đây là nghiệp vô lậu, vô vi của các bậc đã đắc đạo.

-o0o-

Nghiệp vô lậu thường phá các quả báo bất thiện. Nghiệp hữu lậu thường khiến chúng sanh phải thọ quả báo thiện hay ác.

Nghiệp vô lậu chẳng phải là “bạch nghiệp”, mà là “phi hắc phi bạch nghiệp”.

Vì sao? Vì nghiệp vô lậu, tuy thanh tịnh, vô cấu, mà là không, vô tướng, vô tác, nên chẳng có chỗ phân biệt. Nói hắc hay nói bạch là có tương đãi, có phân biệt, mà nghiệp vô lậu là vô tướng, nên chẳng có thể gọi là bạch nghiệp được. Nghiệp vô lậu thường diệt hết thảy các quán, chẳng còn phân biệt hắc hay bạch. Vì là vô tướng, vô quán, nên nghiệp vô lậu được gọi là “phi hắc phi bạch nghiệp”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu Phật chẳng được 4 nghiệp này, thì làm sao phân biệt có hắc nghiệp, có bạch nghiệp, làm sao phân biệt có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, a tu la; làm sao phân biệt có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến Phật?

Phật dạy: Nếu chúng sanh tự biết các pháp là tự tướng không, thì Bồ tát chẳng phải phát tâm tu Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải lăn lóc trong 6 đường chúng sanh, để dẫn dắt chúng sanh ra khỏi sanh tử. Vì sao? Vì nếu chúng sanh tự biết các pháp là tự tánh không, thì họ chẳng cần được độ nữa. Vì như chẳng có bệnh, thì chẳng cần đến thuốc; chẳng có tội thì chẳng cần phải có đèn sáng.

Do vì chúng sanh chẳng biết được các pháp là tự tướng không, nên tùy tâm mà chấp tướng. Do sanh tâm chấp, nên sanh nhiễm trước, tùy theo 5 dục mà sanh tham đắm. Do nhân duyên tham đắm mà sanh xan tham, tật đố, sân si... dẫn

đến đấu tranh lẫn nhau. Do đấu tranh mà bị các nghiệp tội che tâm, chẳng còn hay biết gì nữa.

Bởi vậy nên, hạng chúng sanh đó khi mạng chung sẽ bị các nghiệp nhân duyên dẫn sanh vào đường sanh tử, qua lại mãi trong 6 đường chúng sanh, chẳng bao giờ ngưng nghỉ.

Bồ tát nghe Phật dạy các pháp tự tánh không, khởi tâm từ bi thương xót chúng sanh, biết rõ chúng sanh do ngu si điên đảo, mà khởi tâm chấp, nên phát nguyện rằng, “Nếu được làm Phật, tôi sẽ phá tâm điên đảo của chúng sanh, khiến họ được giải thoát”.

Các pháp vốn là tự tướng không, mà phạm phu khởi tâm chấp, nên ở trong vô sở hữu mà lại ức tướng phân biệt, vọng chấp có sở đắc; ở trong vô chúng sanh mà lại khởi tướng có chúng sanh; ở trong vô sắc... dẫn đến vô thức mà lại tướng có sắc... dẫn đến có thức.

Do khởi các vọng tưởng như vậy mà điên đảo tạo nên các nghiệp ở thân khẩu và ý, khiến phải trôi lăn mãi trong 6 đường sanh tử, chẳng có thể thoát ra được.

Nếu chúng sanh nào chỉ khởi các tưởng về phiền não kiết sử mà chưa có hành động tạo tội ác, thì còn có thể độ được. Còn những chúng sanh tham dục, sân nhuế v.v... mà tạo nên tội ác nặng, thì do các nghiệp nhân ác đó sẽ phải thọ các nghiệp quả khổ; hạng chúng sanh này rất khó được độ. Ví như vi trần đã được chất thành núi cao rồi, thì rất khó mà dời đi hết được vậy.

Vì muốn phá các nhân duyên quả báo sanh tử của chúng sanh, mà Bồ tát nguyện ở trong Bát nhã Ba-la-mật, nhiếp hết thảy các thiện pháp, hành Bồ tát đạo, được Vô Thượng Bồ Đề, rồi vì chúng sanh thuyết 4 thánh đế, gồm khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

**Hỏi:** *Phật có rất nhiều pháp vi diệu dẫn đến “vô ngại giải thoát”. Vì sao chỉ nói đến 4 thánh đế mà thôi?*

**Đáp:** Vì chúng sanh khổ, nên trước hết phải trừ khổ cho chúng sanh; sau đó mới khai thị Phật đạo.

Ví như người lâm bệnh nặng, trước hết phải trừ gốc bệnh cho họ; sau đó mới cho họ bổ dưỡng để phục hồi lại.

-o0o-

Chúng sanh thọ thân 5 ấm, mà 5 ấm là gốc của hết thảy khổ. Do vậy mà phải vì chúng sanh nói về “khô đế”.

Có vô lượng khổ; nếu nói lược thì có các khổ “sanh, già, bệnh, chết”.

Lại phải cho chúng sanh biết về các nguyên nhân sanh khổ, nên phải vì họ nói về “tập đế”. Do có “ái, thủ và hữu” mà chúng sanh phải thọ thân ở đời sau. Đã thọ thân tức là phải thọ khổ. Do vậy mà nói “ái, thủ, hữu là các nhân chính tạo ra khổ”.

Lại phải dạy cho chúng sanh biết về cách diệt khổ, nên phải vì họ nói về “diệt đế”. Chúng sanh muốn đoạn khổ thì trước hết phải đoạn “ái”. Đoạn ái rồi thì thủ, hữu... dẫn đến sanh, già, chết đều đoạn cả. Do vậy mà nói “ái” đoạn thì “khổ” tự diệt.

Lại phải cho chúng sanh biết con đường đưa đến sự diệt khổ, nên phải vì họ nói về “đạo đế”. Con đường diệt khổ tức là “đạo” vậy.

Ở đời này, chúng sanh phải quán thân 5 ấm là gốc của khổ, nên phải quán thân này là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Lại phải biết do “ái” mà phải thọ thân nên phải



quán “ái” như bệnh, như ung nhọt, như giặc cướp; phải hành 8 thánh đạo, tu chánh kiến và 7 pháp thánh đạo kia, để giúp cho sự phát đạo tâm, giúp đoạn sạch pháp “ái”, ví như dùng chất rượu để dẫn thuốc vậy.

Nếu ở nơi hết thấy pháp thế gian mà chẳng còn khởi tâm tham đắm nữa, thì mới ly được khổ. Khi ly được khổ rồi, thì ảnh hưởng của khổ liền tự diệt. Có như vậy thì mới thành tựu được diệu pháp.

Bởi vậy nên, ở đoạn kinh trên đây, Phật dạy, “4 thánh đế nhiếp hết thấy các thiện pháp”.

**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói đến các pháp trợ đạo?*

**Đáp:** Vì hết thấy các thiện pháp nhiếp bên trong 4 thánh đế. Các thiện pháp trợ đạo làm nhân duyên giúp chúng sanh tin kính 3 ngôi Tam bảo. Nếu chúng sanh chẳng tin Tam bảo thì chẳng ra khỏi 6 đường sanh tử. Bởi vậy nên trước hết phải dạy cho chúng sanh 4 thánh đế, khiến họ trừ được khổ, rồi sau đó mới dùng các thiện pháp trợ đạo để đưa họ vào đạo.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật, “Dùng khổ để mà được diệt độ, hay dùng khổ trí mà diệt độ chăng? Như vậy có phải là hỏi về một sự việc thô chăng?”*

**Đáp:** Hỏi như vậy chẳng phải là thô. Hỏi như vậy để cho thấy rõ về thể của 4 thánh đế. Muốn diệt độ thì phải dùng đến trí. Khi diệt sạch hết các phiền não rồi thì được diệt độ, tức là được Niết Bàn vậy. Khổ đế là do khổ trí hòa hợp mà thành tựu.

Cho nên chẳng phải dùng khổ đế mà được diệt độ, được Niết Bàn, mà phải do khổ trí mới được như vậy. Dẫn đến đạo đế và đạo trí cũng là như vậy.

Phật dạy: Chẳng phải dùng khổ đế, cũng chẳng phải dùng khổ trí mà được diệt độ... dẫn đến chẳng phải dùng đạo đế, cũng chẳng dùng đạo trí mà được diệt độ. Tất cả 4 đế đều bình đẳng; 4 đế tức là Niết Bàn. Chẳng phải dùng khổ đế hay khổ trí... dẫn đến chẳng phải dùng đạo đế hay đạo trí mà được diệt độ. Vì sao? Vì khổ, tập, diệt và đạo đều do nhân duyên sanh, là hư dối, là chẳng có thật, là chẳng có tự tánh. Nếu khổ, tập, diệt và đạo đều chẳng thật có, thì chẳng có thể dùng các pháp ấy để được diệt độ vậy.

**Hỏi:** 2 pháp “khổ” và “tập” là pháp hữu lậu, hư dối chẳng thật có. Còn “đạo đế” là pháp vô lậu, do nhân duyên sanh mà chẳng phải hư dối; “diệt đế” là pháp vô vi chẳng do nhân duyên sanh. Vì sao nói cả 4 pháp đều là hư dối, chẳng thật có?

**Đáp:** Khi mới vào đạo, thì chỉ mới biết có 2 đế hư dối, là khổ đế và tập đế mà thôi. Khi đã vào vô dư Niết Bàn rồi, thì cũng sẽ biết đạo đế và diệt đế chính là “không tam muội” vậy.

Do hữu lậu, hữu vi mà nói đến vô lậu, vô vi. “Khổ” khi đã diệt rồi, ví như cây đèn đã tắt, chẳng nên hý luận, tâm câu xú sở làm gì nữa. Bởi vậy nên Phật dạy, “Chẳng phải dùng khổ mà được diệt độ... dẫn đến chẳng phải dùng đạo mà được diệt độ”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói 4 đế bình đẳng?

Phật dạy: Chẳng có khổ cũng chẳng có khổ trí... dẫn đến chẳng có đạo cũng chẳng có đạo trí; chẳng có chỗ chia 4 đế ra làm 8 pháp, thì gọi là bình đẳng. “Đế” là như thật, chẳng hư dối, là như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tướng vẫn thường trú, chẳng hư dối.

Chúng sanh chẳng biết rằng chỉ có thật tướng pháp là chẳng hư dối, là thường trú, bất diệt, mà cứ mãi vọng chấp điên đảo, tạo nên các nghiệp nhân duyên, khiến phải thọ lãnh các nghiệp quả báo; dù được quả báo phước lạc ở cõi trời hay cõi người, thì phước lạc đó lâu sau cũng sẽ bị hoại diệt.

Bởi vậy nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thông đạt “thật đế”, dùng các lực phương tiện vì chúng sanh nói ra “thật đế” vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát thông đạt thật đế như thế nào, mà vào thẳng Bồ tát vị?

Phật dạy: Bồ tát tư duy hết thấy pháp đều không; pháp nhiếp trong 4 thánh đế là không, pháp chẳng nhiếp trong 4 thánh đế cũng là không. Do quán hết thấy pháp không, mà Bồ tát vào thẳng Bồ tát vị.

**Hỏi:** *Vì sao nói chẳng quán các pháp không, như trên đây, thì chẳng vào được Bồ tát vị?*

**Đáp:** Quán hết thấy pháp không, như nói trên đây, có nghĩa là quán hết thấy pháp đều là không, và ở trong “không” đó, thì “không” cũng là không. Nếu trong “không” mà còn có “bất không” thì chẳng thể gọi là hết thấy pháp không vậy.

Bồ tát hành “không” như vậy, nên vào thẳng Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị, Bồ tát an trú trong “tánh địa”, chẳng còn bị lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

“Tánh địa” là đệ nhất thế gian. Pháp này tùy thuận “vô lậu đạo” nên gọi là tánh.

Bồ tát an trú trong “tánh địa” cầu được làm Phật, nên sanh 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định. Khi vào được thiên định, Bồ tát nhiếp tâm phân biệt các pháp, thông đạt 4 đế, nghĩa là biết khổ mà chẳng duyên khổ.

Phàm phu cũng biết khổ, nhưng cứ mãi miết tạo tác ra các nhân duyên nghiệp khổ, khiến mãi miết thọ thân trong các nẻo đường sanh tử.

Bồ tát biết rõ thân là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là oán tặc, là giặc cướp. Biết rõ như vậy, nên gặp khổ Bồ tát liền xả, chẳng chấp tướng khổ, cũng chẳng chấp khổ đế. Dẫn đến đạo đế cũng là như vậy.

Bồ tát chỉ nhất tâm hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề; biết 4 đế chỉ là phương thuốc để đối trị bệnh chấp của chúng sanh, nên chẳng chấp 4 đế, Bồ tát chỉ quán thật tướng pháp, nên chẳng có phân biệt 4 pháp quán về 4 đế vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là như thật quán các pháp?

Phật dạy: Đó là quán “không”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu nói Bồ tát quán hết thấy các pháp, từ lớn đến nhỏ đều là “không”, thì như vậy dùng pháp “không” gì để quán?

Phật dạy: Dùng “tự tướng không” để quán.

**Hỏi:** Có đến 18 pháp không, vì sao Phật chỉ nói đến “tự tướng không” mà thôi?

**Đáp:** Nói “tự tướng không” là nói ở trong “không” thì “tự tướng có” mặc nhiên bị phá rồi. Do vậy mà tâm chẳng còn bị chìm đắm, dẫn đến chẳng còn thấy một pháp “hữu tánh” nào nữa... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng là tự tướng không. Bồ tát an trú trong “tánh không” mà được Vô Thượng

Bồ Đề. Tánh không đó chẳng phải do Phật làm ra chẳng phải do ai khác làm ra, là thường tịch diệt, chẳng có hý luận vậy.

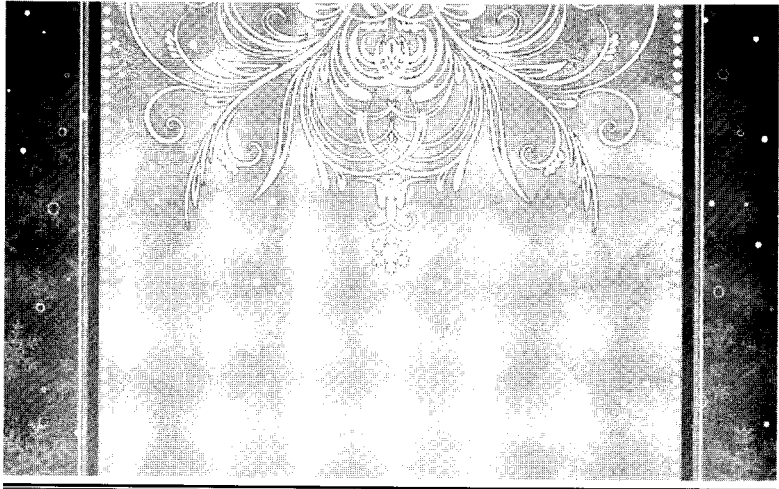
Vì chúng sanh chẳng có thể biết được như thật tướng của các pháp, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật vì chúng sanh nói ra diệu pháp đó.

Bồ tát được vô sanh pháp nhãn, đã vào Bồ tát vị, đã thông đạt đệ nhất nghĩa đế, nên có đầy đủ các lực phương tiện. Bồ tát quán các đạo tướng thậm thâm vi diệu, mà chẳng đắc, chẳng xả; lại dùng trí huệ quán biết chúng sanh ở trong “không” mà phải đọa vào 3 đường ác, phải thọ bao nhiêu khổ não. Quán như vậy rồi, Bồ tát trải rộng lòng đại từ bi, thâm niệm chúng sanh, dùng mọi phương tiện cứu vớt chúng sanh ra khỏi các khổ.

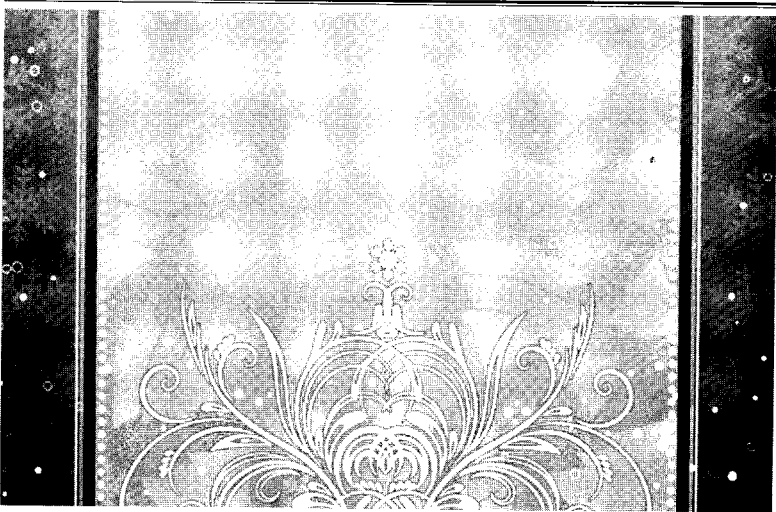
Nếu Bồ tát nói thẳng về tự tướng không của các pháp, thì chúng sanh sẽ chẳng tin, chẳng thọ, dẫn đến sẽ phá hoại pháp, khiến phải bị đọa vào địa ngục. Bởi vậy nên Bồ tát phải thành tựu hết thấy các thiện pháp, tự trang nghiêm thân tướng của mình, để phương tiện dẫn đạo chúng sanh, tùy từng đối tượng chúng sanh mà thuyết pháp, khiến họ được giải thoát.

(Hết quyển 94)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 95**







## Phẩm Thứ Tám Mười Lăm



### Thất Dụ (Bảy Thí Dụ)

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là tánh vô sở hữu, chẳng phải do Phật làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra, thì vì sao phân biệt có các pháp dị biệt nhau?**

**Vì sao phân biệt có địa ngục, có ngạ quỷ, có súc sanh, có trời, có người? Vì sao phân biệt có Thanh Văn, có Bích Chi Phật... dẫn đến có Phật?**

**Bạch Thế Tôn! Trong pháp vô tánh, chẳng có các nghiệp dụng. Vì sao lại có các nhân duyên, tác nghiệp dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh ở cõi trời, cõi người? Vì sao lại có Bồ tát hành Bồ tát đạo, được Nhất thiết chủng trí, và được Nhất thiết chủng trí rồi mới có thể độ chúng sanh ra khỏi các đường sanh tử?**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Trong pháp vô tánh, chẳng có nghiệp, chẳng có nghiệp quả báo.**

**Này Tu Bồ Đề! Hàng phàm phu chẳng vào được thánh pháp, nên chẳng biết được các pháp là chẳng có tánh tướng. Chỉ do ngu si điên đảo mà họ khởi ra các nghiệp nhân duyên; rồi theo nghiệp dẫn mà phải thọ thân, hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc làm trời, làm người vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô tánh, thì làm sao các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến có Nhất thiết chủng trí?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Đạo có phải là vô tánh chăng? Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật... dẫn đến chư Phật là bậc Nhất thiết chủng trí có phải là vô tánh chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đạo là vô tánh. Chư Thanh Văn, Chư Bích Chi Phật... dẫn đến chư Phật Nhất thiết chủng trí đều là vô tánh cả.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh có thể được pháp vô tánh chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có thể được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp hữu tánh có được pháp hữu tánh chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có thể được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh, đạo, cùng hết thảy các pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, đều là nhất tướng, là vô tướng.**

**Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thấy chúng sanh ở nơi 5 ấm vô thường, khổ, vô ngã, và bất tịnh, mà lại điên đảo tưởng là thường lạc, ngã và tịnh, nên dùng các lực phương tiện dẫn dắt họ đến chỗ “vô sở hữu”.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phàm phu chấp thân 5 ấm là thật có, nên khởi nghiệp tạo**

tội, khiến phải qua lại trong các đường sanh tử, chẳng thoát ra khỏi được.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chỗ chấp trước khởi nghiệp của phàm phu chẳng có mấy may sự thật, dù nhỏ như lông tóc. Đó chỉ là điên đảo mà thôi.

Nay ta vì ông nói lên các thí dụ, khiến người trí hiểu rõ hơn.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao ? Như ở trong mộng mà thấy có người thọ dục lạc. Sự việc ấy thật có nơi chốn chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Mộng là hư vọng, là bất khả đắc, huống nữa là người thấy trong cảnh mộng mà thật có nơi chốn thọ dục lạc.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi có phải là như mộng chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp ấy đều là như mộng.

**Phật dạy:** Trong mộng có chúng sanh qua lại trong các đường sanh tử chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề Bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Trong mộng có tu đạo chăng? Do sự tu đạo mà có cấu, có tịnh chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Mộng chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bóng trong gương thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bóng trong gương chẳng thật có. Bóng ấy làm sao có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bóng trong gương có tu đọa chẳng? Do sự tu đọa mà có cấu, có tịnh chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì bóng trong gương chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như ở chốn núi sâu có tiếng vang dội ra. Tiếng vang ấy thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tiếng vang chẳng thật có. Tiếng vang ấy làm sao có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tiếng vang có tu đọa chẳng? Do sự tu đọa mà có cấu có tịnh chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì tiếng vang chẳng thật có, nên chẳng có thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như vào những ngày nắng gắt, người lữ hành đi trên khoảng đường trống, thấy ở đằng xa hiện ra những vùng nước óng ánh, tươi mát; nhưng khi đến gần nơi đó, thì chẳng còn thấy gì nữa. Hiện tượng này gọi là sóng nắng (diệm). Sóng nắng ấy thật sự có các khởi nghiệp nhân duyên dẫn đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời,**

làm người chẳng? Sóng nắng ấy có tu đạo và do sự tu đạo mà có cầu, có tịnh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sóng nắng ấy thật chẳng có nên chẳng thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được. Sóng nắng ấy chẳng thật có nên chẳng thể nói là có cầu, có tịnh được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như khi mặt trời mới mọc, các đám mây trên trời hiện ra đủ thứ hình, nào thành trì, nào cung điện, nguy nga. Thành trì với các cung điện nguy nga đó được gọi là thành Càn Thát Bà. Thành Càn Thát Bà ấy thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa địa ngục ngạ quỷ súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng?

Thành Càn Thát Bà ấy có tu đạo, và do sự tu đạo mà có cầu, có tịnh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thành Càn Thát Bà ấy chẳng thật có, nên chẳng có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người. Thành ấy chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cầu, có tịnh được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như nhà huyền thuật huyền tác ra đủ các hình tượng. Nào voi, ngựa, trâu, dê, nào người nam, người nữ v. v... để giúp vui cho khán thính giả. Súc vật huyền, người huyền ấy thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng?

Súc vật huyền, người huyền ấy có tu đạo, và do sự tu đạo mà có cầu, có tịnh chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các súc vật huyền và các người huyền ấy chẳng thật có, nên chẳng có thể khởi nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được. Các súc vật và các người huyền ấy chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao! Như Phật hóa hiện ra các người hóa. Các người hóa ấy thật sự khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng? Các người hóa ấy có tu đạo và do sự tu đạo mà có cấu có tịnh chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các người hóa ấy chẳng thật có, nên chẳng có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được. Các người hóa ấy chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Trong tướng “không” có cấu có tịnh chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Chẳng có vậy, bạch Thế Tôn! Trong “vô sở hữu” chẳng thể có cấu có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Nếu như chẳng có người cấu, chẳng có người tịnh, thì cũng chẳng có cấu, chẳng có tịnh, Vì sao? Vì chúng sanh an trú trong “ngã” và trong “ngã sở”, nên mới thấy có cấu, có tịnh. Chân thật pháp chẳng có cấu tịnh. Bởi vậy nên người thấy như thật là người chẳng thấy có cấu tịnh.**

**LUẬN:**

**Hỏi: Trước đây, Phật đã giải đáp nhiều về vấn đề này rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi thêm nữa?**

**Đáp:** Nghĩa tuy chi là một, nhưng nhân duyên chấp sự có khác. Dù có Phật, hay dù chẳng có Phật, thì pháp tánh vẫn thường trú. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là không, là vô sở hữu, chẳng phải do chư Phật làm ra, chẳng phải do chư Thánh hiền làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra cả.

Bát nhã Ba-la-mật quá thâm, rất khó biết, rất khó lường. Chẳng có thể dùng tâm phàm phu, hạn hẹp, mà có thể vào trong vi diệu pháp này được.

Chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Thánh hiền thường dùng các danh tự ngôn ngữ, dùng nhiều thí dụ giúp người có căn trí thông lợi hiểu rõ được thánh ý. Trong lúc đó thì người độn căn lại cứ chấp vào danh tự, ngôn ngữ mà thôi. Ví như khi nghe nói pháp “không” thì họ liền chấp “không” khi nghe nói “pháp tướng tịch diệt, ngôn ngữ đoạn, tâm hành diệt v.v...” thì họ cũng lại chấp nữa.

Vì sao? Vì do tự tâm chẳng được thanh tịnh, nên dù nghe được thánh pháp cũng chẳng được thanh tịnh vậy. Ví như người đang bị nhặm mắt nhìn lên hư không, thanh tịnh, trong suốt, mà lại chỉ thấy toàn là hoa đốm.

Phật dùng các nhân duyên cho thấy rằng những người có tâm nghi thường hay phạm lầm lỗi. Ví như khi họ nghe nói hết thấy pháp đều là không, thì họ liền dấy niệm rằng “Nếu hết thấy các pháp đều là không, và nếu “không” cũng là không, thì làm sao phân biệt có 6 đường chúng sanh v.v...”.

Đây là chỗ nghi khó giải, nên vì lợi ích chúng sanh, ngài Tu Bồ Đề phải nêu lên nhiều câu hỏi để được Phật rộng giải.

**Hỏi:** Vì sao ngài Tu Bồ Đề lấy pháp “không” để vấn nạn Phật, mà lại được Phật ấn chứng?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp “không” là thường

trú; dù có Phật hay chẳng có Phật, cũng chẳng thay đổi, thì làm sao phân biệt có 6 đường chúng sanh?

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi này, vì ngài muốn giải nghi cho chúng sanh, nhằm phá pháp chấp “không” của họ vậy.

Dựa vào lời nạn hỏi của ngài Tu Bồ Đề, Phật dạy: Phàm phu chẳng vào được thánh vị, chẳng biết được các pháp là tánh vô sở hữu. Do ngu si điên đảo mà chấp có ngã, chấp có pháp, chấp có 3 cõi, chấp có 6 đường sanh tử, chấp có chúng sanh qua lại trong 6 đường sanh tử, mà chẳng biết rằng tất cả những pháp này đều là hư vọng, chẳng thật có. Do chấp tâm điên đảo mà chúng sanh khởi nghiệp, rồi thọ báo, nhưng quả báo đó cũng là hư vọng, chẳng thật có. Vì sao? Vì 6 đường sanh tử đều là không, đều là giả danh.

Các bậc thánh hiền đã đoạn sạch các chấp phân biệt điên đảo, đã diệt sạch các chấp “hữu” và “vô” vào được nơi tánh vô sở hữu.

Thánh hiền lấy chỗ đoạn diệt điên đảo làm nhân tu đạo, mà vẫn biết rằng đạo cùng đạo quả cũng là vô sở hữu.

Khi tu đạo ắt phải dùng “không, vô tướng và vô tác” để phân biệt các đạo quả của Hiền, của Thánh có sai khác.

Thế nhưng, ở nơi thật tướng pháp tất cả đều vô sở hữu, nên chẳng có đắc quả, chẳng đắc “vô sở hữu”, chẳng có sai khác nhau vậy. Biết được như vậy, thì chẳng có gì để nạn hỏi nữa.

-o0o-

Trên đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Điên đảo là thế gian; còn chẳng điên có điên đảo là Thánh hiền”. Như vậy là có tương đãi.



Do vậy mà ngài lại hỏi: Chỗ chấp của phàm phu thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người, khiến chúng sanh chẳng được giải thoát chăng?

Phật nói chúng sanh do điên đảo mà khởi chấp các pháp, nhưng thật sự chẳng có sự tương đãi sai biệt giữa thật pháp và giả pháp. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là rốt ráo không vậy.

**Hỏi:** *Đây là chỗ sở hành của Phật. Vậy hành “rốt ráo không” và hành “đệ nhất nghĩa không” có phải là hành “thật pháp” chăng?*

**Đáp:** Do phàm phu điên đảo khởi các chấp phân biệt, nên phải nói “đệ nhất nghĩa là không”. Khi chẳng còn điên đảo nữa, thì cũng chẳng còn có “đệ nhất nghĩa là không” nữa.

**Hỏi:** *Nếu nói giả pháp và thật pháp đều chẳng thật có, thì làm sao có thể được giải thoát? Ví như tay bẩn mà dùng nước bẩn để rửa tay, thì làm sao rửa cho sạch được?*

**Đáp:** Các pháp tướng đều là rốt ráo không. Sở dĩ nói đệ nhất nghĩa thanh tịnh, vì có phàm phu điên đảo, chẳng thanh tịnh.

Pháp thanh tịnh là chẳng bị phá hoại, chẳng bị biến đổi. Do phàm phu ở nơi các pháp thật tướng mà khởi chấp sanh phiền não, nên phải vì họ nói pháp tướng là không, là vô sanh, là vô sở hữu. Vì là vô sở hữu nên là chẳng thật.

Tuy nói 2 pháp, mà cả 2 đều chẳng thật. Nhưng dù đều chẳng thật mà vẫn có chỗ sai khác nhau. Ví như 10 thiện pháp và 10 bất thiện pháp đều là pháp hữu vi, đều là pháp hư dối chẳng thật, mà giữa thiện và bất thiện vẫn có chỗ sai khác vậy. Ví như người phạm tội sát sanh bị đọa vào đường ác; người chẳng sát sanh được sanh làm người, làm trời. Ví ở

nơi vô sở hữu mà não hại chúng sanh thì bị tội; khởi tâm từ bi đối với chúng sanh thì được phước v.v ...

Lại nữa, tuy các pháp đều là không, là hư dối, nhưng lại có dụng khác nhau. Ví như từ bi phá được sân hận, bố thí thì phá được xan tham v.v...

Bởi vậy nên nói các pháp chẳng có bản định thật. Để chứng minh, Phật nêu lên 7 thí dụ.

Phật nêu lên thí dụ trong mộng thấy có người thọ 5 dục, mà cảnh mộng đó chẳng thật có. Sở dĩ Phật nêu thí dụ trên đây để phá chấp cho rằng, “Nếu các pháp là không, là tánh vô sở hữu, thì làm sao khiến mắt có thể thấy được Phật, tai có thể nghe được pháp... ”.

Thí dụ này cho thấy mộng tuy chẳng thật có, mà vẫn có nghe thấy, có sân hận, có vui mừng v.v... ; Khi tỉnh mộng rồi, thì chẳng còn thấy gì nữa cả. Phạm phu do vô minh điên đảo che tâm, nên cảm thấy có sân hận, có vui mừng v.v... còn các bậc thánh đã được giác ngộ rồi, thì chẳng thấy gì hết.

Hết thấy các pháp, dù là hữu lậu hay vô lậu, hữu vi, vô vi v. v... đều là hư dối, chẳng thật có, đều ví như cảnh mộng vậy. Cũng như cảnh mộng, khi mê thì thấy có 6 đường sanh tử, thấy có chúng sanh qua lại 6 đường sanh tử, thấy có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến có Phật; khi ngộ, thì chẳng còn thấy gì nữa. Cũng như cảnh mộng khi mê thì thấy các nghiệp nhân duyên dẫn đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm người, làm trời, thấy có cấu có tịnh; khi ngộ, thì chẳng thấy có các nghiệp nhân duyên, chẳng thấy có cấu tịnh. Chỉ do điên đảo chấp mới khởi các nghiệp nhân duyên... dẫn đến phải thọ các nghiệp quả báo; khi ngộ, thì chẳng còn thấy gì nữa.

Các chấp điên đảo là hư dối, là chẳng thật có. Nếu trừ được các pháp điên đảo rồi, là liền được đạo. Thế nhưng, khi các chấp điên đảo đã tận trừ rồi thì đạo cũng là chẳng có thật vậy. Tất cả đều là như mộng... dẫn đến đều là như bóng trong gương, như tiếng vang, như sóng nắng, như thành Càn Thát Bà, như huyễn, như hóa cả.

-o0o-

Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề: Các pháp ấy có cấu, có tịnh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng có vậy.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Các pháp là vô ngã, nên chẳng có cấu, chẳng có tịnh”.

Phật dạy: Nếu chẳng có người cấu, chẳng có người tịnh, thì cũng chẳng cấu hay tịnh. Phạm phu trú trong ngã và ngã sở, mới thấy có cấu tịnh; chư Thánh hiện như thật thấy các pháp, chẳng thấy có cấu tịnh.

Nếu phân biệt như trong kinh *A Tỳ Đàm*, thì có cấu, có tịnh, có người thọ sự cấu hay tịnh. Ví như nói 3 độc cùng các phiền não khác là cấu; 3 giải thoát môn, các thiện pháp trợ đạo là tịnh.

Tuy nói có cấu tịnh, nhưng chẳng phải như vậy. Vì sao? Vì nếu chẳng có chúng sanh pháp, thì chẳng có tác giả; chẳng có tác giả, thì chẳng có tác pháp. Ví như người chẳng có triền phược, thì chẳng cầu được giải thoát vậy.

Ví như người sợ lửa đốt, thì phải xa rời chỗ có lửa. Cũng như vậy, chúng sanh sợ các khổ do 5 ấm gây ra, thì phải xa bỏ các nghiệp nhân duyên dẫn sanh 5 ấm thân ở đời sau.

Chẳng phải thật có khổ mới cần ly khổ. Nếu chẳng có người cầu tịnh, thì cũng chẳng có cầu tịnh, cũng chẳng có giải thoát vậy.

Phật nói lên các nhân duyên do chấp có ngã, có ngã sở, mà chúng sanh mới trú trong đó, thọ cầu hay tịnh vậy. Khi ngã đã rớt ráo không thì cầu tịnh chẳng còn có chỗ trú nữa. Vì là chẳng có chỗ trú (vô trú xứ), nên nói là vô cầu vô tịnh vậy.

**Hỏi:** *Vì sao chẳng có ngã, mà phàm phu lại trú trong đó, để rời khỏi sanh các phiền não?*

**Đáp:** Nếu được “vô ngã” thì “ngã kiến” chẳng có chỗ duyên, và do chẳng có chỗ duyên nên chẳng sanh khởi được.

Tuy là “vô ngã”, nhưng ở nơi 5 âm chúng sanh lại sanh các tà hạnh, nên mới sanh “ngã kiến”. Rồi do “ngã kiến” mà chúng sanh chấp 5 âm làm ngã và ngã sở.

**Hỏi:** *Nếu ở nơi 5 âm của mình mà mình tự sanh ngã kiến, thì vì sao ở nơi 5 âm của người khác thì lại chẳng sanh?*

**Đáp:** Nếu ở nơi 5 âm của người khác cũng có sanh ngã kiến, thì có lỗi. Vì sao? Vì ngã kiến chẳng có chỗ trú nhất định, chỉ do điên đảo chấp dẫn sanh mà thôi.

Từ vô thi đến nay, chúng sanh tự có ý thức về 5 âm thân của mình tương tục sanh, rồi khởi sanh chấp ấy. Do trú trong “ngã thân”, nên chúng sanh phải thọ cầu, thọ tịnh; rồi thấy mình và thấy người có cầu, có tịnh, hay chẳng có cầu, chẳng có tịnh.

Trái lại, người như đã thật thấy các pháp rồi, thì chẳng còn thấy có cầu, có tịnh. Bởi vậy nên nói là vô cầu, vô tịnh. Người vô cầu, vô tịnh là người đã vào được nơi thật tướng pháp.

Có thuyết nói, “Thật tướng pháp là vô tướng, nên là vô cầu, vô tịnh”

Lại có thuyết nói, “Ở nơi thật tướng pháp mà chẳng chấp, nên là vô cầu, vô tịnh”.

Lại có thuyết nói, “Vào 8 thánh đạo mà còn chấp danh, thì gọi là vô tịnh; chẳng chấp các phiền não điên đảo, thì gọi là vô cầu”.

-o0o-

## Phẩm Thứ Tám Mười Sáu



### Bình Đăng

#### KINH :

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người thấy như thật là chẳng cấu, chẳng tịnh. Người chẳng thấy như thật cũng là chẳng cấu, chẳng tịnh. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Trong “vô sở hữu” chẳng có cấu tịnh. Trong “sở hữu” cũng chẳng có cấu tịnh.

Bạch Thế Tôn! Vì sao người nói như thật là chẳng cấu, chẳng tịnh; người chẳng nói như thật cũng là chẳng cấu, chẳng tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Các pháp tướng bình đẳng, ta nói đó là tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là tướng bình đẳng của các pháp? Đó là như, là chẳng dị diệt, là pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tánh vẫn thường trú. Đó gọi là tịnh.

Đây là nói theo thế đế; chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế, vì đệ nhất nghĩa đế vượt lên trên tất cả ngôn ngữ, luận nghị, âm thanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là không, là chẳng thể nói ra được, là như mộng, như huyễn, như ảnh, như điệm, như huyễn, như hóa, thì

vì sao Bồ tát lại dùng các pháp như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa? Nếu các pháp ấy chẳng có căn bản định thật, thì làm sao Bồ tát có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nguyện rằng, “Tôi sẽ đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp, tôi sẽ đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; tôi sẽ đầy đủ các môn đà la ni, các môn tam muội, tôi sẽ phóng đại quang minh chiếu khắp cả 10 phương, sẽ biết tâm niệm của chúng sanh, để tùy thuận thuyết pháp”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Chỗ nói pháp của ông có như mộng như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đúng là như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, thì Bồ tát làm sao hành Bát nhã Ba-la-mật?

Bạch Thế Tôn! Như mộng... dẫn đến như hóa là hư vọng, chẳng thật có. Chẳng nên dùng pháp hư vọng, pháp chẳng thật ấy để tu, hòng có thể được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Pháp hư vọng chẳng thật ấy, chẳng có thể đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Hành pháp hư vọng, chẳng thật ấy, chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp ấy đều là tác pháp do ức tướng tư duy, nên chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Các pháp ấy chỉ là những pháp trợ đạo, chẳng có thể tăng ích đạo quả. Các pháp đều vô sanh (chẳng sanh), vô xuất, (chẳng xuất), vô tướng (chẳng có tướng).

Từ khi sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát hành các thiện pháp, như hành bố thí Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ các pháp đều là như mộng... dẫn đến như hóa. Các pháp như vậy chẳng có thể được đầy đủ bố thí... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng có thể thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, cũng chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát hành các thiện pháp, từ bố thí... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, mà biết rõ các pháp ấy là như mộng, như hóa cũng biết rõ chúng sanh là như mộng như hóa. Bồ tát chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật là có pháp dụng. Do chẳng chấp như vậy nên được Nhất thiết chủng trí, biết rõ pháp như mộng là chẳng có chỗ thủ chấp... dẫn đến pháp như hóa cũng là chẳng có chỗ thủ chấp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng có thể thủ, Thiền Ba-la-mật chẳng có tướng có thể thủ... dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng có tướng có thể thủ.

Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có tướng có thể thủ được nên phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì pháp chẳng có tướng có thể thủ được là pháp chẳng có căn bản định thật, chỉ như mộng, như hóa vậy.

Dùng pháp bất khả thủ tướng (pháp chẳng có tướng có thể thủ) chẳng thể được pháp bất khả thủ tướng. Chỉ vì chúng sanh chẳng biết các pháp tướng như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Từ khi sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát vì hết thấy



chúng sanh mà hành bố thí... dẫn đến vì hết thấy chúng sanh mà hành trí huệ. Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề chỉ vì hết thấy chúng sanh, chẳng phải vì bản thân mình hoặc vì những sự việc gì khác.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy chúng sanh là vô chúng sanh (chẳng là chúng sanh) mà lại trú trong tướng chúng sanh... dẫn đến thấy tri giả, kiến giả là vô tri giả, vô kiến ngã, mà lại trụ trong tướng tri kiến. Bồ tát giáo hóa chúng sanh khiến họ xa rời điên đảo và đến an trú trong tánh Cam Lồ. Ở nơi đây chẳng còn có các tướng hư vọng, chẳng có tướng chúng sanh... dẫn đến chẳng có tướng tri giả, tướng kiến giả.

Lúc bấy giờ, Bồ tát xả ly tâm động, tâm có niệm, tâm hý luận và thường hành tâm chẳng động, tâm chẳng có niệm, tâm chẳng hý luận.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng lực phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật, tự mình chẳng có chỗ thủ chấp, cũng dạy người khác, khiến họ chẳng có chỗ thủ chấp. Đây là tùy theo thế đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Thế Tôn được hết thấy Phật pháp. Nói như vậy là y theo thế đế hay là y theo đệ nhất nghĩa đế?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Y theo thế đế mà nói Phật được các pháp ấy.

Trong pháp ấy chẳng có pháp để được, cũng chẳng có người được pháp.

Vì sao? Vì người được pháp là có “sở đắc”. Nếu dùng “2 pháp” thì chẳng có đạo, chẳng có quả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành “2

pháp” thì chẳng có đạo, chẳng có quả. Như vậy hành “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) thì có đạo có quả chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề ! Hành “2 pháp” chẳng có đạo, chẳng có quả, hành “chẳng 2 pháp” cũng chẳng có đạo, chẳng có quả. Chẳng dùng “2 pháp” (nhị pháp), cũng chẳng dùng “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) thì đó mới tức là đạo, tức quả vậy.

Vì sao? Vì nói dùng pháp ấy mà được đạo, được quả là hý luận, nói dùng pháp ấy mà chẳng được đạo, chẳng được quả cũng là hý luận. Nơi các pháp bình đẳng chẳng có hý luận chẳng có tướng hý luận. Các pháp chẳng có hý luận là các pháp bình đẳng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các pháp đều chẳng có tánh. Trong tánh vô sở hữu đó, những pháp gì là bình đẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng có “pháp hữu” thì chẳng có “pháp vô”, cũng chẳng nói đến các pháp tướng bình đẳng. Ngoài tướng bình đẳng ra, chẳng có tướng pháp nào khác. Phạm phu cùng các bậc thánh đều chẳng có thể hành, chẳng có thể đến được pháp tướng bình đẳng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cho đến các đức Phật cũng chẳng thể hành, chẳng thể đến được chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các bậc Thánh... dẫn đến Phật dạy đều chẳng thể hành, chẳng thể đến được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật có lực tự tại ở nơi hết thấy pháp. Như vậy vì sao nói Phật chẳng thể hành, chẳng thể đến được?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp bình đẳng cùng Phật có sai khác nhau, thì mới nên nói như vậy. Nay nói phàm phu, Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến Phật bình đẳng, tức là nói bình đẳng là một, là chẳng phải hai vậy. Đây có nghĩa là hàng phàm phu, chư thánh... dẫn đến chư Phật bình đẳng, đều là bất khả đắc.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu ở nơi tướng bình đẳng mà hết thấy pháp đều bất khả đắc, thì giữa phàm phu, chư Thánh, chư Phật chẳng có gì sai khác nhau chăng?

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nơi các pháp bình đẳng chẳng có sai khác, chẳng có sự phân biệt giữa phàm phu, thánh nhân và Phật.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có sự phân biệt giữa phàm phu, thánh nhân và Phật, thì làm sao phân biệt có 3 ngôi Tam bảo xuất hiện ở thế gian?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cùng các pháp bình đẳng có khác nhau chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như chỗ con được nghe qua lời Phật dạy, thì Tam bảo cùng các pháp bình đẳng, chẳng có sai khác nhau.

**Vì sao?** Vì Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo tức là pháp bình đẳng, chẳng hợp chẳng tan, chẳng có sắc chẳng có hình, chẳng có đối, là nhất tướng, là vô tướng vậy.

**Phật dùng trí lực ở nơi các pháp vô tướng, phân biệt là phàm phu, là Tu-đà-hoàn, là Tu-đà-hàm, là A-na-hàm, là A-la-hán, là Bích Chi Phật, là Bồ tát... dẫn đến là Phật.**

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu các đức Phật được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng phân biệt các pháp, thì sẽ có biết được địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người chẳng? Sẽ có biết được 37 Phẩm Trợ Đạo, 18 pháp không, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Sẽ chẳng biết vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên biết Phật có ân lực lớn. Bất động ở nơi hết thấy các pháp mà phân biệt được hết thấy các pháp.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như Phật chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng, phàm phu cũng chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng, Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng.

**Bạch Thế Tôn!** Tướng pháp bình đẳng tức là tướng phàm phu, tức là tướng Thanh Văn, tức là tướng Bích Chi Phật,... dẫn đến tức là tướng Phật. Đó là tướng bình đẳng.

**Bạch Thế Tôn!** Nay các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai khác. Ví như tướng sắc khác; tướng thọ, tưởng, hành và thức khác; tướng nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý khác; tướng địa, thủy, hỏa, phong, không và thức khác; tướng tham, sân và si khác; tướng tà kiến khác; tướng thiên khác, tướng 4 vô lượng tâm khác; tướng 4 vô sắc định khác; tướng 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo khác; tướng bố thí Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật khác; tướng 3 giải thoát môn khác; tướng 18 bất cộng pháp khác; tướng pháp hữu vi khác; tướng pháp vô vi khác; tướng phàm phu khác... dẫn đến tướng Phật khác.

Các pháp mỗi mỗi đều có tướng riêng khác như vậy, thì làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi các pháp có tướng sai khác nhau mà chẳng khởi tâm phân biệt?

Nếu chẳng có phân biệt, thì chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật. Nếu chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng thể tu từ địa này lên địa khác. Nếu chẳng tu từ địa này lên địa khác, thì chẳng thể vào Bồ tát vị. Nếu chẳng vào Bồ tát vị, thì chẳng thể vượt qua Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, chẳng được đầy đủ các thần thông Ba-la-mật, chẳng được đầy đủ bố thí Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thể đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác để cúng dường chư Phật và gieo trồng thiện căn dẫn đến chẳng thể thành tựu chúng sanh và tịnh Phật quốc độ.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông hỏi. Tướng pháp ấy cũng là tướng phàm phu, tướng Tu-đà-hoàn... dẫn đến là tướng Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu mỗi pháp có tướng riêng khác, như tướng sắc khác... dẫn đến tướng pháp hữu vi khác, tướng pháp vô vi khác v.v... thì làm sao Bồ tát quán “nhất tướng” mà chẳng khởi sanh phân biệt?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Tướng sắc là không chẳng? Dẫn đến tướng Phật là không chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là “không” vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong “không” thì các tướng riêng khác của các pháp có khả đắc chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đều là bất khả đắc.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên phải biết rằng các pháp tướng bình đẳng. Trong đó, chẳng có phạm phu cũng chẳng ly phạm phu... dẫn đến chẳng có Phật cũng chẳng ly Phật.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Các pháp bình đẳng là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi, cũng chẳng ly pháp hữu vi, chẳng ly pháp vô vi, vì hữu vi và vô vi đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Dù là tánh hữu vi hay là tánh vô vi, thì cả 2 pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều là nhất tướng, là vô tướng.

**Phật cũng dùng thế để mà nói, chẳng phải dùng đệ nhất nghĩa đế.**

Vì sao? Vì ở nơi đệ nhất nghĩa đế chẳng có thân hành, khẩu hành và ý hành, cũng chẳng ly thân hành, khẩu hành và ý hành.

Vì trong đệ nhất nghĩa đế thì pháp hữu vi và pháp vô vi đều là tướng bình đẳng. Tướng bình đẳng của các pháp tức là đệ nhất nghĩa đế vậy.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát trú bất động trong đệ nhất nghĩa đế, mà hành các sự việc làm lợi ích cho chúng sanh.

### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề suy nghĩ về lời nói của Phật rằng, “Người thấy như thật là chẳng cấu tịnh, người chẳng thấy như thật cũng là chẳng cấu tịnh”.

Suy nghĩ như vậy rồi ngài Bạch Phật: Người thấy như thật là chẳng cấu tịnh, người chẳng thấy như thật cũng là chẳng cấu tịnh. Vì sao? Vì hết thấy pháp là tánh vô sở hữu chẳng có cấu tịnh; trong sở hữu cũng chẳng có cấu tịnh.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Vô sở hữu là tịch diệt kiến, nên chẳng phải có cấu hay tịnh. Sở hữu là thường kiến nên chẳng phải cấu hay tịnh. Sở hữu, nếu quyết định có, cũng chẳng phải theo nhân duyên sanh; nếu chẳng phải theo nhân duyên sanh thì phải là thường có; nếu đã là thường có thì cũng chẳng có cấu hay tịnh vậy”.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Người thấy như thật và người chẳng thấy như thật có nghĩa khác nhau như thế nào?

Phật dạy: Nghĩa chẳng có sai khác nhau. Cấu và tịnh chẳng có tướng riêng khác, chẳng thể phân biệt nói ra, vì là bình đẳng.

Nếu phân biệt nói có cấu, có tịnh là có lỗi. Các pháp tướng bình đẳng; ta nói đó là tịnh. Ở nơi thật tướng thì các pháp đều là như pháp tánh, pháp trí, pháp vị, thật tế, đều là bình đẳng, chẳng có sai khác.

Khi vào trong tánh bình đẳng rồi, Bồ tát giữ được tâm chẳng ghét (tắng), chẳng thương (ái), nên dù có Phật hay chẳng có Phật thì pháp tánh vẫn thường trú. Trái lại, các tác pháp đều là hư dối cả. Bởi vậy nên kinh dạy, “Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì vô tác pháp vẫn thường trú”.

Như thấy có người dùng ngón tay chỉ mặt trăng, mà người ngu vẫn đăm đăm nhìn ngón tay người này khiến chẳng sao thấy được mặt trăng. Phải đừng chấp ngón tay, phải nhìn theo

hướng ngón tay chỉ thì mới thấy được mặt trăng vậy. Cũng như vậy, người nghe nói các pháp tướng bình đẳng, chẳng nên chấp tướng bình đẳng đó.

Nên biết, Phật y theo thể đế mà nói các pháp tướng bình đẳng, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Thể đế là chẳng phải thật, nhưng vì muốn hành các sự việc, nên phải y theo thể đế mà nói. Ví như người đem vàng ra đổi lấy các vật dụng cần thiết cho đời sống. Mặc dù vàng là quý, các vật dụng kia là tiện, nhưng cần thiết thì phải đổi vậy.

-o0o-

Xét về đệ nhất nghĩa đế, thì tánh bình đẳng chẳng có thể nói ra được (bất khả thuyết), chẳng có thể dùng ngữ ngôn, danh tự, hay âm thanh mà diễn đạt được. Vì sao? Vì pháp tướng bình đẳng là chẳng có hý luận, là tướng thường tịch diệt.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói về pháp tướng bình đẳng, về thật tướng pháp và hiểu rõ y chỉ của Phật, nhưng vì lợi ích cho hàng Bồ tát sơ phát tâm, mà ngài hỏi Phật: Nếu hết thảy pháp đều là không, là như mộng, thì làm sao ở nơi các pháp chẳng có căn bản định thật mà Bồ tát có thể phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, dẫn đến vì chúng sanh thuyết pháp?

Phật hỏi lại: 6 pháp Ba-la-mật, các môn đà la ni, các môn tam muội, thuyết pháp v.v... có phải là như mộng chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật là như mộng vậy. Các pháp tuy có làm lợi ích cho chúng sanh, mà đều là mộng pháp cả. Mộng pháp là hư vọng, chẳng thật. Như vậy, Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật, cầu Phật đạo, làm sao lại hành các pháp chẳng thật như vậy? Nếu hành các pháp chẳng thật, thì làm sao vào được trong Bát nhã Ba-la-mật?



Phật dạy: Đúng như vậy! Bồ thì cùng hết thấy các thiện pháp đều do tư duy, phân biệt mà được tạo tác, được sanh khởi. Pháp như vậy chẳng nên trú để thành Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, có người nghe nói như vậy, liền sanh tâm giải đãi, nên Phật nói tiếp: Hết thấy các thiện pháp đều là pháp trợ đạo. Nếu ở nơi các thiện pháp mà sanh tà hạnh, thì các pháp ấy mới gọi là chẳng thật; còn nếu thật hành, chẳng có làm lạc, thì các pháp ấy trở thành pháp trợ đạo. Nhưng vì là pháp trợ đạo, nên chẳng trực tiếp dẫn đến đạo quả.

Trái lại, “thật pháp” là chẳng xuất, chẳng sanh, là nhất tướng, là vô tướng, là tịch diệt tướng. Ví như trời mưa làm lợi ích cho cây cỏ, đồng ruộng, mà chẳng làm lợi ích cho hư không. Cũng như vậy, hành các pháp trợ đạo chỉ đem lại các quả báo hữu lậu, mà chẳng có lợi ích cho đạo quả Niết Bàn vậy.

Bồ tát biết rõ các pháp trợ đạo, cũng biết rõ đạo quả, nên từ sơ phát tâm cho đến nay vẫn thường hành các pháp trợ đạo, như bố thí, trì giới v.v... mà vẫn biết rõ các pháp ấy đều là rốt ráo không, đều là như mộng.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát biết rõ thật tướng các pháp, thì cần gì phải hành bố thí?*

**Đáp:** Phật dạy, “Nếu chẳng đầy đủ bố thí, thì chẳng có thể thành tựu chúng sanh”.

Bởi vậy nên Bồ tát phải tự trang nghiêm thân, dùng âm thanh, ngôn ngữ cùng các lực thần thông, để phương tiện dẫn đạo chúng sanh. Bồ tát hành bố thí chỉ vì lợi ích chúng sanh, mà chẳng chấp bố thí, chẳng khởi hý luận, xem bố thí như mộng, như hóa. Do hành bố thí như vậy, mà Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ

thủ chấp. Bồ tát biết hết thấy các pháp, mà chẳng thủ chấp các pháp tướng; chẳng thủ chấp các pháp tướng mà vẫn phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát biết hết thấy các pháp đều chẳng có căn bản định thật, chẳng có tướng có thể chấp thủ, chỉ là như mộng, như hóa. Nhưng vì thấy chúng sanh mê muội, chẳng biết được như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát, từ sơ phát tâm cho đến nay, chỉ vì chúng sanh mà hành bố thí... dẫn đến hành hết thấy các thiện pháp, chỉ vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải vì chính mình vậy.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát xa lìa tâm đại bi, tâm thương xót chúng sanh, mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, cầu thật tướng pháp, thì sẽ đọa về tà kiến. Người như vậy, chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Do tâm cầu Nhất thiết chủng trí chưa được nhu nhuyễn, nên rất dễ bị đọa vào biên kiến chấp, rất khó có thể vào nơi thật tướng pháp vậy.

Phật dạy “Từ sơ phát tâm, Bồ tát phải thường bi niệm chúng sanh, thương xót chúng sanh, thì dần dần mới vào được rốt ráo không”.

**Hỏi:** Ở các chỗ khác thường nói Bồ tát tự lợi và làm lợi ích cho chúng sanh. Vì sao ở nơi đây chỉ nói Bồ tát làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng nói Bồ tát tự lợi ích cho chính mình?

*Nếu vừa làm lợi ích cho mình, vừa làm lợi ích cho người khác, thì có lỗi gì?*

**Đáp:** Bồ tát chỉ vì lợi ích cho chúng sanh mà hành các thiện pháp; như vậy mới là thật nghĩa của việc hành Bồ tát đạo.

Trước đây, nói vừa tự lợi mình và lợi người, là vì phạm phu mà nói. Người hành Bồ tát đạo, khi đã vào trong đạo rồi,

dù có tự lợi thì đó cũng nhằm lợi tha, là trên hết. Bởi vậy nên nói, “Bồ tát chỉ vì lợi ích cho chúng sanh mà hành các thiện pháp, chẳng phải vì lợi ích cho riêng mình”.

**Hỏi:** Có thuyết nói, “Người làm việc chỉ vì thân mình là người bậc hạ; người làm việc vì lợi ích cho người khác là người bậc trung; người làm việc vì lợi ích cho mình và cho người đầy đủ, viên mãn là người bậc thượng”.

Nếu lợi tha mà chẳng có tự lợi thì làm sao gọi là bậc thượng được?

**Đáp:** Chẳng phải như vậy.

- Người hành đạo chỉ vì tự thân mình là người bậc hạ. Người ở thế gian hành các thiện pháp chỉ vì lợi ích cho mình, mà chẳng phải vì lợi ích cho người khác. Do hành đạo mà tự ái chấp thân mình, chấp việc làm của mình, nên chẳng có được nhiều phước báo, mặc dù chẳng có phạm tội.

- Người thường xả niềm vui riêng của mình, chỉ vì chúng sanh mà hành đạo, mới gọi là người bậc thượng. Người hành đạo bậc thượng là người chỉ vì chúng sanh mà hành các thiện pháp.

- Người chưa thành tựu được chúng sanh, mới phải tự lợi cho đầy đủ trước đã, để sẵn sàng làm lợi ích cho người về sau. Như hành tự lợi và lợi tha chỉ là giai đoạn tập sự trong quá trình hành Bồ tát đạo vậy.

-o0o-

Nên phân biệt có 3 hạng người cầu Phật đạo. Đó là:

- Người vì tự thân mình mà cầu thành Phật.

- Người vì tự thân mình và cũng vì chúng sanh mà cầu thành Phật.

- Người chỉ vì chúng sanh mà cầu thành Phật.

Hạng người sau cùng này thường hành đạo thanh tịnh, nhằm phá các chấp điên đảo. Đây là hàng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà biết rõ chúng sanh là vô chúng sanh (chẳng là chúng sanh)... dẫn đến tri giả, kiến giả là vô tri giả, vô kiến giả (chẳng là tri giả, chẳng là kiến giả). Bồ tát an trú trong vô tướng, mà vẫn thường hành các thiện pháp trợ đạo, dạy chúng sanh hành các thiện pháp trợ đạo, nhằm độ thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử, đưa họ vào trong tánh Cam Lộ. Vì sao? Vì hành tất cả các thiện pháp trợ đạo đều dẫn đến Niết Bàn vậy. Tánh Niết Bàn gọi là tánh Cam Lộ. Trú trong tánh Cam Lộ, Bồ tát chẳng còn sanh các vọng tưởng, được vô sở trước, và cũng khiến chúng sanh được vô sở trước. Như vậy mới gọi là lợi ích cho chúng sanh vào bậc nhất.

**Hỏi:** Trước đây nói vì lợi ích cho chúng sanh mà Bồ tát hành đạo. Nay vì sao nói vì muốn khiến chúng sanh được vô sở trước mà Bồ tát hành đạo?

**Đáp:** Nếu mình chẳng có trí huệ, thì chẳng có thể làm lợi ích cho người được. Bởi vậy nên tự mình phải được vô sở trước (chẳng có chỗ chấp trước), rồi mới dạy người khác khiến cho được vô sở trước. Nếu có tài vật hay công đức gì..., Bồ tát cũng đều đem hết cho chúng sanh. Ví như ông Điều Đạt, tức là Đề Bà Đạt Đa, là oán tặc của Phật, mà Phật cũng cho tất cả.

Như vậy mới là tự tu tập công đức. Nếu chẳng như vậy, thì chẳng có thể phá được chấp ngã, nên chẳng có thể bố thí thanh tịnh được.

Đây cũng là y theo thể đế mà nói, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì ở nơi đệ nhất nghĩa đế là chẳng có chúng sanh, chẳng có pháp, chẳng phải một cũng chẳng phải hai, là bình đẳng, chẳng có phân biệt các pháp tướng, nên cũng là chẳng có chỗ chấp (vô sở chấp) vậy.

Bởi vậy nên nói tướng chẳng thể nói ra được (bất khả thuyết tướng) là tướng của đệ nhất nghĩa đế; tướng có thể nói ra được (khả thuyết tướng) là tướng của thể tục đế.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nói ở nơi đạo tràng mà được pháp là nói theo thể đế, hay là nói theo đệ nhất nghĩa đế?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói, “Nếu nói dùng thể đế mà được đạo, tức là hư vọng, chẳng thật. Còn nói dùng đệ nhất nghĩa đế mà được đạo, thì cũng chẳng thể được, vì đệ nhất nghĩa đế là vô đắc (chẳng có đắc), là bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được), là bất khả thọ (chẳng thể thọ được), nên chẳng có pháp đắc, chẳng có người đắc pháp vậy.

Phật dạy: Do y theo thể đế, dùng ngữ ngôn, danh tự, mà nói Phật được Vô Thượng Bồ Đề. Thật ra chẳng có người đắc pháp, chẳng có pháp để đắc.

Vì sao? Vì chấp có pháp để đắc, chấp có người đắc pháp, là chấp có 2 pháp. Do chấp có 2 pháp, nên chẳng có đạo, cũng chẳng có quả. Bồ tát chẳng đắc đạo, chẳng đắc quả, mới thật được gọi là Bồ tát đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy y theo thể đế nên mới dùng “2 pháp”.

Phật pháp chẳng phải là pháp hư dối, nhưng vì hàng sơ phát tâm mà phải dùng “2 pháp” để phân biệt các pháp là hư vọng.

Chư Phật và chư đại Bồ tát đã được đệ nhất nghĩa đế, nên giáo hóa chúng sanh, khiến họ cũng được đệ nhất nghĩa đế.

Tuy có phân biệt các pháp, mà chẳng có chấp các pháp tướng hư vọng.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hành “2 pháp” (nhị pháp) chẳng được đạo chẳng được quả, thì hành “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) có được đạo, được quả chẳng?

Phật dạy: Hành “2 pháp” chẳng có đạo, chẳng có quả; hành “chẳng 2 pháp” cũng chẳng có đạo, chẳng có quả.

**Hỏi:** Trước đây nói “2 pháp” là pháp của phàm phu; “chẳng 2 pháp” là pháp của bậc thánh hiền. Trong kinh Duy Ma Cật có nói đến vào pháp môn “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp môn), thì nghĩa ấy như thế nào?

**Đáp:** “Chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) là thánh pháp chân thật. Vì các Bồ tát sơ phát ý chưa vào được nơi thật tướng pháp, nên vừa nghe nói đến “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) là liền sanh tâm chấp, hoặc liền sanh tâm hủy báng. Phật muốn ngăn sự chấp thiên lệch về cả 2 bên, nên vì họ thuyết về “trung đạo”, là “chẳng hai” (phi nhị), cũng “chẳng phải chẳng hai” (phi bất nhị).

Nói “2 pháp” là có phân biệt các tướng; nói “chẳng 2 pháp” là nói “nhất không tướng” (tướng không đồng nhất). “Nhất không tướng” phá được hết thảy các pháp tướng sai khác. Khi đã phá xong các tướng sai khác rồi, thì cũng phải xả luôn chấp về “chẳng 2 tướng” mới được đạo quả. Vì sao? Vì các bậc thánh hiền tuy tán thán “chẳng 2 tướng” (bất nhị tướng) mà chẳng chấp pháp ấy, chẳng sanh hý luận; dùng pháp ấy mà được đắc đạo, đắc quả. Như vậy mới gọi là pháp bình đẳng.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là tướng vô sở hữu, thì sao có thể gọi là tướng bình đẳng?

Phật dạy: Nếu ly “tánh hữu”, thì chẳng có “tánh vô”, cũng chẳng có thể nói đến các pháp tướng bình đẳng.

Bồ tát chẳng nói hết thấy các pháp là “tánh vô”, mà nói hết thấy pháp tướng bình đẳng; cũng chẳng nói ly 2 bên “hữu-vô” là có tướng bình đẳng. Vì sao? Vì ở nơi hết thấy các chỗ đều chẳng có thủ chấp mới thật là tướng bình đẳng. Như vậy là các pháp bình đẳng vượt trên hết thấy pháp, chẳng ngăn ngại việc hành các thiện pháp vậy.

**Hỏi:** Trước đây nói các pháp tướng bình đẳng là thật tướng pháp. Nay vì sao nói pháp bình đẳng vượt lên trên hết thấy pháp?

**Đáp:** Hết thấy pháp nói trên đây có 2 nghĩa. Đó là:

- Hết thấy sắc pháp ở nơi pháp thể đều bình đẳng, chẳng khác.

- Ở nơi các sắc pháp phân biệt có pháp phạm phu hành tà hạnh, và pháp của các bậc Thánh hành chánh hạnh.

Ở nơi đây nói về nghĩa thứ 2. Nói bình đẳng là nói ở ngay nơi tà hạnh của phạm phu, mà xuất ra khỏi các tà hạnh đó; chẳng phải là vượt ra khỏi hết thấy các pháp vậy.

Lại nữa, bình đẳng cũng có nghĩa là chẳng thể hành, chẳng thể đến được.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Cho đến các đức Phật cũng chẳng hành, chẳng đến được chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Dù pháp thậm thâm vi diệu, dù là khó hành, khó đến, nhưng các đức Phật đã được

đạo rồi, ắt có thể hành, có thể đến được vậy”: Nghĩ như vậy nên ngài nêu lên các câu hỏi trên đây.

Phật dạy: Hết thầy chư Thánh hiền... dẫn đến chư Phật đều chẳng hành, chẳng đến được.

Ý Phật muốn nói rằng, “Vì là tự tánh bình đẳng, nên chư Phật 3 đời 10 phương đều chẳng hành, chẳng đến được, huống nữa là 1 đức Phật”.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ở nơi hết thầy pháp, Phật có lực tự tại, có trí huệ vô ngại. Như vậy vì sao nói chẳng thể hành, chẳng thể đến được?

Phật dạy: Nếu các pháp bình đẳng cùng Phật có khác nhau, thì mới nên hỏi. Phạm phu bình đẳng, Tu-đà-hoàn bình đẳng... dẫn đến Phật bình đẳng cùng với bình đẳng là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Phạm phu, Tu-đà-hoàn... dẫn đến Phật đều cùng một tự tánh. Trong một tánh thì chẳng có hành, chẳng có đến vậy. Cùng với tự tánh phải có tha tánh mới nói đến có hành, có đến. Vì tự tánh và tha tánh là bình đẳng, nên chẳng có hành, chẳng có đến.

Bởi vậy nên Phật dạy, “Nếu Phật và bình đẳng khác nhau, thì Phật mới hành bình đẳng. Nay Phật tức là bình đẳng, thì chẳng nói đến hành bình đẳng, đến bình đẳng vậy”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu ở nơi bình đẳng mà hết thầy các pháp đều bất khả đắc, thì giữa phạm phu, chư thánh... dẫn đến chư Phật có gì sai khác nhau chẳng?

Phật dạy: Chẳng có sự sai khác, chẳng có sự phân biệt giữa phạm phu, chư thánh, và chư Phật.



Ý Phật muốn nói rằng, “Thế gian y thế tục mà phân biệt có sự sai khác; còn ở nơi pháp bình đẳng thì chẳng có sự sai khác, chẳng có sự phân biệt”.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng có sự phân biệt giữa phàm phu, thánh nhân và Phật, thì làm sao có 3 ngôi Tam bảo xuất hiện ở thế gian, làm các việc lợi ích cho chúng sanh?

Phật dạy: Pháp bình đẳng tức là thật pháp. Thật pháp tức là Phật pháp, tức là Tam bảo; tức là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Vì sao? Vì người chưa được pháp bình đẳng thì chẳng được gọi là Phật; người được pháp bình đẳng mới được gọi là Phật. Phật dùng lực trí huệ, ở nơi các pháp bình đẳng, vô tướng, mà phân biệt có phàm phu, có các quả thánh sai khác, như là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến có quả vị Phật.

Ngài Tu Bồ Đề lãnh hội lời Phật dạy, và thưa: Các pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều là nhất tướng, là vô tướng. Thế nhưng, Phật ở nơi không, nơi vô tướng mà dùng lực trí huệ phân biệt có phàm phu, có các quả thánh sai khác nhau.

Phật ấn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Đúng như vậy. Nếu Phật chẳng phân biệt các pháp, thì làm sao biết có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người; làm sao biết có 37 pháp trợ đạo... dẫn đến có 18 bất cộng pháp?

**Hỏi:** *Phật ví như mặt trời chiếu sáng vạn vật, chẳng phân biệt vật ở cao hay thấp, vật lớn hay nhỏ... Chúng sanh ở khắp nơi có thể dùng mắt để riêng thấy mặt trời. Cũng như vậy, Phật chẳng chuyển các pháp tướng, nhưng dùng lực trí huệ soi chiếu các pháp, để vì chúng sanh diễn nói. Như*

vậy, vì sao Ngài Tu Bồ Đề lại nói “Nếu chẳng phân biệt các pháp, thì chẳng biết có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người; chẳng biết có 37 pháp trợ đạo... dẫn đến có 18 bất cộng pháp”?

**Đáp:** Ở đây nên phân biệt giữa sự biết của phàm phu và sự biết của Phật:

- Sự biết của hàng phàm phu là biết hư vọng.
- Sự biết của Phật là biết như thật.

Phàm phu biết các pháp là có các tướng sai khác, như có xấu tốt, lớn nhỏ, hơn thua v.v... Sự biết của phàm phu như vậy chỉ là hư vọng, Phật tuy chẳng nói về xấu tốt, lớn nhỏ, hơn thua v.v..., nhưng vẫn thường phân biệt các pháp, khai thị để chúng sanh được biết rõ về các pháp hư vọng, nhằm đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp.

-o0o-

Dùng “2 pháp” (nhị pháp) mới phân biệt có địa ngục, có ngạ quỷ, có súc sanh, có trời, có người; phân biệt có phàm phu, có các bậc thánh hiền... dẫn đến có các đức Phật v.v...

Dùng “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) thì chẳng có các sự phân biệt như vậy. Vì sao? Vì Phật pháp là tướng tịch diệt, chẳng có hý luận. Nếu ở trong Phật pháp mà còn phân biệt có các pháp tướng sai khác, như có tướng địa ngục, tướng ngạ quỷ, tướng súc sanh v.v... thì chẳng phải là tịch diệt nữa. “Chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) là chẳng có hý luận.

Phật ở nơi tướng tịch diệt mà vẫn thường vì chúng sanh phân biệt các pháp. Tuy phân biệt các pháp mà chẳng đọa vào hý luận, cũng chẳng ly thật tướng pháp.

Vì sao? Vì người thế gian dùng mắt thấy một con vật, mà chẳng biết tướng của con vật ấy do nhiều tướng khác, từng phần nhỏ hòa hợp lại, mà có vậy. Ví như nói một con trâu sanh ra một con trâu. Thật ra thì chẳng thể nói như vậy được. Con trâu do nhiều thành phần của trâu hòa hợp lại mới thành ra trâu. Nếu loại trừ các thành phần của trâu ra, thì chẳng có một pháp nào được gọi là “pháp trâu” cả. Vì sao? Vì do nhiều thành phần của trâu hòa hợp lại mà thành ra có một pháp gọi là trâu. Nếu chỉ thấy tướng chung, chẳng thấy được các tướng riêng của các thành phần, mà đã gọi là thấy trâu, thì như vậy là chưa thấy như thật tướng trâu vậy. Phải vào được các pháp bình đẳng, mới có thể thấy như thật, biết như thật tướng trâu.

-o0o-

Phật bất động ở nơi hết thấy các pháp, mà phân biệt được hết thấy các pháp. Do bất động mà phân biệt các pháp như vậy, nên chẳng có chấp “hai tướng” (nhị tướng), cũng chẳng có chấp “một tướng” (nhất tướng) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như Phật chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng, thì làm sao phạm phu, Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng đều chẳng động ở nơi các tướng bình đẳng? Như vậy, Phật làm sao phân biệt được các pháp có tướng sai khác nhau, như tướng sắc khác... dẫn đến tướng pháp hữu vi khác, tướng pháp vô vi khác? Nếu chẳng có phân biệt như vậy thì làm sao Bồ tát tu từ địa này lên địa khác,... dẫn đến thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ?

Phật dạy: Tướng sắc là không chẳng? Dẫn đến tướng Phật là không chẳng? Trong không thì có các tướng sai khác có khả đắc chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Các pháp tướng đều là không. Trong rốt ráo không, trong vô tướng, thì làm sao nói các pháp tướng sai khác được.

Phật dạy: Trong “không” chẳng có các pháp tướng sai khác. Pháp “không” là thật pháp, thì làm sao ở trong “không” ông lại phân biệt các pháp, và nêu lên các lời vấn nạn? Trong rốt ráo “không” thì “không” là bất khả đắc, các pháp tướng mỗi mỗi đều bất khả đắc, thì ông còn vấn nạn làm gì nữa?

Bởi vậy nên phải biết rằng các pháp bình đẳng là chẳng có phân biệt. Ở nơi các pháp bình đẳng đó, chẳng có phạm phu, cũng chẳng ly phạm phu... dẫn đến chẳng có Phật, cũng chẳng ly Phật. Tướng của phạm phu cũng tức là tướng của thánh hiền... dẫn đến cũng tức là tướng của Phật. Bởi vậy nên nói thánh hiền chẳng phải phạm phu mà cũng chẳng ly phạm phu... dẫn đến Phật chẳng phải phạm phu mà cũng chẳng ly phạm phu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề muốn hiểu rõ hơn về tướng bình đẳng, nên hỏi: Các pháp bình đẳng là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải là pháp hữu vi, cũng chẳng phải là pháp vô vi. Vì sao? Vì pháp hữu vi là pháp hư vọng, chẳng thật; còn pháp vô vi thì chẳng có sanh trú diệt, nên là vô pháp (chẳng có pháp). Nếu đã là vô pháp, thì cũng chẳng thể gọi là pháp vô vi được.

Vì sao? Vì do đối đãi với hữu vi, mà nói có vô vi; nếu ly hữu ra, thì vô vi là bất khả đắc. Ví như dài và ngắn là hai khái niệm tương đãi; nếu chẳng có khái niệm về dài, thì cũng chẳng có khái niệm về ngắn, và ngược lại.

**Hỏi:** *Pháp hữu vi là pháp vô thường; pháp vô vi là pháp thường. Như vậy vì sao nói, ly hữu vi, thì vô vi là bất khả đắc?*

**Đáp:** Pháp vô vi là pháp vô phân biệt (chẳng có phân biệt), là pháp vô tướng (chẳng có tướng).

Nếu pháp vô vi là thường, thì chẳng phải là vô tướng được vậy. Chỉ vì nhằm phá hữu vi, nên mới nói vô vi. Một khi hữu vi đã bị phá rồi, thì chẳng cần nói đến vô vi nữa. Ví như người bị giam cầm ở trong ngục tối, tìm mọi cách đục thủng vách tường, để thoát ra bên ngoài. Khi vách tường đã được đục thủng rồi, thì nó chẳng còn là vật ngăn cách bên trong và bên ngoài nữa. Lúc bấy giờ thì khoảng hư không bên trong và khoảng hư không bên ngoài đã hòa đồng với nhau, chẳng còn có sự phân biệt, chẳng còn sai khác nữa.

Pháp vô vi chẳng phải do các nhân duyên sanh. Sở dĩ lập ra tánh vô vi là để phá chấp về tánh hữu vi. Khi đã phá hữu vi rồi, thì chẳng còn phân biệt hữu vi và vô vi nữa.

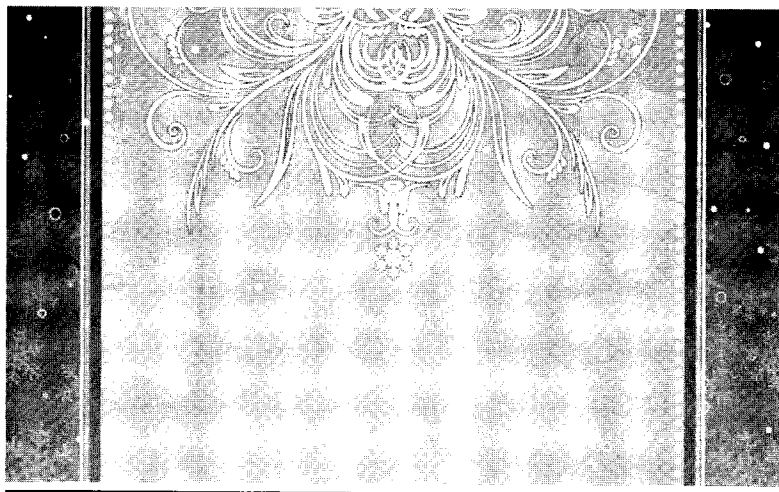
Pháp hữu vi và pháp vô vi đều là bất khả đắc, chẳng hợp, chẳng tan, đều là nhất tướng (một tướng), là vô tướng (chẳng có tướng) vậy.

Vì y theo thể tục đế mà nói có hữu vi, có vô vi; chẳng phải là y theo đế nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì ở nơi đế nhất nghĩa đế thì chẳng còn có thân hành, khẩu hành và ý hành. Hữu vi và vô vi bình đẳng mới tức là đế nhất nghĩa đế.

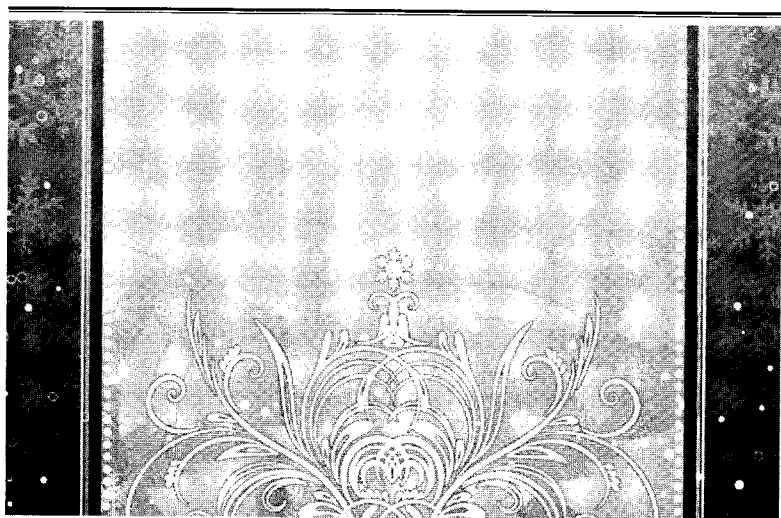
Bồ tát biết rõ pháp hữu vi và pháp vô vi đều là bình đẳng tướng, là nhất tướng, là vô tướng, mà chẳng chấp bình đẳng tướng, nhất tướng, vô tướng đó.

Bồ tát an trú bất động ở nơi đế nhất nghĩa mà làm các việc lợi ích cho chúng sanh, dùng các lực phương tiện để vì chúng sanh thuyết pháp.





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 96**







## Phẩm Thứ Tám Mười Bảy



Như Hóa

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là bình đẳng, chẳng có chỗ tạo tác, chỗ thi thiết thì làm sao khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát có thể an trú bất động ở trong các pháp bình đẳng, mà làm các việc của Bồ tát, như là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Các pháp bình đẳng đều chẳng có sở tác.

Nếu như chúng sanh tự biết các pháp bình đẳng như vậy, thì Phật chẳng dùng thần lực, an trú bất động ở trong các pháp bình đẳng, để vì chúng sanh nói pháp, nhằm cứu thoát họ ra khỏi 5 đường sanh tử; dạy họ xa lìa các chấp về tướng ngã... dẫn đến tướng tri giả, tướng kiến giả; dạy họ xa lìa các chấp về tướng sắc... dẫn đến tướng thức, tướng nhãn... dẫn đến tướng ý, tướng địa chủng... dẫn đến tướng thức chủng; dạy họ xa lìa tánh tướng hữu vi để được tánh tướng vô vi, mà tánh tướng vô vi tức là “không” vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải dùng pháp không gì để biết hết thấy pháp không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải xa lìa hết thấy các pháp tướng, dùng “không” để biết hết thấy pháp không.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người hóa làm ra các vật hóa, thì người hóa ấy là “thật có”, là “chẳng không” (bất không) chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người hóa ấy là chẳng phải “thật có” mà cũng chẳng phải “không”. “Không” và người hóa là 2 sự việc chẳng có hợp, chẳng có tan. Chớ nên phân biệt “không” và “hóa”.

Vì sao? Vì hai sự việc ấy bình đẳng. Trong “không” thì “không” và “hóa” đều là bất khả đắc.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tức là hóa; vì thọ, tưởng, hành và thức tức là hóa; dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các pháp thế gian đều là hóa. Như vậy, các pháp xuất thế gian, từ 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, các bậc Thánh, từ Tư Đà Hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật cũng đều là hóa chẳng?

Dẫn đến các đức Phật Thế Tôn cũng đều là hóa chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là hóa. Pháp Thanh Văn biến hóa, pháp Bích Chi Phật biến hóa, pháp Bồ tát biến hóa... dẫn đến pháp Phật biến hóa. Lại có pháp phiền não biến hóa nên có các pháp nghiệp nhân duyên biến hóa. Bởi vậy nên nói hết thấy các pháp đều là hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do đoạn dứt được các phiền não mà được 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến được Phật đạo. Vậy thì đoạn dứt tập phiền não cũng là biến hóa chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Pháp có tướng sanh diệt là có biến hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Có pháp gì chẳng biến hóa, chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Pháp chẳng có sanh, chẳng có diệt là pháp chẳng có biến hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Có pháp gì chẳng có sanh diệt, nên chẳng có biến hóa chẳng?

**Phật dạy:** Niết Bàn chẳng có tướng hư vọng, là pháp chẳng có biến hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy thì các pháp bình đẳng chẳng phải do Thanh Văn làm ra, chẳng phải do Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải do Bồ tát làm ra dẫn đến chẳng phải do Phật làm ra; dù có Phật hay chẳng có Phật, thì tánh của các pháp vẫn thường không, mà tánh không tức là tánh Niết Bàn. Nay vì sao Phật lại nói chỉ có một pháp Niết Bàn là chẳng biến hóa?

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các pháp bình đẳng chẳng do ai làm ra, mà đều dẫn đến tánh không, tức là tánh Niết Bàn.

Nếu có Bồ tát sơ phát ý nào, khi nghe nói hết thấy pháp đều rốt ráo không, dẫn đến nghe nói Niết Bàn cũng là như hóa, mà chẳng sanh tâm sợ hãi, thì phải biết rằng vị Bồ tát sơ phát ý đó đã biết các pháp có sanh diệt là như hóa, các pháp chẳng có sanh diệt là chẳng như hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể dạy cho hàng Bồ tát sơ phát ý biết được tánh không?

**Phật dạy:** Nay Tu Bồ Đề! Nên nói hết thấy pháp, từ trước đến nay, là không.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Các sự việc này trước đây Phật đã nói nhiều rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi nữa?

**Đáp:** Các sự việc này rất khó giải, nên Phật phải nói nhiều lần. Nay bộ kinh này đã đến giai đoạn gần kết thúc, nên Phật nói chỗ thâm thâm của pháp “không” là chỗ mà hàng phàm phu... dẫn đến hàng Thánh Hiền vẫn chưa có thể đến được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ hết thấy pháp tướng đều rất ráo không, nên ngài hỏi Phật: Các pháp bình đẳng chẳng có tướng tạo tác; việc làm lợi ích chúng sanh là có tướng tạo tác. Như vậy, làm sao Bồ tát trú trong không, trong vô tác, mà lại thường làm lợi ích cho chúng sanh?

Phật ẩn chứng chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Làm việc lợi ích cho chúng sanh có nghĩa là giáo hóa họ, khiến họ biết rõ được các pháp bình đẳng là rất ráo không, để có thể tự độ cho chính mình, mà chẳng phải nhờ đến ân đức của Phật. Ví như người bệnh nào tự biết được bệnh của mình, tự tìm lấy thuốc để trị bệnh cho mình, thì chẳng cần phải nhờ đến thầy thuốc nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp tướng là rất ráo không, thì chẳng có chỗ tạo tác. Nếu dùng pháp tướng bình đẳng để làm lợi ích cho chúng sanh, thì phá hoại thật tướng pháp. Như vậy, Bồ tát phải trú nơi đâu để làm các việc lợi ích cho chúng sanh?

Phật dạy: Chẳng phải Bồ tát dùng thật tướng pháp để làm lợi ích cho chúng sanh. Nhưng vì chúng sanh chẳng biết được các pháp là rất ráo không, nên Bồ tát phải dạy cho họ biết vậy.

Sự việc Bồ tát giáo hóa chúng sanh chỉ là “đổi trị tất đàn”, chẳng phải là “đệ nhất nghĩa đàn”. Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề nạn hỏi, vì ngài đứng ở nơi “đệ nhất nghĩa đàn”, nên thấy sự việc dùng pháp bình đẳng dạy cho chúng sanh chẳng thể đem lại lợi ích cho họ.

Phật đáp: Do chúng sanh điên đảo chẳng biết được Phật tánh, nên phải phá tâm điên đảo của họ. Đây chẳng phải là dùng “đệ nhất nghĩa đàn”. Bởi vậy nên Bồ tát trú trong tướng bình đẳng, xa lìa các tướng ngã, tướng chúng sanh... dẫn đến tướng tri giả, tướng kiến giả; ở nơi chúng sanh không, mà dùng hết thấy pháp vô ngã để giáo hóa chúng sanh.

-o0o-

Nên biết ở trong chúng sanh có 2 hạng. Có hạng ái chấp nhiều; có hạng kiến chấp nhiều.

- Đối với người ái chấp nhiều, khi được pháp vô ngã thì dễ sanh tâm nhàm chán. Họ thường tự ly dục, và thường niệm vô ngã.

- Đối với hạng người kiến chấp nhiều, khi nghe được pháp vô ngã rồi cũng vẫn thường khởi các kiến chấp. Mặc dù biết được pháp vô ngã, mà ở nơi các sắc pháp họ vẫn thường khởi các hý luận, như chấp các pháp là thường, là vô thường v.v... Đối với hạng người này, thì phải nên dạy họ xa lìa các tướng sắc, xa lìa tướng 5 âm, tướng 12 nhập, tướng 18 giới... dẫn đến xa lìa tánh tướng hữu vi, khiến họ vào được tánh tướng vô vi, tức là tánh không vậy.

**Hỏi:** Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi, “Phải dùng pháp không gì, để biết hết thấy pháp không”?

**Đáp:** “Không” có rất nhiều nghĩa.

Ví như nói trong nước chẳng có lửa, trong lửa chẳng có nước; đó là nói về nghĩa không. Ví như nói vô ngã, vô chúng sanh, vô tri giả, vô kiến giả; đó cũng là nói về nghĩa không. Ví như nói pháp không, chúng sanh không; đó cũng là nói về nghĩa không. Ví như nói nếu đem một pháp hữu vi chia chẻ ra, thì sẽ có được các vi trần, và nếu cứ tiếp tục chia chẻ ra đến cùng, thì sẽ trở thành hư không; đó cũng là nói về nghĩa không v.v...

Vì “không” có vô lượng nghĩa như vậy, nên ngài Tu Bồ Đề mới hỏi Phật như trên.

Phật dạy: Dùng “vô sở đắc rốt ráo không” sẽ lia được hết thảy các pháp không.

Ở nơi đây nói “không” là nói chúng sanh không và pháp không. Cả 2 pháp đó đều không, nên hết thảy pháp đều là rốt ráo không.

**Hỏi:** *Vì sao nói, “Trú ở trong không, là ly hết thảy các pháp tướng”?*

**Đáp:** Hết thảy các pháp đều chẳng có thể tận hoại. Chỉ khi nào ly hết thảy các tà ức tướng, thì hết thảy các pháp tự ly.

Ví như người có thân thông, quán hoại sắc tướng, có thể xuyên qua núi đá, qua vách tường, mà chẳng có bị ngăn ngại vậy.

Phật dạy: Nếu ở nơi 5 ám mà thường tu chánh ức niệm, thường đoạn tham dục, thì được giải thoát. Như vậy là được ly tướng.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói hết thảy pháp, từ lớn đến nhỏ, đều chẳng có căn bản định thật? Phạm phu hư vọng là

chẳng thật có, nhưng vì sao nói các bậc Thánh cũng là chẳng thật có?

Ngài Tu Bồ Đề, tuy đã là bậc A-la-hán, thâm quý Phật pháp, nhưng ngài cũng chỉ mới là Bồ tát sơ phát tâm, nên mới hỏi Phật như trên. Phật biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên hỏi trở lại: Ý ông nghĩ sao? Ví như người hóa làm ra các vật hóa, thì người hóa ấy có căn bản định thật chẳng? Có phải là “có”, là “chẳng không” (bất không) chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Người hóa chẳng có căn bản định thật, chẳng phải là “thật có”, chẳng phải là “chẳng không” (phi bất không).

“Không” và “hóa” là 2 sự việc chẳng có hợp, chẳng có tan. Đây là 2 pháp bình đẳng, chẳng có phân biệt. Bởi vậy nên nói 2 pháp ấy là chẳng phải thật có, chẳng phải “chẳng không”.

Do vì muốn phá 18 sự chấp thật có, nên mới lập ra 18 pháp không. Thế nhưng, người thế gian lại chấp “không”, chấp “hóa”, nên phải dùng đến danh từ “chẳng không” (bất không), và cho họ biết rằng 2 pháp “không” và “hóa” đều là không, là chẳng thật có, là chẳng phải “chẳng không”. Do vậy, chẳng nên phân biệt “không” và “hóa”.

-o0o-

Phàm phu chấp các pháp là thật có, mà chẳng biết rằng các pháp là không, là chẳng thật có, là như hóa.

Phật nêu lên các thí dụ để cho họ thấy rằng hết thảy pháp đều là như hóa; hết thảy pháp cùng hóa chẳng có sai khác vậy.

Phật dạy: Sắc tức là hóa; thọ, tưởng, hành và thức tức là hóa;... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là hóa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nói pháp phàm phu là hư vọng, là như hóa, thì còn hợp lý. Vì sao cũng nói các pháp xuất thế gian là như hóa?

Nếu pháp xuất thế gian đều như hóa, thì Niết Bàn cũng là như hóa; các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật cũng là như hóa chẳng?

Phật dạy: Hết thấy các pháp hữu vi và vô vi là như hóa. Tất cả các bậc Thánh hiền... dẫn đến Phật cũng đều là như hóa, đều là rốt ráo không cả.

Nghĩa này, Phật đã dạy rõ ở các phẩm trước rồi. Nay chỉ rộng nói thêm rằng, “Hết thấy pháp đều là như hóa”.

**Hỏi:** *Nếu các pháp đều là như hóa, thì làm sao phân biệt có các pháp sai khác?*

**Đáp:** Ví như Phật hóa hiện ra các người hóa. Các người hóa, tuy chẳng phải là thật có, nhưng cũng có những tướng mạo khác nhau, có những tâm tư tình cảm khác nhau, như có xấu, có đẹp, có buồn, có vui, có sợ hãi, có an ổn v.v...

Hết thấy các pháp đều ví như bóng trong gương. Tuy có hình tướng sai nhau, mà đều là chẳng thật có.

Phật dạy: Hết thấy pháp đều là biến hóa. Pháp Thanh Văn biến hóa, pháp Bích Chi Phật biến hóa, pháp Bồ tát biến hóa... dẫn đến pháp Phật biến hóa. Lại có các pháp phiền não biến hóa, nên có các pháp nghiệp nhân duyên biến hóa.

Vì Thanh Văn biến hóa, nên 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo biến hóa, 4 thánh đế... dẫn đến 3 giải thoát môn biến hóa. Vì sao? Vì người tu pháp Thanh Văn, trú trong giới luật, trong thiền định nhiếp tâm cầu Niết Bàn, quán nội ngoại thân bất tịnh, nên gọi là thân niệm xứ. Đây là vì cầu Niết Bàn



mà siêng năng, tinh tấn tu tập, sanh khởi các pháp ấy. Các pháp ấy, ngay từ căn bản, vốn là không, vốn không mà nay trở thành có; nay có rồi lại trở thành không. Như vậy gọi là Thanh Văn biến hóa.

Người tu Bích Chi Phật đạo, do quán 12 nhân duyên mà được đạo. Như vậy gọi là Bích Chi Phật biến hóa.

Người hành Bồ tát đạo, do tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mà được đầy đủ các quả báo thần thông, đầy đủ các Phật pháp. Như vậy gọi là Bồ tát biến hóa.

Phật biến hóa thành tựu đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí; ở nơi vô lượng Phật pháp đều được bình đẳng.

Phiền não biến hóa là do phiền não mà khởi sanh ra các nghiệp; trong đó có các nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký. Lại còn có nghiệp định, nghiệp bất định, nghiệp bất động hoặc thiện, hoặc ác, cùng vô lượng nghiệp khác.

**Hỏi:** *Phiền não là pháp ác, bất thiện. Như vậy phiền não làm sao có thể sanh khởi nghiệp thiện và nghiệp bất động?*

**Đáp:** Nên phân biệt, ở trong các nhân duyên, có nhân duyên gần (cận nhân duyên) và có nhân duyên xa (viễn nhân duyên).

Ví như người có “ngã tâm” thiện, thường hành bố thí, thì đời sau được giàu sang, phú quý. Bố thí là nhân duyên gần (cận nhân duyên). Ví như người tu ly cõi Dục, quán thân bất tịnh, tinh tấn tu thiền định là nhân duyên xa.

Có thuyết nói hết thảy phàm phu đem “ngã tâm” hòa hợp với các hành động, nên khởi các nghiệp.

Lại có thuyết nói chẳng có thể ly “ngã tâm” mà khởi thức thứ sáu được. Đây có nghĩa là do trú trong “ngã tâm” mới

khởi thức thứ sáu mới phân biệt được thiện ác, mà “ngã tâm” là gốc phiền não vậy.

**Hỏi:** *Phiền não do tâm cấu sanh; còn các việc làm thiện phải do tâm tịnh mới sanh được. Như vậy, cấu và tịnh làm sao có thể hòa hợp được? Trú trong “ngã tâm” làm sao có thể khởi những nghiệp thiện được?*

**Đáp:** Chẳng phải như vậy. Hết thấy các tâm đều cùng với huệ cấu sanh; dù trong tâm vô minh cũng vẫn có huệ. Tuy huệ cùng với vô minh trái nhau, nhưng ở nơi một tâm có khởi cả tịnh, cả cấu.

**Hỏi:** *Phàm phu chưa vào được đạo, thì làm sao ly được “ngã tâm” để hành thiện?*

**Đáp:** Khi tâm sân si phiền não dấy lên, thì chẳng có được tâm thiện. Thế nhưng, khi “ngã tâm” vô ký, nhu nhuyễn, thì chẳng có phiền não, nên có thể sanh các nghiệp thiện, và các nghiệp bất động. Như vậy là chẳng có lỗi lầm.

Do nghiệp biến hóa, nên sanh hết thấy các quả báo. Các nghiệp quả báo dẫn sanh vào 6 đường sanh tử, trong đó có 3 đường ác và 3 đường thiện.

Nghiệp ác có thượng, trung và hạ. Thượng ác thì đọa vào địa ngục; trung ác thì đọa làm súc sanh; hạ ác thì đọa làm ngạ quỷ.

Nghiệp thiện cũng có thượng, trung và hạ. Thượng thiện thì sanh làm trời; trung thiện thì sanh làm người; hạ thiện thì sanh là a tu la.

**Hỏi:** *Nếu chúng sanh theo nghiệp dẫn sanh thì vì sao nói là biến hóa?*

**Đáp:** Phạm phu chẳng biết các pháp biến hóa. Còn các bậc Thánh biết rõ các pháp đều là tướng rỗng ráo không, nên quán chúng sanh cùng hết thấy đều là như hóa; trước không, nay có; nay có rồi lại trở thành không. Như vậy gọi là như hóa.

Nghiệp biến hóa cũng là như vậy. Do đời trước tạo nghiệp mà đời nay phải thọ thân, rồi sanh tâm vui buồn, sợ hãi, v.v... như vậy là biến hóa mà chúng sanh chẳng biết nên chấp thân này là thật có.

Người trí quán tất cả các sự việc vui buồn, sợ hãi... đều do nơi mình sanh, đều chỉ là hý luận, nên xem các nghiệp quả báo đều là như hóa.

**Hỏi:** *Biến hóa là do nghiệp làm ra. Như vậy vì sao chẳng nói nghiệp mà lại nói biến hóa?*

**Đáp:** Nên phân biệt có hai loại nghiệp là nghiệp tịnh và nghiệp cấu.

Có thuyết nói nghiệp tịnh là do đoạn phiền não mà có; ví như Thanh Văn biến hóa, Bích Chi Phật biến hóa, Bồ tát biến hóa,... dẫn đến Phật biến hóa. Còn nghiệp cấu là do phiền não mà có; ví như chúng sanh biến hóa trong 6 đường sanh tử.

Lại có thuyết nói có 2 loại nghiệp là nghiệp thánh và nghiệp phàm. Nghiệp thánh là nghiệp đưa đến các quả vị Thánh, từ quả vị Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả vị Phật. Còn nghiệp phàm là do phiền não biến hóa, đưa chúng sanh vào trong 6 đường sanh tử. Đây cũng nói về các nghiệp biến hóa, tịnh và cấu, nhưng khai triển rộng thêm ra vậy thôi.

Bởi vậy nên Phật dạy: Hết thấy các pháp đều là không, là như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Các bậc Thánh đã đoạn dứt phiền não và tập khí rồi mà cũng là như hóa chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng các pháp hữu vi là hư vọng, nên nói là như hóa. Nhưng các pháp vô vi là các pháp chân thật, chẳng có được tạo tác; chẳng thể nói là như hóa được. Do suy nghĩ như vậy mà ngài hỏi như trên.

Phật dạy: Các pháp có sanh, có diệt đều là như hóa. Vì sao? Vì các pháp ấy trước là không, nay là có; nay có rồi trở lại thành không, nên là như hóa, chỉ có làm cho tâm người lầm chấp mà thôi.

Ý Phật muốn nói rằng hết thấy pháp đều do nhân duyên sanh, chẳng có tự tánh, nên là rốt ráo không, là như hóa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề câu thật tướng pháp, muốn được hiểu rõ hơn, nên lại hỏi Phật: Có pháp gì chẳng phải như hóa chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng ắt phải có 1 pháp quyết định chẳng phải như hóa, thì mới có thể nương theo đó mà tinh tấn tu hành vậy.

Phật dạy: Phật chẳng sanh, chẳng diệt là pháp chẳng như hóa. Chỉ có Niết Bàn là pháp chẳng có tướng hư vọng, là pháp chẳng có biến hóa. Phật này chẳng có sanh (vô sanh), nên là chẳng có diệt (vô diệt). Do pháp này chẳng diệt, nên chẳng làm cho người tu sanh ưu bi, buồn khổ. Như vậy là Phật phân biệt nói hết thấy các pháp đều là rốt ráo không, là như hóa; duy chỉ có Niết Bàn là chẳng phải như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Như lời Phật dạy thì pháp bình đẳng chẳng phải do Thanh Văn làm ra, chẳng phải do Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải do Bồ tát làm ra... dẫn đến chẳng phải do Phật làm ra; dù có Phật hay chẳng có Phật thì tánh của pháp vẫn thường trú, thường không, mà tánh không tức là tánh Niết Bàn.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói: “Nếu thâm nhập vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì Niết Bàn cũng là không. Như vậy vì sao nay Phật lại dạy Niết Bàn là như hóa?”

Suy nghĩ như vậy, nên ngài dẫn lời Phật để hỏi lại: Thật tướng các pháp là tánh không, là pháp thường trú, mà chư Phật chỉ vì chúng sanh diễn nói tánh không tức là Niết Bàn. Nay vì sao ở nơi các pháp sanh diệt mà nói tướng không tức là tướng Niết Bàn, và nói Niết Bàn là chẳng như hóa?

Phật dạy: Các pháp bình đẳng là thường trú, chẳng phải do chư Thánh làm ra... dẫn đến chẳng phải do chư Phật làm ra. Nếu có các Bồ tát tân học nghe như vậy mà sanh sợ hãi, thì phải nên vì họ nói các pháp sanh diệt là như hóa, các pháp chẳng sanh diệt là chẳng như hóa.

Đây chỉ vì hàng tân học Bồ tát mà Phật nói Niết Bàn là chẳng phải như hóa.

**Hỏi:** *Như vậy là vì từng đối tượng người nghe mà chuyển các pháp tướng chăng?*

**Đáp:** Phật thường nói: “Các pháp tướng là tánh không, mà tánh không thì chẳng làm sao có thể chuyển được”.

Lúc ban đầu, khi vừa mới thành đạo, chúng được thật tướng các pháp, Phật chỉ muốn hướng về Niết Bàn tịch diệt. Lúc bấy giờ, chư Thiên ở các cõi Phật khắp mười phương đồng thỉnh Phật chớ nên vào Niết Bàn, và nên vì hết thảy chúng sanh trụ lại ở đời này, nhằm độ thoát hết thảy chúng sanh thoát khỏi các khổ.

Trong suốt thời gian thuyết pháp, độ sanh, Phật đã tùy thuận theo từng đối tượng chúng sanh mà phương tiện nói pháp.

Phật dạy chúng sanh tu tập, hướng về Niết Bàn tịch tịnh.

Thế nhưng có nhiều vị Bồ tát sơ phát ý, khi quán hết thấy các pháp đều là hư vọng, chỉ riêng có Niết Bàn là chẳng biến đổi, nên họ liền khởi tâm chấp Niết Bàn. Do nơi tâm chấp đó mà khởi sanh các phiền não, chẳng còn muốn có độ sanh nữa. Đối với những Bồ tát sơ phát ý này, Phật nói: “Niết Bàn là như hóa”.

Như vậy, đối với hạng người chẳng có chấp tâm thì Phật dạy cho họ rằng: “Niết Bàn chẳng phải như hóa”. Còn đối với hạng người chấp tâm thì Phật lại dạy họ rằng: “Niết Bàn là như hóa”.

Lại nữa, Tiểu thừa và Đại thừa có quan niệm khác nhau về Niết Bàn. Tiểu thừa luận nghị cho Niết Bàn là thật có. Đại thừa thâm nhập trí huệ Bát nhã, quán hết thấy pháp đều như Niết Bàn.

Phật vì cả 2 bên mà nói, nên chẳng có lỗi.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Làm sao giáo hóa hàng Bồ tát tân phát ý, để khiến họ biết được các pháp bình đẳng là tánh không?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng: “Phàm phu rất sợ hãi khi nghe nói các pháp là tánh không. Khi họ nghe nói tánh không, tánh vô sở hữu của các pháp, họ tự xem mình như rơi xuống hầm sâu thăm thẳm”.

Vì sao? Vì người chưa được đạo, do tâm chấp sâu dày nên vừa nghe nói đến pháp không, thì liền sanh tâm sợ hãi, nghĩ rằng: “Phật dạy người đời phải nên hành các thiện pháp. Nhưng nếu rốt ráo sau cùng, ai cũng trở về trong không, trong vô sở hữu thì hành đạo đâu có sự lợi ích gì?”

Phật dạy: Đối với hạng người này, nên nói: “Các pháp trước có, nay không”.

Ý Phật muốn nói rằng: “Vì các Bồ tát tâm phát ý này sợ hãi về sau cùng sẽ không, nên phải vì họ nói các pháp trước có, nay không”.

Nói như vậy có nghĩa là ở ngay hiện tại, nếu biết được thật tướng các pháp thì liền thấy các pháp là không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề đã biết rõ các pháp từ trước vốn là không, nay cũng là không. Chỉ vì các Bồ tát tâm phát ý, do bị phiền não che tâm mà sanh sợ hãi. Nếu trừ được tâm chấp điên đảo của họ, khiến họ thấy được chỗ rốt ráo không, biết được thật tướng của phiền não cũng là rốt ráo không thì chẳng còn sợ hãi nữa.

Bởi vậy, phải nên dạy các Bồ tát tâm phát ý rằng, “Các pháp trước có, do hành đạo mà nay mới được không, chớ nên sợ hãi”. Vì sao? Vì các pháp từ ban đầu vốn đã là không rồi, nên chẳng có gì mà phải sợ hãi. Chỉ cần trừ tâm chấp là thấy rõ như vậy.

## Phẩm Thứ Tám Mười Tám



### Tát Đà Ba Luân

**KINH:**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật, phải nên như Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Vị đại Bồ tát này hiện đang hành đạo ở cõi nước của đức Phật Đại Lô Âm.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầu Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầu Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tiếc thân mạng, chẳng màng danh lợi.

Trong rừng vắng vẻ, Bồ tát bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Này thiện nam tử! Ông hãy đi về phương Đông, chớ nghĩ mệt nhọc, chớ niệm ngủ nghỉ, chớ niệm ăn uống, chớ niệm ngày đêm, chớ niệm nóng lạnh, chớ niệm ngoại cảnh. Này thiện nam tử! Khi đi, ông chớ nhìn 2 bên, chớ hoại thân tướng, chớ hoại sắc tướng... dẫn đến thức tướng. Vì sao? Vì nếu hoại các tướng thì ở trong Phật pháp sẽ gặp trở ngại. Nếu gặp trở ngại thì sẽ phải qua lại trong 5 đường sanh tử, cũng sẽ chẳng được Bát nhã Ba-la-mật.

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp:** Tôi sẽ y theo lời dạy bảo. Vì sao? Vì tôi muốn hết thảy chúng sanh làm ngọn đèn sáng chói; tôi muốn tu tập tất cả Phật pháp của chư Phật; tôi muốn được Vô Thượng Bồ Đề.



Lại nghe giữa hư không có tiếng nói: Lành thay, lành thay!

Này thiện nam tử! Ông phải sanh lòng tin nơi các pháp không, vô tướng và vô tác; ông phải dùng tâm ly tướng mà cầu Bát nhã Ba-la-mật, ly tướng ngã... dẫn đến ly tướng tri giả, tướng kiến giả, ông phải thường xa lánh các ác tri thức, thường gần gũi các thiện tri thức. Như thế nào gọi là thiện tri thức?

Người thường nói về các pháp Không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt... dẫn đến nói về Nhất thiết chủng trí, khiến người nghe được tâm an lạc, hoan hỷ tin theo; đó là bậc thiện tri thức của ông. Này thiện nam tử! Nếu ông hành theo như vậy thì chẳng bao lâu nữa ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được nghe từ trong kinh quyển, hoặc được nghe từ miệng một vị đại Bồ tát nói ra. Này thiện nam tử! Khi nghe được Bát nhã Ba-la-mật, ông phải xem như được nghe Phật. Này thiện nam tử! Ông phải biết ơn, phải nghĩ rằng nhờ các thiện tri thức mà ông mới nghe Bát nhã Ba-la-mật, sẽ mau được bắt thoắt chuyển ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được thân cận chư Phật, sẽ thường được sanh ở các cõi Phật, sẽ xa lìa được các ách nạn, sẽ được sanh vào các nơi chẳng có các ách nạn. Này thiện nam tử! Ông phải tư duy, trừ lượng về các công đức ấy, để từ chỗ nghe pháp mà sanh tâm tưởng đó như là Phật. Ông chớ nên mong tâm theo lợi dưỡng thế gian mà phải theo bên vị pháp sư. Chỉ vì ái pháp, vì cung kính pháp mà ông phải theo bên Bồ tát pháp sư. Lúc bấy giờ, ông phải đề cao cảnh giác về các ma sư. Nếu thấy có ác ma đem 5 dục dăng hiến cho Bồ tát pháp sư, khiến ngài phải thọ, rồi sau mới thuyết pháp, thì ông nên biết ngài đã thâm nhập chân thật pháp, đã có đầy đủ lực công

đức, nên thọ 5 dục mà chẳng hề bị nhiễm dục. Lại nữa, có 3 sự việc mà Bồ tát pháp sư phải thị hiện thọ 5 dục. Đó là vì ngài muốn làm lực phương tiện; muốn dạy chúng sanh gieo trồng thiện căn; muốn cùng với chúng sanh đồng sự. Đối với ngài, ông chớ nên sanh tâm tà vạy phải một lòng tin kính; phải tự niệm rằng mình chưa có được phương tiện trí như ngài, rằng ngài vì muốn độ chúng sanh mà thọ 5 dục khiến họ được phước đức, rằng tuy ngài thọ 5 dục mà ở nơi trí huệ vẫn chẳng bị chướng ngại, chẳng bị dục nhiễm.

Này thiện nam tử! Ông phải quán hết thấy các pháp ở nơi thật tướng đều chẳng cấu, chẳng tịnh. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là tự tánh không, nên chẳng có chúng sanh, chẳng có nhân, chẳng có ngã,...; hết thấy các pháp đều là như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Này thiện nam tử! Quán thật tướng các pháp rồi, ông lại phải tùy theo pháp sư. Được như vậy, thì chẳng bao lâu nữa ông sẽ thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, Này thiện nam tử! Ông vẫn thường phải giác biết các ma sự. Nếu trong lúc ông chỉ muốn nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà Bồ tát pháp sư lại thuyết những pháp khác chẳng hợp với ý nguyện của ông, thì ông cũng chẳng nên sanh tâm oán hận; ông phải một lòng tôn kính pháp sư; ông chẳng nên sanh tâm nhàm chán, giải đãi, mà phải thường tùy theo pháp sư.

### **LUẬN:**

Ở phẩm trước, ngài Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao có thể dạy cho các Bồ tát sơ phát ý biết được tánh không?

Vì tánh của các pháp là rốt ráo không, là vô sở hữu, rất khó giải, rất khó được, nên Phật dạy: Phải vì họ nói các pháp trước có, nay không.

Ý Phật muốn nói rằng: “Tánh không chẳng phải khó biết, khó được. Vì sao? Vì các pháp bản lai vẫn thường không, chẳng có mới cũ.

Pháp tánh không tuy rất thâm thâm, nhưng nếu Bồ tát nhất tâm tinh tấn, chẳng tiếc thân mạng mà cầu được pháp ấy, thì quyết định sẽ được”.

Bởi vậy, nên Phật thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân để dẫn chúng.

-o0o-

Trong Phật pháp có 12 bộ kinh. Tùy theo căn trí, có người tu theo bộ kinh này mà được độ, có người tu theo bộ kinh khác mà được độ; ví như có người tu theo bộ kinh Bốn Sanh mà được độ, có người tu theo bộ kinh Bốn Sự mà được độ.

Nay Phật dùng bộ kinh Bốn Sanh để dẫn chúng, khiến có người nghe được liền đầy niệm nghĩ rằng, “Nếu có người trước đã tu được thì nay tôi cũng phải tu được như vậy.”

Bởi vậy nên Phật, y cứ vào kinh *Bốn Sanh*, thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân này. Phật dạy: Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật, phải nên như Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng, là rốt ráo không. Người hành thiền định còn khó vào được, huống nữa là người đầy phiền não, ưu sầu thì làm sao có thể vào được?*

**Đáp:** Phật thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân nhằm nêu gương sáng để hàng Bồ tát tâm phát ý noi theo.

**Hỏi:** *Nếu nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân là tâm phát ý, thì vì sao vị Bồ tát này có thể hiện ra trước 10 phương chư Phật?*

*Vì sao? Vì có thể hành Bồ tát đạo mà chẳng tiếc thân mạng? Vì sao khi vừa thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt là liền được vô lượng tam muội? Nếu có công đức như vậy thì vì sao lại gọi là Bồ tát sơ phát ý?*

**Đáp:** Có hai hạng Bồ tát tâm phát ý. Đó là:

- Hạng Bồ tát tâm phát ý, tuy đã phát ý như nguyện mà ở thâm tâm vẫn còn tham chấp các dục lạc thế gian.

- Hạng Bồ tát tâm phát ý đã phát ý như nguyện và ở thâm tâm chẳng còn chấp đắm thế gian nữa.

Phật dạy; “Thâm tâm phát ý như vậy mới gọi là phát tâm”.

Phát ý thì mới là pháp nhỏ, nếu ở trong thâm tâm vẫn còn chấp đắm thế gian.

Phật dạy, “Các Tỷ-kheo trong pháp của ta chẳng cần đến Noãn pháp. Vì sao? Vì tuy Noãn pháp là pháp lớn của hàng Thanh Văn mà Phật chỉ xem là pháp nhỏ vậy. Ví như vị vua thấy các gấm vóc chẳng cho là quý, trong khi đó người dân thường nếu được một tấm gấm sẽ rất sung sướng, cho đó là vật rất quý giá

Phật chỉ muốn nêu lên chỗ nhất tâm, chẳng tiếc thân mạng của người cầu Bát nhã Ba-la-mật, nên mới thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân, để làm chứng.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân thường hành khổ hạnh, theo Bồ tát pháp sư Đàm Vô Kiệt, được vô lượng tam muội rồi. Vì sao nói vị Bồ tát này hiện nay còn đang hành đạo ở cõi nước của Phật Đại Lô Ím?*

**Đáp:** Phật pháp là vô lượng vô biên. Người tinh tấn tu khổ hạnh, trải qua nhiều đời còn chưa được hưởng nữa là Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ mới tu khổ hạnh trong một đời.

Lại nữa, có nhiều Bồ tát đã đầy đủ 10 Phật lực, nhưng vì chúng sanh vẫn còn trú ở thế gian, chưa làm Phật. Như Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nay vẫn còn là Bồ tát, chưa làm Phật.

Lại nữa, có Bồ tát vào tam muội, thấy các quốc độ ở khắp 10 phương nhiều như số vi trần. So với các đại Bồ tát này thì Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ mới được 6 vạn tam muội, chưa phải là nhiều vậy.

Ví như vị đại Long vương, khi muốn làm mưa, phát đại lôi âm (tiếng sấm sét lớn), khiến các loài chim, các loài thú, các côn trùng đều sợ hãi. Cũng như vậy, đức Phật Đại Lôi Âm khi vừa mới thành đạo, liền chuyên pháp luân, khiến chúng sanh khắp 10 phương đều phát tâm. Hàng ngoại đạo, tà kiến thấy như vậy đều sợ hãi, khiếp phục. Bởi vậy, nên hàng Thiên chúng đều gọi đức Phật ấy là Phật Đại Lôi Âm. Hiện nay, Phật Đại Lôi Âm vẫn còn.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầu Bát nhã Ba-la-mật như thế nào mà được công đức lớn như vậy?*

**Đáp:** Có Bồ tát, tuy chưa được thật trí huệ mà vẫn thường thâm niệm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tiếc thân mạng, nên có công đức lớn. Do công đức lớn như vậy nên cũng được gọi là đại Bồ tát.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, từ tấm bé, đã là một người đa sầu, đa cảm. Khi thấy có chúng sanh bần cùng, đau khổ, cũng như khi gặp trở ngại trong lúc hành đạo, ngài thường khóc lóc.

Có thuyết nói, “Dù Bồ tát sống ở nơi hoang vắng, xa lìa dân chúng mà vẫn thường tư duy trừu lượng, nhất tâm cầu

Phật đạo. Bồ tát sanh vào thời chẳng thấy được Phật nhưng vẫn thường phát tâm đại bi, tinh tấn chẳng bao giờ thôi nghỉ”.

Lại có thuyết nói “Vào các đời trước, Bồ tát đã gieo trồng các nhân duyên phước đức, nên đời nay mới nhất tâm tinh tấn”.

Bởi hai nhân duyên ấy nên đời nay mới nghe được lời dạy bảo vang lên giữa hư không. Thế nhưng vừa mới nghe, chưa kịp hỏi lại cho cặn kẽ, rõ ràng thì tiếng nói giữa hư không bỗng im bặt, khiến Bồ tát rất buồn khổ, khóc lóc suốt cả 7 ngày đêm.

**Hỏi:** *Tiếng nói vang lên giữa hư không là của ai?*

**Đáp:** Có thuyết nói vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng tham đắm thế gian, chỉ nhất tâm cầu Phật đạo nên chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Thiên long đẽm lòng thương xót mà khuyên như vậy.

Có thuyết nói vào thời chẳng có Phật, chư Phật vẫn thường khai thị cho chúng sanh, khiến họ được Bát nhã Bà-la-mật, nên thường có tiếng nói vang lên giữa hư không để khuyên chúng sanh như vậy.

Lại có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân ở đời trước đã gieo trồng nhiều thiện căn, nên ở trong rừng vắng, quý thân thấy Bồ tát vì cầu đạo mà phải sầu khổ như vậy, bèn đẽm lòng thương, phát ra tiếng nói giữa hư không.

-o0o-

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Ở thành Vương Xá có một vị Bà-la-môn, vì ăn quá nhiều chẳng tiêu mà chết. Sau khi chết, vị Bà-la-môn ấy trở thành một trong những vị thần giữ thành.

Có một hôm ông Tu Đạt Đa(\*) đến nhà một vị trưởng giả trong thành, thấy vị ấy đang bày la liệt các thức ăn uống, bèn hỏi rằng: Ông sắp tổ chức đám gả cho con gái, hay sắp thỉnh một vị Quốc vương về dự tiệc mà xem về ông quá bận rộn như vậy?

Ông trưởng giả đáp: Tôi sắp thỉnh Phật cùng chúng Tăng về đây.

Ông Tu Đạt Đa vừa nghe nói đến Phật liền sanh tâm hoan hỷ.

Ông trưởng giả do đời trước đã được thân cận và cúng dường Phật, nên nói về các công đức của Phật cho ông Tu Đạt Đa nghe.

Nghe xong, ông Tu Đạt Đa nôn nóng muốn được thấy Phật. Do tâm chí thành như vậy, nên giữa đêm tối ông bèn mở cửa đi tìm Phật.

Lúc bấy giờ Phật đang ở tại rừng Hàng Lâm. Ông Tu Đạt Đa nương theo ánh trăng lần bước theo hướng rừng ấy. Nhưng chỉ vừa đi được nửa chặng đường thì trăng lặn. Vạn vật chìm trong bóng tối, khiến ông Tu Đạt Đa thối tâm, muốn trở về thành.

Lúc bấy giờ vị thần giữ thành liền phóng quang minh chiếu sáng khắp vùng và nói với ông Tu Đạt Đa rằng: Này cư sĩ! Ông chớ nên sanh tâm sợ hãi, chớ nên thối tâm, ông nên tiếp tục đi tìm Phật, sẽ được lợi ích lớn.

Ông Tu Đạt Đa nghe lời khuyên của vị thần, tiếp tục đi, và chỉ một thời gian ngắn sau đó, ông gặp được Phật.

Trong kinh cũng có chép bài kệ tán thán ông Tu Đạt Đa rằng:

---

\*. Ông Tu Đạt Đa là trưởng giả Cấp Cô Độc, vị đại thí chủ dưới thời Phật.

*Tu Đạt Đa mới vừa thấy Phật,  
Liên đắc sơ quả Tu-đà-hoàn.  
Ông thỉnh Phật, Tăng về nước Vệ,  
Xin trọn đời lo việc cúng dường.*

Vì ông Tu Đạt Đa, Phật bảo ngài Xá Lợi Phất về thành Xá Vệ lập tịnh xá.

Do thấy ông Tu Đạt Đa mong muốn được gặp Phật, mà vị thân giữ thành Vương Xá đã hiện làm bậc thiện tri thức, chiếu quang minh khai đạo cho ông.

Cũng như vậy, do thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân sầu khổ vì đạo mà chur vị thiện tri thức động lòng thương, khai đạo cho Bồ tát vậy.

**Hỏi:** *Đói khát, nóng lạnh... bức bách thân, chẳng để cho được an ổn. Vì sao chẳng nghĩ đến, mà chỉ nhất tâm ái lạc Phật đạo, chẳng hề tiếc thân mạng?*

**Đáp:** Đồ ăn, thức uống, áo quần... chỉ là pháp trợ thân. Bồ tát dù phải chịu đói khát, nóng lạnh cũng chẳng bị loạn tâm.

Bồ tát biết rõ thân là vô thường, là chẳng thật có, là phùng oán tặc, chẳng nên vì cơm áo mà phải xả Phật đạo.

Bồ tát tinh tấn tu hành cả ngày lẫn đêm, biết rõ nội pháp là thân và ngoại pháp là 5 dục đều chẳng nên chấp, lại cũng chẳng đưa mắt nhìn ngó qua lại hai bên, biết rõ việc làm như vậy khiến tâm bị tán loạn, chướng ngại cho việc hành đạo.

Bồ tát cũng biết rõ các ác ma thường nhiễu loạn người tu. Khi gặp các ác ma hiện các thân trước mặt mình, Bồ tát chẳng hề chấp, nên trừ được các thô niệm.

Bồ tát cũng chẳng hoại thân tướng. Vì sao? Vì Bồ tát



biết rõ thân do 5 âm hòa hợp mà giả danh có. Nếu chấp thân quyết định có thì đó là hoại thân tướng. Nhưng nếu chấp chẳng có thân thì đó cũng là hoại thân tướng. Bởi vậy, nên Bồ tát ly cả hai chấp “có” và “không”, hành trung đạo. Hành trung đạo như vậy mới mau được Vô Thượng Bồ Đề. Phật dạy, “Hoại thân tướng là chướng ngại Phật pháp. Người hoại thân tướng phải qua lại trong 5 đường sanh tử, chẳng có thể được Bát nhã Ba-la-mật”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân hướng lên không trung nguyện rằng: “Viết hết thầy chúng sanh đang bị trầm luân trong vô minh hắc ám, tôi muốn đốt ngọn đèn trí huệ soi sáng cho họ. Vì hết thầy chúng sanh đang bị phiền não làm nhiều loạn, tôi muốn họ đều được pháp lạc. Vì thế hết thầy chúng sanh đang bị đọa về tà kiến, tôi muốn vì họ cầu được Vô Thượng Bồ Đề”.

Do 3 lời nguyện đó mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân sẽ được Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ nghe tiếng nói vang giữa hư không, chẳng có thấy người. Như vậy vì sao Bồ tát lại đáp: “Tôi sẽ xin y theo lời chỉ giáo”?*

**Đáp:** Người cầu đạo nghe lời hay, lẽ thật giữa hư không, có thể biết đó là lời thành thật của thiện tri thức, chẳng cần phải thấy tận mắt vậy. Ví như trong đêm tối, nghe tiếng nói của các loài vật vọng lại, cũng có thể phân biệt chủng loại của các loài vật đó là xấu hay tốt, dữ hay lành, v.v...

Bồ tát nghe giữa hư không tán thán, “Lành thay, lành thay!”

Vì sao có lời tán thán như vậy?

Vì dù chẳng thấy hình dáng vị thiện tri thức đã khuyên dạy mình, mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân vẫn một lòng tín thọ

thiện ngữ. Bồ tát muốn độ hết thầy chúng sanh nên tinh tấn cầu Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng hề giải đãi.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở giữa hư không có những lời tán thán, “Lành thay, lành thay”, như đã nêu trên đây.

Tiếng nói giữa hư không dạy rằng: “Ông phải có lòng tin nơi các pháp không, vô tướng và vô tác, vì đây là cửa dẫn vào nơi thật tướng pháp. Ông phải sanh tín căn, tín lực vững mạnh; có được tín căn, tín lực rồi, ông sẽ có được đầy đủ các căn, các lực khác. Ông phải ly tướng mà cầu Bát nhã Ba-la-mật. Ông phải quán hết thầy pháp tướng là rốt ráo không; quán tướng chúng sanh... dẫn đến quán tướng Phật là rốt ráo không”.

**Hỏi:** *3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao trong hội Bát nhã Ba-la-mật lại nói riêng về 3 giải thoát môn? Nếu 3 giải thoát môn chẳng nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật thì vì sao các kinh đều nói 3 giải thoát môn nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Hết thầy các pháp đều nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật. Chúng sanh sợ khổ, muốn cầu được giải thoát nên từ trong Bát nhã Ba-la-mật cần phải tách riêng 3 giải thoát môn để vì họ nói trước.

Ly 2 bên (nhị biên), có nghĩa là ly tướng chúng sanh, ly tướng các pháp là nhân duyên dẫn vào 3 giải thoát môn... dẫn đến được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Vì sao sau khi dạy tu tinh tấn, tu 3 giải thoát môn, tu Bát nhã Ba-la-mật, nay lại phải thân cận thiện tri thức?*

**Đáp:** Dù có pháp quý mà chẳng có người hướng dẫn tu hành thì rất dễ bị lầm lạc. Ví như có sẵn một tù thuốc tốt

mà chẳng có vị thầy thuốc hay chẩn bệnh, cho toa, thì cũng chẳng sao dùng các thuốc tốt đó để chữa cho lành bệnh được.

Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân là Bồ tát tân phát ý, còn Bát nhã Ba-la-mật là pháp bảo quá thậm thâm, chẳng có thể chỉ nghe giữa hư không lược dạy mà có thể vào được. Bởi vậy nên phải tìm thiện tri thức để học hỏi thêm.

-o0o-

Người thường dạy về các pháp Không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt... tức Bát nhã Ba-la-mật, thường dạy phải nhất tâm hướng về Nhất thiết chủng trí là bậc thiện tri thức.

Nếu gặp được thiện tri thức thì chẳng bao lâu sẽ gặp được toa thuốc tốt, sẽ mau lành bệnh.

Tiếng nói giữa hư không dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Nếu ông đúng như pháp mà hành thì chẳng bao lâu nữa ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật, hoặc từ trong kinh quyền, hoặc từ miệng một vị đại Bồ tát nói ra. Ông hãy tìm đến Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà học đạo. Ở nơi đó có Bát nhã Ba-la-mật, trong bảo đài có kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, lại có Bồ tát Đàm Vô Kiệt thường thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Người chưa đầy đủ phước đức sẽ được học Bát nhã Ba-la-mật qua kinh quyền; người đã có nhiều phước đức sẽ được Bồ tát Đàm Vô Kiệt trực tiếp truyền dạy. Dù ở nơi kinh, dù ở nơi thầy, người nghe vẫn sanh được Phật tướng, vẫn đến được Phật đạo”.

-o0o-

Ví như người dùng đò để qua sông; khi đã qua bờ bên kia rồi, thường chẳng còn nghĩ đến chiếc đò đã giúp mình đến nơi an toàn. Cũng như vậy, người thế gian khi đã được học

pháp nơi thầy rồi, thường quên ơn thầy. Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Ông phải biết ơn, phải nghĩ rằng nhờ có thầy mà ông mới được nghe Bát nhã Ba-la-mật. Do được nghe Bát nhã Ba-la-mật mà ông sẽ mau được bắt thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được thân cận chư Phật, sẽ thường được sanh ở các cõi Phật, sẽ sanh ở các chốn chẳng có các ách nạn. Ông phải nghĩ rằng được các công đức lớn như vậy là nhờ nơi Bát nhã Ba-la-mật; được Bát nhã Ba-la-mật là nhờ có thầy truyền pháp. Bởi vậy nên ông phải xem Bát nhã Ba-la-mật, phải xem pháp sư như là Phật vậy”.

-o0o-

Lại có trường hợp người đệ tử lúc ban đầu chỉ vì Bát nhã Ba-la-mật mà theo sát bên vị pháp sư để cầu học; nhưng lâu sau cũng có nhiều tín thí cúng dường nên lại sanh tâm chấp đắm lợi dưỡng. Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Ông chớ nên mong tâm theo các lợi dưỡng thế gian mà phải nên theo sát bên vị pháp sư”.

**Hỏi:** *Vì sao đang nói về vấn đề “thân cận thiện tri thức”, lại nói qua các nhân duyên khác?*

**Đáp:** Có người đã được thiện tri thức dạy dỗ, mà chẳng có vừa lòng nên trở lại oán thầy, khiến phải bị đọa địa ngục.

Có người lại tìm cách vạch các lỗi lầm của thầy... dẫn đến hủy báng thầy, nói xấu thầy.

Dù nghĩ đúng, hay nghĩ sai thì người đệ tử cũng tự hoại tâm mình chẳng sao có được pháp lợi.

Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà

Ba Luân rằng, “Nếu thấy pháp sư có lầm lỗi, ông chẳng nên sanh tâm sân hận. Ông nên tự niệm rằng vì đời trước chẳng có đầy đủ phước đức, nên chẳng được gặp Phật; nay gặp thầy có phạm lỗi lầm cũng chẳng nên chấp, mà bỏ mất Bát nhã Ba-la-mật”

Vì sao? Vì mặc dù thầy có lỗi, người đệ tử cũng vẫn phải theo thầy, để thọ pháp. Ví như có cái dây bèo ngoài xấu xí mà bên trong có chứa đựng vàng; nếu chê cái dây xấu xí mà chẳng cầm lấy thì sẽ chẳng có được số vàng ở bên trong. Lại ví như đi trong đêm tối phải theo ánh đuốc của người dẫn đường; nếu biết người dẫn đường là kẻ xấu mà từ chối chẳng đi theo ánh đuốc, thì chẳng sao đi đến nơi chốn được.

-o0o-

Lại nữa, người đệ tử theo thầy học đạo phải giác biết về các ma sự. Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Nếu thấy có ác ma đem 5 dục dâng hiến pháp sư, khiến ngài phải thọ dụng, rồi mới thuyết pháp thì ông nên biết rằng pháp sư đã có đầy đủ công đức nên thọ 5 dục mà chẳng bị nhiễm dục.

Lại nữa, có trường hợp pháp sư thị hiện thọ 5 dục để dùng làm phương tiện, để dạy chúng sanh gieo trồng thiện căn, để cùng với chúng sanh đồng sự nhằm giáo hóa họ”.

Vì sao? Vì các đại Bồ tát đã thông đạt thật tướng pháp, nên chẳng có bị chướng ngại, chẳng có bị tội lỗi; tuy hiện thấy có tội mà tự tâm chẳng bị chướng ngại. Ví như người còn trai tráng, dồi dào sức lực, tuy có ăn nhiều thức ăn mà vẫn chẳng sanh bệnh. Lại ví như người đã có thuốc trị độc tốt, thì khi ăn phải chất độc, liền tự giải được độc, chẳng bị hại vậy.

Như vậy sơ lược về các nhân duyên cho thấy rằng người đệ tử theo thầy học đạo, chớ nên sanh tâm hiềm giận thầy. Làm như vậy chỉ có hại cho mình, tự mình xa rời Bát nhã Ba-la-mật, tự mình xa rời Nhất thiết chủng trí vậy.

-o0o-

Như trong kinh dạy rằng: “Người trì giới thanh tịnh, thuyết pháp thanh tịnh, thường ly 5 dục, có oai đức lớn, được nhiều người tôn kính, cúng dường. Đệ tử thọ pháp với thầy chớ nên quan tâm đến tiền tài, bổng lộc của thầy, chớ bao giờ sanh tâm sân hận đối với thầy. Đệ tử phải tự nghĩ rằng do đời trước mình có tội lỗi nhiều, nên đời nay mới sanh làm người thấp hèn. Chẳng phải thầy khinh mình, mà vì mình chẳng có được phước đức, nên chẳng được gần gũi thầy. Lại nữa ở nơi thầy, mình phải phá kiêu mạn, nhẫn nhục để cầu pháp”.

Vì sao? Vì người cầu Bát nhã Ba-la-mật phải nhất tâm cung kính vị pháp sư của mình, chẳng niệm hơn thua, tốt xấu. Nếu được nhẫn nhục như vậy, thì ở nơi thầy mới được nhất tâm, chẳng tăng, chẳng giảm, mới thọ nhận được đầy đủ diệu pháp do thầy truyền đạt vậy. Ví như cái bình đất dùng để đựng nước phải được nung thật chín, chẳng có chỗ nứt rạn, mới giữ trọn vẹn nước, chẳng để cho nước thoát ra ngoài.

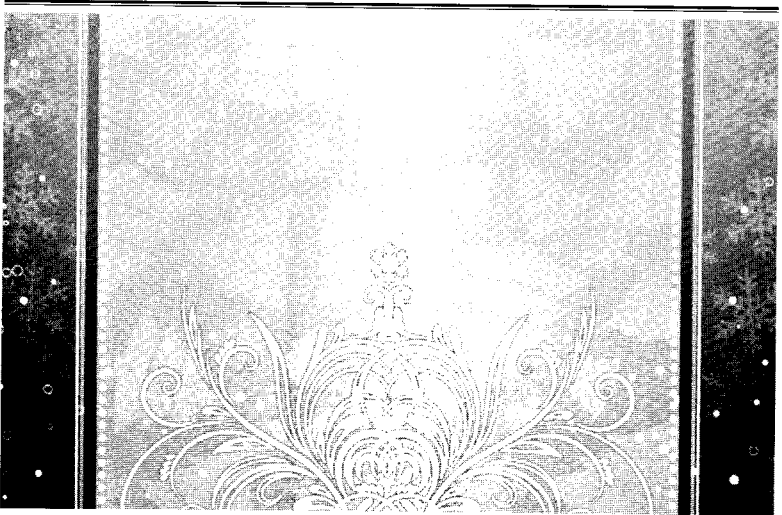
-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời dạy giữa hư không như vậy rồi, nhất tâm đi về phương Đông, tìm thầy, học đạo.

(Hết quyển 96)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 97**







## Phẩm Thứ Tám Mười Tám (TIẾP THEO)



### Tát Đà Ba Luân (tiếp theo)

#### KINH:

Này Tu Bồ Đề! Sau khi đã được nghe lời dạy bảo từ giữa cõi hư không, Bồ tát Tát Đà Ba Luân y theo hướng Đông mà đi. Nhưng đi chưa được bao lâu, ông chợt nghĩ rằng, “Vì sao tôi chẳng hỏi giữa hư không là tôi phải đi đến đâu, sẽ phải đi bao xa nữa, sẽ phải đi theo ai để học Bát nhã Ba-la-mật?”

Nghĩ như vậy xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền dừng lại, khóc lóc, bi thảm, và tự nghĩ rằng, “Tôi phải ở lại nơi đây, từ 1 cho đến 7 ngày đêm, chẳng niệm cực khổ, chẳng niệm đói khát, chẳng niệm nóng lạnh. Nếu tôi chẳng có được nhân duyên nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì tôi nguyện chẳng đứng dậy, rời khỏi nơi đây”.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người chỉ có một đứa con duy nhất bỗng nhiên bị chết. Người ấy rất sầu khổ; ở trong lòng chỉ ôm mối sầu khổ, chẳng sanh một niệm gì khác. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, lúc bấy giờ, chẳng sanh tâm niệm khác, ngoài tâm niệm duy nhất rằng, “Bao giờ tôi mới được nghe Bát nhã Ba-la-mật? Vì sao tôi chẳng hỏi giữa hư không là tôi phải đi đến đâu, sẽ phải đi bao xa nữa, sẽ phải đi theo ai để học Bát nhã Ba-la-mật?”

Này Tu Bồ Đề! Trong khi Bồ tát Tát Đà Ba Luân đang sầu niệm như vậy, thì ở giữa hư không có tiếng Phật bảo

rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Các đức Phật quá khứ cũng cầu Bát nhã Ba-la-mật như ông cầu ngày hôm nay. Ông hãy siêng năng, tinh tấn, một lòng ái pháp, mà tiếp tục đi về phương Đông. Từ nơi đây đi 500 do tuần, sẽ gặp thành Chúng Hương. Thành có 7 lớp bằng 7 báu trang nghiêm; có lâu đài bằng 7 báu trang nghiêm; có 7 lớp hào, có 7 hàng cây báu bao quanh. Thành rộng 12 do tuần đẹp đẽ, an tịnh. Dân chúng trong thành đông đúc và rất sung túc. Thành gồm 500 thị trấn có đường xá đẹp đẽ trang nghiêm, có cầu rộng rãi, sạch sẽ, có mặt đất bằng phẳng; chẳng khác gì một bức tranh vẽ. Trên 7 lớp thành đều có các lâu đài bằng 7 báu, có các hàng cây 7 báu, cành lá toàn bằng vàng, bạc, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, lưu ly, pha lê cùng trân châu màu hồng. Từ các cành cây thòng xuống những dây bằng vàng ròng kết thành những tấm lưới lớn trùm khắp thành. Gió thổi khua động các linh lưới, tạo ra âm thanh hòa nhã, làm vui lòng người nghe. Ví như một giàn nhạc, khi thổi lên các bản hòa tấu, có sức hấp dẫn kỳ diệu, đem lại cho khán thính giả một bầu không khí hòa nhã, vui tươi và an lạc, thanh thoát đối với người nghe vậy. Ở 4 phía thành có các hồ nước; nước chảy đều, thanh tịnh, mát mẻ, nóng lạnh tùy theo ý muốn. Trên mặt hồ có những chiếc thuyền bằng 7 báu, đẹp đẽ. Đây là do các phước nghiệp đời trước của chúng sanh ở nơi đây tạo ra. Ngồi trên các thuyền, chèo qua lại trên hồ thật là vui vẻ, thoải mái. Trong hồ có đủ loại hoa sen xanh, vàng, trắng, đỏ... cùng các loại hoa khác. Bao nhiêu thứ hoa đẹp khắp cõi đại thiên thế giới đều có ở trong hồ. Ở 4 phía thành có 500 khu vườn nhà bằng 7 báu trang nghiêm, rất hấp dẫn. Mỗi khu vườn có 500 hồ nước rộng 10 dặm; thành hồ làm bằng 7 báu rất trang nghiêm, màu sắc rực rỡ. Trong các hồ cũng đều có đủ loại hoa sen

xanh, vàng, trắng, đỏ...; mỗi hoa sen lớn bằng cái bánh xe; hoa màu gì thì phát ra ánh hào quang màu đó. Trong các hồ có đủ loại chim quý, như khổng tước, chim uyên ương... cùng các loại chim khác; tiếng chim hót tạo thành những âm thanh hòa hợp, rất vui tai. Các khu vườn nhà ấy chẳng thuộc về ai cả. Tất cả chúng sanh ở trong thành, do phước duyên đời trước đều đến được. Do đều thâm ái chánh pháp, và thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nên mới được thọ quả báo như vậy.

Này thiện nam tử! Trong thành Chúng Hương ấy có đài cao rộng, trên đài là cung điện của Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Cung điện ấy rộng 1 do tuần, bằng 7 báu trang nghiêm với nhiều màu sắc rực rỡ, rất vui mắt, có 7 thứ lớp tường cao bằng 7 báu bao quanh. Lan can, lầu gác cũng toàn bằng 7 báu. Lại có 7 lớp hồ bằng 7 báu, 7 hàng cây cảnh lá đều bằng 7 báu bao quanh cung điện. Trong cung điện ấy có 4 khu vườn để vui chơi, giải trí. Các khu vườn có tên là Thượng Hỷ, Lưu Ly, Hoa Sứ và Hương Sứ. Trong mỗi khu vườn đều có 8 cái hồ. Các hồ có tên là Hiền, Hiền Thượng, Hoan Hỷ, Hỷ Thượng, An Ổn, Đa An Ổn, Viễn Ly và A Bệ Bạt Trí. Cả 4 bờ quanh các hồ đều là bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Đáy hồ làm bằng chất pha lê, trên có trải cát bằng vàng. Mỗi hồ có 8 cái thang bằng đá quý. Quanh hồ có các hàng cây ba tiêu bằng vàng rờng Diêm Phù Đà. Trong hồ có đủ loại hoa sen xanh, vàng, trắng, đỏ,...; hoa sen nở đầy khắp mặt hồ. Quanh hồ có các cây hoa đẹp; khi gió thổi, hoa rụng xuống hồ, làm cho nước hồ có đầy đủ 8 công đức, có mùi vị chiên đàn, đủ màu sắc và mùi vị, vừa nhẹ nhàng, vừa êm dịu.

Ở trong cung điện, Bồ tát Đàm Vô Kiệt cùng 6 vạn 8 ngàn thế nữ cùng chung hưởng 5 dục đầy đủ. Dân chúng

nam cũng như nữ đều vào vui chơi trong các khu vườn, các hồ ao, chung hưởng 5 dục đầy đủ.

Này thiện nam tử! Sau khi đã cùng các thế nữ vui chơi, Bồ tát Đàm Vô Kiệt, ngày 3 thời, thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Dân chúng trong thành nam nữ, lớn nhỏ, đều tụ tập nhau, thiết lập pháp tòa lớn; 4 chân pháp tòa làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; trên mặt pháp tòa có trải màu sắc đẹp đẽ, có các gối kê chân cũng màu sắc đẹp đẽ; trên nệm và gối đều có rải diệp hương thơm ngát. Pháp tòa cao 5 dậm, có treo trướng thông xuống sát mặt đất. Cả 4 bên pháp tòa đều có rải các thứ hoa thơm 5 sắc, có các thứ hương thơm xông đốt tỏa mùi hương thơm ngát. Tất cả đều nhằm cung kính và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Dân chúng cùng kính thỉnh Bồ tát lên pháp tòa, để thuyết giảng kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Pháp hội có đến 500 vạn chư Thiên cùng người thế gian đều vân tập quanh pháp tòa. Trong số đó, có vị nghe, có vị thọ, có vị trì, có vị tụng, có vị biên chép, có vị chánh quán, có vị như thuyết tu hành.

Do nhân duyên được nghe pháp như vậy, nên lúc bấy giờ chẳng bị đọa vào 3 đường ác, chẳng thối tâm nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Này thiện nam tử! Ông nên đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam tử! Trải qua nhiều kiếp. Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã từng làm thiện tri thức của ông, đã dạy cho ông đạo Vô Thượng Bồ Đề; rồi đây lại sẽ khai thị, làm lợi ích cho ông.

Trước kia Bồ tát Đàm Vô Kiệt cũng đã cầu Bát nhã Ba-la-mật y như ông cầu ngày hôm nay. Ông hãy đi ngay, chớ quán ngại ngày đêm, chớ quán ngại khó khăn,... chẳng bao lâu nữa, ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân rất vui mừng, phấn khởi, mong chờ ngày được gặp vị thiện tri thức để được nghe Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người bị trúng mũi tên độc, chẳng có niệm gì khác, chỉ mong đến lúc được gặp vị thầy thuốc giỏi, nhổ mũi tên độc ra và trị độc cho mình. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có niệm gì khác, chỉ mong đến lúc được gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt, được nghe Bát nhã Ba-la-mật, để đoạn trừ tâm chấp trước (hữu tâm) của mình.

Do nhất tâm tưởng niệm Bồ tát Đàm Vô Kiệt, mà ở ngay tại chỗ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân được tri kiến vô ngại ở nơi hết thấy các pháp.

Ở ngay hiện tiền, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền đắc vô lượng tam muội như: Chư pháp tánh quán tam muội – chư pháp tánh bất khả đắc tam muội – phá chư pháp vô minh tam muội – chư pháp bất dị tam muội – chư pháp bất hoại tự tại tam muội – chư pháp năng chiếu tam muội – chư pháp ly ám tam muội – chư pháp vô dị tướng tương tục tam muội – chư pháp bất khả đắc tam muội – tán hoa tam muội – chư pháp vô ngã tam muội – như huyền oai thể tam muội – như cảnh tượng tam muội – nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội – nhất thiết chúng sanh hoan hỷ tam muội – phân biệt âm thanh tam muội – chủng chủng ngữ ngôn tứ cú trang nghiêm tam muội – vô úy tam muội – tánh thường mặc nhiên

tam muội – vô ngại giải thoát tam muội – ly trần cấu tam muội – danh tự ngữ ngôn trang nghiêm tam muội – kiến chư pháp tam muội – chư pháp vô ngại đánh tam muội – như hư không tam muội – như kim cang tam muội – vô úy trước sắc tam muội – thắng tam muội – chuyển nhãn tam muội – tất pháp tánh tam muội – thường an ổn tam muội – sư tử hồng tam muội – thắng nhất thiết chúng sanh tam muội – tán hoa trang nghiêm tam muội – đoạn nghi tam muội – nhất thiết kiên cố tam muội – xuất chư pháp thần thông lực vô úy tam muội – thường đạt chư pháp tam muội – chư pháp tài ẩn tam muội – chư pháp vô phân biệt kiến tam muội – ly chư kiến chấp tam muội – ly nhất thiết u ám tam muội – ly nhất thiết tướng tam muội – giải thoát nhất thiết trước tam muội – trú nhất thiết giải đãi tam muội – thâm pháp minh tam muội – bất khả đoạt tam muội – phá ma tam muội – bất trước tam giới tam muội – khởi quang minh tam muội – kiến chư Phật tam muội.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân an trú trong các tam muội ấy, liền thấy vô lượng chư Phật ở khắp 10 phương đang vì chư Bồ tát thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

### LUẬN:

*Hỏi: Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân quên chẳng hỏi thêm giữa hư không về các vấn đề cần phải biết?*

**Đáp:** Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân quá vui mừng nên quên hỏi. Người quá buồn hay quá vui vẫn thường hay quên như vậy.

*Hỏi: Tiếng nói giữa hư không đã dứt rồi. Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân giữ im lặng suốt 7 ngày mà chẳng có hỏi lại?*

**Đáp:** Trước đây ở chốn rừng vắng, do nhất tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe được lời dạy bảo giữa hư không. Nay Bồ tát cũng muốn được nhất tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật như trước để được nghe lời dạy bảo giữa hư không, nhằm đoạn nghi cho mình. Vì sao? Vì Bồ tát đã xả thế lạc, thâm nhập Phật đạo, nhưng chẳng hiểu sao vừa mới nghe lời khai thị, chưa kịp đoạn nghi thì tiếng nói giữa hư không lại liền bật dứt. Ví như đứa con nít vừa được thức ăn ngon, đang thích thú mà thức ăn đó đã hết, khiến em khóc lóc, buồn thảm. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân có được các thuận duyên để được nghe, được học Bát nhã Ba-la-mật, nhưng Bồ tát chỉ mới có được ít khí vị Bát nhã Ba-la-mật, chưa thông đạt được Bát nhã Ba-la-mật mà tiếng nói giữa hư không đã mất, khiến Bồ tát chẳng còn biết phải đi đâu, phải đi bao xa nữa và phải gặp ai để được nghe Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà Bồ tát phải ở lại và khóc than suốt 7 ngày đêm.

**Hỏi:** *Vì sao hết hạn 7 ngày đêm rồi, Phật mới hiện thân?*

**Đáp:** Ví như người khát nước nhiều mới cho nước là quý. Nếu chờ 2, 3 ngày thì quá ít. Còn nếu để quá 7 ngày thì lại quá nhiều, khiến người trong cuộc mất hết sự nhẫn nại... dẫn đến sẽ sanh ưu sầu, trở ngại cho việc cầu đạo.

Bởi vậy nên trong kinh mới nói đến thời hạn 7 ngày.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân phải khóc lóc thảm thiết như người cha khóc khi chôn con mình vậy?*

**Đáp:** Trong tất cả các pháp thì Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng, là chân thật pháp của chư Phật 10 phương. Ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ mới được chút ít khí vị Bát nhã Ba-la-mật, chưa thông đạt đầy đủ, nên sầu khổ, khóc lóc như cha chôn con vậy.

Ví như cha mẹ nuôi dưỡng con, muốn con chóng trưởng thành để làm việc lớn. Cũng như vậy, Bồ tát muốn tăng ích lực Bát nhã Ba-la-mật, mong được bất thối chuyển... dẫn đến được thành Phật.

Ví như con có hiếu với cha mẹ, trọn đời chẳng xa rời tâm hiếu.

Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi được thành Phật, trọn đời chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Lại ví như cha mẹ gặp được con liền sanh tâm hoan hỷ, mừng rỡ. Cũng như vậy, Bồ tát được Bát nhã Ba-la-mật sanh tâm hoan hỷ, mừng rỡ.

Thế nhưng, giữa phàm phu và Bồ tát có nhiều sự sai khác.

Ví như người cha, tuy rất thương con mà chẳng thể vì con hy sinh đầu, mắt, chân, tay của mình. Trái lại, Bồ tát vì chúng sanh sẵn sàng hy sinh thân mạng của mình.

Ví như con, dù rất có hiếu với cha mẹ, cũng chỉ báo hiếu có hạn lượng, phụng dưỡng cha mẹ đầy đủ trong hiện tại, đem lại lợi ích rất nhỏ. Còn Bồ tát dùng phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, chẳng gì mà chẳng làm được; Bồ tát dạy chúng sanh tu các thiện pháp... dẫn đến đưa chúng sanh đến Nhất thiết chủng trí, khiến được lợi ích lớn.

Ví như con, dù rất có hiếu, rất giàu có, cũng chỉ báo hiếu cha mẹ nhiều lắm là trong một đời. Bồ tát dạy chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật, khiến họ được lợi ích trong vô lượng đời... dẫn đến được thành Phật. Pháp báo hiếu chỉ là giả danh, chẳng có thật; còn Bát nhã Ba-la-mật là chân thật thánh pháp, chẳng có hư dối.



Ví như con báo hiếu cha mẹ, chỉ làm cha mẹ mình sung sướng trong hiện đời, mà chẳng sao có thể làm tiêu được ưu sầu, khổ não của cha mẹ trong vô lượng kiếp. Bồ tát dạy chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật, khiến họ được tiêu ưu sầu, khổ não,... dẫn đến được chân thật lạc, được giải thoát, được thành Phật.

Ví như con, dù rất có hiếu với cha mẹ, cũng chẳng thể làm cho cha mẹ thoát khỏi các khổ sanh già và chết. Bồ tát dạy chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật khiến họ thoát được các khổ sanh già và chết, ra khỏi ngục tù 3 cõi.

Trên đây tóm lược các nhân duyên và thí dụ cho thấy sự sai khác giữa phàm phu và Bồ tát.

Người cha chôn con đương nhiên là rất đau buồn, nhưng nỗi đau buồn đó chẳng sao có thể sánh được với nỗi đau buồn của Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật mà chưa được như nguyện. Đây là lý do vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã khóc thảm thiết suốt 7 ngày đêm vậy.

**Hỏi:** *Đức Phật hiện ra giữa hư không là đức Phật gì? Phải chăng đây là đức Phật phát ra lời dạy trước đây, nay mới hiện thân? Nếu Phật đã hiện thân, vì sao chẳng liền độ Bồ tát Tát Đà Ba Luân mà lại bảo Bồ tát phải đi đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt?*

**Đáp:** Có thuyết nói rằng đây chẳng phải là chân Phật mà chỉ là một vị hóa Phật, hoặc một vị đại Bồ tát hiện thân Phật.

Sở dĩ lần trước Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ nghe được tiếng nói ở trong hư không mà chẳng thấy được thân Phật, vì lúc bấy giờ Bồ tát tuy đã có thiện căn phước đức mà chưa được thành tựu đầy đủ, nên ở trong thiên định chỉ được nghe tiếng mà thôi. Sau 7 ngày đêm nhất tâm niệm Phật thành tựu

thêm công đức mới được thấy Phật thân.

Sở dĩ Phật chẳng liền độ vì ở đời trước Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã có nhiều nhân duyên với Bồ tát Đàm Vô Kiệt nên nay phải theo Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới được độ. Như trong kinh có nói đến trường hợp những người chỉ có nhân duyên với ngài Xá Lợi Phất thì Phật bảo họ đến thọ giáo với ngài để được khai ngộ vậy.

Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm cầu biết chỗ đến để được nghe Bát nhã Ba-la-mật nên Phật hiện thân ở giữa hư không tán thán: “Lành thay, lành thay!” và an ủi rằng: “Các đức Phật trong quá khứ cũng cầu Bát nhã Ba-la-mật như ông cầu ngày hôm nay. Ông hãy siêng năng, tinh tấn, một lòng ái pháp, mà tiếp tục đi về phương Đông. Từ nơi đây, đi 500 do tuần, sẽ gặp thành Chúng Hương...”

Ông nên đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Hãy đi ngay, chớ quản ngại ngày đêm, chớ quản ngại khó khăn; chẳng bao lâu nữa, ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật”.

Sở dĩ Phật an ủi Bồ tát Tát Đà Ba Luân như vậy, vì người mới phát tâm, do phước đức còn mỏng nên rất dễ thoái tâm. Người cầu Bát nhã Ba-la-mật dù gặp khổ nhọc gian nguy cũng chẳng nên giải đãi, chẳng nên thoái chuyển; khi hành nhân thì gian khổ, nhưng khi thọ quả thì sẽ được an vui.

**Hỏi:** *Thành Chúng Hương ở nơi nào?*

**Đáp:** Các đức Phật quá khứ đã diệt độ, chỉ để lại di pháp, mà di pháp ấy chẳng có ở khắp cõi Diêm phù đề. Chúng sanh nào có được nhân duyên nghe pháp mới đến được thành Chúng Hương này. Do nhân duyên phước đức đời trước nên chúng sanh ở nơi đây rất giàu có, an vui, ở

nơi đây có rất nhiều kim quý, nên thành toàn làm 7 báu trang nghiêm.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy ở cõi Diêm phù đề nhưng lại ở chỗ chẳng có 7 báu. Do đời trước đã có tích tập phước đức, do phiền não đã mỏng nên Bồ tát đã nhàm chán thế gian, từ bỏ thân quyến, vào an trú trong rừng vắng, mong đến được nơi Phật pháp để tu học.

Do vậy mà có tiếng giữa hư không khai thị chỉ đường cho Bồ tát đi đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã đầy đủ nhân duyên mới nghe được tiếng nói giữa hư không chỉ đường đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để cầu pháp. Như vậy, Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhân duyên như thế nào?*

**Đáp:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt ở tại thành Chúng Hương vì chúng sanh thuyết pháp khiến chúng sanh trồng được thiện căn. Bởi vậy nên thành Chúng Hương còn được gọi là Pháp thành.

Ở cõi nước này chẳng có vua, chỉ có Bồ tát Đàm Vô Kiệt làm vị pháp chủ. Nhân dân ở cõi nước trong thành hưởng phước báu giàu sang, sung túc, chẳng có tâm chấp ngã lại có thiện tâm nhu nhuyễn rất dễ độ.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt là “sanh thân Bồ tát” nhưng vì chúng sanh ở cõi nước này, ngài đã dùng lực thần thông hiện “hóa thân” và dùng hóa thân để độ chúng sanh.

Cõi nước này rất khó đến. Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm cầu Phật đạo, chẳng tiếc thân mạng nên được chư Phật, chư đại Bồ tát khai thị, chỉ đường đi đến đây.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Đàm Vô Kiệt lại cùng với 6 vạn thế nữ thọ 5 dục, lấy 5 dục để tự trang nghiêm, để tự vui hưởng?*

*Nếu Bồ tát Đàm Vô Kiệt là “sinh thân Bồ tát” thì làm sao có thể khiến Bồ tát Tát Đà Ba Luân tôn trọng cúng dường? Làm sao hóa các lễ vật cúng dường thành bảo đài ở giữa hư không? Làm sao có thể nhập vào tam muội suốt 7 năm?*

**Đáp:** Có thuyết nói “sinh thân Bồ tát” đã vào thật tướng pháp nên ở nơi thâm thiền định có được đầy đủ các lực thần thông.

Chư đại Bồ tát có thể nhập thiền định, cũng có thể hành các pháp cõi Dục; vì muốn độ chúng sanh nên các ngài thọ 5 dục nhưng vẫn chẳng mất thiền định. Ví như hoa sen ở trong bùn mà chẳng vậy mùi. Phạm phu vì độn căn, chẳng có thể làm được như vậy.

Bồ tát có đầy đủ các lực thần thông nên có thể hóa tác ra các bảo đài trụ giữa hư không, có thể nhập vào tam muội suốt thời gian 7 năm, lại cũng có thể phương tiện thọ 5 dục mà chẳng bị nhiễm dục vậy. Bồ tát chẳng phải chỉ hành Phật đạo, mà còn phải dùng thế gian đạo để nhiếp hóa và dẫn đạo chúng sanh.

Có thuyết nói Bồ tát Đàm Vô Kiệt là “pháp tánh sinh thân Bồ tát”, vì nếu là “sinh thân Bồ tát” thì làm sao được chư Phật 10 phương tán thán và bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân đến thọ pháp với ngài?

Làm sao chỉ nhất tâm tưởng niệm đến ngài mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã liền đắc 6 vạn tam muội?

Bởi vậy nên biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt là một vị đại Bồ tát biến hóa thân và dùng hóa thân để giáo hóa chúng sanh ở thành Chúng Hương. Ví như trong biển lớn có con rồng chết. Tướng rồng hiện ra như tướng trái cây chín muối vừa rụng xuống đất; tức thì có đàn kên kên đến ăn thịt. Cũng như vậy,

khi có chúng sanh nào hành thiện nghiệp nhân duyên đã đến thời kỳ chín muồi thì liền có đại Bồ tát đến độ.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời Phật truyền dạy giữa hư không nên sanh tâm hoan hỷ, chỉ mong sao được sớm gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt được học Bát nhã Ba-la-mật để đoạn sạch ái kiến cùng các phiền não chấp trước. Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng sanh niệm khác, mà chỉ nghĩ đến Bồ tát Đàm Vô Kiệt và Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Ở nơi đây, Phật dùng thí dụ người bị trúng mũi tên độc, chẳng có niệm gì khác, chỉ mong đến lúc gặp được thầy thuốc giỏi, nhổ mũi tên độc ra và trị độc cho mình. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân xem tà nghi, tham dục cùng các phiền não như là những mũi tên độc đâm vào mình, nên chỉ mong sớm gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt rút các mũi tên độc đó ra và đem lại sự giải thoát cho mình. Vì sao? Vì mũi tên độc bắn vào người làm cho đau nhức,... dẫn đến có thể làm hại đến tánh mạng. Cũng như vậy, các mũi tên độc tà nghi, tham dục làm não loạn tâm... có thể đoạt cả huệ mạng. Ý Phật muốn nói rằng phải đoạn hết thầy các tâm chấp trước; chẳng chấp hết thầy các pháp tướng. Chấp ác pháp cũng như chấp thiện pháp đều phải đoạn cả, vì đều là bệnh.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân được thấy Phật thân, được nghe các lời giáo huấn của Phật, nên được pháp hỷ, được ly dục. Do được pháp hỷ, nên được tri kiến vô ngại ở nơi hết thầy các pháp; và ngay ở hiện tiền liền đắc vô lượng tam muội. Như:

- Chư pháp tánh quán tam muội: Vào tam muội này, quán được thật tánh các pháp.

- Chư pháp tánh bất khả đắc tam muội: Vào tam muội này, biết tánh các pháp là bất khả đắc.

- Phá chư pháp vô minh tam muội: Vào tam muội này chẳng còn chấp pháp tánh, pháp tướng, nên phá được nhân duyên vô minh, tà khúc, bất chánh ở nơi các pháp.

Vô minh có nhiều tầng lớp; chẳng phải một lần mà có thể phá được, có phần Thanh Văn có thể phá được; có phần Bồ tát có thể phá được; có phần chỉ có Phật mới có thể phá được. Lại nữa, cùng là Thanh Văn mà Tu-đà-hoàn phá ít... A-la-hán phá nhiều hơn; cùng là Bồ tát mà tiểu Bồ tát phá ít, đại Bồ tát phá nhiều hơn. Như trước đây đã nêu thí dụ về các cây đèn; đèn nhỏ phá bóng tối ít, đèn lớn phá bóng tối nhiều hơn.

Nếu đem so sánh các phương tiện phá vô minh của Tiểu thừa và của Đại thừa thì phương tiện phá vô minh của Tiểu thừa chưa được rốt ráo. Phương tiện của Đại thừa mới thật là rốt ráo; dùng phương tiện của Đại thừa mới thật phá vô minh... dẫn đến khi thành Phật thì vô minh mới được tận phá.

Ở trong Phật pháp, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã phá được các tà kiến, ái kiến, ngã kiến, v.v... nên vào được tam muội này.

- Chư pháp bất dị tam muội: Vào tam muội này, quán biết hết thấy các pháp chỉ là một tướng (nhất tướng), chẳng có tướng khác nhau (dị tướng).

- Chư pháp bất hoại tự tại tam muội: Vào tam muội này, quán biết thật tánh pháp là tướng vô vi, nên được tự tại ở nơi hết thấy pháp; biết rõ ràng hết thấy các pháp khi hành Phật đạo.

- Chư pháp năng chiếu tam muội: Vào tam muội này, phá

được vô minh hắc ám. Vô minh có mỏng, có dày; mỏng thì gọi là vô minh, dày thì gọi là vô minh hắc ám.

- Chư pháp vô dị tướng tương tục tam muội: Vào tam muội này, biết các pháp niệm niệm tương tục, như 5 âm niệm niệm tương tục sanh diệt.

- Chư pháp bất khả đắc tam muội: Vào tam muội này, biết rõ hết thấy các pháp đều là không, là bất khả đắc.

- Tán hoa tam muội: Vào tam muội này, đi khắp các cõi Phật ở khắp 10 phương, dùng hoa quý tán Phật.

- Chư pháp vô ngã tam muội: Vào tam muội này, quán biết hết thấy pháp đều là vô ngã.

- Như huyễn oai thế tam muội: Vào tam muội này, biến ra các sự việc, các cảnh giới hy hữu, khiến chúng sanh tín thọ.

- Như cảnh tượng tam muội: Vào tam muội này, quán biết cả 3 cõi đều là như bóng trong gương, chẳng thật có.

- Nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội: Vào tam muội này, thường biết được hết thấy các ngữ ngôn của chúng sanh.

- Nhất thiết chúng sanh hoan hỷ tam muội: Vào tam muội này, chuyển được tâm sân hận của chúng sanh thành tâm hoan hỷ.

- Phân biệt âm thanh tam muội: Vào tam muội này, thường nghe được và phân biệt được tiếng của các loài chúng sanh.

- Chùng chùng ngữ ngôn tự cú trang nghiêm tam muội: Vào tam muội này, thì khi nói năng, dù dùng câu, dùng chữ đơn giản, dùng nghĩa nông cạn cũng thường được trang nghiêm, khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ.

- Vô úy tam muội: Vào tam muội này, chẳng còn sợ hãi hết thấy tà ma, ngoại đạo.

- Tánh thường mặc nhiên tam muội: Vào tam muội này, thường giữ im lặng, giữ tâm chuyên nhất. Chỉ khi nào cần nói để độ chúng sanh mới cất tiếng mà thôi.

- Vô ngại giải thoát tam muội: Vào tam muội này, được trí huệ vô ngại, giải thoát ở nơi hết thảy các pháp.

- Ly trần cấu tam muội: Vào tam muội này, diệt hết thảy phiền não trần cấu. Tam muội này còn được gọi là Vô sanh pháp nhẫn tam muội.

- Danh tự ngữ ngôn trang nghiêm tam muội: Vào tam muội này, khi thuyết pháp được đầy đủ các ngôn thuyết trang nghiêm.

- Kiến chư pháp tam muội: Vào tam muội này, thấy rõ cả thế đế lẫn đệ nhất nghĩa đế.

- Chư pháp vô ngại đánh tam muội: Vào tam muội này, thấy rõ các pháp một cách vô ngại. Ví như người đứng trên đỉnh núi cao thấy rõ khắp cả 4 phương.

- Như hư không tam muội: Vào tam muội này, thấy các pháp nội thân, ngoại thân đều như hư không, nên được tự tại ở nơi hết thảy các pháp.

- Như kim cang tam muội: Vào tam muội này, được tâm kiên cố như kim cang, phá tan các núi phiền não cùng các chướng ngại khác khi hành 6 pháp Ba-la-mật, cho đến khi vào Phật đạo.

- Vô úy trước sắc tam muội: Vào tam muội này, chẳng còn có sợ hãi, chẳng còn có chấp trước hết thảy các sắc.

- Thắng tam muội: Vào tam muội này, muốn làm sự việc gì đều có thể làm được cả.

- Chuyển nhãn tam muội: Vào tam muội này, khiến ma



vương, ma dân chẳng có thể tìm thấy được chỗ sở đoản của mình.

- Tất pháp tánh tam muội: Vào tam muội này, thấy hết thấy các pháp đều rớt ráo vào trong pháp tánh.

- Thường an ổn tam muội: Vào tam muội này, tuy còn qua lại 6 đường sanh tử mà vẫn biết mình ắt sẽ thành Phật nên thường được an lạc, chẳng có lo âu.

- Sư tử hồng tam muội: Vào tam muội này, hàng phục được các tà ma ngoại đạo.

- Thắng nhất thiết chúng sanh tam muội: Vào tam muội này, ở nơi hết thảy chúng sanh đều được tối thắng.

- Tán hoa trang nghiêm tam muội: Vào tam muội này, thấy khắp trong 10 phương, các đức Phật ngồi trên các đài sen quý, có các hoa sen quý từ trên hư không rơi xuống như mưa, tán lên các đức Phật.

- Đoạn nghi tam muội: Vào tam muội này, tuy chưa thành Phật mà đã đoạn nghi cho chúng sanh.

- Nhất thiết kiên cố tam muội: Vào tam muội này, được kiên cố ở nơi thật tướng pháp, chẳng còn tùy các pháp.

- Xuất chư pháp thân thông lực vô úy tam muội: Vào tam muội này, được các lực thần thông của Bồ tát, được vô sở úy nên được ra khỏi pháp của phàm phu.

- Thường đạt chư pháp tam muội: Vào tam muội này, thông đạt hết thảy các pháp... dẫn đến như pháp tánh thật tế cũng thông đạt. Tuy thông đạt mà chẳng trú nơi các pháp; xem các pháp bình đẳng, chẳng phân biệt.

- Chư pháp tài ẩn tam muội: Vào tam muội này, được tất cả các thiện pháp. Được pháp ẩn này rồi, chẳng còn bị lưu

nạn ở nơi hết thấy các pháp.

- Chư pháp vô phân biệt tam muội: Vào tam muội này, thấy rõ hết thấy các pháp đều chẳng có phân biệt.

- Ly chư kiến chấp tam muội: Vào tam muội này, ly được tất cả 62 tà kiến của ngoại đạo, biết rõ do chấp tướng mà sanh chấp tâm.

- Ly nhất thiết u ám tam muội: Vào tam muội này, ly được các tướng tâm mê muội, điên đảo.

- Ly nhất thiết tướng tam muội: Vào tam muội này, được giải thoát môn vô tướng.

- Giải thoát nhất thiết trước tam muội: Vào tam muội này, ở nơi hết thấy các pháp chẳng còn có chỗ chấp trước.

- Trừ nhất thiết giải đãi tam muội: Vào tam muội này, thường tinh tấn, chẳng hề giải đãi, như vậy mãi cho đến khi được thành Phật.

- Thâm pháp minh tam muội: Vào tam muội này, thâm nhập vào hết thấy các Phật pháp, được hết thấy các trí huệ, thường được thấy Phật, được nghe pháp.

- Bất khả đoạt tam muội: Vào tam muội này, được đầy đủ ý chí, chẳng ai có thể đoạt được.

- Phá ma tam muội: Vào tam muội này, phá được các ma sự.

- Bất trước tam giới tam muội: Vào tam muội này, tuy thân còn ở trong 3 cõi, mà tâm thường ở nơi Niết Bàn.

- Khởi quang minh tam muội: Vào tam muội này, thường khởi các quang minh chiếu sáng đến vô lượng cõi Phật.

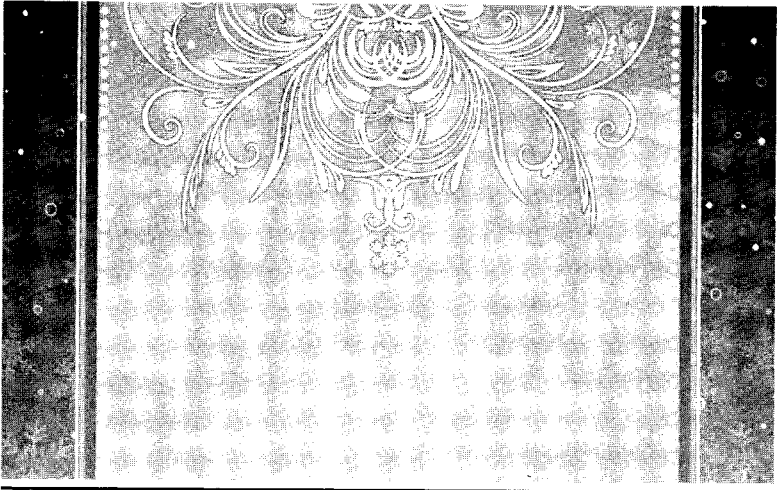
- Kiến chư Phật tam muội: Vào tam muội này, dù chưa có thiên nhãn và thiên nhĩ, mà cũng đã có thể thấy và nghe chư

Phật trong 10 phương thuyết pháp, cũng có thể thưa hỏi chư Phật về các chỗ nghi của mình.

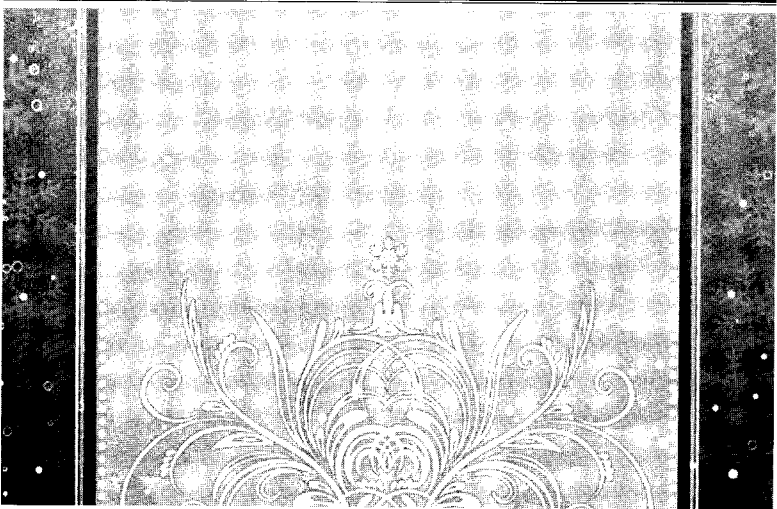
Bồ tát Tát Đà Ba Luân được tam muội này nên thấy ở các cõi Phật khắp 10 phương, có các đức Phật đang thuyết pháp giữa đại chúng.

(Hết quyển 97)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 98**





## Phẩm Thứ Tám Mười Tám (TIẾP THEO)



### Tát Đà Ba Luân (tiếp theo)

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ chư Phật trong 10 phương an ủi Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Lành thay, lành thay! Nay thiện nam tử! Trước đây khi chúng ta hành Bồ tát đạo, cầu Bát nhã Ba-la-mật, được các tam muội cũng y như trường hợp của ông hiện nay. Khi được các tam muội rồi, chúng ta cũng vào Bát nhã Ba-la-mật, thành tựu các lực phương tiện, trú bất thối chuyển địa. Khi quán tánh của các tam muội, chúng ta chẳng có thấy pháp gì gọi là ra hay vào các tam muội; chẳng thấy có ai hành Phật đạo; chẳng thấy có ai được Vô Thượng Bồ Đề.

Nay thiện nam tử! Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật là như vậy. Đó là chẳng niệm có các pháp.

Nay thiện nam tử! Chúng ta an trú trong pháp vô sở niệm ấy mà được thân kim sắc, được quang minh sáng chói, được 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, được trí huệ chẳng thể nghĩ bàn; được giới vô thượng, tam muội vô thượng, trí huệ vô thượng, cùng hết thảy các công đức đầy đủ.

Phật có hết thảy công đức đầy đủ như vậy mà còn chẳng có thể nói hết ra được các tướng có thể thủ, hưởng nữa là các hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cùng các người khác.

Này thiện nam tử! Bởi vậy đối với Phật pháp, ông phải nên cung kính, ái niệm và sanh tín tâm thanh tịnh; đối với thiện tri thức, ông phải nên xem như là Phật.

Vì sao? Vì nhờ có chư thiện tri thức thủ hộ mà Bồ tát mới mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân bạch với chư Phật rằng: Ai sẽ là vị thiện tri thức của con, mà con phải nên thân cận và cúng dường?

Chư Phật bảo: Bồ tát Đàm Vô Kiệt là vị thiện tri thức của ông. Vị Bồ tát ấy đã có nhiều đời giáo hóa ông tu Vô Thượng Bồ Đề. Vị Bồ tát ấy cũng lại sẽ thủ hộ ông, sẽ dạy cho ông các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Đó là vị thiện tri thức của ông. Bởi vậy ông phải nên cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Dù 1 kiếp, 2 kiếp, 3 kiếp... dẫn đến 100 kiếp cúng dường, ông vẫn phải nên nhất tâm cung kính cúng dường. Dù có đem tất cả các diệu sắc, diệu thanh, diệu hương, diệu vị, diệu xúc ra cúng dường cũng chẳng sao đền đáp được thâm ân trong muôn một.

Vì sao? Vì do nhân duyên có Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà ông được các tam muội, được Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân được chư Phật an ủi, giáo hóa như vậy, lấy làm vui mừng sung sướng.

An ủi và giáo hóa xong, chư Phật bỗng nhiên biến mất, chẳng còn thấy đâu nữa.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng còn thấy chư Phật nữa, bèn đầy niệm rằng: “Chư Phật đã từ đâu đến, và nay lại đi về đâu?”



Do nghĩ như vậy nên tâm chẳng được an vui, ngài lại khóc lóc và than rằng, “Ai sẽ là người đoạn các chổ nghi cho tôi?”.

Rồi ngài lại nghĩ đến Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ lâu nay đã thường hành Bát nhã Ba-la-mật, đã được các lực phương tiện, đã được các môn đà la ni tam muội, đã được tự tại ở nơi hết thảy các pháp, đã cúng dường vô lượng đức Phật trong quá khứ, đã nhiều đời làm thiện tri thức cho mình, đã thường làm lợi ích cho mình. Nghĩ như vậy nên ngài tự bảo: “Tôi phải đến hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt để biết chư Phật từ đâu đến và đi về đâu”.

Lúc bấy giờ Bồ tát Tát Đà Ba Luân sanh tâm cung kính, yêu quý, tôn trọng Bồ tát Đàm Vô Kiệt và tự nghĩ rằng: “Tôi phải nên cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Thế nhưng, hiện nay tôi nghèo khổ, chẳng có gì quý giá, xứng đáng để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, và cúng dường Bồ tát pháp sư Đàm Vô Kiệt. Chẳng nên đi tay không đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Nếu đến tay không là thất lễ, khiến tôi chẳng sanh được tâm hoan hỷ. Tôi phải bán thân tôi để có phương tiện mua sắm lễ vật cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát pháp sư. Trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, trăm luân trong sanh tử, tôi đã mất vô số thân mà đâu có lợi ích gì? Có lúc tôi phải đọa địa ngục, chịu vô lượng khổ đau, nhưng chưa bao giờ tôi mất thân vì pháp thanh tịnh cả. Tôi quyết cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và pháp sư, dù có mất thân này tôi cũng vui lòng”.

Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi vào một thành, đến giữa chợ rao lớn rằng: Ai cần người, ai cần mua người! Tôi xin bán mình tôi đây!

Lúc bấy giờ ác ma nghĩ rằng: “Vì mến pháp mà Tát

Đà Ba Luân tự bán mình để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và vị pháp sư Đàm Vô Kiệt, cầu được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Nếu người ấy hành Bát nhã Ba-la-mật, ắt sẽ chóng được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu người ấy được đa văn như nước trong biển lớn, thì lúc đó chúng ta sẽ chẳng còn có thể phá hoại được nữa. Nếu người ấy được đầy đủ hết thảy công đức, làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề thì sẽ vượt khỏi cảnh giới của chúng ta, và cũng sẽ dạy người khác vượt khỏi cảnh giới của chúng ta. Chúng ta phải phá hoại ngay việc làm của người ấy”.

Nghĩ như vậy rồi, ác ma liền hóa phép che mắt, bịt tai các Bà-la-môn và dân chúng trong thành, chẳng cho thấy nghe gì về cảnh bán thân của Bồ tát Tát Đà Ba Luân cả. Chỉ trừ có một trưởng giả nữ, do phước duyên đời trước, khiến ma chẳng ngăn che được mà thôi.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân rao bán thân chẳng được, rất sầu khổ, bèn đứng tại chỗ khóc lóc thảm thiết, tự nghĩ rằng: “Tôi có nhiều tội lỗi, nên nay vì Bát nhã Ba-la-mật tôi muốn tự bán thân để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà chẳng được”.

Lúc bấy giờ vị Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân vì thâm ái chánh pháp mà xả thân, nên đã hóa thân làm Bà-la-môn đến bên cạnh và hỏi rằng: Vì sao ông lại sầu khổ khóc than thảm thiết, khiến nhan sắc tiêu tụy như vậy?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Tôi vì ái kính pháp mà nguyện tự bán thân để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà chẳng có ai mua.

Vị hóa Bà-la-môn nói: Tôi chẳng cần mua người. Nay

tôi muốn tế trời, cần đến máu, tim và tủy người. Ông có thể bán các thứ ấy cho tôi chăng?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ: “Tôi được lợi ích lớn. Nay vì muốn được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên tôi sẵn sàng bán máu, tim và tủy của tôi”.

Nghĩ như vậy rồi thâm tâm rất vui mừng, chẳng còn lo âu nữa, ngài nói với vị hóa Bà-la-môn rằng: Ông muốn mua gì tôi cũng xin sẵn sàng bán cho ông.

Vị hóa Bà-la-môn hỏi: Ông lấy giá bao nhiêu?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Tùy ông, bao nhiêu cũng được.

Liền khi đó Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầm dao bén đâm vào cánh tay để lấy máu, lại muốn cắt thịt bắp để phá xương lấy tủy.

Vị trưởng giả nữ từ trên gác cao nhìn thấy ở đằng xa Bồ tát Tát Đà Ba Luân đang tự cắt thân, chẳng tiếc gì đến mạng sống nên muốn biết rõ nguyên do. Nàng liền xuống gác, đến tận nơi hỏi Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Thưa ngài! Vì nhân duyên gì mà ngài phải tự hủy thân, khổ khổ như thế này? Ngài dùng máu và tủy để cầu việc gì?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Tôi bán các thứ ấy cho vị Bà-la-môn này để có tiền mua sắm lễ vật cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vị trưởng giả nữ hỏi: Ngài muốn bán máu và tủy để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt chăng? Cúng dường như vậy ngài sẽ có được công đức gì?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã khéo học Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát

nhã Ba-la-mật. Vị Bồ tát này sẽ dạy cho tôi biết những việc phải làm của hàng Bồ tát để viên thành đạo nghiệp. Tôi học pháp ấy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề rồi, tôi sẽ làm chỗ y chỉ cho hết thảy chúng sanh; tôi sẽ được thân kim sắc với đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp; tôi sẽ có vô lượng quang minh, tôi sẽ có đầy đủ 4 vô lượng tâm, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp, 6 thần thông chẳng thể nghĩ bàn được, tôi sẽ có giới, định, huệ thanh tịnh, chẳng thể nghĩ bàn được; tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Ở nơi hết thảy các pháp, tôi sẽ được tri kiến vô ngại, rồi tôi sẽ đem Pháp bảo vô thượng ban phát cho hết thảy chúng sanh. Hết thảy các công đức, các sự lợi lạc đó, tôi sẽ được từ nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vị trưởng giả nữ nghe nói Phật pháp thượng diệu, rất vui mừng. Nàng nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Việc làm của ngài thật là rất hiếm có. Như chỗ ngài nói, Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, khó gặp được. Ngài vì diệu pháp ấy mà nguyện xả thân, thật là việc làm rất hiếm có vậy. Thưa ngài! Nay ngài cần bao nhiêu châu báu, hoa hương, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí,... để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt, tôi xin cung ứng đầy đủ. Ngài chớ nên tự hủy hoại thân. Tôi cũng muốn cùng ngài đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt, cùng ngài gieo trồng thiện căn để được nghe pháp vi diệu, như lời ngài vừa nói.

Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn trở lại nguyên hình, tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Lành thay, lành thay! Ông phải chịu đau đớn như vậy mà vẫn giữ được tâm kiên cố, bất động. Chư Phật trong quá khứ khi hành Bồ tát đạo, cầu các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật cũng như ông hiện nay mà được Vô Thượng

**Bồ Đề.** Tôi thật chẳng muốn dùng máu và tủy của ông để làm gì cả. Tôi chỉ muốn thử tâm ông đó thôi. Nay ông cầu việc gì, tôi sẽ ban cho.

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân** đáp: Tôi chỉ muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

**Vị Đế Thích** nói: Việc ấy ngoài sức của tôi. Đó là cảnh giới của Phật. Ông nên cầu việc khác trong khả năng của tôi.

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân** nói: Vậy xin cho thân thể của tôi được hồi phục lại như cũ.

Liền khi đó, thân thể của **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** được hồi phục lại như cũ. Đồng thời **vị Đế Thích** cũng biến mất, chẳng còn hiện nữa.

**Vị trưởng giả nữ** nói với **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** rằng: Xin mời ngài hãy đến nhà tôi. Tôi sẽ xin cha mẹ tôi cung ứng đầy đủ lễ vật để ngài đem đi cúng dường. Tôi cũng sẽ từ giả cha mẹ tôi, sẽ dẫn theo đoàn thị nữ, sẽ cùng ngài đi đến chỗ **Bồ tát Đàm Vô Kiệt** để cúng dường và cầu pháp **Bát Nhã Ba-la-mật**.

Khi đến nhà, **vị trưởng giả nữ** bảo **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** đứng ngoài cổng. Rồi nàng vào thưa với cha mẹ, xin đầy đủ các lễ vật cúng dường, nàng lại xin phép cha mẹ cho dẫn theo 500 thị nữ tháp tùng, để cùng đi với **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** đến chỗ **Bồ tát Đàm Vô Kiệt** cúng dường và nghe thuyết **Bát Nhã Ba-la-mật**.

Hai ông bà trưởng giả nói với con rằng: **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** là người như thế nào? Hiện nay người này ở đâu?

**Vị trưởng giả nữ** thưa rằng: **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** hiện đứng ở ngoài cổng. Người này thâm tâm cầu **Vô Thượng Bồ Đề**, muốn độ hết thấy chúng sanh thoát khỏi

các khổ đau sanh tử, nên đã tự nguyện bán thân cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Do vậy mà đã ra giữa chợ rao: “Ai muốn mua người hãy đến mua”. Rao mãi chẳng ai mua, người này buồn khổ, khóc lóc rất thảm thiết. Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn tự biến thành một vị Bà-la-môn đến hỏi lý do. Khi được biết người này muốn bán thân, vị Đế Thích đòi mua máu, tim và tủy để tế trời, nếu muốn bán thì cho biết giá cả. Người này vui vẻ chấp nhận bán, nói rằng: “Cho bao nhiêu cũng được”. Thế rồi người này cầm dao bén xẻ thịt để lấy máu và toan phá xương để lấy tủy. Con từ trên gác cao trông thấy cảnh tượng thê thảm đó nên đã xuống gác đến hỏi nguyên nhân và được biết người này nguyện bán máu và tủy cho vị hóa Bà-la-môn để có tiền mua sắm lễ vật cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Con hỏi về lợi ích của sự bán máu và tủy để cúng dường thì người này cho biết Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, tối thượng, học pháp ấy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; lại cho biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ vì người này dạy các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, dạy các việc mà hàng Bồ tát phải làm để viên thành đạo nghiệp. Khi đã biết nguyên nhân, con bảo người này chớ nên hủy hoại thân thể và con hứa sẽ về xin cha mẹ đầy đủ các lễ vật cần thiết để người này đem cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Vậy con kính xin cha mẹ cho con đầy đủ các thứ châu báu, hoa hương, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí, v.v... Cho phép con đem theo 500 thị nữ tháp tùng, cho phép con được đi cùng với người này đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để cúng dường, gieo trồng thiện căn và để nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Cha mẹ nàng nói với nàng rằng: Việc làm của người

này thật là hiếm có. Người này vì pháp chẳng thể nghĩ bàn, pháp tối diệu, tối thượng, đệ nhất trong thế gian mà phát đại thế trang nghiêm. Vậy cha mẹ bằng lòng cho con cùng đi với người này đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được thân cận, cúng dường ngài và để được nghe ngài thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Con đã vì Phật pháp mà phát đại tâm, tinh tấn như vậy, cha mẹ đâu có lý do gì mà chẳng tùy hỷ.

Được cha mẹ hoan hỷ chấp thuận lời thỉnh nguyện, vị trưởng giả nữ thưa với cha mẹ rằng: Con cũng xin tùy tâm hoan hỷ và xin nguyện trọn chẳng bao giờ đoạn các thiện nhân duyên này.

Thế rồi vị trưởng giả nữ liền trang nghiêm 500 cỗ xe bảy báu, cùng với 500 thị nữ thu xếp các lễ vật cúng dường gồm châu báu, hoa hương, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí, v.v... các thức ăn uống cần thiết cho cuộc hành trình. Trưởng giả nữ, 500 thị nữ ngồi trên các cỗ xe bảy báu, tháp tùng Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi lần về phương Đông, hướng thành Chúng Hương.

Thành Chúng Hương có 7 lớp thành bằng 7 báu trang nghiêm, lại có 7 vòng hào, có 7 hàng cây 7 báu bao quanh. Thành có đến 500 thị trấn; đường sá, chợ búa, cầu, bến, v.v... đều rất sạch sẽ, huy hoàng tợ như ở trong các bức tranh vẽ, mặt đất bằng phẳng, dân chúng trong thành đông đúc và rất sung túc. Vào thành là liền thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt ngồi trên đài cao trên pháp tòa, đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn vạn ức thính chúng cung kính đon đàng vây pháp tòa để nghe pháp.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân vừa thoáng thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt, liền sanh tâm hoan hỷ, như vị Tỷ-kheo nhập đệ

tam thiên, nhiếp tâm an tịnh và tự nghĩ rằng: “Nếu theo đúng lễ nghi, chẳng nên ngồi trên xe đến chỗ Bồ tát pháp sư”. Nghĩ như vậy rồi, liền xuống xe đi bộ. Vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ cũng đều xuống xe, đi bộ theo sau.

Cạnh pháp tòa của Bồ tát Đàm Vô Kiệt có đài bảy báu trang nghiêm bằng gỗ “ngưu đầu chiên đàn”(\*) màu đỏ, có màn lưới kết bằng trân châu bao quanh, ở bốn bên đều có chuỗi trân bảo châu ma ni thông xuống dùng làm đèn, lại có 4 lò thường xuyên xông đốt các thứ hương thơm để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Trên đài có đặt một cái giường lớn bảy báu, trên giường lớn lại có đặt một cái giường nhỏ 4 báu. Kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật được chép trên các lá vàng ròng, và được đặt trên giường nhỏ này. Ngay phía bên trên đài có các tràng phan, bảo cái trang nghiêm treo rủ xuống.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ thấy đài thờ kinh Bát nhã Ba-la-mật được trang nghiêm bằng đủ thứ châu báu, lại thấy Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn cùng vô lượng chư Thiên đem hoa trời mạn đà la và bột thơm hương chiên đàn rải lên đài, lại nghe trên hư không có tiếng nhạc trời trỗi lên để cúng dường.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi vị Đế Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì nhân duyên gì mà có vô lượng chư Thiên đem hoa trời mạn đà la và bột hương chiên đàn rải lên đài, lại có nhạc trời trỗi lên như vậy?

---

\*. Cây chiên đàn (cây trầm) là một loại cây gỗ quý, có hương thơm, có nhiều màu: Đỏ, trắng, tía. Bột gỗ chiên đàn đốt lên tỏa mùi hương thơm dễ chịu, thường được dùng để cúng Phật. Có rất nhiều giống. Ở trên dãy Hy Mã Lạp Sơn có loại “ngưu đầu chiên đàn” rất đặc biệt. Thứ chiên đàn này cho vào lửa chẳng bị cháy.



**Vị Đệ Thích** đáp: Ông chẳng biết gì chăng? Đây là chỗ để kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Kinh này là mẹ của chư đại Bồ tát, hay sanh ra chư Phật và nhiếp trì chư Bồ tát. Do học Bát nhã Ba-la-mật mà thành tựu được hết thảy các công đức, được các Phật pháp và Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân rất vui mừng hỏi vị Đệ Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của các chư đại Bồ tát hay sanh ra Phật và nhiếp trì chư Bồ tát. Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật mà thành tựu được hết thảy các công đức, được các Phật pháp... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Hiện nay pháp bảo ấy ở tại nơi đâu?

**Vị Đệ Thích** đáp: Ở trên đài cao có cái giường lớn bảy báu, bên trên cái giường lớn bảy báu ấy lại có cái giường nhỏ 4 báu, đó là nơi để kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Kinh này được chép trên các lá vàng ròng. Vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã dùng ấn 7 báu ấn lên rồi, nên chúng tôi chẳng có thể mở ra cho người xem được.

Lúc bấy giờ Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ đem các lễ vật cúng dường gồm hương hoa, chuỗi anh lạc, tràng phan, bảo cái, v.v... chia ra làm 2 phần:

- Một phần cúng dường kinh quyển Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

- Một phần cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Sau khi cúng dường Bát nhã Ba-la-mật xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng đoàn tùy tùng đem phần lễ vật còn lại đến cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt đang ngồi trên pháp tòa.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt liền biến các đồ lễ vật cúng dường thành bảo đài, bảo trưởng, bảo cái, ở 4 bên bảo cái lại có các bảo phan thông xuống. Tất cả các thứ ấy đều trú trên hư không, ở ngay phía trên pháp tòa của Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng đoàn tùy tùng thấy các sự biến hóa như vậy, rất lấy làm vui mừng, tự nghĩ rằng: “Thần thông và đức hạnh của Bồ tát Đàm Vô Kiệt thật là hiếm có chưa từng thấy! Đang trong giai đoạn hành Bồ tát hạnh mà đã được thần thông, đức hạnh như vậy, huống nữa là khi được Vô Thượng Bồ Đề”.

Vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ khởi tín tâm thanh tịnh, kính trọng Bồ tát Đàm Vô Kiệt, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề đồng phát nguyện rằng: “Nguyện được Bồ tát pháp thậm thâm như Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nguyện được cúng dường Bát nhã Ba-la-mật như Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nguyện ở trong đại chúng diễn thuyết, khai thị nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nguyện được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật như Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Về sự thành tựu thần thông, về sự tự tại ở nơi việc làm của Bồ tát, chúng con cũng xin nguyện được như vậy”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ cúng dường xong, đồng đánh lễ Bồ tát Đàm Vô Kiệt rồi chấp tay cung kính đứng sang một bên.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân bạch với Bồ tát Đàm Vô Kiệt rằng: Đang ở trong rừng vắng vẻ, con bỗng nghe tiếng nói giữa hư không dạy rằng: “Này thiện nam tử! Ông hãy đi về phương Đông để được nghe Bát nhã Ba-la-mật”. Con y theo lời dạy, đi về phương Đông, nhưng chưa đi được bao xa, con chợt nghĩ rằng: “Vì sao chẳng hỏi thêm phải đi đến đâu, phải đi bao xa nữa, sẽ phải theo ai để học Bát

nhã Ba-la-mật?”. Nghĩ như vậy xong, con rất buồn khổ, con đã khóc lóc suốt 7 ngày đêm, chẳng nghĩ đến ăn uống, ngủ nghỉ, nóng lạnh,... Con chỉ có điều suy nghĩ duy nhất rằng: “Đến bao giờ mới nghe được Bát nhã Ba-la-mật?”.

Đang lúc con sầu khổ, nhất tâm niệm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì con thấy Phật hiện thân giữa hư không bảo con rằng: “Ông hãy siêng năng tinh tấn, một lòng vì pháp mà tiếp tục đi về phương Đông. Từ nơi đây đi 500 do tuần, ông sẽ gặp thành Chúng Hương. Trong thành Chúng Hương, ông sẽ được gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Ông hãy theo Bồ tát pháp sư ấy để được học Bát nhã Ba-la-mật. Trải qua nhiều đời, vị Bồ tát ấy đã từng là thiện tri thức của ông, đã thủ hộ ông, rồi đây sẽ khai thị làm lợi ích cho ông”.

Y theo lời chỉ dạy của Phật, con đi thẳng về phương Đông, tâm con chẳng có niệm gì khác, chỉ niệm được mau được gặp Bồ tát pháp sư để được truyền dạy Bát nhã Ba-la-mật.

Giữa đường con được tri kiến vô ngại ở nơi hết thấy các pháp, quán được tánh của các pháp và ở ngay hiện tiền con được vô lượng tam muội. Trú trong các tam muội, con thấy được ở khắp trong 10 phương, các đức Phật đang thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Các đức Phật tán thán rằng: “Lành thay, lành thay! Nay thiện nam tử! Trước đây khi chúng ta hành Bồ tát đạo, cầu Bát nhã Ba-la-mật, được các tam muội cũng y như trường hợp của ông hiện nay. Được các tam muội rồi, chúng ta cũng khắp được các Phật pháp”. Rồi các đức Phật vì con rộng nói các pháp. An ủi con xong, các đức Phật bỗng nhiên chẳng còn hiện nữa.

Con từ trong các tam muội ra, tự nghĩ rằng: “Các đức Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?” Vì con chẳng còn thấy đức Phật nữa, nên con lại sanh sầu khổ. Thế rồi con lại nghĩ đến Bồ tát pháp sư trải qua nhiều đời đã cúng dường chư Phật đã gieo trồng thiện căn, đã hành Bát nhã Ba-la-mật, đã khéo biết các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật đã được tự tại ở nơi hết thảy các pháp, đã từng là vị thiện tri thức, là vị thủ hộ của con. Vậy con sẽ phải hỏi Đại sư để biết các đức Phật từ đâu đến và đi về đâu.

Nay con xin được hỏi Đại sư: “Các đức Phật từ đâu đến rồi lại đi về đâu?”

Kính xin Đại sư vì con giải nói để con được biết, biết được như vậy để con thường chẳng rời thấy các đức Phật.

#### **LUẬN:**

Bồ tát Tát Đà Ba Luân khao khát muốn được nghe Bát nhã Ba-la-mật nên được thấy các đức Phật, ở khắp trong 10 phương, đang vì đại chúng thuyết pháp. Thấy được các đức Phật, nghe được các đức Phật thuyết pháp, ngài tự nghĩ rằng như vậy là đã được mãn nguyện.

Nay Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại nghe giữa hư không tiếng nói của các đức Phật khuyên ngài nên giữ tín lực kiên cố, tinh tấn bất động, an ủi và tán thán ngài rằng: “Lành thay, lành thay! Trước đây khi chúng ta hành Bồ tát đạo, cầu Bát nhã Ba-la-mật, được tam muội cũng y như trường hợp của ông hiện nay. Vậy ông chớ nên lo buồn, tự cho mình là người bạc phước”.

Vì lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các lực tam muội, nên tâm ngài càng thâm tín. Bởi vậy nên các đức Phật vì ngài nói tiếp: “Chúng ta quán tánh các tam muội, chẳng thấy có chỗ ra, chỗ vào các tam muội, chẳng thấy có ai hành Phật đạo; chẳng thấy có ai được Vô Thượng Bồ Đề”.

Như vậy là các đức Phật đã vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân lược nói về Bát nhã Ba-la-mật. Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật là như vậy, là chẳng niệm có các pháp tướng, vì hết thấy các pháp đều là vô tướng, nên chẳng có chỗ niệm chấp. Các đức Phật trú trong pháp “vô sở niệm” mà được thân kim sắc, được đại quang minh, được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, được trí huệ vô thượng, được đầy đủ các công đức. Như trong kinh nói các đức Phật được trí huệ vô thượng, được đầy đủ các công đức như vậy rồi, trở lại giáo hóa chúng sanh, khiến họ được nhiều lợi ích, được tăng trưởng trí huệ... dẫn đến được giải thoát.

**Hỏi:** *Trước đây tiếng nói của Phật giữa hư không đã bảo với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt là vị thiện tri thức của ông trong nhiều đời”. Nay vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân còn hỏi thêm, “Ai sẽ là vị thiện tri thức của con mà con phải nên thân cận và cúng dường”?*

**Đáp:** Sở dĩ Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi như vậy vì ngài muốn biết thêm từ kim khẩu của các đức Phật về các công đức của Bồ tát Đàm Vô Kiệt khiến tín tâm càng thêm kiên cố, chẳng còn có chỗ nghi.

Như trong kinh nói: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt là người có nhân duyên với Bồ tát Tát Đà Ba Luân trong nhiều đời”. Bởi vậy nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới là người sẽ khai ngộ cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các tam muội. Vì sao ngài chẳng tự quán về chỗ đi và chỗ đến của các đức Phật mà lại phải hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt về vấn đề này?*

**Đáp:** Các đức Phật trong khắp 10 phương đã dùng các nhân duyên tán thán Bồ tát Đàm Vô Kiệt là thầy của Bồ tát

Tát Đà Ba Luân trong nhiều đời. Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự niệm rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt là bậc thầy của tôi trong nhiều đời; tôi phải tôn trọng, cung kính. Quý mến ngài, tôi phải đến hỏi ngài để biết chư Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu”.

**Hỏi:** Trước đây nói rằng Bồ tát đã nhàm chán thế gian, chỉ cầu Bát nhã Ba-la-mật; do chưa được như nguyện nên buồn rầu, khóc lóc. Nay vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại tự thẹn về sự bần cùng của mình, chẳng có lễ vật để cúng dường? Cúng dường là tùy ở tâm, trong sự cúng dường thì cúng dường pháp là hơn hết. Vì sao chẳng có hoa hương cùng các lễ vật khác để cúng dường mà phải sầu khổ?

**Đáp:** Tuy cúng dường là hơn hết nhưng nếu người thế gian thấy có người ở xa đến cầu pháp mà lại đi tay không, chẳng mang lễ vật theo, ắt họ sẽ chẳng sanh tâm hoan hỷ.

Có thuyết nói rằng Bồ tát Tát Đà Ba Luân tùy thuận thế pháp mà cầu có được đầy đủ các lễ vật cúng dường.

Có thuyết nói dù rằng 6 pháp Ba-la-mật hỗ trợ lẫn nhau và đều dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nhưng khi hành Bồ tát đạo, phải lấy Đàn Ba-la-mật làm đầu, do vậy mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghĩ đến việc tôn trọng và cúng dường phước điền Đàm Vô Kiệt.

Lại có thuyết nói rằng Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn làm gương sáng để người khác noi theo. Bồ tát Tát Đà Ba Luân là người trí, người thiện mà lại nghèo về các lễ vật cúng dường, do vì muốn cho chúng sanh thấy rằng các thiện pháp khi làm, khi suy nghĩ, khi nếm vị đều có sai khác nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn được nếm vị bố thí qua sự cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

**Hỏi:** Bồ tát Tát Đà Ba Luân thường vào thăm tam muội, thường thấy được chư Phật khắp 10 phương. Vì sao vẫn còn chịu sự bần khổ?

**Đáp:** Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân, tuy sanh vào nhà phú quý, giàu sang nhưng vì đạo lý cao xa, mà ngài rời bỏ gia đình, một mình đi tìm thầy học đạo, chẳng có mang theo của cải.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy là một bậc đại nhân, nhưng do nhân duyên đời trước có tội nhẹ, nên nay phải sanh vào nhà bần cùng. Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy là bậc đại nhân, nhưng do nhân duyên đời trước ít hành bố thí nên nay chẳng được sanh vào nhà phú quý, giàu sang.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy nghèo nàn, mà vẫn được người và chư Thiên cúng dường, như trường hợp ngài Tô Đà Di vậy.

Ở đây nên phân biệt nghèo theo 2 nghĩa: Nghèo của cải và nghèo công đức.

Nghèo công đức, nghèo thiện pháp mới nên xấu hổ, còn nghèo của cải mà tâm tánh tốt vẫn là đáng được quý trọng.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy rất nghèo về của cải nhưng lại rất giàu công đức. Dù ngài biết rõ lý vô ngã, nhưng đi cúng dường vị pháp sư mà chẳng có hoa hương, chẳng có diệu bảo cũng chẳng được yên tâm, nên ngài mới quyết định bán thân để cúng dường vậy.

**Hỏi:** Nếu bán thân rồi thì làm sao đi cúng dường vị pháp sư được nữa?

**Đáp:** Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân lấy việc xả thân để cúng dường là cúng dường cao quý nhất.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân bán thân để đổi lấy tài vật đem đi cúng dường. Nhưng vào thời bấy giờ toàn là người tốt, dù có bán thân làm tội tở, thì chủ có sai đi cúng dường rồi lại cũng được trở về ở với chủ.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân thâm tâm hành bố thí Ba-la-mật, cúng dường pháp và pháp sư mà chẳng có vật gì ngoài thân, nên đã bán thân để cúng dường.

Nơi đây nói rõ nhân duyên Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm muốn cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát pháp sư, vì tự nghĩ rằng: “Tôi đã trải qua nhiều đời, nhiều kiếp mất thân mà chưa bao giờ mất thân vì pháp thanh tịnh. Nay tôi muốn cúng dường Bồ tát pháp sư để được nghe Bát nhã Ba-la-mật thì dù có phải mất thân mạng này mà được pháp lợi lớn, thì tôi cũng rất vui”. Như vậy Bồ tát Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng hề tiếc thân mạng mình là vì đạo pháp vậy.

**Hỏi:** *Vì sao ác ma muốn phá ý nguyện của Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Ma là oan gia của chư Phật và chư Bồ tát, nên muốn đến phá hoại ý nguyện của Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Vì sao? Các tiểu Bồ tát chưa vào được thật tướng pháp rất dễ bị ma phá hoại; các vị đại Bồ tát đã được vô sanh pháp nhãn rồi, đã có đầy đủ các lực thần thông, thì ma chẳng có thể phá hoại được.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã vào được trong các tam muội, đã thấy được chư Phật trong khắp 10 phương, nên tâm ngài đã quyết định vì pháp chẳng tiếc thân mạng. Khi tướng tâm



quyết định của ngài hiện ra, thì ác ma mới lo sợ. Nay Bồ tát Tát Đà Ba Luân định tâm ra khỏi cảnh giới ma, nên ma mới đến phá.

Ví như mắc nợ chưa có ý định bỏ đi xa, thì chủ nợ chưa có lo sợ; khi người mắc nợ tỏ ý định muốn đi xa, thì chủ nợ mới lo ngại, tìm mọi cách ngăn cản sự ra đi của người kia, với chủ tâm đòi lại số nợ. Cũng như vậy, khi Bồ tát chưa định tâm thì ác ma chưa động đến; khi Bồ tát đã định tâm rồi thì ác ma thường đến phá vậy.

**Hỏi:** *Ma có thể lực lớn. Như vậy vì sao chẳng giết Bồ tát mà chỉ phá hoại Bồ tát mà thôi?*

**Đáp:** Ma chẳng có thù ghét thọ mạng, chỉ thù ghét huệ mạng, thù ghét Phật tâm nên chỉ phá hoại Bồ tát mà chẳng giết hại vậy.

Lại nữa, có chư Thiên thần thường ở bên giữ gìn chẳng để cho ác ma giết hại Bồ tát, nên ác ma chỉ có thể khùng bố, làm não loạn tâm Bồ tát mà chẳng thể hại mạng Bồ tát được vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự cầm dao hoại thân mà lại thoát chết như vậy?*

**Đáp:** Có thuyết nói vì vị trưởng giả nữ đời trước đã chứa nhóm nhiều công đức, nên ác ma chẳng thể che mắt, bít tai được. Do vậy mà nàng mới thấy nghe được cảnh tượng hoại thân ấy, kịp thời đến cứu được Bồ tát.

Có thuyết nói vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân chưa đến số chết nên mới được cứu mạng.

Có thuyết nói do lực thần thông của Bồ tát Đàm Vô Kiệt khiến vị trưởng giả nữ nghe thấy cảnh tượng phá thân ấy mà kịp thời đến cứu mạng.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng tiếc thân mạng, chỉ vì chẳng có người đến mua nên chẳng bán thân được. Như vậy vì sao phải khóc lóc thảm thiết?*

**Đáp:** Vì ngài đã phát đại tâm mà chưa được mãn nguyện, nên buồn rầu mà khóc lóc vậy.

**Hỏi:** *Vị Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn đã có được quá báo tha tâm thông, biết rõ quyết định của Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Như vậy vì sao còn muốn thử thách làm gì?*

**Đáp:** Chư Thiên biết được tâm người, nhưng chẳng sao biết được tâm Phật. Nếu thấy có người vì Phật đạo mà sắp được thọ ký, thì vị Đế Thích cũng muốn được dẫn đạo họ. Sự thử thách có mục đích đẩy mạnh sự phát tâm của người cầu Phật đạo. Nếu thật sự Bồ tát có thể tự cắt thịt, trích máu, chẻ xương, lấy tủy thì biết tâm Bồ tát đã quyết định, chẳng còn động nữa. Đây là lý do vì sao Đế Thích muốn thử tâm Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

**Hỏi:** *Vị Đế Thích là vua cõi trời. Như vậy vì sao còn phạm tội vọng ngữ, nói rằng: “Ta cần máu, tim và tủy để tế trời”?*

**Đáp:** Vì muốn biết tâm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân nên mới có vọng ngữ như vậy. Nếu hiện thật thân thì sợ Bồ tát chẳng tin, nên phải nói cần các thứ ấy để tế trời, để Bồ tát tin vậy.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe nói như vậy rất vui mừng, nghĩ rằng: “Tôi sẽ có lợi ích lớn; nay tôi được làm việc bố thí Ba-la-mật và sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật là pháp đệ nhất trong 6 pháp Ba-la-mật. Được Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất lợi, nhưng được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mới là đại lợi; từ sơ địa đến thập địa là đệ nhất lợi, nhưng thập địa mới là đại lợi; Bồ tát địa là đệ nhất lợi, nhưng Phật địa mới là đại lợi”.

Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, muốn được đại lợi ích, nên nghe vị Đế Thích nói như trên, liền sanh tâm vui mừng.

**Hỏi:** *Vì sao vị Đế Thích lại hỏi: “Ông muốn bán các thứ ấy với giá bao nhiêu”?*

**Đáp:** Vì biết Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn bán thân để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt nên vị Đế Thích hỏi như trên để xem ngài có thật sự quyết tâm, thật sự chẳng còn hối hận chăng?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thật sự đã quyết tâm, chẳng chút hối hận nên đáp: “Cho bao nhiêu cũng được”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có tiền để thuê một người chiêng đà la phá thân ngài; cũng chẳng có thể nhờ một vị Bà-la-môn làm việc ấy vì Bà-la-môn sợ tội phá thân người, nên ngài phải cầm dao, tự phá thân mình.

**Hỏi:** *Vì sao vị trưởng giả nữ khi nghe Bồ tát Tát Đà Ba Luân rao bán thân, chẳng liền hỏi; mà đến khi thấy ngài phá thân mới đến hỏi?*

**Đáp:** Việc bán thân là việc dễ làm, việc tự phá thân mới thật là việc khó làm.

Vị trưởng giả nữ, từ trên gác cao nhìn xuống, thấy cảnh phá thân, máu chảy ra lai láng, tự nghĩ rằng: “Hết thầy chúng sanh đều cầu vui, đều sợ khổ, mà người này tự xẻ thịt lấy máu là việc làm rất hy hữu”. Nghĩ như vậy, nên xuống tận nơi để hỏi nguyên nhân.

Khi được biết Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn bán máu, tim và tủy cho vị hóa Bà-la-môn để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nàng bèn hỏi rằng: Ông cúng dường như vậy sẽ có được lợi ích gì?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp mà Bồ tát phải học. Tôi phải theo Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được học Bát nhã Ba-la-mật. Do học Bát nhã Ba-la-mật mà sẽ được thành Phật. Khi tôi được làm Phật, tôi sẽ làm chỗ y chỉ cho hết thầy chúng sanh, ví như cây che bóng làm cho dân trong ấp được hưởng sự im mát vậy.

Phật có thân sắc vàng, có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp, có vô lượng quang minh. Quang minh của Phật là chân ánh sáng, chiếu khắp cả 10 phương; chúng sanh ở cõi Diêm phù đề nhờ nương theo quang minh của Phật mà thoát ra khỏi vô minh hắc ám. Phật có đại từ bi, có thần thông chẳng thể nghĩ bàn, có đầy đủ trí giới, thiên định, trí huệ thanh tịnh. Phật vì 5 chúng thuyết pháp, dạy họ tu bố thí, tu trì giới, ... dẫn đến tu trí huệ, khiến họ được trí vô ngại, được giải thoát vô ngại. Khi tôi được vô lượng công đức như vậy rồi, tôi sẽ đem pháp bảo vô thượng ban phát cho hết thầy chúng sanh. Bởi vậy nên tôi nguyện xả thân sanh già bệnh chết này, xả thân xú uế, bất tịnh này, để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, để được thành Phật.

Vị trưởng giả nữ đã gieo trồng thiện căn trong nhiều kiếp, đã có được trí huệ sáng suốt, nên vừa nghe pháp liền được đại pháp hỷ, chẳng còn sợ hãi nữa. Nàng nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Việc làm của ông thật là hy hữu, pháp mà ông vừa tán thán thật là vi diệu. Nếu được pháp vi diệu ấy mà phải xả vô lượng thân cũng nên làm, huống nữa là chỉ xả 1 thân.

Lúc ban đầu vị trưởng giả chưa rõ nguyên nhân gì khiến Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự phá thân nên chỉ tỏ lòng thương xót. Nhưng nay nàng đã được nghe pháp thanh tịnh, nên sanh tâm hoan hỷ và tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: “Ngài vì pháp mà bán thân, tôi rất cảm phục. Vì ngài nghèo, chẳng có gì để cúng dường pháp và pháp sư nên tôi xin hết lòng

giúp ngài. Ngài cần gì, tôi xin sẽ cung ứng đầy đủ. Tôi cũng muốn theo ngài đến cầu đạo nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt”

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã xẻ thịt khiến máu chảy ra lai láng. Như vậy vì sao ngài còn có thể nói nhiều Phật pháp cho vị trưởng giả nữ nghe?*

**Đáp:** Tuy thân khổ mà Bồ tát chẳng bị vô minh che tâm. Lại nữa, lúc bấy giờ ngài mới xẻ thịt, nhưng chưa phá xương lấy, tùy nên chưa mê man. Do vậy ngài còn có thể nói pháp cho vị trưởng giả nữ nghe được.

-o0o-

Vị Đế Thích sau khi đã biết rõ tâm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân quyết định, chẳng có gì lay chuyển được nữa nên trở lại nguyên hình và tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Tâm của ông rất kiên cố. Ý vị Đế Thích muốn nói rằng: “Bồ tát Tát Đà Ba Luân, dù chưa được Phật đạo, mà chẳng còn tiếc thân mạng; chẳng bao lâu nữa sẽ được vô sở trước, sẽ được vô sanh pháp nhẫn, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề”.

Các vị Thiên Vương vì ái lạc Phật đạo nên thường thù thách người tu cầu đạo giải thoát. Vị Đế Thích muốn biết tâm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã thật kiên cố chưa, nên mới đòi mua máu, tim và tùy vậy. Nay thấy tâm Bồ tát chẳng gì lay chuyển được nên nói: Ông cầu gì, tôi sẽ ban cho.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân do đã thâm tín Phật đạo, nên vừa nghe vị Đế Thích nói như trên, liền đáp: Tôi muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Vị Đế Thích nói: Tôi chẳng đủ sức để làm việc ấy. Đó là cảnh giới của chư Phật. Ông hãy cầu việc gì khác, trong khả năng của tôi.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy chẳng tiếc thân mạng nhưng vì muốn giữ thân để đi cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt nên nói với vị Đế Thích rằng: Xin cho thân tôi được hồi phục lại như cũ.

Tức thì, thân ngài được hồi phục lại như cũ.

**Hỏi:** *Vì sao thân Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã bị cắt xẻ rồi mà vị Đế Thích có thể làm cho hồi phục lại như cũ?*

**Đáp:** Phật dạy: Có những việc bất khả tư nghì mà loài rồng còn có thể làm được, huống nữa là hàng Trời.

Trong hư không có đủ các loại vi trần. Vị Đế Thích đây tâm muốn làm phước nên đã hòa hợp các vi trần làm cho thân của Bồ tát Tát Đà Ba Luân trở lại lành lặn như trước.

Ví như thân của chúng sanh ở các cõi trời và ở các cõi địa ngục là do hóa sanh, chẳng phải là do thai sanh. Thân người do các nhân duyên tội phước hòa hợp mà thành. Vị Đế Thích cũng dùng các nhân duyên tội phước để hồi phục lại nguyên vẹn thân của Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

-o0o-

Vị Đế Thích thấy nguyện của mình đã đầy đủ nên liền biến mất. Như vậy là Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã trả xong các nghiệp tội phước đời trước. Từ đây, ngài sẽ được phước đức vô lượng vô biên.

Ngay lúc bấy giờ, ngài liền được vị trưởng giả nữ đưa về nhà, xin với cha mẹ nàng cho đầy đủ các lễ vật cúng dường, như đã rộng nói ở đoạn kinh nêu trên đây.

**Hỏi:** *Trước đây, vị trưởng giả nữ nói: “Ngài muốn gì để cúng dường, tôi xin cung ứng đầy đủ”. Nay vì sao nàng lại*

*đưa Bồ tát về nhà để xin cha mẹ cung ứng các đồ lễ vật để cúng dường?*

**Đáp:** Lúc ban đầu, vị trưởng giả nữ muốn an ủi Bồ tát Tát Đà Ba Luân, lại sợ xấu hổ, chưa tiện nói phải về nhà xin cha mẹ, nên đã nói: “Ngài theo tôi về nhà, tôi sẽ cung ứng đầy đủ các đồ lễ vật để cúng dường”. Nhưng khi về đến nhà, nàng lại thưa trình với cha mẹ, xin cho nàng đầy đủ các thứ châu báu, hương hoa, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí v.v...; xin 500 cỗ xe, xin đem theo 500 thị nữ; xin cho nàng được phép đi cùng với Bồ tát Tát Đà Ba Luân đến cầu pháp nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vì sao? Dù người con gái có đủ sức cho nhưng theo phép nhà thì con phải thừa ý cha mẹ nên nàng phải xin cha mẹ vậy.

-o0o-

Ở nước đó chẳng có Phật pháp nên ông bà trưởng giả mới hỏi con gái mình, “Bồ tát Tát Đà Ba Luân là người như thế nào?”.

Sau khi nghe con gái mình tường trình đầy đủ sự việc và còn khẩn thiết xin theo 500 vị nữ, xin được tháp tùng Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi cầu pháp nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt thì cả 2 ông bà trưởng giả đều vui vẻ chấp nhận.

**Hỏi:** *Vị trưởng giả giàu sang, phú quý, lại có nhiều uy quyền. Vì sao chỉ vừa mới nghe nói đến công đức của Bồ tát Tát Đà Ba Luân mà đã thuận cho con gái mình đem bảo vật và đoàn thị nữ đi theo?*

**Đáp:** Người được làm trưởng giả là người đời trước đã trồng nhiều thiện căn nơi các đức Phật. Nay dù sanh vào nơi

chẳng có Phật pháp nhưng nếu nghe Phật pháp thì phát khởi được túc duyên đời trước, khiến tâm liền được khai ngộ. Ví như hoa sen khi đã tăng trưởng đầy đủ rồi thì chỉ cần ánh sáng mặt trời là liền nở. Ông bà trưởng giả thấy tâm con gái mình đã thuần thực, thanh tịnh, chẳng màng thế lạc, chỉ mong cầu pháp lợi, nên vui vẻ chấp thuận lời thỉnh nguyện của con vậy.

Lại nữa, nếu trái ý con thì sợ con buồn khổ, hại đến thân. Do suy nghĩ, trù lượng như vậy nên mới quyết định chịu theo ý con vậy.

Ông bà trưởng giả nghĩ rằng: “Tùy hỷ cho con gái mình đi tìm đạo là mình cũng góp phần công đức”; lại nghĩ rằng: “Người thế gian khi đã thâm chấp sự việc gì rồi thì rất khó giải. Nếu phát tình ái còn khó giải, huống nữa là phát tâm cầu đạo. Con gái mình cầu đạo thanh tịnh, chẳng nhiễm trước thế sự, nữ nào chẳng cho con được như nguyện”. Lại nữa, vì ông bà thấy con gái mình vì pháp chẳng tiếc các bảo vật nên đem tâm tùy hỷ trông thiện căn phước đức.

-o0o-

Sau đó, đoàn xe chở Bồ tát Tát Đà Ba Luân vị trưởng giả nữ và 500 thị nữ, cùng các bảo vật cúng dường theo hướng Đông, thẳng tiến về phía thành Chúng Hương. Khi đoàn xe đến gần thành Chúng Hương dân chúng cho là việc hy hữu nên đã tụ tập đông đảo, vui vẻ đi theo, mong mỗi sớm đến thành Chúng Hương như người khát nước đi tìm nước uống vậy.

Khi thấy thành Chúng Hương, Bồ tát Tát Đà Ba Luân và đoàn tùy tùng đều vui mừng, mong mỗi sớm được gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe Bát nhã Ba-la-mật.



**Hỏi:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã được văn trì đà la ni, đã trì tụng, đã thông đạt và chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, đâu có cần đến kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật viết trên lá vàng, và để trên đài 7 báu? Vì sao lại phải để kinh trên đài để, cho chúng sanh cúng dường?

**Đáp:** Có nhiều nhân duyên. Tóm lược như sau:

- Tâm hạnh của chúng sanh chẳng có đồng đều nhau. Có người ưa thấy kinh quyển, ưa cúng dường kinh quyển. Có người ưa được nghe giảng giải kinh pháp.

- Bồ tát Đàm Vô Kiệt ở trong nhà với đầy đủ quyển thuộc. Từ bên ngoài nhìn vào, người thế gian có thể nghĩ rằng: “Tu tại gia như vậy ắt phải có nhiệm trước. Nếu tu Bát nhã Ba-la-mật để làm lợi ích chúng sanh mà còn nhiệm trước thì làm sao có thể dùng vô sở trước để giáo hóa chúng sanh được”.

Bởi nhân duyên vậy, nên phải chép kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật trên lá vàng, bày trên 7 báu, để chúng sanh cúng dường. Các hàng trời, rồng, cùng các quý, thần cũng thường lui tới cúng dường. Nhờ vậy mà tín căn của chúng sanh được thêm tăng trưởng. Sau đó mới dùng pháp khai thị, truyền Phật ngữ, diễn giải văn nghĩa để dạy chúng sanh, khiến họ được hết thấy pháp bảo trang nghiêm.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi vị Đế Thích: Trong kinh nói có ấn 7 báu. Như vậy Bồ tát Đàm Vô Kiệt có chân bảo ấn chăng?

Khi cầu Phật đạo, Bồ tát cầm ấn 7 báu, có 7 vị đại thần cầm kim cương trượng hầu bên cạnh, giữ gìn kinh, chẳng cho ma đến nhiễu loạn.

Vì quý trọng kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật nên có người nghe thuyết giảng kinh ấy mà phát tâm; có người thấy kinh ấy được để trên đài 7 báu trang nghiêm mà phát tâm. Bởi vậy nên phải trang nghiêm bảo đài, phải dùng lá vàng chếp kinh, phải dùng 7 báu ấn lên, để làm cho tín tâm của chúng sanh càng thêm tăng trưởng.

**Hỏi:** *Kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật được đặt trên bảo đài; Bồ tát trên pháp tòa cũng diễn nói kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy cả 2 bên đều diễn bày diệu pháp. Vì sao phải cúng dường kinh trước rồi mới cúng dường pháp sư sau?*

**Đáp:** Nên biết 3 ngôi Tam bảo gồm có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Kinh *Ma ha Bát nhã Ba-la-mật* là Pháp bảo; Bồ tát Đàm Vô Kiệt là Tăng bảo. Bởi vậy, nên phải cúng dường Pháp bảo trước.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt tuy nói pháp mà chúng sanh còn thấy có tướng nói pháp nên còn sanh tâm chấp. Nhưng nếu thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng đoàn tùy tùng cúng dường kinh trước thì họ sẽ chẳng còn tâm chấp nữa.

Lại nữa, Ma ha Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Chư Phật còn cúng dường kinh này, huống nữa là chư Bồ tát. Bồ tát Đàm Vô Kiệt do tu Ma ha Bát nhã Ba-la-mật mà được đầy đủ công đức được chúng sanh cúng dường, nên khi cúng dường phải cúng dường kinh trước.

Bởi vậy nên, Bồ tát Tát Đà Ba Luân và đoàn tùy tùng đã phân chia lễ vật làm 2 phần: Một phần cúng dường kinh trước và một phần cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt sau.

**Hỏi:** *Bồ tát Đàm Vô Kiệt có 6 vạn thế nữ cùng thọ 5 dục, có*

*cung điện nguy nga. Như vậy làm sao có thể khiến các đồ lễ vật cúng dường hóa thành bảo đài trụ trên hư không được?*

**Đáp:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt là một vị đại Bồ tát pháp tánh sanh thân, vì độ chúng sanh mà thọ 5 dục, nhằm dung thông 2 đế.

Có thuyết nói các đức Phật dùng thần lực hóa các lễ vật mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân vừa đem đến cúng dường thành các bảo đài trụ trên hư không.

**Hỏi:** *Ở nơi hết thảy chúng sanh, Bồ tát phải khởi tâm đại bi. Vì sao nói Bồ tát muốn độ chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề?*

**Đáp:** Phát tâm do nhiều động cơ khác nhau.

Có người vì pháp mà phát tâm.

Có người thấy chúng sanh đau khổ, mà phát tâm đại bi, muốn đem lại niềm vui cho chúng sanh, muốn chúng sanh bớt khổ mà phát tâm.

Có người thấy được lực thần thông, thấy được oai đức lớn của chư Phật, chư đại Bồ tát mà phát tâm. Rồi sau đó mới sanh bi tâm và trí ấn(\*\*). Như trong kinh Trí Ấn nói: “Y ái mà đoạn ái, y mạn mà đoạn mạn”.

Có người do được nghe pháp, sanh ái trước pháp mà xả bỏ 5 dục, phát tâm xuất gia cầu đạo.

Có người thấy người khác được quả A-la-hán mà sanh cao tâm nghĩ rằng: “Người kia có hơn gì ta đâu mà sao chúng

---

\*\* Trí ấn là sự ấn chứng của trí tuệ. Nhà tu hành được ấn chứng Bát nhã Ba-la-mật thì được vào cảnh giới chân lý thật tướng, chẳng còn lầm lạc, thối chuyển.

được A-la-hán? Tại sao ta chẳng được như vậy?”. Nghĩ như vậy rồi siêng năng, tinh tấn tu hành, được quả A-la-hán vậy.

-oOo-

Cũng như vậy, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ muốn thấy được người có thể lực tự tại, có lực thần thông biến hóa ra đầy đủ các bảo vật, lại muốn biết cảnh vui ở cõi trời. Nay mới vừa thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt ở trong cung điện, ngồi trên tháp tòa trang nghiêm, thấy hàng trời người cung kính đảnh lễ nghe pháp, lại thấy các đồ lễ vật cúng dường biến thành bảo đài ở giữa hư không, các vị ấy liền phát đại tâm. Họ vui mừng nghĩ rằng đây là sự việc rất hy hữu, rất khó gặp; nghĩ rằng Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhân duyên phước đức lớn mới được như vậy. Do suy nghĩ như vậy mà họ phát tâm muốn được nghe pháp, muốn được làm Phật.

Như trong kinh *Duy Ma Cật* nói: “Ái, mạn, phiền não đều là căn bản của Phật đạo”.

Khi các người nữ này thấy các sự việc hy hữu, sanh tâm ái lạc, biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhiều nhân duyên phước đức mới thành tựu được các việc chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên họ liền phát đại tâm.

Như vậy là từ ái, mạn mà các người nữ này thành tựu được tâm thanh tịnh. Bởi vậy nên nói: “Ái, mạn, phiền não đều là căn bản của Phật đạo”.

Ví như hoa sen từ bùn vươn lên liền tỏa hương thơm ngát. Các người nữ này phát tâm rồi liền thế nguyện được như Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Họ tự nghĩ rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt làm được như vậy; chúng tôi cũng xin nguyện được làm như vậy”.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân cung kính đánh lễ Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Đánh lễ Bồ tát pháp sư xong, ngài tường trình về mọi sự việc kể từ khi ở trong rừng vắng, nghe tiếng nói giữa hư không, bảo đi về phương Đông cầu pháp... dẫn đến việc ngài cùng với đoàn người nữ đến gặp Bồ tát pháp sư. Ngài cũng nói đến việc các đức Phật từ giữa hư không cho ngài biết rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ nhiều đời đã là vị thiện tri thức của ngài. Chính Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ là người khai ngộ cho ngài”. Ngài cũng nói rằng: “Khi các đức Phật an ủi ngài xong thì liền chẳng còn hiện nữa. Ngài chẳng rõ các đức Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu”.

Bởi vậy nên nay được gặp Bồ tát pháp sư Đàm Vô Kiệt, ngài liền xin Bồ tát pháp sư được nêu câu hỏi: “Chư Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?”.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các tam muội, đã phá được vô minh, đã quán được các pháp bình đẳng. Vì sao chẳng biết hết thấy pháp đều là tánh không, mà còn chấp có tướng Phật, còn sanh tâm chấp đắm Phật như vậy?*

**Đáp:** Các vị Bồ tát tâm phát ý tuy đã biết các pháp đều là không, là vô tướng, nhưng ở nơi các đức Phật vẫn còn ái chấp. Vì sao? Vì họ chưa được rõ Phật có phải là rốt ráo không, là vô tướng chẳng?

Các Bồ tát tâm phát ý tuy đã biết không, mà chưa thật sự hòa hợp với không. Vì sao? Vì Phật có vô lượng vô biên công đức, khiến các Bồ tát sơ phát ý thường hay thâm chấp.

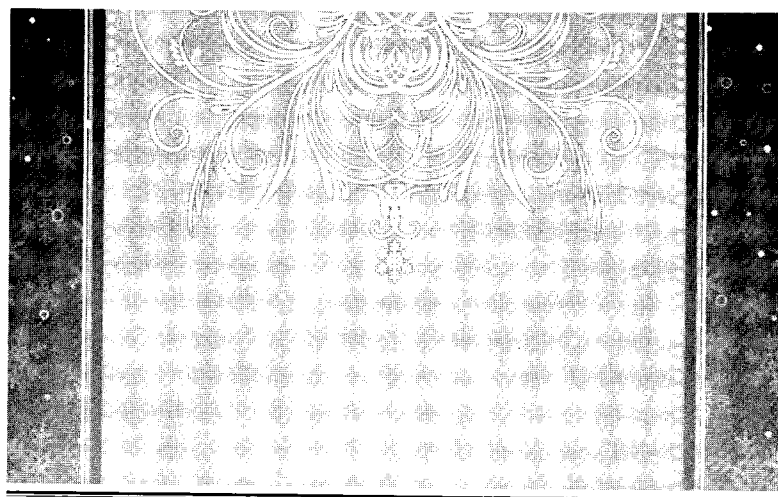
Bởi vậy nên Phật, vì hàng Bồ tát này, phải nói: “Phật cũng là không”. Nếu chẳng vì các Bồ tát này nói không, thì do thâm ái Phật, họ có thể tự diệt và diệt thân tộc họ. Thân tộc còn diệt, huống nữa là người khác.

Khi Bồ tát đã được biết rõ “không” rồi thì chẳng còn có những sự việc như vậy nữa.

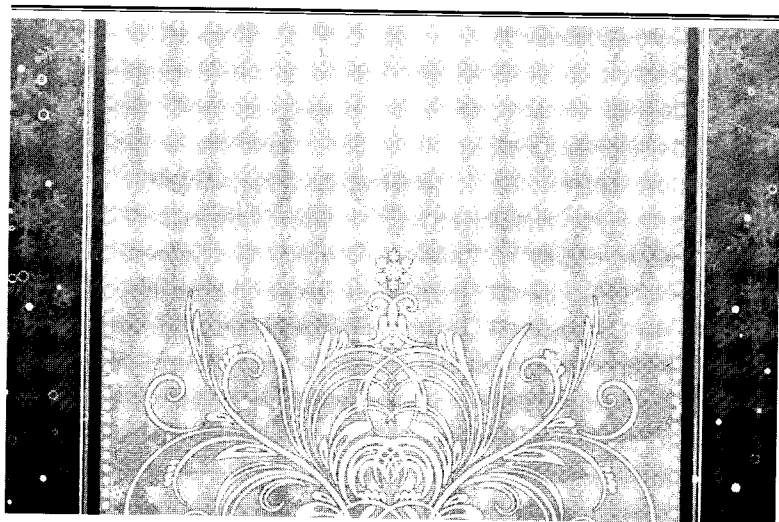
Bồ tát Tát Đà Ba Luân, do thâm ái chấp chư Phật nên chẳng có hay biết. Do vậy mà ngài mới hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt: “Các đức Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?”.

Vì sao? Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn thấy tướng của các đức Phật, mãi chẳng nhàm chán, nên chẳng muốn xa rời các đức Phật vậy.

(Hết quyển 98)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 99**







## Phẩm Thứ Tám Mười Chín



### Đàm Vô Kiệt

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ Bồ tát Đàm Vô Kiệt bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân: Nay thiện nam tử! Các đức Phật chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu.

Vì sao?

Các pháp như là tướng bất động. Pháp như tức là Phật.

Pháp vô sanh (chẳng sanh) là chẳng đến, chẳng đi. Pháp vô sanh tức là Phật.

Pháp vô diệt (chẳng diệt) là chẳng đến, chẳng đi. Pháp vô diệt tức là Phật.

Pháp không là chẳng đến, chẳng đi. Pháp không tức là Phật.

Pháp vô nhiễm (chẳng nhiễm) là chẳng đến, chẳng đi. Pháp vô nhiễm tức là Phật.

Pháp tịch diệt là chẳng đến, chẳng đi. Pháp tịch diệt tức là Phật.

Tánh hư không là chẳng đến, chẳng đi. Tánh hư không tức là Phật.

Nay thiện nam tử! Rời các pháp thì chẳng có Phật. Các pháp như, các đức Phật như là nhất như, chẳng có phân biệt.

Này thiện nam tử! “Nhu” ấy là thường một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, ... “nhu” ấy ra ngoài các pháp số, vì là vô sở hữu.

Ví như vào cuối mùa xuân, khi trời nóng bức, vào các ngày nắng gắt, người lữ hành đi trên khoảng đường trống, thấy ở đằng xa sóng nắng in bóng những vùng nước tươi mát. Người vô trí đuổi theo sóng nắng mong tìm được nước. Ý ông nghĩ sao! Nước đó từ sông nào, từ suối nào chảy đến chẳng? Nước đó sẽ đi về đâu; sẽ chảy về biển Đông, về biển Tây, về biển Nam, về biển Bắc chẳng?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thưa: “Bạch Đại sư! Ở trong sóng nắng còn chẳng có nước thì làm sao có chỗ nước chảy đến và chỗ nước chảy đi được!”

Bồ tát Đàm Vô Kiệt dạy: Này thiện nam tử! Người vô trí, do bị nóng và khát bức bách nên thấy sóng nắng in bóng các vùng nước ở đằng xa mà tưởng đó là nước.

Này thiện nam tử! Người phân biệt các đức Phật có đến, có đi cũng là như vậy.

Vì sao?

Này thiện nam tử! Chẳng có thể do nơi sắc thân của Phật mà thấy được Phật. Pháp thân của Phật chẳng đến, chẳng đi; cũng chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ đi.

Này thiện nam tử! Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra nào là voi, ngựa, trâu, dê, nào là người nam, người nữ. Ý ông nghĩ sao? Các sự vật huyền ấy từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thưa: Bạch Đại sư! Các sự vật huyền ấy chẳng có thật thì làm sao có chỗ đến, có chỗ đi được.

**Bồ tát Đàm Vô Kiệt dạy:** Nay thiện nam tử! Người phân biệt các đức Phật có đến, có đi cũng là như vậy.

Nay thiện nam tử! Ví như người nằm mộng thấy có voi ngựa, có trâu dê, có người nam, người nữ. Ý ông nghĩ sao? Các sự vật thấy trong mộng ấy từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân thưa:** Bạch Đại sư! Cảnh vật thấy trong mộng là hư vọng thì làm sao có chỗ đến, chỗ đi được.

**Bồ tát Đàm Vô Kiệt dạy:** Nay thiện nam tử! Người phân biệt các đức Phật có đến, có đi cũng là như vậy.

Nay thiện nam tử! Phật nói các pháp đều là như mộng. Nếu có người nào chẳng biết pháp nghĩa ấy, chấp danh tự sắc thân của Phật là Phật thì phải biết đó là người ngu phu, vô trí.

Người phân biệt Phật có đến, có đi, là người chẳng biết được tướng thật tế của các pháp, nên cũng là người ngu phu, vô trí.

Những hạng người này phải qua lại mãi trong 5 đạo chúng sanh, xa rời Bát nhã Ba-la-mật, xa rời các Phật pháp.

Nay thiện nam tử! Phật thuyết các pháp như huyễn, như mộng. Nếu người nào biết như thật, thì phải biết đó là người chẳng phân biệt các pháp có đến, có đi, có sanh, có diệt.

Nếu chẳng phân biệt các pháp có đến, có đi, có sanh, có diệt thì biết được thật tướng các pháp là chỗ mà Phật thường nói đến. Phải biết người này hành Bát nhã Ba-la-mật gần Vô Thượng Bồ Đề, gọi là bậc chân Phật tử, chẳng hư vọng thọ của tín thí. Người này xứng đáng thọ nhận sự cúng dường; xứng đáng là phước điền của thế gian.

Này thiện nam tử! Ví như trong biển lớn có các châu báu. Các châu báu ấy chẳng từ phương Đông đến, chẳng từ phương Tây đến, chẳng từ phương Bắc đến, chẳng từ phương Nam đến, cũng chẳng từ phương trên, phương dưới và 4 phương chéo đến. Chỉ do nhân duyên thiện căn của chúng sanh mà trong biển lớn có các châu báu sanh ra.

Các châu báu ấy chẳng phải chẳng có nhân duyên sanh. Thật sự, các châu báu đều do các nhân duyên hòa hợp mà được sanh ra; các châu báu ấy khi diệt lại cũng chẳng đi về đâu. Vì sao? Vì khi các nhân duyên hòa hợp thì sanh; khi các nhân duyên ly tán thì diệt vậy.

Này thiện nam tử! Thân của các đức Phật cũng là như vậy. Do bản nghiệp nhân duyên quả báo của chúng sanh mà sanh, nên khi sanh chẳng từ 10 phương đến, khi diệt cũng chẳng đi về 10 phương. Vì khi các nhân duyên hòa hợp thì sanh; khi các nhân duyên ly tán thì diệt vậy.

Này thiện nam tử! Ví như cây đàn “khổng hầu” phát ra tiếng. Khi sanh tiếng đàn chẳng từ đâu đến; khi diệt tiếng đàn cũng chẳng đi về đâu. Tiếng đàn do nhiều duyên hòa hợp mà có.

Ví như cây đàn do nhiều bộ phận rời rắp lại mà thành; lại phải có người dùng tay đánh lên cây đàn... mới có được tiếng đàn.

Tiếng đàn ấy chẳng từ nơi cây đàn, cũng chẳng từ nơi tay của người đánh đàn mà có. Do hội đủ các nhân duyên hòa hợp mà có phát ra tiếng đàn. Khi các nhân duyên ly tán thì tiếng đàn ấy cũng chẳng đi về đâu.

Này thiện nam tử! Thân Phật cũng là như vậy. Thân Phật do vô lượng nhân duyên công đức sanh, chẳng phải

do một nhân duyên, một công đức mà sanh, cũng chẳng phải chẳng có nhân duyên mà sanh ra vậy. Hội đủ các nhân duyên hòa hợp thì mới có thân Phật hiện ra; chẳng phải do một nhân duyên riêng mà thành được. Thân Phật chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu.

Này thiện nam tử! Phải nên biết tướng đến và tướng đi của các đức Phật là như vậy.

Này thiện nam tử! Biết rõ các đức Phật cùng các pháp chẳng có tướng đến, tướng đi, tướng sanh, tướng diệt, là được Vô Thượng Bồ Đề, là thường hành Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn đem hoa trời mạn đà la trao cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân và nói rằng: Này thiện nam tử! Ông hãy lấy hoa này cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Tôi giữ gìn hoa này để ông cúng dường. Vì sao? Vì hôm nay ông đã có đầy đủ các lực duyên để làm lợi ích cho trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến họ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này thiện nam tử! Bạch thiện nhân như Bồ tát Đàm Vô Kiệt rất khó gặp. Vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh mà ngài đã thọ khổ trong vô lượng kiếp.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhận hoa mạn đà la từ tay Đế Thích, dâng lên Bồ tát Đàm Vô Kiệt và thưa rằng: Bạch Đại sư! Kể từ hôm nay thân con thuộc về Đại sư; con xin đem thân này cúng dường Đại sư.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tác bạch xong, chấp tay đứng sang một bên.

Lúc bấy giờ, vị trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Kể từ hôm nay thân chúng

con thuộc về ngài. Nhờ nhân duyên thiện căn mà chúng con được pháp như vậy, chúng con xin nguyện đời đời cúng dường ngài và cùng với ngài đời đời cúng dường chư Phật.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân bảo chúng người nữ rằng: Các người đã chí thành muốn thuộc về tôi, tôi sẽ nhận các người.

Chúng người nữ thưa: Chúng con đem tâm thành xin được thuộc về ngài. Chúng con xin vâng theo sự chỉ dạy của ngài.

Ngay sau đó, Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng với chúng nữ đem các bảo vật nghiêm trang, các lễ vật cúng dường thượng diệu và 500 cỗ xe báu dâng lên Bồ tát Đàm Vô Kiệt thưa rằng: Bạch Đại sư! Con xin đem dâng 500 người nữ này để hầu hạ Đại sư và 500 cỗ xe này tùy Đại sư sử dụng.

Lúc bấy giờ, vị Đệ Thích tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Bồ tát thí xả tất cả sở hữu. Bồ thí như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề. Cúng dường vị pháp sư như vậy ắt sẽ được Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Chư Phật quá khứ, khi hành Bồ tát đạo cũng an trú trong bố thí mà được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Đàm Vô Kiệt muốn khiến cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân được đầy đủ thiện căn nên đã thọ 500 cỗ xe, 500 vị thị nữ, cùng vị trưởng giả nữ; thọ nhận xong, bèn đem trao lại cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Xong Bồ tát Đàm Vô Kiệt thuyết pháp, mãi cho đến khi mặt trời lặn mới rời pháp tòa, trở vào cung.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: Tôi vì pháp mà đến đây, chẳng nên ngồi nằm. Tôi chỉ nên dùng 2 oai

nghi, hoặc đi, hoặc đứng, chờ pháp sư từ trong cung trở lại thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhất tâm vào vô lượng a tăng kỳ tam muội; suốt 7 năm nhất tâm hành Bát nhã Ba-la-mật, hành lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát Tát Đà Ba Luân suốt 7 năm chỉ đi kinh hành, chẳng có nằm ngồi, chẳng ngủ nghỉ, chẳng dám sanh tâm sân nã, chẳng dám tham luyến, mà chỉ tưởng niệm Bồ tát Đàm Vô Kiệt đến bao giờ mới xuất tam muội, mới trở lại thuyết pháp.

Qua 7 năm, Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: “Tôi phải vì Bồ tát pháp sư lo việc trang trí pháp tòa để ngồi ngồi trên đó thuyết pháp. Tôi phải quét dọn, lau rửa mặt đất cho sạch sẽ, thanh tịnh; tôi phải rải các thứ hoa để trang nghiêm nơi mà Bồ tát pháp sư sẽ ngồi để thuyết Bát nhã Ba-la-mật”.

Bởi vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đều vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt lo việc trang nghiêm pháp tòa. 500 vị thị nữ cõi thượng y của mình trải lên pháp tòa nghĩ rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ ngồi trên pháp tòa này để thuyết Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật”.

Trang trí pháp tòa xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi tìm nước để lau rửa mặt đất nhưng chẳng tìm được. Vì sao? Vì ác ma che giấu, chẳng để cho nước hiện ra. Ác ma nghĩ rằng: “Bồ tát Tát Đà Ba Luân tìm nước chẳng được, ắt sẽ sanh tạp niệm; nếu ở nơi Vô Thượng Bồ Đề mà có sanh một niệm khác thì tâm cầu đạo sẽ suy yếu, thiện căn sẽ chẳng tăng trưởng, trí huệ sẽ chẳng được chiếu minh, sẽ trở ngại sự thành tựu Nhất thiết chủng trí”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: “Nếu chẳng tìm được nước thì tôi phải tự lấy máu nơi thân để tưới đất, khiến cho bụi chẳng bay lên làm dơ chỗ Đại sư ngồi. Từ vô thủy đến nay, tôi đã mất vô lượng thân mà chưa bao giờ được xả thân vì pháp cả”. Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát Tát Đà Ba Luân bèn cầm dao bén, tự đâm vào thân lấy máu rưới xuống mặt đất.

Ác ma thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đều giữ vững tâm bất động nên chẳng thể hại được.

Lúc bấy giờ, vị Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: “Thật là chưa từng có. Bồ tát Tát Đà Ba Luân mèn pháp đến độ cầm dao tự đâm mình để lấy máu rưới xuống mặt đất. Bồ tát Tát Đà Ba Luân và chúng người nữ giữ tâm kiên cố, bất động như vậy, nên Ma ba tuần chẳng sao phá hoại được thiện căn của họ. Tất cả đều giữ tâm kiên cố, phát đại trang nghiêm, chẳng tiếc thân mạng, thâm tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề để độ hết thảy chúng sanh thoát khỏi vô lượng khổ sanh tử”.

Vị Đế Thích nghĩ như vậy rồi, tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: “Lành thay, lành thay! Nay thiện nam tử! Ông có sức tinh tấn rất kiên cố, chẳng thể lay chuyển, chẳng thể nghĩ bàn được. Tâm ái pháp và cầu pháp của ông thật là vô thượng”.

Nay thiện nam tử! Các đức Phật trong quá khứ cũng làm như vậy; cũng do thâm ái pháp, tôn trọng pháp, chứa nhóm các công đức mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại nghĩ rằng: “Tôi đã vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt trang trí pháp tòa, quét dọn và lau rửa mặt đất rồi. Nay tôi phải tìm các hoa quý để trang nghiêm pháp tòa. Lại nữa, khi Bồ tát pháp sư ngồi lên pháp tòa



thuyết pháp, còn phải rải hoa cúng dường. Tôi phải tìm hoa ở đâu đây!”.

Vị Đế Thích biết tâm niệm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền đem 3.000 đóa hoa trời mạn đà la trao cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhận hoa, lòng vui mừng phấn khởi, liền đem phân nửa số hoa rải xuống đất. Ngài giữ lại phân nửa số hoa, chờ lúc Bồ tát Đàm Vô Kiệt đăng đàn thuyết pháp sẽ rải để cúng dường.

Sau 7 năm nhập tam muội, Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ trong tam muội ra, lên pháp tòa thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Hàng thính chúng gồm vô lượng trăm ngàn vạn ức trời và người đoanh vây pháp tòa.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt rất vui mừng tợ như vị Tỷ-kheo vào đệ tam thiên vậy.

### **LUẬN:**

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy đã biết các pháp là không, là chẳng có đến, chẳng có đi nhưng vì ngài chưa thật sự thâm nhập vào pháp không, nên ở nơi các đức Phật còn sanh tâm cung kính, chẳng chịu quán các đức Phật cũng là không.

Ví như sóng ở ngoài biển khơi, tuy có sức mạnh đến tận chân núi Tu Di mà vẫn phải thối lui, chẳng thể làm núi lay chuyển được.

Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy có trí lực “đại không”, đến được gần bên Phật mà vẫn chưa dùng được trí lực đó vậy.

Nay Bồ tát Đàm Vô Kiệt vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân nói rằng: “Các đức Phật chẳng từ đâu đến, lại cũng chẳng đi về đâu”.

Nơi đây Bồ tát Đàm Vô Kiệt nói lên nhân duyên các pháp như là tướng bất động; pháp như tức là Phật.

**Hỏi:** *Những pháp gì gọi là pháp như?*

**Đáp:** Hết thấy các pháp ở nơi thật tướng đều là không, là vô sở hữu, nên đều là như. Chẳng có pháp nào mà chẳng phải như.

**Hỏi:** *Trong pháp Đại thừa có 6 Ba-la-mật. Ở nơi pháp đệ nhất đồ nếu chẳng có Phật, thì chẳng có ai nói được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ai có được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng có ai được bình đẳng ở nơi sắc pháp và vô sắc pháp. Phải bình đẳng, tinh diệu hòa hợp với 5 ấm mới được gọi là Phật.*

*Ví như 5 ngón tay hòa hợp gọi là nắm tay, chẳng thể nói là chẳng có nắm tay được. Danh tự khác, hình thức cũng khác, lực dụng cũng khác nên chẳng thể gọi là chẳng có nắm tay được vậy.*

**Hỏi:** *Nếu nói có nắm tay thì vì sao lại nói chẳng có Phật?*

**Đáp:** Chẳng thể nói như vậy được. Trong Phật pháp có 2 đế, là thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế.

Y theo thế tục đế, nên nói Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Y theo đệ nhất nghĩa đế nên nói các đức Phật là tánh không, là chẳng có đến và chẳng có đi.

Ví như nói có 5 ấm thanh tịnh hòa hợp mới gọi là Phật. Hòa hợp như vậy tuy là có, mà cũng tức là không.

Trong kinh, Phật dạy: “Nhân duyên 5 ấm hòa hợp chẳng phải là Phật mà ly 5 ấm cũng chẳng phải là Phật. Phật chẳng

phải ở trong 5 âm, 5 âm cũng chẳng phải ở trong Phật. Phật chẳng phải do 5 âm nên có, mà ly 5 âm cũng chẳng có Phật”.

Vì sao? Vì 5 âm là 5, mà Phật là 1. Như vậy 1 chẳng phải là 5 và 5 chẳng phải là 1. Lại nữa, 5 âm là tự tánh không, nên là hư dối, chẳng thật có.

Phật nói: “Hết thấy pháp là không, là hư dối. Trong hết thấy pháp thì pháp của Ta là pháp tối đệ nhất nên 5 âm không tức là Phật”.

**Hỏi:** *Nếu nói 5 âm tức là Phật thì tất cả những ai có thân 5 âm đều là Phật chăng?*

**Đáp:** Phật dạy: “Trước đây Ta đã trả lời về vấn đề này rồi. Có 5 âm thanh tịnh hòa hợp, có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp mới gọi là Phật”.

**Hỏi:** *Chuyên luân thánh vương có đầy đủ 32 tướng tốt, vì sao chẳng được gọi là Phật?*

**Đáp:** Chuyên luân thánh vương có đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm thân, nhưng chưa có được Nhất thiết chủng trí nên chẳng được gọi là Phật.

**Hỏi:** *Vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì Nhất thiết chủng trí là tướng tịch diệt, là chẳng có hý luận. Được pháp ấy là vô sở đắc (chẳng có chỗ đắc). Vô sở đắc mới gọi là Phật.*

Phật dạy: “Phật tức là không”. Như vậy vì sao Phật nói lên nhân duyên 5 âm chẳng phải là Phật mà ly 5 âm cũng chẳng phải là Phật?

**Đáp:** Nếu ly 5 âm thì chẳng còn có pháp gì để nói nữa. Cũng như ly 5 ngón tay thì chẳng có nắm tay, chẳng còn gì để nói nữa.

**Hỏi:** *Vì sao nói chẳng có pháp “nắm tay”?*

**Đáp:** Vì hình thức cũng có khác mà lực dụng cũng có khác. Nhân có 5 ngón tay hòa hợp mà có pháp gọi là “nắm tay”, ly 5 ngón tay thì chẳng còn có pháp “nắm tay” nữa. Lại nữa, nắm tay là vô thường, là sanh diệt, nên là bất khả đắc, là không vậy.

**Hỏi:** *Nếu pháp “nắm tay” là quyết định có, thì ly 5 ngón tay còn có thể có nắm tay chăng?*

**Đáp:** Như trên đây đã nói, nhân 5 ngón tay mới có nắm tay, ly 5 ngón tay thì chẳng có nắm tay. Cũng như vậy, ly 5 âm thì chẳng có Phật. Phật chẳng ở trong 5 âm, 5 âm chẳng ở trong Phật; ly 5 âm thì chẳng có Phật, ly Phật thì cũng chẳng có 5 âm.

Ví như vị Tỷ-kheo có 3 y và bát mới được gọi là Tỷ-kheo. Phật cùng 5 âm chẳng phải riêng khác. Bởi vậy chẳng nên nói Phật có 5 âm thanh tịnh, để rồi y nơi 5 âm thanh tịnh đó mà cầu Phật. Y nơi 5 âm thanh tịnh mà cầu Phật là chẳng thể được vậy. Nên biết Phật là tánh không, mà đã là không thì chẳng có đến, chẳng có đi vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói chẳng có Phật thì đó là tà kiến. Như vậy vì sao Bồ tát lại phát tâm cầu làm Phật?*

**Đáp:** Nói chẳng có Phật là nhằm phá chấp tướng Phật. Đây chẳng phải là nói nên chấp tướng “không Phật”. Phật còn chẳng chấp, huống nữa là chấp “không Phật”.

Lại nữa, Phật là tướng thường tịch diệt, chẳng có tướng hý luận. Nếu còn phân biệt, còn hý luận thì dù ở trong tịch diệt cũng vẫn đọa về tà kiến. Phải ly cả 2 chấp “hữu - vô”, phải hành trung đạo mới vào được thật tướng pháp; mà vào được nơi thật tướng pháp tức là Phật vậy.

Lại nữa, hết thảy các sắc pháp đều là tướng như; mà pháp như tức là Phật.

Phật là tánh như, là tánh không, nên là chẳng đến, chẳng đi, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, là thường tịch diệt, là như pháp tánh thật tế. Hư không cũng là tánh như, là tánh không, nên là chẳng đến, chẳng đi, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, là thường tịch diệt, là như pháp tánh thật tế vậy.

Các pháp như cùng các đức Phật như là nhất như, chẳng phân biệt, là thường một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, vượt ra ngoài các pháp số. Pháp như là pháp bình đẳng, là pháp thật tướng; ở nơi đây chẳng có ức tướng phân biệt chấp tướng nên vượt ra ngoài các pháp số.

Ở đây nói nhân duyên các pháp đều là không, là chẳng thật có, là vô sở hữu vậy.

**Hỏi:** *Nếu các pháp là vô sở hữu, thì làm sao có thấy, có nghe, có vui, có khổ, có triền phược, có giải thoát, có phân biệt sai khác nhau?*

**Đáp:** Nơi đây Bồ tát nói lên các nhân duyên phàm phu do chấp tướng mà khởi sanh phân biệt các pháp có tướng sai khác nhau.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt nêu lên thí dụ về người bộ hành đi trên khoảng đường trống vào những ngày hè nắng gắt, thấy ở đằng xa các sóng nắng in bóng những vùng nước mát mẻ. Người vô trí chẳng biết đó chỉ là sóng nắng mà lại chấp đó là nước; đuổi theo sóng nắng để mong được gặp nước; rồi đến khi đến nơi chẳng còn thấy gì, lại sanh tâm buồn khổ. Nước đó chẳng thật có, chỉ làm mắt người, mà phàm phu khởi chấp đắm, khiến sanh vui sướng hay buồn khổ.

Cũng như vậy, các pháp tuy là không, là vô sở hữu mà vẫn thường khiến người khởi tâm vui buồn, thương ghét, chỉ là như mộng, như huyễn. Chỉ do tâm chấp mà có ra các sự việc như vậy mà thôi.

-oOo-

Lại nữa, cũng nên biết Phật có 2 thân: Sắc thân và pháp thân.

Pháp thân là chân thật; còn sanh thân là y theo thể để mà có.

Pháp thân Phật là thật tướng pháp. Các pháp ở nơi thật tướng là chẳng có đến, chẳng có đi; Pháp thân Phật cũng chẳng có đến, chẳng có đi. Bởi vậy nên nói: “Các đức Phật chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu”.

Người chân Phật tử là người gần được thật tướng pháp; Phật là người đã được thật tướng pháp. Nếu còn có sai khác thì chỉ được các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật và đại Bồ tát. Thế nhưng các vị ấy đều được gọi là chân Phật tử, đều xứng đáng thọ nhận của tín thí.

Ví như người bố thí cho súc sanh, tuy được nhiều phước báo, nhưng phước báo ấy cũng có hạn lượng, chẳng thể độ chúng sanh ra khỏi sanh tử được, nên phước báo ấy còn là hư dối. Trái lại chư Thánh hiền và chư Phật có phước báo thọ sự cúng dường của tín thí. Phước báo là vô hạn lượng, dẫn đến Niết Bàn, nên là chẳng hư dối thọ sự cúng dường của hàng tín thí. Vì sao? Vì hướng về Niết Bàn mà chư vị Tu-đà-hoàn... dẫn đến A la hán, chư vị Bích Chi Phật thọ sự cúng dường của hàng phàm phu. Chư đại Bồ tát gần thành Phật, nên thọ sự cúng dường của hàng phàm phu, hàng Thanh Văn, hàng Bích Chi Phật và hàng Bồ tát.

Vì sao? Vì là phước điền của thế gian. Người gieo trồng

phước đức nơi phước điền tốt, sẽ gặt hái được quả báo tốt, như quả báo trì giới, quả báo thiên định, quả báo trí huệ, v.v... Muốn được quả báo vô lượng phải gieo trồng phước đức nơi các đức Phật, là phước điền chẳng có đến, chẳng có đi.

Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân và các người nghe pháp nghĩ rằng: “Các đức Phật đều là không, thì các pháp cũng đều diệt. Nghĩ như vậy là sẽ đọa về đoạn diệt, nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt nói các nhân duyên thí dụ để khai thị”.

Các pháp do nhân duyên hòa hợp mà có hiện ra các tướng. Để chứng minh sự việc ấy, Bồ tát pháp sư nêu thí dụ: Như ở trong biển lớn có các châu báu sanh ra. Các châu báu ấy chẳng từ 10 phương đến, lại cũng chẳng đi về 10 phương. Các châu báu ấy chẳng phải chẳng có nhân duyên sanh. Đây là do các nhân duyên phước đức của chúng sanh trong 4 châu thiên hạ mà có sanh ra; khi các nhân duyên phước đức diệt thì châu báu tự nhiên mất giá trị, mà chẳng đi về đâu cả.

Ví như khi đèn tắt, ánh sáng chẳng đi về đâu. Thân Phật cũng là như vậy, Phật từ khi sơ phát tâm đã gieo trồng vô lượng thiện căn công đức; theo các nhân duyên đó mà có thân Phật hiện ra với đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

Thân Phật chẳng tự tại. Do bản nghiệp nhân duyên của chúng sanh mà sanh. Bởi nhân duyên chúng sanh ở lâu trong tánh hữu vi phải bị vô thường tán hoại, nên chẳng thấy thân Phật. Như vậy, thân Phật khi sanh chẳng phải từ 10 đến; khi diệt cũng chẳng đi về 10 phương.

Ví như người thiện xạ bắn mũi tên lên hư không; dù bắn tên lên rất xa nhưng quyết định mũi tên rồi cũng phải rớt xuống đất. Thân Phật cũng là như vậy. Phật thành tựu thân có đầy đủ tướng tốt, có vô lượng quang minh đệ độ vô lượng chúng sanh. Nếu chẳng có chúng sanh thì Phật sẽ diệt độ.

**Hỏi:** *Do nhân duyên phước báu của chúng sanh mà ở trong biển lớn có hiện ra các thứ trân bảo. Như vậy vì sao các trân bảo lại ở dưới đáy biển, là chỗ mà chúng sanh khó đến được?*

**Đáp:** Ở trong biển lớn có các chúng sanh như rồng, như a tu la có thể lấy các trân bảo ấy. Ở trong đời ác “5 trược” cũng có các trân bảo nhưng vì chúng sanh ở nơi đó bị tâm tham ngăn che, khiến chẳng tìm được. Nếu gặp đời lành thì các trân bảo tự nhiên sanh trong nhân gian. Vì lúc bấy giờ chẳng có người tham vậy.

Ví như vào thời đức Phật Di Lặc, thì các trân bảo hiện ra đầy khắp, tựa như gạch ngói. Vì ở đời ác “5 trược” chúng sanh tham lam mà lại tiếc thân mạng; giải đãi, biếng nhác mà lại cầu được vui, nên các trân bảo hiện ra ở dưới biển sâu, khiến ít có ai tìm được. Nếu có người gan dạ, chẳng tiếc thân mạng, xuống tận đáy biển sâu thì ắt sẽ tìm được các trân bảo vậy.

Ở trong khắp 10 phương có vô lượng các đức Phật, nhưng chúng sanh giải đãi, biếng nhác, nên chẳng thấy Phật được.

-o0o-

Dù có Phật xuất thế, nhưng nếu chúng sanh còn giải đãi, biếng nhác, xan tham thì cũng chẳng sao thấy được Phật. Vì sao? Vì các pháp đều theo nhân duyên hòa hợp sanh. Chúng sanh phải hội đủ 2 nhân duyên sau đây mới dễ được độ. Đó là:

- Ở bên trong có được chánh kiến.

- Ở bên ngoài gặp được thiện duyên, như gặp chư thiện tri thức dắt dìu, chư vị pháp sư thuyết pháp cho nghe.

Dù có chư Phật, chư đại Bồ tát thuyết pháp, mà ở bên trong chẳng có được đầy đủ chánh kiến, thì cũng chẳng có



thê được độ. Ví như các trăn bảo sẵn có ở dưới đáy biển mà người giải đãi, biếng nhác chẳng sao được, khiến vẫn phải chịu cảnh nghèo túng vậy.

Ví như cây đàn “không hầu” có đầy đủ các bộ phận, mà chẳng có người đánh đàn, thì chẳng sao phát ra tiếng đàn được. Phải có đầy đủ các duyên hòa hợp mới có tiếng đàn nghe được.

Cũng như vậy, người tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ các lực phương tiện, đầy đủ các Phật pháp...; đầy đủ các nhân duyên hòa hợp mới thành Phật, mới có Phật thân. Nhưng thân Phật chẳng phải tại trong 6 pháp Ba-la-mật, mà cũng chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật.

Ví như tiếng đàn “không cầm” chẳng phải chẳng có nhân duyên mà được sanh, chẳng phải do ít nhân duyên mà được sanh. Tiếng đàn phải có đầy đủ nhân duyên hòa hợp mới sanh ra được.

Cũng như vậy, thân Phật chẳng phải chẳng có nhân duyên mà sanh, chẳng phải do ít nhân duyên mà được sanh; thân Phật phải có đầy đủ các nhân duyên hòa hợp mới sanh vậy.

Ví như có gương, có người soi gương, có ánh sáng đầy đủ, có mặt gương lau chùi sạch sẽ thì mới có bóng người ở trong gương. Nếu các duyên ly tán thì chẳng còn có bóng người ở trong gương nữa.

Cũng như vậy, nếu có đầy đủ nhân duyên hòa hợp thì Phật liền hiện. Nếu các nhân duyên ly tán thì Phật liền diệt vậy.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Này thiện nam tử! Phải nên như vậy mà quán thân Phật là chẳng có các tướng đến, tướng đi. Hết thầy các pháp cũng đều là như vậy, đều chẳng có đến, chẳng có đi.

Người nào biết các pháp tướng chẳng có tướng đến, chẳng có tướng đi, ắt sẽ được Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì người ấy được vô ngại ở nơi hết thảy các pháp vậy.

**Hỏi:** *Vì sao vị Đế Thích lại đem hoa trời mạn đà la dâng cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Vị Đế Thích ái lạc Phật đạo thường cung kính các Bồ tát, lại cũng muốn nhiếp chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo, nên mới hiện thân đem hoa trời mạn đà la dâng Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Vì thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm cầu Phật đạo, nên chư Thiên đến cúng dường Bồ tát, khiến chúng sanh thấy được mà phát tín tâm. Vị Đế Thích Thích Đề Hoàn Nhơn dẫn đạo chư Thiên đem hoa trời đến cúng dường.

Vị Đế Thích nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Thật là chưa từng thấy! Ngài đã làm lợi ích cho trăm ngàn vạn ức chúng sanh. Nay tôi đem hoa trời mạn đà la dâng ngài, để ngài cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, trước nghe danh Bồ tát pháp sư, sau thấy Bồ tát pháp sư ngồi trên pháp tòa thuyết pháp, nên đã đoạn nghi nên ngài quyết đem thân ngài cúng dường Bồ tát pháp sư.

Vị trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ noi theo gương Bồ tát Tát Đà Ba Luân, cũng đem thân cúng dường ngài.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đem thân cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, là vì Bồ tát này là đệ nhất phước điền. Như vậy*

*vì sao trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ chẳng đem thân cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, mà lại đem thân cúng dường Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Các người nữ trí hẹp hòi, mà lại nhiều chấp trước, nên chẳng muốn bỏ bỏn sư của mình để đi cúng dường một vị khác. Lại nữa, trong tâm tuy đã thanh tịnh nhưng bên ngoài vẫn còn e ngại.

**Hỏi:** *Vị trưởng giả nữ ngay khi từ già cha mẹ đi theo Bồ tát Tát Đà Ba Luân là đã thuộc về Bồ tát này rồi. Nay vì sao còn đem thân cúng dường làm gì nữa?*

**Đáp:** Lúc ban đầu từ già cha mẹ theo Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới là vì pháp cúng dường, chưa phải là thân cúng dường.

Nay thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt về pháp nghĩa thậm thâm, nên họ phát tâm hoan hỷ, tự đem thân cúng dường Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Lại nữa, hết thấy người nữ, nếu thân chẳng thuộc người nào, thì sợ bị người chê cười. Người nữ khi còn nhỏ thuộc cha mẹ; lớn lên thuộc chồng; già lại theo con. Vị trưởng giả nữ cùng đi chung với Bồ tát Tát Đà Ba Luân, nhưng chưa thuộc về Bồ tát. Bởi vậy nên nàng mới đem thân cúng dường vị bổn sư và phát nguyện rằng: “Như thầy đã được, tôi cũng sẽ được như thầy”.

-oOo-

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn đem vị trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nhưng lại sợ các vị ấy hiềm giận, nên nói: Các người đã chỉ thành muốn thuộc về tôi; tôi sẽ nhận các người.

Các người nữ đều nói: Chúng tôi đã thật chí thành.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đem các người nữ cùng 500 cỗ xe và các đồ lễ vật cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vì sao? Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn tránh sự cơ hiểm của người đời, nên đã cúng dường như vậy, chúng tỏ mình chẳng còn chấp đắm.

Lại nữa, vì ngài do nghe được tiếng dạy bảo trên hư không mà được giải thoát nên phát tâm cúng dường hết thảy nội cùng ngoại sở hữu của mình, mong được thâm nhập vào bố thí Ba-la-mật.

Vị Đế Thích biết rõ Bồ tát Tát Đà Ba Luân dù chưa sạch tham ái mà muốn xả sạch các nội ngoại sở hữu để hành bố thí, nên đã tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Bố thí như vậy thật là việc rất khó làm, ắt sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề. Các đức Phật trong quá khứ, khi hành Bồ tát đạo cũng đã an trú trong bố thí Ba-la-mật mà được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, được Vô Thượng Bồ Đề.

**Hỏi:** *Vì sao muốn cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân được thiện căn đầy đủ, được bố thí Ba-la-mật đầy đủ mà Bồ tát Đàm Vô Kiệt thọ sự cúng dường của Bồ tát Tát Đà Ba Luân? Vì sao sau khi thọ nhận xong, Bồ tát Đàm Vô Kiệt lại trả hết thảy các người nữ về cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt là bậc đại trí có đầy đủ các phương tiện khiến Bồ tát Tát Đà Ba Luân có được phước đức lớn mà chẳng mất gì cả.

Trước hết khi Bồ tát Tát Đà Ba Luân thành kính đem thân cúng dường. Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã thọ nhận, để Bồ tát Tát Đà Ba Luân đoạn sạch các tham chấp, vì cúng dường mà chẳng mong được đền đáp lại là đã đầy đủ phước đức rồi vậy.

Lại nữa, Bồ tát Đàm Vô Kiệt tư duy rằng: “Bồ tát Tát Đà Ba Luân từ phương xa đến mà chẳng tham đắm 5 dục, chẳng đắm nhiễm người xưa”.

Bởi vậy nên sau khi thọ nhận sự cúng dường chúng người nữ xong, Bồ tát Đàm Vô Kiệt liền đem chúng người nữ trao lại cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rằng chúng người nữ này trước đây đã đem thân cúng dường Bồ tát Tát Đà Ba Luân là người chẳng còn tham đắm tài vật, chẳng còn tham đắm 5 dục, chỉ nhất tâm cầu Bất nhã Ba-la-mật. Lại nữa, Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rõ chúng người nữ này, trải qua nhiều đời, đã là đệ tử của Bồ tát Tát Đà Ba Luân, nên đã đem họ trao lại cho vị bổn sư của họ.

**Hỏi:** *Các đại Bồ tát thuyết pháp chẳng có một mối. Vì sao Bồ tát Đàm Vô Kiệt lại phải vào nghi trong cung?*

**Đáp:** Chúng sanh ở trong thành Chúng Hương, mặc dù có quả báo phước đức lớn; nhưng họ cũng chẳng có thường tinh tấn nghe pháp để cầu đạo, mà lại thường nhầm chán nghe pháp, thường tham đắm 5 dục, chừ Thiên khi cúng dường cũng mong được thọ 5 dục, bỏ phế việc cầu đạo. Bởi vậy nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt y theo thế pháp mà thị hiện ngu nghi vậy. Chỉ có hàng Bồ tát trú trong thành Chúng Hương là thường tinh tấn cầu đạo, chẳng thọ dục lạc.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rõ chúng sanh trong thành Chúng Hương đã một mối, nên sau thời pháp, Bồ tát đã lui vào cung nghi vậy.

**Hỏi:** *Vì sao suốt thời gian chờ đợi Bồ tát Đàm Vô Kiệt trở lại thuyết pháp mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng dám nằm ngồi?*

**Đáp:** Vì cung kính pháp, tinh tấn cầu pháp nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: “Nếu nằm hay ngồi thì ta sẽ sanh tâm giải đãi. Khi ban đầu cầu pháp ta chẳng còn phải tiếc thân mạng, hướng nữa sợ mệt mỏi. Ta đến đây để cầu pháp, chẳng nên nằm ngồi, giải đãi”.

Người tinh tấn cầu pháp thường chẳng nằm ngồi, vì đi đứng, chẳng nằm ngồi mới làm tăng trưởng lực tinh tấn. Bởi vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân thường trú trong 2 oai nghi đi và đứng, chờ đợi Bồ tát Đàm Vô Kiệt trở ra thuyết pháp.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân có biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhập định 7 năm mới xuất định chăng?*

**Đáp:** Lúc ban đầu chưa biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt vẫn thường nhập định trong thời gian 7 năm; về sau mới biết. Thế nhưng, Bồ tát Tát Đà Ba Luân hầu thầy mà thấy thầy chưa ra nên trọn chẳng dám nằm ngồi. Đối với bậc đại nhân thì ở nơi pháp thế gian còn chẳng tự làm trái, huống nữa là vì đạo pháp.

Lại nữa, khi ban đầu cầu pháp còn chẳng tiếc thân mạng, nên nay vì pháp chờ đợi trong 7 năm, Bồ tát chẳng thấy đó là việc khó làm.

**Hỏi:** *Thân người yếu đuối làm sao có thể chịu đựng nổi 7 năm chẳng có nằm ngồi?*

**Đáp:** Những người có thọ mạng lâu dài xem 7 năm như 7 ngày.

Lại nữa, người có phước đức lớn có thể đi đứng suốt 7 năm mà chẳng thấy mệt. Ví như vị Tỷ-kheo Hiệp Tỷ năm 60 tuổi mới xuất gia mà tự thệ rằng: “Lưng tôi chẳng nằm xuống chiếu miến sao cho tôi được 6 thần thông, được chứng quả A-la-hán”.

Ở đời ác còn được như vậy, huống nữa là Bồ tát Tát Đà Ba Luân sanh vào đời lành (hảo thế).

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy thân lực yếu kém nhưng tâm lực rất dũng mãnh nên mới làm được việc khó làm như vậy. Lại nữa, do ngài nhất tâm cầu đạo nên được 10 phương chư Phật hộ niệm, ngoài ra chư vị Bồ tát cầu Phật đạo thường được chư Thiên ở bên cạnh giữ gìn và giúp thêm khí lực nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới làm được việc khó làm như vậy.

**Hỏi:** *Bồ tát Đàm Vô Kiệt vào những tam muội gì mà đến 7 năm?*

**Đáp:** Trước đây đã nói ở đời lành (hảo thế) thì thời gian 7 năm chỉ bằng 7 ngày.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt sống ở trong cung với các thể nữ có đầy đủ 5 dục vi diệu, chẳng khác gì ở cõi trời. Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ là Bồ tát tân phát ý, tâm chưa được nhu nhuyễn, nếu thấy như vậy có thể khởi tâm nghi rằng Bồ tát Đàm Vô Kiệt tuy nói Bát nhã Ba-la-mật mà tâm chưa ly dục, chưa xả sạch các dục nhiễm. Bởi vậy Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới nhập vào vô lượng tam muội, nhằm phá tâm nghi của Bồ tát Tát Đà Ba Luân, khiến phải sanh tâm quý trọng thầy vậy.

Khi Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã thấy vị thầy của mình vào vô lượng tam muội suốt 7 năm thì biết rõ thầy mình tâm và miệng tương ưng, lời nói và việc làm hòa hợp. Biết rõ như vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm tín thọ lời thầy dạy và trở nên dễ được độ hơn.

Ví như mụn nhọt khi chưa chín thì chưa có thể phá được. Phải đắp thuốc lên, chờ một thời gian cho mụn nhọt ấy chín muồi rồi mới có thể phá được vậy.

Lại nữa, vì muốn cho người thọ pháp thật sự được hưởng hiệu lực, nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới vào tam muội suốt thời gian 7 năm; sau khi xuất tam muội mới thuyết pháp.

Nên biết có 2 lối thuyết pháp: Khẩu thuyết và thân thuyết.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt vào tam muội suốt 7 năm là hiển thị thân thuyết pháp, khiến cho chúng sanh được nhiếp tâm, nhờ vậy họ mới dễ vào được thật trí huệ. Đây cũng có nghĩa là hành lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Trong suốt 7 năm chờ đợi, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có ác giác quán. Tuy chưa phá được các phiền não, nhưng ngài thường tu tập các thiện pháp nên chế ngự được các phiền não chẳng cho sanh khởi.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân ngày đêm chỉ có một niệm duy nhất “chờ ngày Bồ tát Đàm Vô Kiệt xuất tam muội, và vì mình thuyết pháp”.

Khi đã gần 7 năm, Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại nghĩ rằng: “Tôi phải vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt trải pháp tọa và quét dọn, trang trí pháp tòa cho thật trang nghiêm”.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân biết được Bồ tát Đàm Vô Kiệt sắp ra thuyết pháp?*

**Đáp:** Vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhập định có thời hạn là 7 năm. Ví như Phật Thích Ca Mâu Ni khi muốn nhập thiền định trong thời gian 1, 2, 3 tháng, hay lâu hơn thì Phật đều có bảo ngài A Nan để ngài thông báo cho cả 4 chúng biết.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tham ái pháp, cung kính, tôn trọng vị pháp sư, nên muốn trang nghiêm pháp tòa để pháp sư ra ngồi thuyết pháp. Như vậy là sau khi đã trang nghiêm tâm để chờ nghe pháp, Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại



muôn trang nghiêm pháp tòa để tỏ sự cung kính, tôn trọng vị pháp sư.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng với chúng người nữ quét dọn, lau rửa mặt đất cho sạch sẽ, thanh tịnh; các người nữ còn cõi thượng y của mình trải lên pháp tòa.

Trang trí pháp tòa xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi tìm nước rửa mặt đất, nhưng ma che giấu nước, chẳng để cho nước xuất hiện.

Vì sao? Vì mặc dù ác ma biết tâm Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã quyết định, chẳng thể lay chuyển được, nhưng vẫn tìm cách làm ngưng trệ công việc của ngài. Ác ma nghĩ rằng: “Nếu Bồ tát chẳng tìm được nước ắt sẽ sanh tạp niệm mà đã có sanh tạp niệm thì tâm cầu đạo sẽ suy yếu, thiện căn sẽ chẳng tăng trưởng, trí huệ sẽ chẳng được sáng suốt, sẽ trở ngại cho sự thành tựu Nhất thiết chủng trí. Ví như mặt trời bị mây che chẳng chiếu sáng được”.

Chẳng tìm được nước, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền cầm dao tự đâm vào thân để lấy máu rửa đất.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã tùy nguyện thành tựu được nhiều phước đức. Như vậy vì sao ác ma lại còn có thể che, chẳng cho ngài thấy nước?*

**Đáp:** Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân là tân phát ý, nên nguyện lực còn yếu. Do vậy mà ác ma có thể phá khuấy được.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghĩ rằng từ đời vô thi đến nay đã mất vô lượng thân nhưng chưa bao giờ được mất thân vì đạo pháp, nên ngài mới hành động như trên đây.

**Hỏi:** *Vì ái pháp mà tự đâm vào thân để lấy máu rửa đất. Nếu rùi chết thì làm sao nghe được pháp?*

**Đáp:** Chư Thiên, chư thiện Thần cũng như chư đại Bồ tát thường giữ gìn chẳng để cho Bồ tát phải bị thiệt thân mạng.

Khi biết chẳng thể phá hoại tâm Bồ tát được, ác ma liền tháo lui, và nước lại hiện ra.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy chỉ là Bồ tát sơ phát ý nhưng đã nhất tâm vì chúng sanh, vì Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng tiếc thân mạng. Do tín tâm vững mạnh muốn được Vô Thượng Bồ Đề nên chẳng còn sợ khổ. Lại do thương xót chúng sanh nên thường vì chúng sanh thọ khổ mà chẳng cho là việc khó làm. Ví như bà mẹ thương con, thường vì con chịu khổ, mà chẳng cho là khó.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã biết rõ ở nơi thật tướng thì các pháp đều là rốt ráo không, biết rõ thân này chỉ là giả dối, do các nhân duyên hòa hợp mà thành nên chẳng ngần ngại phá thân vì Vô Thượng Bồ Đề khiến ác ma chẳng tìm được chỗ tiện để phá hoại.

Ví như thân thể có mụn nhọt thì các độc trùng mới có thể xâm nhập vào được. Cũng như vậy, Bồ tát có tham dục, có ưu sầu thì các ác ma mới tìm được chỗ tiện để phá hoại tâm Bồ tát. Nay Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã quyết lấy máu rửa đất thì ác ma chẳng còn chỗ tiện để gây tác hại vậy.

-o0o-

Vị Đế Thích tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Lành thay, lành thay! Tâm ái pháp và cầu pháp của ông thật là chưa từng thấy. Các đức Phật trong quá khứ cũng làm như ông

hôm nay, cũng do thâm ái pháp, tôn trọng pháp, chứa nhóm các công đức mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao vị Đế Thích tán thán như vậy? Vì vị Đế Thích thấy việc làm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân rất là hy hữu. Dù Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa đoạn sạch các phiền não mà đã vì pháp cúng dường, chẳng tiếc thân mạng. Còn là Bồ tát sơ phát ý mà đã làm được như vậy, thật là đáng tôn kính.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời tán thán của vị Đế Thích, như lửa thêm dầu, càng thêm phần khởi, tự nghĩ rằng: “Bây giờ tôi còn phải tìm hoa đẹp để trang nghiêm pháp tòa. Tôi phải tìm các thứ hoa đó ở đâu đây!”.

**Hỏi:** *Nếu chẳng tìm được nước để rửa đất thì sao chẳng đi đến chỗ xa hơn để tìm nước mà phải tự lấy máu mình thay nước?*

**Đáp:** Vị Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới đến, nên chẳng biết chỗ tìm nước. Lại nữa, vì biết có ác ma che mắt mình nên nghĩ: “Tôi có thể lấy máu của tôi thay nước được”. Nghĩ như vậy nên ngài tự đâm vào thân lấy máu để rửa đất.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có cách gì để tìm hoa hay sao, mà phải băng khuâng như vậy?*

**Đáp:** Nước có thể lấy nước ở thân 4 đại thay thế, nhưng hoa thì làm sao có được. Lại nữa, Bồ tát Đàm Vô Kiệt sắp ra thuyết pháp; thời gian cấp bách chẳng có thể đi tìm hoa nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới phải băng khuâng sanh niệm nghĩ về việc đi tìm hoa như trên đây.

Vị Đế Thích biết được tâm niệm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân nên liền đem 3.000 bó hoa trời mạn đà la, đủ để Bồ tát cúng dường.

Sở dĩ vị Đệ Thích chẳng có dùng hoa đất mà dùng hoa trời vì muốn Bồ tát Tát Đà Ba Luân phát tâm hy hữu.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thọ nhận hoa xong, chia ra làm 2 phần, một phần rải xuống mặt đất và để dành một phần còn lại cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt khi ngài ra thuyết pháp. Ở cõi nước này có phong tục rải hoa xuống mặt đất để mời các vị thượng khách đi lên, biểu hiện sự cúng dường.

-o0o-

Bồ tát Đàm Vô Kiệt, từ trong tam muội ra, đi thẳng đến pháp tòa thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Hàng thính chúng gồm vô lượng trăm ngàn vạn ức trời và người doanh vây pháp tòa.

**Hỏi:** *Khi các vị đại Bồ tát nhập vào các tam muội vì diệu như vậy, có ai có thể làm cho các vị ấy xuất ra khỏi tam muội chăng?*

**Đáp:** Khi vào tam muội, các vị ấy đã tự thệ ở trong tam muội một thời gian hạn định; Suốt thời gian nhập định, tâm Bồ tát theo các tam muội mà khởi đại bi, sanh các giác quán.

Trong kinh có ghi mẫu chuyện như sau:

Có một vị Tỷ-kheo vào diệt thọ tướng định, tự kỳ hạn khi nghe tiếng chùy mới xuất định. Trong lúc vị Tỷ-kheo này đang nhập định thì tăng phòng bị lửa thiêu cháy. Các vị Tỷ-kheo khác hoảng hốt, tháo chạy, quên mất việc đánh chùy. Thời gian 12 năm sau, Tăng chúng và tín đồ muốn làm lại Tăng phòng nên đã đánh chùy để triệu tập buổi họp. Vị Tỷ-kheo nghe tiếng chùy liền xuất định nhưng vì thân đã bị thiêu rụi rồi, nên liền chết. Những người chứng kiến sự việc đã thuật lại như vậy.

Lại có thuyết nói: “Bồ tát pháp tánh sanh thân” cũng như Phật, khi vào tam muội vẫn chẳng tán loạn thô tâm, vẫn dùng các thần thông vì chúng sanh thuyết pháp, hoặc đi đến các cõi nước khắp 10 phương để độ thoát chúng sanh. Vì y theo pháp thế gian mà hiện các tướng nhập hay tướng xuất tam muội. Tuy vào tam muội vì diệt như vậy, mà Bồ tát thường xuất tam muội, dùng tâm đại bi cứu độ chúng sanh.

-o0o-

Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra con rồng lớn, có vô lượng quyến thuộc doanh vây, diễu quanh. Cũng như vậy, khi Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ trong tam muội ra có vô lượng trăm ngàn vạn ức trời và người doanh vây pháp tòa, diễu quanh Bồ tát vậy.

Đây là y theo thế đế, dùng các danh tự ngữ ngôn để khai thị cho chúng sanh thấy rõ đệ nhất nghĩa đế là tướng bất động.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân vừa thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt liền được tâm thanh tịnh, được hỷ lạc đầy khắp thân, như vị Tỷ-kheo vào đệ tam thiên vậy. Vì sao? Vì dục lạc của chúng sanh tuy chẳng được tịnh diệu mà họ đã thấy đó là niềm hỷ lạc rồi, huống nữa là khi thấy được chân công đức trang nghiêm thân.

Lại nữa, từ khi nghe tiếng chư Phật giữa hư không nói đến tên Bồ tát Đàm Vô Kiệt, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã sanh tâm ham muốn chóng được gặp pháp sư Đàm Vô Kiệt. Do nhất tâm niệm Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân ở ngay tại chỗ liền vào được các tam muội, thấy được chư Phật khắp 10 phương, và nghe chư Phật dạy rằng: “Do Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhân duyên với ông trong vô lượng đời về trước, nên nay chính Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ là bậc thiện tri thức của ông và cũng là người sẽ khai ngộ cho ông”.

Vì nghe chư Phật dạy như vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân khao khát được mau thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Cũng vì nghe như vậy mà ở dọc đường ngài quyết định bán thân để chúng sanh Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

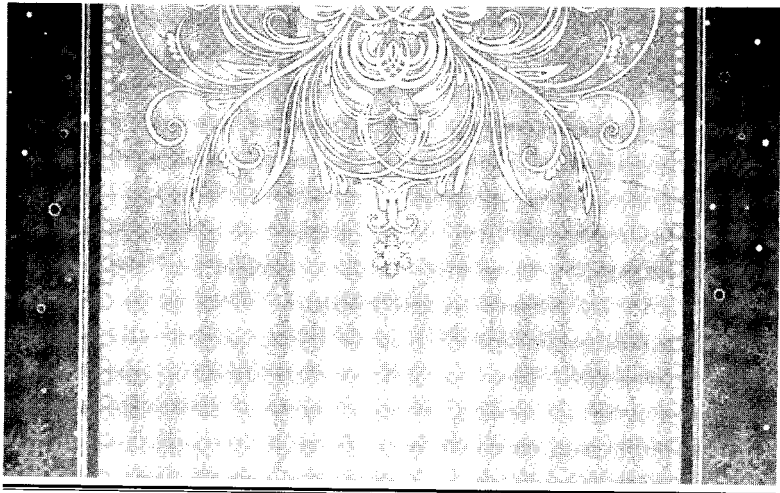
Nay ở tại thành Chúng Hương, sau 7 năm chờ đợi chẳng có nằm ngồi, sự khát ngưỡng ấy lại càng tăng lên đến tột độ. Ví như người khát nước và bị nóng nực bức bách lâu ngày, nay gặp được vũng nước đục còn vui mừng, huống nữa là gặp được suối nước trong mát, ngọt ngào, Bồ tát Tát Đà Ba Luân khát ngưỡng mong được sớm gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt cũng là như vậy.

Vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt có công đức rất lớn, nên ngay khi vừa được gặp ngài, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền sanh tâm vui mừng khôn xiết.

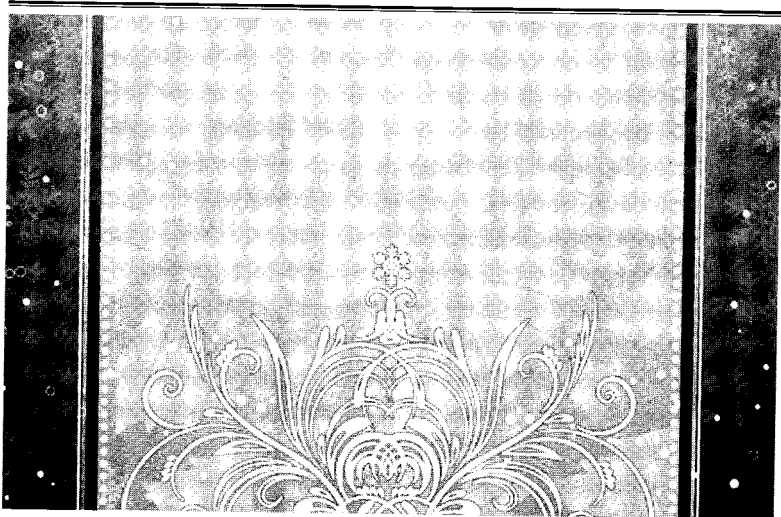
**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói đến “thượng địa định lạc” và “giải thoát lạc” mà chỉ nhắc đến “đệ tam thiên lạc”?*

**Đáp:** Vì chúng sanh ở cõi Dục nghe nói đến “Niết Bàn lạc” là vô sở hữu nên tâm chẳng có ưa; nghe nói vào đệ tứ thiên đoạn hết khổ lạc nên tâm cũng chẳng có ưa; thường chỉ ưa thích lạc ở đệ tam thiên.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân chưa vào được vi tế thâm diệu tịnh nên vừa thấy Bồ tát pháp sư liền sanh hoan hỷ tợ như vào tam thiên.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 100**







## **Phẩm Thứ Tám Mười Chín** **(TIẾP THEO)**



### **Đàm Vô Kiệt (tiếp theo)**

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt rải hoa cúng dường. Xong đầu mặt cung kính đánh lễ, rồi đứng sang một bên.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt thấy đại chúng đã ngồi xong, liền bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Nay thiện nam tử! Hãy lắng nghe và tín thọ. Nay ta vì ông nói về tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam tử! Các pháp bình đẳng nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng.

Các pháp ly, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng ly.

Các pháp bất động, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất động.

Các pháp vô niệm, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô niệm.

Các pháp vô úy, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô úy.

Các pháp nhất vị, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng nhất vị.

Các pháp vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Các pháp vô sanh, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô sanh.

Các pháp vô diệt, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô diệt.

Hư không vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Nước trong biển lớn vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Núi Tu Di trang nghiêm, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng trang nghiêm.

Hư không vô phân biệt, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô phân biệt.

Sắc vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Thọ, tướng, hành, thức vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Địa chủng vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Không chủng vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Như kim cang bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng.

**Các pháp vô phân biệt, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô phân biệt.**

**Pháp tánh bất khả đắc, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả đắc.**

**Các pháp vô sở hữu bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô sở hữu bình đẳng.**

**Các pháp vô tác, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô tác.**

**Các pháp bất khả tư nghi, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả tư nghi.**

Ngay lúc ấy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, ngay tại chỗ ngồi, liền vào được các tam muội, như: Chư pháp bình đẳng tam muội - chư pháp vô úy tam muội - chư pháp nhất vị tam muội - chư pháp vô biên tam muội - chư pháp vô sanh tam muội - chư pháp vô diệt tam muội - hư không vô biên tam muội - đại hải thủy vô biên tam muội - Tu Di Sơn trang nghiêm tam muội - hư không vô phân biệt tam muội - sắc vô biên tam muội - thọ, tưởng, hành, thức vô biên tam muội - địa chủng vô biên tam muội - thủy chủng, không chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên tam muội - như kim cang bình đẳng tam muội - chư pháp vô phân biệt tam muội - chư pháp bất khả tư nghi tam muội.

Như vậy, có đến 600 vạn tam muội.

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Như hôm nay, trong 3.000 đại thiên thế giới, giữa chúng Tỷ-kheo Tăng vây quanh, ta lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân được 600 vạn tam muội thấy 10 phương chư Phật trong 3.000 đại thiên thế giới, giữa

chúng Tỷ-kheo vây quanh cũng lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy, nên cũng thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Từ đây trở về sau, Bồ tát Tát Đà Ba Luân được đa văn, được trí huệ bất khả tư nghĩ tự như nước trong biển lớn, thường chẳng xa rời chư Phật, thường sanh vào các cõi có Phật... dẫn đến trong mộng cũng chẳng lúc nào chưa từng thấy Phật cả. Khi hết thấy các nạn đều đoạn dứt, Bồ tát này được tùy nguyện vãng sanh về các cõi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết do nhân duyên Bát nhã Ba-la-mật mà chư Bồ tát Ma ha tát thành tựu được hết thấy các công đức, được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên chư Bồ tát Ma ha tát muốn học 6 pháp Ba-la-mật, muốn thâm nhập vào trí huệ của chư Phật, muốn được Nhất thiết chủng trí, phải thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật; phải vì người rộng thuyết Bát nhã Ba-la-mật; phải biên chép kinh quyển Ba-la-mật; lại phải tôn trọng tán thán, dùng hương hoa... dẫn đến dùng kỹ nhạc cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương chư Phật. Chư Phật trong 3 đời và trong 10 phương đều tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

### **LUẬN:**

Sau khi ở tam muội ra, Bồ tát Đàm Vô Kiệt đến nơi pháp tòa mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã trang nghiêm sẵn. Khi Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã ngồi lên pháp tòa, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đến trước Bồ tát Đàm Vô Kiệt cung kính đầu mặt đánh lễ, rồi đứng sang một bên.

Có 3 trường hợp đánh lễ. Đó là:

- Cúi đầu đánh lễ.
- Quỳ gối và cúi đầu đánh lễ.
- Đầu mặt sát đất mà đánh lễ.

Gieo đầu mặt sát đất mà đánh lễ là lối đánh lễ bậc nhất, gọi là thượng lễ. Người đời thường lấy đầu làm quý, cho chân là tiện. Như vậy lấy đầu mặt của mình gieo sát đất, dưới chân người là lối cung kính đánh lễ vào bậc nhất vậy.

-o0o-

Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhìn pháp tòa quét dọn, trang trí rất trang nghiêm, biết là do người từ phương xa đến. Người ấy chẳng tiếc thân mạng, cần khổ trong mọi công việc, chỉ vì muốn được nghe pháp. Lần trước Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được gặp mặt Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nhưng 2 vị Bồ tát gặp nhau chưa được bao lâu thì mặt trời đã xế bóng và Bồ tát Đàm Vô Kiệt lui vào cung để nghỉ.

Trong lần gặp gỡ này, Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rõ Bồ tát Tát Đà Ba Luân suốt 7 năm dài chờ đợi ngày được thầy truyền pháp đã chẳng nằm ngồi, giữ tâm bất động, chẳng thối chuyển, quyết định chẳng còn nghi hối, nguyện nhất tâm kham thọ sự giáo huấn của thầy.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt thương xót Bồ tát Tát Đà Ba Luân vì pháp mà suốt 7 năm dài chờ đợi mà chẳng hề nằm ngồi, chẳng tiếc thân mạng, tự dùng dao bén đâm vào thân để lấy máu rửa đất nhằm trang nghiêm pháp tòa, nên đã vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân dạy rằng: Đây thiện nam tử! Ông hãy nhất tâm lắng nghe và tín thọ lời ta nói. Trước đây, ta đã đoạn chỗ

ngghi cho ông, khi ông muốn tìm hiểu về chỗ đến và chỗ đi của chư Phật. Nay ta muốn khai thị rõ thêm và thậm thâm Bát nhã Ba-la-mật và ta cũng sẽ vì ông nói về tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát nói tiếp: Các pháp bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng.

Vì sao? Vì nhân và quả phải tương tự nhau. Lúc ban đầu quán các pháp bình đẳng là tu nhân; khi quyết định được Bát nhã Ba-la-mật bình đẳng là được quả.

**Hỏi:** *Quán các pháp bình đẳng tức là vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, vì Bát nhã Ba-la-mật tức là bình đẳng. Như vậy cần gì phải phân biệt nhân và quả?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật cùng với các pháp tuy chỉ là nhất tướng, là chẳng phải hai, chẳng phải khác, nhưng người tu hành lúc ban đầu phải quán nhân bình đẳng, rồi sau đó mới thấy được quả bình đẳng. Như vậy, thấy hết thấy pháp bình đẳng tức là được Bát nhã Ba-la-mật bình đẳng.

**Hỏi:** *Muốn nói tướng của Bát nhã Ba-la-mật, thì sao lại nói đến nhân bình đẳng?*

**Đáp:** Vì chúng sanh chẳng thấy được tướng bình đẳng của Bát nhã Ba-la-mật, nên phải nói nhân bình đẳng trước. Nếu đã thấy nhân bình đẳng rồi, thì sẽ thấy rõ các pháp bất bình đẳng khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi chỉ là một tướng, chẳng phải hai tướng, chẳng phải khác tướng vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói hết thấy pháp chỉ là một tướng (nhất tướng), chẳng phải hai tướng, chẳng phải khác tướng thì như vậy có thể thủ cái tướng “nhất tướng” đó chăng?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, vi diệu. Nếu chẳng dùng các phương tiện diễn nói ra thì chẳng sao biết rõ được. Bởi vậy nên, trước phải phân biệt nói “bất bình đẳng” là có phiền não sanh, có 3 độc tăng trưởng, khiến có ra thương ghét, thân thù; phân biệt thương thân là thiện, ghét thù là bất thiện.

Bồ tát quán hết thấy pháp đều bình đẳng; quán thương ghét bình đẳng, thân thù bình đẳng, chẳng có sanh tâm phân biệt.

Khi đã được bình đẳng rồi thì liền mở cửa phước đức và đồng thời đóng kín các cửa thương ghét, thân thù. Bồ tát an trú trong các pháp bình đẳng như vậy nên diệt trừ được mọi sự chấp tâm, thù tướng, mọi sự phân biệt, ức tướng. Lúc bấy giờ, chỉ còn thấy các pháp bình đẳng, vô phân biệt; thấy rõ “bình đẳng” tức là “không” và “không” tức là “bình đẳng”.

Thế nhưng có người biết được các pháp là bình đẳng, là không, mà lại chấp bình đẳng, chấp không, nên chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Phải chẳng chấp tướng “bình đẳng”, chẳng chấp tướng “không”, mới rõ được chân tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có hý luận. Phải ly cả 2 bên “bình đẳng” và “bất bình đẳng” mới là chân thật tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Bình đẳng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Sao lại nói ly bình đẳng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Trong kinh nói: “Các pháp bình đẳng nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng”. Thế nhưng, người tu chẳng nên chấp cái tướng bình đẳng ấy.

Bình đẳng là tự tướng ly. Hết thấy các pháp đều là tự tướng ly. Ly có nghĩa là như tướng, là vô tướng. Trước đây đã có nói “ly tướng”, “vô tướng” tức là bình đẳng tướng.

Trong kinh nói: “Các pháp ly, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng ly”.

Nếu là ly tướng thì là trú trong không, mà trú trong không tức là trú bất động. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp thì hết thấy các pháp đều bình đẳng, bất động; các pháp hý luận bất động, các phiên não bất động... dẫn đến các pháp vô thường bất động vậy.

Trong kinh nói: “Các pháp bất động nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất động”.

Nếu là bình đẳng, là ly, là bất động, thì cũng là vô niệm. Vì sao? Vì có niệm tức là có tướng, có chấp tướng. Phải là vô niệm mới là vô tướng vậy. Trong kinh nói: “Các pháp vô niệm, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô niệm”.

Nếu là bất động thì chẳng có đến, chẳng có đi, chẳng có sanh, chẳng có diệt. Trong kinh nói: “Các pháp vô sanh, vô diệt nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô sanh, vô diệt”.

Người có hý luận thì ở giữa đại chúng mới sanh sợ hãi, chẳng rõ được Niết Bàn mới sanh sợ hãi. Người nghe nói các pháp vô sanh, vô diệt mà chẳng sanh sợ hãi là người đã vào được pháp tánh, đã được vô sanh pháp nhẫn rồi vậy. Trong kinh nói: “Các pháp vô úy, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng có vô úy”.

Khi đã vào được trong pháp tánh thì biết rõ hết thấy pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng), chỉ là một vị (nhất vị) mà thôi. Trong kinh nói: “Các pháp nhất vị nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng nhất vị”.

**Hỏi:** *Trên đã nói các pháp bình đẳng. Nay vì sao còn nói đến “nhất vị” làm gì nữa?*



**Đáp:** Trong “không” có thể có vị, có thể chẳng có vị.

Có người tu hành rồi mà còn có kiến chấp, còn chấp tâm, còn thủ tướng, còn phân biệt trừ lượng. Hạng người đó khi biết được các pháp là rốt ráo không, là rốt ráo bình đẳng, thì rất hoan hỷ, vui mừng nhưng lại lấy đó làm vị. Ví như người đang bị nóng nực bức bách mà gặp được nước được gió, thì rất hoan hỷ, vui mừng, lấy đó làm vị.

Như vậy ở nơi không mà còn chấp không thì vẫn còn có vị. Khi đã vào được nơi chân thật rốt ráo không, thì chẳng còn có vị nữa.

Nay nói đến “nhất vị” là nói Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thì chỗ duyên và chỗ quán đều đồng một vị, nên gọi là “nhất vị”.

Bồ tát ở nơi “không” có “đại không trí lực”, nên hết thấy các pháp tùy theo đó cũng đều là rốt ráo không.

Ví như trong một chảo đường phèn đang được nấu sôi, nếu bỏ những thứ đường khác vào, thì tất cả đều hòa hợp thành một vị duy nhất của đường phèn. Lại ví như nước từ trăm sông chảy dồn vào biển, đều hòa hợp với nhau và hòa hợp với nước biển để thành một vị duy nhất là vị mặn của nước biển.

Các pháp cũng là như vậy. Phạm phu thấy các pháp có khác nhau. Thế nhưng khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì tất cả các pháp đều thành một vị.

-o0o-

Chấp có tướng là chấp “hữu”, chấp chẳng có tướng là chấp “vô”.

Người tu hành khi đã vào được thật quán, thấy hết thấy các pháp là chẳng phải có, cũng là chẳng phải không, nên nói là vô tướng, là vô tướng tướng vậy.

Nếu là vô tướng thì cũng tức là vô biên. Quán như vậy nên được “vô biên Bát nhã Ba-la-mật”. Trong kinh nói: “Các pháp vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên”.

Có thuyết nói “hữu biên” là có 2 bên: bên thường và bên đoạn; bên ác và bên thiện, bên thế gian và bên Niết Bàn v.v... Khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi thì chẳng còn phân biệt có các biên như vậy nên gọi là “vô biên Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thuyết phân biệt có biên trước (tiền biên), có biên sau (hậu biên). Ví như nói thế gian vô thì là chẳng có biên trước (vô tiền biên); vào Vô Du Niết Bàn là có biên trước (tiền biên), chẳng có ra lại nữa là chẳng có biên sau (vô hậu biên) v.v...

Như vậy, người chấp thế gian, sợ Niết Bàn là người phân biệt có các biên. Trái lại, người đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng thấy có các biên, nên nói hết thấy các pháp ở nơi thật tướng là chẳng có vào ra, chẳng có đến đi vậy.

**Hỏi:** *Các pháp bình đẳng, các pháp ly đã là vô biên rồi. Như vậy cần gì phải nói riêng nữa?*

**Đáp:** Đối với người đã biết rõ các pháp là bình đẳng, là ly thì chẳng cần phải nói. Nhưng đối với những người còn chấp tướng, còn chấp một bên thì phải nói các pháp là vô biên.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt chẳng phải chỉ thuyết pháp cho một mình Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Bồ tát Tát Đà Ba Luân cũng chẳng phải chỉ vì mình mà hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Đây là vì chúng sanh có tâm hành sai khác nhau nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt phải dùng các nhân duyên thí dụ để chúng sanh thấy rõ

Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều là vô biên, như nói: “Hư không vô biên, nước trong biển lớn vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên”.

**Hỏi:** *Hư không là vô vi, là thường pháp, chẳng có thể tìm được biên bờ, nên nói là hư không vô biên. Còn biển lớn ở trong 4 châu thiên hạ bao quanh núi Tu Di; nước trong biển lớn có thể đo lường được. Vì sao lại nói nước trong biển lớn là vô biên?*

**Đáp:** Phải hiểu “vô biên” theo 2 nghĩa:

- Thật sự là chẳng có biên bờ, nên gọi là vô biên.

- Thật sự là có biên bờ, nhưng vì mênh mông, chẳng thể suy lường được, nên gọi là vô biên.

Dùng thuyền có thể vượt qua biển nhỏ; còn biển lớn quá mênh mông, chẳng có thể dùng thuyền vượt qua được, chỉ dùng thần thông mới vượt qua được, nên gọi biển lớn là vô biên vậy.

Ví dụ hàng ngoại đạo tu thiên định chỉ có thể đến các cõi trời Dục giới, Sắc giới hoặc Vô sắc giới, nên chỉ ví như người vượt qua biển nhỏ. Hàng ngoại đạo do còn chấp tâm, do chưa phá được ngã tâm nên chẳng có thể vượt qua biển lớn “3 cõi”.

Các bậc Thánh hiền đã được đầy đủ trí huệ, đã phá được các tà tướng, đã vào được thật tướng pháp, mới có thể vượt qua được biển lớn “3 cõi” vậy.

**Hỏi:** *Núi Tu Di chỉ có một sắc. Như vậy vì sao nói, “Núi Tu Di trang nghiêm”?*

**Đáp:** Trong các bộ luận Lục Túc và A Tỳ Đàm đều có nói: “Núi Tu Di ở 4 bên đều có thành 7 báu trang nghiêm. Nếu có các loài chim ở nơi khác bay đến thì đều biến thành một

sắc. Có hai anh em Long vương tên là Nan Đà và Bà Nan Đà dùng thân doanh vây trên đỉnh núi 7 vòng. Có 33 cung điện nguy nga, có thành 7 lớp gọi tên là Hỷ Kiến. Thành Hỷ Kiến có 999 cửa; ở mỗi cửa đều có 16 vị quý thần hùng mạnh, mặc y phục màu xanh, trấn giữ. Trong thành có chỗ gò cao; trên gò cao có xây cung điện gọi tên là Tội Thắng; 4 bên cung điện có 4 khu vườn. Lại có hòn núi tên là Du Càn Đà, là nơi 4 vị vua Trời (Tứ thiên vương) ở. Lại có 4 biển lớn; nơi đây có các loài a tu la cùng các Long vương dùng làm cung điện. Núi Du Càn Đà có đỉnh cao gọi tên là Cửu Bảo Sơn; có mặt trăng, mặt trời, 5 vị sao cùng 28 vị tinh tú khác doanh vây hòn núi này, tạo nên cảnh trang nghiêm, hùng vĩ. Các vật trang trí như vậy nhìn rất trang nghiêm, nhìn mãi chẳng có nhàm chán”.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có quả báo 6 pháp Ba-la-mật rất trang nghiêm. Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật mà chưa được đầy đủ thì thọ được các quả báo Chuyển luân thánh vương, Phạm vương, Đế Thích cùng các quả báo khác ở các cõi trời. Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật đầy đủ thì thọ được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật và Bồ tát địa.

Như vậy, khi chưa đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật thì có quả Chuyển luân thánh vương, các quả Thiên vương trang nghiêm; khi hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật thì có các đạo quả trang nghiêm.

Núi Tu Di, ở kiếp sơ, có gió thổi 4 bên, tụ đất lại làm thành núi. Lại có gió thổi khiến cho đất trở nên kiên cố, hóa thành các thứ trân bảo.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật do hết thảy các thiện pháp kiên cố vào bậc nhất hòa hợp mà thành.

Núi Tu Di ở 4 bên có gió mạnh ở thổi mãi; ở trong biển lớn bao quanh núi có sóng nhồi. Thế nhưng sức gió, sức sóng chẳng sao làm lay động được núi Tu Di.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật rất kiên cố. Các hàng ngoại đạo tà kiến các loài ác ma chẳng sao làm lay động được.

Trên đỉnh núi Tu Di có 4 vị trời sống trong 4 khu vườn rộng rãi. Người đến được nơi đây sẽ hưởng được các thứ diệu dụng lạc. Cũng như vậy, người hành Bát nhã Ba-la-mật đầy đủ sẽ lên được đỉnh của Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi các vườn thiên định, hưởng được thiên định lạc vi diệu.

Các loài chim khi bay đến núi Tu Di đều biến thành một sắc.

Cũng như vậy, các pháp khi vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi đều trở thành một tướng (nhất tướng), trở thành chẳng có tướng (vô tướng).

-o0o-

Ví như hư không vô phân biệt, thì trong ngoài, xa gần, tịnh uế... đều bình đẳng, vô phân biệt.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật vô phân biệt. Các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật đều vô phân biệt, nên trong ngoài, thiện ác,... đều bình đẳng. Phân biệt nói 5 âm vô biên là nói 5 âm thường có trong khắp thế gian.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật chẳng xa rời 5 âm, vì 5 âm thật tướng tức là Bát nhã Ba-la-mật.

Hết thảy các sắc pháp nếu được chia chẻ sẽ trở thành vi trần, trở thành vô phân vô lượng (chẳng thể phân, chẳng thể lượng). Như vậy các sắc pháp đều là vô hình, vô sắc, vô biên, chẳng có bờ bên này bờ bên kia (chẳng có bờ thừ).

“Vô biên Bát nhã Ba-la-mật” cũng là như vậy. Các pháp phân biệt, sắc pháp cùng vô sắc pháp, khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có biên bờ, chẳng có phân biệt.

Bởi vậy nên nói: “Sắc vô biên, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên”.

Đối với địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng cũng là như vậy.

Ví như 4 vị vua Trời Chấp Kim Cang mà chẳng có thương ghét; chỉ tùy theo chỗ dụng mà phá nát tất cả.

Cũng như vậy, các đức Phật có “nhất thiết trí tam muội” thường phá sạch các kiết sử phiền não, diệt tận các tập khí nên gọi là tam muội, đó là “Như Kim Cang tam muội”.

“Như Kim Cang tam muội” tương ứng với trí huệ, quán hết thấy các pháp bình đẳng. Bát nhã Ba-la-mật cũng quán hết thấy các pháp bình đẳng như vậy.

-o0o-

Người thế gian do bị phiền não che tâm nên phân biệt có các pháp riêng khác. Các bậc thánh, khi được Bát nhã Ba-la-mật rồi, dùng pháp “không” để phân biệt ức tướng các pháp, nên vào được 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”. Lúc bấy giờ, các ngài đã phá hết thấy các pháp tướng, nên chẳng còn ưu bi sầu khổ nữa; các ngài chẳng còn chấp các pháp tướng, vì biết rõ pháp tánh là bất khả đắc. Hết thấy các pháp đều theo nhân duyên sanh, nên chẳng có tự tánh, ngay từ căn bản là quyết định chẳng thật có. Vì các pháp đều theo nhân duyên hòa hợp sanh, nên khi các duyên chưa hòa hợp là không, khi có các duyên hòa hợp mới thành có. Như vậy là trước không, nay theo nhân duyên hòa hợp mà có, nên là chẳng có tự tánh vậy.

Các pháp theo nhân duyên sanh, tánh của các pháp là pháp tánh. Hết thấy các pháp hữu vi cũng như vô vi đều là

chẳng có tự tánh, đều là bất khả đắc. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bất khả đắc cũng tức là vô sở hữu; vô sở hữu cũng tức là bình đẳng. Vì sao? Vì “có” mới phân biệt, “không” thì chẳng có phân biệt.

Ví như hương chiên đàn khi được đốt lên thì mới phân biệt được khói của hương chiên đàn thơm; khi khói đã diệt rồi thì chẳng còn phân biệt nữa. Bởi vậy nên nói các pháp là vô tác; chúng sanh là không, các pháp cũng là không; chúng sanh và các pháp đều là vô tác.

Ví như nói lửa cháy, nước trôi, gió động, thức hay biết, v.v... thì tất cả các sự việc ấy đều là pháp; mỗi mỗi tự như có tự lực riêng, nhưng thật ra đều là vô sắc, vô hình, đều là không, là vô tác cả. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Trước đây đã nói chúng sanh là vô tác giả, nay rộng nói các pháp đều là vô sở tác cả.

Hết thấy các pháp bình đẳng là bất khả tư nghì. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều chẳng thể quyết định là thường hay là vô thường, là khổ hay là lạc, là thật hay là hư, là có ngã hay là vô ngã, là sanh diệt hay là bất sanh diệt, là ly hay là bất ly, là hữu hay là vô.

Hết thấy các pháp tuy có phân biệt sai khác, nhưng tất cả đều bất khả tư nghì. Vì sao? Vì do tâm chúng sanh ức tưởng, phân biệt mà sanh ra có các pháp. Thật ra thật tánh của các pháp vượt qua khỏi tâm lượng của chúng sanh, vượt ra ngoài danh tự ngữ ngôn. Các bậc thánh hiền chẳng có thể hành được, chẳng có thể đến được, nên gọi là bất khả tư nghì. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân ở ngay tại chỗ nghe như vậy, liền được vô lượng tam muội.

**Hỏi:** Trước đây Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã biết các pháp đều là không, là vô sở hữu. Như vậy vì sao ngài phải cần khổ suốt 7 năm chờ thấy được Bồ tát Đàm Vô Kiệt nghe thuyết pháp, mới được lợi ích?

**Đáp:** Trước đây Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các tam muội, đã thấy được các đức Phật ở khắp 10 phương, nhưng còn vì quý trọng Bát nhã Ba-la-mật, quý trọng chư Phật, nên sanh chấp tướng.

Nay sau 7 năm dài chờ đợi, được thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt vừa ra khỏi các tam muội, đã vì mình thuyết Bát nhã Ba-la-mật nên ngài mới phá được các tâm chấp, biết rõ hết thấy các pháp đều là tự tánh không, chẳng phải Bát nhã Ba-la-mật khiến cho thành không. Bồ tát Đàm Vô Kiệt nói: “Các pháp bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng là bình đẳng; các pháp ly, các pháp bất khả tư nghì v.v..., nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng ly, cũng bất khả tư nghì v.v...”. Do nghe thuyết như vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng còn khinh thường các pháp, chẳng còn chỉ quý trọng Bát nhã Ba-la-mật như trước. Vì sao? Vì chỉ quý trọng Bát nhã Ba-la-mật mà khinh thường các pháp khác là cấu chấp Bát nhã Ba-la-mật vậy. Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, đem lại phải lợi ích nhưng chẳng nên chấp tướng Bát nhã Ba-la-mật. Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn sanh tâm chấp Bát nhã Ba-la-mật thì cũng chỉ ví như vàng nấu chảy, tuy rất quý nhưng chẳng thể nhúng tay vào hay cầm nắm được. Bồ tát Tát Đà Ba Luân được sự giáo hóa của Bồ tát Đàm Vô Kiệt như vậy nên đoạn được tâm chấp Bát nhã Ba-la-mật, liền được các pháp bình đẳng và vào được vô lượng tam muội.



Mỗi câu của Bồ tát pháp sư nói ra đều có tác dụng dẹp tan tâm tán loạn của Bồ tát Tát Đà Ba Luân, chỉ còn lưu lại trí huệ “không” gọi là tam muội. Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời thầy dạy được nhất tâm, chẳng tán loạn nên trí huệ biến thành tam muội. Ví như cây đèn bị gió chẳng sao chiếu sáng tỏ được. Nếu được che kín gió, thì đèn sẽ chiếu sáng tỏ rất nhiều, tỏa ánh sáng khắp 4 bên.

Trước đây Bồ tát Tát Đà Ba Luân bị tâm dục giới làm tán loạn nên chẳng thành tựu được lực trí huệ. Sau 7 năm chờ đợi được nghe Bồ tát Đàm Vô Kiệt thuyết Bát nhã Ba-la-mật, ngài được tận phá được các phiền não, thành tựu lực trí huệ, vào được vô lượng tam muội.

Ví như nước tuy lỏng có thể trở thành những tảng băng kiên cố. Khi chưa có gió lạnh thổi đến, thì nước chưa có thể thành băng được; khi gặp gió lạnh; nước đông lại thành băng. Các tảng băng kiên cố có đủ sức gánh vác những vật nặng đặt lên trên.

Cũng như vậy, sau khi nghe Bồ tát Đàm Vô Kiệt thuyết Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được trí huệ sáng suốt, đã vào được 600 vạn tam muội, đã vào được nơi thật tướng pháp, đã thấy hết thấy các pháp đều bình đẳng, vô phân biệt. Như vậy là từ nơi tâm thiền định của Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã khởi sanh lực trí huệ. Lực trí huệ đó đã biến thành quả báo tam muội ở đời này và cả ở đời sau.

-o0o-

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Như hôm nay, giữa chúng Tỷ-kheo vây quanh, ta lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát Tát Đà Ba Luân theo Bồ tát Đàm Vô Kiệt nghe pháp, được

600 vạn tam muội nên ở trong tam muội cũng thấy được các đức Phật, ở trong khắp 10 phương, cũng lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy nên cũng thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Từ sau khi thâm ái pháp lạc, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã tu tập nhiều pháp môn, rộng học nhiều kinh nên đã được trí huệ, đa văn bất khả tư nghĩ. Cũng như A Nan, Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời thuyết pháp rồi thì liền ghi nhớ, trọn chẳng hề quên sót. Bồ tát Tát Đà Ba Luân được trí huệ, đa văn minh mông như nước trong biển lớn, nên dù ở trong thế gian mà thường chẳng ly các đức Phật. Đây là quả báo ở đời này. Khi xả báo thân, Bồ tát ấy thường sanh về các nước Phật, tu hành niệm Phật tam muội, trọn chẳng ly các đức Phật. Các nhân địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng như các nhân trời, người, a tu la đã tận diệt, nên Bồ tát ấy tùy ý vãng sanh về các cõi Phật. Đây là do thâm nhập Bát nhã Ba-la-mật, do tu tập vô lượng công đức nên Bồ tát chẳng còn tùy nghiệp dẫn sanh vậy. Ví như vị trưởng giả hào hiệp hết lập hội từ thiện này, lại lập hội từ thiện khác. Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường chư Phật, tu tập vô lượng công đức, và độ thoát vô lượng chúng sanh.

Hiện nay, Bồ tát ấy đang ở cõi nước của Phật Đại Lô Âm, tịnh tu phạm hạnh, hành Bồ tát đạo. Người muốn cầu Phật đạo phải theo như Bồ tát Tát Đà Ba Luân mà cầu.

Vì sao?

Vì người cầu Phật đạo phải giữ tâm kiên cố, chẳng lay chuyển như Bồ tát Tát Đà Ba Luân; phải biết rõ nhân duyên thành tựu hết thảy công đức là tận trừ tội cấu, giữ tâm thanh tịnh. Bồ tát tu tại gia hay xuất gia đều phải hành như vậy.

Do giữ tâm thanh tịnh mà thành tựu được hết thảy công

đức, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật; từ sơ địa lên đến thất địa được vô sanh pháp nhẫn, từ bát địa lên đến thập địa thâm nhập trí huệ Phật, được Nhất thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến thành tựu làm Phật. Lúc bấy giờ, ở nơi hết thấy các pháp đều được tự tại. Bởi vậy nên người cầu Phật đạo phải thọ trì Bát nhã Ba-la-mật; lại phải dùng hương hoa, kỳ nhạc... cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thường ái lạc “không hạnh”, do nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật mà được “vô tránh tam muội”.

Còn ngài A Nan được “văn trì đà la ni”, lại thường thân cận, thường theo hầu bên Phật, nên ở phẩm Chúc Lụy sau đây rộng nói về ngài A Nan.

-o0o-

## Phẩm Thứ Chín Mười



**Chúc Lụy**  
(Phó Chúc)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài A Nan rằng: Này A Nan! Ý ông nghĩ sao? Phật có phải là đại sư của ông chăng? Ông có phải là đệ tử của Phật chăng?

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật là đại sư của con. Đấng thiện thế là đại sư của con. Con là đệ tử của Phật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A Nan! Ta là bậc Đại sư của ông. Ông là đệ tử của ta. Nếu là đệ tử của ta, thì phải làm như chỗ ông đã làm.

Này A Nan! Ông đã dùng các nghiệp thân, khẩu, ý từ hòa cúng dường ta, cũng thường làm theo như ý của ta, chẳng có sai trái.

Này A Nan! Hiện tại ông ái kính, cung cấp cúng dường thân ta với tâm thường thanh tịnh. Sau khi ta diệt độ, tất cả sự ái kính, cung cấp, cúng dường đó ông phải dành cho Bát nhã Ba-la-mật. Nay ta đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ông.

Phật 3 phen chúc lụy như vậy.

Này A Nan! Ông chớ có quên, chớ có để mất, chớ nên làm cho hạt giống Phật đoạn mất ở đời sau.

**Này A Nan! Khi nào Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời thì phải biết thời gian ấy xem như vẫn có Phật ở đời và đang thuyết pháp.**

**Này A Nan! Nếu có người nào biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết người ấy thường chẳng rời thấy chư Phật, thường chẳng rời nghe pháp, thường thân cận chư Phật.**

-o0o-

**Phật thuyết xong Bát nhã Ba-la-mật rồi, Bồ tát Di Lặc và các Bồ tát Ma ha tát khác, các ngài Huệ mạng Tu Bồ Đề, Huệ mạng Xá Lợi Phất, Ma ha Mục Kiền Liên, Ma ha Ca Diếp, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Ma ha Câu Hy La, Ma ha Ca Chiên Diên và ngài A Nan cùng toàn thể đại chúng, gồm tất cả thế gian, trời, người, a tu la, càn thất bà, v.v... đều rất vui mừng.**

### **LUẬN:**

*Hỏi: Phật đã đoạn các pháp ái, đã được Nhất thiết chủng trí, đã được Niết Bàn, chẳng còn chấp tâm, chẳng còn thủ tướng. Như vậy vì sao Phật lại dùng các nhân duyên chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan tựa như vẫn còn chấp pháp ấy?*

**Đáp:** Các đức Phật có tâm đại từ bi, từ khi sơ phát tâm cho đến khi vào Niết Bàn, trọn chẳng xả ly chúng sanh. Ở giữa 2 cây Sa La song thọ, Phật đã nhập kim cang tam muội, phá nát thân thành xá lợi để cho chúng sanh đời sau cúng dường, huống nữa là kinh điển Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu, có nhiều lợi ích cho chúng sanh mà Phật chẳng chúc lụy lại hay sao?

Lại nữa, vì ngài A Nan chưa ly dục, chưa biết rõ Bát nhã Ba-la-mật có thể lực lớn, đem lại quả báo bất khả tư nghì, lợi ích vô cùng tận, nên Phật mới ân cần phó chúc cho ngài A Nan rằng: “Ông chớ có quên, chớ để mất, chớ làm cho giống Phật đoạn mất ở đời sau”.

Dù ở nơi các pháp chẳng còn có ghét thương (tăng ái), dù vẫn thường ở trong tướng tịch diệt, nhưng Phật cũng phải chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan để lưu truyền lại cho chúng sanh ở đời sau.

**Hỏi:** *Ngài A Nan chỉ là vị Thanh Văn. Vì sao Phật đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan mà chẳng đem chúc lụy cho Bồ tát Di Lặc và các Bồ tát Ma ha tát khác?*

**Đáp:** Ngài A Nan thường ở bên cạnh Phật, thân cận, cùng đường Phật nên được nghe tất cả những lời Phật dạy. Ngài A Nan đã được văn trì đà la ni nên một phen được nghe Phật thuyết pháp liền ghi nhớ, chẳng hề quên sót. Ngài A Nan là em của Phật, có rất nhiều người biết đến. Ngài A Nan có nhiều trí huệ, lừng danh trong khắp cả 4 chúng thường theo Phật chuyển pháp luân, thường được gọi là vị đệ tam sư, chuyên pháp luân.

Lại nữa, khi có được 6 thần thông, có được 3 minh giải thoát rồi, ngài A Nan sẽ là vị thầy của 500 vị A-la-hán.

Bởi các nhân duyên vậy, nên Phật chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan mà chẳng có chúc lụy cho các vị khác.

Nhân đây, cũng nên biết rằng ngài Xá Lợi Phất xả thọ mạng sớm, diệt độ trước Phật, nên Phật chẳng chúc lụy cho ngài. Còn Bồ tát Di Lặc cũng chư Bồ tát Ma ha tát khác, thì sau khi Phật diệt độ rồi, sẽ đi đến các cõi khác, để giáo hóa chúng sanh. Bồ tát Di Lặc sẽ lên cõi trời Đâu Suất; Bồ tát

Duy Ma Cật, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi... cũng sẽ đi đến các cõi nước mà các ngài có duyên với chúng sanh để giáo hóa họ.

Lại nữa, Phật đã biết các vị Bồ tát Ma ha tát đã thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng cần phải chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho chư vị Bồ tát Ma ha tát nữa; còn ngài A Nan là Thanh Văn, theo pháp Tiểu thừa, nên cần phải ân cần chúc lụy vậy.

**Hỏi:** *Như vậy, vì sao Phật lại đem kinh Pháp Hoa và các kinh Phương Đẳng khác phó chúc cho các vị Bồ tát?*

**Đáp:** Có thuyết nói khi Phật thuyết các pháp thậm thâm chẳng có để cho hàng Thanh Văn nghe.

Ví như khi Phật thuyết kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát, tuy lúc bấy giờ có 500 vị A-la-hán ở bên cạnh Phật mà các ngài chẳng có nghe gì hết, hoặc có nghe mà chẳng thâm nhập vào được.

Bởi vậy nên Phật phải chúc lụy các kinh đó cho hàng Bồ tát.

**Hỏi:** *Nếu nói chẳng có pháp gì thậm thâm hơn Bát nhã Ba-la-mật thì vì sao Phật lại đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan và đem các kinh khác chúc lụy cho hàng Bồ tát Ma ha tát?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật tuy thậm thâm vi diệu, nhưng chẳng phải là pháp bí mật như kinh Pháp Hoa và một số kinh Đại thừa khác.

Ví như trong kinh *Pháp Hoa* có nêu trường hợp các vị A-la-hán được thọ ký làm Phật. Các Bồ tát Ma ha tát là những người thọ trì, ứng dụng Bát nhã Ba-la-mật, mà nay Phật nói A-la-hán được thọ ký làm Phật thì đây là quả thật là pháp bí mật của Phật vậy.

Phật là bậc đại y vương nên đã có thể dùng chất độc để làm thuốc trị bệnh vậy.

Trước đây đã có nói đến 2 lối thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Vì hàng Thanh Văn mà thuyết.
- Vì hàng Bồ tát thập địa mà thuyết. Trong trường hợp này thì hàng Bồ tát cửu địa còn chẳng nghe được, huống nữa là hàng Bồ tát sơ phát ý.

Nếu nói về tổng tướng của Bát nhã Ba-la-mật thì hàng Bồ tát cửu địa... dẫn đến hàng Bồ tát sơ phát ý, cũng như Thanh Văn đều có thể nghe được. Thế nhưng tùy theo đối tượng nghe pháp mà Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật có sâu có cạn sai khác nhau.

Bởi vậy nên việc đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan cũng là hợp lý, chẳng có gì sai khác.

**Hỏi:** Trước đây ở phẩm 66, Phật nhiếp thân lực cho đại chúng thấy được cõi nước của Phật A Súc Bệ, thấy được Phật ấy đang thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Tỷ-kheo Tăng nghe và Phật đã chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan rồi. Nay vì sao ở phẩm 90 này Phật lại đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan thêm một lần nữa?

**Đáp:** Trong Bồ tát đạo phân biệt có 2:

- Bát nhã Ba-la-mật đạo.
- Phương tiện đạo.

Trước đây thuyết về thể của Bát nhã Ba-la-mật, nên Phật đã một lần chúc lụy. Nay thuyết về phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật, nên Phật lại chúc lụy thêm một lần nữa.



Ở phẩm 66 trước đây chỉ nói về thể của Bát nhã Ba-la-mật; nay nói đến phương thức sử dụng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật là chỗ mà hàng Tiểu thừa chẳng biết đến, nên phải nói riêng.

Ví như người thợ vàng dùng các phương tiện tinh vi để từ một chất vàng làm ra đồ trang sức, có tên và dụng khác nhau.

Bồ tát được thật tướng Bát nhã Ba-la-mật rồi, biết rõ hết thấy các pháp đều là không, là vô sở hữu, là tướng tịch diệt. Vì Bồ tát chẳng muốn diệt độ nên dùng các lực phương tiện tự nghĩ rằng: “Hết thấy pháp đều là tánh không, Niết Bàn cũng là tánh không. Ta nay ở nơi Bồ tát đạo chưa có được đầy đủ các công đức nên ta chớ nên vội vào Niết Bàn, bao giờ được đầy đủ các công đức rồi, ta mới nên thủ chứng Niết Bàn”. Bồ tát dùng các lực phương tiện, quán Nhị thừa địa, vào Bồ tát vị, trú trong Bồ tát vị, Bồ tát biết thậm thâm vi diệu Bát nhã Ba-la-mật là pháp chẳng có thể dùng ngữ ngôn, văn tự để diễn bày, nhưng vẫn dùng ngữ ngôn văn tự để giáo hóa chúng sanh. Bồ tát biết rõ các pháp là không, là vô sở hữu, mà vẫn trở lại trong thế gian, dùng 6 pháp Ba-la-mật cùng các thiện pháp khác, để dạy chúng sanh về pháp không. Có như vậy mới có thể thành tựu được 4 việc. Đó là: Trừ được tà kiến; trừ được nghi hối; chưa vội vào Niết Bàn; chưa vội làm Phật. Như vậy mới có thể vào trong các đạo chúng sanh, dùng các phương tiện giáo hóa họ.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật làm nhiều lợi ích cho chúng sanh, là đại pháp bảo. Phật biết rõ sau khi ngài diệt độ rồi sẽ có rất nhiều kẻ oán tặc muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật nên mới thuyết phẩm chúc lụy này, để người đời sau biết giữ gìn pháp bảo này.

**Hỏi:** *Vì sao chỉ chúc lụy, mà phải ân cần, phải trịnh trọng như vậy?*

**Đáp:** Đây là Phật muốn tùy thuận pháp thế gian, để phương tiện dẫn đạo chúng sanh.

Ví như lái buôn đường xa, trước khi lên đường phải đem các tài vật quý báu phó chúc lại cho con. Vì người con chưa biết được giá trị của các bảo vật, nên người lái buôn phải ân cần, trịnh trọng phó chúc cho con mình như vậy. Người con nghe được lời phó chúc của cha sẽ tuyệt đối tuân theo, ra sức giữ gìn các bảo vật.

Cũng như vậy, Phật chọn ngài A Nan là vị đệ tử có tín tâm kiên cố, chẳng có chút hiềm nghi để phó chúc. Vì sao? Vì nếu đem Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho người khác, chưa có được tín tâm kiên cố thì họ sẽ nghĩ rằng: “Phật tự xưng tán pháp bảo của Phật”. Do suy nghĩ như vậy, nên sanh nghi, khiến chẳng giữ vững được niềm tin.

Có thuyết nói rằng: “Ở phẩm 66 trước đây, Phật nói tịch diệt là chẳng có hý luận; nói ở trong Nhất thiết chủng trí quyết định là chẳng có pháp có thể thủ, nên nhiều người chẳng cho Bát nhã Ba-la-mật quý”. Nay Phật đem Bát nhã Ba-la-mật ân cần phó chúc, thì biết rằng mặc dù Phật chẳng có chấp pháp không, nhưng vì chúng sanh ái niệm, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật, xem Bát nhã Ba-la-mật có thâm ân đối với họ, nên mới ân cần phó chúc như vậy.

Lại có thuyết nói: “Phật muốn thể hiện trung đạo nên phó chúc”. Vì sao? Vì trước đây Phật dùng pháp “không” để ngăn sự chấp về hữu biên. Nhưng lại sợ chúng sanh đọa về chấp vô biên nên đã ân cần phó chúc nhằm phá chấp về vô biên. Như vậy là ở nơi trung đạo. Nếu có người gọi Phật là ái trước Bát nhã Ba-la-mật thì Phật đã nêu rõ các nhân duyên

nói Bát nhã Ba-la-mật là tướng không. Nếu có người gọi Phật là đọa về đoạn diệt thì Phật đã ân cần phó chúc Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy là ly cả 2 biên rồi vậy.

**Hỏi:** *Phật biết rõ ngài A Nan là đệ tử. Như vậy vì sao còn hỏi ngài A Nan rằng: “Ta có phải là đại sư của ông chăng? Ông có phải là đệ tử của ta chăng?”*

**Đáp:** Phật có nhiều đệ tử ác, như ông Tu Na Lợi Đa La có ít nhân duyên mà vẫn làm đệ tử; muốn ở trong Phật pháp mà lại làm nghề bán tên.

Phật chẳng muốn vì hạng người như vậy nói là đệ tử, vì khi có ai hỏi thì họ liền phản giới, nói rằng: “Tôi chẳng phải là đệ tử Phật”.

Lại ví như ông Tu Thi Na chỉ nghe trộm pháp mà cũng tự xưng là đệ tử.

Như vậy có nhiều người mang danh đệ tử Phật mà thật sự chẳng phải là đệ tử Phật vậy.

Lại nữa, hàng ngoại đạo nói ngài A Nan chưa được đạo, đã từng là đệ tử của họ; nay vì thường gần bên Phật, vì là thân tộc của Phật nên được làm thị giả vậy thôi.

Bởi các sự việc như vậy, nên trước đại chúng, Phật phải hỏi ngài A Nan rằng: “Ta có phải là đại sư của ông chăng? Ông có phải là đệ tử của ta chăng?”

-o0o-

Đã là chân đệ tử của Phật, thì phải tùy theo lời Phật dạy. Bởi vậy nên muốn cho đại chúng tin, ngài A Nan đáp lại: “Phật là đại sư của con, con là đệ tử của Phật”.

Phật dạy: Đúng như vậy. Nếu là đệ tử của Ta thì phải làm như chỗ ông đã làm. Ông đã dùng các nghiệp thân, khẩu và ý từ hòa, cúng dường Ta, thường làm theo ý Ta, chẳng có sai trái. Có đệ tử tâm rất tốt nhưng thân, khẩu và ý chẳng có từ hòa nên chẳng xứng đáng làm đệ tử của Ta. Có đệ tử thân, khẩu, ý từ hòa mà tâm chẳng được tốt cũng chẳng đáng làm đệ tử của Ta. Ông đã làm đầy đủ các sự việc để được xứng đáng là đệ tử của Ta.

Phật lại dạy tiếp: Hiện tại ông ái kính, cung cấp, cúng dường thân ta, với tâm thương thanh tịnh. Sau khi Ta diệt độ rồi, tất cả các sự ái kính, cung cấp, cúng dường đó ông phải dành cho Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là thầy của chư Phật. Vì sao ngài A Nan chưa cung kính, cúng dường bậc thầy của Phật mà lại cung kính, cúng dường Phật?*

**Đáp:** Ngài A Nan tuy đã được sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng chưa lậu tận nên chưa biết rõ được Bát nhã Ba-la-mật thâm sâu như Phật.

Trước hết, Phật bảo ngài A Nan rằng: “Hiện tại ông ái kính, cung cấp, cúng dường thân ta”.

Vì sao? Vì thân Phật có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp, có sắc vàng kim, có đại quang minh khiến cho mọi người trông thấy đều ái kính.

Sau đó, Phật bảo ngài A Nan rằng: “Sau khi ta diệt độ, tất cả các sự ái kính, cung cấp, cúng dường đó ông phải dành cho Bát nhã Ba-la-mật”.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu pháp, chẳng có sắc, chẳng có hình, chỉ có người trí mới hay biết. Thân Phật với các tướng tốt trang nghiêm thì kẻ ngu, người

trí đều thấy được cả; ai đã nhìn thấy được thân Phật cũng đều muốn nhìn mãi, chẳng có nhàm chán. Ở đây, Phật dùng thân Phật để dụ cho Bát nhã Ba-la-mật; khi Phật còn ở đời thì thân Phật có oai lực tự ngăn các ác ma, chẳng cho các ác ma phá hoại. Sau khi Phật diệt độ rồi, thì phải giữ gìn Bát nhã Ba-la-mật, vì khi nào Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời, thì khi đó xem như Phật còn ở đời vậy.

**Hỏi:** *Một phen chúc lụy là đủ rồi, vì sao phải căn dặn đến 3 lần như vậy?*

**Đáp:** Vì thâm ái Bát nhã Ba-la-mật, nên phải chúc lụy 3 phen.

**Hỏi:** *Nếu thâm ái Bát nhã Ba-la-mật, thì vì sao chỉ chúc lụy 3 phen mà thôi?*

**Đáp:** Pháp Phật thường chỉ nói ra chẳng quá 3 lần. Nếu quá 3 phen là chẳng theo ý của vị “Chấp Kim Cang Thần”. Ý của vị thần ấy là chẳng quá 3 phen.

Phật tùy thuận theo ý của vị thần ấy, nên chẳng có nói quá 3 phen. Nếu chỉ nói 1 lần thì chưa đủ; nếu nói quá 4 lần thì lại quá dư thừa.

Lại có thuyết nói rằng: “Tâm người lãnh thọ có 3 hạng. Người độn căn phải đến phen thứ 3 mới lãnh hội được, mới sanh được thiện tâm. Tuy rằng ngài A Nan là bậc lợi căn, nhưng vì trong chúng hội còn có nhiều vị. Thanh Văn khác chỉ cầu mong độ cho riêng mình, nên Phật vì các vị ấy mà phải nói đến 3 phen vậy”.

Khi ân cần đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan đến 3 phen như vậy, Phật muốn nói rằng: “Muốn cho Bát nhã Ba-la-mật được truyền thừa lại cho chúng sanh ở

đời sau thì ngài A Nan phải giáo hóa đệ tử; đệ tử của ngài A Nan phải giáo hóa cho bao nhiêu người khác; cứ như vậy mãi mãi truyền từ đời này sang đời khác vậy. Ví như có một ngọn đèn được thắp sáng rồi, thì ánh sáng từ ngọn đèn ấy có thể chuyển từ cây đèn này sang cây đèn khác, liên tục mãi như vậy. Chớ nên để cho sự truyền thừa Bát nhã Ba-la-mật bị đoạn tuyệt, khiến hạt giống Phật bị đoạn mất ở thế gian này”.

**Hỏi:** *Trước đây nói rằng: “Dù có nói ra Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng tăng, dù chẳng nói ra thì Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng giảm, vì tướng của Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo tịch diệt”. Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là như hư không, chẳng có ai có thể diệt được. Vì sao nay Phật lại bảo ngài A Nan: “Chớ nên để cho Bát nhã Ba-la-mật đoạn diệt”?*

**Đáp:** Tuy rằng Bát nhã Ba-la-mật là tịch diệt, là vô sanh, vô diệt, là như hư không, là chẳng có hý luận, nhưng vì lợi ích chúng sanh mà phải dùng văn tự để biên chép kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, dùng ngôn thuyết để giảng nói cho người khác nghe. Đây là nói về nhân tu, rồi sau mới nói về quả tu vậy.

Phàm phu nghe nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, liền khởi chấp tâm, thù tướng của Bát nhã Ba-la-mật, rồi phân biệt có thiện có ác, có thế gian có Niết Bàn, v.v... Vì chấp tâm nên khởi phân biệt; vì phân biệt nên khởi đấu tranh; vì đấu tranh nên khởi các nghiệp tội. Hành động như vậy gọi là diệt Bát nhã Ba-la-mật.

Phật bảo ngài A Nan: Ông phải y theo Bát nhã Ba-la-mật chớ chấp vào văn tự ngữ ngôn khi giáo hóa Bát nhã Ba-la-mật cho chúng sanh. Như vậy mới gọi là chẳng diệt Bát nhã Ba-la-mật. Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời bao nhiêu lâu thì phải biết Phật còn ở đời bấy nhiêu lâu.

Trong kinh rộng nói rằng: Phật ân cần phó chúc Bát nhã Ba-la-mật giữa đại chúng, nhưng sợ có người khởi tâm nghi, nên Phật mới thuyết riêng phẩm Chúc Lụy này, để chúng sanh biết rõ nhân duyên có Bát nhã Ba-la-mật ở đời là có Phật ở đời vậy.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương các đức Phật, là thầy của các pháp, đem lại lợi ích lớn cho chúng sanh. Bởi vậy nên nói, “Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời tức là Phật còn ở đời”.

-o0o-

Phật bảo chẳng ly Pháp bảo. Bồ tát được 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, vẫn chưa có thể được gọi là Phật. Khi được pháp bảo rồi mới được gọi là Phật. Pháp bảo nói ở đây là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

**Hỏi:** *Nếu có người phạm trọng tội, hành các nghiệp bất thiện, mà nghe được Bát nhã Ba-la-mật, nghe rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép Bát nhã Ba-la-mật, thì người ấy có thường chẳng rời thấy chư Phật, thường chẳng rời nghe pháp, thường thân cận chư Phật chăng?*

**Đáp:** Sự việc này đã được nói rõ trước đây rồi. Có 2 hạng người nghe pháp.

- Có hạng người nghe pháp mà chẳng tin, chẳng thọ hành.
- Có hạng người nghe pháp rồi, liền tin và thọ hành.

Nếu có người đệ tử nghe thầy thuyết pháp mà chẳng tin, chẳng thọ hành, thì thầy xem người ấy như là chẳng có nghe pháp.

Nếu người đệ tử nghe thầy thuyết pháp mà khởi lòng tin và tinh tấn thọ hành, thì thầy gọi người ấy là chân thật nghe pháp. Người đệ tử sau khi đã chân thật nghe pháp rồi, lại còn phải đọc tụng, chánh ức niệm, tùy theo ý Phật, xa lìa cả 2 bên mà hành trung đạo, như chỗ nghe pháp mà thọ trì, giải nghĩa, rồi vì người khác giải nói nghĩa trong kinh pháp. Ngoài ra còn phải cung kính, tôn trọng, tán thán và đem hoa hương cúng dường kinh pháp.

Nếu người đệ tử y như vậy mà hành, thì lúc ban đầu phát tâm chỉ mới được phước đức cạn mông; nhưng càng lâu phước đức thêm sâu dày, tín tâm càng thêm kiên cố, bất động.

Nếu người đệ tử nghe thầy thuyết pháp, mà đem hoa hương cúng dường kinh pháp thì cũng có được một phần phước đức.

Nếu người đệ tử là người trí, biết công đức của Bát nhã Ba-la-mật mà cúng dường, thì được phước đức rất nhiều; còn nếu là người ít trí huệ, chẳng biết được công đức của Bát nhã Ba-la-mật mà vẫn cúng dường, thì chỉ được phước đức cạn mông mà thôi.

Người nào thành tựu được phước đức sâu dày, thì khi chuyển thân cũng chẳng rời thấy chư Phật, chẳng rời nghe pháp, thường thân cận chư Phật.

Người nào chỉ có phước đức cạn mông, thì khi chuyển thân chẳng có được 3 đời phước báo, cũng chẳng đền hết các tội. Thế nhưng khi đã đền tội xong rồi, thì về sau cũng sẽ được thấy Phật, được nghe pháp, được thân cận chư Phật vậy.

Nơi đây, Phật nói rằng, “Người có phước đức thuần hậu thường chẳng rời thấy Phật, chẳng rời nghe pháp, thường được thân cận và cúng dường chư Phật. Người có phước đức



cạn mông, khi đã đền tội xong rồi cũng sẽ được thấy Phật, được nghe pháp, dần dần cũng sẽ được đầy đủ 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến cũng sẽ được làm Phật.”

Phật dùng Phật nhãn thấy Bát nhã Ba-la-mật có đại lợi ích cho chúng sanh nên mới ân cần chúc lụy như vậy.

**Hỏi:** *Chư vị đại A-la-hán đã chứng thật tế, chẳng còn có vui buồn. Như vậy vì sao các ngài còn sanh tâm đại hoan hỷ?*

**Đáp:** Chư vị đại A-la-hán tuy đã ly dục, đã vượt ra ngoài 3 cõi nhưng chưa có đầy đủ trí huệ. Nay được nghe Bát nhã Ba-la-mật, minh giải rõ ràng, nên các ngài đã đoạn trừ tâm nghi, sanh tâm đại hoan hỷ.

Lại nữa, chư vị A-la-hán đã chứng được thực tế, đã thâm nhập vào các pháp Không, vô tướng, vô tác, vô phân biệt. Nay ở nơi các pháp tướng tịch diệt, mà Phật đã khéo dùng danh tự ngữ ngôn phân biệt các pháp, rộng nói các thí dụ. Như vậy, Phật đã dung thông cả hai đế, mà chẳng hoại pháp tánh. Bởi vậy nên chư đại A-la-hán rất hoan hỷ. Phật khéo nói về các pháp Không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, vô phân biệt mà đại chúng chưa từng được nghe, nên tất cả đều hoan hỷ nghĩ rằng: “Nghe được pháp này rồi, chúng ta sẽ đoạn sạch được các nhân duyên sanh tử. Chúng ta sẽ được Phật đạo”.

Như vậy là có vô lượng nhân duyên khiến chư đại A-la-hán cùng đại chúng đều sanh tâm hoan hỷ.

**Hỏi:** *Phật đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan, bảo ngài phải giữ gìn Pháp bảo này sau khi Phật nhập Niết Bàn, đừng để cho hạt giống Phật đoạn dứt. Như vậy, vì sao trong lần kiết tập 3 tạng kinh điển do ngài Ma ha Ca Diếp chủ trì và ngài A Nan thuyết minh chẳng thấy đề cập đến Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Kinh Đại thừa thậm thâm vi diệu, khó tin, khó giải, khó hành. Khi Phật còn tại thế còn có nhiều vị Tỷ-kheo nghe kinh Đại thừa, khởi tâm nghi, chẳng tin, chẳng hiểu, nên đã đứng dậy, bỏ ra đi, huông nữa là sau khi Phật nhập Niết Bàn. Bởi vậy nên lúc kiết tập kinh điển chẳng có nói đến kinh Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lại nữa, 3 tạng chánh có đến 30 vạn bài kệ, gồm có 960 vạn lời. Pháp Đại thừa mênh mông, vô hạn lượng. Ví như Phẩm Bát nhã Ba-la-mật này có đến 2 vạn 2 ngàn bài kệ, còn Đại Phẩm Bát nhã Ba-la-mật có đến 10 vạn bài kệ. Chư vị Long vương, chư vị A tu la vương, cùng chư Thiên tăng trụ ở trong các cung điện cả ngàn vạn ức bài nữa. Vì sao? Vì Chư Thiên Long Thần thọ mạng lâu dài; tri thức và niệm lực rất vững mạnh; trái lại người đời nay thọ mạng ngắn ngủi, tri thức và niệm lực cạn mỏng. Chỉ phẩm Bát nhã Ba-la-mật này mà người thế gian còn chưa thể đọc trọn, huông nữa là đọc nhiều hơn.

Chư vị Bồ tát Ma ha tát biết về Bát nhã vô lượng, vô hạn. Vì sao? Vì chẳng phải ở nơi 1 thân mà Phật thuyết kinh này. Phật ở trong vô lượng đời, biến hóa vô lượng thân mà nói ra vô lượng pháp.

Ngoài kinh *Bát nhã Ba-la-mật* còn có rất nhiều kinh Đại thừa khác như: kinh *Bát Khả Tư Nghi Giải Thoát* có 10 vạn bài kệ; kinh *Bốn Khởi Vân*, kinh *Đại Vân* mỗi bộ có 10 vạn bài kệ; kinh *Pháp Hoa*, kinh *Đại Bi*, kinh *Phương Đẳng*, kinh *Long Vương Vấn*, kinh *A tu la Vương Vấn*, v.v... Như vậy, Đại thừa có vô lượng vô biên bộ kinh lớn, nhiều như số trần bảo trong biển lớn. Làm sao bao nhiêu bộ kinh lớn như vậy mà có thể chứa được trong 3 tạng kinh điển của loài người.

Tạng kinh điển của loài người chỉ là tạng nhỏ. Vật nhỏ có thể chứa đựng trong vật lớn, mà vật lớn chẳng sao có thể chứa đựng trong vật nhỏ vậy.

Cũng như vậy, trong pháp Tiểu thừa chẳng có pháp Đại thừa; còn Pháp Đại thừa kiêm nhiếp hết thảy pháp Tiểu thừa. Chớ nên nạn hỏi.

-o0o-

Có thuyết nói sau khi Phật diệt độ, ngài Ma ha Ca Diếp đưa các Tỷ-kheo vào trong núi Kỳ Xà Quật, kiết tập 3 tạng kinh điển. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cùng một số chư vị Bồ tát Ma ha tát đưa ngài A Nan theo để kiết tập kinh điển Đại thừa.

Lại có thuyết nói ngài A Nan thấy chí nguyện của chúng sanh có đại, có tiểu sai khác nhau, nên ngài chẳng có nói kinh Đại thừa trong chúng Thanh Văn. Nếu nói ra thì ắt phải có loạn động, có làm lạc, chẳng sao thành tựu được Đại pháp.

Phật pháp Tiểu thừa chỉ có một món, 1 vị, nhằm diệt khổ, được giải thoát.

Thế nhưng giải thoát đầy đủ phải có 2 phần:

- Tự lợi. Chỉ lợi cho mình.

- Tự lợi và tha lợi. Vừa lợi cho mình, mà còn lợi cho hết thảy chúng sanh.

Đây là nhân duyên phân biệt có Tiểu thừa và Đại thừa sai khác nhau.

-o0o-

Tuy rằng các kinh đều từ kim khẩu của Phật nói ra, nhưng y theo văn tự ngữ ngôn mà phân ra có:

- 3 tạng kinh Thanh Văn Tiểu thừa.

- 3 tạng kinh Ma ha Diễn Đại thừa.

Khi Phật còn tại thế chẳng có tên “3 tạng” mà chỉ có Tu Đa La, gồm có:

- 4 Bộ A Hàm.

Kinh Ma ha Diễn gồm có 2 phần:

- 4 Bộ A Hàm.

- Tu Đa La.

Kinh Ma ha Diễn Đại thừa gọi là Đại Tu Đa La gồm cả Tiểu thừa và Đại thừa.

Riêng 250 giới Tỷ-kheo gọi là Tu Đa La Tỳ Ni. Do có các vị Tỷ-kheo tạo tội, nên Phật mới kiết giới, ấn định việc nên làm, chẳng nên làm. Việc chẳng nên làm mà làm thì sẽ bị tội.

Luật cũng chia ra làm 2 phần:

- Ma Du La Quốc Tỳ Ni gồm luôn cả A Ba Đà Na (kinh Thí Dụ) và Xà Đà Già (kinh Bốn Sanh). Tất cả có 80 bộ.

- Phát Tân Quốc Tỳ Ni, trừ bớt A Ba Đà Na và Xà Đà Già, chỉ lược phần cốt yếu làm thành 10 bộ.

Lại có luận Tỳ Bà Sa, gồm 80 bộ.

-o0o-

Kinh *Ma ha Bát nhã Ba-la-mật* ở trong Đại Tu Đa La. Kinh này nói về các đại sự nên phải nói riêng. Vì vậy mà chẳng có trong “3 tạng”

Ngài pháp sư Cưu Ma La Thập, vào đời Tần Hoàng Thi năm thứ 3 đã đến đất Trường An ngày 20 tháng 12 năm Tân Sửu. Ở đây, sau 4 năm kiết hạ ngài đã phiên dịch kinh này sang tiếng Trung Hoa. Ngài ở trên gác có chư Thiên điếu quanh. Ngài dịch phần luận trong 7 năm 12 tháng 17 ngày mới xong.

Ở đây có dẫn các chỗ cốt yếu của kinh *Bốn Thiên*, kinh *Giới Luật*, kinh *Bách Luận Thiên pháp* giảng giải ra thành 50 vạn lời. Các lời thích luận gồm 150 vạn lời. Lúc ban đầu, phẩm thứ nhất bộ luận này có 34 quyển, giải thích 1 phẩm. Đây là gốc của toàn bộ luận.

Kể từ phẩm thứ 2 trở về sau, pháp sư chỉ lược dịch và khai giải ý văn mà thôi, chẳng phải dịch đầy đủ, chỉ dịch có 1 phần 10 thôi.

(Hết quyển 100)

**QUÝ PHẬT TỬ PHÁT TÂM ĐÁNH VI TÍNH**  
**(Bộ Luận Đại Trí Độ)**

- Đinh Ngọc Cát Kỳ
- Huỳnh Thị Mi Sinh và một số ý tá Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Q.5.
- Lê Thị Thanh Hòa
- Quách Thị Ngọc Chi
- Quách Thị Ngọc Trâm
- Tiêu Ngọc Duy
- Trần Hải Lê
- Nguyễn Văn Thuận
- Nguyễn Minh Tân
- Nguyễn Minh Thảo
- Giác Hạnh Thanh
- Giác Hạnh Đức.

**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
(trọn bộ 5 tập)  
**Thích nữ Diệu Không dịch**

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*  
**Bùi Việt Bắc**

*Biên tập:*  
**Ngô Liêm Khoan**

*Sửa bản in:*  
**Quảng Tâm & Hạnh Đức**

*Trình bày:* **Ngọc Ánh**

*Thiết kế bìa:* **Lệ Tâm**

---

In lần thứ nhất 1000 bộ, khổ 14 x 20 cm tại xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 333-2010/CXB/41-08/TĐ cấp ngày 23 tháng 02 năm 2011. In xong và nộp lưu chiểu tháng 05 năm 2011.

